

KHỔNG TỬ  
KINH THI

(TRỌN BỘ)

1

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

VĂN HỌC CỔ ĐIỂN NƯỚC NGOÀI  
VĂN HỌC TRUNG QUỐC

KHÔNG TỰ

# Kinh Thi

(THI KINH TẬP TRUYỀN)

TẬP I

*Dịch giả*

*Tạ Quang Phát*

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

*Nền văn học cổ điển Trung Quốc là một nền văn học đồ sộ, có độ dày và chiều sâu lịch sử đã ảnh hưởng sâu sắc đến bạn đọc Việt Nam mà không một nền văn hoá nước ngoài nào sánh được. Mỗi nhà văn, nhà thơ lớn Trung Quốc cũng thường là những nhà tư tưởng và nhà triết học vĩ đại không phải chỉ của phương Đông mà của cả nhân loại. Cho đến hôm nay ở bên lề của thế kỷ 21 chưa có một nhà nghiên cứu, một nhà xã hội học nào dám làm một công trình tìm hiểu ảnh hưởng của các nhà văn, các nhà tư tưởng, các nhà triết học Trung Hoa đối với các thế hệ Việt Nam chúng ta ảnh hưởng nhiều mặt tích cực và ảnh hưởng không ít mặt hạn chế.*

*Trong những nhà tư tưởng, nhà triết học lớn ấy của Trung Hoa, ảnh hưởng của Khổng tử là hết sức sâu rộng; đặc biệt là những nhà tư tưởng lớn, những nhà thơ, nhà văn, nhà khoa học Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám.*

*Với tinh thần tiếp thu những tinh hoa văn hoá của nhân loại, chúng ta vẫn lần lượt giới thiệu có chọn lọc những áng văn thơ có giá trị của các dân tộc, cổ điển cũng như hiện đại.*

*Lần này cùng với Hàn Phi tử của Hàn Phi, Đạo Đức Kinh của Lão Tử, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc "THI KINH TẬP TRUYỀN" của Khổng tử do cụ Tạ Quang Phát dịch. Bản dịch này được in trước năm 1975 tại Sài Gòn. Chúng tôi thấy đây là một bản dịch hoàn chỉnh, đầy đủ hơn bản dịch đã ra trước đây năm 1964. Cùng với bản dịch có lời dịch giả và bài giới thiệu của nhà nghiên cứu Bùi Cầm vốn*

là giáo sư Văn khoa của .. ường Đại học Văn khoa Sài Gòn. Dư luận chung cho rằng, mặc dù bản dịch còn có những hạn chế, nhất là cách nghĩ, cách nhìn có phần cứng nhắc, không được thoảng so với quan niệm cởi mở và mới mẻ bây giờ, nhưng nhìn chung đây là một công trình dịch thuật công phu, khoa học. Về những bài giới thiệu và lời nói đầu, chúng tôi đọc kỹ và thấy rằng đây là những bài viết tâm huyết, mang tính học thuật gợi cho bạn đọc một số vấn đề mà KINH THI mang lại cho tri thức mỗi người. Bản dịch này cũng đã được ông Nguyễn Xuân Tảo nguyên là Biên tập viên lâu năm về văn học cổ điển Trung Quốc (NXB Văn học ), biên tập và hiệu đính lại.

Mặc dù vậy, chúng tôi vẫn chưa dám chắc chắn rằng đây là bản dịch đã hoàn hảo, không còn những sơ sót. Chúng tôi mong được sự đóng góp của bạn đọc gần xa, trong nước cũng như ngoài nước, để lần sau, chúng tôi có điều kiện sửa chữa hoàn chỉnh hơn.

**NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG**

# MỤC LỤC

	Trang
Lời nhà xuất bản	1
Lời nói đầu	17
Lời dân nhập	20
Lời tựa của Chu Hy	32

## THƠ QUỐC PHONG

### CHU NAM

1 - <i>Quan thư</i> : Chồng nhớ vợ	39
2 - <i>Cát đàm</i> : Phận sự người vợ lo dệt vải	45
3 - <i>Quyển nhĩ</i> : Vợ nhớ chồng	49
4 - <i>Nam hữu cù mộc</i> : Chúc người quân tử	54
5 - <i>Chung tư</i> : Chúc đồng con	57
6 - <i>Đào yêu</i> : Khen thực nữ lập gia đình	59
7 - <i>Thố tư</i> : Khen người có tài cán	63
8 - <i>Phù dī</i> : Phụ nữ an nhàn đi hái trái	65
9 - <i>Hán quảng</i> : Khen phụ nữ đã trở lại đoan trang được người kính nể	68
10 - <i>Nhữ phần</i> : Vợ nhớ chồng vẫn trung thành	73
11 - <i>Lân chi chỉ</i> : Khen tặng dòng dõi của Văn vương	77

### THIỆU NAM

12 - <i>Thước sào</i> : Khen tặng con gái của chư hầu được gả lấy chồng	81
--	----

13 - <i>Thái phiền</i> : Khen tặng vợ chư hầu lo việc cúng tế	84
14 - <i>Thảo trùng</i> : Vợ quan đại phủ ở nhà một mình mà nhớ chồng	87
15 - <i>Thái tần</i> : Khen tặng vợ của quan đại phu lo việc cúng tế	92
16 - <i>Cam đường</i> : Kính giữ di tích của Thiệu Bá	95
17 - <i>Hành lộ</i> : Con gái lấy lê giữ mình mà cự tuyệt người con trai vô lê	97
18 - <i>Cao dương</i> : Khen quan lại y phục bình thường, dáng thảnh thoát tự đắc	101
19 - <i>Ấn kỳ lôi</i> : Vợ nhớ chồng mong chồng mau trở về	104
20 - <i>Biểu hữu mai</i> : Con gái lo được gả kịp thời	108
21 - <i>Tiểu tinh</i> : Phận hầu thiếp được hầu hạ vua	111
22 - <i>Giang hữu tự</i> : Vợ chính rước các hầu thiếp đi theo	113
23 - <i>Dã hữu tử khuân</i> : Lời người con gái chế diễu người yêu	117
24 - <i>Hà bỉ nùng hĩ</i> : Khen con gái nhà Chu cung kính hoà thuận đi lấy chồng	120
25 - <i>Trâu ngu</i> : Chư hầu đi săn có nhân đạo	123

## BỘI PHONG

26 - <i>Bách chu</i> : Tình cảnh người vợ cả bị bỏ rơi	128
27 - <i>Lục y</i> : Tình cảnh vợ chính bị lạnh lùng, còn hầu thiếp được thân mến	134
28 - <i>Yến yến</i> : Vợ chính thương nhớ đưa tiễn nàng hầu thiếp về quê	138

29 - <i>Nhật nguyệt</i> : Lời than thở của người vợ bị phụ phàng	143
30 - <i>Chung phong</i> : Cảnh người vợ sống với người chồng cuồng si ngây đại	148
31 - <i>Kích cổ</i> : Nỗi lòng người lính chiến phải xa cách vợ nhà	153
32 - <i>Khải phong</i> : Lời con tự trách không khéo thờ mẹ, để mẹ định đi tái giá	158
33 - <i>Hùng trī</i> : Vợ nhớ tướng đến chồng đang đi làm ở xa	162
34 - <i>Bào hữu khổ diệp</i> : Lời than của người bị gò bó tình yêu	166
35 - <i>Cốc phong</i> : Nỗi lòng người vợ bị chồng đuổi đi	171
36 - <i>Thức vi</i> : Lời của bể tội trách vua chịu hèn hạ nương tựa ở nước người	182
37 - <i>Mao khâu</i> : Kẻ lưu vong trách nước người không chịu tiếp cứu	184
38 - <i>Giản hề</i> : Lời người hiền bất đắc chí chịu một chức phận khiêm nhường	188
39 - <i>Tuyên thuỷ</i> : Nỗi lòng người con gái lấy chồng ở nước xa, nhớ nhà muốn trở về	193
40 - <i>Bắc môn</i> : Cảnh nghèo khó của quan lại thời loạn	199
41 - <i>Bắc phong</i> : Nước sấp loạn, rủ nhau di tỵ nạn	204
42 - <i>Tình hữ</i> : Lời ước hẹn tình yêu	207
43 - <i>Tân đài</i> : Nỗi lòng người con gái gặp ông chồng hèn hạ loạn luân	211
44 - <i>Nhi tử thừa chu</i> : Lời thương xót hai anh em giành nhau cái chết	214

## DUNG PHONG

45 - <i>Bách chu</i> : Lời người goá phụ thủ tiết	117
46 - <i>Tường hữu từ</i> : Chê dâm ô trong bọn vua chúa	220
47 - <i>Quân tử gai lão</i> : Tả dung sắc người đẹp mà kém đức hạnh	224
48 - <i>Tang trung</i> : Lời ước hẹn tình yêu	229
49 - <i>Thuần thi bôn bôn</i> : Lời trách kẽ loạn luân dâm ô	234
50 - <i>Đinh chi phương trung</i> : Khen vua chăm lo xây dựng quốc gia	236
51 - <i>Đế đồng</i> : Lời gái đi tìm người yêu	242
52 - <i>Tướng thủ</i> : Lời châm biếm kẽ vô lẽ thiếu uy nghi	246
53 - <i>Can mao</i> : Việc quan chức biết thăm viếng người hiền	248
54 - <i>Tái tri</i> : Lời người con gái nóng lòng về thăm nước đã mắt	253

## VỆ PHONG

55 - <i>Kỳ úc</i> : Lời khen tặng vua tiến ích việc tu thân	259
56 - <i>Khảo bàn</i> : Tình cảnh người hiền ở ẩn	266
57 - <i>Thạc nhân</i> : Tả người đẹp và quyền quý được rước dâu	269
58 - <i>Manh</i> : Lời người con gái trách người yêu phu bạc	276
59 - <i>Trúc can</i> : Nỗi lòng người con gái lấy chồng ở xa nhớ nhà	288
60 - <i>Hoàn lan</i> : Lời châm biếm vua còn nhỏ mà tự kiêu	291
61 - <i>Hà quảng</i> : Nhớ quê chồng	294

62 - <i>Bá hè</i> : Nỗi lòng nhớ chồng	297
63 - <i>Hữu hối</i> : Nỗi lòng người quả phụ muốn tái giá	302
64 - <i>Mộc qua</i> : Lời tặng đáp để kết giao với nhau	305

## VƯƠNG PHONG

65 - <i>Thủ ly</i> : Nỗi cảm xúc thời xưa đã điêu tàn	309
66 - <i>Quân tử vu dịch</i> : Nỗi nhớ chồng đi làm ở xa	314
67 - <i>Quân tử dương dương</i> : Cảnh thanh nhã khi chồng trở về xum họp	318
68 - <i>Dương chi thuỷ</i> : Nỗi lòng người lính đóng đồn nơi xa nhớ vợ	320
69 - <i>Trung cúc hữu thối</i> : Lời than thở của người vợ bị đuổi bỏ	325
70 - <i>Thố viễn</i> : Nỗi lòng người quân tử gặp thời loạn không vui sống	329
71 - <i>Cát luỹ</i> : Lời than thở của người dân trôi nổi trong thời loạn lạc	333
72 - <i>Thái cát</i> : Tưởng nhớ tha thiết tình nhân	337
73 - <i>Đại xa</i> : Đãm đuổi yêu nhau nhưng còn sợ pháp luật không dám tỏ bày	339
74 - <i>Khâu trung hữu ma</i> : Lời diễu yêu của cô gái khi tình nhân không đến	343

## TRỊNH PHONG

75 - <i>Tri y</i> : Tình nhân dân mến đãi quan hiền tài	346
76 - <i>Thương Trọng tử</i> : Bị gò bó, cô gái dặn người yêu không nên đến nhà tìm	349
77 - <i>Thúc vu điền</i> : Lời khen tặng cung Thúc Đoạn	354
78 - <i>Thái Thúc vu điền</i> : Lời khen tặng cung Thúc Đoạn đi săn bắn	357

79 - <i>Thanh nhân</i> : Tình cảnh quân đội rã rời nhụt chí chiến đấu	363
80 - <i>Cao cầu</i> : Lời khen tặng quan chức không đổi thay tiết tháo	368
81 - <i>Tuân đại lộ</i> : Người con gái trách chồng ruồng bỏ	371
82 - <i>Nữ viết kê minh</i> : Vợ thương chồng, lo phụng sự chồng được chu đáo	373
83 - <i>Hữu nữ đồng xa</i> : Tả người con gái đẹp đi chung xe	378
84 - <i>Sơn hữu phù tông</i> : Lời con gái đang yêu trêu ghẹo tình nhân	380
85 - <i>Thác hè</i> : Người con gái nhiệt tình tỏ ý mời trai cùng ca hát nhảy múa	383
86 - <i>Giảo đồng</i> : Lời đùa giỡn giữa cô gái với người yêu	385
87 - <i>Khiên thường</i> : Lời cô gái vui đùa với người yêu	387
88 - <i>Phong</i> : Cô gái hối hận không đưa người yêu	389
89 - <i>Đông môn chi thiêu</i> : Cô gái tỏ tình với người yêu	393
90 - <i>Phong vū</i> : Cô gái hả hê khi gặp người yêu	395
91 - <i>Tử khâm</i> : Cô gái mong nhớ người yêu	398
92 - <i>Dương chi thuỷ</i> : Khuyên người yêu giữ trọn niềm tin giữa hai người	401
93 - <i>Xuất kỳ đồng môn</i> : Lòng trung thành mến thương vợ	403
94 - <i>Dã hữu man thảo</i> : Trai gái gặp nhau và cung vừa lòng thích ý	406
95 - <i>Trân Vĩ</i> : Trai gái thừa dịp dạo chơi để trao ân tình	409

## TẾ PHONG

96 - <i>Kê minh</i> : Lời người hiền phi khuyên vua dậy sớm	414
97 - <i>Tuyên</i> : Lời châm biếm vua quan ham di săn mà quên việc chính trị	417
98 - <i>Trưở</i> : chàng rể chờ rước cô dâu	420
99 - <i>Đông phương chi nhát</i> : Trai gái yêu nhau hoà thuận với nhau	423
100 - <i>Đông phương vị minh</i> : Lời châm biếm quan coi giờ tính sai	425
101 - <i>Nam sơn</i> : Châm biếm bọn vua chúa anh em thông dâm	429
102 - <i>Phủ điền</i> : Lời khuyên chờ nên dục tốc thì bất đạt	434
103 - <i>Lô linh</i> : Lời khen tặng bức đi săn	438
104 - <i>Tệ cẩu</i> : Châm biếm người đàn bà loạn luân tự do trở về nhà thông dâm với anh ruột	440
105 - <i>Tái khu</i> : Châm biếm người đàn bà trở về thông dâm với anh ruột	443
106 - <i>Y ta</i> : Khen tặng Lỗ Trang công đủ tài mà không ngăn được mẹ	447

## NGUY PHONG

107 - <i>Cát cú</i> : Châm biếm người hẹp hòi hèn tiện	452
108 - <i>Phản tú nhu</i> : Châm biếm việc cần kiệm không trúng lẽ	458
109 - <i>Viên hữu đào</i> : Nỗi lo buồn của người hiểu biết đỗi với thời cuộc bấy giờ	459
110 - <i>Trắc hộ</i> : Nỗi lo buồn của cha mẹ anh em của người đi quân dịch	463

111 - <i>Thập mấu chi gian</i> : Chính trị hỗn loạn, người hiền lo trả về ở ẩn	467
112 - <i>Phat đàn</i> : Người quân tử chẳng chịu ngồi không mà hưởng	469
113 - <i>Thạc thử</i> : Dân chúng hận vua bội bạc mới bỏ đi nơi khác	474

## ĐƯỜNG PHONG

114 - <i>Tát suất</i> : Lời răn cung nên vui chơi, nhưng không nên thái quá, phải lo công việc của mình	479
115 - <i>Sơn hữu xu</i> : Ai rồi cũng chết, thì cung nên vui chơi	484
116 - <i>Dương chi thuỷ</i> : Dân chúng chở che ủng hộ người quân tử dựng nước	489
117 - <i>Tiêu liêu</i> : Khen tặng cây tốt thì trái nhiều	492
118 - <i>Trù mâu</i> : Lời trai và gái mừng rõ được thành vợ chồng	495
119 - <i>Đê đỡ</i> : Lời phiền trách của người không có anh em, không được ai giúp đỡ	499
120 - <i>Cao cầu</i> : Lời phiền trách quan lại hống hách không ưa dân	502
121 - <i>Bảo vú</i> : Dân chúng phải đi quân dịch không rảnh rang lo phụng dưỡng cha mẹ	505
122 - <i>Vô y</i> : Lời kiêu ngạo của kẻ soán ngôi vì hối lộ mà được thành chánh thức	509
123 - <i>Hữu đệ chi đỡ</i> : Vua mong hậu dãi bực hiền tài	512
124 - <i>Cát sinh</i> : Lời chung thuỷ của người vợ lính quân dịch mong nhớ chồng	514
125 - <i>Thái linh</i> : chở nghe lời gièm pha	519

## TÂN PHONG

126 - <i>Xa lân</i> : Tìm được vua đáng thờ	524
127 - <i>Tứ thiết</i> : Vua tôi hoà hiệp cùng đi săn bắn	528
128 - <i>Tiểu nhung</i> : Chinh phụ khen và nhớ chồng	532
129 - <i>Kiêm gia</i> : Đì tìm người (hiền?)	539
130 - <i>Chung nam</i> : Lời dân khen tặng vua mình	544
131 - <i>Hoàng điểu</i> : Dân thương tiếc người có tài mà bị chôn sống theo vua	547
132 - <i>Thần phong</i> : Vợ nhớ chồng vắng nhà	554
133 - <i>Vô y</i> : Bình sĩ thương nhau lo việc chiến đấu	558
134 - <i>Vị dương</i> : Tiên người cậu ra đi	562
135 - <i>Quyền dư</i> : Lời than của người hiền lần lần bị bạc đai	565

## TRẦN PHONG

136 - <i>Uyển khâu</i> : Người hoang đang múa hát vui chơi	569
137 - <i>Đông môn chi phần</i> : Trai gái tụ hợp múa hát trao ân tình với nhau	572
138 - <i>Hoành môn</i> : Người ở ẩn dễ tính sống thế nào cũng được	575
139 - <i>Đông môn chi trì</i> : Trai gái gặp nói chuyện mà hiểu lòng nhau	578
140 - <i>Đông môn chi dương</i> : Trai gái hẹn nhau mà không gặp nhau	581
141 - <i>Mộ môn</i> : Kẻ ác được cảnh cáo mà vẫn không cải hối	583
142 - <i>Phòng hữu thước sào</i> : Lo buồn vì người yêu bị kẻ khác lừa bịp	586

143 - <i>Nguyệt xuất</i> : Nhớ người đẹp mà lòng ưu sầu	589
144 - <i>Tru lâm</i> : Châm biếm vua thông dâm với vợ quan	592
145 - <i>Trạch bi</i> : Đau đớn nhớ thương mà không được gặp nàng	594

## CỐI PHONG

146 - <i>Cao cầu</i> : Thương vua không lo chính trị chỉ lo đẹp đẽ áo quần	599
147 - <i>Tố quan</i> : Mong mỏi thấy lại tang phục đời xưa	604
148 - <i>Tháp hữu trường sở</i> : Dân chúng quá thống khổ than thở sống không bằng loài cây cỏ	607
149 - <i>Phỉ phong</i> : Lòng bi thương nhớ đến nhà Chu tàn tạ	611

## TÀO PHONG

150 - <i>Phù du</i> : Ngao ngán người đời ham mê vật chất mà muốn trở về ở yên	614
151 - <i>Hậu nhân</i> : Lời châm biếm đứa tiểu nhân được vinh hạnh làm quan to	618
152 - <i>Thi cưu</i> : Khen tặng người quân tử chuyên nhất công bình đủ tài đức trị yên thiên hạ	622
153 - <i>Hạ tuyển</i> : Than tiếc nhà Chu không còn cường thịnh như thời xưa	628

## MÂN PHONG

154 - <i>Thất nguyệt</i> : Những công việc phải làm quanh năm của nhân dân	633
155 - <i>Xi hiêu</i> : Chim tận tuy lo gây dựng bão ệ cái ô qua bao cơn giông bão	656

156 - <i>Đông sơn</i> : Tình cảnh khi chinh chiến trở về	662
157 - <i>Phá phu</i> : Quân sĩ tuy khổ nhọc nhưng vẫn kính mến chủ tướng	672
158 - <i>Phạt kha</i> : Việc gì cũng có mâu rập và đường lối mà noi theo	677
159 - <i>Cứu vực</i> : Dân mến tiếc Chu công	680
160 - <i>Lang bạt</i> : Thái độ ung dung của Chu công	684

## LỜI NÓI ĐẦU

Con người từ mấy ngàn năm qua đến nay có thay đổi về vật chất, còn về tính tình vẫn mãi mãi như nhau. Con người vẫn là con người. Kinh Thi đã chứng minh điều ấy.

Đời nào cũng vẫn nghe nói về tình duyên hoặc chánh đáng, hoặc loạn dâm, hoặc phụ phàng bì thiết.

Thời nào cũng vẫn nghe những tiếng thở than lúc xa cách mà nhớ nhung, lúc bị gièm pha mà cay đắng, hoặc những tiếng oán hờn việc chiến tranh cơ cực, việc quân vương bận rộn, việc tử biệt sinh ly, việc loạn lạc khổ sở. Trách người rồi lại trách trời.

Cũng có lúc người ta nghe được những lời ca tụng cảnh thăng bình, của vợ chồng tương đắc, cảnh vua tôi thân thiết, cảnh yến tiệc vui say, cảnh đồng áng được mùa nhà nông mừng rỡ.

Đọc Kinh Thi, chúng ta nghe lại được tất cả những tâm tình hoặc réo rắt, hoặc chân thành, hoặc nghiêm trang, hoặc lời lả qua những lời thơ hàm súc gọn gàng.

Tìm hiểu Kinh Thi, chúng ta biết được những phong tục và lịch sử của đương thời và lòng phản ứng của nhân dân đối với triều đình, vua hoang dâm tàn bạo, quan tham lam hè khắc.

Vì thế, Kinh Thi được coi như một tấm gương để muôn thuở soi chung. Lấy việc chính đáng đức nhân mà tu thân, lấy việc dâm tà lợi lả mà răn mình xa lánh.

Sách Xuân thu thường dẫn Kinh Thi làm gương mẫu. Sách Đại học, Trung dung, Luận ngữ và Mạnh tử đều dẫn Kinh Thi làm bằng chứng.

Người xưa đọc Kinh Thi để hiểu lòng người, để biết những cây cối cỏ hoa, những côn trùng, chim, thú, những núi sông đồ ấp.

Vì thế, Kinh Thi đã ăn sâu vào lòng người, để các bậc tiên nho thi bá của nước ta khơi nguồn cảm hứng, thốt nên những câu thơ bất hủ tài tình.

“Sầu dong càng lắc càng đầy”

“Ba thu dồn lại một ngày dài ghê...”

Trong **Kim Vân Kiều** của **Nguyễn Du** là ý của câu Kinh Thi “**Nhất nhật bất kiến như tam thu hế**” của thiên **Thái cát** (Bài thứ 72)

“Nương song luống ngắn ngơ lòng”

“Vắng chàng điểm phán trang hồng với ai?”

Trong **Chinh Phụ ngâm khúc** của **Đoàn Thị Điểm** là ý của câu Kinh Thi “**Thuỳ đích vi dung?**” của thiên **Bá hế** (Bài thứ 62)

Hơn thế, tiếng kiết cú của ta có nghĩa là hà tiện hẹp hòi cũng là do tên thiên **Cát cú** (bài thứ 107) của Kinh Thi mà ra.

Vì thế Kinh Thi đã trở nên quan trọng vào bậc nhất đối với thi ca và văn hoá của ta.

Dịch ra thơ văn, chúng tôi chọn ba thể: lục bát, song thất lục bát, lục bát gián thất.

Chúng tôi cố gắng sao cho trọn nghĩa và êm tai đúng với nguyên văn. Còn thơ văn dịch ra hay hoắc dở, thật chúng tôi không dám tự phê bình.

Và nếu phiên dịch có chỗ nào sai ý, hoặc vì vô tình hay vì tôi nghĩa, chúng tôi thành thật xin học thêm ở các bậc túc

nho vui lòng chỉ dạy cho, để chúng tôi sửa chữa trong kỳ tái bản.

Bản dịch bộ Kinh Thi được in ra làm ba quyển: quyển thượng, quyển trung và quyển hạ.

Quyển thượng có 160 thiên gồm thơ Quốc phong (chính phong và biến phong) của những nước Chu nam, Thiệu nam, Bội, Dung, Vệ, Vượng, Trịnh, Tề, Nguy, Đường, Tân, Trần, Cối, Tào, Ban.

Quyển trung có 81 thiên gồm thơ Tiểu nhã

Quyển hạ có 70 thiên, gồm thơ Đại nhã và thơ Tụng (Chu tụng, Lỗ tụng và Thương tụng).

Ấn loát ắt không khỏi việc in lầm vì sửa không kỹ, chúng tôi mong Quý độc giả tha thứ cho, chúng tôi trân trọng cảm tạ.

**Dịch giả cẩn chí**

**TẠ QUANG PHÁT**

# LỜI DẪN NHẬP

## TÌM HIỂU KINH THI

Giáo sư BỬU CẨM

### I. NGUỒN GỐC KINH THI

Kinh Thi là một bộ sách gồm có những câu ca dao rất cổ của Trung Hoa. Ngày xưa, Thiên tử cứ năm năm đi tuần thú một lần và ra lệnh cho quan Thái sư hiến dâng ca dao để xem phong tục của dân. Thiên Nghệ văn chí trong Hán thư chép: "*Cỗ hữu thái thi chi quan, vương giả sở dĩ quan phong tục, tri đắc thất.*" (nghĩa là: Xưa có chức quan phụ trách việc đi nhặt ca dao; bậc vương giả lấy đó mà xem xét phong tục, biết được sự đắc thất về chính trị). Trong *Thi tập truyện*, Chu Hy cũng luận về Quốc phong như thế này: "*Quốc giả, chư hầu sở phong chi vực, nhi phong giả, dân tục ca dao chi thi dã. Vị chi phong giả, dĩ kỳ bị thương chi hoá dĩ hữu ngôn, nhi kỳ hựu túc dĩ cảm nhân, như vật nhân phong chi động dĩ hữu thanh, nhi kỳ thanh hựu túc dĩ động vật dã. Thị dĩ chư hầu thái chi dĩ cống ư Thiên tử, Thiên tử thụ chi nhi liệt ư nhạc quan, ư dĩ khảo kỳ tục thương chi mỹ ác, nhi tri kỳ chính trị chí đắc thất yên.*" (nghĩa là: Quốc là chỉ lĩnh vực phong cho chư hầu; phong là gọi chung các bài thi ca trong dân gian. Gọi rằng phong là chỉ lời dân phát ra bởi chịu sự

cảm hoá của người trên, mà lời ấy lại đủ để cảm người, như vật nhân có gió mà động và phát ra tiếng, rồi tiếng ấy trở lại làm rung động vật. Bởi thế nên chư hầu nhặt những thi ca ấy để hiến Thiên tử, Thiên tử tiếp nhận và liệt vào nhạc quan, lấy đó để xét phong tục tốt xấu, biết việc chính trị nên hư).

Theo mấy lời dẫn trên thì những bài ca dao trong Kinh Thi đã được các nhà cầm quyền ở Trung Quốc ngày xưa sưu tập trước đời Khổng tử. Nguyên nhan đề sách ấy là *Thi* chứ không có chữ *Kinh*; người sau thêm vào chữ *Kinh* là vì cho rằng sách đó đã được Khổng tử san định thật có san định Kinh Thi hay không? Đó là một vấn đề mà chúng ta phải đưa ra thảo luận.

Thiên *Khổng tử thế gia* trong *Sử ký* của Tư Mā Thiên có chép: “*Tụng Tam bách ngũ thiên, Khổng tử giai huyền ca chi, dĩ cầu hợp Thiều, Vũ, Nhã Tụng chi âm.*” (nghĩa là: Khổng tử đã đem ba trăm lẻ năm thiên trong Kinh Thi ra mà dàn ca để cho hợp với âm thanh của Thiều, Vũ, Nhã, Tụng). Thiên *Tử hân* trong *Luận ngữ* cũng có dẫn lời Khổng tử: “*Ngô tự Vệ phản Lỗ, nhiên hậu nhạc chính, Nhã Tụng các đắc kỳ sở.*” (Ta từ nước Vệ trở về nước Lỗ, nhiên hậu nhạc mới được chỉnh đốn lại. Nhã Tụng được đặt đúng chỗ).

Thế là Khổng tử đã từng nghiên cứu âm nhạc và đem thi ca phổ thành nhạc khúc. Việc Khổng tử san định *Kinh Thi* cũng có thấy chép trong thiên *Khổng tử thế gia* sách *Sử ký*: “*Cổ giả Thi tam thiên dư thiên, cập chí Khổng tử, khứ kỳ trùng, thủ khả thi ư lê nghĩa, thượng thái Tiết, Hậu Tắc, trung thuật Ân Chu chi thịnh, chí U Lệ chi khuyết... tam bách ngũ thiên.*” (nghĩa là: Ngày xưa, Thi có hơn ba ngàn thiên, Khổng tử san khứ phần trùng phúc, chỉ lấy những thiên hợp với lê nghĩa, trước nhặt các bài từ đời Tiết, Hậu Tắc, kế đến các bài thuật sự hưng thịnh đời Ân, Chu, sau là các bài nói về sự khuyết điểm của U vương và Lệ vương...).

Gồm có ba trăm lẻ năm thiên). Thiên Nghệ văn chí trong Hán thư cũng có đề cập việc Khổng tử san định Kinh Thi: “Khổng tử thuần thủ Chu thi, thương thái Ân, hạ thủ Lỗ, phàm tam bách ngũ thiên.” (nghĩa là: Khổng tử chọn lấy thi ca đời Chu, từ những bài của nước Ân đến những bài của nước Lỗ. Phàm ba trăm lẻ năm thiên). Lục Đức Minh trong Kinh điển thích văn cũng viết: “Khổng tử tối tiên san lục, ký thủ Chu, Thương kiêm thương tung, phàm tam bách thập nhất thiên.” (nghĩa là: Khổng tử san lục Kinh Thi, trước hết chọn lấy những bài về đời Chu, lại lấy cả những bài Thương tung, phàm ba trăm mười một thiên).

Người ta thường vin vào các thuyết trên này để cho rằng Khổng tử có san định Kinh Thi. Tuy nhiên có một số học giả như Khổng Dĩnh Đạt, Trịnh Tiều, Chu Hy, Chu Di Tôn. Thôi Thuật, v.v., vẫn còn hoài nghi việc đó, là vì Khổng tử không bao giờ nói đến việc mình san định Kinh Thi. Vả lại xưa kia, Thi có hơn ba ngàn thiên, nhưng Khổng tử chỉ chọn lấy ba trăm lẻ năm thiên, tức là bỏ đi chín phần mười, thì chẳng khác gì đã phá hoại một kho tàng văn học phong phú cổ thời vậy. Hơn nữa, Sử ký của Tư Mã Thiên tuy có nói đến việc Khổng tử san Thi nhưng đồng thời cũng cho ta biết rằng: Trong thời Khổng tử, thi ca xưa bị tàn khuyết rất nhiều. Vì thế cho nên trong Độc phong ngẫu chí, Thôi Thuật đã biện minh việc Khổng tử san Thi như sau: “Khổng tử san thi, thực ngôn chí? Khổng tử vị thường tự ngôn chí dã, Sử ký ngôn chí nhỉ Khổng tử viết: Trịnh thanh dâm thị Trịnh đa dâm thi dã. Khổng tử viết: Tung Thi tam bách, thị Thi chí hữu tam bách, Khổng tử vị thường san dã. Học giả bất tín Khổng tử sở tự ngôn, nhỉ tín tha nhân chí ngôn, thậm hy kỳ khái dã!” (Nghĩa là: Ai bảo Khổng tử có san định Kinh Thi? Việc đó thấy chép trong Sử ký chứ Khổng tử chưa khi nào nói đến. Khổng tử nói: “Tiếng nước Trịnh dâm” ấy là nước Trịnh có nhiều thi ca dâm dật. Khổng tử nói: Đọc Thi ba trăm thiên, ấy là Thi chỉ có ba trăm thiên chứ Khổng tử chưa từng san

định. Học giả không tin lời Khổng tử mà tin lời người khác, thật là điều rất quái gở! )

Căn cứ vào những lời biện luận trên đây, chúng ta có thể tin rằng: Những bài thi ca xưa đến đời Khổng tử bị tàn khuyết rất nhiều, chỉ còn lại chừng hơn ba trăm thiên. Nếu Khổng tử có chính lý Kinh Thi, cũng chỉ bỏ bớt những câu, những chữ tối nghĩa hoặc rườm rà, chứ không phải chọn lấy một phần mười như Tư Mã Thiên đã nói.

## II. NỘI DUNG KINH THI

Kinh Thi gồm có ba trăm mươi một thiên. Trong số đó, chỉ có ba trăm lẻ năm thiên là đầy đủ, còn sáu thiên kia có đề mục nhưng không có lời. Sáu thiên ấy là: Nam cai, Bạch hoa, Hoa thủ. Do canh, Sùng khâu và Do nghi. Có thuyết cho rằng lời thơ của sáu thiên đó bị vong thất bởi ngọn lửa nhà Tần. Nhưng theo Trịnh Tiêu trong *Thi biên vọng*, sáu thiên ấy vốn không có lời, chỉ có nhạc.

Về đời Hán, có bốn bản *Kinh Thi* xuất hiện<sup>(1)</sup> nhưng còn truyền đến nay là bản của Mao công (tức Mao Hanh và Mao Trường)毛亨毛長

Mao thi<sup>(2)</sup> gồm có ba phần như sau:

<sup>(1)</sup> *Đời Hán sơ*, ngoài Mao công có ba nhà chú giải Kinh Thi là Thân Bồi 申培 (trang 20), người nước Lỗ; Viên Cố Sinh 輞固生, người nước Tề; Hàn Anh 韓嬰, người nước Yên. Bản của Thân Bồi gọi là *Lỗ Thi*, bản của Viên Cố Sinh gọi là *Tề Thi*, bản của Hàn Anh gọi là *Hàn Thi*. Ba bản này là kim văn, còn bản của Mao công là cổ văn. Sau Tề Thi mất về đời Ngụy, Lỗ Thi mất về đời Tần, Hàn Thi mất về đời Ngũ đại, chỉ có Mao Thi còn truyền đến ngày nay.

<sup>(2)</sup> *Truyện Nho lâm* trong Sử ký chỉ nói đến ba nhà truyền Kinh Thi đời Hán sơ là Thân Bồi, Viên Cố Sinh và Hàn Anh, chứ không đề cập Mao công. Thiên Nghệ văn chí trong Hán thư mới kể đến Mao Thi và Mao Thi có huấn truyền (Mao Thi do Lưu Hâm 劉歆) phát kiến. Hán chí phần nhiều căn cứ vào thiên *Thất lược* của Lưu Hâm, nhưng không chép rõ tên thật của Mao công và cũng không phân biệt Tiểu Mao công và Đại Mao công. Những tên Đại Mao công (Mao Hanh) và Tiểu Mao công (Mao Trường) thấy

**A - Quốc phong.** Quốc phong là những bài ca dao của dân các nước chư hầu, đã được nhạc quan sưu tập. Quốc phong có 160 thiên, chia làm 15 quyển, mỗi quyển một nước, gồm có:

1) *Chính phong*: Chu nam và Thiệu nam.

2) *Biển phong*: Bội phong, Dung phong, Vệ phong, Vương phong, Trịnh phong, Tề phong, Ngụy phong, Đường phong, Tân phong, Cối phong, Tào phong, Mân phong.

**B - Nhã.** Nhã nghĩa là chính đính, gồm những bài hát ở nơi triều đình. Nhã chia ra làm hai phần:

1) *Tiểu nhã*: Những bài dùng trong những trường hợp không quan trọng lắm như các buổi yến tiệc (74 thiên)

2) *Đại nhã*: những bài dùng trong những trường hợp quan trọng như khi Thiên tử họp các vua chư hầu hoặc tế ở miếu đường (31 thiên).

**C - Tụng.** Tụng nghĩa là ngợi khen, gồm những bài ca tụng các vua đời trước và dùng để hát ở chốn miếu đường. Tụng có tất cả 40 thiên, chia làm:

1) *Chu tụng*, 31 thiên;

2) *Lỗ tụng*, 4 thiên;

3) *Thương tụng*, 5 thiên.

Trong *Kinh Thi* có lục nghĩa là: *Phong*, *Nhã*, *Tụng*, *Phú*, *tỷ*, *hứng*. Thiên *Xuân quan* trong *Chu Lễ* chép: *Thái sư giáo lục thi*: viết *Phong*, viết *phú*, viết *tỷ*, viết *hứng*, viết *Nhã*, viết *Tụng* (nghĩa là: Quan Thái sư dạy sáu thi là: *Phong*, *phú*, *tỷ*,

---

chép trong *Thi phổ* của Trịnh Huyền. Bản Mao Thi còn truyền đến nay, do Trịnh Huyền tiên và Khổng Dĩnh Đạt scribe, nguyên là sách Mao Thi cổ huấn truyền đã kể trong Hán thư. Trong *Thi kinh thông luận*. Bi Tích Thuy lại ngờ rằng họ Mao chưa từng chú giải *Kinh Thi*, vì nếu việc ấy có thật thì có sao tác giả bộ *Sử ký* không nói tới. Đời Thanh, Trần Hoán có soạn bộ *Thi Mao thi* truyền scribe 30 quyển, đã xiển phát được vì ngôn đại nghĩa của cổ nhân và chú thích khá đầy đủ.

hứng, Nhã, Tụng). *Phong, Nhã, Tung* là trứ bộ phận của âm nhạc, còn phú, tỷ, hứng túc là thể của *Phong, Nhã, Tung*.

Chu Hy cho rằng đại để *Phong* là thi ca trong dân gian. *Nhã* là thi ca của triều đình. *Tụng* là thi ca dùng nơi tông miếu<sup>(1)</sup>. Theo sự nhận xét của Trịnh Khang Thành thì: *Phong* là nói về di hoà của thánh hiền; *Nhã* nghĩa là chính, tức là những lời chính đính khả dĩ làm khuôn phép cho đời sau; *Tụng* nghĩa là tụng đọc hoặc bao dung để khen ngợi cái đức rộng lớn của tiên vương<sup>(1)</sup>. Lương Khải Siêu đã bàn về vấn đề ấy với một quan niệm mới mẻ: *Phong* chỉ có thể đem ra ngâm đọc chứ không hát được, *Nhã* là những bài hát rất phổ thông về đời *Chu*, *Tụng* vốn nghĩa là dung (dung mạo) cho nên có thể đem ra hát và múa theo âm điệu ấy; nếu xét theo văn thể đời nay thì *Phong* là dân ca, *Nhã* là ca từ trong Nhạc phủ, *Tụng* là kịch bản<sup>(1)</sup>. Nhưng Trình Đại Xương và Cố Viêm Vũ đã ngờ rằng ngày xưa không có danh từ *quốc phong*, hai chữ này do người sau hiểu sự đặt ra<sup>(1)</sup>.

Ba thể *phú*, *tỷ*, *hứng* là nói về kỹ thuật làm thơ. Chỉ rõ tên, nói rõ việc, ấy là thể *phú*. Thấy việc hư hỏng đương thời mà không dám nói rõ, phải dùng phép so sánh kín đáo để phúng thích, ấy là thể *tỷ*. Mượn vật để nói nên lời là thể *hứng*. Sự bất đồng giữa *tỷ* và *hứng* do ở điểm này: thể *tỷ* chỉ lấy vật để làm tỷ dụ chứ không nói rõ ý chính, thể *hứng* thì trước hết dùng phép tỷ dụ rồi tiếp theo đó lại nói rõ ý chính ra.

Thể là nội dung *Kinh Thi* gồm có ba phần lớn (*Phong, Nhã, Tung*) và ba thể (*phú*, *tỷ*, *hứng*) mà cổ nhân đã gọi là sáu nghĩa của *Kinh Thi*. Riêng về *Phong, Nhã, Tung*, tuy có những định nghĩa khác nhau, tuy theo quan điểm của

<sup>(1)</sup> Xem Tường Tổ Di 將祖怡 *Thi ca văn học toàn yếu*. Đài Bắc, Chính trung thư cục ấn hành, 1953, tr. 30

mỗi học giả, nhưng ta phải thừa nhận cách phân loại trong *Mao Thi* là tương đối hợp lý.

### III. ĐỊA VỰC THỜI ĐẠI VÀ TÁC GIẢ KINH THI

*Kinh Thi* là kết tinh của nền văn học miền bắc Trung Quốc cổ thời. Những nước Tần, Vương, Bân thuộc vùng Thiểm Tây, Hà Nam, Cam Túc ngày nay; Đường thuộc tỉnh Sơn Tây ngày nay; Ngụy ở giữa khoảng Sơn Tây và Hà Nam ngày nay; Bội, Dung, Vệ, Trịnh, Trần, Cối đều ở về vùng tây nam tỉnh Hà Bắc và một phần tỉnh Hà Nam bây giờ. Văn hoá Trung Quốc phát đạt trước tiên tại miền Hoa Bắc mà *Kinh Thi* là một bằng chứng cụ thể.

Vấn đề thời đại *Kinh Thi*, đến nay, người ta vẫn còn bàn cãi. Theo *Thi tự*<sup>(1)</sup>, *Thương tung* là tác phẩm đời Thương, và trong *Kinh Thi* có lẽ *Thương tung* là xưa nhất. Những thiên *Tống thế gia* trong Sứ ký lại nhận rằng *Thương tung* là nhạc chương của nước Tống. Vương Quốc Duy 王國維, lúc khảo chứng về *Thương tung* cũng nhận thấy: "Trong *Thương tung* có kể việc đẽn cây ở Cảnh sơn để dựng tông miếu; Cảnh sơn gần kinh đô nước Tống và xa kinh đô nhà Thương; xem thế đủ biết lời thơ trong *Thương tung* vịnh tông miếu nước Tống

<sup>(1)</sup> Trên các thiên trong *Kinh Thi* đều có một tiêu dẫn gọi là *Thi tự*. *Thi tự* chia làm hai phần: *đại tự* và *tiểu tự*. Tác giả *Thi tự* đến nay vẫn chưa được xác nhận. Theo *Thẩm Trọng 沔重*. *Đại tự* do Tử Hạ 夏 soạn. *Tiểu tự* do Tử Hạ và Mao công cùng soạn. *Truyện Nho Lâm* trong *Hậu Hán thư* chép Vệ Hoành 衛宏 làm ra *Thi tự*. Trịnh Tiêu 鄭樵 trong *Thi tự biện*, cho Vệ Hoành là tác giả *tiểu tự* nên chủ trương tước bỏ phần ấy đi. Chu Hy, trong *Thi tự biện thuyết* cũng đồng ý với Trịnh Tiêu, khi bàn về *tiểu tự*. Gần đây, những học giả chuyên trị kim văn (những kinh sách viết bằng lề thư là lối chữ thông dụng đời Tần Hán) đều công kích *Mao Thi* và tuyet đối không tin *Mao tự*. *Bí Tích Thuy* 皮璽 trong *Thi kinh thông luận* mới dung hòa các thuyết và chủ trương rằng: *Thi tự* có điểm không đáng tin nhưng có điểm không đáng bỏ. (Xem từ ngữ *Thi tự* trong *Tử hải 辞海*, dãy tập *phật* 菩, ngôn bộ 言 部 lục hoạch 八)

chữ không phải vịnh tông miếu nhà Thương"<sup>(1)</sup>. Lương Khải Siêu 梁啟超 căn cứ vào lời thơ ở thiên *Thất nguyệt* trong *Mân phong* để ngờ rằng thiên ấy là tác phẩm đời Hạ, viện lê trong thơ đã theo lịch nhà Hạ<sup>(2)</sup>. Nhưng thuyết này không thể tin được, vì biết đâu nòng dân nhà Chu đã dùng Hạ lịch để cho tiện việc đồng áng. Lục Khản Như 陸侃如 và Phùng Nguyên Quân 馮沅君 quả quyết rằng: Các bài thi ca trước đời Chu đều đáng nghi hoặc, và Kinh Thi là tác phẩm đời Chu<sup>(1)</sup>.

*Kinh Thi* nguyên là một tập ca dao cho nên không thể biết rõ tên tuổi của tác giả. Trong *Thi tự* có kể tên tác giả các thiên, nhưng phần nhiều là ức đoán, không đáng tin. Tuy nhiên, chúng ta cũng có thể căn cứ vào hai điểm này mà suy trắc:

1) Tác giả tự xưng trong thơ, thí dụ:

a) "Gia phủ tác tụng" = Gia phủ làm ra bài tụng. (Tiểu nhã, Tiết nam sơn);

b) "Cát phủ tác tụng" = Cát phủ làm ra bài tụng, (Đại nhã, Chưng dân);

c) "Hê Tư sở tác" = Hê Tư làm ra (*Lỗ tụng, Bi cung*).

2) Trong các sách xưa thỉnh thoảng có nhắc đến vài tên tác giả trong *Kinh Thi*. Thí dụ như trong *Quốc ngữ* có chép:

a) "*Chu Văn công chi tụng viết: Tái tráp can qua*" = Bài tụng của Chu Văn công có câu: Thu cát can qua

b) "*Chính Khảo phủ hiệu Thương chi danh tụng thập nhị thiên ư Chu Thái sư*" = Chính Khảo phủ hiệu khâm mười hai thiên danh tụng của nhà Thương nơi Chu Thái sư<sup>(1)</sup>

<sup>(1)</sup> Xem Lục Khản Như và Phùng Nguyên Quân *Trung Quốc văn học sử giản biên*, in lần thứ 8. *Trương hải, Khai minh thư điểm*, 1949, tr.4

<sup>(2)</sup> Xem *Tưởng Tô Di, Thi ca văn học toàn yếu*, tr. 35.

<sup>(1)</sup> *Nguy Nguyên* 魏源 cho chữ hiệu 校 nghĩa là thẩm hiệu 蕭校 và tin rằng Thương tụng là tác phẩm của Chính Khảo phủ. Vương Quốc Duy bác thuyết

Trên hai phương pháp suy trắc trên đây, xét ra phương pháp thứ nhất chắc chắn hơn. Nhưng theo phương pháp đó, chúng ta vẫn không thể tìm biết tất cả những tên tác giả các thiên trong *Kinh Thi*, vì không phải ở thiên nào cũng có nhắc đến tên tác giả.

#### IV. VĂN CHƯƠNG KINH THI

Khổng tử đã hạ những lời phê bình *Kinh Thi* như sau:

"*Bát học Thi, vô dĩ ngôn* = chẳng học *Thi* thì nói không thông". (*Luận ngữ, Quý thi*).

"*Thi tam bách, nhất ngôn dĩ tế chi*, viết: *tư vô tà* = *Thi* có 300 thiên, nhưng chỉ một lời có thể trùm được là: không nghĩ vậy" (*Luận ngữ, Vi chính*).

*Thi khả dĩ hưng, khả dĩ quan, khả dĩ quần, khả dĩ oán, nhī chi sự phụ, viễn chi sự quân, đa thức ư điêu thú thảo mộc chi danh* = xem *Thi* có thể phán khởi được ý chí, xem xét được việc hay dở, hoà hợp được với mọi người, bày tỏ được nỗi sầu oán, gần thì học việc thờ cha, xa thì học việc thờ vua, lại biết được nhiều tên chim, muông, cỏ, cây. (*Luận ngữ, Dương Hoá*).

Khổng tử đã khen *Kinh Thi* về cả hai phương diện: luân lý và văn chương. Xem những lời trên đây, ta biết *Kinh Thi* có một giá trị không nhỏ.

Muốn thưởng thức văn chương *Kinh Thi*, ta phải xét về từ và ý của các thiên trong tác phẩm đó. Mà đã nói đến *Thi* tức là phải nghĩ tới nhạc, vậy trước hết ta phải xét qua cú cách và âm điệu các thiên trong *Kinh Thi*, rồi tiếp theo đó, ta sẽ tìm hiểu nội dung của những thiên ấy.

---

áy đì, vì cho 技 cùng âm nghĩa với 技 và chữ áy có nghĩa là hiến cho 献, thành thử câu trên phải giải thích như thế này: Chính Khảo phủ hiến 12 bài danh tụng của nhà Thương cho Chu Thái sư Theo Lương Khải Siêu, Thương tụng là những bài nhạc dùng trong lễ tế giao đài nhà Thương. (Xem Tưởng Tổ Di, Sđd, tr. 34)

Như chúng ta đã biết, Kinh Thi gồm có 305 thiên, nhưng số chương trong các thiên không theo một luật nhất định: thơ *Sô* (Trâu) *ngu* có 2 chương, thơ *Tang* *nhu* có đến 16 chương. Số câu trong mỗi chương cũng thế: Thơ *Cam đường* mỗi chương có 3 câu, thơ *Hàn dịch* mỗi chương có 12 câu. Số chữ trong mỗi câu cũng không đều: có câu 3 chữ: *Giang hữu chữ*, *Chi tử quy* (*Thiệu nam*, *Giang hữu tự*); có câu 5 chữ, như: *Thùy vị tước vô giác, hà dī xuyên ngā óc?* (*Thiệu nam*, *Hành lộ*); có câu 6 chữ như: *Ngā cô chước bỉ kim lôi* (*Chu nam*, *Quyển nhī*); có câu 7 chữ, như: *Giao giao hoàng điểu chỉ vu tang* (*Tần phong*, *Hoàng điểu*); có câu 8 chữ như: *Thập nguyệt tất suất nhập ngā sàng hạ* (*Mân phong*, *Thất nguyệt*); có câu 9 chữ, như: *Huýnh chước bỉ hành lao ấp bỉ chú tư* (*Đại nhā*, *Huýnh chước*). Tuy vậy các thiên trong Kinh Thi phần nhiều làm theo thể thơ 4 chữ.

Những bài trong Kinh Thi có cả cước vận và yêu vận, cách gieo vần rất rộng rãi tự do, không bị gò bó trong một khuôn khổ hẹp hòi, theo một định luật nghiêm khắc. Cũng như ca dao Việt nam, Kinh Thi có nhiều phức từ và điệp ngữ rất hay<sup>(1)</sup>. Nhờ thế nên văn chương Kinh Thi đã giữ được cái âm điệu uyển chuyển tự nhiên, diễn tả dễ dàng ấn tượng của tác giả và có sức truyền cảm rất mạnh<sup>(2)</sup>. Tuy nhiên, muốn hiểu thấu triệt Kinh Thi, người ta phải nghiên cứu văn pháp

<sup>(1)</sup> Ở thiên *Vật sắc* trong sách *Văn tâm điêu long*. Lưu Hiệp có nêu những điệp ngữ trong Kinh Thi như: *chước chước*, *tả vẻ tươi thắm* của hoa đào; *y y*, *tả vẻ mềm mại thoát tha* của cây liễu; *cào cào*, *tả ánh hồng* trong sáng lúc bình minh; *tiêu tiêu*, *tả cành mưa rơi*, *tuyết xuống*; *giê giê*, *tương thanh âm* của tiếng chim, *yêu yêu*, *tương thanh âm* của giun dê v.v...

<sup>(2)</sup> *Hậu thế thi thể, giai uyên nguyên ư Thi kinh* = Các thể cách thi ca đời sau đều bắt nguồn ở Kinh Thi. (Kê Triết 程哲, *Trung quốc thi từ diễn tiến sử*, *Hương cảng*, *Khai nguyên thư* *điểm tái bản*, 1956, tr 7)

và từ ngữ đời Chu. Bởi vậy, từ trước đến nay, giữa các nhà chú giải *Kinh Thi* thường có sự bất đồng ý kiến<sup>(3)</sup>

Nếu đem *Kinh Thi* ra phân tích, ta có thể tìm thấy trong tác phẩm ấy có những lối văn sau đây:

- 1 Tế tự;
- 2 Chúc tụng;
- 3 Yến ẩm;
- 4 Phúng thích;
- 5 Tự sự;
- 6 Trữ tình.

Các thiên Nhã, Tụng phần nhiều làm theo ba lối văn tế tự, chúc tụng và yến ẩm. Các thiên Quốc phong phần nhiều làm theo lối phúng thích, tự sự và trữ tình. Xét về phương

<sup>(3)</sup> Ta hãy lấy thiên *Quan thư* làm thí dụ: Các nhà chú thích *Kinh Thi* mỗi người có một nhận xét riêng về thiên này. Theo *Thi tự*, *Quan thư* nói về cái đức của hậu phi. Chu Hy, trong *Thi tập truyện*, cũng cho rằng thiên *Quan Thư* do cung nhân nhà Chu làm ra để ca tụng bà Thái Tự, vợ của Chu Văn Vương. Nhưng Trương Siêu 張超, *La Bí* 羅泌 và Vương Ứng Lân 王膺麟 lại chủ trương khác. Theo Trương Siêu, trong *Tiến thanh y phú*, thì tác giả thiên *Quan hư* là Tất công 畢公; *La bí*, trong *Lộ sử*, bảo rằng Bao công 羣公 làm ra thiên ấy, và cho Bao công cũng như Tất công đều là người đời Chu Khang vương (1078 - 1053 trước T.L). Vương Ứng Lân, trong *Khoa học kỹ văn*, thừa nhận thiên *Quan thư* là tác phẩm của một thi sĩ đời Chu Tuyên vương (827-782 trước T.L). Trương, La, Vương đều xem thiên *Quan thư* là thơ phúng thích. Trong *Độc phong ngẫu chí*. Thới Thuật 崔述 đã bàn về thiên *Quan thư* như thế này: *Nāi quān tǔ tự cǎn lương phòi, nīi tha nhān dài tǎ kì ai lāc chí tinh nhī =* Đó là kẻ khác thay lời người quân tử để tả cái tình vui buồn trong lúc mơ tưởng một người vợ hiền. Gần đây, có thuyết cho thiên *Quan thư* là thơ mừng tân hôn, đó cũng không phải là một kiên giải bất hợp lý. (Xem Tương Bá Tiêm 湘伯潛 *Tiến Tân văn học tuyển*. *Đài bắc*, Chính trung thư cục ấn hành, 1953, tr. 7)

Trên đây là nói về đại ý của một thiên, còn như đi sâu vào chi tiết của từng thiên thì các nhà chú thích *Kinh Thi* lại càng có rất nhiều điểm bất đồng và mâu thuẫn nhau nữa.

diện kỹ thuật, phần *Quốc phong* tiến bộ hơn hai phần Nhã, Tụng. Bởi vậy người ta thường thích đọc *Quốc phong*.

*Kinh Thi* là một tác phẩm phản ảnh được thời đại của nó, vì qua tác phẩm ấy, ta có thể biết được phong tục tập quán, tình trạng xã hội và chế độ chính trị của các nước chư hầu ở Trung Quốc ngày xưa. Ngoài những bài tả tình luyến ái giữa trai gái<sup>(1)</sup>, tình chung thuỷ giữa vợ chồng<sup>(2)</sup>, cảnh sinh hoạt của nông dân<sup>(3)</sup>, *Kinh Thi* còn có những bài tả nỗi thống hận của dân chúng đối với vua quan thời đó nữa<sup>(4)</sup>. Vì thế nên Tưởng Tố Di đã xem *Kinh Thi* là một khảo chứng, phẩm về nông nghệ cổ thời<sup>(5)</sup>. Hồ Thích cũng đã dùng *Kinh Thi* để nghiên cứu trạng huống xã hội Trung Quốc trong giai đoạn mà Hồ gọi là thời kỳ thai nghén triết học<sup>(6)</sup>.

## BƯU CẨM

---

(1) *Thiên Quan* thư tả tình luyến ái tư niệm rất thâm thiết giữa người quân tử và một người thực nữ; *thiên Giiao đồng* tả lời thiêng nữ tự kể chuyện mình vì thương nhớ người yêu mà bỏ ngủ quên ăn; *thiên Tương Trọng* từ ta nỗi lòng u ám của một cô gái đa tình; phần thi luyến ái người yêu, phần lại lo sợ cha mẹ, anh em, họ hàng can thiệp vào mối tình thâm vung của mình v. v...

(2) *Thiên Bá hế* và *thiên Quân tử vu dịch* tả người chinh phụ nhớ chồng mà biếng điểm trang.

(1) Các *thiên Thất nguyệt*, *Phủ điện*, *Phong niên*, *Lương tỷ* v.v.. đều tả cảnh sinh hoạt của nông dân rất通俗.

(2) Trong *thiên Phạt dân*, tác giả mạt sát những kẻ ngồi không mà hưởng, chẳng làm mà ăn (tố xan); trong *thiên Thạc thủ*, tác giả gọi ngay kẻ bạo tàn ra mà nguyên rùa và quyết bỏ đi nơi khác, không ở với kẻ ấy nữa.

(3) Xem *Tưởng Tố Di*, *Thi ca văn học toàn yếu* đã dẫn, tr. 38

(4) Xem Hồ Thích, *Trung quốc triết học sử đại cương*, quyển thương, in lần thứ 10, *Thượng hải*, *Thương vụ ấn thư quán*, 1924, trang 35 - 42

## BÀI TỰA

Hoặc giả có người hỏi ta rằng: "Vì sao mà phát sinh ra thơ?"

Ta đáp: "Đời sống con người, lúc tinh là do tính thiên nhiên, khi cảm xúc với sự vật mà động là do cái thị dục của tính vây.

Ôi! Đã có thị dục thì sao khỏi có tư lự, đã có tư lự thì sao khỏi bật ra lời nói, đã bật ra lời nói thì lúc nói không tỏ hết những điều muốn nói; cái còn dư lại ấy sẽ phát ra những giọng than thở ngân nga, tự nhiên hợp với tiết tấu mà không thể nào ngừng được. Đó là vì đâu mà xuất hiện ra thơ vậy".

Lại hỏi: "Thế thì thơ mà dùng để giáo hoá là tại lẽ gì?"

Đáp: "Thơ là cái dư âm (thanh âm còn dư) của lời nói trong khi lòng người cảm xúc với sự vật mà nó thể hiện ra ngoài. Nhưng sự cảm xúc ấy có tà có chính, cho nên lúc được thể hiện ra lời nói cũng phải có thị có phi.

Duy có một điều là lúc thánh nhân ngự trị ở trên thì những cảm xúc của dân không có điều gì là không chính đáng cho nên những lời nói ấy đều đủ đem ra dạy đời.

Nhưng giản hoặc cũng có phần nào cảm xúc hỗn tạp, mà khi phát ra lời thơ không còn có thể chọn lọc hết được, thì người ở trên át phải suy nghĩ để tự sửa đổi, rồi lại nhân đó để khuyên răn đời. Đó cũng là một lẽ dùng để giáo hoá vậy.

Thứ coi ngày trước nhà Chu trong thời thịnh trị, trên từ tông miếu triều đình, dưới đến làng mạc thôn xóm, lời thơ thật là thuần tuý, không bao giờ không do ở nèo đoan chính mà thốt ra. Thánh nhân đã phôi hợp với âm luật để ứng dụng cho người trong làng, rồi cho cả trong nước để giáo hoá cả thiên hạ.

Đến thơ của Liệt quốc, thì thiên tử đi tuần thú các nước chư hầu, tới đâu át cũng bày các thơ của Liệt quốc ra xem xét cho hiểu biết phong tục của địa phương để thi hành, việc truất phế hay thăng thưởng quan chức.

Xuống đến thời Chiêu vương và Mục vương trở về sau, nhà Chu dần dần suy yếu, đến khi dời sang phía đông (thành Đông Chu) thì phế bỏ không còn giảng cứu thơ của Liệt quốc nữa.

Khổng tử sinh ra vào thời ấy. Vì không có chức vị, Ngài không thể thi hành chính sách khuyến khích và trừng phạt hay truất phế và thăng thưởng được. Cho nên Ngài chuyên đem những thơ ấy ra mà thảo luận. Ngài bỏ những phần trùng điệp, đính chính lại những chỗ rỗ ren. Những bài thơ mà việc thiện không đủ để làm phép tắc, hay việc ác không đủ để khuyên răn, Ngài đều gọt bỏ cả cho đặng gián lược để còn truyền lại lâu dài, khiến cho học giả nhân đầy khảo xét được lẽ nên chăng. Người thiện thì lấy đó mà học, người ác cũng lấy đó mà sửa mình.

Thì chính sách của Ngài tuy không đủ quyền bính để thi hành trong một thuở, những việc giáo hoá của Ngài thật đã bao trùm cả muôn đời.

Thế thì thơ sở dĩ đem ra dạy đời được là bởi lẽ đó."

Lại hỏi: "Thế thì thể thơ Quốc phong, thơ Nhã, thơ Tụng lại không đồng nhau như thế là tại làm sao?"

Đáp: "Ta có nghe việc ấy. Phàm thơ gọi là phong, phần nhiều do những ca dao trong làng xóm mà ra, gọi là lời của nam nữ ca vịnh với nhau, mỗi bên bày tỏ tâm tình của mình.

Chỉ có vùng Chu nam và Thiệu nam, chính đã được sự giáo hoá của Văn vương mà trở nên đức hạnh, mà mọi người dân đều giữ được tính tình đoan chính, cho nên phát ra lời thơ đều vui mà không đến nỗi dâm, buồn mà không đến nỗi thương tâm. Cho nên hai thiên áy riêng được gọi là thơ phong chính đáng, tức là thơ chính phong.

Từ nước Bội trở xuống, có nước bình trị, có nước loạn lạc không đồng nhau, có người hiền, có người chẳng hiền khác nhau. Niềm rung cảm mà phát ra lời thơ có tà có chính, có phải có trái không đều nhau. Cho nên bảo rằng phong hoá của tiên vương đến đây thì đã bước qua một giai đoạn biến đổi vậy.

Còn như thơ Nhã, thơ Tung thì đều là những lời ca nhạc, chốn triều đình và giao miếu trong đời Thành Chu. Lời thơ ôn hoà trang nghiêm, ý nghĩa khoan hậu mà kín đáo, mà tác giả thường thường là bực thánh nhân, cho nên những thơ áy hẵn phải là khuôn phép của muôn đời, mà không thể nào thay đổi được vậy.

Thơ Nhã cũng có phần chính và phần biến (cũng như thơ Phong có chính phong và biến phong). Phần biến của thơ Nhã cũng đều do các bực hiền nhân quân tử của một thời đã thương đời xót tục mà làm ra, được thánh nhân thu thập lại. Lòng trung hậu đau buồn và ý phô thiện ngăn tà trong phần thơ áy hẵn là đời sau không thể nào nói lên được, và kẻ sĩ không thể nào theo kịp được. Cho nên thơ áy được đặt lên hàng kinh là để cho nhân sự thâm nhuần xuống dưới, và thiên đạo hoàn bị lên trên, mà không một lẽ nào là chẳng đầy đủ”

Lại hỏi: “Thế thì học Kinh Thi phải nêu thế nào?”

Đáp: “Học Kinh Thi phải lấy căn bản ở thơ Nhị nam (thơ Chu nam và Thiệu nam) để tìm lấy mối đầu và tham bác với thơ của Liệt quốc để thấu tận lẽ biến, tu chính với thơ Nhã

để rộng quy mô, điều hoà với thơ Tụng để dò đến chỗ sở chỉ (chỉ ư chí thiện = ngừng ở chỗ tốt lành).

Ấy là ý chỉ đại cương của việc học kinh Thi vậy.

Khi đã đạt đến mức ấy rồi, bấy giờ mới lấy chương cũ và huấn cổ (chú giải nghĩa văn xưa) làm giềng môi, lấy ngâm vịnh hàm dưỡng để thêm tốt đẹp, rồi thảm nhuần vào để hiểu rõ, xem xét những niềm kín đáo tinh vi của tính tình, nhận lấy chỗ trọng yếu của lời nói và việc làm. Có được như thế thì đạo tu thân, tề gia và bình thiên hạ chẳng cần phải tìm kiếm ở nơi nào khác, hẳn đã được ngay ở đây vậy."

Kẻ đến hỏi ta chỉ vâng dạ mà lui ra.

Lúc ấy ta đang soạn thảo Thi truyện, nhân tiện cũng chép cả những lời vấn đáp trên để đặt lên đầu thiên sách này vậy.

Niên hiệu Thuần Hy thứ 4, mùa đông năm Đinh Dậu, tháng 10, ngày Mậu túy.

## CHU HY Ở TÂN AN VIẾT TỰA.

# THI KINH QUYỀN I

## THƠ QUỐC PHONG.

*Quốc* là vùng đất của chư hầu được phong. *Phong* là thể thơ ca dao về phong tục của dân. Gọi những thơ ca dao ấy là *phong*, lấy nghĩa rằng dân chúng bị cảm hoá mà thốt nên lời, và lời ấy lại dễ cảm động lòng người, như vật bị gió lay động mà phát ra tiếng, và tiếng ấy lại dễ xúc động các vật ở chung quanh. Cho nên chư hầu chọn lấy những thơ ấy để dâng lên thiên tử. Thiên tử lại nhận lấy giao cho nhạc quan để khảo xét phong tục và những điều ưa thích của dân chúng nước ấy đẹp hay xấu, mà biết việc chính trị của vị chư hầu ấy nên hay hư.

Theo thuyết xưa, thơ Nhị nam (Chu nam và Thiệu nam) là thơ *chính phong*, ứng dụng những thơ ấy vào gia đình, làng xóm và nước nhà mà giáo hoá cả thiên hạ.

Còn thơ của 13 nước là thơ *biển phong*, thì cũng giao cho nhạc quan quản lanh mà cất giữ để thường thường học tập và dự bị việc xem xét, hầu lưu truyền việc răn dạy cho đời sau.

Thơ Chu nam, thơ Thiệu nam và thơ của 13 nước hợp lại làm thơ của 15 nước.

## 1. CHU NAM

*Chu* là tên nước nhà Chu, *nam* là các nước chư hầu ở phương nam. Nước nhà Chu, theo sách Vũ cống, vốn là cảnh vực của Ung châu, ở phía nam núi Kỳ Sơn, Châu 13 đời của ông Hậu Tắc là Cỗ Công Đản Phủ bắt đầu ở đất ấy, rồi truyền lại cho con là Vương Quý và trải qua đến cháu là Văn vương tên Xương, mở nước lần lần thêm rộng, cho nên mới dời đô sang đất Phong, và phân vùng đất cũ Kỳ Chu cho Chu Công Đán và Thiệu Công Thích để làm thái ấp (nước để hưởng lộc). Lại khiến Chu Công cầm quyền chính ở trong nước, còn Thiệu Công đi truyền bá đức hoá ra các nước chư hầu. Vì thế mà nên đức hoá được hoàn thành ở trong nước và các nước chư hầu ở phương nam. Và vùng sông Trường Giang, sông Đà, sông Nhữ, sông Hàn không có nước nào là không theo đức hoá ấy. Bởi vì trong ba phần thiên hạ thì nhà Chu đã được hai phần vậy. Đến đời con là Vũ vương tên Phát lại dời về đất Hạo, đánh thắng nhà Thương rồi được cả thiên hạ.

Vũ vương băng. Con là Thành vương tên Tụng lên nối ngôi, được Chu công làm tướng giúp.

Chu công làm ra lê nhạc, mới chọn những bài thơ về phong tục của dân đã nhiễm được phong hoá của thời Văn vương, phôi vào tiếng đàn tiếng sáo, để làm ra nhạc ở trong phòng (nhạc tấu trong phòng không có chuông khánh để hát những thơ Chu nam và Thiệu nam), rồi lại phổ biến ra ngoài thôn xóm làng nước cho tỏ rõ sự hưng thịnh về phong tục của tiên vương, khiến thiên hạ đời sau muốn biết tu thân, tề gia, trị quốc và bình thiên hạ, đều lấy đó làm phép tắc vậy.

Bởi vì những thơ góp được ở trong nước, và thơ của các nước ở phương nam hợp lại gọi là thơ Chu nam, cũng như nói rằng từ nước thiên tử trùm cả nước chư hầu, chứ không phải là chỉ ở trong nước thiên tử mà thôi.

Những thơ góp được của các nước phương nam, thì gọi thẳng ra là thơ Thiệu nam, để nói rằng từ nước của Phương Bá (Thiệu Bá) bao trùm một vùng phương nam mà không dám gộp về với của thiên tử.

Đất Kỳ Chu nay là huyện Kỳ Sơn ở phủ Phụng Tường.

Đất Phong nay ở cuối phía bắc núi Chung Cam thuộc Hệ huyện, phủ Kinh triệu.

Nước phía nam tức là những châu của các lộ Kinh Tây, Hồ Bắc thuộc phủ Hưng Nguyên.

Đất Hạo ở phía đông đất Phong 25 dặm.

Bài Tiểu tự nói rằng việc giáo hoá ở thiên Quan thư và Lân chỉ là phong hoá của vua nhà Chu, cho nên được gộp về Chu công.

Nam là nói từ phương bắc truyền xuống phương nam

Việc đức độ của thiên Thước sào và thiên Trâu ngu là phong hoá của chư hầu, do tiên vương đã giáo hoá cho, nên được gộp về Thiệu công. Lời đó cũng phải vậy.

# BÀI THỨ NHẤT

## CHƯƠNG I

關雎	Quan thư. (Chu nam)
關關雎鳩	1. Quan quan thư cưu.
在河之洲	2. Tại hà chi châu.
窈窕淑女	3. Yếu điệu thục nữ,
君子好逑	4. Quân tử hảo cầu.

### *Dịch nghĩa*

- Đôi chim thư cưu hót hoạ nghe quan quan.
- Ở trên cồn bên sông.
- Người thục nữ u nhàn,
- Phải là lứa tốt của bực quân tử

### *Dịch thơ*

*Quan quan kia tiếng thư cưu,  
Bên cồn hót hoạ cùng nhau vang dầy.  
U nhàn thục nữ thế này,  
Xứng cùng quân tử sánh vây lứa duyên.*

### *Chú giải của Chu Hy.*

Chương này thuộc thể hứng. 關關 *quan quan*, tiếng chim trống chim mái ứng hoạ nhau, 雎鳩 *thư cưu* loài chim nước, lại có một tên nữa là vương thư, hình trạng giống như chim phù y, nay trong khoảng Trường giang và sông Hoài thì có chim ấy. Chim này sống có đôi nhất định mà không hề lẩn

lộn. Hai con thường lội chung mà không lái lối, cho nên sách của Mao công nói rằng: Đôi chim thư cưu tình ý chí thiết khẩn vó đậm đà, nhưng lúc nào cũng giữ gìn cách biệt.

Sách *Liệt nữ truyện* cho là người ta chưa từng thấy chim thư cưu sống dư cặp hay sống lẻ loi, là vì tính nó như thế. 河 hà, tên thông dụng của những dòng nước chảy ở phương bắc. 洲 châu, cồn đất ở giữa sông có thể ở được 纤弱 yếu điệu, là ý u nhàn, u tịch yên lặng và nhàn nhã, 淑 thục, hiền lành 女 nữ, con gái chưa gả chồng, nói nàng Thái Tự, vợ vua Văn vương, lúc còn ở nhà với cha mẹ 君子 quân tử, chỉ vua Văn vương 好 hảo, đẹp, lành 遂 cầu, đôi lứa. Sách của Mao công nói 热 chí là rất, tình ý rất thiết tha đậm đà.

**興** *Hưng* là trước nói một vật gì để sau dẫn đến lời ca vịnh.

Vua Văn vương nhà Chu sinh có thánh đức, lại được bậc thánh nữ họ Tự để kết hôn. Những người trong cung, lúc nàng Thái Tự mới đến, thấy nàng có đức hạnh u tịch nhàn nhã và trinh chuyên, bèn làm bài thơ này rằng: Kia đôi chim thư cưu nghe hót quan quan, đang ứng hoạ với nhau ở trên cồn bên sông. Người thục nữ yếu điệu này há không phải là bạn lứa tốt của bậc quân tử Văn vương hay sao? Có ý nói nàng Thái Tự và vua Văn vương cùng hoà vui mà cung kính lẫn nhau, cũng như tình chí thiết đậm đà mà lúc nào cũng giữ gìn cách biệt của đôi chim thư cưu vậy.

Về sau hẽ nói *hưng* thì ý văn cũng phỏng theo chương này.

Ông Khuông Hành nhà Hán nói rằng: *Yếu điệu thục nữ, Quân tử hảo cầu*, là nói nàng Thái Tự rất mực trinh thục không thay tiết tháo. Những rung cảm về tình dục không hề lẩn vào nghi dung, những ý vui riêng không hề lộ ra cử chỉ, có được như thế rồi mới có thể phối hợp với bậc chí tôn và làm chủ tế tông miếu. Vì đó là đầu mối của Cương thường và

của nền vương hoá. Giảng Kinh Thi như thế đáng gọi là người khéo nói vậy.

## CHƯƠNG II

- |         |                             |
|---------|-----------------------------|
| 參 差 荇 菜 | 5. Sâm si hạnh thái,        |
| 左 右 流 之 | 6. Tả hữu lưu chi,          |
| 窈 窕 淑 女 | 7. Yếu điệu thục nữ,        |
| 寤 寤 求 之 | 8. Ngộ my cầu chi.          |
| 求 之 不 得 | 9. Cầu chi bất đắc,         |
| 寤 寤 思 服 | 10. Ngộ my tư bặc.          |
| 悠 哉 悠 哉 | 11. Du tai! Du tai!         |
| 輾 轉 反 倒 | 12. Triển chuyển phản trắc. |

### *Dịch nghĩa*

5. Rau hạnh cộng dài cộng ngắn không đều nhau,
6. Phải thuận theo dòng nước sang bên tả bên hữu mà hái.
7. Người thục nữ u nhàn ấy
8. Khi thức khi ngủ đều lo cầu cho được nàng.
9. Nếu cầu mà không được,
10. Thì khi thức khi ngủ đều tưởng nhớ.
11. Tưởng nhớ xa xôi thay! Tưởng nhớ xa xôi thay!
12. Vua cứ lẩn qua trở lại mãi nằm không yên giấc.

### *Dịch thơ*

*So le rau hạnh lơ thơ.*

*Hái theo dòng nước ven bờ đôi bên.*

*U nhàn thực nữ chính chuyên.  
Nhớ khi thức ngủ triền miên chẳng rời.  
Nếu cầu mà chẳng được người.  
Khi mơ khi tỉnh bồi hồi nhớ thương.  
Xa xôi trông nhớ đêm trường.  
Chiếc thân trần truồng trên giường nào yên.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc thể hứng 參差 sām si, dáng dài ngắn không đồng đều nhau 荧 hanh, rau tiếp dư, rẽ mọc ở đáy nước, lá màu đỏ tía hình tròn, bề kính hơn một tấc, nổi trên mặt nước. 或左或右 hoặc tả hoặc hữu, vô định không thường, khi bên trái khi bên mặt, 流 lưu, thuận theo dòng nước mà hái lấy, 或寤或寐 hoặc ngô hoặc my, không lúc nào là không, khi thức khi ngủ đều nhớ đến nàng, 服 bắc, nhớ, 悠 du, dài, xa xôi 輾 triền, lăn nửa vòng, 轉 chuyển, lăn trọn vòng, 反 phản, lăn lại, 側 trắc, lăn nghiêng. Đều là nói nằm không yên giấc.

Chương này nói vào lúc chưa cầu được nàng Thái Tự: Rau hạnh cộng ngắn cộng dài không đều kia, phải thuận theo dòng nước sang bên tả sang bên hữu mà hái. Người thực nữ yếu điệu ấy, khi thức khi ngủ vua không quên lo cầu cho được nàng, vì nàng ấy với đức hạnh ấy trên đời không thường có vậy. Nếu cầu nàng mà không được thì không có ai phôi – hợp với vua để thành việc nội trị hoàn mỹ. Cho nên vua lo nghĩ sâu xa không xiết đến thế ấy.

## CHƯƠNG III

參差荇菜  
左右采之

13. Sām si hạnh thái,
14. Tả hữu thể chi.

窈窕淑女	15. Yếu điệu thục nữ,
琴瑟友之	16. Cầm sát hữu chi,
參差荇菜	17. Sâm si hạnh thái,
左右芼之	18. Tả hữu mạo chi.
窈窕淑女	19. Yếu điệu thục nữ,
鍾鼓樂之	20. Chung cổ lạc chi

### *Dịch nghĩa*

13. Rau hạnh so le không đều nhau,  
 14. Phải thuận theo dòng nước sang bên tả bên hữu chọn  
 hái lấy.  
 15. Người thục nữ u nhàn áy,  
 16. Phải đánh đàn cầm đàn sắt mà thân ái nàng.  
 17. Rau hạnh cộng dài cộng ngắn không đều nhau,  
 18. Phải nấu chín mà dâng lên ở hai bên.  
 19. Người thục nữ u nhàn áy,  
 20. Phải khua chuông đánh trống để nàng mừng vui.

### *Dịch thơ*

*Vắn dài rau hạnh bên sông.*  
*Kiếm tìm mà hái theo dòng đôi bên.*  
*Được người thục nữ chính chuyên.*  
*Mến nàng, cầm sắt đánh lên vang dầy.*  
*Bên sông rau hạnh vắn dài,*  
*Đêm về nấu chín mà bày hai bên.*  
*Được người thục nữ chính chuyên.*  
*Để nàng vui thích, vang rền trống chuông.*

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng 采 thể (thái), chọn mà hái, lấy 笔 mạo, nấu chín mà dâng lên, 琴 cầm, cây đàn 5 dây hoặc 7 dây, 瑟 sắt, đàn 25 dây, đều là loại đàn dây tơ, loại nhạc khí nhỏ 友 vī (hữu), ý thân ái 鍾 chung, cái chuông, loại nhạc khí bằng đồng 鼓 cổ, cái trống, loại nhạc khí to bằng da 樂 lạc, ý rất thuận hoà vui vẻ.

Chương này nói vào lúc tìm được nàng: rau hạnh cộng ngắn dài không đều kia, phải chọn hái rồi nấu luộc mà dâng lên. Người thực nū yêu điệu ấy đã cầu được rồi, phải thân ái để làm cho nàng vui, vì rằng người ấy với đức hạnh ấy trên đời không thường có vậy. Hôm nay mà cầu được nàng, thì đã được người để phôi hợp với vua thành việc nội trị. Cho nên tò ý vui mừng tôn kính không xiết như thế vậy.

*Thiên Quan thư* có 3 chương, 1 chương 4 câu, 2 chương 8 câu.

Khổng tử nói rằng: “Thiên Quan thư vui mà không dâm, buồn mà không thương tâm”. Tôi cho rằng: Lời ấy đối với thơ Quan thư này đúng với sự đoan chính của tính tình và sự điều hoà của thanh khí. Vì rằng đức hạnh như chim thư cưu, tình chí thiết đậm đà mà vẫn giữ gìn cách biệt, thì sự đoan chính về tính tình của bà Hậu phi Thái Tự hẵn đã có thể nhận thấy được một phần rồi. Đến việc thức ngủ lăn qua trở lại, đánh đàn cầm đàn sắt, khua chuông đánh trống, niềm vui buồn đã tột bực và đều không quá khuôn khổ phép tắc, thì sự đoan chính về tính tình của người làm thơ ấy lại có thể nhận thấy được cả toàn thể rồi vậy. Riêng sự điều hoà về thanh khí thì không thể nghe được. Tuy là đáng hận, nhưng học giả hãy thưởng thức nghĩa lý ở trong lời thơ ấy để bồi dưỡng tâm tính, thì cũng có thể nắm được căn bản của việc học Kinh Thi vậy.

Khuông Hành nói rằng: Phối hợp thành vợ chồng là mối đầu của việc phồn sinh của dân chúng, là nguồn cội của vạn phúc. Nghi lễ của hôn nhân được chính đáng thì về sau phẩm vật thoả thuận và thiên mệnh mới hoàn toàn.

Mạnh tử đã khảo luận Kinh Thi, lấy thiên Quan thư làm đầu, ý nói rằng trên hơn hết là bức cha mẹ dân, đức hạnh của bà Hậu phi phu nhân nếu chẳng ngang bằng trời đất, thì không lấy gì mà thờ phụng thần linh để điều hoà sự thích nghi của vạn vật. Từ đời trước trở lại, việc hưng phế của ba đời Hạ, Thương, Chu chưa có bao giờ không do ở đây vậy.

## BÀI THÚ 2

### CHƯƠNG I

葛 爨	Cát đàm. (Chu nam 2)
葛 之 爨 兮	1. Cát chi đàm hê,
施 于 中 谷	2. Dị vu trung cốc.
維 葉 蔑 蔑	3. Duy diệp thê thê,
黃 鳥 于 飛	4. Hoàng điểu vu phi,
集 于 灌 木	5. Tập vu quán mộc,
其 聲 喻 喻	6. Kỳ thanh giê giê (giai giai)

### *Dịch nghĩa*

1. Cây săn đà dài,
2. Bò lan vào trong hang,
3. Lá nhiều um tùm.
4. Chim hoàng ly bay đến.

5. Tụ tập ở trên bụi cây ấy.
6. Tiếng kêu nghe văng vẳng xa xa.

### *Dịch thơ*

*Sắn dài đậm đà  
Mọc bò vào tận trong khe hốc này.  
Tốt tươi nhánh lá rậm dày.  
Hoàng ly thấp thoáng đã bay liêng vòng,  
Đậu chung bụi sắn thung dung,  
Véo von ca hót khắp vùng vắng nghe.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 葛 cát, tên một loài cây, cây sắn, mọc bò ra, có thể lấy chỉ dệt vải mịn, vải thô, 草 đàm, dài ra, 施 dì, dời, 中谷 trung cốc, tức cốc trung, trong hang trong hốc 莓 蕊 thê thê, dáng nhiều um tùm 黄鳥 hoàng điểu, chim hoàng ly. 灌木 quán mộc, bụi cây, 喂嗜 giai giai (đọc giê giê cho hợp vận), tiếng hót hoạ nghe văng vẳng xa xa.

Phủ là phô tràn sự việc mà nói thẳng ra. Nhân Hậu phi Thái Tự đã dệt thành vải mịn vải thô mà phú, tức là phô tràn sự việc ấy ra.

Thuật ràng vào thời đầu mùa hạ, lá cây sắn vừa um tùm, thì chỉ có chim hoàng ly kêu ở trên

## CHƯƠNG II

葛 之 草 兮

施 于 中 谷

維 葉 莫 莫

7. Cát chi đàm hế,

8. Dị vu trung cốc.

9. Duy diệp mịch mịch,

是刈是護	10. Thị ngại thị hoạch.
維繩爲綿	11. Vi si vi khích,
服之無斁	12. Phục chí vô dịch

### *Dịch nghĩa*

7. Cây săn đã dài.
8. Bò lan vào trong hang.
9. Lá nhiều rướm rà,
10. Mới cắt về rồi đem nấu.
11. Dệt vải mịn vải thô,
12. Mặc vải ấy không chán.

### *Dịch thơ*

*Qua hè dây săn đã dài,  
Mọc bò vào tận hang này tốt tươi.  
Rướm rà nhánh lá khắp nơi.  
Cắt về xong xả, ta thời nấu chung,  
Vải thô vải mịn dệt xong,  
Cắt may ta mặc chẳng lòng chán chê.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc thể phú 莫莫 mich mich, dáng rướm rà chen rậm,刈 ngại, chặt cắt,護 hoạch, nấu 缪 si, vải mịn, 純 khích, vải thô, dịch chán ghét.

Chương này nói vào thời thịnh hạ, giữa mùa hè, cây săn đã già, nàng mới lo cát lấy chỉ để dệt vải, rồi mặc vải ấy không chán, vì mình đã bỏ công lao nhọc mới biết rằng thành vải không phải dễ dàng, cho nên lòng hăng thương mến, tuy

mặc vải ấy dơ rách đến mấy cũng không nhẫn tâm chán ghét mà vứt bỏ.

### CHƯƠNG III

言 告 師 氏

13. Ngôn cáo sư thị,

言 告 言 歸

14. Ngôn cáo ngôn quy.

薄 汚 我 私

15. Bạc ô ngã tư,

薄 淚 我 衣

16. Bạc hoãn ngã y.

害 淚 害 否

17. Hạt hoãn hạt phủ?

歸 寧 父 母

18. Quy ninh phụ mẫu.

#### *Dịch nghĩa*

13. Nàng nói với bà thày,

14. Dặn thưa lại với chồng ý nàng muốn trở về thăm cha mẹ.

15. Nàng dặn bà thày hãy vò áo thường.

16. Hãy giặt áo lẽ.

17. Cái gì nên giặt, cái gì nên không?

18. Để mặc trả về thăm cha mẹ.

#### *Dịch thơ*

*Dặn dò sư thi rõ ràng,*

*Về thăm cha mẹ thưa chàng đãng hay.*

*Vò qua những áo thường này.*

*Giặt qua những áo mặc ngày lẽ công.*

*Cái thì giặt, cái thì không?*

*Viếng thăm cha mẹ mặc trong ngày về.*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phu 言 ngôん, nói, báo cho biết, 師 su, nữ sư, bà vú, 薄 bạc, hẩy 汚 ô, vò cho hết dơ (như trị loạn thì nói loạn), 潈 hoǎn, giặt cho sạch, 私 tư, áo mặc thường 衣 y, áo lê, 害 hater, sao? 寧 ninh, yên, thăm viếng cha mẹ xem có bình yên không.

Chương 2 đã nói thành quần áo bằng vải mịn, vải thô. Ở chương cuối này, nàng bèn nói với bà vú già thưa lại với chồng ý nàng muốn trở về thăm cha mẹ. Nàng lại dặn: "Hãy vò áo thường, hẩy giặt áo lê. Cái gì nên giặt? Cái gì nên chưa? Vì tôi sẽ mặc những áo đó để trở về thăm cha mẹ."

*Thiên Cát đàm có 3 chương, mỗi chương 6 câu.*

Bài thơ này chính do Hậu phi Thái Tự làm ra, cho nên không có lời khen tặng. Nhưng ở bài thơ này, có thể nhận thấy rằng nàng đã sang mà còn siêng năng, đã giàu mà còn cẩn kiêm, đã lớn mà lòng kính mến bà sư phó không giảm, đã lấy chồng mà đạo hiếu với cha mẹ không suy kém, đều là đức hạnh đôn hậu của nàng mà người đời không dễ gì có được. Bài tiểu tự cho đấy là căn bản của bà Hậu phi, mong cũng gần đúng vậy.

## BÀI THÚ 3

### CHƯƠNG I

- |      |                             |
|------|-----------------------------|
| 卷耳   | Quyển nhī (Chu nam 3)       |
| 采采卷耳 | 1. Thái thái quyển nhī,     |
| 不盈顷筐 | 2. Pát doanh khuynh khuông. |
| 嗟我懷人 | 3. Ta ngā hoài nhân,        |
| 寘彼周行 | 4. Chí bỉ chu hàng.         |

### *Dịch nghĩa*

1. Rau quyến hái lại hái,
2. Không đầy giỏ nghiêng .
3. Ta nhớ người đi xa.
4. Bỏ quên cái giỏ ở bên con đường lớn kia.

### *Dịch thơ*

*Hái rau quyến nọ, hái hoài,  
Nhớ ai xao lâng chưa đầy giỏ nghiêng.  
Nhớ chàng ngơ ngẩn lòng riêng,  
Giỏ rau nào nhớ, bỏ quên bên đường.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 采采 thái thái, hái nhiều lần, không phải chỉ có một lần hái, 卷耳 quyến nhĩ, cây ti nhī, lá như vành tai chuột, mọc chung thành đám như cái mâm, 頤 khuynh, nghiêng, 篓 khuông, cái giỏ bằng tre 懷 hoài, nhớ tưởng 人 nhān, người, chỉ Văn vương, 真 chí bỏ. 周行 chu hành (đọc hàng cho hợp vận), đường lớn.

Hậu phi nhớ tưởng đến chồng, vì Văn vương đi khỏi mới phô trán tình ý làm bài thơ này. Nói thác là vừa đi hái rau quyến nhĩ, chưa đầy giỏ nghiêng thì lòng lại nhớ tưởng đến người, cho nên không thể nào hái tiếp nữa, bỏ quên giỏ rau ở bên đường.

## CHƯƠNG II

陟彼崔嵬

5. Trắc bỉ tồi ngôi,

我馬虺隕

6. Ngā mā khôi đồi.

我姑酌彼金罍

7. Ngā cô chước bỉ kim lôi.

維 以 不 永 懷 8.Duy dĩ bất vĩnh hò(hoài).

*Dịch nghĩa*

5. Cõi đi lên núi đất có đá kia,
6. Thì ngựa ta bị bệnh mệt mỏi không thể trèo cao.
7. Ta chỉ rót rượu ở chiếc lọ vàng kia,
8. Để uống cho khỏi phải nhớ trông mãi không thôi.

*Dịch thơ*

*Núi kia em muốn lên cùng,  
Ngựa em đã bệnh chẳng hòng lên cao.  
Lọ vàng em rót rượu vào.  
Uống say cho khỏi rạt rào nhớ trông.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 步 trắc, lên, 崔嵬 *tíi ngói*, núi đất mà trên có đá, 隅 *khôi dồi*, ngựa bệnh mệt mỏi không thể lên cao, 姑 *cô*, chỉ, 罷 *lôi*, đồ đựng rượu có khác về hình mây và sấm, có trang sức bằng vàng thì gọi là kim lôi, 永 *vĩnh*, lâu, dài, xa.

Chương này nàng lại nói thắc là muốn lên núi đất có đá kia để ngóng trông người của nàng tưởng nhớ mà đi theo cùng, thì ngựa lại mệt đau không thể nào tiến lên được. Cho nên nàng dành rót rượu ở lọ vàng ra uống để khỏi phải nhớ tưởng mãi không thôi.

**CHƯƠNG III**

陟 彼 高 岗

9. Trắc bỉ cao cương,

- |             |                               |
|-------------|-------------------------------|
| 我 馬 玄 黃     | 10. Nhã mā huyền hoàng.       |
| 我 姑 酣 彼 兕 觸 | 11. Ngā cô chước bỉ tự quang, |
| 維 以 不 永 傷   | 12. Duy dī bất vĩnh thương.   |

*Dịch nghĩa*

9. Muốn lên sống núi cao kia,
10. Thì ngựa ta lại quá bình không tiến lên được.
11. Ta chỉ rót rượu vào chén bằng sừng con tự,
12. Để uống cho khỏi phải đau thương mãi mãi.

*Dịch thơ*

*Muốn lên trên sống núi cao,  
Ngựa em quá bình, thế nào lên đây?  
Chén sừng tự rót voi đây.  
Khỏi đau thương mãi, uống say, say vùi.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 岡 cương, sống núi, 玄 黃 huyền hoàng, ngựa đen mà đổi sắc vàng, quá bình mà biến sắc, 兮 tự, loài bò rừng có một sừng (như con tê giác), màu xanh, nặng ngàn cân, 觸 quang, cái chén 兮 觸 tự quang, chén rượu bằng sừng con tự.

CHƯƠNG IV

- |         |                     |
|---------|---------------------|
| 陟 彼 硕 矣 | 13. Trắc bỉ thư hī! |
| 我 馬 瘡 矣 | 14. Ngā mā đồ hī!   |
| 我 僕 痛 矣 | 15. Ngā bộc phô hī! |

云 何 呎 矣

## 16. Vân hà hu hī !

### *Dịch nghĩa*

13. Muốn lên núi đá mà ở trên có đất kia,
14. Thì ngựa ta đã bị bệnh không thể tiến lên được.
15. Và người tớ của ta cũng bị bệnh không thể đi được.
16. Răng phải than thở làm sao?

### *Dịch thơ*

*Núi cao em muốn lên trên,  
Ngựa em đã bệnh chẳng lên được nào.  
Kẻ hầu em cũng lại đau.  
Thở than than thở làm sao cho vừa?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 硎 *thư*, núi đá mà ở trên có đất, 猪 *dồ*, ngựa bệnh không thể tiến lên được. 痛 *phô*, người bệnh không thể đi được, 呎 *hu*, lo râu mà than thở. Sách *Nhī nhā* chú chữ 呎 *hu*, ra 眇 *hu* là giương mắt trông ra xa (xem rõ ở thiên *Hà nhân tư*).

*Thiên Quyển nhī có 4 chương, mỗi chương 4 câu.*

Thiên này cũng bà Hậu phi làm ra, khiến chúng ta nhận thấy nết trinh tịnh chuyên nhất rất mực của nàng, há chẳng phải là làm vào lúc Văn vương đi chầu hay đi đánh giặc hoặc lúc bị giam ở Dữu lý hay sao? Nhưng không thể khảo cứu rõ ra được.

## BÀI THÚ 4

### CHƯƠNG I

南 有 櫟 木

Nam hữu cựu mộc (Chu nam 4)

南 有 櫟 木

1. Nam hữu cựu mộc,

葛 蔴 繢 之

2. Cát luý lôi chi.

樂 只 君 子

3. Lạc chỉ quân tử!

福 履 綏 之

4. Phúc lý tuy chi.

#### *Dịch nghĩa*

1. Núi nam có cây sà,
2. Dây sán dây bìm kết đeo lên.
3. Vui mừng thay bà Hậu phi!
4. Phúc lộc sê đưa đến để bà sống yên ổn.

#### *Dịch thơ*

*Núi nam có gốc cây sà,  
Sán bìm đùm bọc rườm rà quấn đeo.  
Vui mừng quân tử xiết bao!  
Chúc người phúc lộc dồi dào sống yên.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hùng 南 nam, núi nam, 櫟木 cựu mộc , cây cong sà xuống, 蔴 luý, một loại dây sán, 繢 lôi, kết vào, 只 chi, tiếng trợ ngữ từ, 君子 quân tử, các người thiếp chỉ Hậu phi là quân tử, cũng như nói tiểu quân nội tử vậy, 履 lý, lộc, 綏 tuy, yên .

Hậu phi nǎng thi ân cho các người thiếp dưới mình mà không có lòng đố kỵ, ghen tuông, cho nên các người thiếp mến đức hạnh của bà Hậu phi mà nguyên chúc rằng: Núi nam có cây sà xuống, vui mừng thay bà Hậu phi! Thi bà được sống yên với nhiều phúc lộc.

## CHƯƠNG II

南有樛木

5. Nam hữu cưu mộc.

葛藟荒之

6. Cát luý hoang chi.

樂只君子

7. Lạc chỉ quân tử!

福履將之

8. Phúc lý tương chi.

### *Dịch nghĩa*

5. Núi nam có cây sà,
6. Dây sắn dây bìm che lấp cả.
7. Vui mừng thay bà Hậu phi!
8. Phúc lộc sẽ phù trợ giúp đỡ bà.

### *Dịch thơ*

*Có cây sà mọc núi nam,  
Phù che quần khắp sắn bìm bám theo.  
Vui mừng quân tử xiết bao!  
Chúc người phúc lộc dồi dào giúp thêm*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 荒 hoảng, che lấp. 將 tương, phù trợ, giúp đỡ.

### CHƯƠNG III

- |         |                        |
|---------|------------------------|
| 南 有 櫟 木 | 9. Nam hữu cựu mộc,    |
| 葛 蔷 蕤 之 | 10. Cát luỹ oanh chi.  |
| 樂 只 君 子 | 11. Lạc chỉ quân tử!   |
| 福 履 成 之 | 12. Phúc lý thành chi. |

#### *Dịch nghĩa*

9. Núi nam có cây sà,
10. Dây sắn dây bìm quấn đeo lên.
11. Vui mừng thay bà Hậu phi!
12. Phúc lộc được tựu thành nơi bà.

#### *Dịch thơ*

*Núi phái nam có cây cựu mộc,  
Sắn với bìm đùm bọc quấn vào.  
Vui mừng quân tử xiết bao!  
Chúc người phúc lộc được mau tựu thành.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng 蕤 oanh, xoay quấn, 成 thành, thành tựu

*Thiên Cửu mộc có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THÚ 5

### CHƯƠNG I

螽 斯	Chung tư (Chu nam 5)
螽 斯 羽	1. Chung tư vū,
詭 詭 兮	2. Sằn sằn hĕ.
宜 爾 子 孫	3. Nghi nhī tử tôn,
振 振 兮	4. Chân chân hĕ .

#### *Dịch nghĩa*

1. Cánh con giọt sành.
2. Bay nghe tụ tập lại.
3. Thị con cháu của mây.
4. Phải đông nhiều.

#### *Dịch thơ*

*Cánh giọt sành bay nghe tề tụ,  
Con cháu mây đông đủ dồi dào.*

#### *Chú giải của Chu Hý*

Chương này thuộc tý 蟬斯 *chung tư*, con giọt sành, loài cào cào, dài mà xanh, xúc giác và bắp chân đều dài, có thể lấy ống chân cọ vào nhau mà kêu ra tiếng, để trưng một lần nở ra 99 con, 詭詭 *sằn sằn*, dáng tụ tập lại đông,爾 *nhī*, mây, chỉ con giọt sành, 振振 *chân chân*, dáng nhiều đông. Tý là lấy một vật này mà so sánh với vật kia. Bà Hậu phi không đố kỵ mà con cháu được đông nhiều. Cho nên các người thiếp lấy bầy giọt sành tụ tập hoà hợp để so sánh với con cháu đông đảo của bà. Hễ có đức hạnh không ghen tuông ấy thì phải có cái phước đông con cháu này.

Về sau hẽ nói tỳ là phỏng theo đây vậy.

## CHƯƠNG II

- |      |                     |
|------|---------------------|
| 螽斯羽  | 5. Chung tư vū      |
| 薨薨兮  | 6. Hoăng hoăng hẽ.  |
| 宜爾子孫 | 7. Nghi nhī tử tôn, |
| 繩繩兮  | 8. Thăng thăng hẽ.  |

### *Dịch nghĩa*

5. Cánh con giọt sành,
6. Bay nghe thành bầy.
7. Thì con cháu của mây,
8. Nối nhau đời đời không dứt.

### *Dịch thơ*

*Cánh giọt sành bay thành bầy lũ,  
Con cháu mây đông đủ nối nhau.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tỳ, 肇薨 hoăng hoăng, tiếng bay thành bầy, 繩繩 thăng thăng, dáng không dứt, cứ tiếp nối mãi.

## CHƯƠNG III

- |      |                      |
|------|----------------------|
| 螽斯羽  | 9. Chung tư vū,      |
| 揖揖兮  | 10. Tập tập hẽ.      |
| 宜爾子孫 | 11. Nghi nhī tử tôn, |
| 𧔗𧔗兮  | 12. Trập trập hẽ.    |

### *Dịch nghĩa*

9. Cánh con giọt sành,
10. Bay nghe tụ hội.
11. Thì con cháu của mây,
12. Phải đông nhiều

### *Dịch thơ*

*Cánh giọt sành bay nghe tụ tập,  
Con cháu mây đông khắp dời dào.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý,揖揖 tập tập, hội hợp tụ lại 蠢蟄  
trập trập, ý đông nhiều.

*Thiên Chung tư có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THÚ 6

### CHƯƠNG I

桃 天	Đào yêu. (Chu nam 6)
桃 之 天 天	1. Dào chi yêu yêu,
灼 灼 其 華	2. Chước chước kỳ hoa.
之 子 于 歸	3. Chi tử vu quy,
宜 其 室 家	4. Nghi kỳ thất gia.

### *Dịch nghĩa*

1. Cây đào tơ xinh tươi,
2. Hoa nhiều rậm.
3. Nàng ấy đi lấy chồng,

#### 4. Thị át thuận hoà êm ám cảnh gia đình.

##### *Dịch thơ*

*Đào tơ mơn mòn xinh tươi,  
Hoa hồng đơm đặc dưới trời xuân trong.  
Hôm nay nàng đã theo chồng,  
Nên bê gia thất ám nồng thuận vui.*

##### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hùng 桃 đào, tên một loại cây, hoa màu hồng, quả ăn được, 天天 yêu yêu, dáng non tơ tươi tốt, 灼灼 chước chước, hoa nhiều rậm. Hễ cây còn tơ thì nhiều hoa, 归 quy, phụ nữ về nhà chồng gọi quy. Theo sách Chu lễ, tiết tháng trọng xuân (tháng hai) nam nữ hội hợp mà lấy nhau thành vợ chồng, thì hễ cây đào trổ hoa là mùa hôn nhân vậy, 宜 nghi, ý hoà thuận, 室 thất, nhà cửa, chỗ vợ chồng ăn ở với nhau, 家 gia, nơi phía trong cửa trong nhà.

Việc giáo hoá của Văn vương là từ nhà đến nước, nam nữ lấy nhau chính đáng, cưới gả đúng lúc, cho nên nhà thơ nhân những điều đã trông thấy mà khởi hùng, khen người con gái hiền thục và biết át là nàng sẽ hoà thuận êm ám với gia đình.

## CHƯƠNG II

桃之夭夭  
有蕡其實  
之子于歸  
宜其室家

5. Đào chi yêu yêu,
6. Hữu phần kỳ thực,
7. Chi tử vu quy,
8. Nghi kỳ gia thất.

### *Dịch nghĩa*

5. Cây đào tơ xinh tươi,
6. Trái đã đơm nhiều.
7. Nàng ấy đi lấy chồng.
8. Thị át thuận hoà êm ám cảnh gia đình.

### *Dịch thơ*

*Đào tơ mơn mòn tươi sinh,  
Trái đã đơm đặc đầy cành khắp cây.  
Theo chồng, nàng quả hôm nay,  
Âm êm hoà thuận nồng say gia đình.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng, 賽 phàn, trái nhiều dày, 家室  
*gia thất*, như thất gia ở chương I.

## CHƯƠNG III

- |         |                        |
|---------|------------------------|
| 桃 之 夭 夭 | 9. Đào chi yêu yêu,    |
| 其 葉 荤 荤 | 10. Kỳ diệp trăn trăn. |
| 之 子 于 歸 | 11. Chi tử vu quy,     |
| 宜 其 家 人 | 12. Nghi kỷ gia nhân.  |

### *Dịch nghĩa*

9. Cây đào tơ xinh tươi,
10. Lá đơm xum xuê.
11. Nàng ấy đi lấy chồng,
12. Thị át thuận với người trong nhà.

### *Dịch thơ*

*Xinh tươi mơn mởn đào tơ,  
Xum xuê ngàn lá phất phơ đầy cành.  
Theo chồng, nàng đã duyên thành,  
Với người gia thất, hiền lành thuận vui.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng, 蕤蕤 trǎn trǎn, lá nhiều xum xuê 家人 gia nhân, người ở trong nhà.

*Thiên Dao yêu có 3 chương mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THỨ 7.

### CHƯƠNG I

兔 置	Thố tư (Chu nam 7)
肅 肅 兔 置	1. Túc túc thố tư,
椓 之 丁 丁	2. Trác chi đinh đinh
赳 趹 武 夫	3. Củ củ vū phú
公 侯 千 城	4. Công hầu can thành.

### *Dịch nghĩa*

1. Người đánh lưới thỏ tề chỉnh gọn gàng,
2. Dóng cây cọc nghe tranh tranh.
3. Dáng vũ phu uy vũ,
4. Có thể dùng làm thuận làm thành cho công hầu (để che chở nhân dân và bờ cõi)

### *Dịch thơ*

*Có người lười thô hiên ngang,  
Tranh tranh đóng cọc nghe vang, một vùng,  
Vũ phu dáng điệu oai hùng,  
Như thành như thuẫn bức công bức hâu.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng 肅肅 túc túc, dáng tề chỉnh gọn gàng 置 tư, lười bất thô 丁丁 tranh tranh, tiếng đóng cây cọc nghe tranh tranh, 趟趟 củ củ dáng uy vũ 干 can, cái thuẫn, 干城 can thành, cái thuẫn và bức thành đều là để ngăn cản ở ngoài mà che chở ở trong.

Việc giáo hoá được thi hành, thì phong tục trở nên đẹp đẽ, bức hiền tài đông đảo. Tuy là người quê mùa nơi thôn dã, nhưng tài cán có thể dùng được. Vì thế nhà thơ nhân việc ấy khởi hứng mà khen tặng. Thì sự thịnh hành về đức hoá của Văn vương nhân đấy mà có thể nhận thấy được vậy.

## CHƯƠNG II

- |      |                     |
|------|---------------------|
| 肅肅兔置 | 5. Túc túc thô tư,  |
| 施于中達 | 6. Dị vu trung quỳ. |
| 趟趟武夫 | 7. Củ củ vũ phu,    |
| 公侯好仇 | 8. Công hầu hảo cừu |

### *Dịch nghĩa*

5. Người đánh lười thô tề chỉnh, gọn gàng
6. Dời lười thô vào chỗ đường thông chín nẻo.
7. Dáng vũ phu uy vũ,

8. Là bạn tốt của bực công hâu.

### *Dịch thơ*

*Có người lười thô hiên ngang,  
Dời vào ngã chín để giăng lưới ra,  
Vũ phu dáng điệu tài ba,  
Giúp công hâu được hoá ra bạn lành.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng 達 quỳ, đường thông chín nẻo, 仇 cùu (đọc kỳ cho hợp vận) đồng âm với chữ 逑 cầu là bạn lứa. Khuông Hành dẫn rằng thiên Quan thư cũng viết cùu. 公侯好仇 công hâu hảo cùu, bạn tốt của bực công hâu, như lứa đôi tốt của bực thánh nhân.

Người đánh lưới thô rất tài cán, chẳng phải là chỉ để che đỡ như cái thuẫn cái thành mà thôi đâu! Ý khen tặng tài cán của người đánh lưới thô không xiết. Chương sau này cũng phỏng theo đấy.

## CHƯƠNG II

肅肅兔置

9. Túc túc thô tư,

施于中林

10. Dị vu trung lâm.

赳赳武夫

11. Cù cù vũ phu,

公侯腹心

12. Công hâu phúc tâm.

### *Dịch nghĩa*

9. Người đánh lưới thô tề chỉnh gọn gàng,

10. Dời lưới đánh thô vào trong rừng.

11. Dáng vú phu uy vú,  
 12. Là bức đồng tâm đồng đức của công hầu.

*Dịch thơ*

*Có người lười thò hiên ngang,  
 Đem dời lười thò ra giàn rừng sâu.  
 Vú phu dáng điệu anh hào,  
 Ấy là tâm phúc của bao công hầu.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng, 中林 *trung lâm*, tức là *lâm trung*, ở trong rừng, 腹心 *phúc tâm* (bụng và lòng), ý nói đồng tâm đồng đức. Người đánh lười thò lại không chỉ là bạn tốt của công hầu mà thôi đâu, còn là bức đồng tâm đồng đức của công hầu nữa.

*Thiên Thổ* tư có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 8

CHƯƠNG I

芣苢	Phù dī (Chu nam 8)
采采芣苢	1. Thái thái phù dī,
薄言采之	2. Bạc ngôn thái chi.
采采芣苢	3. Thái thái phù dī,
薄言有之	4. Bạc ngôn hữu chi.

### *Dịch nghĩa*

1. Trái phù dī hái lại hái (cũng gọi là trái xa tiền)
2. Thì bắt đâu đi tìm hái.
3. Trái phù dī hái lại hái,
4. Thì tìm được ngay

### *Dịch thơ*

*Trái phù dī hái rồi lại hái.*

*Thì bắt đâu tìm lấy hái ngay.*

*Hái rồi lại hái liền tay.*

*Thì tìm đã được có dây rồi mà.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng 芳草 phù dī, là cây xa tiền, lá to, chùm hột dài, ưa mọc ở bên đường, 采 thái, mới đi tìm, 有 hữu, tìm mà đã được.

Hễ đức hoá thí hành thì phong tục trở nên đẹp đẽ, giáo đạo bình yên, phụ nữ được vô sự, cùng nhau đi hái trái phù dī, tức là trái xa tiền, trần thuật việc đi hái để cùng vui với nhau.

Hái trái phù dī cũng chưa rõ để dùng về việc gì. Hoặc có người nói là trái phù dī hay xa tiền trị được bệnh đẻ khó.

## CHƯƠNG II

采采芣苢

5. Thái thái phù dī,

薄言掇之

6. Bạc ngôn đoạt chi.

采采芣苢

7. Thái thái phù dī,

薄言捋之

8. Bạc ngôn loát chi.

### *Dịch nghĩa*

5. Trái phù dī hái lại hái,
6. Thì ta thu gom lại.
7. Trái phù dī hái lại hái,
8. Thì ta lặt lấy hột.

### *Dịch thơ*

*Trái phù dī hái rồi lại hái,  
Hái rồi thì ta lại gom chung,  
Hái rồi lại hái ta cùng,  
Để còn lặt hột cho xong việc này.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 插 篇, thu gom lại, 將 loát, lặt  
lấy hột

## CHƯƠNG III

采采芣苢

9. Thái thái phù dī,

薄言結之

10. Bạc ngôn kết chi.

采采芣苢

11. Thái thái phù dī,

薄言擗之

12. Bạc ngôn khiết chi

### *Dịch nghĩa*

9. Trái phù dī hái lại hái,
10. Thì lấy vạt áo túm lại mà đựng.
11. Trái phù dī hái lại hái,
12. Thì lấy vạt áo túm lại rồi buộc ngang lưng quần.

### *Dịch thơ*

*Trái phù dī hái rồi lại hái.  
Vật áo ta túm lại đựng chung.  
Hái rồi lại hái cho xong.  
Túm rồi ta lại buộc vòng thắt lưng.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 結 kết, lấy vạt áo túm lại mà đựng 結 khiết, lấy vạt áo túm lại mà đựng rồi buộc vào thắt lưng.

*Thiên Phù dī có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THỨ 9

### CHƯƠNG I

漢廣  
南有喬木  
不可休息  
漢有游女  
不可求思  
漢之廣矣  
不可泳思  
江之永矣  
不可方思

Hán quảng (Chu nam 9)  
1. Nam hữu kiều mộc,  
2. Bất khả hưu túc.  
3. Hán hữu du nữ,  
4. Bất khả cầu ti.  
5. Hán chi quang hī!  
6. Bất khả vịnh tư  
7. Giang chi vĩnh hī!  
8. Bất khả phương tư.

### *Dịch nghĩa*

1. Núi nam có cây cao mà trui cành, cho nên không có bóng mát.
2. Khiến không thể nghỉ ngơi ở dưới đây được.
3. Sông Hán có những người con gái đi dạo chơi,
4. Mà không thể cầu mong gì được (Vì đã đoán trang không như thuở trước).
5. Sông Hán rộng vậy!
6. Cho nên không thể lặn qua được.
7. Sông Trường giang dài vậy!
8. Cho nên không thể dùng bè mà đi được.

### *Dịch thơ*

*Núi nam có cây trui cao,  
Mọi người chẳng thể tựa vào nghỉ ngơi.  
Các cô sông Hán dạo chơi,  
Đoan trang chẳng thể trao lời cầu mong.  
Kìa con sông Hán mênh mông,  
Chờ toan lặn lội mà hòng vượt qua.  
Trường giang mờ mịt chảy xa,  
Kết bè chẳng thể dùng mà lướt đi.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng mà tỷ, 喬 kiều, cây cao ngất mà không nhánh 思 ti (tư) tiếng trợ từ ở cuối câu (gồm tất cả những ti trong toàn thiên này). Sông 漢 Hán từ núi Ba Trũng sơn ở phủ Hưng Nguyên chảy ra, đến núi Đại Biệt ở quận (khu vực hành chính) Hán dương thì chảy vào Trường Giang. Theo tục ở vùng sông Trường Giang và sông Hán, con gái ưa đi dạo chơi, từ thời Hán Nguy trở về sau cũng thế. Còn có thể nhận thấy như thế ở khúc Đại đê, 江 vịnh (đọc

*vuông* cho hợp vận), lặn, lội ngầm dưới nước 江水 *Giang thuỷ* hay *Trường Giang*, từ núi Dân sơn ở quận Vĩnh Khang chảy ra, hướng về phía đông và hợp với sông Hán chảy lên đông bắc ra biển, 永 *vĩnh* (đọc *dương* cho hợp vận), dài, 方 *phương* (đọc *phỏng* cho hợp vận), cái bè.

Đức hoá của Văn vương từ gần mà ra xa, bắt đầu từ khoảng sông Trường giang, sông Hán để biến cải phong tục dâm loạn của vùng ấy. Cho nên những người con gái đi dạo chơi, người ta trông thấy, nhưng biết là doan trang tịnh nhất, chẳng phải có thể cầu mong được như thuở trước nữa, nhân thế mới lấy cây cao trai cành mà khởi hứng, lấy sông Trường giang, sông Hán mà so sánh, nhắc đi nhắc lại mà ca vịnh

## CHƯƠNG II

翹 翹 錯 薪

言 刍 其 楚

之 子 于 歸

言 株 其 馬

漢 之 廣 矣

不 可 泳 思

江 之 永 矣

不 可 方 思

9. Kiều kiều thác tân,

10. Ngôn ngải kỳ sở.

11. Chi tử vu quy,

12. Ngôn mạt kỳ mā.

13. Hán chi quảng hī!

14. Bất khả vịnh tư.

15. Giang chi vĩnh hī.

16. Bất khả phương tư.

### *Dịch nghĩa*

9. Trong bụi cây lộn xộn tươi tốt

10. Thì tôi cắt cây sở, thuộc loại cây kinh.

11. Nàng ấy đi lấy chồng.

12. Thì tôi cho ngựa nàng ăn để nuôi giùm nàng, cũng là  
tội ngoại.
13. Sông Hán rộng vậy!
14. Cho nên không thể lặn qua được
15. Sông Trường Giang dài vậy!
16. Cho nên không thể dùng bè mà đi được.

*Dịch thơ*

*Bụi cây lộn xộn đẹp xinh,  
Tôi lo cắt loại cây kinh mà dùng.  
Nếu nàng nay đã theo chồng,  
Xin nuôi giùm ngựa cho lòng đẹp vui.  
Rộng thay sông Hán cách vời!  
Chớ toan lặn lội vượt khơi mà hòng.  
Trường giang xa tít muôn trùng.  
Thả bè chằng thề xuôi dòng mà đi.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng mà tỷ 翩翩 kiều kiều, dáng tươi  
tốt lên, 错 thác, lộn xộn, 楚 sở, một thứ cây nhỏ (mọc thành  
bụi) thuộc loại cây kinh (có tên hoàng kinh, tiểu kinh, mẫu  
kinh), 之子 chi tử, chỉ người con gái đi dạo chơi 稳 mat, cho  
ăn để nuôi.

Lấy bụi cây nhỏ lộn xộn mà khơi hứng. Nếu được cho  
ngựa nàng ăn thì anh chàng rất là sung sướng. Lấy sông  
Trường Giang, sông Hán mà so sánh để than rằng rốt cuộc  
chẳng cầu mong gì được. Thế thì đã biết kính nể sâu xa.

### CHƯƠNG III

- |      |                         |
|------|-------------------------|
| 翹翹錯薪 | 17. Kiều kiều thác tân, |
| 言刈其蕘 | 18. Ngôn ngại kỳ lâu.   |
| 之子于歸 | 19. Chi tử vu quy,      |
| 言秣其駒 | 20. Ngôn mạt kỳ câu.    |
| 漢之廣矣 | 21. Hán chi quảng hī!   |
| 不可泳思 | 22. Bất khả vịnh tư.    |
| 江之永矣 | 23. Giang chi vīnh hī!  |
| 不可方思 | 24. Bất khả phương tư.  |

#### *Dịch nghĩa*

17. Trong bụi cây lộn xộn tươi tốt,
18. Thì tôi cắt cây lâu.
19. Nàng ấy đi lấy chồng.
20. Thì tôi cho ngựa câu của nàng ăn để nuôi giùm nàng, cũng là toại nguyện.
21. Sông Hán rộng vậy!
22. Cho nên không thể lặn qua được.
23. Sông Trường Giang dài vậy!
24. Cho nên không thể dùng bè mà đi được.

#### *Dịch thơ*

*Bụi cây lộn xộn đẽp cao,  
Thì ta vội cắt cây lâu mà dùng.  
Nếu nàng nay đã theo chồng.  
Ngựa câu nuôi giúp thì lòng cũng cam.*

*Rộng thay sông Hán xa xăm!  
Cho nên không thể lặn ngầm mà qua.  
Trường giang mờ mít chảy xa,  
Kết bè chằng thê dùng mà lướt đi.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng mà tỷ,薹 lâu, cây lâu hào, lá giống lá ngải, màu xanh trắng, dài vài tấc, mọc trong ao nước,駒 câu, ngựa con.

*Thiên Hán quảng có 3 chương, mỗi chương 8 câu.*

BÀI THÚ 10.

CHƯƠNG I

汝 墳	Nhữ phần. (Chu nam 10)
遵 彼 汝 墳	1. Tuân bỉ Nhữ phần,
伐 其 條 枷	2. Phật kỳ điêu mai.
未 見 君 子	3. Vị kiến quân tử,
惄 如 調 飢	4. Nịch như chu cơ.

*Dịch nghĩa*

1. Thuận theo bờ đê sông Nhữ kia,
2. Em chặt nhánh và thân cây.
3. Khi chưa gặp thấy được chồng,
4. Thì lòng em xót xa như bị cơn đói nặng nề.

*Dịch thơ*

Bờ đê sông Nhữ lần đi,  
Cây, nhành em đãn, quản gì nhọc công.  
Khi em chưa gặp được chồng.  
Như còn đợi nàng, tặc lòng xót xa.

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 邊 tuân, thuận theo, 汝 Nhữ, sông Nhữ từ núi Thiên Túc ở Nhữ châu chảy ra, ngang qua Thái châu, Dĩnh châu rồi chảy vào sông Hoài, 墳 phán, bờ đê to, 條 điêu, nhành cây, 枚 mai, thân cây, 怒 nich, đợi, 調 chu, cũng viết là nặng.

Những nước bên sông Nhữ, trước hơn hết cũng được sự giáo hoá của Văn vương, cho nên người vợ mừng chồng đi làm mà trở về. Nhân ghi lại lúc chồng chưa về thì lòng trông nhớ như thế, mới thuật lại mà trần bày ra vậy.

## CHƯƠNG II

- |         |                      |
|---------|----------------------|
| 邊 彼 汝 墳 | 5. Tuân bỉ Nhữ phán, |
| 伐 其 條 肆 | 6. Phật kỳ điêu dị.  |
| 既 見 君 子 | 7. Ký kiến quân tử,  |
| 不 我 遷 棄 | 8. Bất ngã hà khí.   |

### *Dịch nghĩa*

5. Thuận theo bờ đê sông Nhữ kia,
6. Em chặt nhành và chồi cây.
7. Khi đã gặp thấy được chồng,
8. Em mừng chồng chẳng xa bỏ em.

### *Dịch Thơ*

Bờ đê sông Nhữ theo lắn,  
Đắn chồi, cành nhô xa gần cho xong,  
Nay em đã gặp được chồng.  
Mừng chàng chưa nỡ đem lòng xa em:

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 褒 dì, cây đã bị chặt mà lên chồi,遐 hà, xa.

Đã chặt nhành và chặt cả chồi thì thời gian đã trôi qua một năm mới thấy chồng trở về và mừng rằng chồng không xa bỏ nàng vậy.

## CHƯƠNG III

飭 魚 虞 尾

9. Phòng ngư sanh vī,

王 室 如 煥

10. Vương thất như huỷ.

雖 則 如 煥

11. Tuy tắc như huỷ,

父 母 孔 遷

12. Phụ mẫu khổng nhī.

### *Dịch nghĩa*

9. Con cá phòng đã đẻ đuôi vì quá mệt nhọc.
10. Triều đình vua Trụ khốc liệt như lửa thiêu.
11. Tuy khốc liệt như lửa thiêu,
12. Nhưng ơn đức của Văn vương như cha mẹ trông rất gần, có thể khiến anh quên được lao nhọc mà cố gắng lên.

### *Dịch thơ*

Cá phòng mệt đẻ đuôi rồi,  
Nhà Thương khốc liệt như hồi lửa thiêu.

*Cháy bùng khổ sở trãm chiều,  
Mẹ cha thánh đức Chu triều chẳng xa.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý, 鮎 *phòng*, tên một loài cá, mình rộng mà dẹp, sức yếu, vảy nhỏ, 順 *sanh*, đỏ, con cá phòng hễ mệt thì đỏ đuôi. Đuôi con cá phòng vốn trắng, mà nay đã đỏ thì cá phòng đã quá mệt vây. 王室 *vương thất*, chỉ nơi đóng đô của vua Trụ – 父母 *phụ mẫu*, cha mẹ, chỉ Văn vương 孔 *khổng*, rất, 還 *nhī*, gần.

Lúc ấy Văn vương đã chiếm được hai phần ba thiên hạ, và đốc suất những nước đã phản lại nhà Thương tôn thờ vua Trụ. Cho nên nhân dân ở bờ sông Nhữ đều theo mệnh lệnh của Văn vương lo làm việc cho vua Trụ. Người nhà thấy làm việc cần khổ mới uỷ lạo rằng: Anh đã lao khổ như thế, mà triều đình vua Trụ cứ khóc liệt bạo tàn mãi không thôi. Tuy sự bạo tàn khóc liệt ấy không chấm dứt, nhưng ơn đức của Văn vương như cha mẹ trông rất gần có thể khiến anh quên được khổ nhọc vậy.

Bài tự này nói người vợ thương xót chồng, năn nỉ khuyên chồng theo đường phải, tuy xa cách nhau lâu, nhớ nhung nhau thâm thiết mà khuyến cáo chồng vẫn với ý tôn quân thân thương, mà không có tình riêng lả lợi quyền luyến. Thi ơn trách sâu xa, phong hoá đẹp đẽ ấy đã có thể nhận thấy được.

Có một thuyết nói rằng cha mẹ rất gần không nên bê trễ công việc của vua để khiến cha mẹ phải lo âu. Giảng như thế cũng thông lý.

*Thiên Nhữ phần có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THÚ 11

### CHƯƠNG I

麟之趾	Lân chi chi. (Chu nam 11)
麟之趾	1. Lân chi chi,
振振公子	2. Chân chân công tử
于嗟麟兮	3. Hu ta lân hề!

#### *Dịch nghĩa*

1. Chân của con lân,
2. Con của Văn vương nhân hậu
3. Ôi, như con lân vậy thay!

#### *Dịch thơ*

*Kìa là chân của kỳ lân,  
Con Văn vương cũng hậu nhân rõ là.  
Ôi, như kỳ lân thật mà!*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng 麟 lân, loại thú minh giống con chươn, đuôi bò, móng ngựa, thú đứng đầu trong các loài có lông, 趾 chi, chân. Chân con lân không đẹp lên cỏ tươi, không giẫm lên côn trùng còn sống, 振振 chân chân dáng nhân hậu, 于嗟 hu ta, tiếng than.

Văn vương và Hậu phi lấy đức hạnh tu thân, mà con cháu tông tộc đều hoá ra hiền lành. Cho nên nhà thơ mới lấy chân con lân mà khởi hứng để nói về con của Văn vương và Hậu phi. Nói rằng tính con lân nhân hậu, cho nên chân của nó cũng nhân hậu. Văn vương và Hậu phi nhân hậu, cho nên

con của ngài cũng nhân hậu. Nhưng lời nói không thể tả đủ, cho nên lại than thở khen tặng. Nhưng nói về con lân, hà tất phải là minh chương, đuôi bò, móng ngựa, rồi sau mới là điểm tốt của đế vương hay sao?

## CHƯƠNG II

麟之定 4. Lân chi đinh,

振振公姓 5. Chân chân công tính.

于嗟麟兮 6. Hu ta lân hế!

### *Dịch nghĩa*

4. Trán của con kỳ lân,
5. Cháu của Văn vương nhân hậu,
6. Ôi, như con lân vậy thay!

### *Dịch thơ*

*Kìa là trán của kỳ lân.*

*Cháu Văn vương cũng hậu nhân vô cùng.*

*Ôi, như kỳ lân, một lòng!*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 定 đính, cái trán. Trán con kỳ lân thì chưa nghe nói là thế nào. Hoặc nói rằng con kỳ lân có trán, nhưng không dùng trán để húc để cung (ấy là nhân), 公姓 công tính, con cháu của công hầu, 姓 tính, có nghĩa là sinh ra.

### CHƯƠNG III

麟之角

7. Lân chi giác

振振公族

8. Chân chân công tộc,

于嗟麟兮

9. Hu ta lân hê!

#### *Dịch nghĩa*

7. Sừng của con kỳ lân,
8. Bà con đồng họ của Văn vương nhân hậu
9. Như con kỳ lân vậy

#### *Dịch thơ*

*Kìa là sừng của kỳ lân,  
Họ Văn vương cũng hậu nhân xiết nào.  
Ôi, như kỳ lân làm sao!*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng, 角 giác (đọc lốc cho hợp vận), sừng. Con lân có một sừng, đầu sừng có thịt (cho nên không thể húc cung được, ấy là nhân), 公族 công tộc, bà con đồng một ông cố với công hầu, tổ miếu còn thì có tình đồng họ.

*Thiên Lân chỉ có 3 chương, mỗi chương 3 câu.*

Lời tự cho thiên này là bìa thơ ứng nghiệm của thiên Quan thư cũng đúng.

*Thơ của những nước Chu nam có 11 thiên, cả thảy 34 chương, 159 câu.*

Theo phần thơ Chu nam này, 5 bài thơ đầu đều nói về đức hạnh của bà Hậu phi: Quan thư (nói về toàn thể bà Hậu phi), Cát đầm, Quyển nhĩ (nói về ý chí và nết hạnh của bà

Hậu phi đã như thế). Cưu mộc, Chung tư (khen ơn đức của bà Hậu phi đã ban bố đến người khác), đều chỉ về một việc mà nói vậy. Lời thơ tuy chỉ về Hậu Phi, nhưng thực ra là để tỏ rạng cái công hiệu của đạo tu thân tề gia của Văn vương.

Đến bài Đào yêu, Thố tư, Phù dī thì nói về sự công hiệu của đạo gia tề thì quốc trị.

Bài Hán quảng, Nhữ phần là thơ của nước phía nam phụ vào, để nhận thấy rằng thiên hạ đã có thể bình trị lần lần vậy.

Còn như bài Lân chi chỉ thì là điểm tốt của đế vương, tự nhiên đưa đến, chờ chẳng phải sức người có thể đạt được, cho nên mới đặt ở cuối phần thơ Chu nam, mà bài tự đã nhận là kết quả ứng nghiệm của thiên Quan thư, Ôi! sở dĩ đã đạt đến mức ấy, thì ân đức của Hậu phi há rằng không trợ giúp phần lớn? Nhưng nếu đạo làm vợ mà không thành thì há lại được riêng sự tốt đẹp như thế ư?

Nay nói về kinh Thi, lại có kẻ cho là chỉ chuyên về Hậu phi mà không nhận căn bản ở Văn vương, thì cũng là làm vậy.

## 2. THIỆU NAM

Thiệu là tên đất thái áp (nước phong cho để hưởng lộc) của Thiện Công Thích. Thuyết xưa nhận là vùng Phù Phong ở Ung huyện có Thiệu Đình tức là đất Thiệu ấy. Nay Ung huyện chia làm hai: Kỳ Sơn huyện và Thiên Hưng huyện, chưa biết đích xác Thiệu Đình ở tại huyện nào. Phần dư ra thì đã thấy ở thiên Chu nam rồi.

## BÀI THỨ 12.

### CHƯƠNG I

鵲 巢	Thước sào. (Thiệu nam I)
維 鵲 有 巢	1. Duy thước hữu sào,
維 婦 居 之	2. Duy cưu cư chi.
之 子 于 歸	3. Chi tử vu quy,
百 兩 御 之	4. Bách lưỡng nhạ chi.

#### *Dịch nghĩa*

1. Con chim thước có ỏ,
2. Con chim cưu đến ỏ,
3. Nàng ấy đi lấy chồng,
4. Hằng trăm cỗ xe đón rước dâu.

#### *Dịch thơ*

*Chim thước có cái ỏ xinh,  
Chim cưu bay đến chiếm giành ở trong.  
Nay nàng đến buổi lấy chồng.  
Hằng trăm xe ngựa đến cùng đón dâu.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng, 鵲 thước, 婦 cưu đều là tên chim. Chim thước khéo làm ỏ. Ỏ của chim thước rất hoàn hảo kiên cố. Chim cưu thì tính vụng về không biết làm ỏ, thường ở vào ỏ chim thước làm xong. 之子 chi tử, nàng ấy, chỉ bà phu nhân (vợ của chư hầu), 兩 lưỡng, chiếc xe, vì một chiếc

xe đời xưa có hai bánh (lưỡng = hai), 御 *nha*, đón rước. Con gái của chư hầu gả cho chư hầu đều có hàng trăm cỗ xe đưa rước.

Chư hầu ở nước phương nam chịu sự giáo hoá của Văn vương đều chính tâm tu thân để tề gia. Còn con gái của chư hầu cũng chịu sự giáo hoá của Hậu phi, đều có đức hạnh chuyên tịnh thuần nhất. Cho nên khi nghe việc gả cho chư hầu, người nhà khen tặng rằng: Chim thước có ố, thì chim cưu đến ở. Vì thế khi nàng lấy chồng thì có trăm cỗ xe đến rước dâu. Ý của bài thơ này cũng như phần thơ Chu nam có bài Quan thư vậy.

## CHƯƠNG II

維 鵠 有 巢

5. Duy thước hữu sào,

維 鳩 方 之

6. Duy cưu phương chi.

之 子 于 歸

7. Chi tử vu quy,

百 兩 將 之

8. Bách lưỡng tương chi.

### *Dịch nghĩa*

5. Con chim thước có ố,
6. Con chim cưu giành làm của mình có.
7. Nàng ấy đi lấy chồng,
8. Hàng trăm cỗ xe tiễn đưa dâu.

### *Dịch thơ*

*Chim thước có cái ố xinh,  
Cưu đã làm của mà tranh ở vào.  
Nay nàng lấy bậc chư hầu,  
Hàng trăm xe ngựa đưa dâu rõ ràng.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng 𠙴 phương, có, 將 tương, tổng  
lưu.

## CHƯƠNG III

- |         |                           |
|---------|---------------------------|
| 維 鶴 有 巢 | 9. Duy thước hữu sào,     |
| 維 鳩 盈 之 | 10. Duy cưu doanh chi.    |
| 之 子 于 歸 | 11. Chi tử vu quy,        |
| 百 兩 成 之 | 12. Bách lưỡng thành chi. |

### *Dịch nghĩa*

9. Con chim thước có ỗ,
10. Chim cưu đến ở đông đầy.
11. Nàng ấy đi lấy chồng,
12. Hàng trăm cỗ xe tham dự để thành cuộc hôn nhân.

### *Dịch thơ*

*Chim thước có cái ỗ xinh,  
Đông đầy cưu đã chiếm nhanh ở vào.  
Nay nàng lấy bức chư hầu,  
Hàng trăm xe ngựa chực chờ thành hôn.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng, 盈 doanh, đầy, nói các em cháu  
gái đưa dâu và làm thiếp sang rất đông, 成 thành, thành  
hôn lễ.

*Thiên Thước sào có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THÚ 13.

### CHƯƠNG I

采 薺	Thái phiền (Thiệu nam 2)
于 以 采 薺	1. Vu dī thái phiền,
于 沼 于 沔	2. Vu chiếu vu chỉ.
于 以 用 之	3. Vu dī dụng chi,
公 侯 之 事	4. Công hầu chi sự.

#### *Dịch nghĩa*

1. Thị để hái rau phiền,
2. Ở bên ao hay bên cồn bãi.
3. Thị để dùng về việc
4. Cúng tế của chư hầu

#### *Dịch thơ*

*Để mà đi hái rau phiền,  
Bên ao thường mọc hay miesen bãi sông,  
Hái về kính cẩn mà dùng.  
Phu nhân cúng tế ở trong miếu đường.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 于 vu, ở, nơi 薺 phiền, rau bạch hào, 沼 chiếu, ao nước, 沔 chỉ, bãi cồn, 事 sự (đọc thị cho hợp vận), việc cúng tế.

Nước phương nam chịu sự giáo hoá của Văn vương, bà phu nhân, vợ của chư hầu hết sức thành kính lo việc cúng tế.

Người nhà của bà mới kể lại việc ấy mà khen tặng. Hoặc nói rằng rau phiền để nuôi tằm, vì rằng ngày xưa bà hậu phu nhân có lẽ thân tằm. Bài thơ này cũng như bài Cát đầm ở phần thơ Chu nam vậy.

## CHƯƠNG II

于 以 采 薪

5. Vu dī thái phiền,

于 潤 之 中

6. Vu giản chi trung.

于 以 用 之

7. Vu dī dụng chi,

公 侯 之 宮

8. Công hầu chi cung

### *Dịch nghĩa*

5. Thị để hái rau phiền,
6. Ở trong khe giữa hai trái núi.
7. Thị để dùng về việc
8. Cúng tế ở tông miếu của chư hầu.

### *Dịch thơ*

*Rau phiền đì hái đêm vè,  
Giữa hai trái núi ở kè suối trong.  
Hái vè khi đã đem dùng,  
Để mà cúng tế trong cung chư hầu.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú, 潤 *giản*, khe nước giữa hai trái núi, 宮 *cung*, miếu thờ, hoặc là nơi nhà công để nuôi tằm.

### CHƯƠNG III

- |         |                         |
|---------|-------------------------|
| 被 之 僮 僮 | 9. Bị chi đồng đồng,    |
| 夙 夜 在 公 | 10. Túc dạ tại công.    |
| 被 之 祁 祁 | 11. Bị chi kỳ kỳ,       |
| 薄 言 還 歸 | 12. Bạc ngôn tuyễn quy. |

#### *Dịch nghĩa*

9. Đầu tóc mượn đoan trang kính cẩn,
10. Sớm hôm ở công sở lo việc cúng tế.
11. Đầu tóc mượn thung dung,
12. Khi quay về lúc cúng tế xong.

#### *Dịch thơ*

- Trên đầu tóc mượn đoan trang.*  
*Sớm hôm lo liệu việc nàng sở công.*  
*Trên đầu tóc mượn thung dung.*  
*Trở về thư thái khi xong tế rồi.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú, 被 *bị*, tóc mượn kết bằng tóc để bối thêm trên đầu cho đẹp. 僕僕 *đồng đồng*, cung kính, 夙 *túc*, sáng sớm 公 *công*, công sở, 祁祁 *kỳ kỳ*, dáng thong thả chậm chạp. Việc xong qua rồi có nghi thức. Thiên *Tế nghĩa* ở sách *Lễ ký* nói rằng: đến lúc tế xong rồi thì hoà nhã vui vẻ cúng như lúc sắp vào cúng tế, không muốn đi về gấp vì lòng vẫn kính mến mãi không thôi. Hoặc nói 公 *công* là công tang, ruộng trồng dâu của vua.

*Thiên Thái phiên có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THÚ 14.

### CHƯƠNG I

草蟲	Thảo trùng (Thiệu nam 3)
嘒嘒草蟲	1. Yêu yêu thảo trùng,
遯遯阜螽	2. Dịch dịch phụ chung.
未見君子	3. Vị kiến quân tử,
憂心忡忡	4. Ưu tâm sung sung.
亦既見止	5. Diệc ký kiến chỉ,
亦既覩止	6. Diệc ký cầu chỉ.
我心則降	7. Ngã tâm tắc hàng

### *Dịch nghĩa*

1. Con châu chấu kêu,
2. Con cào cào nhảy.
3. Chưa thấy được chồng,
4. Thị lòng buồn rầu lo nghĩ.
5. Nếu đã thấy được chồng,
6. Nếu đã gặp được chồng,
7. Thị lòng ta lảng dịu xuống.

### *Dịch thơ*

*Yêu yêu châu chấu kêu vang,  
Cào cào đã thấu tung tăng nhảy cùng,  
Lúc mà chưa thấy được chồng,  
Buồn rầu lo nghĩ tặc lòng nào nguôi.*

## BÀI THÚ 14.

### CHƯƠNG I

草 蟲	Thảo trùng (Thiệu nam 3)
嘒嘒草蟲	1. Yêu yêu thảo trùng,
遯遯阜螽	2. Dịch dịch phụ chung.
未見君子	3. Vị kiến quân tử,
憂心忡忡	4. Ưu tâm sung sung.
亦既見止	5. Diệc ký kiến chỉ,
亦既覩止	6. Diệc ký cầu chỉ.
我心則降	7. Ngã tâm tắc hàng

#### *Dịch nghĩa*

1. Con châu chấu kêu,
2. Con cào cào nhảy.
3. Chưa thấy được chồng,
4. Thì lòng buồn rầu lo nghĩ.
5. Nếu đã thấy được chồng,
6. Nếu đã gặp được chồng,
7. Thì lòng ta lảng dịu xuống.

#### *Dịch thơ*

*Yêu yêu châu chấu kêu vang,  
Cào cào đã thấu tung tăng nhảy cùng,  
Lúc mà chưa thấy được chồng,  
Buồn rầu lo nghĩ tắc lòng nào nguôi.*

Nếu mà trông thấy được người,  
Hay là cùng đã được hồi gặp nhau.  
Thì lòng lảng dịu xiết bao!

### Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 嘬喴 *yêu yêu*, tiếng kêu, 草蟲 *thảo trùng*, con chau chấu, tiếng kêu rất lạ, màu xanh, 邉螽 *phụ chung*, con cào cào, 仲仲 *sung sung*, như 衝衝 *xung xung*, dáng buồn rầu lo nghĩ, 止 *chỉ*, ngũ từ, tiếng ở cuối câu không có nghĩa. 觀 *câu*, gấp 降 *hàng* (đọc *hồng* cho hợp vân), hạ xuống.

Nước phía nam chịu sự giáo hoá của Văn vương, quan đại phu của chư hầu đi làm việc ở ngoài, vợ ở một mình, cảm đến sự biến thay của vạn vật tùy theo mùa theo tiết mà nhớ tưởng đến chồng như thế, cũng như thiên *Quyển nhī* ở phần thơ Chu nam vậy.

## CHƯƠNG II

- |      |                           |
|------|---------------------------|
| 陟彼南山 | 8. Trắc bì nam sơn,       |
| 言采其蕨 | 9. Ngôn thái kỳ quyết.    |
| 未見君子 | 10. Vị kiến quân tử,      |
| 憂心懼懼 | 11. Ưu tâm chuyết chuyết. |
| 亦既見止 | 12. Diệc ký kiến chỉ,     |
| 亦既觀止 | 13. Diệc ký câu chỉ,      |
| 我心則說 | 14. Ngã tâm tắc duyệt.    |

*Nếu mà trông thấy được người,  
Hay là cùng đã được hồi gặp nhau.  
Thì lòng lắng dịu xiết bao!*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 喻要 *yêu yêu*, tiếng kêu, 草蟲 *thảo trùng*, con châu chấu, tiếng kêu rất lạ, màu xanh, 邃邈 *đích đích*, dáng nhảy, 雉螽 *phụ chung*, con cào cào, 忡忡 *sung sung*, như 衝衝 *xung xung*, dáng buồn rầu lo nghĩ, 止 *chỉ*, ngữ từ, tiếng ở cuối câu không có nghĩa. 觀 *câu*, gặp 降 *hàng* (đọc hồng cho hợp vận), hạ xuống.

Nước phía nam chịu sự giáo hoá của Văn vương, quan đại phu của chữ hầu đi làm việc ở ngoài, vợ ở một mình, cảm đến sự biến thay của vạn vật tùy theo mùa theo tiết mà nhớ tưởng đến chồng như thế, cũng như thiên *Quyển nhī* ở phần thơ Chu nam vậy.

## CHƯƠNG II

陟彼南山

8. Trắc bì nam sơn,

言采其蕨

9. Ngôn thái kỳ quyết.

未見君子

10. Vị kiến quân tử,

憂心懼懼

11. Ưu tâm chuyết chuyết.

亦既見止

12. Diệc ký kiến chỉ,

亦既觀止

13. Diệc ký câu chỉ,

我心則說

14. Ngã tâm tắc duyệt.

### *Dịch nghĩa*

8. Lên trên núi nam kia,
9. Nói là hái rau quyết.
10. Chưa thấy được chồng,
11. Thì lòng buồn rầu.
12. Nếu đã thấy được chồng,
13. Nếu đã gặp được chồng,
14. Thì lòng ta vui đẹp.

### *Dịch thơ*

*Núi nam kia bước lên cao.  
Nói là đi hái ngọn rau quyết dùng.  
Lúc mà chưa thấy được chồng,  
Buồn rầu lo nghĩ tác lòng nào nguôi.  
Nếu mà trông thấy được người.  
Hay là cùng đã được hồi gặp nhau  
Thì lòng vui đẹp xiết bao!*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. Lên núi nam là thác có để trông về phía chồng 蔑 quyết, rau biết, lúc mới mọc chưa có lá thì ăn được, cũng là cảm đến sự biến thay của van vật theo thời tiết, 懈懈 chuyết, đáng ưu buồn.

## CHƯƠNG III

陟彼南山  
言采其薇  
未見君子

15. Trắc bỉ nam sơn,
16. Ngôn thái kỳ vi.
17. Vị kiến quân tử,

我心傷悲  
亦既見止  
亦既觀止  
我心則夷

18. Ngã tâm thương bi,
19. Diệc ký kiến chỉ,
20. Diệc ký cầu chỉ,
21. Ngã tâm tắc di.

### *Dịch nghĩa*

15. Lên trên núi nam kia,
16. Nói là hái rau vi.
17. Chưa thấy được chồng
18. Thì lòng ta bị thương.
19. Nếu đã thấy được chồng.
20. Nếu đã gặp được chồng,
21. Thì lòng ta bình lặng.

### *Dịch thơ*

*Núi nam kia đã trèo lên,  
Răng rau vi hái ở trên mà dùng,  
Lúc mà chưa thấy được chồng.  
Bi thương khổ sở tắc lòng nào nguôi.  
Nếu mà trông thấy được người,  
Hay là cùng đã được hồi gặp nhau,  
Thì lòng bình lặng xiết bao!*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 薇 vi, rau vi giống rau quyết nhưng hơi lớn hơn, có gai mà vị đắng, người ở núi ăn rau ấy, gọi là rau mê quyết. Họ Hồ nghi rằng rau ấy tức là thứ rau mà Trang tử đã gọi là mê dương 夷 di, bằng.

*Thiên Thảo trùng có 3 chương, mỗi chương 7 câu.*

## BÀI THỨ 15

### CHƯƠNG I

采 蘋	Thái tần. (Thiệu nam 4)
于 以 采 蘋	1. Vu dī thái tần,
南 潤 之 濱	2. Nam gián chi tân.
于 以 采 藻	3. Vu dī thái tảo,
于 彼 行 潼	4. Vu bì hành lão.

#### *Dịch nghĩa*

1. Thì để hái rau tần,
2. Ở bờ khe núi nam.
3. Thì để hái rong tảo,
4. Ở chỗ nước mưa chảy cuồn nơi ngòi rãnh kia.

#### *Dịch thơ*

*Để mà đi hái rau tần,  
Núi nam hay mọc ở gần bờ khe.  
Tảo kia ta hái luôn về..  
Bên đường nước chảy dầm dề sau mưa.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 蘋 *tần*, rau lục bình nổi trên mặt nước, người Giang Đông gọi là bèo, 濱 *tân*, bờ nước, 藻 *tảo*, rong tảo ở đáy nước, cọng như cọng cây thoia, lá như cỏ bồng 行潦 *hành lão*, cái rãnh nước mưa chảy cuộn đi.

Nước phía nam chịu sự giáo hoá của Văn vương, vợ của quan đại phu nāng lo việc cúng tế, người nhà của nàng mới kể lại việc ấy mà khen tặng.

## CHƯƠNG II

于以盛之

5. Vu dī thình chi,

維筐及筥

6. Duy khuông cập cǔ.

于以湘之

7. Vu dī tương chi,

維錡及釜

8. Duy kȳ cập phủ,

### *Dịch nghĩa*

5. Thị để đựng vào.
6. Ở trong cái giỏ vuông và cái giỏ tròn.
7. Thị để luộc nấu,
8. Ở trong cái nồi đồng ba chân hay nồi không chân.

### *Dịch thơ*

*Để mà đem đựng rong rau*

*Tròn vuông hai giỏ đựng vào tươi xanh*

*Làm dưa ta lại luộc nhanh,*

*Luộc trong vạc nhỏ hay xanh bằng đồng.*

### *Chú giải của Chu Hy.*

Chương này thuộc phú 筐 khuông, cái giỏ vuông, 築 cǔ, cái giỏ tròn, 湘 tương, nấu luộc sơ để gài làm dưa. 鑄 kȳ, cái nồi đồng có ba chân (giống như cái vạc nhỏ) 釜 phủ, cái nồi đồng không có chân.

Bấy nhiêu điều áy đủ nhận thấy sự tuân tự thông thường và ý nghiêm kinh chỉnh tề.

### CHƯƠNG III

于 以 奠 之

9. Vu dī diện chi,

宗 室 脣 下

10. Tông thất dū hạ,

誰 其 尸 之

11. Thuỷ kỳ thi chi?

有 齊 季 女

12. Hữu trai quý nữ.

#### *Dịch nghĩa*

9. *Thì để đặt xuống*

10. *Ở dưới cửa sổ của nhà tông miếu.*

11. *Ai làm chủ cuộc lễ tế này?*

12. *Có cô thiếu nữ kính cẩn*

#### *Dịch thơ*

*Để mà đem đặt đưa nầy,*

*Cửa song ngôi miếu dưới bầy lễ ra.*

*Ai làm chủ tế đây mà?*

*Có cô thiếu nữ nết na kinh vi*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 奠 diện, đặt để xuống 宗室 tông thất, tông miếu. Quan đại phu và quan sĩ tế ở tông thất 脣下 dū hạ, góc tây nam trong nhà gọi là áo, tế ở dưới cửa sổ ở góc tây nam trong nhà 開 thi, chủ 齊 trai, dáng kính cẩn 季女 quý nữ, thiếu nữ.

Trong lễ cúng tế, người chủ phụ đứng cúng tế, dâng lên những đĩa đựng dưa. Người chủ phụ (vợ chính) áy trẻ trung

lại kính cẩn thì càng thấy tính chất đẹp đẽ mà sự giáo hoá  
đã đến từ xa vậy

*Thiên Thái tần có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THỨ 16

### CHƯƠNG I

甘棠                    **Cam đường.** (Thiệu năm 5)

蔽芾甘棠            1. Tế phế cam đường,

勿翦勿伐            2. Vật tiên vật phật.

召伯所茇            3. Thiệu bá sở bạt.

#### *Dịch nghĩa*

1. Cây cam đường um tùm,
2. Chớ xén chớ chặt.
3. Vì là nơi ông Thiệu bá ở đây.

#### *Dịch thơ*

*Cam đường xanh tốt rướm rà.*

*Chớ nên xén cắt cùng là chặt cây*

*Vì nơi Thiệu Bá ở đây*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 蔽芾 *tế phế*, dáng rướm rà thịnh  
nhiều 甘棠 *cam đường*, cây đỗ lê, thú trắng là cam đường,  
thú đỗ là đỗ lê 翦 tiên, cắt hớt nhành lá 伐 phật, chặt thân  
cây 伯 bá, Phương Bá (Thiệu Bá), 芑 bạt, nhà để dừng nghỉ  
giữa vùng cây cỏ. Ông Thiệu Bá đi khắp nước phương nam  
để truyền bá việc đúc chính của Văn vương, có khi ở dưới cây

cam đường. Về sau người ta nhớ đến công đức của Thiệu bá, thương mến cây cam đường ấy mà không nhân làm cho cây ấy bị thương tổn.

## CHƯƠNG II

蔽芾甘棠

勿翦勿敗

召伯所憩

4. Tế phế cam đường,

5. Vật tiên vật bạt.

6. Thiệu bái sở khí.

### *Dịch nghĩa*

4. Cây cam đường um tùm,
5. Chớ xén, chớ bẻ gãy.
6. Vì là nơi Thiệu Bá nghỉ ngơi.

### *Dịch thơ*

*Cam đường rập rạp tươi xanh  
Chớ nên hớt xén bẻ cành mà chơi  
Vì nơi Thiệu bá nghỉ ngơi.*

### *Chú giải của Chu Hý*

Chương này thuộc phú 故 (đọc bị cho hợp vận), bẻ gãy,憩 khí, nghỉ ngơi 勿敗 vật bại, chớ bẻ gãy, ý nói chẳng những đặc biệt chớ chặt đẽn mà thôi, mà chớ nên làm gãy nữa mới được. Lòng thương mến càng lâu thì càng sâu đậm. Chương sau đây cũng phỏng theo chương này.

## CHƯƠNG III

蔽芾甘棠

7. Tế phế cam đường,

勿 翦 勿 拜

8. Vật tiễn vật bế (bái).

召 伯 所 說

9. Thiệu bá sở thuế,

### *Dịch nghĩa*

7. Cây cam-đường um tùm,
8. Chớ xén chớ quẳng uốn
9. Vì là nơi nhà ông Thiệu Bá

### *Dịch thơ*

*Um tùm tươi tốt cam đường.*

*Chớ nên xén nhành và thường quẳng cây.*

*Vì nhà Thiệu Bá ở đây.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 拜 bái (đọc bế cho hợp vận), làm cho cong co 說 thuế, nhà ở, 勿拜 vật bái, chớ bẻ cong, ý nói chẳng những đặc biệt chớ chặt mà thôi, mà chớ nên quẳng uốn cong co nữa mới được.

*Thiên Cam đường có 3 chương, mỗi chương 3 câu*

## BÀI THÚ 17

### CHƯƠNG I

行 露

Hành lộ (thiệu nam 6)

厭 涼 行 露

1. Yếm áp hành lộ,

豈 不 夙 夜

2. Khỉ bất túc dạ,

謂 行 多 露

3. Vị hành đa lộ.

### *Dịch nghĩa*

1. Âm ướt sương lộ trên đường đi,
2. Em há lại chặng muôn đi trong sớm tối?
3. Mới nói thác là đường đi nhiều sương lộ.

### *Dịch thơ*

*Đường đi ẩm ướt lộ sương,  
Há đâu chặng muôn đi đường sớm khuya?  
Ngại đường sương lộ đầm đìa.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 駭灑 yém ấp, ý nói ẩm ướt 行 hành đường đi, 行 túc, sớm.

Người ở nước phương nam, tuân theo lời dạy dỗ của Thiệu Bá mà phục theo sự giáo hoá của Văn vương, đã bỏ được thói tục dâm loạn của ngày trước, cho nên người con gái năng lấy lẽ giữ mình mà không bị ô nhục vì kẻ ngang tàng vô lẽ nữa, mới kể ý chí mình, làm bài thơ này để cự tuyệt với kẻ ấy.

Nói rằng sương lộ trên đường ẩm ướt, em há lại chặng muôn đi trong sớm tối trên đường ấy hay sao? Số nhiều sương lộ sê thám ướt quần áo mà em chàng dám đi. Vì là thân gái đi một mình trong sớm tối sợ kẻ cường bạo hâm hiếp, cho nên mới nói thác là đường đi nhiều sương lộ e bị thám ướt vậy.

## CHƯƠNG II

誰 謂 雀 無 角

何 以 穿 我 屋

4. Thuỳ vị tước vô giác?

5. Hà dī xuyēn ngā ốc?

誰謂女無家	6. Thuỳ vị nhữ vô gia?
何以速我獄	7. Hà dī tōc ngā ngục?
雖速我獄	8. Tuy tōc ngā ngục,
室家不足	9. Thất gia bất túc.

### *Dịch nghĩa*

4. Ai nói rằng chim sẻ không sừng?
5. Thì nó lấy gì để xoi nhà của em?
6. Ai nói rằng anh không có nghi lễ cầu hôn?
7. Thì anh lấy gì để thưa kiện em mà gây nên việc hình án?
8. Tuy là anh có thể thưa kiện em.
9. Những sự thật thì nghi lễ cầu hôn của anh đã dày đủ (cho nên em mới nói là ô nhục mà từ chối việc cưới hỏi của anh).

### *Dịch thơ*

*Ai rằng chim sẻ không sừng?  
Nhà em xoi được, hỏi rằng bằng chi?  
Ai rằng anh chẳng lễ nghi?  
Đem em trực tố lấy gì hối anh?  
Kiện thưa em được đã dành  
Lễ nghi lúc trước thi hành du đâu?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 家 gia (đọc cho hợp vận )nói nghi lễ mồi mai đến cầu hôn, 速 tōc , khiến gây nên.

Cô gái trinh tiết đã giữ mình như thế nhưng lại còn thấy việc thưa kiện khiến gây nên hình án, nàng mới tỏ lòng oan ức mà nói: Người ta đều nói con chim sẻ có sừng, mới xoi được nhà của em để khởi hứng mà dẫn đến việc: người ta đều nói anh có lẽ cầu hôn với em, cho nên anh mới quyền đưa em đến nơi ngực thất. Nhưng người ta không biết rằng: tuy anh có quyền thưa kiện em tại nơi ngực thất, nhưng (sự thật) nghi lễ cầu hôn của anh đối với em lúc ban đầu chưa từng được đầy đủ, cũng như chim sẻ, tuy nó xoi được nhà em, thật ra nó chưa hề có sừng bao giờ.

### CHƯƠNG III

誰謂鼠無牙  
何以穿我墉  
誰謂女無家  
何以速我訟  
雖速我訟  
亦不女從

10. Thuỳ vị thử vô nha?
11. Hà dī xuyên ngā dung?
12. Thuỳ vị nhữ vô gia?
13. Hà dī tốc ngā tụng?
14. Tuy tốc ngā tụng,
15. Diệc bất nhữ tụng.

#### *Dịch nghĩa*

10. Ai nói rằng con chuột không có răng?
11. Thì nó lấy gì mà xoi được tường của em?
12. Ai nói rằng anh không có nghi lễ cầu hôn?
13. Thì anh lấy gì mà thưa kiện em?
14. Tuy anh có thể thưa kiện em.
15. Nhưng rõ cuộc em cũng chẳng theo về ở cùng anh được.

## *Dịch thơ*

*Ai răng con chuột không răng?  
Tường em nó đã xoi ngang bằng gì?  
Ai răng anh chẳng lẽ nghi?  
Đem em trực tố lấy gì hời anh?  
Kiện thưa em được đã dành.  
Rốt cùng về ở với anh chẳng thèm*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 牙 nha (đọc *ngông* cho hợp vận), răng 壩 dung, bức tường.

Nói rằng tuy anh có thể đem em ra thưa kiện, nhưng vì lẽ nghi cầu hôn của anh có chỗ chưa được đầy đủ, cho nên rốt cuộc em cũng chẳng theo về với anh được.

*Thiên Hành lô có 3 chương, 1 chương 3 câu, 2 chương 6 câu.*

## BÀI THỨ 18

### CHƯƠNG I

羔 羊	Cao dương. (Thiệu nam 7)
羔 羊 之 皮	1. Cao dương chi bì,
素 絲 五 沱	2. Tố ty ngũ đà.
退 食 自 公	3. Thoái thực tự công,
委 蛇 委 蛇	4. Uy đà uy đà.

### *Dịch nghĩa*

1. Áo bằng da dê,
2. Có năm sợi tơ tráng để trang sức,
3. Từ triều đình, cửa công lui về nhà mà ăn cơm,
4. Dáng thung dung tự đắc.

### *Dịch thơ*

*Đại phu mặc áo da dê,  
Có năm tơ tráng thêm bè xinh xinh.  
Triều về ăn tại gia đình.  
Dáng xem tự đắc thích tình thung dung.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 羔 cao, dê nhỏ 羊 dương, dê tơ 皮 bì (đọc bà cho hợp vận), da dê may làm áo mặc thường trong nhà của quan đại phu 素 tố, tráng 蛇 đà, chưa rõ là gì, có lẽ là vật bằng tơ để trang sức áo da cho đẹp, 退食 thoái thực, từ triều đình lui về nhà mà ăn cơm. 自公 tự công, từ cửa công mà bước ra 委蛇 uy di (đọc uy đà cho hợp vận) dáng tự đắc.

Nước phía nam chịu sự giáo hoá theo nền chính trị của Văn vương, những quan lại tại chức đều cẩn kiêm chính trực. Cho nên nhà thơ mới khen tặng quan lại, y phục được bình thường không xa hoa (vì cẩn kiêm), dáng điệu thung dung tự đắc như thế (vì chính trực).

## CHƯƠNG II

羔羊之革

5. Cao dương chi cách,

素絲五緘

6. Tố ty ngũ vực,

委蛇委蛇

7. Uy di uy di

自公退食

8. Tự công thoái thực,

*Dịch nghĩa*

5. Áo bằng da dê,

6. Năm đường may đều có tơ trắng trang sức

7. Dáng thung dung tự đắc,

8. Từ triều đình, cửa công lui về nhà mà ăn cơm.

*Dịch thơ*

*Áo da dê quan đại phu*

*May năm tơ trắng rực màu tinh anh.*

*Dáng xem tự đắc thích tình,*

*Triều về ăn tại gia đình thung dung.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 革 cách (đọc *cứu* cho hợp vận),  
da .緘 *vực*, chỗ đường may trên áo da.

**CHƯƠNG III**

羔羊之縫

9. Cao dương chi phùng,

素絲五總

10. Tố ty ngũ tông,

委蛇委蛇

11. Uy di uy di,

退食自公

12. Thoái thực tự công,

### *Dịch nghĩa*

9. Đường may trên áo da dê,
10. Có năm sợi tơ trắng để trang sức
11. Dáng thung dung tự đắc.
12. Từ triều đình, cửa công lui về nhà mà ăn cơm.

### *Dịch thơ*

*Đường may trên áo da dê,  
Có năm tơ trắng thêm bè xinh tươi,  
Thung dung tự đắc dáng người.  
Lui về cơm nước thảnh thoát thích tình.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 縫 phùng, may ráp lại làm áo da  
總 tông, (cũng chưa biết là gì)

*Thiên Cao dương có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THÚ 19.

### CHƯƠNG I

殷 其 雷	Ân kỳ lôi (Thiệu nam 8)
殷 其 雷	1. Ân kỳ lôi
在 南 山 之 陽	2. Tạ nam sơn chi dương,
何 斯 違 斯	3. Hà tư vi tư?
莫 敢 或 遷	4. Mạc cảm hoặc hoàng,
振 振 君 子	5. Chân chân quân tử,
歸 哉 歸 哉	6. Quy tai! quy tai!

### *Dịch nghĩa*

1. Tiếng sấm ầm ầm,
2. Ở phía nam núi nam
3. Sao chàng một mình rời khỏi chốn này?
4. Mà không dám được tí gì rảnh rang.
5. Chàng là người trung tín thuần hậu.
6. Về thay! Về thay! (Em mong công việc sớm hoàn tất để chàng trở về).

### *Dịch thơ*

*Vang rền sấm nổ ầm ầm,  
Phía nam của dãy núi nam đây mà,  
Sao chàng lại vội đi ra?  
Lo làm chẳng dám gì là rảnh rang.  
Chàng người tín hậu đoan trang,  
Mong mau xong việc để chàng về ngay.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 殷 ǎn; là tiếng sấm nổ, 陽 dương, phía nam trái núi 何斯 hà tư (sao người này), sao chàng? 違斯 vi tư, lia chỗ này, 違 hoàng, nhàn hạ rảnh rang 振振 chân chân, trung tín thuần hậu.

Nước phương nam chịu sự giáo hoá của Văn vương, người vợ vì chồng đi làm ở ngoài, tưởng nhớ đến chồng mà làm bài thơ này. Nói rằng: tiếng sấm vang ầm ầm ở phía nam núi nam. Sao chàng một mình rời khỏi chốn này mà không dám được một chút nhàn rảnh thư thả thế vậy? Do đó nàng lại khen ngợi đức hạnh của chồng, rồi nàng lại mong công việc sớm thành tất để chàng mau được trở về.

## CHƯƠNG II

- |           |                          |
|-----------|--------------------------|
| 殷 其 雷     | 7. Ân kỳ lôi,            |
| 在 南 山 之 側 | 8. Tại nam sơn chi trắc, |
| 何 斯 違 斯   | 9. Hà tư vi tư?          |
| 莫 敢 遷 息   | 10. Mạc cảm hoàng túc,   |
| 振 振 君 子   | 11. Chân chân quân tử,   |
| 歸 哉 歸 哉   | 12. Quy tai! quy tai!    |

### *Dịch nghĩa*

7. Tiếng sấm ầm ầm
8. Ở một bên núi nam.
9. Sao chàng một mình rời khỏi chốn này?
10. Mà không dám được tí gì rảnh rang dừng nghỉ.
11. Chàng là người trung tín thuần hậu.
12. Về thay! Về thay! (Em mong công việc sớm hoàn tất để chàng trở về).

### *Dịch thơ*

*Âm ầm tiếng sấm nổi lên,  
Núi nam nghe rõ ở bên cạnh này.  
Sao chàng lại tách đi ngay?  
Dám đâu yên nghỉ ít ngày thanh thơi.  
Đoan trang tín hậu ở đời.  
Mong chàng xong việc túc thời về cho.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 息, túc, thôi, dừng.

### CHƯƠNG III

殷 其 雷	13. Ân kỳ lôi,
在 南 山 之 下	14. Tại nam sơn chi hụ (hạ).
何 斯 違 斯	15. Hà tư vi tư?
莫 敢 迨 處	16. Mạc cảm hoàng xứ,
振 振 君 子	17. Chân chân quân tử,
歸 哉 歸 哉	18. Quy tai! Quy tai!

#### *Dịch nghĩa*

13. Tiếng sầm âm âm,
14. Ở dưới núi nam
15. Sao chàng một mình rời khỏi chốn này?
16. Mà không dám được tí gì ở yên
17. Chàng là người trung tín thuần hậu.
18. Về thay! Về thay! (Em mong công việc sớm hoàn tất để chàng trở về).

#### *Dịch thơ*

Âm âm tiếng sầm nổ rền.

Núi nam phía dưới ở miền ấy thôi

Chốn này chàng lại vội rời.

Mà không dám ở yên nơi tí nào.

Chàng người trung hậu xiết bao!

Mong chàng xong việc để mau trở về.

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng

*Thiên Ân kỳ lôi có 3 chương, mỗi chương 6 câu.*

## BÀI THÚ 20

### CHƯƠNG I

標 有 梅	Biểu hữu mai. (Thiệu nam 9)
標 有 梅	1. Biểu hữu mai,
其實 七 兮	2. Kỳ thực thất hê.
求 我 庶 士	3. Cầu ngã thứ sī,
迨 其 吉 兮	4. Đãi kỳ cát hê.

### *Dịch nghĩa*

- Quả mai đã rụng.
- Ở trên cây, quả mai mười phân chỉ còn lại có bảy.
- Kẻ sī tìm đến em để cưới,
- Hãy kịp ngày tốt này.

### *Dịch thơ*

*Hôm nay mai đã rụng rồi,  
Giảm đi còn bảy phân mười trên cây.  
Sī phu tìm đến em đây.  
Kịp trong ngày tốt lo ngay cho mà.*

### *Chú giải của Chu Hy.*

Chương này thuộc phú 標 biểu, rót, rụng 梅 mai, tên cây mai, hoa trắng, quả như quả hạnh mà chua 庶 thứ, chúng các vị迨 đãi, kịp 吉 cát, cát nhật, ngày tốt.

Nước phương nam chịu sự giáo hoá của Văn vương, con gái biết lấy chữ trình tiết, trung tín để giữ mình, lo cho mình gả chồng không kịp thời mà phải chịu nhục vì kẻ ngang tàng vô lễ. Cho nên nói rằng: Quả mai đã rụng, còn lại ở trên cây đã ít rồi thì biết rằng mùa đã qua và đã quá muộn vậy. Hỏi kẻ sĩ tìm đến để cưới em có lo kịp ngày tốt lành mà đến hay không.

## CHƯƠNG II

標 有 梅

5. Biểu hữu mai,

其 實 三 兮

6. Kỳ thực tam hé.

求 我 庶 兮

7. Cầu ngã thứ sī,

迨 其 今 兮

8. Đãi kỳ kim hé.

### *Dịch nghĩa*

5. Quả mai đã rụng.

6. Ở trên cây, quả mai mười phần chỉ còn lại có ba mà thôi.

7. Chúng sĩ tìm đến em để cưới.

8. Hãy lo cho kịp ngày hôm nay (không cần phải chờ ngày tốt nữa).

### *Dịch thơ*

*Hôm nay mai đã rụng thưa.*

*Mười phần còn lại chỉ vừa ba thôi.*

*Cưới em tìm đến những người,*

*Hãy lo cưới gấp cho rồi hôm nay.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú, Quả mai trên cây mươi phần chỉ còn lại có ba, phần rụng xuống đã nhiều hơn nữa 今 *kim*, ngày hôm nay, vì là không phải chờ ngày tốt nữa.

### CHƯƠNG III

標 有 梅

9. Biểu hữu mai,

頃 筐 聖 之

10. Khuynh khuông hý chi.

求 我 庶 士

11. Cầu ngã thú sī,

迨 其 謂 之

12. Đāi kỳ vị chi,

### *Dịch nghĩa*

9. Quả mai đã rụng.

10. Hãy nghiêng giỏ mà lượm vì quả mai đã rụng hết xuống đất, không còn quả nào trên cây nữa (mùa đã qua rất xa, thời đã quá trễ).

11. Kẻ sī tìm đến em để cưới,

12. Hãy lo kịp đến nói em (để hẹn ước thì việc hôn nhân định xong).

### *Dịch thơ*

*Hôm nay mai đã rụng đầy,*

*Chi đành nghiêng giỏ đem mai nhặt vào.*

*Tìm em mà cưới vì nào,*

*Một câu đến nói hẹn nhau được rồi.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 聖 hý, lượm lấy, nghiêng giỏ mà lượm lấy bỏ vào, thì là quả mai đã rụng hết rồi vậy 謂之 *vị*

chi, thì chỉ nói với nhau mà ước hẹn át có thể định xong việc hôn nhân.

*Thiên Biểu hữu mai có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THÚ 21.

### CHƯƠNG I

小 星	Tiểu tinh (Thiệu nam 10)
嚙 彼 小 星	1. Huệ bỉ tiểu tinh,
三 五 在 東	2. Tam ngũ tại đông.
夙 夙 宵 征	3. Túc túc tiêu chinh,
夙 夜 在 公	4. Túc dạ tại công,
寔 命 不 同	5. Thực mệnh bất đồng.

### *Dịch nghĩa*

1. Tí ti những ngôi sao nhỏ kia,
2. Thấy lứa thưa năm ba ngôi ở phương đông.
3. Phải tề chỉnh gọn gàng đi lại lại trong ban đêm.
4. Sớm hôm ở mãi chốn cửa công.
5. Thật vô số mệnh không đồng với của bà phu nhân vợ chính.

### *Dịch thơ*

*Tí ti sao bé lờ mờ,  
Năm ba đã thấy lung lờ trời đông.  
Chỉnh tề đi lại đêm ròng.  
Sớm hôm ở mãi cửa công nhọc nhằn.  
Thật vì số mệnh chẳng bằng.*

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng 噇 hōi, dáng nhỏ nhen 三五 tam ngū, thua thớt chỉ có năm ba ngôi sao, vì là lúc đầu hôm hay lúc gần sáng 肅肅 túc túc, dáng tề chỉnh gọn gàng 霽 tiêu, ban đêm 征 chinh, đi, 寔 thực, thật 命 mệnh, số phận trời định cho mỗi người.

Các bà phu nhân vợ của chư hầu chịu sự giao hoá của bà Hậu phi Thái Tự đã không ghen tuông nữa để thi ân huệ cho kẻ hầu thiếp dưới mình. Cho nên các người thiếp khen tặng các bà phu nhân như thế. Các người thiếp được tiến dâng lên hầu hạ gần gũi vua nhưng không dám ở suốt đêm với vua, hễ thấy sao mọc thì đến, sao lặn thì về. Cho nên nhân những điều trông thấy mà khởi hứng. Về ý nghĩa thực không dáng kể mà chỉ vịn vào hai chữ 在東 tại đông, 在公 tại công ứng đối nhau. Lại nói rằng sở dĩ đã như thế là vì số mệnh trời phú cho mình không đồng với bực sang cả. Cho nên các thiếp mới lấy việc được hầu hạ gần gũi bên vua làm niềm ân huệ sâu xa của bà phu nhân vợ chính mà không dám than oán về công cần khổ đã phải đi lại trong đêm hôm.

## CHƯƠNG II

- |         |                        |
|---------|------------------------|
| 嘇 彼 小 星 | 6. Huệ bỉ tiểu tinh,   |
| 維 參 與 昂 | 7. Duy Sâm dữ Māo      |
| 肅 肅 霽 征 | 8. Túc túc tiêu chinh, |
| 抱 衣 與 褒 | 9. Bảo khâm dữ trù.    |
| 寔 命 不 猶 | 10. Thực mệnh bất du.  |

### Dịch nghĩa

6. Ti ti những ngôi sao nhỏ kia,

7. Chỉ thấy sao Sâm sao Mão (ở phương tây).
8. Phải tề chỉnh gọn gàng đi lại lại trong ban đêm.
9. Và ôm cả mền đơn mền kép.
10. Thật vì số mệnh không đồng với của bà phu nhân vợ chính.

### *Dịch thơ*

*Tí ti sao bé những ngôi.*

*Sao Sâm sao Mão sáng ngồi từng cao.*

*Chỉnh tề đi lại đêm thâu,*

*Mền đơn mền kép chực chầu lầm công.*

*Thật vì số mệnh chẳng đồng.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 參 Sâm, và 昴 Mão (đọc lāu để hợp vận) là tên hai chòm sao ở phương tây 衣 khâm, mền, chǎn 褒 trù, mền đơn, chǎn đơn. Khởi hưng cũng lấy hai chữ 與 昴 dù mǎo 與 褒 dù trù ứng đối nhau 猶 du, đồng với

*Thiên Tiểu tinh có 2 chương, mỗi chương 5 câu.*

Họ Lữ nói rằng: Bà phu nhân vợ chính không có tính ghen tuông thì các người thiếp sống yên theo số mệnh. Cho nên nói rằng: Hễ trên chuộng nhân, thì dưới chuộng nghĩa vậy.

## BÀI THÚ 22

### CHƯƠNG I

江 有 沔

Giang hữu tự (Thiệu nam 11)

江 有 沢

1. Giang hữu tự,

- |      |                   |
|------|-------------------|
| 之子歸  | 2. Chi tử quy.    |
| 不我以  | 3. Bất ngā dī,    |
| 不我以  | 4. Bất ngā dī,    |
| 其後也悔 | 5. Kỳ hậu dā hối. |

### *Dịch nghĩa*

1. Sông Trường Giang còn có sông tự (dòng nước chảy tách ra rồi lại chảy nhập vào
2. Thế mà nàng ấy đi lấy chồng.
3. Lại chẳng dắt ta đi theo.
4. Tuy chẳng dắt ta đi theo.
4. Nhưng về sau nàng cũng sẽ ăn năn hối cải (mà sẽ rước ta đi theo).

### *Dịch thơ*

*Trường giang co nhánh chảy vòng.  
Bỏ em chỉ dā lấy chồng hôm nay,  
Bỏ em chẳng dắt thế này.  
Rồi sau chỉ cũng có ngày ăn năn.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 沔 tự (đọc tī cho hợp vận), dòng nước chảy tách ra rồi lại chảy nhập vào. Nay trong khoảng Giang Lăng, Hán Dương và An Phục có nhiều như thế 之子 chi tử, nàng ấy, người thiếp chỉ bà vợ chính mà nói 归 quy, con gái được gả lấy chồng 我 ngā, tôi, người thiếp tự xưng 以 dī, cùng dắt đi theo ở hai bên.

Lúc ấy ở bên sông tự có cô gái đưa dâu chưa húa gả, không được người vợ chính dẫn đi theo để làm thiếp. (Tục xưa hẽ được gả cho chư hầu, nàng dâu dẫn em gái hay cháu

gái của mình di theo để đưa dâu và để làm hầu thiếp cho chồng. Việc ấy được cho là vinh hạnh).

Về sau người vợ đích ấy chịu sự giáo hoá của bà Hậu phi Thái Tự, mới biết ăn năn hối cải bèn rước các cô ấy sang làm thiếp cho chồng. Cho nên người thiếp thấy sông Trường Giang có nhánh tách ra rồi nhập lại, mới khởi hứng nói rằng sông Trường Giang còn có sông tự, mà nàng ấy đi lấy chồng lại không dắt ta đi theo. Tuy không dắt ta đi theo thì về sau nàng cũng sẽ ăn năn hối cải.

## CHƯƠNG II

江有渚 6. Giang hữu chử.

之子歸 7. Chi tử quy.

不我與 8. Bất ngā dứ,

不我以 9. Bất ngā dù.

其後也處 10. Kỳ hậu dā xử.

### *Dịch nghĩa*

6. Sông Trường Giang còn có cồn nhỏ,

7. Nàng ấy đi lấy chồng.

8. Lại chẳng dắt ta đi theo.

9. Tuy chẳng dắt ta đi theo.

10. Nhưng về sau ta cũng được ở yên ổn (vì nàng sẽ rước ta sang cùng).

### *Dịch thơ*

*Trường giang còn nổi cồn lên,  
Lấy chồng chẳng dắt, chỉ quên em rồi.  
Bỏ em chẳng dắt thì thôi.*

Về sau em ở yên nơi chung cùng.

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 諸 chử, cồn nhỏ, nước rẽ dòng thì thành cái cồn nổi lên 與 dū, cùng đi theo với 處 xǔ, ở yên, được nơi yên ổn.

## CHƯƠNG III

江 有 沱	11. Giang hữu Đà,
之 子 歸	12. Chi tử quy,
不 我 過	13. Bất ngā qua,
不 我 過	14. Bất ngā qua,
其 嘘 也 歌	15. Kỳ tiêu dā ca.

### *Dịch nghĩa*

11. Sông Trường Giang có sông Đà chảy tách ra.
12. Nàng ấy đi lấy chồng.
13. Đi qua bên ta mà chẳng dắt ta đi theo cùng.
14. Tuy qua mà chẳng dắt ta đi theo.
15. (Thì át ngày sau nàng sē hối hận) chép miệng thở dài rồi sē ca vui lên (khi em được rước sang và được nơi yên ổn).

### *Dịch thơ*

*Trường Giang còn có sông Đà.*

*Vu quy chẳng dắt em qua ở cùng*

*Tuy qua chẳng dắt đi chung.*

*Mai sau chép miệng hận lòng vội ca.*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 沱 Đà, tên con sông chảy tách biệt Trường Giang 過 qua, đi qua bên em mà không dắt em cùng đi chung với, 嘘 tiêu, chép miệng để hờ hởi buồn phẫn trong lòng, tức là nói lúc ăn năn hối hận 歌 ca, ca vui lên khi được nơi yên ổn.

*Thiên Giang hữu tự có 3 chương, mỗi chương 5 câu.*

Họ Trần nói rằng: Trong thiên Tiếu tinh bà phu nhân thi ân huệ xuống cho các thiếp, cho nên các thiếp đều tận tâm phụng sự. Còn trong khoảng sông Trường Giang, sông Đà, người vợ chính không thi ân xuống cho các thiếp, nhưng các thiếp không oán hận. Vì rằng người cha tuy không hiền từ, người con cũng không thể nào được bát hiếu. Ở mỗi địa vị đều phải làm trọn đạo nghĩa của mình mà thôi vậy.

### BÀI THỨ 23.

#### CHƯƠNG I

野 有 死 騞

Dᾶ hỮU tử khuân(Thiệu nam 12)

野 有 死 騞

1. Dᾶ hỮU tử khuân.

白 茅 包 之

2. Bạch mao bao chi.

有 女 懷 春

3. Hữu nữ hoài xuân,

吉 士 誘 之

4. Cát sī dụ chi.

#### *Dịch nghĩa*

1. Ngoài đồng nội có con chưng chết,
2. Chàng trai đẹp bao gói con chưng ấy với lá bạch mao.
3. Có cô gái đang xuân ôm ấp xuân tình.

4. Thị chàng trai đẹp áy đem con chương đến dụ dỗ.

### *Dịch thơ*

*Ngoài đồng có con chương đã chết.*

*Là bạch mao gói thịt đem dâng.*

*Đến cùng cô gái hoài xuân.*

*Chàng trai trẻ đẹp kết thân dụ nàng.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng 罢 khuân, con chương, thuộc loài nai, không có sừng, 懷春 hoài xuân, đương tuổi xuân mà có lòng mơ ước, 吉士 cát sĩ, người đẹp trai.

Nước phía nam chịu sự giáo hoá của Văn vương, con gái đều giữ mình trinh khiết, không bị ô nhục vì những người trai ngang tàng vô lễ. Cho nên nhà thơ nhân những điều đã trông thấy khởi hứng để khen tặng.

Hoặc nói thơ này thuộc phú. Nói rằng người trai đẹp lấy lá bạch mao gói bao thịt con chương đã chết để dụ dỗ cô con gái đang tuổi xuân ôm áp xuân tình.

## CHƯƠNG II

林 有 樸 檬

5. Lâm hữu bộc tóc,

野 有 死 鹿

6. Dã hữu tử lộc.

白 茅 純 束

7. Bạch mao đồn thúc,

有 女 如 玉

8. Hữu nữ như ngọc.

### *Dịch nghĩa*

5. Trong rừng có thứ cây bộc tóc (để lót con hươu chết)

- Ngoài đồng có con hươu chết.
- Lấy lá bạch mao bao gói con hươu ấy lại.
- Có cô gái đẹp như ngọc (bị chàng trai đẹp đem con hươu đến dụ dỗ....)

*Dịch thơ*

*Trong rừng sâu có cây bộc tóc.*

*Hươu chết rồi nằm gốc ngoài đồng.*

*Bạch mao gói lại cho xong.*

*Dụ người con gái sắc dung ngọc ngà.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng 槟榔 *bộc tóc*, một thứ cây nhỏ, 鹿 lộc, con hươu có sừng, 純 đôn, cột bo bao gói lại, 如玉 *như ngọc*, có sắc đẹp như ngọc ấy.

Trong chương này, ba câu trên thuộc hứng, câu cuối cùng hoặc là thuộc phú. Nói rằng lấy cây bộc tóc lót con hươu đã chết, rồi bao gói lại bằng lá bạch mao để đem dụ cô gái đẹp như ngọc ấy.

**CHƯƠNG III**

舒而脫脫兮

**9. Thư nhi đoái đoái hế!**

無感我帨兮

**10. Vô cảm ngā thuế hế!**

無使尨也吠

**11. Vô sử mang dā phê.**

*Dịch nghĩa*

9. Hãy thong thả chậm chậm mà đến.

10. Chớ động chạm đến cái khăn của ta

11. Chớ làm cho con chó của ta phải sủa lên.

## *Dịch thơ*

*Anh nên ra thư thả.*

*Cho rộn ràng hối hả đụng khăn.*

*Chớ làm chó sủa vang rân.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú, 舒 thư, trì hoãn, chậm rãi, 脱脫  
doái doái (vốn phải đọc thoái thoái), dáng chậm rãi, 感 cảm,  
động đến 倏 thuế, cái khăn 纱 mang, con chó.

Chương này thuật lại lời người con gái cự tuyệt với người  
con trai. Nói rằng: Chỉ từ từ mà đến. Đừng đụng chạm đến  
cái khăn của ta. Đừng làm kinh động con chó của ta. Như  
thế là nói cùng cực những điều không thể nào kham nổi, thì  
cái ý lạnh lùng khiến không thể xâm phạm đến người nàng  
được đã có thể nhận thấy vậy.

*Thiên Dã hữu tử khuân có 3 chương, 2 chương 4 câu, 1  
chương 3 câu.*

## BÀI THÚ 24.

### CHƯƠNG I

何 彼 穢 矣

Hà bỉ nùng hī,

( Thiệu nam 13)

何 彼 穢 矣

1. Hà bỉ nùng hī?

唐 棣 之 華

2. Đường đệ chi hoa.

曷 不 肅 離

3. Hạt bất túc ưng?

王 姬 之 車

4. Vương Cơ chi xa.

### *Dịch nghĩa*

1. Kia sao rướm rà nhiều thịnh vượng?
2. Ấy là hoa cây đường đê
3. Còn đây chẳng là nghiêm chỉnh để cung kính êm dịu hoà thuận hay sao?
4. Ấy là nàng Vương Cơ lên xe vậy.

### *Dịch thơ*

*Kia sao đẹp đẽ rướm rà?*

*Ấy cây đường đê trổ hoa tưng bừng.*

*Sao mà lại chẳng kính nhường?*

*Vương Cơ đã biết khi nàng lên xe.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng 稔 *nùng*, thịnh nhiều, cũng như nói 戊戌 *nhung nhung* vậy, 唐棣 *đường đê*, cây đi, giống như cây bạch dương, 蕤 *túc*, kính, 離 *ung*, hoà 王姬 *Vương Cơ*, con gái của vua nhà Chu họ Cơ cho nên gọi là Vương Cơ.

Vương cơ, con gái của vua nhà Chu, hạ mình để gả cho chư hầu, y phục và xe ngựa nhiều đong như thế ấy không cậy mình là tôn quý để khinh để nhà chồng. Cho nên người thấy chiếc xe đưa dâu của nàng, biết ngay là nàng đã cung kính và hoà thuận để giữ trọn đạo làm vợ, mới làm bài thơ này để khen tặng.

## CHƯƠNG II

何 彼 稔 矣

5. Hà bỉ nùng hī?

華 如 桃 李

6. Hoa như đào lý.

平 王 之 孫

7. Bình vương chi tôn,

*Dịch nghĩa*

5. Kìa sao rướm rà nhiều thịnh vượng?
6. Đẹp như hoa đào hoa lý.
7. Đó là cháu gái của Bình Vương,
8. Và con trai của Tề hầu.

*Dịch thơ*

- Kìa sao đẹp đẽ dồi dào?*  
*Rõ ràng hoa lý hoa đào tương đương.*  
*Một bên cháu gái Bình Vương.*  
*Một bên chàng rể, ái lang Tề hầu.*

*Chú giải của Chu Hý*

Chương này thuộc hưng, 李 lý, tên cây lý, hoa trắng, trái ăn được. Theo thuyết xưa, 平 bình là đính chính, làm cho ngay thẳng. Văn vương cũng gọi là Bình vương, vì đức vua Văn vương đã bình chính được thiên hạ. Con gái của Vũ vương, tức là cháu nội của Văn vương gả cho con của Tề hầu. Hoặc nói Bình vương tức là Bình vương Nghi cữu. 齊侯 Tề hầu, tức là những người con của Tề Tương công, việc này xem ở sách Xuân thu, chưa biết ai là đúng.

**CHƯƠNG III**

- |      |                         |
|------|-------------------------|
| 其釣維何 | 9. Kỳ diếu duy hè?      |
| 維絲伊縉 | 10. Duy ty y dân.       |
| 齊侯之子 | 11. Tề hầu chi tử,      |
| 平王之孫 | 12. Bình Vương chi tôn. |

### *Dịch nghĩa*

9. Câu cá thì cần những gì?
10. Chỉ cần sợi tơ xe hợp chung lại thành nhợ làm dây câu.
11. Cũng như con trai của Tề hầu.
12. Và cháu gái của Bình vương kết hợp lại thành hôn nhân.

### *Dịch thơ*

*Đi câu phải có món nào?*

*Cần tơ xe sợi dây câu một đường.*

*Con Tề hầu bực cao sang,*

*Sánh cùng cháu gái Bình vương rõ ràng.*

*Thiên Hà bỉ nùng hĩ có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THÚ 25.

### CHƯƠNG I

驕虞

Trâu ngu, (Thiệu nam 14)

彼苗者葭

1. Bỉ truyết giả già.

壹發五犯

2. Nhất phát ngũ ba.

于嗟乎驕虞

3. Hu ta hô trâu ngu!

### *Dịch nghĩa*

1. Kìa lau sậy đã mọc um tùm mạnh mẽ,
2. (Chư hầu) chỉ bắn một phát vào năm con heo đực bị đuổi chạy đến.
3. Ôi nhân đức thay như con trâu ngu!

## Dịch thơ

Kìa vùng lau đã rậm chen.  
Năm con heo đực, bắn tên một lần.  
Như trâu ngu, có lòng nhân.

### Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 茲 truyết, dáng mộc lên rườm rà mạnh mẽ 茲 gia, cây lau, cũng gọi là cây vi (vi lô). 發 phát, bắn tên, 猥 ba, heo đực, 壹發五猥 nhất phát ngũ ba, chỉ bắn tên một lần, năm con heo đực bị đuổi chạy đến nếu trúng chỉ hạ đôi ba con mà thôi. 驕虞 trâu ngu, tên một loài thú, tức là con cọp trắng vằn đen, không hề ăn loài vật còn sống.

Chư hầu phương nam chịu sự giáo hoá của Văn vương đều lo tu thân tề gia để bình trị đất nước. Ân huệ dư thừa đã ở nhân đạo với dân chúng còn thấm nhuần đến loài vật. Cho nên trong cuộc săn bắn mùa xuân, cỏ cây tươi tốt, cầm thú dồi dào, vua chư hầu đã hành động nhân đức đến như thế (trong 5 con heo, chỉ bắn một phát hạ vài con chớ không nhẫn giết hết cả 5 con). Nhà thơ mới thuật lại việc ấy để khen tặng mà than thưởng rằng: Ấy là lòng nhân đạo tự nhiên chớ không phải gắng gượng, thật đáng gọi là nhân đức như con trâu ngu (không hề ăn loài vật sống).

## CHƯƠNG II

彼 茲 者 蓬

4. Bỉ truyết giả bồng.

壹 發 五 猥

5. Nhất phát ngũ tông.

于 噫 乎 驕 虞

6. Hu ta hô trâu ngu

## *Dịch nghĩa*

4. Kìa cỏ bồng đã mọc um tùm mạnh mẽ.
5. (Chư hầu) chỉ bắn một phát mà thôi vào năm con heo lứa bị đuổi chạy đến.
6. Ôi nhân đạo thay như con trâu ngu!

## *Dịch thơ*

*Um tùm bồng đã mọc lên.*

*Năm con heo lứa, bắn tên một lần.*

*Như trâu ngu, có lòng nhân*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 蓬 *bồng*, tên cỏ bồng, 猪 *tông*, heo lứa được một tuổi, heo còn tơ.

*Thiên Trâu ngu có 2 chương, mỗi chương 3 câu.*

Việc giáo hoá của Văn vương bắt đầu từ thiên *Quan thư*, cho đến thiên *Lân chỉ*, thời sự cảm hoá ấy đã thấm nhập vào lòng người sâu xa vậy. Hình ra ở thiên *Thước sào*, cho đến thiên *Trâu ngu*, ân trạch thấm nhuần đến loài vật đã rộng rãi vậy. Bởi vì cái công thành ý chánh tâm đã chấn động và lâu dài, thì sự hún đúc thấm nhuần mới lan khắp mà không thể thôi được, chứ không phải phần riêng của trí lực có thể theo kịp. Cho nên bài tự cho rằng: Thơ *Trâu ngu* là báo ứng của thơ *Thước sào*, mà thấy sự thành công của vương đạo, át đã được sự truyền thụ vậy.

*Thơ các nước Thiệu nam có cả thảy 14 thiên, 40 chương, 177 câu.*

Ngu này (Chu Hy) xét rằng: Từ thiên *Thước sào* đến thiên *Thái tần* là nói về phu nhân và vợ của quan đại phu, để thấy rằng lúc ấy chư hầu và các quan đại phu chịu sự giáo hoá của Văn vương mà biết tu thân để yên định gia đình vậy.

Và từ thiên *Cam đường* trở về sau thì lại thấy rằng do Phương bá đã truyền bá việc giáo hoá của Văn vương mà các chư hầu đã biết tu chỉnh từ gia đình đến quốc gia vậy. Tuy rằng lời thơ không đề cập đến Văn vương, nhưng cái công minh đức tân dân của Văn vương đến đây đã thi hành rộng rãi. Cho nên có thuyết nói rằng dân đều hồn hở mà vẫn không biết ai đã làm được như thế vậy.

Chỉ có thơ *Hà bỉ nùng hī* là không thể hiểu, điều nghi ngờ ấy phải chịu thiếu sót. Thơ Chu nam và Thiệu nam có cả thảy 25 thiên, các nhà nho đời trước nhận là thơ chính phong, nay cũng nói theo đấy.

Không từ hỏi Bá Ngư rằng: “Người đã học thơ Chu nam, Thiệu nam chưa? Người mà không học thơ Chu nam và Thiệu nam thì cũng như đứng xoay mặt vào tường vậy”

Nghi lễ, tiệc rượu và cuộc thi bắn ở trong làng cùng yến tiệc đều hợp với nhạc. Ấy là những bài *Quan thư*, *Cát đàm* và *Quyển nhī* trong thơ Chu nam, và những bài *Thước sào*, *Thái phiền*, *Thái tần* trong thơ Thiệu nam. Yến lê lại có nhạc trong phòng. Họ Trịnh có chú rằng: “Gẩy đàn và hát những thơ Chu nam và Thiệu nam, thì không dùng đến chuông khánh”. Đây là bài thơ của bà Hậu phi phu nhân đọc để phúng vịnh mà phung sự chồng. Trình tử nói rằng: “Muốn yên trị quốc gia. Trước hết phải dính chính gia đình. Nếu các gia đình trong thiên hạ đều chính dính thì cả thiên hạ đều yên trị vậy”. Thơ Chu nam và Thiệu nam (nhị nam) là những thơ về đạo chính dính gia đình, trấn bày cái đức của bà Hậu phi, của phu nhân chư hầu và của vợ quan đại phu, suy rộng ra đến gia đình của sĩ thứ nhân dân trong nước thì cũng một lẽ ấy thôi. Cho nên khiến từ trong nước cho đến xóm làng đều dùng thơ ấy, từ triều đình cho đến thôn ngõ không ai là không ngâm nga phung vịnh, ấy là giáo hoá cả thiên hạ vậy.

# THI KINH QUYỀN II.

## 3. BỘI PHONG.

Bội, Dung Vệ là tên ba nước, theo sách, ở đất Kỳ châu, phía tây có núi Thái Hành ngăn trở, phía bắc qua khỏi sông Hoành Chương, phía đông nam vượt qua sông Hoàng Hà đến cánh đồng trồng dâu ở Viễn châu. Đến cuối đời nhà Thương, vua Trụ đóng đô ở đây. Vũ vương thăng nhà Thương, chia từ Triều ca, kinh thành của vua Trụ trở về phương bắc gọi là nước Bội, trở về phía nam gọi là nước Dung, trở về phía đông gọi là nước Vệ để phong cho chư hầu.

Nước Bội nước Dung thì lúc đầu tiên không rõ đã phong cho ai.

Còn nước Vệ là nước của Khang Thúc, em của Vũ vương. Kinh đô của nước Vệ vốn ở Hà bắc, về phía đông của nước Triều Ca, phía bắc sông Kỳ và phía nam sông Bách Tuyền, rồi về sau không biết vào thời nào lại gồm được đất nước Bội và nước Dung, đến thời Vệ ý công bị rợ Địch tiêu diệt. Đái công dời về phía đông qua sông Hoàng hà ở ngoài đồng Tào ấp. Văn công lại dời về ở Sở khâu.

Thành xưa của Triều Ca nay ở Vệ huyện thuộc Vệ châu, cách 22 dặm về phía tây, cho nên gọi là Ân Khu. Kinh đô xưa của nước Vệ, tức là Vệ huyện. Tào ấp và Sở Khâu đều ở tại Hoạt châu. Đại để ngày nay những châu Hoài, Vệ, Thiên, Tương, Hoạt, Bộc, vùng phủ Khai Phong, phủ Đại Danh đều là cảnh giới của nước Vệ.

Nhưng đất nước Bội nước Dung đã nhập vào nước Vệ mè vẫn còn liên hệ đến tên nước xưa, thì cũng không thể hiểu được.

Thuyết xưa nhận thơ của 13 nước này (Bội, Dung, Vệ, Vương, Trịnh, Tề, Ngụy, Đường, Tân, Trần, Cối, Tào, Bân) là thơ biến phong.

## BÀI THỨ 26

### CHƯƠNG I

柏 舟	Bách chu (Bội phong 1)
汎 彼 柏 舟	1. Phiếm bỉ bách chu,
亦 汎 其 流	2. Diệc phiếm kỳ lưu.
耿 耿 不 眠	3. Cảnh cảnh bất my.
如 有 隱 憂	4. Như hữu ẩn ưu.
微 我 無 酒	5. Vi ngā vô tửu,
以 敖 以 遊	6. Dī ngao dī du.

#### *Dịch nghĩa*

- Chiếc thuyền gỗ bách nồi trôi kia.
- Cũng mặc cho nó nồi trôi phiêu bạc.
- Dáng buồn bã không ngủ được,
- Như có mối đau sâu.
- Chẳng phải em không có rượu,
- Để có thể ngao du hẫu cối mở mối sâu đau ấy.

#### *Dịch thơ*

*Chiếc thuyền gỗ bách chơi với.*

*Xuôi theo sóng nước nổi trôi măc lòng.*

*Ngắn ngơ chǎng ngủ buồn trông.*

*Như ôm ấp mãi nỗi lòng bi ưu.*

*Chǎng vì ta thiếu rượu đâu.*

*Để cho khuây khoả ngao du tháng ngày.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tỳ 沁 phiếm, dáng trôi đi, 柏 bách, tên cây bách, cây bá, 耷聳 cành cành, sáng ti ti, dáng ưu sâu, 隱 ẩn, đau đớn 微 vi, chǎng.

Vợ không được lòng chồng, cho nên lấy chiếc thuyền bằng gỗ bách mà tự ví. Dùng gỗ cây bách làm thuyền thì chắc chắn vững bền, nhưng không dùng để chở chuyên thì không thể nhờ dựa vào đâu, chỉ dành trôi nổi giữa sóng nước mà thôi, cho nên mới sâu khổ sâu xa như thế. Không phải vì không có rượu để ngao du mà cỗi mở môi sâu đau ấy. Sách *Liệt nữ truyện* cho rằng đó là bài thơ của người vợ. Nay xét giọng văn mềm mại nhún nhường, lại ở đầu phần thơ biến phong, mà cũng giống như thiên sau đây, thì há lại cũng là thơ của nàng Trang Khương đó chǎng?

## CHƯƠNG II

我心匪鑒

7. Ngā tâm phi giám,

不可以茹

8. Bất khả dī nhu.

亦有兄弟

9. Diệc hữu huynh đệ,

不可以據

10. Bất khả dī cứ.

薄言往愬

11. Bạc ngôn vāng tố,

楓彼之怒

12. Phùng bỉ chi nộ.

### *Dịch nghĩa*

7. Lòng em đã không phải tấm gương để soi,
8. Cho nên không thể đo lường được mọi việc,
9. Tuy là em đã có anh em.
10. Nhưng không thể dựa vào mà làm trọng.
11. Cho nên hễ đến tỏ lòng cho biết
12. Thì trái lại sẽ gặp cơn giận dữ của người.

### *Dịch thơ*

*Lòng ta chẳng phải tấm gương.  
Cho nên chẳng thể đo lường xét xem.  
Thân ta cũng có anh em,  
Nhưng mà chẳng thể dám đem lòng nhò.  
Mấy lời nếu đến trình thưa.  
Thì cơn thịnh nộ bất ngờ đến ngay.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 鑒 gián, cái kiéng, cái gương để soi, 茹 nhu, đo để biết dài ngắn là bao nhiêu, 据 cứ, dựa vào憩 tố, báo cho biết.

Cho rằng: Lòng ta đã chẳng phải là tấm gương để soi, cho nên không thể đo lường được mọi vật. Tuy là ta có anh em, lại không thể dựa vào mà làm trọng. Cho nên hễ đến lời báo cho biết, thì trái lại sẽ gặp cơn giận dữ của người.

## CHƯƠNG III

我心匪石

13. Ngā tâm phỉ thạch,

不可轉也

14. Bất khả chuyển dā.

我心匪席

15. Ngā tâm phỉ tịch,

不 可 卷 也

16. Bất khả quyển dã.

威 儀 棣 棣

17. Uy nghi đệ đệ,

不 可 選 也

18. Bất khả tuyển dã.

### *Dịch nghĩa*

13. Lòng em không như đá. (Đá vững nhưng có thể dời chuyển được)

14. Chớ lòng em không thể dời chuyển được.

15. Lòng em không thể như chiếc chiếu, (Chiếc chiếu thì bằng phẳng nhưng có thể cuộn lại được)

16. Chớ lòng em không thể cuộn lại được.

17. Uy nghi cử chỉ của em rất đầy đủ và thuần thực,

18. Mà em lại không được chọn dùng.

### *Dịch thơ*

*Lòng ta chẳng phải đá xanh,*

*Cho nên chẳng thể đổi quanh chuyển dời,*

*Lòng ta chẳng phải chiếu ngồi,*

*Cho nên chẳng thể xếp rồi cuộn quanh.*

*Uy nghi thuần thực rành rành,*

*Nhưng không được chọn phải dành thế thôi.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 棣棣 đệ đệ, dáng đầy đủ và thuần thực 選 tuyển, lựa, lựa chọn.

Nói rằng: Đá có thể chuyển dời, nhưng lòng em không thể chuyển dời được. Chiếu có thể cuộn lại, nhưng lòng em không thể cuộn lại được. Còn uy nghi (hình dung và cử chỉ) thì không có một điểm nào là không đẹp đẽ tốt lành, mà em lại

không được chọn dùng. Việc lấy hay bỏ thì lòng em đã tự xét lại ở em rồi, không có ý gì lỗi lầm cả.

## CHƯƠNG IV

憂心悄悄	19. Ưu tâm thiểu thiểu,
悒于詳小	20. Uẩn vu quần tiếu.
觀憫即多	21. Cốu mẫn ký đa,
受侮不少	22. Thụ vụ bất thiểu,
靜言思之	23. Tịnh ngôn tư chi,
寐辟有標	24. My tịch hữu biếu.

### *Dịch nghĩa*

19. Lòng ưu sầu thiểu não,
20. Bị bọn hầu thiếp giận ghét.
21. Bị khốn hận vì chúng đã nhiều.
22. Bị lòn nhục cũng không ít.
23. Lúc yên tĩnh trong ban đêm em nghĩ đến,
24. Và trong khi ngủ em lại đấm ngực vì quá hận lòng.

### *Dịch thơ*

*Mỗi buồn thăm thía não nùng,  
Bọn hầu lũ thiếp đem lòng ghét ghen,  
Hận sâu đã chịu lầm phen,  
Trải qua nào ít khinh hèn cợt trêu.  
Lặng yên nằm nghĩ đủ điều,  
Ngủ mà đấm ngực chín chiểu ruột đau.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú, 悄悄 *thiều thiều*, dáng ưu sâu, 懵 *uẩn* giận, 詳小 *quần tiều*, bọn thiếp, bọn hầu 懵于詳小 *uẩn vu* *quần tiều*, bị bọn hầu thiếp giận ghét, 觀 *cấu*, bị 閔 *mẫn*, điều khốn hận 辟 *tịch*, vỗ ngực 標 *biểu*, dáng vỗ ngực.

### CHƯƠNG V

日 居 月 諸	25. Nhật cư nguyệt chư,
胡 迹 而 微	26. Hồ diệt nhi vi.
心 之 憂 矣	27. Tâm chi ưu hĩ!
如 睞 潸 衣	28. Như phi hoãn y.
靜 言 思 之	29. Tịnh ngôn tư chí,
不 能 奮 飛	30. Bất năng phân phi.

### *Dịch nghĩa*

25. Mặt trời, mặt trăng,  
26. Luân phiên nhau mờ khuyết,  
27. Lòng ưu sâu,  
28. Như mặc cái áo dơ không giặt,  
29. Lúc thanh tịnh trong ban đêm tưởng nhớ lại,  
30. Thì hận lòng không thể phấn chấn lên mà bay thoát  
đi nơi khác.

### *Dịch thơ*

*Thé là nhật nguyệt hai vùng.*

*Luân phiên mờ khuyết sổ phấn đồng nhau.*

*Lòng ta uất ức sâu đau,*

*Áo dơ không giặt khác nào nứa dây.  
Lặng yên nằm nghĩ đắng cay,  
Hận lòng chẳng thể thoát bay vây vùng.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý 居 cự, và 諸 chư đều là tiếng ngũ từ, tiếng đưa xuôi theo câu nói 迭 diệt, lần lượt thay đổi 微 hī thiếu khuyết 匪辭衣 phỉ hoān y, áo dơ không giặt 奮飛 phǎn phi, chim tung cánh phấn khởi bay vút đi.

Nói rằng mặt trời lúc nào cũng phải sáng, còn mặt trăng thì có lúc khuyết mờ. Cũng như vợ chính phải được tôn trọng, còn các hầu thiếp phải thấp kém. Mà nay có làm thiếp, ngược lại, được hơn vợ chính. ấy là mặt trời mặt trăng luân phiên nhau mờ khuyết. Quá ưu sầu đến phiền oán mà tôi tăm hôn loạn, như mặc cái áo dơ không giặt và hận lòng không thể phấn khởi lên mà bay đi.

*Thiên Bách chu có 5 chương, mỗi chương 6 câu*

### BÀI THÚ 27.

#### CHƯƠNG I

綠衣	Lục y. (Bội phong 2)
綠兮衣兮	1. Lục hề y hề,
綠衣黃裏	2. Lục y hoàng lý.
心之憂矣	3. Tâm chi ưu hī.
曷維其已	4. Hạt duy kỳ dī?

#### *Dịch nghĩa*

1. Màu lục thì may làm áo,

2. Áo màu lục mà lót màu vàng.
3. Lòng ta sâu đau là vì thế.
4. Lúc nào mới sâu đau ấy mới dứt?

### *Dịch thơ*

*Áo thi màu lục rõ ràng.  
Có sao trong lót màu vàng thế ni?  
Lòng ta đau đớn sâu bi.  
Bao giờ mới dứt tuyệt đi nỗi buồn?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý 緑 lục, màu xanh lộn vàng, là màu pha lộn, 黃 hoàng, màu chính, màu đất, ở trung ương. Màu lục, màu pha lộn, là màu hèn lại được may làm áo. Còn màu vàng, màu chính, thì bị may lót ở trong, ý nói màu sắc sang hèn dùng không đúng chỗ 已 dī, dừng, thôi.

Trang công bị mê hoặc vì người thiếp yêu dấu. Phu nhân, vợ chính là Trang Khương hiền thục mà bị mất địa vị chính thất, mới làm bài thơ này. Nói rằng: Áo màu lục mà lót màu vàng là so sánh việc người hầu thiếp hèn hạ mà được cao sang vinh hiển, còn người vợ chính đích thê thì bị quên bỏ phải âm thầm hèn hạ, vì thế cứ khiến ta buồn mãi không thôi.

## CHƯƠNG II

- |      |                        |
|------|------------------------|
| 綠兮衣兮 | 5. Lục hĕ y hĕ!        |
| 綠衣黃裳 | 6. Lục y hoàng thường. |
| 心之憂矣 | 7. Tâm chi ưu hī!      |
| 曷維其亡 | 8. Hạt duy kỳ vong?    |

## *Dịch nghĩa*

5. Màu lục thì may làm áo,
6. Áo màu lục, quần màu vàng.
7. Lòng ta sâu đau là vì thế.
8. Lúc nào mới sâu đau ấy mới quên đi?

## *Dịch thơ*

*Áo thì màu lục lấy may.*

*Quần thì vàng rực nghịch thay lệ thường!*

*Lòng ta cay đắng đau thương.*

*Bao giờ quên hết vấn vương nỗi sâu?*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý, 衣 y, áo, áo mặc ở trên 衫 thường, quần mặc ở dưới. Sách *Lê ký* chép rằng: Áo mặc ở trên phải may với màu chính, quần mặc ở dưới phải may với màu pha lện. Nay áo thì may với màu lục (màu pha xanh với vàng), còn màu vàng (màu chính) thì bị lót vào trong và chuyển ra may làm quần. Việc dùng không đúng chỗ càng quá tệ 亡 vong, quên.

## CHƯƠNG III

綠兮絲兮 9. Lục hê ty hê!

女所治兮 10. Nhữ sở trì (trị) hê!

我思古人 11. Ngā tư cổ nhān.

俾無訖兮 12. Tỷ vô vi (vưu) hê.

## *Dịch nghĩa*

9. Màu lục vừa nhuộm tơ xong,

- Thì chàng lo dệt thành vải, như người thiếp vừa trẻ  
đẹp lên thì chàng yêu chuộng ngay.
- Em nhớ (gương) người xưa.
- Để khỏi phạm điều tội lỗi.

### *Dịch thơ*

*Mới vừa nhuộm lục tơ nầy,  
Thì chàng đã vội dệt ngay vải liền,  
Nhớ người xưa khéo xử yên,  
Gương xưa nhin nhục, tội phiền khỏi mang.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý 女 nhữ (người), chàng, tiếng của vợ gọi chồng 治 tri (đọc tri, bình thanh cho hợp vận), lo dệt thành vải,俾 tý, khiến 試 vưu (đọc vi, cho hợp vận), lỗi lầm. Nói rằng: Màu lục vừa nhuộm tơ, thì chàng lo dệt ngay, để so sánh với việc người thiếp vừa trẻ trung đẹp đẽ lên thì chàng lại yêu chuộng ngay. Như thế thì em mới làm sao đây? Em cũng nhớ người xưa cũng thường gặp như thế và đều khéo xử sự cả. Nói như thế là để gắng gượng lấy mình cho không đến nỗi phải phạm điều tội lỗi mà thôi.

## CHƯƠNG IV

- |         |                         |
|---------|-------------------------|
| 絲 兮 紿 兮 | 13. Si hê khích hê!     |
| 淒 其 以 風 | 14. Thê kỳ dī phong     |
| 我 思 古 人 | 15. Ngā tư cổ nhân,     |
| 實 護 我 心 | 16. Thực hoạch ngā tâm. |

### *Dịch nghĩa*

- Vải mịn vải thô,

14. Lạnh lěo vì gió thổi.
15. Em nhớ lại người xưa (đã khéo xử sự)
16. Thật đã được lòng em mong muốn vậy.

### *Dịch thơ*

*Vải thô vải mịn che thân,  
Tái tê gió lạnh, xót phần đắng cay.  
Nhớ người xưa khéo xử thay!  
Thật là thích hợp lòng này cầu mong.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý 婴 thê, gió lạnh, 絲 si, vải mịn, 绦 khích, vải thô. Vải mịn vải thô mà gặp gió lạnh, như em đã quá thời, đã già mà bị bỏ rơi vậy (Vải mịn vải thô để mặc trong mùa nóng, chớ mặc trong mùa gió lạnh thì không hợp thời, cũng như em đã quá thời xuân trẻ không còn hợp với chàng, chàng mới phụ rãy). Cho nên em mới nhớ lại người xưa đã khéo xử sự việc này thật đã hiểu trước được lòng em mong muốn vậy. (Người xưa như bà Thái Tự không ghen tuông, em cũng bắt chước theo cho hợp với lòng em vậy).

*Thiên Lục y có 4 chương, mỗi chương 4 câu.*

Việc của nàng Trang Khuông thấy chép ở truyện Xuân thu. Còn bài thơ này thì không thể khảo xét rõ được, chỉ dành giải theo thuyết của bài tự vậy. Ba thiên sau đây cũng đồng như thế.

## BÀI THÚ 28

### CHƯƠNG I

燕 燕

Yến yến. (Bội phong 3)

- |         |                         |
|---------|-------------------------|
| 燕 燕 于 飛 | 1. Yên yến vu phi,      |
| 差 池 其 羽 | 2. Si trì kỳ vũ.        |
| 之 子 于 歸 | 3. Chi tử vu quy,       |
| 遠 送 于 野 | 4. Viễn tống vu dā.     |
| 瞻 望 弗 及 | 5. Chiêm vọng phát cập, |
| 泣 涕 如 雨 | 6. Khấp thê như vũ.     |

### *Dịch nghĩa*

1. Chim én bay đi,
2. Lông của nó không tề chỉnh.
3. Nàng Đái Quy trở về nhà cha mẹ không trở lại nữa,
4. Ta đưa nàng ra xa ở ngoài đồng nội.
5. Ta trông theo thì không thấy nàng kịp nữa.
6. Ta khóc thương nàng lệ đỗ như mưa.

### *Dịch thơ*

*Vụt ngang con én bay qua,*  
*Bộ lông xốc xéch tung ra phương trời.*  
*Nàng về mãi mãi cách vời.*  
*Ân cần đưa tiễn xa ngoài đồng hoang.*  
*Trông theo chẳng kịp bóng nàng.*  
*Khóc than nước mắt tuôn tràn như mưa.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 燕 yến, chim én, 差池 si trì, dáng không bằng nhau, không tề chỉnh, 之子 chi tử, nàng ấy, chỉ nàng Đái Quy (thường đọc sai là Đái Vỉ) 歸 quy, tức 大歸 dai quy, con gái đã gả chồng, trở về nhà cha mẹ ở luôn đấy, chứ không trở lại nhà chồng nữa. Bà Trang Khương (vợ đích của

Vệ Trang công) không có con, nhận con của người thiếp Đái Quy tên là Hoàn làm con. Khi Trang công mất, Hoàn lên nối ngôi, bị Châu Hu, con của người sủng thiếp giết. Cho nên Đái Quy bỏ về nước Trần luôn không trở lại nữa. Bà Trang Khương đưa tiễn nàng Đái Quy và làm bài thơ này.

## CHƯƠNG II

燕 燕 于 飛  
韻 之 韵 之  
之 子 于 歸  
遠 于 將 之  
瞻 望 弗 及  
佇 立 以 泣

7. **Yến yến vu phi,**
8. **Hiệt chi hàng chi.**
9. **Chi tử vu quy,**
10. **Viên vu tương chi,**
11. **Chiêm vọng phát cập,**
12. **Trữ lập dī khấp.**

### *Dịch nghĩa*

7. Chim én bay đi,
8. Bay lên bay xuống.
9. Nàng trở về nhà không trở lại nữa.
10. Ta tiễn đưa nàng ra tận ngoài xa.
11. Ta trông theo thì không thấy nàng kịp nữa.
12. Ta đứng lâu ở đây mà khóc thương nàng.

### *Dịch thơ*

*Lướt qua con én bay đi,  
Lướt lên cao vút khi thì xuống nhanh.  
Nàng về chẳng trở lại đành.  
Ân cần tương biệt tiên hành xa xôi.  
Trông theo chẳng kịp bóng người,*

*Đứng lâu sùi sụt bồi hồi khóc thương.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 韻 hiệt, bay lên, 頑 hàng, bay xuống. 將 tương, đưa tiễn 倚立 trù lập, đứng lâu.

**CHƯƠNG III**

燕 燕 于 飛	13. <i>Yến yến vu phi</i>
下 上 其 音	14. <i>Há thường kỳ âm.</i>
之 子 于 歸	15. <i>Chi tử vu quy</i>
遠 送 于 南	16. <i>Viễn tống vu nam.</i>
瞻 望 弗 及	17. <i>Chiêm vọng phát cập</i>
實 勞 我 心	18. <i>Thực lao ngā tâm.</i>

*Dịch nghĩa*

13. Chim én bay đi
14. Tiếng kêu khi bồng khi trầm
15. Nàng trở về nhà cha mẹ, không trở lại nữa.
16. Ta tiễn đưa nàng về nam.
17. Ta trông theo thì không thấy nàng kịp nữa
18. Thật lao khổ cho lòng ta

*Dịch thơ*

*Vút đi con én bay nhanh.*

*Khi trầm khi bồng âm thanh dịu dàng.*

*Đã về ở mãi chẳng sang,*

*Ân cần tương biệt tiễn nàng về nam.*

*Trông theo chặng kip hơi tăm.*

*Thật lòng ta đã thăm dâm khổ đau.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 上音 thường âm, kêu tiếng bổng lên 下音 há âm tiếng trầm xuống 送于南 tóng vu nam, đưa tiên nàng về nam, vì nước Trần ở về phía nam nước Vệ.

## CHƯƠNG IV

- |      |                         |
|------|-------------------------|
| 仲氏任只 | 19. Trọng thị nhâm chí, |
| 其心塞淵 | 20. Kỳ tâm tắc uyên.    |
| 終溫且惠 | 21. Chung ôn thả huệ,   |
| 淑慎其身 | 22. Thục thận kỳ thân.  |
| 先君之思 | 23. Tiên quân chi tư,   |
| 以勗寡人 | 24. Dī húc quả nhân.    |

### *Dịch nghĩa*

19. Nàng Trọng thị (Đái Quy) hiền thục tin cậy,
20. Mà tâm ý lại sâu xa,
21. Và rốt cùng nàng vẫn ôn hoà kính thuận.
22. Nàng hiền lành và cẩn thận lấy thân.
23. Nàng lại lấy lòng nhớ tướng tiên quân,
24. Mà khuyên ta cố gắng giữ vững mãi tâm chí.

### *Dịch thơ*

*Nàng là Trọng thị đáng tin,  
Tâm lòng đã khéo giữ gìn sâu xa.  
Đến cùng kính thuận dịu hoà,*

*Hiên lành cẩn thận để giữ thân.  
Lấy lòng tưởng nhớ liên quân,  
Khuyên ta cố gắng, chí cẩn bền lâu.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 仲氏 Trọng thi, là tên tự của nàng Đái Quy, 任 nhâm, tin cậy nhau vì ân huệ 只 chỉ, tiếng ngũ từ, tiếng đưa theo lời nói, 塞 tắc, thật 淵 uyên (đọc uân cho hợp vận), sâu 終 chung, cuối cùng, 溫 ôn, ôn hoà 惠 huệ, thuận 淑 thục, lành. 先君 tiên quân, vua trước, chỉ Trang công đã mất. 矢 húc, cố gắng lên 寡人 quả nhân (người ít đức), tiếng của bà Trang Khương tự xưng.

Chương này nói: Nàng Đái Quy hiền thục như thế, lại lấy lòng nhớ tưởng tiên quân (vua Trang công đã mất) để khuyên ta cố gắng, khiến ta thường nhớ đến để giữ vững mãi tâm chí.

Dương Thị nói rằng: việc tàn bạo của Châu Hu, cái chết của Hoàn công và việc bỏ đi của nàng Đái Quy đều do nỗi Trang Khương phu nhân mất địa vị chánh thất, không được tiên quân đáp lại ân tình mà ra cả. Nhưng nàng Đái Quy còn lấy lòng tưởng nhớ tiên quân để khuyên phu nhân cố gắng thì thật có thể được gọi là người dịu hoà ôn thuận vậy.

*Thiên Yến yến có 4 chương, mỗi chương 6 câu.*

## BÀI THÚ 29.

### CHƯƠNG I

日月

Nhật nguyệt. (Bội phong 4)

日居月諸

1. Nhật cư nguyệt chư,

照臨下土

2. Chiếu lâm hạ thổ.

- |       |                         |
|-------|-------------------------|
| 乃如之人兮 | 3. Nài như chi nhân hế! |
| 逝不古處  | 4. Thệ bất cổ xứ.       |
| 胡能有定  | 5. Hồ năng hữu định?    |
| 寧不我顧  | 6. Ninh bất ngã cố.     |

### *Dịch nghĩa*

1. Hai vừng nhật nguyệt,
2. Đã từng rọi chiếu mặt đất,
3. Nay lại có người như chàng,
4. Chàng lấy đạo nghĩa xưa mà cư xử với ta.
5. Làm sao chàng định tâm chí được (khi chàng đã mê loạn rồi)?
6. Sao đối với ta, chàng không đoái tưởng đến?

### *Dịch thơ*

*Hai vừng nhật nguyệt kia ơi!*

*Đất này từng đã chiếu soi khắp vùng.*

*Người sao lại có như chồng.*

*Chàng đem nghĩa cũ ở cùng với ta.*

*Lương tâm nào định được mà?*

*Chàng hề đoái tưởng xót xa thân này.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 日居月諸 *nhật cư nguyệt chư*, gọi mặt trời mặt trăng mà tỏ nỗi lòng 之人 chi nhân, người ấy, chỉ Vệ Trang công, 逝 痴, tiếng ở đầu câu, 古處 cổ xứ, chưa rõ là nghĩa gì, nhưng có thuyết giải rằng: Lấy đạo xưa mà đối xử, 胡 hồ, 寧 ninh đều có nghĩa là sao?

Bà Trang Khương không được Vệ Trang công báo đáp ân tình, mới gọi mặt trời mặt trăng để tỏ nỗi lòng đau đớn mà thốt lời rằng: Mặt trời mặt trăng rời chiếu xuống mặt đất đã lâu rồi. Nay lại có người như thế (chỉ Vệ Trang công) không lấy đạo nghĩa xưa để đối xử với vợ, vì tâm chí của người đã bị mê loạn thì làm sao còn định tâm chí được thay! Và tại sao chỉ riêng đối với ta, người không đoái đến vậy? Tuy bị bỏ rơi như thế, mà Trang Khương vẫn có ý chờ trông. Bài thơ này vì thế mà đôn hậu.

## CHƯƠNG II

日居月諸	7. Nhật cư nguyệt chư,
下土是冒	8. Hạ thổ thị mạo,
乃如之人兮	9. Nai như chi nhân hế!
逝不相好	10. Thê bất tương hảo.
胡能有定	11. Hồ năng hữu định?
寧不我報	12. Năng bất ngã báo.

### *Dịch nghĩa*

7. Hai vùng nhật nguyệt.
8. Đã phủ ánh sáng xuống mặt đất.
9. Lại có người như chàng.
10. Chàng ăn ở tốt lành với vợ.
11. Làm sao chàng định tâm chí được (khi chàng đã mê loạn đi rồi)?
12. Sao chàng chẳng báo đáp ân tình với ta?

### *Dịch thơ*

*Hỡi ôi nhật nguyệt hai vùng,*

*Đất này đã chiếu sáng trưng khắp vùng.  
Người sao lại có như chồng,  
Tốt lành với vợ thì không khi nào.  
Định tâm định chí được sao?  
Lại không báo đáp để trao ân tình?*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 冒 mạo, dậy, phủ xuống 報 báo, báo đáp.

CHƯƠNG III

日居月諸	13. Nhật cư nguyệt chư,
出自東方	14. Xuất tự đông phương.
乃如之人兮	15. Nai như chi nhân hê!
德音無良	16. Đức âm vô lương.
胡能有定	17. Hồ năng hữu định?
俾也可忘	18. Tý dã khả vong.

*Dịch nghĩa*

13. Hai vùng nhật nguyệt,
14. Đều mọc ở phương đông.
15. Lại có người như chàng,
16. Lời nói nghe tốt đẹp, nhưng lại tệ bạc không hiền lành.
17. Làm sao chàng định tâm chí được (khi chàng đã mê loạn đi rồi)?
18. Sao lại một mình ta là có thể bị quên như vậy?

### *Dịch thơ*

*Hai vũng nhật nguyệt kia ôi!  
Luôn luôn lú mọc chân trời phương đông,  
Người sao lại có như chồng.  
Lời thì đẹp đẽ mà không hiền lành.  
Làm sao định được tâm linh?  
Tại sao chàng nỡ quên dành riêng ta?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 出自東方 *xuất tự đông phương*, mặt trời buổi sáng mọc ở đông phương, mặt trăng tròn cũng mọc ở đông phương, 德音 *đức âm*, tiếng tốt, để khen tặng lời nói, 無良 *vô lương*, không lành, để chán ghét sự thật 傢也可忘 *tỷ dã khả vong*, ý nói sao lại khiến chỉ riêng một mình ta là có thể bị quên như thế vậy?

### CHƯƠNG IV

- |      |                          |
|------|--------------------------|
| 日居月諸 | 19. Nhật cư nguyệt chư,  |
| 東方自出 | 20. Đông phương tự xuất. |
| 父兮母兮 | 21. Phụ hề mẫu hề!       |
| 畜我不卒 | 22. Súc ngã bất tốt.     |
| 胡能有定 | 23. Hồ năng hữu định?    |
| 報我不述 | 24. Báo ngã bất thuật?   |

### *Dịch nghĩa*

19. Hai vũng nhật nguyệt,
20. Đều mọc ở phương đông,
21. Cha ôi! Mẹ ôi!

22. Đã nuôi con không trọn (không tạo được cho con hạnh phúc).
23. Làm sao chàng định tâm chí được (khi chàng đã mê loạn đi rồi)?
24. Đề bù đáp lại hành vi không hợp nghĩa lý đối với ta.

### *Dịch thơ*

*Mặt trăng và lại mặt trời,  
Phương đông đều thấy sáng soi lộ hình.  
Mẹ cha hai đấng thân sinh,  
Đường nuôi chẳng trọn, ái tình dở dang.  
Làm sao định tinh được chàng?  
Đáp bù lại nỗi phũ phàng vô nghĩ.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 畜 súc, dưỡng nuôi, 卒 tốt, chung trọn. Không được vừa ý chồng, bà Trang Khuê mới than thở cha mẹ đã nuôi bà chẳng trọn. (Đã nuôi nồng bà, nhưng không tạo được hạnh phúc cho bà). Ưu sầu đau đớn quá đỗi mà phải gọi cha mẹ để thở than. Người như thế thật là chí tình vậy. 遂 thuật, noi theo 不遂 bắt thuật, ý nói không noi theo nghĩa lý.

*Thiên Nhật nguyệt có 4 chương, mỗi chương 6 câu.*

Bài thơ này đáng được đặt trước thiên 永 永. Thiên sau cũng phỏng theo đây.

## BÀI THÚ 30.

### CHƯƠNG I

終 風

Chung phong. (Bội phong 5)

終 風 且 暴

1. Chung phong thả bạo.

- |      |                         |
|------|-------------------------|
| 顧我則笑 | 2. Cố ngã tắc tiếu.     |
| 謔浪笑敖 | 3. Hước lăng tiếu ngạo, |
| 中心是悼 | 4. Trung tâm thị diệu.  |

### *Dịch nghĩa*

1. Gió suốt ngày và lại mạnh tợn (cũng như chàng suốt ngày cuồng si hung bạo).
2. Có lúc chàng ngoảnh lại trông em mà cười.
3. Nhưng cười để đùa giỡn ngạo mạn (chớ không do lòng yêu kính).
4. Cho nên trong lòng em phải đau đớn xót xa.

### *Dịch thơ*

*Gió cứ thổi suốt ngày lại gấp.  
Đoái trông ta, chàng gấp lại cười.  
Chỉ là đùa giỡn ngạo chơi.  
Khiến lòng ta những ngậm ngùi xót xa*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý 終風 *chung phong*, gió suốt ngày, 暴  
bạo, gấp, nhanh, 謔 *hước*, nói giỡn 浪 *lăng*, phóng dâng, 悼  
diệu, bi thương.

Trang công là người cuồng si phóng dâng hung bạo, nhưng vợ là Trang Khương không nhân tâm tỏ lời bài xích, cho nên chỉ lấy việc gió bão suốt ngày mà so sánh. Nói rằng: Tuy chàng cuồng xi hung bạo như thế, nhưng cũng có lúc ngoảnh lại trông em mà cười. Hành động ngoảnh lại trông mà cười ấy đều do ý đùa giỡn khinh mạn mà ra, chớ không phải do lòng thành yêu kính. Cho nên lại khiến em chẳng dám nói, riêng lòng đau xót mà thôi. Vì Trang công cuồng

bạo khinh mạn vô thường, còn Trang Khương thì trung chinh lặng lẽ giữ mình cho nên không vừa ý chồng mà không được đáp đền ân ái.

## CHƯƠNG II

終 風 且 霽

5. Chung phong thả mai.

惠 然 肯 來

6. Huệ nhiên khẳng lai.

莫 往 莫 來

7. Mạc vāng mạc lai.

悠 悠 我 思

8. Du du ngă tư.

### *Dịch nghĩa*

5. Suốt ngày gió thổi lại mưa dông cát bay mù mịt (cũng như chàng suốt ngày cuồng si hung bạo thế ấy).

6. Nhưng có lúc chàng cũng thuận hoà, chịu đến với em.

7. Những lúc chàng chẳng chịu đến, chàng chịu sang bên em.

8. Thì em tưởng nhớ xa xôi.

### *Dịch thơ*

*Gió suốt ngày lại thêm bụi cát,  
Lúc dịu hiền cũng tat sang ta.  
Khi chàng chẳng đến chàng qua.  
Viễn vông em nghĩ xót xa tâc lòng.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tỳ 霽 mai, gió mưa cát bụi mù mịt, 惠 huệ, thuận theo,悠悠 du du, suy tưởng xa xôi.

Nói suốt ngày gió thổi lại mưa và cát bụi bay mù mịt để so sánh với sự cuồng si mê hoặc của Trang công. Nhưng chàng cũng có lúc thuận hoà chịu đến với em. Và những lúc chàng

chẳng chịu sang, chàng chẳng chịu đến ấy đã khiến em tưởng nhớ xa xôi. Trông đợi đến chồng thầm thiết như thế, bà Trang Khương là người đôn hậu vậy

### CHƯƠNG III

終 風 且 曜

9. Chung phong thả ế,

不 曰 有 曜

10. Bất nhật hữu ế.

寤 言 不 痞

11. Ngộ ngôn bất my.

願 言 則 嘘

12. Nguyễn ngôn tắc đế.

#### *Dịch nghĩa*

9. Gió suốt ngày mà lại âm u

10. Chưa qua ngày thì lại âm u gió cuốn nữa (cũng như chàng vừa được cơn cuồng si mê loạn nãy tạm lợi, thì lại bị cơn cuồng, si mê hoặc khác kịp đến).

11. Em thức muôn nói với chàng mà không ngủ được.

12. Em suy nghĩ muôn nói với chàng thì lại bị hắc hơi nhảy mũi.

#### *Dịch thơ*

*Gió suốt ngày lại thêm mây phủ,*

*Chưa qua ngày vẫn vũ nữa rồi.*

*Thức trống muôn nói đôi lời.*

*Muốn thưa chàng rõ, hắc hơi ngại ngùng.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý 曜 ế, trời âm u mây phủ và có gió cuốn.. 有 hữu, lại có 不曰有 曜 *bất nhật hữu ế*, nói trời đã âm u gió dậy, và khi chưa chuyển sang ngày khác thì trời cũng âm u gió dậy nữa, để so sánh với chàng, cơn cuồng si mê hoặc

này vừa tạm khỏi thì lại bị cơn cuồng si mê hoặc kéo đến nữa, 願 *nguyễn*, suy nghĩ 嘘 *đé*, nhảy mũi, người bị xúc thương uất ức lại bị gió sương cảm mạo thì sinh chứng ấy.

## CHƯƠNG IV

嘯嘯其陰	13. È ế kỳ âm,
虺虺其雷	14. Huỷ huỷ kỳ lôi.
寤言不寐	15. Ngô ngôn bất my.
願言則懷	16. Nguyễn ngôn tắc hoài,

### *Dịch nghĩa*

13. Trời âm u mờ tối.
14. Tiếng sét còn âm ỉ chưa phát ra (cũng như chàng cuồng si mê hoặc nặng nề chưa dứt)
15. Em thức muôn nói với chàng mà không ngủ được.
16. Em suy nghĩ muôn nói với chàng thì cứ lo nghĩ.

### *Dịch thơ*

*Mây cứ phủ âm u râu rĩ,  
Tiếng sấm còn âm ỉ chưa vang.  
Thức tróng muôn nói cùng chàng.  
Muốn thưa chàng rõ, bàng hoàng nghĩ suy.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tỷ 嘯嘯 è è, dáng âm u, 滙滙 huỷ huỷ, nói tiếng sét âm ỉ chưa phát ra để so sánh với sự cuồng si mê hoặc của chàng càng thêm nặng chưa thôi. 懷 hoài, nhớ tưởng.

*Thiên Chung phong* có 4 chương, mỗi chương 4 câu.  
Giả thuyết xin xem ở trên.

## BÀI THÚ 31.

### CHƯƠNG I

擊 鼓	Kích cỗ. (Bội phong 6)
擊 鼓 其 鐙	1. Kích cỗ kỳ thang,
蹠 躍 用 兵	2. Dũng được dụng binh.
土 國 城 潛	3. Thổ quốc thành Tào,
我 獨 南 行	4. Ngã độc nam hành.

#### *Dịch nghĩa*

1. Đánh trống nghe thùng thùng,
2. Phấn khởi đứng lên mà cầm binh khí.
3. Kẻ thì đào đắp ở nước Vệ, người thì xây thành ở áp Tào.
4. Riêng một mình ta thì đi đánh ở phương nam

#### *Dịch thơ*

*Tiếng trống đánh thùng thùng vang dậy,  
Đứng lên binh khí hãy cầm mau,  
Đắp thành, xây cất áp Tào.  
Riêng ta chinh chiến đi vào miền nam.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 鐙 thang, tiếng trống đánh, 蹠躍 dũng được, dáng kích thích phấn khởi đứng dựng lên khi đang ngồi\* binh, binh khí như cây giáo cây kích 土 thô, việc xây cất, đào đắp, 國 quốc, ở trong nước, 潛 Tào, tên một ấp ở nước Vệ.

Người nước Vệ đi lính kể công việc của mình làm, nói rằng: Dân nước Vệ, người thì đào đất, đắp đất ở trong nước, kẻ thì xây thành ở áp Tào, còn tôi thì riêng một mình đi đánh giặc ở phương nam, phải lo về nỗi bị mũi tên ngọn giáo mà chết mất, nguy khốn vô cùng.

## CHƯƠNG II

從 孫 子 仲

5. Tùng Tôn Tử Trọng.

平 陣 與 宋

6. Bình Trần dữ Tống.

不 我 以 歸

7. Bất ngã dī quy,

憂 心 有 仲

8. Ưn tâm hữu sung.

### *Dịch nghĩa*

5. Đi theo quân sư Tôn Tử Trọng (để đánh giặc),
6. Kết hoà với nước Trần nước Tống.
7. Sẽ chẳng cùng ta mà trở về (đều chết trận).
8. (Nghĩ đến việc tử thương) lòng rười rượi có điều buồn rầu.

### *Dịch thơ*

*Theo Tử Trọng đại binh hùng dũng,*

*Đã hợp cùng Trần Tống giao hoà.*

*Trở về e chẳng cùng ta,*

*Đau sâu rười rượi xót xa nỗi lòng.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 孫子仲 *Tôn Tử Trọng*, quân sư lúc ấy họ Tôn, tự là Tử Trọng 平 binh, hoà, giao hảo với hai nước Trần và Tống. Thuyết xưa cho rằng theo sách Xuân thu vào

thời Lỗ Ân công năm thứ 4, lúc Châu Hu tự lập làm vua, việc nước Tống, nước Vệ, nước Trần, nước Thái đánh nước Trịnh thì e có lẽ là đúng, 以 *dī*, cùng với 不我以歸 *bất ngā dī quy*, không cùng với ta mà trở về.

### CHƯƠNG III

爰 居 爰 處	9. Viên cư viễn xứ,
爰 壢 其 馬	10. Viên táng kỳ mã.
于 以 求 之	11. Vu dī cầu chi,
于 林 之 下	12. Vu lâm chi hạ.

#### *Dịch nghĩa*

9. Dừng lại nơi đó, ở lại nơi đó,
10. Chết mất ngựa ở nơi đó.
11. Để tìm kiếm nó.
12. Thì tìm ở trong rừng.

#### *Dịch thơ*

*Tại nơi đây mà dừng ở lại,  
Chiến mã cùng nơi ấy mà mất đi,  
Kiếm tìm mà đến mấy khí,  
Ở trong rừng núi tìm thì được ngay.*

#### *Chú giải của Chu Hy.*

Chương này thuộc phú 爰 viễn, ở nơi. Dừng lại nơi đó, ở lại nơi đó, mất ngựa ở nơi đó. Có tìm nó thì ở trong rừng. Bấy nhiêu lời đùa thây rõ người này đã thất lạc hàng ngũ không còn chí chiến đấu nữa.

## CHƯƠNG IV

- |         |                          |
|---------|--------------------------|
| 死 生 翟 閣 | 13. Tử sinh khiết khoát, |
| 于 子 成 說 | 14. Dữ tử thành thuyết,  |
| 執 子 之 手 | 15. Chấp tử chi thủ,     |
| 于 子 偕 老 | 16. Dữ tử giao lão.      |

### *Dịch nghĩa*

13. Chết sống hay xa cách,
14. Đã cùng nàng thành lời thề ước,
15. Ta nắm tay nàng,
16. (Hẹn ước) sẽ sống chung với nhau đến tuổi già.

### *Dịch thơ*

Lúc tử sinh hay khi cách biệt,  
 Chẳng bỏ nhau lời quyết thệ rồi.  
 Cầm tay nàng, hẹn mấy lời:  
 “Sống bên nhau mãi đến hồi già nua”.

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 翟闔 *khiết khoát*, ý nói xa cách, 成說 *thành thuyết*, thành lời thề ước.

Người đi quân dịch này nhớ gia đình, kể lại lúc mới lập gia đình, đã hẹn ước với vợ, chết sống hay xa cách cũng không bỏ nhau; lại nắm tay vợ mà hẹn sống với nhau đến già.

## CHƯƠNG V

于嗟闔兮

17. Hu ta khoát hế!

不我活兮

18. Bất ngã hoạt hế!

于嗟洵兮

19. Hu ta tuân hế!

不我信兮

20. Bất ngã thân hế!

### *Dịch nghĩa*

17. Than ôi lời hẹn ước xưa trong lúc xa cách!
18. Thì nay ta lại không được sống sót (ta dành phụ bồ nàng).
19. Than ôi lời hẹn ước đáng tin kia.
20. Ta chẳng thể thi hành được nữa!

### *Dịch thơ*

*Ôi lời hẹn trước khi xa cách,*

*Dành phụ nàng ta thác từ đây!*

*Đáng tin lời hẹn bấy nay,*

*Không thi hành được mảy may với nàng.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 于嗟 *hu ta*, lời than, 閣 *khoát*, là  
掣闔 *khiết khoát*, ý nói xa cách, 活 *hoạt*, sống 淵 *tuân*, lời hẹn  
ước đáng tin, 信 *thân*, thi hành lời hẹn ước đáng tin.

Nói rằng: Ngày trước lúc xa cách đã có lời thề ước với  
nhau như thế, nhưng nay thì ta không còn sống sót để trở về  
với nàng. Đã có lòng tín nhiệm là sống với nhau đến già như  
thế, nhưng nay ta chẳng toại nguyện, tức là ta phải chết  
mất, không dặng sống còn để về ở với nàng cho trọn lời ước  
cũ.

*Thiên Kích có 5 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THÚ 32

### CHƯƠNG I

豈 風	<b>Khải phong.</b> (Bội phong 7)
豈 風 自 南	1. Khải phong tự nam,
吹 彼 棘 心	2. Xuy bì cúc tâm,
棘 心 天 天	3. Cúc tâm yêu yêu,
母 心 劤 勞	4. Mẫu tâm cù lao.

#### *Dịch nghĩa*

1. Ngọn gió nam doanh dưỡng vạn vật từ phương nam đưa đến,
2. Thổi vào những gai nhọn của bụi cây gai kia.
3. Gai nhọn còn tơ non (nhờ gió nam ấy mà lớn lên, cũng như mẹ nuôi đàn con cho lớn).
4. Thị lòng mẹ cực nhọc rất nhiều.

#### *Dịch thơ*

*Gió nam từ phương nam thổi tới,  
Lòng khóm gai phơi phới thổi qua.  
Ngọn gai tươi tốt nõn nà.  
Riêng lòng mẹ chịu xót xa nhọc nhằn.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tỳ, 豈風 *khải phong*, gió nam, thổi đến nuôi dưỡng vạn vật 棘心 *cúc*, loài cây nhỏ mọc thành bụi nhiều gai tua tua, một loài cây khó lớn 心 *tâm*, cái gai nhọn còn

non yếu chưa già. 天天 *yêu yêu*, tơ non tươi tốt, 劤勞 *cù lao*, (đọc *cù liêu* cho hợp vận), công khó nhọc.

Phong tục dâm loạn ở nước Vệ lan rộng, người mẹ tuy đã có bảy đứa con, còn không thể yên nơi nhà chồng, muốn đi lấy chồng nữa, cho nên bảy đứa con ấy làm bài thơ này, lấy gió nam ví với mẹ, lấy gai non của bụi gai ví với bảy con cùn nhỏ. Vì rằng mẹ sinh ra bảy con, nuôi nấng bảy con bé ấy, công lao nhọc rất nhiều. Căn bản vào lúc khởi đầu mà nói để gợi lên ý tự trách lấy mình.

## CHƯƠNG II

豈 風 自 南

5. **Khải phong tự nam,**

吹 彼 耷 薪

6. **Xuy bỉ cức tân.**

母 氏 聖 善

7. **Mâu thị thánh thiện,**

我 無 令 人

8. **Ngā vô lệnh nhân,**

### *Dịch nghĩa*

5. Ngọn gió nam doanh dường vạn vật từ phương nam đưa đến,

6. Thổi đến bụi gai đã lớn (chặt làm cùi được).

7. Mẹ thì sáng suốt hiền lành,

8. Còn ta làm con thì chẳng có ai giỏi cả.

### *Dịch thơ*

*Gió nam từ phương nam đưa lại,*

*Thổi lùa vào trong mây cành gai,*

*Mẹ ta hiền sáng trên đời.*

*Còn ta con cái chẳng người giỏi ngoan.*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 聖 *thánh*, sáng suốt 令 *lệnh*, giỏi, lành.

Bụi gai đã thành củi, tức là đã lớn, nhưng thành củi tức là không phải thứ gỗ đẹp quý, để khởi hưng ví với bầy con tuy lớn, dũng tráng nhưng không phải là thứ con lành, con giỏi. Lại dùng chữ *thánh thiện* là *sáng suốt giỏi giang* để khen tặng người mẹ và tự nói mình không phải là hạng con giỏi con lành. Lời tự trách ấy thật là thâm thiết vậy.

### **CHƯƠNG III**

爰 有 寒 泉

**9. Viên hữu hàn tuyễn,**

在 涅 之 下

**10. Tại Tuấn chi hạ.**

有 子 七 人

**11. Hữu tử thất nhân,**

母 氏 勞 苦

**12. Mẫu thị lao khổ.**

#### *Dịch nghĩa*

9. Nơi đó có dòng suối lạnh,

10. Ở dưới ấp Tuấn nước Vệ (còn có thể doanh dường hữu ích cho người ở vùng ấy).

11. Huống chi có bảy đứa con,

12. Mẹ chúng ta phải lao khổ (vì chúng ta làm con không phụng sự được gì).

#### *Dịch thơ*

*Nước suối lạnh một dòng tuôn chảy,*

*Dưới Tuấn đều nhờ đấy tốt tươi.*

*Mẹ ta con có bảy người,*

*Thế mà phải chịu một đời khổ đau.*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng, 淩 Tuán, tên một ấp của nước Vệ.

Các người con tự trách mình, nói rằng dòng suối lạnh ở ấp Tuán của nước Vệ còn có thể doanh dường bỗn ịch cho ấp Tuán, huống chi chúng ta là bảy đứa con, trái lại chẳng phụng sự mẹ được, để khiến mẹ phải khổ nhọc hay sao? Do đó mới kín đáo chỉ vào việc ấy mà tự trách mình một cách đau đớn và nghiêm khắc để cảm động lòng mẹ.

Mẹ vì phong tục dâm loạn lưu hành mà không kềm giữ được mình, khiến các con phải tự trách, nhưng chỉ lấy lời lẽ là không phụng sự được mẹ, khiến mẹ phải lao khổ để khéo léo nhẹ nhàng can gián, không muốn điều xấu xa của mẹ bộc lộ ra. Thật là con có hiểu vậy. Chương sau đây cũng phỏng theo đây.

## CHƯƠNG IV.

覲 賸 黃 鳥

13. **Diênquan** (hiến noãn) hoàng diều

載 好 其 音

14. Tái hảo kỳ âm.

有 子 七 人

15. Hữu tử thất nhân,

莫 慰 母 心

16. Mạc uỷ mẫu tâm.

### *Dịch nghĩa*

13. Chim hoàng ly hót trong trèo hoà dịu và uyển chuyển,

14. Còn lanh lót tiếng hót (để đẹp tai người).

15. Huống chi chúng ta có bảy đứa,

16. Lại không an ủi được lòng mẹ chúng ta!

### Dịch thơ

*Chim hoàng ly véo von giọng hót,  
Đem tiếng ca lảnh lót hoà vui,  
Chúng ta có cả bảy người,  
Mà không an ủi mẹ với lòng sâu.*

### Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng, 睨睨 *hiên noān* (diễn quan), trong trèo, hoà dịu, uyển chuyển. Ý nói chim hoàng ly còn có thể lấy tiếng hót trong trèo hoà dịu và uyển chuyển để đẹp tai người. Còn chúng ta bảy đứa con lại không thể an ủi được lòng mẹ ru?

*Thiên Khải phong có 4 chương, mỗi chương 4 câu.*

### BÀI THÚ 33.

#### CHƯƠNG I

雄 雉	Hùng trī. (Bội phong 8)
雄 雉 于 飛	1. Hùng trī vu phi,
泄 泄 其 羽	2. Dị dị kỳ vū.
我 之 懷 矣	3. Ngā chi hoài hī!
自 詣 伊 阻	4. Tự di y trờ.

### Dịch nghĩa

1. Chim trī trống lượt bay,
2. Cánh bay chậm chạp đường hoàng tự đắc.
3. Việc mà ta nhớ nghĩ,

4. Là chàng (đi làm ở ngoài xa) đã để lại cho ta niềm cách trở xa xôi.

### *Dịch thơ*

*Con chim trī tróng lướt bay.*

*Uy nghi đôi cánh khoan thai đường hoàng  
Ta lo惘 nhớ đến chàng.*

*Để niềm cách trở dặm dàng xa xôi.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng 雉 trī, chim trī, loài gà rừng, con tróng có mồng, có đuôi dài, thân mình có lông nhiều màu sắc đẹp đẽ, ưa đá nhau,泄泄 *di di*, bay từ từ thong thả,懷 *hoài*, nhớ nghĩ, 詣 *di*, để lại. 阻 *trở*, cách trở.

Người vợ vì chồng đi làm ở ngoài xa, mới nói là chim trī bay đi, dáng từ từ tự đắc như thế (để hứng khởi về chồng). Còn việc mà ta nhớ nghĩ là chàng đi làm ở ngoài xa đã để lại cho ta niềm cách trở xa xôi.

## CHƯƠNG II

雄 雉 于 飛

5. Hùng trī vu phi,

下 上 其 音

6. Há thường kỳ âm.

展 矣 君 子

7. Triển hī quân tử!

實 勞 我 心

8. Thực lao ngã tâm.

### *Dịch nghĩa*

5. Chim trī tróng lướt bay,

6. Đã bỗng trầm tiếng hót.

7. Thành thật thay chàng quân tử!

8. Thật đã làm lòng ta lao nhọc.

### *Dịch thơ*

*Con chim trī tróng bay ngang,  
Hót lên trâm bồng dịu dàng âm thanh.  
Chàng người quân tử chân thành,  
Thật làm em phải tâm tình khổ lao.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc húng, 下上其音 *há thường kỳ âm*, thấp cao tiếng kêu, nói chim trī bay mà kêu nghe tự đắc. 展 triển, thành thực. Đã nói *thành*, lại nói *thực* là tỏ ý rằng chàng đã làm khổ nhọc lòng ta lắm vậy.

## CHƯƠNG III

譖 彼 日 月

9. Chiêm bỉ nhật Nguyệt,

悠 悠 我 思

10. Du du ngã tư.

道 之 云 遠

11. Đạo chi vân viễn,

曷 云 能 來

12. Hạt vân năng lai.

### *Dịch nghĩa*

9. Thấy ngày qua tháng lại (mà biết chàng đi phục dịch ở xa đã lâu rồi).

10. Cho nên ta tưởng nhớ xa xôi.

11. Đường đi nói là xa tít.

12. Làm sao ta có thể đi đến được?

### *Dịch thơ*

*Trong chừng ngày tháng lảng trôi,  
Em hằng tưởng nhớ xa xôi vì chàng.*

*Muôn trùng xa tí dăm dàng.  
Làm sao có thể em sang được cùng?*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 悠悠 *du du*, nhớ nghĩ xa xôi. Thấy ngày qua tháng lại mà nhớ đến chồng đi phục dịch ở xa đã lâu rồi.

**CHƯƠNG IV**

- |         |                       |
|---------|-----------------------|
| 百 爾 君 子 | 13. Bách nhī quân tử, |
| 不 知 德 行 | 14. Bất tri đức hạnh. |
| 不 枝 不 求 | 15. Bất chí bất cầu,  |
| 何 用 不 懈 | 16. Hà dụng bất tang? |

*Dịch nghĩa*

13. Phàm là quân tử (chồng),  
14. Há lại không biết đức hạnh hay sao?  
15. Nếu chàng không có lòng nguy hại và không tham lam.  
16. Thì sao lại không lương thiện được?

*Dịch thơ*

*Phàm là quân tử như chàng,  
Chẳng tường đức hạnh rõ ràng hay sao?  
Chẳng nguy hại chẳng tham cầu.  
Mà không lương thiện lẽ nào được chàng?*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú, 百 *bách*, phàm, 枝 *chí*, hại, 求 *cầu* tham. 懈 *tương* (đọc *tang* cho hợp vận), thiện, lành.

Nói rằng: Phàm là quân tử há lại không biết đức hạnh hay sao? Nếu không có lòng nguy hại, không có bụng tham cầu, thì thế nào mà chẳng lương thiện được? Nói như thế là sợ chồng đi phục dịch ở xa mà phạm điều tội lỗi. Nàng mong cho chồng sẽ ăn ở lương thiện mà được hoàn toàn vậy.

*Thiên Hùng tri có 4 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THÚ 34

### CHƯƠNG I

匏 有 苦 葉

Bào hữu khổ điệp. (Bội phong 9)

匏 有 苦 葉

1. Bào hữu khổ điệp,

濟 有 深 涉

2. Tế hữu thâm thiệp.

深 則 屬

3. Thâm tắc lê,

淺 則 揭

4. Thiển tắc khế.

### *Dịch nghĩa*

1. Bầu có lá đắng (chưa già, chưa có thể lấy vỏ đem phơi khô để đeo vào mình mà lội nước).
2. Chỗ qua sông nay phải lội sâu.
3. Sâu thì cứ mặc áo mà lội,
4. Cạn thì xắn áo lên mà đi ngang qua.

### *Dịch thơ*

*Trái bầu kia lại còn lá đắng,  
Bén sang sông gặp chặng nước sâu.  
Lội sâu cứ mặc áo vào,  
Lội qua nước cạn xắn cao tuỳ thời.*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý, 鲍 bào, trái bầu. Trái bầu mà đắng thì không thể ăn được, đặc biệt chỉ có thể đeo vào mình để lội nước mà thôi. Nhưng nay bầu lại còn lá (còn lá thì chưa được già, chưa có thể đem phơi lấy vỏ để đeo vào mình mà lội nước) tức là vào lúc chưa có thể dùng được, 濟 té, chồ qua sông. 涉 thiệp, lội đi ngang qua dòng nước. 厥 lè, cứ mặc áo mà đi ngang qua dòng nước sâu. 揭 khé, xắn áo lên mà đi ngang qua dòng nước cạn.

Đây là bài thơ châm biếm thói dâm loạn. Nói rằng trái bầu chưa có thể dùng được (chưa già để có thể đeo mình mà lội ngang sông) mà chồ đi lại sâu, người đi phải dò sâu hay cạn rồi sau mới có thể vượt qua, để sánh với việc trai và gái cũng nên thương lượng cho hợp lễ nghĩa để thi hành vậy.

## CHƯƠNG II

有 潛 濟 盈

5. Hữu mế tế doanh,

有 鳥 雉 鳴

6. Hữu diêu trī minh.

盈 不 如 軌

7. Tế doanh bất nhu quī.

雉 鳴 求 其 牡

8. Trī minh cầu kỳ māu.

### *Dịch nghĩa*

5. Chồ đi qua sông nước lại đây,

6. Chim trī mái kêu lên tìm bạn.

7. Đi qua chồ nước đây mà cho rằng chẳng ướt đầu trục bánh xe (ý nói chẳng đắn đo lễ nghĩa, phạm diều loạn luân dâm dật mà chẳng tự biết).

8. Chim trĩ mái kêu lên để tìm con thú đực (chớ chẳng phải tìm con chim trống), ý nói chẳng đáng làm vợ chồng mà lại phạm lỗ để tìm lấy nhau.

### *Dịch thơ*

*Bến sang sông thuỷ triều đầy rong,  
Trĩ mái kêu trĩ trống sum vầy,  
Trục không ướt chỗ nước đầy.  
Trĩ tìm thú đực để gầy ái ân.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý.瀾 mě, đáng nước đầy tràn. 鳥 diêu, tiếng chim trĩ mái kêu. 軋 quy (đọc cửu cho hợp vận) đầu trục bánh xe. Hai giống loài chim bay gọi là thư hùng (trống mái). Hai giống loài thú chạy gọi là tần mẫu (cái đực).

Vượt qua chỗ nước đầy mà đi bằng xe thì đầu trục bánh xe phải ướt, chim trĩ mái kêu lên để tìm chim trĩ trống thì đều là lẽ thường vậy. Nay vượt qua chỗ nước đầy mà nói là chẳng ướt đầu trục bánh xe, chim trĩ kêu lên để tìm con thú đực, chớ chẳng phải tìm con chim trống, đều là để so sánh với kẻ dâm loạn, không tính đến lẽ nghĩa, đã chẳng vừa đôi phải lứa mà lại cố ý phạm lỗ để tìm lấy nhau.

### *Chú giải của Dịch giả*

THI KINH THẬP TAM KINH CHÚ SƠ. Nàng Di Khương quá dâm dật, lấy sắc đẹp lời êm cảm dỗ Tuyên công, là con trai của chồng, khiến Tuyên công phạm lỗ nghĩa và quen nết dâm bôn phạm thượng.

Vượt qua chỗ nước đầy mà bảo rằng không ướt đầu trục bánh xe là nói nàng Di Khương dâm dăng đã phạm lỗ giáo mà không tự biết.

Chim trĩ mái kêu để cầu con thú đực, chớ chẳng phải cầu con chim trống, là nói nàng Di Khương dâm dăng, kiếm

chồng chǎng phải bức đáng làm chồng, loạn luân cám dỗ con chồng để lấy nhau.

### CHƯƠNG III

離 離 鳴 雁

9. **Ung ung minh nhạn,**

旭 日 始 旦

10. **Húc nhật thuỷ đán.**

士 如 歸 妻

11. **Sī nhự quy thê,**

迨 冰 未 洋

12. **Dāi bǎng vị phán.**

#### *Dịch nghĩa*

9. Chim nhạn kêu ung ung (được dùng trong lễ nạp thái).

10. Lúc trời vừa tang tảng sáng.

11. Nếu anh rước vợ về nhà.

12. Nên lo kịp lễ cưới vào lúc nước đá chưa tan.

#### *Dịch thơ*

*Tiếng êm hoà đã kêu chim nhạn,*

*Nạp thái thì buổi sáng xong ngay.*

*Rước dâu chồng vợ sum vầy*

*Kịp khi băng giá phủ đầy chưa tan.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 禿離 *ung ung*, tiếng hoà dịu. 雁 nhạn, tên chim nhạn, giống như con ngỗng, sợ lạnh, mùa thu thì bay về nam, mùa xuân lại bay về bắc. 旭 *húc*, lúc mặt trời mới mọc.

Về hôn nhân, lễ nạp thái thì dùng chim nhạn, lễ rước dâu thì vào lúc chiều tối, lễ nạp thái và thỉnh kỵ (xin ngày cưới)

thì vào lúc buổi sáng. Lễ rước dâu (về buổi chiều) thì vào lúc nước đá đã tan (tháng hai). Còn lễ nạp thái và thỉnh kỳ thì phải kịp vào lúc nước đá chưa tan (tháng giêng). Ý nói rằng người xưa về hôn nhân lấy nhau không bao giờ cưới ngang lấy cùn và biết tiết chế việc lấy nhau bằng lễ nghĩa như thế để châm biếm sâu sắc những người dâm loạn.

## CHƯƠNG IV

招 招 舟 子

13. Thiều thiều chu tử

人 涉 印 否

14. Nhân thiệp ngang phủ

人 涉 印 否

15. Nhân thiệp ngang phủ

印 須 我 友

16. Ngang tu ngā hǔu

### *Dịch nghĩa*

13. Người lái đò kêu gọi khách đi,
14. Mọi người đều đi qua, còn tôi thì không.
15. Mọi người đều đi qua, còn tôi thì không.
16. Tôi phải chờ bạn của tôi gọi tôi (thì tôi mới chịu theo cùng).

### *Dịch thơ*

*Người lái đò vẫy tay gọi khách,  
Người đi, ta chẳng tách mà sang,  
Người đi, ta chẳng vội vàng,  
Ta còn chờ được bạn vàng gọi kêu.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tỳ, 招招 thiều thiều, dáng kêu gọi ai. 舟子 chu tử, người lái đò lo đưa khách qua sông. 印 ngang, tôi.

Người lái đò gọi khách đi để đưa sang sông, mọi người đều nghe theo cả, nhưng chỉ có riêng tôi là không, vì tôi còn chờ bạn của tôi gọi tôi, tôi mới theo. Nói như thế là so sánh với trai và gái ắt phải chờ lứa đôi xứng đáng với nhau mới chịu cùng theo nhau để thành vợ chồng, để châm biếm những người ấy đã chẳng chịu làm như thế.

*Thiên Bào hữu khổ điệp có 4 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THỨ 35

### CHƯƠNG I

谷 風	Cốc phong. (Bội phong 10)
習 習 谷 風	1. Tập tập cốc phong,
以 陰 以 雨	2. Dī âm dī vū.
睖 勉 同 心	3. Mǎn miēn đồng tâm,
不 宜 有 怒	4. Bất nghi hữu nộ,
采 菲 采 菲	5. Thái phong thái phī,
無 以 下 體	6. Vô dī hạ thể.
德 音 莫 違	7. Đức âm mạc vi,
及 爾 同 死	8. Cập nhī đồng tử.

### *Dịch nghĩa*

1. Gió đông điều hoà thoang thoảng,
2. Cho nên mây che âm u và mưa tuôn xuống,
3. Vợ chồng gắng sức đồng tâm với nhau,
4. Không nên có lúc giận dữ nhau.
5. Ăn hái rau phong rau phī.

6. Không nên câu nệ vì cái rẽ (chẳng vì cái rẽ dở mà bỏ cái cọng ngon).

7. Tiếng tốt không bao giờ trái nghịch,

8. Để ở với chàng cho đến lúc cùng chết một lượt.

### *Dịch thơ*

*Ngon gió đông điều hoà thư thái,*

*Khiến mây che rồi lại mưa rào.*

*Đồng tâm gắng sức cùng nhau,*

*Đừng nên giận dữ kiềm câu rầy rà.*

*Rau phỉ rau phong ta tìm nhổ,*

*Chớ nên vì rẽ dở bỏ rau.*

*Tiếng thơm chẳng dám trái nào,*

*Với chàng cùng chết theo nhau một lòng.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý. 習習 *tập tập*, dáng điều hoà thư thái. 谷風 *cốc phong*, gió thổi từ phương đông lại, gọi là cốc phong. 菲 *phong*, rau mạn tinh. 菲 *pī*, giống như rau phúc, cọng to lá dày mà dài và có lông. 下體 *hà thể*, rễ cây. Rẽ và cọng rau phong rau phỉ đều có thể ăn được, nhưng rẽ lại có lúc ngon lúc dở khác nhau. 德音 *đức âm*, tiếng khen.

Người vợ bị chồng bỏ, nên mới làm bài thơ này để kể lại tâm tình sâu oán. Nói rằng âm dương có hoà hợp rồi sau mới sinh ra mưa dỗ xuống mà thầm nhuần, cũng như vợ chồng có hoà hợp rồi sau mới thành gia đạo. Cho nên vợ chồng phải gắng sức đồng lòng với nhau mà chẳng nên đến nỗi phải giận dữ. Lại nói rằng kẻ hái rau phong rau phỉ, không nên vì cái rẽ dở mà bỏ luôn cọng rau ngon. Cũng như làm vợ chồng, không nên vì nhan sắc đã suy kém mà bỏ cái đẹp cái hay về tiếng tốt của vợ. Nhưng tiếng tốt không bao giờ trái nghịch, thì vẫn có thể ăn ở với nhau cho đến chết vậy.

## CHƯƠNG II

行 道 遲 遲

9. Hành đạo trì trì,

中 心 有 違

10. Trung tâm hữu vi.

不 遠 伊 遷

11. Bất viễn y nhī,

薄 送 我 畏

12. Bạc tống ngā kỵ,

誰 謂 茶 苦

13. Thuỳ vị đồ khố?

其 甘 如 蔡

14. Kỳ cam như tể.

宴 爾 新 昏

15. Yến nhī tân hôn,

如 兄 如 弟

16. Như huynh như đệ.

### *Dịch nghĩa*

9. Ta đi trên đường chậm chậm,

10. Mà lòng ta có niềm trái ngược, không nỡ bước mau.

11. (Ta đi ra, chàng đưa tiễn) không xa mà rất gần.

12. Chỉ đưa ta đến trong cửa mà thôi.

13. Ai nói rằng rau đồ đắng?

14. (Suy ra) rau đồ còn ngọt như rau tể vậy (vì nỗi đắng cay của ta bị đuổi bỏ còn nhiều hơn cái đắng của rau đồ).

15. Chàng vui thú với vợ mới.

16. Thân thiết như anh em, mà không thương xót đến ta.

### *Dịch thơ*

*Trên mặt đường từ từ em bước,*

*Lòng ngắn ngợ trái ngược không dành,*

*Chẳng xa mấy bước đã dành.*

*Chỉ đi đến cửa tiễn hành em ra.*

*Rau đồ kia ai cho là đắng?  
Như tể này thì hẳn ngọt ngon.  
Chàng vui duyên mới vuông tròn,  
Như anh em vậy, đâu còn nhớ ta.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú mà tý. 遲遲 *trì trì*, đắng đi chậm  
chậm thư thả. 違 *vi*, trái ngược. 畏 *kì*, trong cửa. 茶 *đồ*, rau  
đắng, thuộc loại cây lục (liêu), dùng để nấu đồ ăn cho thơm,  
xem rõ ở thiên *Lương tự*. 齋 *tể*, rau ngọt. 宴 *yến*, vui. 新昏  
*tân hôn*, người vợ mới cưới.

Nói rằng ta bị chồng bỏ, đi ở trên đường, chậm chạp  
không tiến lên được vì chân, thì muốn bước tới mà lòng thì có  
điều chẳng nỡ, cho nên chân và lòng như trái ngược nhau.

Còn chồng đuổi bỏ ta, đưa tiễn đi chẳng xa mà lại rất gần,  
chỉ đưa đến trong cửa rồi dừng lại thôi (chỉ đưa ra khỏi cửa,  
chờ chẳng đi được dặm đường nào).

Lại nói rau đồ tuy là rất đắng, lại trở nên ngọt như rau  
tể, vì so sánh với việc ta bị bỏ, thì nỗi đắng cay của ta còn  
nhiều hơn cái đắng của rau đồ.

Còn chồng lại vừa vui thú với vợ mới, mật thiết với nhau  
như anh như em mà chẳng thương xót đến ta. Bởi vì đạo đàn  
bà chỉ theo có một chồng mà thôi. Nay tuy bị bỏ, mà vẫn có  
lòng trông mong ở chồng, thật là đôn hậu lắm.

## CHƯƠNG III

涇以渭濁

湜湜其沚

宴爾新昏

17. Kinh dī Vị trọc,

18. Thực thực kỳ chỉ.

19. Yến nhī tân hôn,

不我屑以	20. Bất ngā tiết dī,
無逝我梁	21. Vô thệ ngā lương.
無發我笱	22. Vô phát ngā cầu.
我躬不閱	23. Ngā cung bát duyệt.
遑恤我後	24. Hoàng tuất ngā hậu.

### *Dịch nghĩa*

17. Vì có sông Vị mà sông Kinh mới thấy đục.
18. Nhưng nhánh sông chảy tách ra (nước chảy chậm hơn) vẫn có chỗ trong.
19. Chàng vui duyên với vợ mới,
20. Lại chẳng cho ta là sạch sẽ (như sông Kinh Đức) để bỏ ta.
21. Chớ đi trên bờ chăn cá của ta,
22. Chớ mở cái đó bắt cá của ta (nàng ghen giận không cho người vợ mới của chồng ở vào chỗ của nàng ở, làm những việc của nàng làm).
23. Nhưng thân ta còn không được dung dutherford thay!
24. Thì còn có rảnh rang chi mà thương xót đến những nỗi sau này (khi ta đã đi ra rồi).

### *Dịch thơ*

*Có sông Vị, sông Kinh thấy đục,*

*Nhưng vẫn trong ở khúc té ra.*

*Chàng vui duyên mới mẫn mà,*

*Cho em chẳng sạch để xa nhau đành.*

*Chớ đi trên bờ dành chăn cá,*

*Cái đó này chớ khá mở tung.*

*Thân này còn chẳng được dung,*

*Nỗi sau đâu rãnh mà hòng xót xa.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý. 涇 Kinh. 渭 Vị là hai tên con sông. Sông Kinh chảy ra ở phía đông nam núi Kê Đầu sơn, nay thuộc Nguyên châu, chảy đến huyện Cao Lãng thuộc quận Vĩnh Hưng thì nhập vào sông Vị.

Sông Vị chảy từ núi Điện Thủ sơn ở Vị Nguyên huyện thuộc Vị châu, chảy đến huyện Phùng Dực thuộc Đồng châu thì nhập vào sông Hoàng Hà. 涕涕 thực thực, dáng trong veo. 汗 chỉ, là thuỷ chử, nhánh sông tách ra. 肩 tiết, sạch sẽ, tinh khiết. 以 dī, cùng với. 逝 thệ, đi 梁 lương, bờ đá chấn ngang dòng nước, có chừa trống lối đi ở giữa để cá qua lại mà bắt. 篑 cẩu, cái đò bằng tre, đặt ở chỗ trống nơi lối đi cho cá xuôi vào mà bắt. 閣 duyệt, dung chúa.

Sông Kinh Dực, sông Vị trong. Nhưng khi chưa nhập vào sông Vị, sông Kinh tuy đục vẫn chưa thấy rõ là đục lấm. Khi sông Kinh sông Vị nhập chung mà chảy thì bên trong bên đục càng tỏ rõ phân biệt, nhưng đến nhánh sông tách ra, nước chảy hơi chậm lại thì cũng có chỗ trong. Người vợ này lấy đó để ví với dung sắc của mình suy kém đã lâu. Nàng lại hình dung người vợ mới của chồng, thì nàng thấy mình tiêu tuy, nhưng lòng nàng thì hẳn cho là mình vẫn còn có thể dùng được. Nhưng vì chồng đã yên bề duyên mới, cho nên chẳng cho ta là sạch sẽ để ở cùng ta. Nàng lại nói (với người vợ mới của chồng) rằng: Chớ đi trên bờ chấn cá của ta, chớ mở cái đò bắt cá của ta. Nói như thế là để ví với việc nàng muốn răn đe người vợ mới của chồng là: Chớ ở chỗ của ta ở và chớ làm việc của ta làm. Nhưng nàng lại tự suy rằng: Chính thân mình còn không được dung túng, thì còn rãnh rang chi mà xót thương đến những nỗi sau này khi mình đã đi rồi! Đã biết là không thể cám ngăn được người vợ mới của chồng, cho nên nàng dành chịu thôi không nói nữa.

## CHƯƠNG IV

- |         |                           |
|---------|---------------------------|
| 就 其 深 矣 | 25. Tựu kỳ thâm hī!       |
| 方 之 舟 之 | 26. Phương chi chu chi.   |
| 就 其 淺 矣 | 27. Tựu kỳ thiển hī!      |
| 泳 之 游 之 | 28. Vịnh chi du chi.      |
| 何 有 何 亡 | 29. Hà hữu hà vong.       |
| 睖 勉 求 之 | 30. Mẫn miến cầu chi.     |
| 凡 民 有 哀 | 31. Phàm dân hữu tang,    |
| 匍 匍 救 之 | 32. Bố bộc (bặc) cứu chi. |

### *Dịch nghĩa*

25. Đến chỗ nước sâu.
26. Thì đi bằng bè hay bằng thuyền.
27. Đến chỗ nước cạn.
28. Thì lặn hay lội mà qua.
29. Không kể thức gì còn hay mất
30. Ta đều gắng gượng tìm cho ra.
31. Phàm khi dân trong xóm làng có việc tang tóc.
32. Ta đều gấp rút lo cứu đỡ cho.

### *Dịch thơ*

*Đi trên sông gấp nơi sâu thẳm,  
Bè với thuyền êm thẳm ta đi.  
Gấp nơi nước cạn ngại gì,  
Muốn bơi muốn lặn tuỳ thi liệu lo.  
Chuyện mất còn nhỏ to mọi thứ,  
Cũng gắng công tìm đủ cho chàng.*

Xóm giềng dân chúng tóc tang,  
Em đều gấp rút cứu nàn quản bao.

### Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 方 phương, cái bè. 舟 chu, chiếc thuyền. 泳 vịnh, lặn ngầm dưới nước. 游 du, bơi trên mặt nước. 舛匐 bồ bắc (bồ bộc), bò bằng hai tay hai chân cho nhanh lẹ, rất gấp rút.

Người vợ này trình bày công việc cần lao của mình trong nhà, nàng nói: Em tuỳ theo sự việc mà tận tâm làm, sông sâu thì đi bè đi thuyền, nước cạn thì lặn hay bơi; không kể còn hay mất đều gắng gượng rắn sức tìm cho ra. Nàng lại thuận hoà thân thiết với xóm làng, không có việc gì là không tròn đạo nghĩa.

## CHƯƠNG V

- |           |                            |
|-----------|----------------------------|
| 不 我 能 懈   | 33. Bất ngã năng súc,      |
| 反 以 我 爲 難 | 34. Phản dī ngã vi thù,    |
| 既 阻 我 德   | 35. Ký trở ngã đức,        |
| 賈 用 不 售   | 36. Cổ dụng bất thụ.       |
| 昔 育 恐 育 鞠 | 37. Tích dục khùng dục cúc |
| 及 爾 褚 覆   | 38. Cập nhī diên phúc,     |
| 既 生 既 育   | 39. Ký sinh ký dục,        |
| 比 予 于 毒   | 40. Tỷ dư vu độc.          |

### Dịch nghĩa

33. Chàng không nuôi dưỡng được em,

34. Mà ngược lại coi em như cùu thù.
35. Chàng đã từ khước, cự tuyệt điều hay việc phải của em (cho nên tuy lao nhọc làm việc như thế mà em vẫn không được chàng đoái dùng đến).
36. Cũng như đem vật ra bán mà chẳng được ai mua.
37. Nhớ lại xưa kia, sống chung với nhau, chúng ta lo sợ cho lẽ sống của chúng ta phải cùng phải dứt,
38. Mà em với chàng phải đến cảnh khốn đốn ngửa nghiêng.
39. Nay sinh sống yên rồi,
40. Chàng phụ phàng quên ơn, nỡ đem em ra sánh với nọc độc đáng kinh tởm để đuổi bỏ em.

### *Dịch thơ*

*Đối với em chàng không nuôi dưỡng.*

*Như cùu thù nghịch tướng cho em.*

*Khước từ việc phải em làm.*

*Như người rao bán, ai thèm mua cho.*

*Nhớ khi xưa chung lo cùng khổ*

*Sợ cùng nhau đến chối ngửa nghiêng.*

*Nay thành sự nghiệp sống yên*

*Coi như chất độc, chàng liên bỎ em.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 育 *dục*, nuôi dưỡng. 阻 *trở*, khước, từ khước. 鞠 *cúc*, cùng, tận, hết.

Tiếp theo chương trên, nàng nói: Em ở trong nhà chàng lao nhọc như thế, chàng đã chẳng nuôi dưỡng em, trái lại còn coi em như kẻ cùu thù, lại còn khước từ điều hay việc phải của em. Cho nên tuy lao nhọc như thế mà em vẫn không được chàng dùng đến, cũng như đem hàng ra bán mà chẳng được ai mua. Nhân nhớ lại ngày xưa kia, chàng và em cũng

sống chung với nhau, chúng ta chỉ lo sợ cho đời sống sẽ lâm bước đường cùng mà em với chàng phải đến cảnh khổ ngứa nghiêng. Nay đã toại yên cuộc sống (đã lập được sự nghiệp, cuộc sống trở nên yên ổn), chàng ngược lại nỡ đem em mà so sánh với nọc độc (đáng kinh tởm) mà bỏ em sao?

Trương Tử nói rằng: 育恐 *duc khùng* là ý nói sống ở trong niềm lo sợ. 育鞠 *duc cúc* là ý nói sống ở trong cảnh khốn cùng. Giảng như thế cũng thông.

## CHƯƠNG VI

我有旨蓄	41. Ngã hữu chỉ súc,
亦以御冬	42. Diệc dī ngự đông.
宴爾新昏	43. Yến nhī tân hôn,
以我御窮	44. Dī ngā ngự cùng.
有洸有潰	45. Hữu quang hữu hội,
既诒我肄	46. Ký dì ngā dì,
不念昔者	47. Bất niệm tích giả,
伊余來塈	48. Y dư lai ky.

### *Dịch nghĩa*

- Em có chứa để dành những thứ rau ngon,
- Cũng là để phòng ngừa lúc khan hiếm tìm không thể có trong những tháng mùa đông.
- Chàng vui duyên với vợ mới.
- Chàng dùng em để chống đỡ những khi cùng khổ.
- Đối với em, chàng có thái độ vũ phu hung hăng giận dữ.

46. Rồi chàng lại nhường cho tất cả những gì khó khăn  
lao nhọc cho em.

47. Chàng không nhớ thuở xưa kia,

48. Lúc em mới về yên nghỉ với chàng (khi mới cưới).

### *Dịch thơ*

*Chứa rau ngon em lo đầy đủ.*

*Là để dành phòng thủ đông hàn,*

*Anh mê duyên mới hân hoan,*

*Dùng em chống đỡ nguy nàn thế thôi.*

*Với em, chàng lầm hồi giận dữ,*

*Lại giao cho mọi sự nhọc nhằn.*

*Khi xưa chàng nhớ ân cần,*

*Em về yên chốn sống gần bên anh.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hùng. 旨 chỉ, đẹp. 蕃 súc, chứa, gom lại. 御 ngự, chống với, đương với. 洪 quang, dáng vũ phu, mạnh tợn. 潢 hội, sắc giận dữ. 肆 dị lao nhọc. 壁 ky, nghỉ yên.

Nàng lại nói rằng: Em sở dĩ chứa để dành những thứ rau ngon là muốn phòng ngừa lúc khan hiếm trong những tháng mùa đông. Nhưng đến mùa xuân mùa hạ rồi thì không ăn đến rau ấy nữa (phải đem bỏ hết). Nay chàng vui duyên với vợ mới mà chán bỏ em, ấy là chàng khiến em chống đỡ những khi cùng khổ, rồi đến khi yên vui thì chàng lại ruồng bỏ em.

Nàng lại nói: Đôi với em thì chàng vũ phu hung hăng giận dữ và nhường lại cho em tất cả những công việc cực nhọc khó khăn. Chàng không bao giờ nhớ lại lúc mới gặp chàng khi xưa, nghỉ lễ tiếp đài em trọng hậu bao nhiêu? Tỏ ra lòng oán hận thật sâu xa vậy.

*Thiên Cốc phong có 6 chương, mỗi chương 8 câu.*

## BÀI THỨ 36

### CHƯƠNG I

式 微

Thức vi (Bội phong 11)

式 微 式 微

1. Thức vi! Thức vi!

胡 不 歸

2. Hồ bất quy?

微 君 之 故

3. Vì quân chỉ cố,

胡 爲 乎 中 露

4. Hồ vi hô trung lộ?

### *Dịch nghĩa*

1. Suy vi quá rồi!
2. Sao lại không trở về?
3. Chẳng phải vì cớ có vua ở đây,
4. Thì sao lại chịu thấm ướt đầm đìa trong sương lộ như thế này?

### *Dịch thơ*

*Suy vi rày đã suy vi,*

*Trở về sao chẳng chịu đi cho rồi?*

*Nếu không vì nghĩa vua tôi,*

*Sao cam chịu ướt lấm hồi móc sương?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 式 thức, tiếng ở đầu câu. 微 vi, (ở câu 1), suy hèn, được lặp lại một lần nữa để ngũ ý rất là suy hèn. 微 vi (ở câu 3), chẳng. 中露 trung lộ, ở trong sương

móc. Nói là bị cái nhục sương lộ thẩm ướt đậm đìa mà không có gì để che tránh.

Thuyết xưa cho là Lê hầu mót nước sang ngụ ở nước Vệ, được kẻ bầy tôi khuyên rằng: Suy vi qua rồi, sao không trở về vậy thay! Tôi mà nếu chẳng vì có có vua ở đây thì làm sao bị nhục ở đây vậy thay!

## CHƯƠNG II

式 微 式 微

5. Thức vi! Thức vi!

胡 不 歸

6. Hồ bắt quy?

微 君 之 躬

7. Vi quân chi cung,

爲 乎 泥 中

8. Hồ vi hồ nê trung?

### *Dịch nghĩa*

5. Suy vi quá rồi!

6. Sao lại không trở về?

7. Chẳng vì thân của vua ở đây,

8. Thì sao lại chịu chìm hâm vào bùn lầy (mà chẳng có ai cứu vớt như thế này vậy)?

### *Dịch thơ*

*Suy vi rày đã lắm rồi,*

*Sao mà chẳng chịu về thôi thế này?*

*Thân vua nếu chẳng ở đây,*

*Sao đành chìm hâm bùn lầy nhuốc nhơ?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 泥中 nê trung, ở trong bùn, ý nói bị chìm với chìm hâm mà chẳng được ai cứu vớt cho.

*Thiên Thức vi có 2 chương, mỗi chương 4 câu.*

Bài thơ này không thể lấy đâu mà khảo cứu được, chỉ nói theo giải thuyết của bài tự.

## BÀI THÚ 37

### CHƯƠNG I

旄 丘	Mao khâu (Bội phong 12)
旄 丘 之 葛 兮	1. Mao khâu chi cát hế!
何 謳 之 節 兮	2. Hà đan chi tiết hế!
叔 兮 伯 兮	3. Thúc hế bá hế!
何 多 日 也	4. Hà đa nhật dā?

### *Dịch nghĩa*

1. Dây sắn ở trên gò trước cao sau thấp,
2. Sao mà đốt của nó thua rộng ra thế?
3. Các quan của nước Vệ đi!
4. Sao đã nhiều ngày rồi (mà chẳng thấy đến tiếp cứu chúng tôi)?

### *Dịch thơ*

*Sắn trên gò trước cao sau thấp.  
Sao đốt thua mọc khắp thế này?  
Anh em trong nước Vệ đây,  
Tại sao đã quá nhiều ngày chẳng sang?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng. 旄丘 mao khâu, cái gò trước thì cao sau thì thấp. 謳 đan, rộng. 叔伯 thúc bá (đọc bức), chú bác, tiếng để chỉ vào bầy tôi của nước Vệ.

Theo thuyết xưa, tôi con của vua nước Lê tự nói: Trọ ở nước Vệ đã lâu, mọi vật theo mùa mà biến đổi, mới lên trên gò trước cao sau thấp thì thấy cây săn đã lớn đã dài và đốt săn đã thưa rộng ra, nhân đây mượn lời cảm hứng mà rằng: Cây săn trên gò trước cao sau thấp, sao mà đốt của nó thưa rộng ra thế? Các bầy tôi của nước Vệ có việc gì mà đã nhiều ngày rồi không thấy đến tiếp cứu. Bài thơ này vốn là trách vua nước Vệ, nhưng chỉ bài xích bầy tôi của vua nước Vệ mà thôi, thì đủ thấy niềm thung dung hoà nhã không cấp bách của tôi con nước Lê sang ở trọ nước Vệ vậy.

## CHƯƠNG II

何其處也

5. Hà kỳ xử dā ?

必有與也

6. Tất hữu dữ dā!

何其九也

7. Hà kỳ cửu dā ?

必有以也

8. Tất hữu dī dā!

### *Dịch nghĩa*

5. Sao mà bầy tôi của nước Vệ cứ ở yên thế mãi (không chịu đến) ?

6. Ất là đang chờ những nước khác (để cùng đến mà tiếp cứu chúng ta).

7. Sao lâu rồi mà chẳng đến?

8. Ất có duyên cớ gì khác (mà chẳng đến đó thôi).

### *Dịch thơ*

*Sao các người ở yên như thế?*

*Ất chờ nhau nhất thế cùng đi.*

*Sao mà lâu quá thế ni?*

Ất là đã có việc gì nào hay.

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 處 xứ, ở yên. 與 dū, cùng với, cùng với nước khác. 以 dī, duyên cớ khác.

Nhân chương trên nói sao đã nhiều ngày rồi, chương này tiếp rằng: Sao các bầy tôi của nước Vệ cứ ở yên mãi không chịu đến (để tiếp cứu), ngờ rằng tất nhiên còn chờ các nước bạn để cùng đến một lượt vậy. Lại nói rằng: Sao đã lâu mà chẳng chịu đến? Hoặc giả có duyên cớ gì khác mà chẳng đến vậy. Thơ này đã thấu triệt lòng người đến như thế.

### CHƯƠNG III

狐裘蒙戎

9. Hồ cầu mang nhung,

匪車不東

10. Phỉ xa bất đông.

叔兮伯兮

11. Thúc hể bá hề!

糜所與同

12. Mỹ sở dũ đồng.

### *Dịch nghĩa*

9. Áo da chồn rách nát (vì ở trọ bên nước Vệ đã lâu).

10. Chẳng phải xe của chúng tôi không có đi sang phía đông (về nước Vệ để báo cáo cho biết).

11. Nhưng quần thân nước Vệ.

12. Chẳng đồng một lòng với chúng tôi (tuy được thông báo mà chẳng chịu đến vậy thôi).

### *Dịch thơ*

Ở lâu áo da chồn cũ rách,

Há vì xe chẳng tách sang đông?

*Nhưng vì chúa báu các ông,  
Làm ngơ chẳng chịu đồng lòng cùng nhau.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. Áo da chồn của quan đại phu màu xanh. 蒙戎 mang nhung, dáng lộn xộn, ý nói rách tơi tả.

Lại nói rằng: Trọ làm khách ở nước Vệ đã lâu, cho nên áo da chồn đều rách nát. Há rằng xe của chúng tôi không có đi sang đông để báo cho các ông biết hay sao? Nhưng các chúa báu quần thần của nước Vệ chẳng đồng lòng với chúng tôi, tuy được báo cáo mà chẳng chịu đến tiếp cứu vậy. Đến đây mới bắt đầu trách móc nhẹ nhàng.

Hoặc có thuyết giải rằng: Hồ cầu mang nhung là áo da chồn rách nát, ý trỏ vào các quan đại phu nước Vệ mà trách móc việc hôn loạn. Phỉ xa bất đồng là ý nói chẳng phải xe của quan đại phu nước Vệ chẳng chịu sang phía đông để cứu chúng tôi, nhưng các vị ấy chẳng chịu cùng nhau đến vậy thôi. Nay xét rằng nước Lê ở phía tây nước Vệ, thì thuyết đầu tiên (tôi con nước Lê chạy sang đông để báo cáo cho nước Vệ biết) là gần đúng vậy.

## CHƯƠNG IV

墮 兮 尾 兮

13. Toả hề vī hế!

流 离 之 子

14. Lưu ly chi tử.

叔 兮 伯 兮

15. Thúc hế bá hế!

寢 而 充 耳

16. Hựu nhi sung nhī.

### *Dịch nghĩa*

13. Vua tôi nước Lê nhỏ mọn,
14. Là những người phiêu bạc rã rời.

15. Nhưng chú bác quần thần nước Vệ,
16. Chỉ cười mà bít tai lại chẳng nghe.

### *Dịch thơ*

*Đáng thương thay vua tôi hèn mạt!  
Là những người lưu lạc xa xôi.  
Quần thần của nước Vệ ô!  
Các ông cười mỉm bít tai nghe gì.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 瑣 toả, nhỏ mọn. 尾 vī, hèn mạt  
nhỏ nhen. 流離 lưu ly, phiêu bạc phân tán. 衰 hūu, đáng hay  
cười. 充耳 sung nhī, đầy lỗ tai, bít tai lại không nghe nữa.  
Người điếc (vì không nghe được gì) thường hay cười.

Nói rằng vua tôi nước Lê lưu lạc chia lìa nhỏ mọn như  
thế thì đáng thương. Còn quần thần nước Vệ thì cười mãi mà  
bít tai lại không chịu nghe. Tại sao thế? Đến đây vua tôi  
nước Lê mới tỏ hết lời mà nói ra thế.

Đang khi lưu lạc hoạn nạn mà lời nói có thứ tự và  
không cấp bách như thế, thì con người ấy cũng có thể hiểu  
được là thế nào rồi.

*Thiên Mao khâu có 4 chương, mỗi chương 4 câu.  
Lời giải thuyết cũng đồng như thiên ở trên.*

## BÀI THÚ 38

### CHƯƠNG I

簡 兮

Giản hế (Bội phong 13)

簡 兮 簡 兮

1. Giản hế! Giản hế!

方 将 萬 舞	2. Phương tương vạn vũ.
日 之 方 中	3. Nhật chi phương trung,
在 前 上 處	4. Tại tiền thượng xứ.

### *Dịch nghĩa*

1. Giản dị khinh lòn!
2. Vừa sấp nhảy múa,
3. Mặt trời vừa đúng giữa trưa,
4. Múa ở trên cao nơi phía trước.

### *Dịch thơ*

*Dáng giản dị ra chiều lòn dể,  
Thì vừa toan cùng đẻ múa chơi.  
Ánh dương vừa đúng giữa trời,  
Trên cao phía trước là nơi múa cùng.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 簡 *giản*, giản dị, lòn dể, ý không cung kính. 萬 *vạn*, tên chung về các diệu múa, múa vũ thì cầm cái thuẫn và cây búa, múa văn thì cầm lông chim trī và ống sáo. 日之方中 *nhật chi phương trung*, tại tiền thượng xứ, mặt trời vừa đúng bóng giữa trưa, thì múa ở trên cao và tại phía trước, ý nói múa ở nơi sáng tỏ và vang.

Người hiền mà bất đắc chí, làm quan coi giữ âm nhạc, có lòng khinh đời và phóng túng, cho nên lời nói của người như thế, dường như tự khen mà thật ra là tự nhạo.

## CHƯƠNG II

- |         |                       |
|---------|-----------------------|
| 碩 人 倏 倏 | 5. Thạc nhân ngữ ngữ, |
| 公 庭 萬 舞 | 6. Công đình vạn vũ.  |
| 有 力 如 虎 | 7. Hữu lực như hổ,    |
| 執 繩 如 組 | 8. Chấp bí như tổ.    |

### *Dịch nghĩa*

5. Người to lớn giềng giàng.
6. Nhảy múa ở tông miếu và triều đình,
7. Có sức mạnh như cọp,
8. (Đánh xe rất giỏi), cầm dây cương mềm mại như cái dải mū.

### *Dịch thơ*

*Giềng giàng thay vóc người to lớn!*

*Nhảy múa quanh giữa chốn công đình.*

*Sức thì như cọp đáng kinh,*

*Cầm cương mềm mại như hình dải tua.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 碩 *thạc*, to lớn. 倏 *ngữ* *ngữ*, dáng to lớn. 繩 *bí*, nay là dây cương. 組 *tổ*, dải mū, dệt bằng tơ, ý nói mềm như dải mū. Đánh xe mà điều khiển được ngựa thì dây cương mềm như dải mū.

Lời tự khen tài của mình, không có phương diện nào là không hoàn bị. Cũng là ý tứ của chương trên (dường như khen mà thật là tự nhạo).

### CHƯƠNG III

左手執籥	9. Tả thủ chấp được,
右手執翟	10. Hữu thủ chấp địch,
赫如渥赭	11. Hách như ốc giả.
公言賜爵	12. Công ngôn tứ tước.

#### *Dịch nghĩa*

9. Tay trái cầm ống sáo,
10. Tay mặt cầm lông chim trī,
11. Mặt hồng hào như dầm màu đỏ.
12. Vua nói ban cho chén rượu.

#### *Dịch thơ*

*Tay trái thì sáo kia nắm chặt,  
Lông trī này tay mặt múa che,  
Hồng hào sắc mặt đỏ hoe.  
Vua ban chén rượu, dành khoe với đời.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. Cầm ống sáo, nắm lông chim trī là múa văn 篪 được, như ống địch mà có 6 lỗ, cũng có người nói là 3 lỗ. 翟 địch, (đọc trạc) lông chim trī. 赫 hách, dáng đỏ hồng hào. 渥 ốc, ngâm lâu cho đậm. 赡 giả (đọc trước), màu đỏ. Nói sắc mặt của người ấy hồng hào đầy đủ. 公言賜爵 công ngôn tứ tước, tức là lễ tặng rượu cho người đã ra công nhảy múa theo nghi lễ khi yến ẩm. Đôi với người to lớn, được chén rượu như thế là điều nhục nhã, mà trái lại lấy việc ban cho ấy làm vinh để khoa trương khen tặng, cũng là ý không cung kính, ý cợt đời vậy.

## CHƯƠNG IV

山有榛	13. Sơn hữu trăn
隰有苓	14. Thấp hữu linh.
云誰之思	15. Vân thuỷ chi tư?
西方美人	16. Tây phương mỹ nhân.
彼美人兮	17. Bì mỹ nhân hế!
西方之人兮	18. Tây phương chi nhân hế!

### *Dịch nghĩa*

13. Trên núi có cây trăn,
14. Nơi ẩm thấp có cây linh.
15. Rằng ta nhớ ai đây?
16. Những vua thời xưa trị của Tây Chu.
17. Những bức vua anh minh kia ơi!
18. Những vua hiển hách ở phương tây (thời Tây Chu đã xa rồi không còn thấy được nữa)!

### *Dịch thơ*

*Trên núi cao cây trăn chen khắp,  
Cây linh thì dưới thấp mọc đầy,  
Hỏi rằng: ta nhớ ai đây?  
Những vua xưa ở phương tây trị vì.  
Bức vua xưa kia thì đâu nhỉ?  
Là những vua ngự trị phương tây.*

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng. 棣 *trăn*, giống như cây lật, mà nhỏ hơn. 隙 *tháp*, chỗ ẩm ướt mà dưới thấp. 苍 *linh*, một tên nữa là cây đại khổ, lá giống như lá cây đại hoàng, tức nay là cây cam thảo. 西方美人 *tây phương mỹ nhân*, nói thắc để chỉ vua thời thịnh trị của Tây Chu (còn vua thời Đông Chu thì hèn yếu), như sách *Ly tao* cũng đã dùng chữ 美人 *mỹ nhân* để nói vua vậy.

Lại nói 西方之人 *tây phương chi nhân* là lời than không được thấy những vua thời thịnh trị ấy đã xa rồi.

Người hiền tài mà bất đắc chí ở nước hèn kém trong thời suy loạn nhớ đến những vua hiền hách của thời thịnh trị, cho nên lời thốt ra như thế mà ý tứ lại cao xa.

*Thiên Giản* hề có 4 chương, 3 chương 4 câu và 2 chương 6 câu.

Xưa có 3 chương, mỗi chương 6 câu, nay sửa mà định lại như thế.

Trương tú nói rằng: Làm quan hưởng lộc mà giữ ải, đánh mõ thì cũng là cung kính giữ đúng chức vị mình. Lâm quan coi vẽ âm nhạc mà lẩn lộn vào giữa những con hát thấp thỏi thì là chẳng cung kính giữ đúng chức vị của mình lăm. Người ấy mà được gọi là người hiền, tuy vết tích của người ấy như thế, nhưng bề trong hẳn đã có gì hơn người. Người ấy lại có thể chịu khuất và ôm giữ mãi ý chí, thì cũng có thể cho là người hiền. Ông Đông Phương Sóc giống như thế.

## BÀI THỨ 39

### CHƯƠNG I

泉水

Tuyên thuỷ, (Bội phong 14)

毖彼泉水

1. Bí bỉ Tuyên thuỷ,

亦流于淇  
有懷于衛  
靡日不思  
變彼諸姬  
聊與之謀

2. Diệc lưu vu Kỳ,
3. Hữu hoài vu Vệ,
4. Mỹ nhật bất tư,
5. Luyến bỉ chư cơ,
6. Liêu dữ chí mi (mưu).

### *Dịch nghĩa*

1. Sông Tuyền kia cuồn cuộn chảy,
2. Cung chảy về sông Kỳ.
3. Ta có lòng nhớ nước Vệ.
4. Chẳng ngày nào là không nhớ.
5. Những cô hầu thiếp đẹp đẽ kia.
6. Hãy cùng với các cô mưu tính phương kế trở về nước Vệ.

### *Dịch thơ*

*Sông Tuyền cuồn cuộn chảy đi,  
Lướt xuôi nhập với sông Kỳ ra xa.  
Ôm sâu nhớ nước Vệ nhè.  
Chẳng ngày nào chẳng xót xa tác lòng.  
Chị em hầu thiếp trẻ trung,  
Kế chi về được ta cùng mưu toan.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hùng, 泌 bí, dáng nước suối mới chảy ra. 泉水 *Tuyền thuỷ*, tức nay là sông Bách Tuyền ở Cung thành tại Vệ châu. 淇水 *Kỳ thuỷ*, sông Kỳ chảy ra huyện Lâm Lụ ở Tương châu rồi chảy về đông. Sông Tuyền từ tây bắc chảy về

đông nam rồi chảy đến đổ vào sông Kỳ. 變 *luyến* dáng đẹp dẽ.  
諸姪 *chư cô*, mấy nàng (họ Cô) em gái và cháu gái đưa dâu và  
làm hâu thiếp cho chồng.

Cô gái nước Vệ gả cho chư hâu, khi cha mẹ mất, muôn trở  
về thăm mà chặng được, cho nên làm bài thơ này. Nói rằng:  
Sông Tuyền cuốn cuộn chảy, cùng chảy về sông Kỳ (như  
người con lấy chồng nước khác phải theo về bên nước ấy). Ta  
có lòng nhớ nước Vệ, thì cũng chặng ngày nào là không nhớ.  
Vì thế ta mới bàn với các nàng hâu thiếp mà mưu tính kế trở  
về nước Vệ theo như hai chương sau đây sê nói rõ.

## CHƯƠNG II

出宿于涕	7. Xuất túc vu Tế,
飲餞于禴	8. ẩm tiễn vu Nê.
女子有行	9. Nữ tử hữu hành,
遠父母兄弟	10. Viễn phụ mâu huynh đệ.
問我諸姑	11. Vấn ngã chư cô,
遂及伯姊	12. Toại cập bá tỳ,

### *Dịch nghĩa*

7. Đi ra thì trọ ở đất Tế.
8. Uống rượu tiễn đưa ở đất Nê.
9. Phận con gái lúc gả đi ra theo chồng,
10. Thì đã lìa xa cha mẹ và anh em.
11. (Nay cha mẹ mất, mà có thể trở về thăm chặng?)  
Cho nên mới hỏi các cô.
12. Và các nàng hâu thiếp (để mưu tính phương kế trở  
về).

Đi ra đất Tế tro ngay.  
Uống chung rượu tiễn, Nê này vượt qua.  
Phận con gái gả đi xa,  
Anh em từ biệt, mẹ cha cách vời.  
Các cô, ta hỏi đôi lời  
Và cùng hầu thiếp kế rời về thăm,

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 沔 Tế, tên đất. 飲餞 ǎm tiễn, ngày xưa khi đi ra, át có lẽ tế thần đường. Cúng tế xong, người ở lại đưa kẻ ra đi. Người ra đi uống rượu tiễn ấy ở một bên rồi sau mới đi. 禮 Nê, cũng là tên đất, là những vùng mà từ nước Vệ đến đều có đi ngang qua. 諸姑 chư cô, 伯姊 bá ty, tức là nói các cô họ Cơ, em gái, cháu gái đi đưa dâu và ở luôn làm hầu thiếp.

Nói rằng lúc mới gả sang, thì hẳn nhiên, là đã xa cha mẹ và anh em, huống nay cha mẹ đã mất thì còn có thể trở về được chăng? Cho nên mới hỏi các nàng hầu thiếp mà mưu tính xem có thể được hay không vậy.

Họ Trịnh nói rằng: Các vị phu nhân của vua chư hầu, cha mẹ còn sống thì được về thăm. Khi cha mẹ mất rồi thì sai quan đại phu sang hỏi thăm ở anh em.

CHƯƠNG III

出宿于干

13. Xuất túc vi Can.

飲餞于言

14. Ẩm tiễn vu Ngôn.

載脂載翬

15. Tái chi tái hạt,

還車言邁

16. Tuyễn xa ngôn mại.

遄臻于衛

17. *Thuyền trấn vũ Vệ.*

不瑕有害

18. *Bất hà hữu hại.*

### *Dịch nghĩa*

13. *Đi ra trợ ở đất Can.*
14. *Uống rượu tiễn đưa ở đất Ngôn.*
25. *Trét dầu mỡ vào trục bánh xe cho trơn.*
16. *Quay chiếc xe lại mà đi xa.*
17. *Mau đến nước Vệ.*
18. *Chẳng là có hại cho nghĩa lý hay sao?*

### *Dịch thơ*

*Đất Can ra đó tạm dừng.*

*Uống chung rượu tiễn ở vùng đất Ngôn.*

*Trét dầu trục bánh cho trơn.*

*Quay xe rồi cứ chạy đòn nẻo xa.*

*Hãy mau đến nước Vệ nh่า.*

*E rằng hại nghĩa, ắt là chẳng nên.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 干 Can, 言 Ngôn, tên đất những vùng phải đi ngang qua khi đi về nước Vệ. 脂 chi, lấy dầu mỡ trét bôi vào trục bánh xe khiến cho trơn. 翩 hat (đọc *hai* cho hợp *vần*), trục bánh xe, không đi thì tháo nó ra, và phải đặt nó vào rồi mới đánh xe đi được, 還 thuyền, quay lại, quay đầu xe đã đưa nàng về nhà chồng. 遛 thuyền, mau gấp. 璇 trấn, đến. 瑕 hà sao? (vì âm thanh xưa gần nhau, cho nên được thông dụng).

Nói như thế thì trở về nước Vệ mau lâm. Nhưng há lại  
chẳng phương hại đến nghĩa lý hay sao? Nàng nghi ngờ mà  
không dám thốt lời quyết ra đi.

## CHƯƠNG IV

我思肥泉	19. Ngā tư Phì tuyỀn.
茲之永歎	20. Tư chi vĨnh thán.
思須與漕	21. Tư Tu dǔ Tào,
我心悠悠	22. Ngā tâm du du,
駕言出遊	23. Giá ngôn xuất du,
以寫我憂	24. Dī tả ngā ưu.

### *Dịch nghĩa*

19. Ta nhớ sông Phì tuyỀn.
20. Nay ta chỉ thở than māi (chó không về được).
21. Ta nhớ ấp Tu ấp Tào,
22. Lòng ta nhớ đằng đằng xa xôi.
23. Thắng xe đi ra dạo chơi,
24. Để trút hết mối buồn của ta.

### *Dịch thơ*

*Phì tuyỀn ta cứ nhớ hoài,  
Nay đành thở vắn than dài biết sao?  
Nhớ ấp Tu, nhớ ấp Tào,  
Tâm lòng ta cứ rạt rào nghĩ xa.  
Thắng xe thong thả đi ra,  
Hoạ may trút được lòng ta ưu sầu.*

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 肥泉 *Phì tuyền*. tên sông. 須 *Tu*, 潛 *Tào*, là tên những ấp của nước Vệ. 悠悠 *du du*, lòng nhớ dâng dâng xa xôi. 寫 *tả*, trù.

Đã không dám trở về, nhưng lòng nhớ đất Vệ không thể quên được. Làm sao mà được ra đi về nơi kia để trút nỗi buồn nhớ?

*Thiên Tuyên thuỷ có 4 chương, mỗi chương 6 câu.*

Họ Dương nói rằng: Người đàn bà nước Vệ muốn trở về, nỗi lòng ấy phát động ở tâm tình, mà rốt cuộc chẳng về được. Ấy là giữ được lễ nghĩa.

Thánh nhân chép vào kinh sách để nêu rõ cho đời sau, khiến cho biết rằng người lấy chồng ở nước khác, khi cha mẹ mất, không có quyền trở về thăm. Người nào nồng kềm chế được mình, thì nhờ đấy mà biết cách ăn ở vậy.

## BÀI THỨ 40

### CHƯƠNG I

北門	Bắc môn, (Bội phong 15)
出自北門	1. Xuất tự bắc môn,
憂心殷殷	2. Uu tâm ân ân.
終寢且貧	3. Chung cụ thả bần.
莫知我艱	4. Mạc tri ngā gian.
已焉哉	5. Dī yên tai!
天實爲之	6. Thiên thực vi chi.
謂之何哉	7. Vị chi hè tai?

### *Dịch nghĩa*

1. *Đi ra* từ cửa bắc,
2. *Lòng buồn* ảo nāo.
3. *Rốt* cuộc đā nghèo lại khó.
4. *Không ai* biết nỗi gian nan của ta.
5. *Đã* dành vậy thôi!
6. *Trời* thật đā làm như thế,
7. *Thì* còn nói làm sao nữa đặng?

### *Dịch thơ*

*Ta* từ cửa bắc *đi* ra.

*Lòng* buồn ảo nāo *xót* xa muôn vàn.

*Suốt* đời khốn khó bần hàn,

*Không* ai biết nỗi gian nan ngậm ngùi.

*Đã* dành như thế vậy thôi.

*Thật* vì cảnh ấy do trời làm ta.

*Nói* làm sao nữa *được* mà!

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý. 北門 bắc môn, cửa bắc, quay lưng lại đường, hướng mặt về âm, ngược với ánh sáng, hướng về bóng tối 殷殷 ân ân, buồn. 窫 cu, không có gì để cung ứng về nghi lễ.

Người hiền tài nước Vệ ở vào thời loạn phải thờ hôn quân. Vì bất đắc chí cho nên đi ra cửa bắc mà phô tả việc ấy để tự ví với mình, và lại than thở sự nghèo khó của mình mà người ta không biết đến, rồi đổ về cho trời vây.

## CHƯƠNG II

王事適沃  
政事一埠益我  
我入之外  
室人交逼謫我  
已焉哉  
天實爲之  
謂之何哉

8. Vương sự thích ngã,
9. Chính sự nhất tỳ ích ngã.
10. Ngã nhập tự ngoại,
11. Thất nhân giao biến  
trích ngã.
12. Dĩ yên tai!
13. Thiên thực vi chi.
14. Vị chi hè tai?

### *Dịch nghĩa*

8. Việc vua sai cứ đến ta,
9. Việc chính trị nhất thiết lại dồn dập vào ta.
10. Ta từ ngoài bước vào nhà,
11. Người trong nhà đều chỉ trích ta.
12. Đã dành vậy thôi!
13. Trời thật đã làm như thế.
14. Thì còn nói làm sao nữa?

### *Dịch thơ*

*Việc vua sai khiến một ta,  
Bao nhiêu chính sự đang gia vào mình.  
Từ ngoài ta đến gia đình.  
Người nhà chỉ trích thậm tình vào ta.  
Đành thôi như thế đấy mà!  
Thật vì cảnh ấy trời đã khiến xui*

*Nói làm sao nữa hỡi ôi!*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 王事 *vương sự*, việc của vua sai  
khiến. 適 *thích*, đi đến. 政事 *chính sự*, việc chính trị của nước  
ấy. — *nhất*, hết thảy. 埤 *tỳ*, bồi thêm cho đầy cho nhiều. 室  
*thất*, nhà, 謫 *trích*, trách.

Việc của vua sai cứ đến ta mãi, việc chính trị nhất thiết  
cứ tăng thêm mãi vào ta. Việc đã lao nhọc như thế mà ta  
nghèo khó lại quá lăm. Người nhà đã đến lúc không lấy gì  
mà sống yên được, đều cùng chỉ trích ta. Thế thì nỗi khốn  
đốn ở trong và ở ngoài đã tột mực rồi vậy.

## CHƯƠNG III

- |        |                                  |
|--------|----------------------------------|
| 王事敦我   | 15. Vương sự đôn ngā,            |
| 政事一埠遺我 | 16. Chính sự nhất tỳ dì ngā.     |
| 我入之外   | 17. Ngā nhập tự ngoại,           |
| 室人交逼摧我 | 18. Thất nhân giao biến tỗi ngā. |
| 已焉哉    | 19. Dī yên tai!                  |
| 天實爲之   | 20. Thiên thực vì chi.           |
| 謂之何哉   | 21. Vì chi hà tai!               |

### *Dịch nghĩa*

15. Việc vua sai cứ ném vào ta,
16. Việc chính trị nhất thiết lại dồn dập vào ta.
17. Ta từ ngoài bước vào nhà.
18. Người trong nhà đều huỷ hoại ta.
19. Đã dành vậy thôi!
20. Trời thật đã làm như thế.

## 21. Thị còn nói làm sao nữa?

### *Dịch thơ.*

*Việc vua cứ ném vào mình.*

*Thêm nhiều chính sự riêng dành ta thôi.*

*Vào nhà ta bước từ ngoài.*

*Người nhà huỷ hoại lầm lời với ta.*

*Thôi dành như thế đây mà!*

*Thật vì cảnh ấy trời đà khiến xui.*

*Nói làm sao nữa hỡi ôi!*

### *Chú giải của Chu Hý*

Chương này thuộc phú. 敦 dōi, ném, liệng. 遺 dì, (đọc dōi cho hợp vần), gia tăng thêm. 摧 tāi, huỷ hoại.

*Thiên Bắc môn có 3 chương, mỗi chương 7 câu.*

Dương thị nói rằng: Người trung tín thì phải được bỗng lọc trọng hậu. Như thế là để khuyến khích kẻ sĩ. Tôi trung của nước Vệ đến nỗi phải nghèo khó, mà chẳng ai hiểu biết đến chỗ gian khổ. Thị đó là không có đạo khuyến khích kẻ sĩ vậy. Cho nên người làm quan mới bất đắc chí. Nhưng trái lại đáng tiên vương coi kẻ bầy tôi như tay chân, thì há lại có sự đem công việc ném dồn vào cho kẻ bầy tôi mà không hiểu biết đến nỗi gian khổ hay sao? Nhưng nay vua đã không chọn công việc để giao phó cho kẻ bầy tôi, và kẻ bầy tôi ấy lại không có lời thán oán, vì biết rằng chẳng làm sao được, nên cứ đỗ trút cho trời, thì quả là bức tôi trung vậy.

## BÀI THỨ 41

### CHƯƠNG I

北 風	Bắc phong, (Bội phong 16)
北 風 其 涼	1. Bắc phong kỳ lương,
雨 雪 其 雳	2. Vũ tuyết kỳ phuong
惠 而 好 我	3. Huệ nhi hiếu ngā.
攜 手 同 行	4. Huề thủ đồng hành.
其 虛 其 邪	5. Kỳ hư kỳ từ,
既 亟 只 且	6. Ký cức chỉ thư.

#### *Dịch nghĩa*

1. Gió bắc lạnh lùng,
2. Mưa tuyết xuống nhiều.
3. Những ai đã thương yêu và thân hảo với ta.
4. Hãy dắt tay nhau mà cùng đi.
5. Còn khoan thai từ từ nữa hay sao?
6. Đã gấp lầm vậy.

#### *Dịch thơ*

*Lanh buốt thổi mấy luồng gió bắc.  
Mưa tuyết bay nhiều đặc khắp trời.  
Cùng ta thân ái những người,  
Nắm tay dắt díu cùng rời khỏi đây.  
Sao lại còn khoan thai lân lũa?  
Nguy loạn đà sấp sửa gấp rồi.*

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 北風 *bắc phong*, gió bắc lạnh léo. 涼 *lương*, khí lạnh. 雪 *phương*, dáng tuyết xuống nhiều. 惠 *huệ*, thương yêu. 行 *hành* (đọc *hang* cho hợp vận) đi. 虛 *hư*, dáng khoan thai, 邪 *tù* cũng viết 徐 *tù*, chậm rãi từ từ. 亟 *cức*, gấp. 只且 *chỉ thư*, tiếng trợ ngữ, tiếng đệm ở cuối câu.

Nói gió bắc và mưa tuyết để ví với nỗi nguy loạn của quốc gia sắp đến nơi, mà khí tượng trở nên sâu thẳm. Cho nên muốn cùng những người thân hảo rời đi để lánh xa về nơi khác. Lại nói rằng: Còn có thể từ từ khoan thai được hay sao? Cái hoạ loạn kia đã bức cản lầm rồi, thì đi không thể nào không mau gấp được.

## CHƯƠNG II

北風其喈

7. Bắc phong kỳ giai,

雨雪其霏

8. Vũ tuyết kỳ phi.

惠而好我

9. Huệ nhi hiếu ngā,

攜手同歸

10. Huệ thủ đồng quy.

其虛其邪

11. Kỳ hư kỳ tù,

既亟只且

12. Kỳ cức chỉ thư.

## Dịch nghĩa

7. Tiếng gió bắc rít mau gấp,

8. Mưa tuyết rơi bời.

9. Những ai đã thương yêu và thân hảo với ta,

10. Hãy dắt tay nhau mà cùng về luôn.

11. Còn khoan thai từ từ nữa hay sao?

## 12. Đã gấp lầm rồi.

### *Dịch thơ*

*Gió bắc thổi mây luồng vi vút,  
Mưa tuyêt vừa bay trút tai bời.  
Cùng ta thân ái nhũng người.  
Đắt tay về hẵn, mau rời khỏi đây.  
Sao lại còn khoan thai lần lữa?  
Nguy loạn đà sấp sửa gấp rồi.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tỷ. 嗣 *gai* (đọc kê cho hợp vận), tiếng mau gấp. 霽 *phi*, dáng mưa tuyêt phân tán. 歸 *quy*, về luôn, lời khi đi không trở lại nữa.

## CHƯƠNG III

莫赤匪狐

13. Mạc xích phỉ hô.

莫黑匪烏

14. Mạc hắc phỉ ô.

惠而好我

15. Huệ nhi hiến ngã,

攜手同車

16. Huệ thủ đồng xa.

其虛其邪

17. Kỳ hư kỳ từ,

既亟只且

18. Ký cức chỉ thư.

### *Dịch nghĩa*

13. Chẳng gì đỏ nếu chẳng phải là con chồn.

14. Chẳng gì đen nếu chẳng phải là con quạ.

(Hai giống vật áy hiện át có điều nguy hại).

15. Những ai đã thương yêu và thân bảo với ta

16. Hãy dắt tay nhau mà đi cùng xe.
17. Còn khoan thai từ từ nữa hay sao?
18. Đã gấp lắm vậy.

### *Dịch thơ*

*Chẳng phải chồn, không gì là đỏ.  
Chẳng qua thì không có sắc đen.  
Cùng ta những kẻ thuộc quen  
Chung xe dắt díu bỏ mèn này đây.  
Sao lại còn khoan thai lần lữa?  
Nguy loạn đà sấp sửa gấp rồi.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý. *狐* *hổ*, con chồn, giống như con chó, sắc vàng đỏ. *烏* *ô*, con quạ, sắc đen. Chồn và quạ đều là bất thường (xui xẻo không hên), người ta ghét mà không muốn nhìn thấy chúng. Thế mà ngày nay người ta còn thấy những vật xui xẻo ấy thì cơ sắp nguy loạn của nước nhà có thể liệu biết được.

Nói *đồng hành*, *đồng quy* (cùng đi, cùng trở về) là chỉ kẻ nghèo hèn; *đồng xa* (cùng xe) là chỉ người sang trọng. Sang hèn mọi người đều bỏ đi lánh hết cả.

*Thiên Bắc phong có 3 chương, mỗi chương 6 câu.*

## BÀI THÚ 42

### CHƯƠNG I

靜女	Tĩnh nữ, (Bội phong 17)
靜女其姝	1. Tĩnh nữ kỳ xu,

俟我於城隅

2. Sī ngā ư thành ngu.

愛而不見

3. Ái nhi bất kiến,

搔手踟躅

4. Tao thủ trì trù.

### *Dịch nghĩa*

1. Người con gái nhàn nhã đẹp đẽ.
2. Hẹn đợi t ở chỗ góc thành (chỗ hẻo lánh tối tăm).
3. Yêu nàng mà không lấy nàng.
4. Ta gãi đầu và giãm chân.

### *Dịch thơ*

*Người con gái yêu kiều nhàn nhã,*

*Đợi góc thành, nàng đã hẹn nhau.*

*Yêu nàng chẳng thấy nàng đâu.*

*Bangs khuâng ta cứ gãi đầu giãm chân.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 靜 tīnh, ý nhàn nhã, 嫵 xu, sắc đẹp. 城隅 thành ngu, chỗ hẻo lánh tối tăm. 不見 bất kiến, chẳng thấy. hẹn mà không thấy đến. 躇躅 trì trù, như躊躇 trich truc, giãm chân, bồi hồi.

Đây là bài thơ ước hẹn người yêu.

## CHƯƠNG II

靜女其變

5. Tīnh nữ kỳ luyến,

貽我彤管

6. Dị ngã đồng quản,

彤管有煇

7. Đồng quản hữu vi,

說憇女美

8. Duyệt dịch nữ mỹ.

### *Dịch nghĩa*

5. Người con gái nhàn nhã và đẹp đẽ ấy,

6. Đã tặng cho ta một cây bút cán đỏ (là vật đáng quý để làm kỷ niệm).

7. Cây bút cán đỏ đáng trông đỏ ôi.

8. Ta lại vui thích sắc đẹp của nàng.

### *Dịch thơ*

*Người con gái yêu kiều trầm lặng.*

*Bút cán son nàng tặng trao tay.*

*Bút son đáng đỏ hay hay.*

*Ta trông nàng đẹp, lòng đầy thích ưa.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 變 *luyến*, đáng đẹp đẽ. Đến đây thì đã gặp nàng rồi. 彤管 *đồng quản*, chưa rõ là vật gì, có lẽ là ý tặng nhau để kết tình ân cần luyến ái. 煇 *vī*, đáng đỏ.

Nói rằng đã nhận được vật ấy mà lại còn vui thích sắc đẹp của người con gái ấy nữa.

### *Chú giải của Dịch giả*

彤管 *đồng quản*, Mao thi và sách *Từ hải* đều giải là cây bút có cán đỏ (*đồng* là trang sức bằng màu đỏ, *quản* là cái ống) là vật của quan nữ sử cầm để chính lệnh ở trong cung và việc của Hậu phi.

### CHƯƠNG III

自 牧 歸 美  
洵 美 且 異  
匪 女 之 爲 美  
美 人 之 賦

9. Tự mục quy đê,
10. Tuân mĩ thả dì.
11. Phi nhữ chỉ vi mĩ,
12. Mĩ nhân chi dì.

#### *Dịch nghĩa*

9. Từ phía ngoài đồng nội, nàng tặng cho ta cỏ tranh mới mọc.
10. Ta tin rằng cỏ tranh ấy cũng đẹp và lạ.
11. Chẳng phải cỏ tranh người đẹp đâu,
12. Mà đặc biệt là do người đẹp trao tặng, cho nên người mới đẹp (vật gì của người đẹp trao tặng đều đẹp và quý).

#### *Dịch thơ*

*Ngoài đồng nội cỏ tranh nàng tặng.*

*Thi tin ngay chắc hẳn lạ xinh.*

*Người nào lạ đẹp cho dành.*

*Vì nàng trao tặng mà thành đẹp lây.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 牧 mục, ở phía ngoài đồng nội. 歸 quy, cũng là tặng trao cho. 美 đê, cỏ tranh mới mọc. 洵 tuân, tin rằng, 女 nhữ, này, chỉ những cỏ tranh mới mọc mà nói.

Nói rằng người con gái nhàn nhã ấy lại tặng cho ta cỏ tranh mới mọc, mà cỏ tranh ấy cũng đẹp và lạ. Nhưng chẳng phải có tranh ấy đẹp, mà do người đẹp trao tặng cho nên vật ấy cũng đẹp theo.

Thiên Tinh nữ có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

## BÀI THÚ 43

### CHƯƠNG I

新臺

Tân đài, (Bội phong 18)

新臺有泚

1. Tân đài hữu thử,

河水瀰瀰

2. Hà thuỷ mê mê.

燕婉之求

3. Yên uyển chi cầu,

籬篠不鮮

4. Cù trừ bất tiến.

#### *Dịch nghĩa*

1. Cái đài mới có vẻ tươi sáng rực rỡ,
2. Ở trên sông Hoàng hà nước triều lai láng.
3. (Người con gái nước Tề) vốn tìm người dịu yên hoà thuận
4. Mà trái lại vớ được con người (Tuyên công) có tật bình xấu xí chẳng ít, tật cúi xuống không được.

#### *Dịch thơ*

*Đài mới kia thật là tươi sáng,*

*Trên Hoàng hà lai láng thuỷ triều.*

*Tìm người yên ổn thuận chiều.*

*Gặp người bình thường (uỡn) với nhiều xấu xa.*

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 淑 thủ, tươi sáng. 潵嫋 mē mē, nhiều, lai láng. 燕 yến, yên. 婉 uyển, thuận. 蓬篠 cùi trù, không thể cúi xuống được. Bình này là một bình xáu xí. Vì rằng cùi trù vốn là tên tám cốt (chiếu bằng tre), người ta hoặc dương cốt để dừng bồ lúa, hình dáng như người uốn vặn không suông mà không thể cúi xuống được, cho nên lại nhân thế mà đặt tên cho chứng bệnh ấy. 鮮 tiễn (đọc tỳ cho hợp vận), ít.

Thuyết xưa cho là Vệ Tuyên công đi cưới nàng con gái ở nước Tề cho con trai tên Cáp. Tuyên công nghe nàng ấy đẹp, muốn cưới lấy cho mình, bèn dựng lâu đài mới ở trên sông Hoàng hà để đón nàng. Người trong nước ghét việc ấy, mới làm bài thơ này để châm biếm. Nói rằng: Người con gái nước Tề bốn tám là muốn cùng tên Cáp kết mối lương duyên êm thấm, ngờ đâu lại được con người xáu xa là Vệ Tuyên công.

## CHƯƠNG II

新臺有酒

5. Tân đài hữu thối,

河水浼浼

6. Hà thuỷ mõi mõi

燕婉之求

7. Yến uyển chi cầu.

蓬篠不殄

8. Cùi trù bất diễn.

### Dịch nghĩa

5. Cái đài mới có dáng cao vút,

6. Nước sông Hoàng hà bằng phẳng.

7. (Người con gái nước Tề) vốn tìm người dịu yên hoà thuận,

8. Mà trái lại vớ được con người (Tuyên công) có tật bệnh xáu xí chẳng bao giờ hết được.

### *Dịch thơ*

*Đài mói kia đẹp xinh cao vượt.  
Trên Hoàng hà mặt nước phẳng yên.  
Tìm người hòa thuận nên duyên,  
Gặp người có tật chẳng thuyền dứt nào.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 酒 thõi (đọc tiển cho hợp vận), cao vút lên. 泯浼 mõi mõi (đọc miễn miễn cho hợp vận), bằng phẳng, 疾 diển, dứt hết, tức là có tật không thể dứt được.

## CHƯƠNG III

魚網之設	9. Ngư võng chi thiết,
鴻則離之	10. Hồng tắc lệ chi.
燕婉之求	11. Yên uyển chi cầu,
得此戚施	12. Đắc thử thích thi.

### *Dịch nghĩa*

9. Đặt lưới đánh cá,  
10. Chim hồng lại mắc vào.  
11. (Người con gái nước Tề) vốn tìm người dịu yên hòa thuận,  
12. Mà trái lại vớ được người bình khὸm.

### *Dịch thơ*

*Lưới đánh cá đem giảng để bắt,  
Chim hồng này lại mắc vào trong.  
Tìm người hòa thuận thung dung.*

*Gặp người ác tật khom vòng cái lưng.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng. 鴻 hōng, chim nhạn to. 離 lēi, phụ vào, mắc vào. 戲施 thich thi, không thể ngưỡng lên được, cũng là một bệnh xấu xí.

Nói đánh lưới cá mà trái lại được chim hông để khỏi hứng, tìm người dịu yên hoà thuận mà trái lại vớ được người có tật bệnh xấu xí. Người mình được chẳng phải là người mình tìm.

*Thiên Tân dài có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THỨ 44

### CHƯƠNG I

二 子 乘 舟	Nhị tử thừa chu. (Bội phong 19)
二 子 乘 舟	1. Nhị tử thừa chu,
汎 汎 其 景	2. Phiếm phiếm kỳ ảnh
願 言 思 子	3. Nguyên ngôn tư tử,
中 心 養 養	4. Trung tâm dưỡng dưỡng.

### *Dịch nghĩa*

1. Hai người đi thuyền,
2. Hình ảnh linh đinh trôi nổi.
3. Muốn nói đến để nhớ hai người ấy,
4. Thì trong lòng bâng khuâng.

### *Dịch thơ*

*Cùng đi thuyền hai người lướt sóng,*

*Thấp thoáng xa hình bóng chơi vơi.  
Nói ra để nhớ hai người,  
Trong lòng luống những ngâm ngùi bâng khuâng.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 二字 *nhi tử*, hai người, nói công tử Cáp và công tử Thọ. 乘 *thùa chu*, cõi thuyền đi trên sông đến nước Tề. 景 *chữ xưa* của 影 *ảnh*(đọc *cương* cho hợp vận), hình ảnh. 養養 *dưỡng dưỡng*, dáng ưu sầu không biết định đoạt ra sao, bâng khuâng.

Thuyết xưa cho là Tuyên công lấy vợ của con trai mình, công tử Cáp, ấy là nàng Tuyên Khương. Tuyên Khương sinh ra công tử Thọ và công tử Sóc. Sóc và Tuyên Khương đến bên Tuyên công để tố cáo Cáp. Tuyên công sai Cáp đi sang Tề và khiến quân giặc đợi săn Cáp ở cửa ải để giết đi. Công tử Thọ biết được việc ấy mới báo cho Cáp biết. Cáp nói rằng: Ấy là mệnh lệnh của vua không thể nào trốn được.

Thọ bèn lấy cờ tinh tiết mà đi trước, bị giặc giết chết. Cáp đến sau nói rằng: "Vua sai giết ta, còn Thọ có tội gì?" Giặc lại giết Cáp. Người trong nước thương xót mà làm bài thơ này.

## CHƯƠNG II

二子乘舟  
汎汎其逝  
願言思子  
不瑕有害

5. Nhị tử *thùa chu*,
6. Phiếm phiếm kỳ thệ.
7. Nguyệt ngôn tư tử,
8. Bất hà hữu hại?

### *Dịch nghĩa*

5. Hai người đi thuyền,
6. Linh đình trôi nổi mà đi mãi.
7. Muốn nói đến để nhớ hai người,
8. Chẳng là đã có việc nguy hại rồi hay sao?

### *Dịch thơ*

*Trên chiếc thuyền hai người cùng lướt,  
Mãi tiến trên măc nước nổi trôi.  
Nói ra để nhớ hai người,  
Chẳng là nguy hại đến rồi hay sao?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 逝 痴, đi. 不暇 *bất hà*, lời nghi vấn, nghĩa xem ở thiên *Tuyên thuỷ* (*Bất hà hữu hại*, chẳng là có hại hay sao?). Đến đây thì không thấy hai người ấy trở về mà ngờ vực vậy.

*Thiên Nhị tử thừa chu có 2 chương, mỗi chương 4 câu.*

Thái Duệ công nói rằng: Tôi đọc thế gia ngôn, đến chỗ con của Tuyên công vì vợ mà bị giết, em là Thọ giành chết để nhường nhau. Truyện này đồng với truyện Thái tử Thân Sinh nước Tấn không dám vạch rõ tội lỗi của Ly Cơ ra, đều cùng một ý chí là ghét điều gì làm thương tổn đến cha, nhưng cuối cùng phải chết mất. Đau đớn làm sao, hoặc cha con giết nhau, anh em tàn sát nhau, cũng riêng có thể hay sao?

*Thơ nước Bội có 19 thiên, 72 chương, 363 câu*

#### 4. ĐUNG PHONG

Lời giải thuyết xem ở phần Bội phong.

### BÀI THÚ 45

#### CHƯƠNG I

柏 舟	Bách chu. (Dung phong I)
汎 彼 柏 舟	1. Phiếm bỉ bách chu,
在 彼 中 河	2. Tại bỉ trung hà.
髦 彼 兩 髮	3. Dãm bỉ lưỡng mao.
實 維 我 儀	4. Thực duy ngã nghi.
之 死 矢 麟 它	5. Chi tử thí mỹ tha.
母 也 天 只	6. Mẫu dã thiên chỉ,
不 諒 人 只	7. Bất lượng nhân chỉ.

#### *Dịch nghĩa*

1. Chơi với chiếc thuyền gỗ bách kia,
2. Ở giữa dòng sông kia.
3. Người để tóc hai trái đào rủ xuống kia,
4. Thật là bạn lứa (tức là chồng) của ta.
5. Đến chết, ta thề không có lòng dạ khác.
6. Mẹ ta ơn rộng như trời.
7. Mà không tin được lòng ta ư?

#### *Dịch thơ*

*Chiếc thuyền gỗ bách linh đinh,*

*Giữa dòng sông nở, mặc tình nổi trôi.*

*Trái đào để tóc rủ đói.*

*Thật thi người ấy với tôi là chồng.*

*Đã thế đến chết một lòng.*

*Mẹ tôi ơn nặng sánh cùng trời cao,*

*Há không tin được lòng sao?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hùng. 中河 *trung hà*, chính giữa dòng sông. 鬚 *dām*, dáng tóc rủ xuống, 兩髦 *lǚng mao*, hai trái đào, cạo tóc chừa hai bên trên mỏ ác, cách trang sức của người con để phụng thờ cha mẹ, khi cha mẹ mất rồi mới bỗ được, dây nói về Cung Bá. 我 *ngā*, ta, nàng Cung Khương tự nói về mình. 儀 *nghi* (đọc nga cho hợp vận), đôi lứa. 只 *chi*, đến. 矢 *thỉ*, thế. 靡 *mǐ*, không, 只 *chỉ*, tiếng trợ từ, tiếng đệm vào câu văn. 諒 *lượng*, tin.

Thuyết xưa cho rằng Thế tử nước Vệ là Cung Bá chết sớm, vợ là Cung Khương thủ tiết. Cha mẹ nàng muốn bắt nàng về để tái giá. Cho nên nàng Cung Khương mới làm bài thơ này để tự thề nguyện.

Nói chiếc thuyền gỗ bách thì ở giữa dòng sông. Người để tóc hai trái đào cho rủ xuống thật là chồng của ta. Tuy đến chết ta thề rằng không có lòng dạ khác.

Mẹ ta đối với ta có ơn nuôi dưỡng vô cùng như trời rộng, mà sao không tin được lòng ta ư? Không nói đến cha, thì nghĩ là lúc ấy chỉ còn mẹ mà thôi. Hoặc giả việc ấy chẳng phải là ý kiến của cha vậy.

## CHƯƠNG II

汎 彼 柏 舟

在 彼 河 側

8. Phiếm bỉ bách chu

9. Tại bỉ hà trắc.

髡 彼 兩 髮  
實 維 我 特  
之 死 矢 麟 懿  
母 也 天 只  
不 諒 人 只

10. Đâm bì lưỡng mao,
11. Thực duy ngã đặc,
12. Chi tử thi mĩ thắc.
13. Mẫu da thiên chỉ;
14. Bất lượng nhân chỉ.

### *Dịch nghĩa*

8. Chơi với chiếc thuyền gỗ bách kia,
9. Ở bên sông kia.
10. Người để tóc hai trái đào rủ xuống kia.
11. Thật là chồng của ta.
12. Đến chết ta thề không gian tà.
13. Mẹ ta ơn rộng như trời.
14. Mà không tin được lòng ta ư?

### *Dịch thơ*

*Chiếc thuyền gỗ bách chơi với,  
Ở bên sông nọ, nổi trôi mặc tình.  
Trái đào để tóc xinh xinh.  
Thì nhân vật ấy dành rành chồng ta.  
Chết đi lòng chẳng gian tà.  
Mẹ tuy ơn nặng bao la như trời,  
Không tin ta được, thế ôi?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng. 特 đặc, cũng là lứa đôi. 懿 thắc, gian tà. Lấy đó cho là việc gian tà thì lòng cự tuyệt đã tột bực rồi vậy.

*Thiên Bách chu có 2 chương, mỗi chương 7 câu.*

## BÀI THÚ 46

### CHƯƠNG I

牆 有 荀	Tường hữu từ. (Dung phong 2)
牆 有 荀	1. Tường hữu từ,
不 可 帰 也	2. Bất khả tảo dā.
中 蕤 之 言	3. Trung cǎu chí ngôn,
不 可 帰 也	4. Bất khả đạo dā,
所 可 道 也	5. Sở khả đạo dā,
言 之 醜 也	6. Ngôn chí xú dā.

### *Dịch nghĩa*

1. Bức tường có dây từ mọc bám vào.
2. Không thể quét trừ cho sạch được (vì nếu nhổ dọn thì hư tường).
3. Lời dâm dật trong khuê phòng.
4. Không thể nói ra được,
5. Điều mà nói ra được,
6. Thì xấu xa nhơ nhuốc cho lời nói.

### *Dịch thơ*

*Bức tường bị bám dây từ,  
Không sao quét dọn mà trừ cho xong.  
Những lời trong chốn khuê phòng,  
Không sao mở miệng mà hòng nói ra.  
Những điều nói được toàn là.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng. 茨 *từ*, dây tật lê, mọc lan ra, trái có ba góc hay đâm vào người. 中毒 *trung cát*, nói cái nhà chất chứa những cây gỗ, chỗ khuê phòng. 道 *đạo*, nói. 醜 *xú*, xấu.

Thuyết xưa cho là Tuyên công chết, Huệ công (con kế vị) còn nhỏ tuổi, người anh con của mẹ thứ, tên Ngoạn phạm thượng thông dâm với nàng Tuyên Khương (mẹ của Huệ công). Cho nên nhà thơ mới làm bài này để châm biếm.

Nói việc trong khuê phòng đều xấu xa không thể nói ra được. Cứ lý mà suy thì hoặc có đúng như thế.

## CHƯƠNG II

牆有茨

7. Tường hữu từ,

不可襄也

8. Bất khả tương dā.

中毒之言

9. Trung cát chi ngôn,

不可詳也

10. Bất khả tường dā.

所可詳也

11. Sở khả tường dā,

言之長也

12. Ngôn chi trường dā.

### *Dịch nghĩa*

7. Bức tường có dây từ mọc bám vào,

8. Không thể nào trừ khử được.

9. Lời đâm dật trong khuê phòng

10. Không thể nói rõ ra được.

11. Điều mà có thể nói rõ ràng ra được.

12. Thì thêm dong dài lôi thôi cho lời nói.

## Dịch thơ

Bức tường từ đā bám vào.  
Thì không trừ khử thế nào cho xong.  
Những lời trong chốn khuê phòng,  
Không sao tường tận nói cùng ai hay.  
Những điều nói rõ vào tai.  
Toàn lời nhơ nhuốc dong dài lôi thôi.

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng. 裏 *tường*, trừ. 詳 *tường*, nói rõ ra. 言之詳 *ngôn chi trường*, không muốn nói ra mà thác lời cho là thêm khó khăn dài dòng.

## CHƯƠNG III

牆 有 茨  
不 可 束 也  
中 舂 之 言  
不 可 讀 也  
所 可 讀 也  
言 之 辱 也

13. Tường hữu từ,
14. Bất khả thúc dā.
15. Trung cầu chi ngôn,
16. Bất khả độc dā.
17. Sở khả độc dā,
18. Ngôn chi nhục dā.

## Dịch nghĩa

13. Bức tường có dây từ mọc bám vào,
14. Không thể nào bó lại mà nhổ đi.
15. Lời dâm dật trong khuê phòng,
16. Không thể nói to ra được.
17. Điều mà nói to ra được,

## 18. Thị xấu hổ cho lời nói.

### *Dịch thơ*

*Bức tường từ đã bám sâu,  
Không sao bó nhở trừ mau cho rồi.  
Chốn khuê phòng thoát những lời.  
Không sao mở miệng rạch rời tỏ qua.  
Những điều được nói to ra.  
Hoang dâm ô nhục xấu xa cho lời.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng 束 thúc, bó lại để nhổ đi. 讀 đọc, nói to lên. 尋 nhục, như xấu hổ, xấu xa.

*Thiên Tường hữu từ có 3 chương, mỗi chương 6 câu.*

Dương thị nói rằng: Công tử Ngoạn thông dâm với mẹ của vua (tức Tuyên Khương, mẹ của Huệ công). Lời nói trong khuê phòng đến nỗi không thể nói to ra được, thì sự dâm ô đã quá lầm vậy. Thánh nhân sao lại lấy việc dâm ô này mà ghi vào kinh sử? Vì rằng từ xưa những vua dâm loạn, tự cho là chuyện kín ở chốn khuê phòng, ngoài đời không thể nào biết được, cho nên mới quá càn dỡ mà không chịu hồi cải để quay trở lại.

Thánh nhân sở dĩ ghi vào kinh sử là để khiển cho đời sau những kẻ làm điều xấu xa biết rằng, tuy là lời nói trong khuê phòng cũng không thể che giấu mà chẳng tỏ rõ ra được. Thị việc răn dạy áy thật sâu xa vậy.

## BÀI THÚ 47

### CHƯƠNG I

君子偕老	Quân tử giai lão. (Dung phong 3)
君子偕老	1. Quân tử giai lão,
副笄六珈	2. Phó kê lục gia,
委委佗佗	3. Uy uy đà đà,
如山如河	4. Như sơn như hà.
象服是宜	5. Tượng phục thị nghi.
子之不淑	6. Tử chi bất thực.
云如之何	7. Vân như chi hà?

#### *Dịch nghĩa*

1. Sóng đến già với chồng.
2. Đầu tóc giả cài trâm có kết sáu viên ngọc.
3. Dáng thung dung tự đắc,
4. Vững vàng như núi và rộng rãi như sông,
5. Xứng đáng là trang phục đúng theo pháp độ lễ nghi.
6. Nhưng nàng (Tuyên Khuê) không phải là người đức hạnh,
7. Thì biết nói ra làm sao?

#### *Dịch thơ*

*Sóng với chồng đến khi giai lão,  
Tóc giả cài, buông sáu ngọc xinh.  
Thung dung tự tại thích tình,  
Vững vàng như núi, rộng thênh sông dài.*

*Đúng pháp độ xứng thay trang phục!  
Nhưng mà năm hiền thực lại không.  
Làm sao mà moi được cùng?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 若子 *quân tử*, chồng. 偕老 *gai lão*, nói cùng sống và cùng chết với nhau. Người đàn bà khi sống, lấy thân phụng sự cho chồng, thì phải cùng sống và cùng chết với chồng. Cho nên người đàn bà mà chết chồng gọi là vị vong nhân, ý nói cũng chỉ là chờ chết mà thôi, không nên lại có ý lấy người khác nữa. 副 *phó*, đầu tóc giả, đồ trang sức trên đầu kết bằng tóc, dùng trong lễ cúng tế. 笈 *kê*, dây trâm ngang, thòng xuống ở hai bên cái phó kề bên vành tai phía dưới lấy tua đầu quay mao treo viên ngọc đeo tai. 珊 *gia*, là nói gia thêm vào, lấy ngọc gắn thêm vào dây trâm để trang sức. 委委佗佗 *uy uy đà đà*, dáng thung dung tự đắc. 如山 *núi* *núi*, như núi, an trọng vững vàng như núi. 如河 *núi* *hà*, như sông, rộng rãi như sông. 象服 *tượng phục*, trang phục theo pháp độ. 淑 *thục*, hiền lành.

Nói rằng phu nhân phải sống đến già với chồng, sống thì cùng sống, chết thì cùng chết, cho nên đồ phục sức nhiều rườm rà như thế, lại thung dung tự đắc, dáng vững vàng và rộng rãi, lại có đủ món để xứng đáng là trang phục theo pháp độ lễ nghi.

Nay nàng Tuyên Khương đã không hiền lành lại đến như thế, thì tuy có đồ trang phục ấy cũng chẳng ra thế nào. Nói đồ trang sức và đức hạnh của Tuyên Khương không xứng nhau.

## CHƯƠNG II

玼兮玼兮

8. Thủ hế thủ hế.

其之翫也	9. Kỳ chi địch dā.
鬢髮如雲	10. Chân phát như vân.
不屑鬢也	11. Bất tiết đệ dā.
玉之珍也	12. Ngọc chi thiển dā.
象之揅也	13. Tượng thi thế dā.
揚且之哲	14. Dương thư chi tích.
胡然而天也	15. Hồ nhiên nhi Thiên dā?
胡然而帝也	16. Hồ nhiên nhi Đế dā?

### *Dịch nghĩa*

8. Tươi đẹp rướm rà.
9. Là cái áo chim trĩ của nàng.
10. Tóc đen nhiều và đẹp như mây.
11. Không cần phải bới thêm lọn tóc mượn.
12. Lấy ngọc làm miếng che tai.
13. Lấy ngà voi làm cái rẽ tóc.
14. Phần cái trán phía trên lông mày thì trắng nõn nà.
15. Sao mà như Trời vậy?
16. Sao mà như Thượng đế vậy?

### *Dịch thơ*

*Sắc lông lẫy rướm rà đẹp quý.  
Là áo thêu chim trĩ của nàng.  
Tóc mây đen óng dịu dàng,  
Cho nén tóc mượn chẳng mang bới lên,  
Ngọc che tai hai bên lóng lánh.  
Cây rẽ ngà một nhánh ghim đầu.*

Trán thì sáng sủa trắng phau.

Hoàng thiên Thượng đế há nào khác chi?

### Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 犀 thủ, dáng tươi đẹp rướm rà. 罪  
địch y, áo mặc khi cúng tế có vẽ hình chim trĩ và thêu nhiều  
màu sắc để trang sức cho đẹp. 鬯 chǎn, đen. 如雲 như vân,  
nói nhiều và đẹp như mây. 肩 tiết, sạch sẽ (不屑 bát tiết,  
không sạch sẽ, ngũ ý khinh miệt không cần). 髢 đê, lọn tóc  
mượn. Người ít tóc thì dùng lọn tóc mượn để bới thêm.  
Nhưng tóc đã đẹp rồi thì không cần phải dùng lọn tóc mượn  
nữa. 珍 thiển, ngọc dùng để che vào lỗ tai. 象 tương, ngà voi.  
掃 thế (đọc sè), cây nhọn để rẽ tóc, để cài đầu. 揚 dương,  
phân rộng ở pha trên lông mày. 且 thư, trợ ngữ từ, tiếng đậm  
vào câu nói. 哲 tích (đọc ché cho hợp vận), trắng, 胡然而天,  
胡然而帝 *hồ nhiên nhi Thiên*, *hồ nhiên nhi Đế*, nói dung mạo  
trang sức đẹp đẽ đáng kinh lạ như bậc Thiên đế, người trông  
thấy phải kinh sợ như thấy quý thần vậy.

## CHƯƠNG III

瑳兮瑳兮

17. Thả hế! Thả hế!

其之展也

18. Kỳ chi triển dā.

蒙彼繻緺

19. Mông bỉ trầu si,

是繼伴也

20. Thị tiết phiền dā.

子之清揚

21. Tử chi thanh dương,

揚且之顏也

22. Dương thả chi nhan dā.

展如之人兮

23. Triển như chi nhân hế!

*Dịch nghĩa*

17. Tươi đẹp rướm rà,
18. Là cái áo lẽ của phu nhân.
19. Mặc phủ lên lớp áo vải mịn và dún kia,
20. Là cho bó thắt lại để được gọn gàng.
21. Cái trán của phu nhân xem trong sáng.
22. Phần góc trán lại đầy đặn.
23. Sự thật con người như thế ấy
24. Là người con gái đẹp nhất trong nước vậy!

*Dịch thơ*

*Lộng lẫy thay rướm rà tinh tế!*

*Quá đẹp tươi áo lẽ của nàng.*

*Phủ lên áo dún<sup>(1)</sup> mịn màng.*

*Làm cho thắt bó gọn gàng xinh xinh.*

*Vừng trán kia tinh anh sáng rạng.*

*Lại vun tròn đầy đặn đẹp thay!*

*Thật người kiều diễm thế này.*

*Là trông đẽ nhất sắc tài quốc gia.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 差 *thả*, dáng tươi đẹp rướm rà. 展衣 *chiến y* (đọc *chiên y*), áo lẽ mặc để hầu vua hay tiếp tân

---

(1)*dún, giún* = nhăn co lai

khách. 蒙 *mōng*, phủ che. 繡緹 *trǎu si*, thủ vải mịn mà dún dún, may áo mặc vào mùa nóng. 繼伴 *tiết phiền*, ý bó buộc lại. Lấy áo lẽ mặc phủ lên lớp áo vải mịn và dún cho bó để tự trang sức cho gọn gàng. Hoặc nói rằng: 蒙 *mōng* là mặc thêm áo vải mịn vải thô lên lớp áo mặc lót ở trong cho bày lộ ra ngoài. 清 *thanh*, xem trong sáng, 楊 *dương*, phần trán rộng ở phía trên lông mày. 顏 *nhan* (đọc *nghiên*), góc trán đầy nơ lén. 展 *triển*, thành thật. 嫵 *viện* (đọc *viên* cho hợp vận), người con gái đẹp. Thấy phu nhân Tuyên Khuông chỉ có sắc đẹp, nhưng không có đức hạnh của bức vua chúa.

*Thiên Quân tử giai lão có 3 chương, 1 chương 7 câu, 1 chương 9 câu và 1 chương 8 câu.*

Lã thị ở Đông Lai nói rằng: Phần cuối của chương thứ nhất nói *Tử chi bất thực. Vân như chi hà* (Nhưng nàng không phải là người hiền lành. Thì mới nói ra làm sao?) là trách đầy. Phần cuối của chương hai nói *Hồ nhiên nhi Thiên dā, Hồ nhiên nhi Đế dā* (Sao mà đáng kinh lạ như bức Trời? Sao mà đáng kinh lạ như bức Thượng đế?) là hỏi đầy. Phần cuối của chương thứ ba nói *Triển như chi nhân hế! Bang chi viện dā* (Sự thật người như thế ấy. Là người con gái đẹp nhất trong nước vậy) là tiếc đầy.

Lời càng uyển chuyển thì ý càng sâu sắc.

## BÀI THỨ 48

### CHƯƠNG I

桑 中

**Tang trung. (Dung phong 4)**

爰 采 唐 矣

**1. Viên thái đường hī.**

沫 之 鄉 矣

**2. Muội chi hương hī.**

云 誰 之 思

**3. Vân thuỳ chi tư?**

美 孟 姜 矣	4. Mỵ Mạnh Khương hī.
期 我 乎 桑 中	5. Kỳ ngā hồ Tang trung.
要 我 乎 上 宮	6. Yêu ngā hồ Thượng cung.
送 我 呼 淇 之 上 矣	7. Tống ngā hồ kỳ chi thượng hī.

### *Dịch nghĩa*

1. Bèn hái dây đường.
2. Ở làng Muội.
3. Răng ai là người ta thương nhớ?
4. Là người con gái cả họ Khương đẹp đẽ.
5. Ước hẹn với ta ở đất Tang Trung.
6. Đón ta ở đất Thượng Cung.
7. Rồi đưa ta ở đất Kỳ Thượng.

### *Dịch thơ*

*Dây đường thì đi tìm mà hái,  
 Hái được ngay ở tại Muội hương.  
 Ai người ta nhớ ta thương?  
 Thướt tha đẹp đẽ Mạnh Khương là nàng.  
 Hẹn cùng ta chốn Tang trung ấy.  
 Đến Thượng cung nàng lại đón ta.  
 Đưa nơi Kỳ thương đấy mà.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 唐 đường, cây mông thái, có một tên nữa là thổ ty (loại dây bám đeo vào cây khác và rút nhựa sống của cây ấy để lớn lên). 淇 Muội, tên một ấy của nước Vệ, mà sách Kinh Thư gọi là Muội bang. 孟 Mạnh, trưởng, lớn

hơn hết. 姜 *Khương*, con gái nước Tề thuộc quý tộc. 桑中 *Tang trung*, 上宮 *Thượng cung*. 淇上 *Kỳ thương*, lại là tên những khu vực nhỏ ở trong làng Muội. 要 yêu, đón.

Phong tục nước Vệ dâm loạn, những gia tộc quyền quý có chức vị hay lấy vợ lấy thiếp lẫn nhau. Cho nên người này tự nói rằng: Sắp sửa hái dây đường ở làng Muội rồi cùng người mình thương nhớ ước hẹn gặp nhau khi đón khi đưa như thế ấy.

## CHƯƠNG II

爰采麥矣

8. Viên thái mạch hī.

沫之北矣

9. Muội chi bắc hī

云誰之思

10. Vân thuỳ chi tư?

美孟弋矣

11. Mỹ Mạnh Dực hī.

期我乎桑中

12. Kỳ ngā hô Tang trung.

要我乎上宮

13. Yêu ngā hô Thượng cung.

送我呼淇之上矣

14. Tống ngā hô Kỳ chi thương hī.

### *Dịch nghĩa*

8. Bên hái lúa mạch,

9. Ở phía bắc làng Muội.

10. Rằng ai là người ta thương nhớ?

11. Là người con gái cả họ Dực đẹp đẽ.

12. Ước hẹn với ta ở đất Tang trung.

13. Đón ta ở đất Thượng cung.

14. Đưa ta ở đất Kỳ thương.

## Dịch thơ

Lúa mạch thì tới mà hái gặt.  
Hái gặt nơi phía bắc Muội hương.  
Ai người ta nhớ ta thương?  
Ấy là Mạnh Dực cô nương dịu dàng.  
Hẹn cùng ta chốn Tang trung ấy.  
Đến Thương cung nàng lại đón ta.  
Đưa nơi Kỳ thương đầy mà.

### Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 麥 mạch, tên lúa mạch, mùa thu thì trồng, mùa hạ thì chín. 弒 dực, họ Dực, sách *Xuân thu* hoặc cho là họ 奴 Tự, vì rằng con gái nước Kỳ là dòng dõi của họ Hạ hậu, cũng là một quý tộc.

## CHƯƠNG III

爰采葑矣  
沫之東矣  
云誰之思  
美孟庸矣  
期我乎桑中  
要我乎上宮  
送我呼淇之  
上矣

15. Viên thái phong hī.
16. Muội chi đông hī.
17. Vân thuỳ chi tư?
18. Mỵ Mạnh Dung hī.
19. Kỳ ngā hō Tang trung.
20. Yêu ngā hō Thương cung.
21. Tống ngā hō Kỳ chi thương hī.

### *Dịch nghĩa*

15. Bên hái rau phong,
16. Ở phía đông làng Muội.
17. Răng ai là người ta thương nhớ?
18. Là người con gái cả họ Dung đẹp đẽ.
19. Ước hẹn với ta ở đất Tang Trung.
20. Đón ta ở đất Thượng Cung.
21. Rồi đưa ta ở đất Kỳ Thượng.

### *Dịch thơ*

*Rau phong kia bèn cùng đi hái,  
Tôi Muội rồi đến tại phía đông,  
Ai người ta nhớ ta trông?  
Thướt tha đẹp đẽ Mạnh Dung là nàng,  
Hẹn cùng ta chốn Tang trung ấy.  
Đến Thượng cung nàng lại đón ta.  
Đưa nơi Kỳ thượng đây mà.*

### *Chú giải của Chu Hý*

Chương này thuộc phú. 封 phong, cây mạn tinh (một loài rau). 庸 Dung, họ Dung, chưa nghe đến, nghi cũng là một gia tộc quyền quý.

*Thiên Tang trung có 3 chương, mỗi chương 7 câu.*

Sách Lê ký nói rằng: Những lời thơ của nước Dung, nước Vệ đều là những tiếng của thời loạn gần tới sự nhảm nhí. Những tiếng ở trong đám dâu, ở trong bãi sông Bộc đều là những tiếng mạt nước. Chính trị rời rã, nhân dân lưu ly, thói dối gạt bê trên và thi hành theo tư dục thì không thể ngăn được. Xét thấy hai chữ tang gian (tiếng dâm loạn trong đám

dâu) tức là thiên nầy, cho nên bài tiểu tự cũng dùng lời nói ở sách *Nhạc kỳ*

## BÀI THÚ 49

### CHƯƠNG I

鶲 之 奔 奔	Thuần thi bôn bôn. (Dung phong 5)
鶲 之 奔 奔	1. Thuần chi bôn bôn.
鶲 之 猶 猶	2. Thước chi khương khương.
人 之 無 良	3. Nhân chi vô lương,
我 以 為 兄	4. Ngā dī vi hương (huynh).

### *Dịch nghĩa*

1. Chim cút thì từng đôi sống theo nhau.
2. Chim khách cũng từng đôi sống theo nhau.
3. Người áy bất lương,
4. Mà ta phải nhận là anh.

### *Dịch thơ*

*Chim cút từng đôi theo nhau mãi*

*Chim khách thời trống mái không rời.*

*Vô lương kẻ áy hỡi ôi!*

*Mà ta phải chịu gọi người là anh.*

### *Chú giải của Chu Hý*

Chương này thuộc hứng 鶲 *thuần*, chim cút, thuộc loài chim am (như chim cút mà không có vần) 奔奔 *bôn bôn*, 猶 *khương* *khương*, dáng không rời nhau, ở thường có đôi, bay

thì nối theo nhau. 人 *nhân*, người ấy, nói công tử Ngoạn 良 *lương*, thiện, lành.

Người nước Vệ châm biếm Tuyên Khương với công tử Ngoạn, không phải là đôi lứa vợ chồng mà lại đi theo nhau, cho nên mới lấy lời của Huệ công mà châm biếm những người dâm ô loạn luân ấy rằng: Người vô lương, không bằng loài chim cút chim khách mà trái lại ta phải nhận là anh. Sao vậy thay?

## CHƯƠNG II

鵠之彊彊

5. **Thước chi khương khương,**

鵠之奔奔

6. **Thuần chi bân bân (bôn bôn),**

人之無良

7. **Nhân chi vô lương,**

我以爲君

8. **Ngả dī vi quân.**

### *Dịch nghĩa*

5. Chim khách từng đôi sống theo nhau.

6. Chim cút cũng từng đôi sống theo nhau.

7. Người ấy bất lương,

8. Mà ta phải nhận là vua (chỉ Tuyên Khương, vì Huệ công còn nhỏ);

### *Dịch thơ*

*Chim khách từng đôi theo nhau sống.*

*Chim cút thời mái trống không rời.*

*Vô lương kẻ ấy hời ôi!*

*Mà ta phải chịu gọi người là vua.*

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng 人 nhân, người ấy, nói Tuyên Khương 君 quān, vua, ý nói là 小君 tiếu quān, vợ của chư hầu tự xưng là tiếu quān.

*Thiên Thuần chi bôn bôn có 2 chương, mỗi chương 4 câu*

Phạm thị nói rằng: Việc xấu xa của Tuyên Khương không thể nào nói cho xiết. Tuyên Khương bị người trong nước ghét mà châm biếm, hoặc nói xa, hoặc nói gần. Nói xa là thiên *Quân tử giao lão*, nói gần là thiên *Thuần chi bôn bôn*.

Thơ nước Vệ đến thế thì đạo làm người đã hết và lẽ trời cũng tiêu tán, người Trung quốc không còn lấy gì để khác biệt với cầm thú. Rồi nước cũng theo đó mà mất.

Hồ thị nói ông Dương Thị có câu: *Kinh Thi* chép thiên này vào là để cho thấy rõ nguyên nhân nước Vệ bị rợ Dịch tiêu diệt, cho nên mới đặt thiên này ở trước thiên *Đính chi phuong trung*.

Nhân theo lý thuyết ấy mà khảo xét qua các đời, thì phàm là kẻ dâm loạn thì chưa có kẻ nào không đi đến cảnh tự giết mình và bại hoại xā tắc, tan nát cửa nhà. Thế mới biết việc răn dạy của thơ xưa truyền lại là lớn lao. Mà đời gần đây lại có kẻ đưa kiến nghị xin chớ đem thơ quốc phong ra giảng dạy ở các buổi giảng độc chốn kinh diên, thì thật là mất cả ý chí của kinh sử do thánh hiền để lại.

## BÀI THÚ 50

### CHƯƠNG I

定之方中

Đính chi phuong trung  
(Dung phong 6)

定之方中

1. Đính chi phuong trung,

- |      |                       |
|------|-----------------------|
| 作于楚宮 | 2. Tác vu Sở cung.    |
| 揆之以日 | 3. Quỹ chi dī nhât,   |
| 作于楚室 | 4. Tác vu Sở thát.    |
| 樹之榛栗 | 5. Thụ chi trăn lật,  |
| 椅桐梓漆 | 6. Y đồng tử tất,     |
| 爰伐琴瑟 | 7. Viên phat cầm sắt. |

*Dịch nghĩa*

1. Chòm sao Đính đã ở giữa trời,
2. Thì làm cung thát ở Sở khâu.
3. Đo theo bóng mặt trời,
4. Để làm cung thát ở Sở Khâu.
5. Trồng cây trăn cây lật,
6. Cây y, cây ngô đồng, cây tử, cây tất,
7. Để chặt những cây ấy làm đàn cầm đàn sắt.

*Dịch thơ*

*Khi sao Đính đã lên chính giữa,  
Lo dựng cung tại Sở Khâu ngay.  
Mặt trời đo bóng ban ngày,  
Dựng lên cung thát chốn này Sở khâu  
Lại quanh đáy trồng nào trăn, lật,  
Với y, đồng, tử, tất bốn cây,  
Để làm cầm sắt sau này.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 定 Dinh, chòm sao ở phương bắc, là sao để xây dựng nhà cửa. Sao này khi về đêm thì ở ngay

giữa trời, đúng vào tháng 10 theo lịch nhà Hạ, lúc ấy có thể  
xây cất cung thất, cho nên được gọi là *sao dịch thất* (sao  
dựng nhà) 楚宮 *Sở cung*, cung thất ở Sở Khâu,揆 *quỹ* đo.  
Dụng cây cọc 8 thước mà đo bóng mặt trời mọc, mặt trời lặn  
để định hướng đông hướng tây, lại tham xét bóng mặt trời  
giữa trưa để chính xác hướng nam hướng bắc. 楚室 *Sở thất*  
như *Sở cung*, Dùng chữ thay đổi nhau như thế để hợp vận 榛  
*trǎn*, 栗 *lật*, hai thứ cây, trái cây trǎn thì nhỏ, trái cây lật thì  
to, đều có thể dùng vào việc cúng tế, 椅 y, trái như trái cây  
tử, da như da cây vông, 桐 *đồng*, cây ngô đồng, cây vông, 梓  
tử, là loại cây thu, có sớ thưa và trǎng, lại có trái, 漆 *tất*, thứ  
cây có mủ dính mà đen, có thể dùng để sơn đồ vật. Bốn loại  
cây này đều dùng làm đàm cầm đàm sắt, 爰 *viên*, ở, nơi.

Nước Vệ bị rợ Dịch tiêu diệt. Văn công dời sang ở Sở  
Khâu, xây dựng cung thất. Người trong nước yêu mến Văn  
công, làm bài thơ này để khen tặng.

Tô thị nói rằng: Trồng cây là mong để dùng trong mười  
năm sau. Việc không mong dùng vào công việc cận thời thì  
đều là như loại cây này.

## CHƯƠNG II

升彼虛矣

8. *Thăng bỉ khư hī*,

以望楚矣

9. *Dī vọng Sở hī*.

望楚與堂

10. *Vọng Sở dữ Đường*.

景山與京

11. *Ánh sơn dữ kinh*.

降觀于桑

12. *Giáng quan vu tang*.

卜云其吉

13. *Bốc vân kỳ cát*.

終焉允臧

14. *Chung yên doān tang*.

### *Dịch nghĩa*

8. Lên trên bờ thành cũ,
9. Để trông về Sở Khâu.
10. Trông về Sở Khâu và áp Đường,
11. Đo bóng mặt trời để định hướng những núi và gò cao.
12. Lại đi xuống để quan sát sự thích nghi của cuộc đất ở trong ruộng dâu.
13. Bói mai rùa nói rằng tốt.
14. Rốt cuộc mới tin là tốt.

### *Dịch thơ*

*Kìa thành cũ leo lên bờ ấy,  
Nhìn Sở Khâu để thấy tò tướng.  
Sở Khâu cùng với áp Đường,  
Nồng cao với núi định phương đó cùng.  
Xuống ruộng dâu thung dung quan sát  
Bói mai rùa được cát rành rành.  
Rồi sau tin được tốt lành.*

### *Chú giải của Chu Huy*

Chương này thuộc phú 虛 khu (đọc khứ cho hợp vận) thành cũ, 楚 Sở, Sở Khâu 堂 Đường, áp Đường, ở bên cạnh Sở Khâu, 景 ảnh, đo bóng mặt trời để đính chính bốn phương, cùng đồng với ý đã đo bóng sống núi ấy. Hoặc nói rằng 景 ảnh là tên núi, xem ở phần thơ Thương tụng 京 kinh, cái gò cao, 桑 tang, tên cây dâu, lá dùng để nuôi tằm 觀 quan, xem, để xét việc thích nghi của cuộc đất 尤 doān, tin 暾 tang, thiện lành.

Chương này nói lúc khởi thuỷ, khi trông ngó ra xe, do bóng mặt trời, đi quan sát cuộc đất và bói mai rùa để biết lành dữ, cho đến lúc chung cuộc quả nhiên được nơi tốt lành.

### CHƯƠNG III

靈雨既零

15. Linh vū ký linh,

命彼信人

16. Mệnh bỉ quan nhân,

星言夙駕

17. Tinh ngôn túc giá.

說于桑田

18. Thuế vu tang điền.

匪直也人

19. Phỉ trực dā nhân,

秉心塞淵

20. Bỉnh tâm tắc uyên.

睠牝三千

21. Lai tân tam thiên.

#### *Dịch nghĩa*

15. Mưa lành đã rơi xuống.

16. Liền sai quan coi việc đánh xe.

17. Thấy còn sao, dạy đánh xe đi sớm.

18. Đến dừng nghỉ ở trong ruộng dâu.

19. Nhưng chẳng phải người ấy chỉ thật có thể,

20. Người ấy còn giữ được tâm tính thành thật  
thâm trầm nữa (cho nên không có làm việc gì mà  
chẳng thành công).

21. (Cho nên người đã làm cho việc nước Vệ chóng giàu  
thịnh), ngựa cái cao bảy thước được đong đếm đến số ba ngàn  
con.

#### *Dịch thơ*

*Giọt mưa lành đã rơi lác đác,*

Sai đánh xe mà cắt việc xong  
Còn sao đi sớm hừng đông,  
Cho dừng xe nghỉ ở vùng ruộng dâu.  
Không chỉ thế thật đâu người ấy  
Đã thâm trầm giữ lấy đức tin.  
Ngựa cao bảy thước ba nghìn.

### Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú, 靈 linh, tốt, lành, 零 linh, rơi rớt, 信人 quan nhân, quan coi việc đánh xe, 星 tinh, sao, thấy còn sao, 說 thuế dừng ở lại, 秉 bỉnh, nắm giữ, 塞 tắc, đầy lấp, thành thật, 淳 uyên, sâu, 睞 lai, gọi con ngựa cao bảy thước trở lên.

Nói rằng vừa lúc mùa xuân, mưa đã rơi xuống thì mùa làm ruộng trồng dâu được khởi công.

Văn công lúc ấy mới sai quan coi xe sáng sớm đánh xe, đi gấp đến nơi để uỷ lạo khuyến khích việc nông tang ấy.

Nhưng chẳng phải người ấy chỉ riêng nắm giữ được tâm tính mình mà thôi, người ấy còn thành thật và thâm trầm nữa. Vì rằng ngựa của người nuôi, thứ ngựa cao bảy thước cũng đã đến số ba nghìn con. Ấy là người đã giữ được tâm tính thành thật và thâm trầm, thì không có làm việc gì mà không thành công được. Cho nên người đã đến cảnh giàu thịnh là đáng vậy.

Sách Ký nói rằng: Hỏi sự giàu có của ông vua một nước, thì lấy số ngựa nhiều hay ít mà đáp lời.

Nay nói ngựa cái cao bảy thước đã nhiều như thế thì việc sinh sản phồn thịnh có thể nhận thấy được, mà việc giàu có của nước Vệ có thể biết được.

Chương này lại ước thúc phần kết cuộc mà nói.

Thiên Đinh chí phương trung có 3 chương, mỗi chương 7 câu.

Theo truyện *Xuân thu*, mùa đông năm thứ 9 của Ý công nước Vệ, rợ Địch vào nước Vệ. Ý công và rợ Địch đánh nhau ở Huỳnh trạch, Ý công thua mà chết.

Tống Hoàn công rước dân nước Vệ còn sống sót đưa qua sông sang miền nam, lập con của Tuyên Khương tên Toan lên làm vua, đế ở tại ấp Tào. Ấy là Đái công. Năm ấy Đái công chết, mới lập người em của Đái công tên là Huỷ, tức Văn công. Lúc ấy Tề Hoàn công hợp chư hầu, đắp thành ở Sở khâu mà dời nước Vệ sang đấy.

Văn công mặc áo vải thô, bịt khăn bằng lụa xáu, lo tích tụ tài vật, dạy việc canh nông, khai thông việc buôn bán, thi ân huệ cho công nghệ, sùng kính tôn giáo và khuyến khích việc học, trao chức quan cho người chính trực, tín nhiệm bực hiền nǎng. Năm đầu, Văn công có 30 chiếc chiến xa, năm cuối được 300 chiếc.

## BÀI THÚ 51

## CHƯƠNG I

蟠 蟠	Đế đồng. (Dung phong 7)
蟠 蟠 在 東	1. Đế đồng tại đông,
莫 之 敢 指	2. Mạc chi cảm chỉ.
女 子 有 行	3. Nữ tử hữu hành,
遠 父 母 兄 弟	4. Viễn phụ mẫu huynh đệ.

### *Dịch nghĩa*

1. Cái móng hiện lên ở phương đông.
  2. Chẳng ai dám chỉ trỏ vào cái móng ấy.

3. Người con gái đã có tục gả đi theo chồng,

4. Phải xa cả cha mẹ anh em (thì còn lo gì chẳng được lấy chồng mà phải đi càn theo người ta làm nên việc dâm bôn xấu xa để không ai dám nói đến, cũng như cái mống là dâm khí của trời đất chẳng ai dám chỉ trỏ vào).

### *Dịch thơ*

*Ở phương đông mống đà hiện rõ,*

*Chẳng ai còn dám trỏ làm chi.*

*Phận làm con gái gả đi.*

*Anh em cha mẹ biệt ly phải đành*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý 蟠螭 đế đồng, mống, cầu vồng. Mặt trời và mưa giao tiếp nhau, hốt nhiên thành ra mống, dường như có loại huyết khí, lại là khí âm dương không đáng giao hợp mà lại giao hợp với nhau, nghi là khí dâm loạn của trời đất.

Tại phương đông là mống buổi chiều, mống tùy theo ánh sáng mặt trời chiều, cho nên buổi sớm thì ở phương tây, buổi chiều thì ở phương đông.

Đây là bài thơ châm biếm thói dâm bôn. Nói rằng mống ở phương đông mà người ta không dám chỉ trỏ vào, để so sánh với việc xấu xa dâm bôn mà người ta không thể nói ra được. Huống chi người con gái sẽ đi theo chồng lại phải xa cả cha mẹ anh em, thì há lại có thể chẳng đoái nghĩ đến việc đó mà đi càn theo người ta hay sao?

## CHƯƠNG II

朝 隅 于 西

5. Triệu tê vu tây,

崇朝其雨  
女子有行  
遠兄弟父母

6. Sùng triêu kỳ vū.  
7. Nữ tử hữu hành,  
8. Viễn huynh đệ phụ mō (mẫu)

### *Dịch nghĩa*

5. Buổi sớm mai cái mồng mọc ở phương tây,
6. Thì đến trưa ắt mưa tạnh.
7. Người con gái gả về nhà chồng.
8. Phải xa cả anh em cha mẹ.

### *Dịch thơ*

*Ở phương tây sáng thì mồng lộ.  
Trận mưa này đến ngọ tạnh rồi.  
Phận con gái gả theo người,  
Anh em cha mẹ đồng thời lìa xa.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý 隅 tê, thăng lên. Theo Chu lê mặt trời có 10 khí sáng, khí sáng thứ 9 gọi tê, chú thích là cái mồng, vì rằng cái mồng hốt nhiên mà thấy như từ dưới thăng lên cao, 崇 sùng trọn dứt, từ sáng sớm đến buổi cơm trưa gọi là trọn buổi mai.

Nói rằng đương mưa mà thấy mồng hiện lên thì trận mưa ấy chỉ hết buổi mai là tạnh. Vì rằng cái khí dâm tà có hại cho sự điều hoà của âm dương. Tục bây giờ nói mồng có thể làm đứt trận mưa, tin thật là thế.

### CHƯƠNG III

乃如之人也  
懷昏姻也  
大無信也  
不知命也

9. Nāi như chi nhān dā
10. Hoài hôn nhān dā.
11. Đại vô tín dā.
12. Bất tri mệnh dā.

#### *Dịch nghĩa*

9. Lại như con người ấy,
10. Cứ lo nghĩ đến ái ân tình dục,
11. Thì thật là việc mất đức tin to tát (đức trinh),
12. Không hiểu biết lẽ trời chính đáng vậy.

#### *Dịch thơ*

*Lại như kẻ dâm bôn thế ấy.  
Cứ nhớ mong ân ái dục tình,  
Đã làm mất trọn đức tin,  
Lẽ trời chính đáng nào rành hiểu đâu.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú *乃 nāi như chi nhān*, như con người ấy, chỉ kẻ dâm bôn mà nói *昏姻 hōn nhān*, nói tình dục giữa trai và gái. Trinh tử nói rằng: Người con gái lấy việc không tự mình thất trinh tiết làm đức tin 命 mệnh (đọc *mịnh*), chính lý, lẽ chính đáng.

Nói rằng người dâm bôn ấy chỉ biết nhớ tưởng đến việc tình dục giữa trai gái, ấy là chẳng thể giữ lấy mình được trinh tiết mà không biết đến lẽ chính đáng của trời.

Trình tử nói rằng: Con người tuy là không thể không tình dục, nhưng phải kềm chế tình dục ấy. Nếu không kềm chế để cho tình dục được phóng túng thì đạo làm người phải phế bỏ và con người phải nhập vào hàng cầm thú. Lấy đạo đức mà kềm chế tình dục, thì có thể thuận theo lẽ chính đáng.

*Thiên Đế đống có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THÚ 52.

### CHƯƠNG I

相 鼠	Tướng thủ (Dung phong 8)
相 鼠 有 皮	1. Tướng thủ hữu bì,
人 而 無 儀	2. Nhân nhi vô nghi?
人 而 無 儀	3. Nhân nhi vô nghi,
不 死 何 爲	4. Bất tử hà vi?

#### *Dịch nghĩa*

1. Xem con chuột, con vật đê tiện còn có da.
2. Thì con người lại không có lẽ nghi hay sao?
3. Con người mà không có lẽ nghi,
4. Mà chẳng chết đi là tại làm sao?

#### *Dịch thơ*

*Xem con chuột có da kia đó,  
Thì người sao chẳng có lẽ nghi  
Người mà chẳng có lẽ nghi.  
Tại sao mà chẳng chết đi cho rồi?*

Trình tử nói rằng: Con người tuy là không thể không tình dục, nhưng phải kềm chế tình dục ấy. Nếu không kềm chế để cho tình dục được phóng túng thì đạo làm người phải phế bỏ và con người phải nhập vào hàng cầm thú. Lấy đạo đức mà kềm chế tình dục, thì có thể thuận theo lẽ chính đáng.

*Thiên Đế đồng có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THỨ 52.

### CHƯƠNG I

相 鼠	Tướng thủ (Dung phong 8)
相 鼠 有 皮	1. Tướng thủ hữu bì,
人 而 無 儀	2. Nhân nhi vô nghi?
人 而 無 儀	3. Nhân nhi vô nghi,
不 死 何 爲	4. Bất tử hà vi?

#### *Dịch nghĩa*

1. Xem con chuột, con vật đê tiện còn có da.
2. Thì con người lại không có lễ nghi hay sao?
3. Con người mà không có lễ nghi,
4. Mà chẳng chết đi là tại làm sao?

#### *Dịch thơ*

*Xem con chuột có da kia đó,  
Thì người sao chẳng có lễ nghi  
Người mà chẳng có lễ nghi.  
Tại sao mà chẳng chết đi cho rồi?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc húng 相 *tương*, xem 鼠 thủ, con chuột, loài thú hèn hạ đáng ghét.

Nói rằng: Xem con chuột kia mà còn có da, thì có thể chẳng con người lại không có lẽ nghi? Người mà không có lẽ nghi thì không chết đi là tại làm sao vậy thay?

## CHƯƠNG II

相 鼠 有 齒

5. *Tướng thủ hữu xỉ,*

人 而 無 齒

6. *Nhân nhi vô chỉ?*

人 而 無 齒

7. *Nhân nhi vô chỉ,*

不 死 何 俟

8. *Bất tử hà sĩ*

### *Dịch nghĩa*

5. Xem con chuột, con vật đê tiện còn có răng
6. Thì con người lại không có uy nghi hay sao?
7. Con người mà không có uy nghi,
8. Thì không chết đi, còn đợi gì nữa?

### *Dịch thơ*

*Xem con chuột có răng thế ấy!*

*Chẳng nghi dung người vậy được không?*

*Người mà chẳng có nghi dung,*

*Đợi chờ gì nữa mà không chết liền?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc húng 齒 *chi*, dung chỉ, uy nghi, nghi dung và cử chỉ

### CHƯƠNG III

相 鼠 有 體

9. Tướng thủ hữu thể.

人 而 無 禮

10. Nhân nhi vô lễ?

人 而 無 禮

11. Nhân nhi vô lễ,

胡 不 過 死

12. Hồ bất thuyên tử?

#### *Dịch nghĩa*

9. Xem con chuột, con vật đê tiện còn có thân thể.

10. Thì con người lại không có nghi lễ hay sao?

11. Con người mà không nghi lễ,

12. Sao lại không chết gấp đi?

#### *Dịch thơ*

*Xem con chuột có nguyên thân thể.*

*Thì người không nghi lễ được sao?*

*Người không nghi lễ chút nào*

*Tại sao lại chẳng chết mau cho rồi?*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc húng 體 thể, chi thể, thân thể 過 thuyên mau gấp.

*Thiên Tướng thủ có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

### BÀI THÚ 53

### CHƯƠNG I

干 旄

Can mao. (Dung phong 9)

- |         |                       |
|---------|-----------------------|
| 子 子 干 旄 | 1. Kiết kiết can mao, |
| 在 浚 之 郊 | 2. Tại Tuân chigiao.  |
| 素 絲 紩 之 | 3. Tố ty ty chi.      |
| 良 馬 四 之 | 4. Lương mā tứ chi.   |
| 彼 姝 者 子 | 5. Bỉ xu giả tử,      |
| 何 以 界 之 | 6. Hà dī tí chí?      |

### *Dịch nghĩa*

1. Cờ can mao (cắm sau xe quan đại phu) cao chót vót,
2. Đi đến ở cõi giao ngoài ấp Tuấn.
3. Có dây tua bằng tờ trắng cột theo cờ.
4. Ngựa tốt có 4 con (kéo xe quan đại phu)
5. Người hiền đẹp đẽ kia (được quan đại phu đến viếng)
6. Lấy gì tặng cho quan đại phu (để đáp lại nghi lễ đầy ân cần ấy)?

### *Dịch thơ*

*Cờ can mao phát phơ cao ngất.*

*Ở cõi giao ngoài đất Tuấn này.*

*Cột tua tờ trắng lướt bay.*

*Bốn con ngựa tốt đưa ngài đến nơi.*

*Bực hiền sĩ dáng người đẹp đẽ*

*Biết tặng gì đáp lễ ân cần?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 子子 kiết kiết, dáng cao trội lên, 干旄 *can mao*, một thứ cờ ở đầu gù có gắn đuôi con mao ngưu (một loại bò có lông dài) để cắm ở sau xe. 浚 *Tuấn*, tên

một ấp ở nước Vệ, 郊 giao phân ở phía ngoài ấp, 紲 ty, dệt thành sợi dây, lấy tơ trắng dệt thành sợi dây tua mà cột vào, 四之 từ chi, bốn con ngựa, hai con thăng ở trong và hai con thăng ở ngoài, tất cả bốn con ngựa cùng kéo xe, 妒 xu, đẹp, 子 tử, người, chỉ người mà quan đại phu đến viếng, 界 ty, cho.

Nói quan đại phu nước Vệ đi chiếc xe ngựa ấy đến, có cẩm cờ tinh mao ấy để viếng người hiền. Còn người hiền được viếng thăm ấy sẽ lấy gì mà tặng cho quan đại phu để đáp lại nghi lễ đầy ý ân cần ấy.

## CHƯƠNG II

子 子 干 旗

7. Kiết kiết can dư,

在 浚 之 都

8. Tại Tuấn chi đô.

素 之 組 之

9. Tố ty tổ chi.

良 馬 五 之

10. Lương mã ngũ chi,

彼 嫒 者 子

11. Bỉ xu giả tử,

何 以 予 之

12. Hà dī dử chi?

### *Dịch nghĩa*

7. Cờ can dư có vẽ hình con chim con ó thấy cao chót vót.
8. (Đi đến) ở dưới ấp Tuấn.
9. Có dây tua bằng tơ trắng cột theo cờ.
10. Ngựa tốt năm con (kéo xe quan đại phu đến).
11. Người hiền đẹp đẽ kia (được quan đại phu đến viếng)
12. Lấy gì tặng cho quan đại phu (để đáp lại nghi lễ đầy ý ân cần ấy)?

### *Dịch thơ*

*Cò can dư ngắt cao phất phới.  
Dưới Tuần thì đã tới kia rồi.  
Cột tua tờ trăng chói ngời.  
Năm con ngựa tốt đưa ngài đại quan.  
Bực hiền sĩ dung nhan đẹp đẽ.  
Biết tặng gì đáp lẽ ân cần?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú, 旗 *du*, thứ cò có vẽ hình con chim con ó để dựng ở trong chòi trong làng, ở trên có kết lông chim hay lông đuôi bò, ở dưới là kết rìa đuôi cò, dưới rìa cò là thuộc lá cò đều có vẽ hình con chim con ó dô, ở dưới áp 五之 *ngũ chi*, năm con ngựa, nói ngựa đông nhiều.

### CHƯƠNG III

子子干旌	13. Kiết kiết can tinh.
在浚之城	14. Tại Tuần chi thành.
素絲祝之	15. Tố ty chúc chi,
良馬六之	16. Lương mā lục chi.
彼姝者子	17. Bỉ xu giả tử,
何以告之	18. Hà dī cốc chi?

### *Dịch nghĩa*

13. Cò can tinh có kết lông chim trĩ thấy cao chót vót,  
14. (Đi đến) ở trong thành áp Tuần.

15. Có dây tua băng tơ trắng cột vào.
16. Ngựa tốt sáu con (kéo xe quan đại phu đến).
17. Người hiền đẹp đẽ kia
18. Lấy gì dạy bảo quan đại phu (để đáp lại nghi lễ đầy ý ân cần ấy)?

### *Dịch thơ*

*Cờ can tinh ngắt cao tha thướt.  
Thành Tuấn kia đã lướt vào rồi.  
Cột tua tơ trắng chói ngời.  
Sáu con ngựa tốt đưa ngài đại quan.  
Bực hiền sĩ dung nhan đẹp đẽ.  
Biết bảo gì đáp lễ ân cần?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. Chè lông chim trĩ làm cờ tinh, 干旌 *can tinh*, thứ cờ mà chè lông chim trĩ gắn ở đầu cán cờ, 城 thành đô thành, 祝 chúc, cột liền vào, 六之 lục chi, sáu con ngựa, nói ngựa rất đông nhiều.

### *Thiên Can mao có 3 chương, mỗi chương 6 câu*

Ba bài thơ trên đều được lời tiểu tự nhận là thơ của thời Văn công, vì có thấy liệt vào giữa thiên Đinh chi phương trung và thiên Tái trì, ngoài ra không có khảo sát nào khác nữa.

Nhưng nước Vệ vốn dâm loạn vô lễ, không ưa đạo làm điều lành mà mất nước. Nay sau khi bị tàn phá tiêu diệt, lòng người lo sợ, chính là lúc có sự răn trừng việc đã qua hưng khởi mồi thiện, cho nên mới làm bài thơ như thế. Ấy là nói: Sống trong lo sợ mà chết trong an vui. Thế thì những lời trong bài tiểu tự, ngờ rằng cũng có căn bản ở đây vậy.

## BÀI THỨ 54

### CHƯƠNG I

載 馳	Tái trì. (Dung phong 10)
載 馳 載 驅	1. Tái trì tái khu,
歸 喧 衛 侯	2. Quy ngạn Vệ hầu,
驅 馬 悠 悠	3. Khu mā du du,
言 至 於 潛	4. Ngôn chí ư Tào.
大 夫 跋 涉	5. Đại phu bạt thiệp,
我 心 則 憂	6. Ngã tâm tắc ưu.

### *Dịch nghĩa*

1. Thì đánh xe chạy nhanh,
2. Trở về viếng thăm Vệ hầu về việc mất nước.
3. Đánh ngựa để đi xa.
4. Nói rằng đến ấp Tào.
5. Thì có quan đại phu (nước Hứa) lướt bụi lội sông (chạy gấp đến để báo cho biết cái lẽ chẳng nên trở về nước Vệ).
6. Cho nên lòng ta phải lo âu.

### *Dịch thơ*

*Xe đánh gấp cho ta dòng ruồi,  
Để trở về thăm hỏi Vệ hầu.  
Đi xa đánh ngựa chạy mau.  
Nói rằng đi đến ấp Tào có hương.  
Quan đại phu vội vàng chạy tới.*

*Khiến lòng ta nặng nỗi ưu sầu.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 載 tái, thì, tiếng trợ từ ở đầu câu, 善 ngạn, đến viếng thăm việc mất nước, 悠悠 du du, dáng xa xăm mà chưa đi đến được, 跋 bat, đi băng trong cỏ, 涉 thiệp, lội đi qua trong nước.

Con gái của bà Tuyên Khương làm phu nhân, vợ Mục công nước Hứa, đau xót vì nước Vệ đã mất muôn dong ruỗi trở về để thăm Vệ hầu ở áp Tào về việc nước mất. Đang đi mà chưa đến thì quan đại phu nước Hứa lướt bụi vượt ngòi chạy gấp đến, Phu nhân biết là sẽ đem cái lẽ chẳng nên trở về mà đến bảo cho biết. Thế rồi phu nhân rốt cuộc quả thật không có trở về, mới làm bài thơ này để tự nói cái ý của mình ra.

**CHƯƠNG II**

既不我嘉

7. Ký bát ngā gia,

不能旋反

8. Bát nǎng tuyễn phản.

視爾不減

9. Thị nhī bát tang

我思不遠

10. Ngā tư bát viễn.

既不我嘉

11. Ký bát ngā gia,

不能旋濟

12. Bát nǎng tuyễn tê.

視爾不減

13. Thị nhī bát tang,

我心不閼

14. Ngā tâm bát bi.

### *Dịch nghĩa*

7. Đã không cho việc ta trở về là phải là lành.
8. Thì ta không thể nào quay lại.
9. Xem ngươi chẳng cho ta là phải.
10. Những điều ta lo nghĩ vẫn không quên.
11. Đã không cho việc ta trở về là phải là lành,
12. Thì ta không thể nào quay lại sang sông (để đến nước Vệ).
13. Xem ngươi chẳng cho ta là phải,
14. Thì lòng nhớ tưởng của ta không thể nào dứt được.

### *Dịch thơ*

*Chẳng cho ta là nên, là phải.*

*Ta cũng không quay lại nữa đây.*

*Trông ngươi chẳng nhận là hay.*

*Nỗi niềm lo nghĩ lòng này chẳng quên*

*Chẳng cho ta là nên là phải.*

*Ta cũng không quay lại sang sông.*

*Thấy ngươi bảo chẳng đẹp lòng.*

*Khiến ta lo nghĩ não nùng chẳng thôi.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 嘉 gia, 殡 tang đều nghĩa là tốt, 遠 viễn, quên 缘 tế, đi đò qua sang. Từ nước Hứa trở về nước Vệ át có con sông phải đi đò mà qua 閣 bí, đóng lại, dừng lại, nói lòng lo nghĩ của mình không dứt, không dừng.

Nói quan đại phu đã đến, mà quả thật không cho việc trở về thăm nước Vệ của ta là tốt là nên, thì ta cũng không thể quay lại để qua đò sang sông trở về nước Vệ được. Tuy xem ngươi (chỉ quan đại phu) không cho ta là phải, nhưng điều mà ta lo nghĩ rất cuộc không thể nào dứt được.

### CHƯƠNG III

- |      |                          |
|------|--------------------------|
| 陟彼阿丘 | 15. Trắc bỉ a khâu,      |
| 言采其虻 | 16. Ngôn thái kỳ manh.   |
| 女子善懷 | 17. Nữ tử thiện hoài,    |
| 赤各有行 | 18. Diệc các hữu hành.   |
| 許人尤之 | 19. Hứa nhân vưu chi,    |
| 眾稚且狂 | 20. Chúng trī thả cuồng. |

#### *Dịch nghĩa*

15. Lên trên gò cao nghiêng kia,
16. Nói là hái rau manh.
17. Đàm bà con gái giỏi hoài cảm.
18. Áy cũng là mỗi người có một lẽ riêng.
19. Người nước Hứa cho đó là lỗi lầm,
20. Thì chỉ là bọn trẻ con và rõ dại nữa.

#### *Dịch thơ*

*Gò cao nghiêng ta lên trên áy.  
Nói rau manh tìm hái đó thôi.  
Đàm bà thì khéo cảm hoài.  
Lẽ riêng đều có mỗi người chúng ta.  
Người nước Hứa cho là lỗi lầm.  
Thì trẻ con quá dỗi dại rõ.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 阿丘 a khâu, có gò cao nghiêng một bên 蝂 manh (đọc mang cho hợp vận) rau bối mầu

chuyên trị bịnh uất kết (bịnh lo buồn chát chúa bứt rứt) 善懷  
thiện hoài, (hay lo nghĩ) nhiều sầu lo, như sách *Hán thư* nói  
*ngan thiện bǎng 行 hàng*, đường lối, 憂 ưu, lối lầm.

Lại nói vì không trở về nước Vệ được mà lòng lo âu rốt cuộc cũng không thôi dứt, cho nên trong khi đi đường hoặc lên trên gò cao để thư thả nỗi lòng ưu sầu, hoặc hái rau manh để trị chứng lo buồn uất kết. Vì rằng con gái hay đa sầu đa cảm, mỗi người đều có một lẽ riêng. Thế mà dân chúng nước Hứa lại cho đó là việc lối lầm, đó cũng là bọn người trẻ con không từng trải việc đời và rồ dại nữa.

Người nước Hứa giữ lẽ, chẳng phải trẻ con và rồ dại, nhưng vì đã không hiểu biết nỗi lòng tha thiết của nàng, cho nên nàng mới nói như thế ấy. Nhưng rồi rốt cuộc nàng cũng không dám trái lẽ (mà trở về nước Vệ). Thì người nước Hứa thật ra há lại là trẻ con và rồ dại hay sao?

## CHƯƠNG IV

我行其野	21. Ngā hành kỵ dã.
芃芃其麥	22. Bồng bồng kỵ mạch.
控于大邦	23. Không vu đại bang,
誰因誰極	24. Thuỳ nhân thuỳ cực.
大夫君子	25. Đại phu quân tử,
無我有尤	26. Vô ngā hữu ưu.
百爾所思	27. Bách nñī sở tư,
不如我所之	28. Bất như ngā sở chi.

### *Dịch nghĩa*

21. Ta đi ngang qua đồng nội.
22. Lúa mạch mọc dài và nhiều rậm.

23. Ta muốn báo cáo với nước to,
24. Nhưng chưa biết sẽ dựa vào ai và sẽ đến với ai.
25. Quan đại phu và dân chúng nước Hứa,
26. Chớ cho ta là có lỗi.
27. Hằng trăm phương kế của các ngươi lo nghĩ xử trí.
28. Cũng không bằng để ta đi về (mà tận tâm lo cứu nước Vệ).

### *Dịch thơ*

*Đồng nội kia vừa đi qua đây,  
Lúa mạch nhiều đã thấy rậm dài  
Nước to muốn đến báo ngay.  
Cậy nhờ và đến cùng ai đây mà?  
Quan đại phu cùng là dân chúng.  
Chớ cho ta tình vụng lỗi lầm.  
Người suy phương kế hằng trăm.  
Chẳng bằng ta được tận tâm đi về.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 芦苑 bồng bồng, dáng lúa mạch lên dài và nhiều 控 không, đem việc ấy mà cáo báo 因 nhân, dựa cậy vào, như chū nhân của Nguy Trang tử 極 cực, đến,大夫 đại phu, tức là vị quan đại phu lướt bụi lội ngòi mà chạy đến,君子 quan tử, nói dân chúng của nước Hứa.

Lại nói đường trở về ngang đồng nội, phải vượt qua ruộng lúa mạch mọc dài và nhiều rậm. Lại tự nghĩ thương xót cho nước Hứa nhỏ bé mà sức không thể cứu được nước Vệ, cho nên suy tính muốn đi cáo báo ở nước to, và lại chưa biết sẽ nhờ cậy vào đâu và sẽ đến nơi đâu. Đại phu và dân chúng nước Hứa chớ cho ta là có lỗi, tuy các ngươi có xử trí việc này với hằng trăm phương kế, cũng không bằng để cho ta được hết lòng lo cứu nước Vệ là hơn.

*Thiên Tái tri có 4 chương, 2 chương 6 câu, 2 chương 8 câu*

Việc này thấy ở trong truyện *Xuân thu*. Theo thuyết xưa thiên này có 5 chương, chương I có 6 câu, chương II và III có 4 câu, chương IV có 6 câu, chương V có 8 câu. Tô thị hợp chương II và III làm một.

Theo truyện *Xuân thu*, Thúc Tôn Báo nhận chương IV của thiên *Tái tri* thuộc phú, vì lấy ý ở hai câu: *Khổng vu đại bang, Thuỷ nhân thuỷ cực*. Thuyết này cũng hợp với thuyết của Tô thị. Nay cũng theo đây.

Phạm thị nói rằng: Tiên vương chế ra lễ, cha mẹ có mất cũng không được trở về thăm viếng. Đó là nghĩa. Tuy nước tan vua mất cũng không được đi đến, vì có là nghĩa nặng hơn việc tan mất ấy.

*Thơ nước Dung có 10 thiên, 29 chương, 176 câu.*

## 5. VỆ PHONG.

### BÀI THÚ 55

#### CHƯƠNG I

其 奥

Kỳ úc. (Vệ phong 1)

瞻 彼 淇 奥

1. Chim bỉ Kỳ úc,

綠 竹 猶 猶

2. Lục trúc y y

有 匪 君 子

3. Hữu phi quân tử.

如 切 如 磔

4. Như thiết như tha.

如 琢 如 磨

5. Như trác như ma.

瑟兮僩兮	6. Sắt hế! Hạn hế!
赫兮咺兮	7. Hách hế! Hoán hế!
有匪君子	8. Hữu phỉ quân tử,
終不可譖兮	9. Chung bất khả huyễn (huyễn)hế!

### *Dịch nghĩa*

1. Trông kia trên khúc quanh của sông Kỳ
2. Tre xanh mới mọc mềm mại rướm rà.
3. Nước Vệ hôm nay có người quân tử văn nhã (chỉ Vũ công)
4. Như đã cắt và dưa học tập đạo lý (kẻ làm đồ bằng xương bằng sừng sau khi tiện cắt ra món đồ đã phải dưa trau thêm cho trơn láng)
5. Như đã giồi mài lo việc tu thân (kẻ làm đồ ngọc đồ đá, sau khi đã đục thành hình đã phải giồi mài cho bóng sáng).
6. Người ấy rất trang trọng, rất uy nghiêm.
7. Người ấy rất vinh diệu, rất rạng rỡ.
8. (Nước Vệ hôm nay) có người quân tử văn nhã,
9. Thị dân chúng rốt cùng không thể quên người được.

### *Dịch thơ*

*Trông kia trên khuỷu sông Kỳ,  
 Bờ tre mới mọc xanh rì thướt tha.  
 Có người quân tử tài ba,  
 Như lo cắt dưa để mà lập thân.  
 Giỏi mài dốc chí siêng cẩn.  
 Xem người thân trọng thêm phần nghiêm trang.  
 Hiển vinh danh tiếng rõ ràng.  
 Có vua văn nhã hiên ngang dây rồi.*

*Rót cùng dân chẳng quên người.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương thuộc hưng 淇 Kỳ, tên con sông Kỳ, 奥 úc, khúc sông cong 緑 lục, màu xanh xanh vàng vàng. Trên bờ sông Kỳ nhiều cây tre, đến đời nhà Hán cũng vẫn như thế, cho nên gọi tre vườn sông Kỳ là đáy, 猶猶 y y (đọc a a cho hợp vận), mới mọc mềm mại rướm rà, 匪 phi, đồng nghĩa với 斐 phi, dáng vân nhã thấy lộ rõ ra ngoài. 君子 quân tử, chi Vệ vū công. Người làm đồ bằng xương bằng sừng, khi đã chặt ra bằng dao bằng búa, thì lại mài dũa bằng dũa bằng bào. Người làm đồ ngọc và đá, khi đã đẽo cắt bằng giùi bằng đục, thì lại mài trau bằng cát bằng đá. Ở đây nói đức hạnh của Vệ Vū công đã trau giồi đẹp đẽ, cứ tiến mãi không thôi, 瑟 sắt, dáng trang trọng, 儻 hạn, dáng uy nghiêm, 暱 hoán, dáng rực rỡ, 謾 huyên (đọc huyền cho hợp vận), quên.

Người nước Vệ khen tặng đức hạnh của Vệ Vū công, lấy cây tre mới mọc xanh um để khởi hứng sự tiến ích về học vấn và tu thân.

Truyện Đại học nói rằng: 如切如磋 như thiết như tha là nói việc học đạo lý, 如琢如磨 như trác như ma là nói việc tu thân, 瑟兮儻兮 sắt hê hạn hê là nói dung mạo nghiêm chỉnh, 赫兮咺兮 hách hê hoàn hê là nói uy nghi, 有匪君子, 終不可謾兮 hữu phi quân tử, chung bất khả huyên hê là nói đạo đã thịnh, đức đã trọn lành, cho nên dân chúng rót cùng không thể quên được.

## CHƯƠNG II

瞻彼淇奥

綠竹青青

10. Chiêm bì Kỳ úc,

11. Lục trúc thanh thanh.

- |       |                                     |
|-------|-------------------------------------|
| 有匪君子  | 12. Hữu phi quân tử,                |
| 充耳琇瑩  | 13. Sung nhĩ tú doanh.              |
| 會弁如星  | 14. Cối biền như tinh               |
| 瑟兮僕兮  | 15. Sắt hể! Hạn hể!                 |
| 赫兮咺兮  | 16. Hách hể! Hoán hể!               |
| 有匪君子  | 17. Hữu phi quân tử,                |
| 終不可譏兮 | 18. Chung bất khả huyễn (huyễn) hể! |

### *Dịch nghĩa*

- Trông kìa trên khúc quanh của sông Kỳ.
- Hàng tre rắn chắc và rướm rà.
- (Nước Vệ nay) có người quân tử văn nhã (chỉ Vũ công).
- Người che tai bằng thứ đá tú doanh.
- Người đội chiếc mǎo da có gán ngọc lấp lánh chiếu sáng như ngôi sao.
- Người ấy rất trang trọng, rất uy nghiêm.
- Người ấy rất vinh diệu, rất rạng rỡ.
- (Nước Vệ nay) có người quân tử văn nhã,
- Thì dân chúng rốt cùng không thể quên người được.

### *Dịch thơ*

*Khuỷu sông Kỳ hãy nhìn qua  
Bờ tre rậm rạp là đà bền dai.  
Có vua văn nhã anh tài,  
Tú doanh đá quý che tai đeo vào.  
Mù da ngọc sáng như sao.*

Xem người thận trọng lại giàu nghiêm trang.  
 Hiển vinh danh tiếng rõ ràng.  
 Có vua văn nhã hiên ngang đây rồi.  
 Rốt cùng dân chẳng quên người.

### Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng 青青 *tinh tinh*, dáng bền vững  
 chắc chắn rồm rà, 充耳 *sung nhĩ*, che vào tai, 秀莹 *tú doanh*,  
 thú đá đẹp. Thiên tử thì che tai bằng ngọc, chư hầu thì bằng  
 đá, 會 *cội*, may, 幷 *biền*, cái mao bằng da. Lấy ngọc kết vào  
 kẽ may để trang sức, trông lấp lánh sáng chiếu như ngôi sao.

Lấy cây tre rắn chắc rồm rà để khởi hưng việc trang  
 sức tôn nghiêm của Vệ Vũ công mà đức hạnh cũng cân xứng.

### CHƯƠNG III

瞻彼淇奥

19. Chiêm bỉ Kỳ úc,

綠竹如翦

20. Lục trúc như trách

有匪君子

21. Hữu phỉ quân tử,

如金如錫

22. Như kim như tích.

如圭如璧

23. Như khuê như bích.

寬兮綽兮

24. Khoan hế! Xước hế!

猗重較兮

25. Y trùng giác hế!

善戲謔兮

26. Thiện hý hước hế!

不爲虐兮

27. Bất vi ngược hế!

### *Dịch nghĩa*

19. Trông kìa trên khúc quanh của sông Kỳ.
20. Tre xanh lớp lớp mọc chồng chất rườm rà.
21. (Nước Vệ nay) có người quân tử văn nhã (chỉ Vũ công).
22. (Đã rèn luyện tinh anh về học vấn) như vàng như thiếc
23. (Đã trở nên ôn nhuần về tính chất) như ngọc khuê ngọc bích.
24. Người lại rộng rãi hoà hoãn.
25. Ôi! Người ngồi trên xe của bức quan to.
26. Người lại hay đùa cợt cho vui
27. Chớ người không có ý châm biếm ai.

### *Dịch thơ*

*Khuỷu sông Kỳ hãy nhìn trông*

*Hàng tre lớp lớp chập chồng lên cao.*

*Có vua văn nhã anh hào.*

*Như vàng như thiếc luyện trau tinh thuần.*

*Như khuê như bích ôn nhuần.*

*Xem người hoà hoãn thêm phần khoan thai.*

*Ôi! trên xe lâm lâm ngồi.*

*Tinh hay đùa cợt nói cười tự nhiên,*

*Không hề châm biếm gây phiền.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 舞 trách (đọc trích cho hợp vận) chồng chất chung lại. Tre chen rậm giống như thế, thì đã chất chứa, rất nhiều, 金 kim, 錫 tích, vàng và thiếc, nói đã luyện rất tinh anh. 玉 khuê, 璧 bích ngọc khuê (trên tròn

dưới vuông) và ngọc bích (hình tròn giữa có lỗ tròn), nói tính chất ôn hoà đầm thấm, 宽 *khoan* rộng rãi (nói về khí lượng) 绰 *xuôi*, rộng rãi hoan (nói về tính chất) 猶 *y* tiếng than khen, 重較 *trùng giác*, xe của bực khanh sĩ, 較 *giác*, miếng gỗ ngang đóng ló ra ở trên hai thành xe ở hai bên nôi hai bên thành xe (để ngồi mà dựa vào) 善戲謔兮 *thiện hý hước bất vi* *ngược*, nói người vui tính dễ dàng nhưng có tiết độ.

Lấy tre rất nhiều rườm rà để khởi hứng nói đức hạnh của Vệ Vũ công đã thành tựu. Rồi lại nói người rộng rãi tự nhiên như thế, hoà nhã dễ dàng hợp tiết độ. Vì rằng rộng rãi là ý mình không kiểm thúc, cợt đùa là lúc mình không trang trọng, đều là việc thường tình hay sơ sót dễ đưa đến mức quá sai. Nhưng Vệ Vũ công vẫn còn có chỗ khả quan, lẽ tất nhiên vẫn có tiết độ. Coi đó thì trong lúc ăn nói đi đứng không có điều gì trái lẽ cũng có thể thấy được vậy.

Sách *Lễ ký* nói rằng: Giương lên mãi mà không xếp lại. Văn vương Vũ vương cũng không thể làm được. Xếp lại mãi mà không gương lên, Văn vương Vũ vương không làm. Có gương lên, có xếp lại, ấy là đạo của Văn vương Vũ vương. Đây là nói về việc đó (đức hạnh của Vũ công).

*Thiên Kỳ úc có 3 chương, mỗi chương 9 câu.*

Theo sách *Quốc ngữ*, Vũ công tuổi đã 95 mà còn khuyên răn trong nước rằng: Từ quan khanh trở xuống, đến quan sứ, quan trưởng sĩ, nếu còn ở trong triều, chớ bảo ta là già mà bỏ ta, tất nhiên phải cung kính ở trong triều để khuyên răn ta. Người liền làm thơ Ý giới, để tự giữ gìn. Thiên Tân chí so diên cũng là do Vũ công hối lỗi mà làm ra.

Vũ công đã có văn chương mà lại chịu nghe lời can gián, lấy lẽ để phòng giữ mình, thì chúng ta có thể biết được vậy. Còn những vua khác của nước Vệ có lẽ không đủ để theo kịp Vũ công, cho nên bài tự cho thiên thơ này là lời khen tặng Vũ công mà nay cũng theo đây.

## BÀI THÚ 56

### CHƯƠNG I

考 盤	Khảo bàn (Vệ phong 2)
考 盤 在 潛	1. Khảo bàn tại giản,
碩 人 之 寬	2. Thạc nhân chi khoan
獨 寢 寢 言	3. Độc my ngũ ngôn,
永 矢 弗 謾	4. Vĩnh thi phát huyên.

#### *Dịch nghĩa*

1. Làm thành cái nhà ở ẩn nơi khe, khu giữa hai trái núi,
2. Với ý rộng rãi của người đức hạnh to tát (không hề biết ưu sầu).
3. Ngủ một mình rồi dậy nói lên
4. Thề mãi mãi rằng không quên cái thú ẩn dật này.

#### *Dịch thơ*

*Tựa bên khe làm nhà ẩn dật.*

*Ý bao la của bậc đại hiền.*

*Một mình ngủ dậy nói lên*

*Thề rằng mãi mãi không quên thú này.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 考 khảo, thành, nên, 盤 bàn, ý bàn hoản, nói làm thành cái nhà chỗ ở ẩn. Trần thị nói rằng: 考 khảo, gõ, 盤 bàn, cái chậu, cái mâm, ấy là gõ cái mâm để đánh nhịp khi ca hát, cũng như gõ cái bồn cái hũ để đánh

nhạc. Hai thuyết này chưa biết thuyết nào đúng, 潛 *giản* (đọc *giên* cho hợp vận), khe nước giữa hai trái núi, 碩 *thạc*, to. 寬 *Khoan* (đọc *khuyên* cho hợp vận), rộng 永 *vĩnh*, dài lâu mãi, 矢 *thỉ*, thể 蘞 *huyên*, quên.

Nhà thơ khen tặng người hiền tài ở ẩn trong khoảng suối khe, với ý to tát rộng rãi không hề ưu sầu lo nghĩ, tuy ngủ một mình rồi tỉnh dậy mà nói tự thề rằng không quên cái thú ẩn dật này.

## CHƯƠNG II

考 盤 在 阿	5. Khảo bàn tại a,
碩 人 之 過	6. Thạc nhân chi khoa.
獨 眠 寢 歌	7. Độc my ngủ ca.
永 矢 弗 過	8. Vĩnh thí phát qua.

### *Dịch nghĩa*

5. Làm thành cái nhà ở ẩn nơi cái gò quanh này.
6. Với ý rộng rãi của người đức hạnh to tát (không hề biết ưu sầu).
7. Ngủ một mình rồi thức dậy ca hát lên.
8. Thể mãi mãi không rời khỏi nơi đây.

### *Dịch thơ*

*Trên gò quanh làm nhà ở ẩn,  
Ý bao la của đáng đại hiền.  
Một mình ngủ dậy ca lên.  
Xin thể mãi chẳng vượt miền này đâu.*

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú: 阿 a, cái gò cong, 莎 khoa, (chưa rõ nghĩa) hoặc nói rằng cũng là cái ý rộng rãi toát 永矢不過 vĩnh thi phát qua, tự thế rằng không vượt qua khỏi nơi đây, như ý sẽ chung thân ở mãi nơi đây.

## CHƯƠNG III

考 盤 在 陸

9. Khảo bàn tại lục.

碩 人 之 軸

10. Thạc nhân chi trực.

獨 寐 寢 宿

11. Độc my ngũ túc,

永 矢 弗 告

12. Vĩnh thi phát cốc.

### Dịch nghĩa

9. Làm thành cái nhà ở ẩn nơi bờ cao mà phẳng,

10. Với ý bàn hoàn không rời đi nơi khác của người đúc hạnh toát (không hề biết ưu sầu).

11. Ngủ một mình, rồi tỉnh giấc cứ nằm chơi.

12. Thế mãi mãi rằng chẳng đem cái thú ẩn dật này nói cho ai được biết.

### Dịch thơ

Nhà ở ẩn trên bờ cao phẳng

Ý bàn hoàn của đấng đại hiền

Một mình tỉnh giấc nằm yên.

Thế rằng mãi chẳng nói truyền ai hay.

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 陸 lục, cái bờ cao mà bằng, 軸 trục, ý bàn hoàn không rời đi, 寢宿 ngụ túc, đã tinh giác mà còn nầm, 弗告 phát cốc, không đem cái thú ẩn dật này mà nói cho ai biết.

*Thiên Khảo bàn* có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

### BÀI THỨ 57

#### CHƯƠNG I

碩 人

Thạc nhân. (Vệ phong 3)

碩 人 其 頑

1. Thạc nhân kỳ kỳ.

衣 錦 裳 衣

2. Ý cảm kính y,

齊 侯 之 子

3. Tề hầu chi tử,

衛 侯 之 妻

4. Vệ hầu chi thê.

東 宮 之 妹

5. Đông cung chi muội.

邢 侯 之 婢

6. Hình hầu chi di,

譚 公 維 私

7. Đàm công duy tư.

#### *Dịch nghĩa*

1. Người đẹp đẽ trưởng thành (chỉ Trang Khương)
2. Mặc áo gấm có vân loè loẹt, lại phủ lên lớp áo mỏng ở ngoài cho bớt rực rỡ.
3. Nàng là con gái của vua nước Tề (Tề hầu).
4. Là vợ chính của vua nước Vệ (Vệ hầu),
5. Là em gái của Đông cung thái tử nước Tề.
6. Là dì, chị em vợ của vua nước Hình (Hình hầu),

7. Còn vua nước Đàm (Đàm công) là anh em rể  
của nàng.

### *Dịch thơ*

*Người đẹp nay trưởng thành đầm thấm,*

*Áo mỏng che lớp gấm rực màu.*

*Nàng là ái nữ Tề hầu.*

*Phu nhân nước Vệ, đứng đâu cung nga.*

*Tề đông cung, nàng là em gái,*

*Chị em nàng đã lấy Hình hầu,*

*Đàm công, dì giương với nhau.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 碩人 *thạc nhân*, người đẹp, chỉ nàng Trang Khuông. 纔 累, đáng trưởng thành, 錦 cẩm, áo gấm có vân, 裳 kinh, áo đơn. Mặc áo gấm rồi phủ một lớp áo đơn mỏng ở ngoài vì vân gấm quá loè loẹt (phải phủ thêm lớp áo mỏng cho bớt rực rỡ). 東宮 *đông cung*, cung của thái tử ở (phía đông), tức là Thái tử Đắc Thần nước Tề (Em của đông cung thái tử) nêu lên mối liên hệ với Thái tử mà nói để rõ là cùng một mẹ, nói nàng sinh ra ở nơi tôn quý. 妹 muội, người em gái sinh ra sau mình, 姨 dì, dì, em gái của vợ mình, 私 tự, dượng, chồng của chị em gái của mình, 邢侯 *Hình hầu* (vua nước Hình) 譚公 *Đàm công* (vua nước Đàm) đều là chồng của chị em của nàng Trang Khuông, ấy là nói chung lẫn nhau vậy. Con gái của chư hầu gả cho chư hầu thì bực tôn quý đồng nhau, cho nên nói qua cho rõ.

Việc của nàng Trang Khuông đã thấy ở những thơ như thiên *Lục y* trong phần thơ Bội phong. Truyện *Xuân thu* nói rằng: Nàng Trang Khuông đẹp mà không có con, người nước Vệ mới làm bài *Thạc nhân* để phô tràn việc ấy ra, tức là bài

thơ này, mà chương đầu quá khen tặng sự tôn quý của gia tộc nàng, để thấy rõ nàng là chính đích phu nhân đáng được thân mến trọng hậu, mà than thở sâu xa cho sự mê hoặc tối tăm của Trang công, vua nước Vệ.

## CHƯƠNG II

手如柔荑

8. Thủ như nhu đê.

膚如凝脂

9. Phu như ngưng chi,

領如蝤蛴

10. Lãnh như tù tê,

齒如瓠犀

11. Xỉ như hồ tê,

螻首蛾眉

12. Tân thủ nga my.

巧笑倩兮

13. Xảo tiểu thiến hể!

美目盼兮

14. Mỹ mục phiến phán hể!

### *Dịch nghĩa*

8. Tay của nàng trắng và mềm như ngó tranh mới mọc

9. Da của nàng trắng như mõi đong lại.

10. Cổ của nàng cao mà trắng như hình con mọt gỗ.

11. Răng của nàng trắng, vuông và sắp đều nhau như hột bầu.

12. Trán của nàng vuông mà rộng như trán con tần, và lông mày nhỏ, dài và cong như râu con ngài.

13. Nàng cười rất khéo trông rất đẹp ở bên khoé miệng có duyên.

14. Mắt của nàng đẹp đẽ, trông đen trông trắng phân biệt long lanh

### *Dịch thơ*

*Tay mềm như tranh non lèn lượt*

Tựa mõi đồng trăng mướt làn da,  
 Cõi cao lại trăng nõn nà,  
 Hột bầu tề chỉnh rằng ngà ngà trong,  
 Trán vuông cao, ngài cong nhỏ rức,  
 Miệng có duyên những lúc mỉm cười.  
 Mắt xinh đen trăng sáng ngời

### Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 美 僻, ngó tranh mới mọc lên, ý nói đã mềm lại trăng, 凝脂 ngưng chi, mõi bị lạnh mà đặc lại, cũng là ý nói trăng treo, 領 lanh, cái cổ, 蟬蟟 tù tề, con mõi gỗ trăng mà dài, 飄 爛 hò tê, hột trong trái bầu, vuông vắn, ngay đều sạch sẽ mà trăng tinh như sáp có hàng tề chỉnh, 蟬 tần, loài côn trùng như con ve mà nhỏ hơn, trán của nó rộng và vuông thẳng, 蛾 nga, con ngài, loài bướm do con tằm biến thành, râu của nó nhỏ, dài mà cong, 倩 thiến, bên khoé miệng đẹp có duyên, 盼 phán (đọc phiến cho hợp vận), mắt trông đen trông trăng long lanh rõ ràng.

Chương này nói về dung mạo đẹp đẽ của nàng Trang Khương ý tú cũng như 2 chương đầu.

### CHƯƠNG III

- |         |                          |
|---------|--------------------------|
| 碩 人 敖 敖 | 15. Thạc nhân ngao ngao, |
| 說 于 農 郊 | 16. Thué vu nông giao.   |
| 四 牡 有 驕 | 17. Tứ mẫu hữu kiêu.     |
| 朱 賴 鐮 鐮 | 18. Chu phán tiêu tiêu.  |
| 翫 莖 以 朝 | 19. Địch phát dī triều.  |
| 大 夫 夙 退 | 20. Đại phu túc thoái,   |

*Dịch nghĩa*

15. Người đẹp đã trưởng thành (chỉ Trang Khuong),
16. (Được gả đưa sang) còn dừng lại ở phía ngoài ấp.
17. (Xe chở nàng thắng) bốn con ngựa đực có sức hùng tráng.
18. (Quai hàm thiết ngựa có quấn) vải đǒ trông rất nhiều đǒng.
19. (Xe của nàng có treo) tấm che trang sức bằng lông chim trĩ đưa nàng vào triều nội.
20. Quan đại phu hãy sớm lui về,
21. Để khỏi khiến vua phải lao nhọc về chính sự (mà sớm gần gũi nàng Trang Khuong).

*Dịch thơ*

Người đẹp nay trưởng thành lông lẫy.  
 Đến ngoài xa, dừng lại thung dung  
 Xe nàng bốn ngựa trang hùng,  
 Quai hàm quấn đǒ, trùng trùng ngựa xe.  
 Đến triều buông tấm che lông trĩ.  
 Đại phu nên sớm nghỉ lui về.  
 Để vua khỏi nhọc sớm kè

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 敦敦 *ngao ngao* dáng trưởng thành, 說 thuế, dừng lại 農郊 *nông giao*, gần vùng ngoài ấp, 四牡 *tứ mãu* (bốn ngựa đực), xe bốn ngựa 驕 *kiêu* (độc cao cho hợp vận), dáng mạnh mẽ, 幢 *phẳng*, những đồ trang sức kết ở phần phía ngoài cái hàm thiết ngựa, 鏽 *tiêu*, cái quai thiết ở

phía ngoài cái hàm thiết ngựa, của vua thì lấy vải đỏ mà  
quấn cho đẹp, 鐣镳 tiêu tiêu, nhiều, thịnh, 霽dịch là dịch xa,  
xe của bà phu nhân đi thì lấy lông chim trĩ kết vào để trang  
sức, 菲 phất, che, xe của phụ nữ đi thì phía trước phía sau có  
treo tấm che, 防 túc, sờm.

Thiên Ngọc Tảo ở kinh Lễ nói rằng: Khi mặt trời lên thì  
vua ra ngự triều, lui đến lô tẩm để nghe chính sự, sai người  
trông các quan đại phu. Khi quan đại phu lui về rồi, mới đến  
tiểu tẩm mà cởi đồ triều phục ra để nghỉ ngơi.

Chương này nói nàng Trang Khương từ nước Tề sang,  
dừng lại ở gần phía ngoài ấp, đi xe đông đảo để vào triều của  
vua. Người nước Vệ mừng được người như thế để phôi hợp  
với vua Trang công, mới nói với các quan đại phu chầu ở bên  
vua nên sớm lui về, khỏi khiến vua phải lao nhọc vì chính sự,  
không được gần gũi với bà phu nhân mà than rằng hiện nay  
đã không như thế.

## CHƯƠNG IV

河 水 洋 洋

22. Hà thuỷ dương dương,

北 流 活 活

23. Bắc lưu quát quát.

施 罂 漢 漢

24. Thi cô hoạt hoạt.

鱠 鮪 發 發

25. Triên vĩ bát bát.

葭 荚 揭 揭

26. Gia thảm kiết kiết,

庶 姜 孽 孽

27. Thủ khương nghiệt nghiệt.

庶 士 有 揭

28. Thủ sĩ hữu khiết.

### *Dịch nghĩa*

22. Nước sông Hoàng hà mênh mông lai láng.  
23. Trôi chảy đi về phương bắc.

24. Đặt cái lờ cá xuống nghe lóc xóc.
25. Cá triên cá vĩ rất dồi dào
26. Cỏ lau đãi lên dài.
27. Các cô đưa dâu trang sức lộng lẫy rườm rà.
28. Các quan đưa dâu rất là dũng tráng.

### *Dịch thơ*

*Nước Hoàng hà mênh mông bát ngát.*

*Cuồn cuộn trôi về bắc xuôi dòng.*

*Đặt lờ lóc xóc ra công.*

*Cá triên cá vĩ đầy sông dồi dào.*

*Đãi lên dài cỏ lau xanh mướt.*

*Gái đưa dâu trang sức rườm rà.*

*Quan theo dũng tráng tài ba.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú, 河 河, sông Hoàng hà ở phía tây nước Tề, phía đông nước Vệ, chảy lên phương bắc ra biển, 洋洋 *dương dương*, đông, nhiều to tát, 活活 *quát quát* (đọc *hiệt hiệt* cho hợp vận), dáng chảy đi, 施 thi, đặt ra, 置 cõi, cái lờ, đồ để bắt cá, 漢漢 *hoát hoát* (đọc *huyết huyết* cho hợp vận), tiếng lóc xóc của cái lờ khi đặt xuống nước, 鱼魚 *triên ngư*, loài cá giống như con rồng, màu vàng, đầu nhọn, miệng ở dưới hàm, trên lưng và dưới bụng đều có vảy, con to thì nặng hơn ngàn cân, 鮑 vĩ, giống như cá triên ngư mà nhỏ hơn, màu xanh đen, 發發 *bát bát* (đọc *phiết phiết* cho hợp vận), dáng nhiều thịnh, 烫 *thảm* cỏ ngoạn, cũng gọi là cỏ địch, tức là cây vi lô, 揭揭 *kiết kiết*, dài lên, 庶姜 *thứ hương*, nói các hầu thiếp (em gái chái gái đi đưa dâu và làm hầu thiếp cho chồng), 豐孽 *nghiệt nghiệt*, trang sức rườm rà, 庶士 *thứ sĩ*,

quan chức đi theo để đưa dâu, 揭揭 *khiết khiết*, dáng dũng vữ.

Nói nước Tề, nước rộng phì nhiêu, cho nên phu nhân được gả sang, thì con trai con gái đi theo đều đẹp đẽ, lễ nghi nhiều và đầy đủ như thế.

Ý tú của chương này cũng như ở chương đầu.

*Thiên Thạc nhân có 4 chương, mỗi chương 7 câu.*

## BÀI THÚ 58

### CHƯƠNG I

氓

**Manh. (Vệ phong 4)**

氓之蚩蚩  
抱布貿絲  
匪來貿絲  
來即我謀  
送我涉淇  
至于頓丘  
匪我愆期  
子無良媒  
將子無怒  
秋以爲期

1. **Manh chi si si,**  
2. **Bảo bô mậu ty.**  
3. **Phỉ lai mậu ty,**  
4. **Lai tức ngā mưu.**  
5. **Tống tử thiệp Kỳ**  
6. **Chí vu Đôn khâu.**  
7. **Phỉ ngā khiên kỳ,**  
8. **Tử vô lương môi.**  
9. **Thương tử vô nộ.**  
10. **Thu dī vi kỳ.**

### *Dịch nghĩa*

1. Một gã ngơ ngáo không biết gì.
2. Ôm tiền đi mua tơ.

3. Chàng phải đến mà mua tơ.
4. Đến là để mưu tính với em việc vợ chồng.
5. Chàng đưa em đi ngang qua sông Kỳ.
6. Đến nơi Đốn Khâu.
7. Chàng phải em lỗi hẹn (đã hẹn mà nàng không đến).
8. Chỉ vì chàng không có mối mai giỏi (Trách gã không có mối mai mà làm khó khăn việc lấy nhau để tăng giá trị của mình).
9. Em xin chàng chờ giận dữ (bị làm khó ắt gã sẽ giận dữ).
10. Và xin hẹn chàng mùa thu (để cho gã vững lòng).

### *Dịch thơ*

*Dáng ngơ ngáo gã kia bước tối,  
 Ôm mớ tiền đến hỏi mua tơ.  
 Chàng mua, chàng chỉ giả vờ  
 Để cùng tính chuyện tóc tơ duyên nghec.  
 Đưa em qua sông Kỳ chàng ấy  
 Rồi cùng nhau tiến lại Đốn khâu.  
 Hẹn sai phải lỗi em đâu?  
 Do chàng mai mối tài cao không người.  
 Em đã xin chàng ôi chờ giận.  
 Đến sang thu kính cẩn hẹn nhau.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 民 manh, người dân, gã ấy, vì rằng người con trai ấy không biết là ai và gọi là thế nào 崑崙  
 sì sì, dáng ngơ ngáo không biết gì, vì rằng oán ghét mà khinh bỉ nên mới nói như thế, 帀 bố, tiền, 貿絲 mậu ty, mua tơ, vì rằng lúc ấy vào đầu mùa hè (tháng cuối mùa xuân thì lo nuôi tằm, đến đầu mùa hạ thì có tơ bán) 頓丘 Đốn khâu (đọc khi

cho hợp vận), tên đất, 憲 *khiên*, lối (憲期 *khiên kỳ*, lối hẹn) 將 *thương*, nguyện, xin.

Người đàn bà này bị người phụ bỏ, tự kể lại nỗi mình để nói lên ý hối hận ăn năn. Ôi! Đã mưu tính hẹn hò với người ấy rồi mà không đến ngay, lại trách hắn không có mối mai gì hết để làm cho khó khăn. Lại ước hẹn một lần nữa để hắn vững lòng kế này của nàng cũng xảo quyết lầm để chế ngự gã ngơ ngáo kia. Hắn là trí nàng có thừa, mà cũng không khỏi bị người phụ bỏ. Vì rằng một khi bị người ta khinh hèn ghét bỏ. Gã ấy, tuy mới đầu vì tình dục mà hôn mê u ám, về sau át với thời gian cũng tinh ngộ. Cho nên nàng không đi đến đâu mà không bị khốn.

Kẻ sĩ quân tử lập thân, một lần thất bại mà vạn sự đều tiêu tan, thì có khác gì thế đâu. Có thể không cẩn thận rắn phòng hay sao!

## CHƯƠNG II

- |      |                         |
|------|-------------------------|
| 乘彼堍垣 | 11. Thừa bì quỷ viên,   |
| 以望復關 | 12. Dī vọng Phục quan.  |
| 不見復關 | 13. Bất kiến Phục quan. |
| 泣涕漣漣 | 14. Khấp thế liên liên. |
| 既見復關 | 15. Ký kiến Phục quan.  |
| 載笑載言 | 16. Tái tiêu tái ngôn.  |
| 爾卜爾筮 | 17. Nhī bōc nhī phê.    |
| 體無咎言 | 18. Thể vô cừu ngôn.    |
| 以爾車來 | 19. Dī nhī xa lai.      |
| 以我賄遷 | 20. Dī ngā hối thiên.   |

### *Dịch nghĩa*

11. Em leo lên trên bức tường đỗ kia.
12. Để trông người hẹn ở chốn Phục quan.
13. Không thấy người ở chốn Phục quan.
14. Em khóc nước mắt chảy ròng ròng.
15. Đã thấy được người ở chốn Phục quan.
16. Thì em cười em nói.
17. Anh bói mai rùa, anh bói cỏ thi.
18. Quê bói không có lời nào xấu gở.
19. Thì đem xe của anh đến.
20. Để đem của cải của em chở dời sang nhà anh.

### *Dịch thơ*

*Em leo lên bức tường vỡ lở.*  
*Để trông người ở chỗ Phục quan.*  
*Nhưng nào đã thấy bóng chàng.*  
*Sụt sùi em đã tuôn tràn giọt châu.*  
*Người Phục quan bỗng đâu đã thấy.*  
*Em nói cười vui dậy xiết chí*  
*Bói mai rùa, bói cỏ thi.*  
*Quê đều chẳng có lời gì gở hung.*  
*Thì xe anh hãy cùng đem lại.*  
*Để chở chuyên của cải em sang*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 塺 quý, hư đỗ, 垣 viễn, bức tường, 復關 *Phục quan* (đọc khuyên cho hợp vận) tên chốn của gã con trai ở, không dám nói rõ tên, cho nên nói thác chỗ ở của

gā vậy, 卜 bốc, bói bằng mai rùa, 篤 phê, bói bằng cổ thi, 體  
thể, quẻ bói, 賄 hối, tiền của 遷 thiên, dời đi.

Đã ước hẹn với chàng rồi, cho nên đến ngày hẹn mới lê  
trên bức tường hư đồ để trông chàng. Khi đã gặp chàng rồi  
em mới hỏi chàng những quẻ bói bằng mai rùa và bằng cỗ  
thi. Nếu bói ra không có lời gì xấu gở, thì chàng hãy đem xe  
đến rước em, để em đem của cải của em dời về bên chàng.

### CHƯƠNG III

桑之未落

21. Tang chi vị lạc,

其葉沃若

22. Kỳ diệp ốc nhược.

于嗟鳩兮

23. Hu ta cưu hê!

無食桑葚

24. Vô thực tang thâm.

于嗟女兮

25. Hu ta nữ hê!

無與士耽

26. Vô dữ sī đam.

士之耽兮

27. Sī chi đam hê!

猶可說也

28. Do khả thuế dā.

女之耽兮

29. Nữ chi đam hê!

不可說也

30. Bất khả thuế dā.

### *Dịch nghĩa*

21. Cây dâu chưa rụng.

22. Thị lá trơn mướt (như dung sắc của em còn đẹp đẽ  
rõ ràng).

23. Than ôi! Này chim cưu!

24. Mì chó ăn trái dâu nhiều (thì mì phải say).

25. Than ôi! Ngày con gái!
26. Chớ phải lòng mê trai.
27. Con trai mà phải lòng mê gái,
28. Thì còn có thể gõ ra được.
29. Con gái mà phải lòng mê trai.
30. Thì không thể gõ thoát ra được.

### *Dịch thơ*

*Thuở chưa rụng, cây dâu lá lướt,  
 Lá trên cành tròn mướt mĩ miều.  
 Cứu ơi! ta bảo mấy điêu  
 Trái dâu chớ có ăn nhiều mà say.  
 Gái kia hỡi! Nghe đây ta dặn.  
 Chớ mê trai, lòng nặng tình duyên.  
 Trai mà mê gái đảo điên.  
 Cũng còn giải thoát cho yên mọi bè.  
 Gái theo trai lòng mê đắm đuối.  
 Không thể nào còn lôi thoát dâu.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tỳ mà hưng, 沃若 óc nhược dáng tròn mướt, 鳩 cưu, chim cốt cưu (ban cưu) giống như chim sẻ núi mà nhỏ hơn, đuôi ngắn màu xanh đen, kêu nhiều, 甚 thâm (đọc trâm cho hợp vận). Chim cưu ăn trái dâu nhiều thì phải say, 取 đam (đọc trâm cho hợp vận), vui thú với nhau, 說 thuê, giải thoát, trút bỏ.

Nói cây dâu tròn mướt để so sánh dung sắc tươi đẹp sán lạn của mình, nhưng lại nghĩ rằng không thể dựa vào đây buông lung tình dục mà quên tỉnh ngộ quay trở lại, cho nên mới khuyên răn con chim cưu chớ ăn trái dâu, để khởi hưng ở câu dưới, khuyên răn con gái chớ ham thích phải lòng trai.

Con trai mà phải lòng mê gái thì còn có thể giải thoát được. Con gái mà phải lòng mê trai thì không thể giải thoát được. Ấy là lời tự xáu hổ ăn năn rất sâu xa của người đàn bà sau khi bị phụ bỏ. Chủ yếu nói rằng người đàn bà không có việc gì ngoài hờn nỗi, chỉ lấy trinh tín làm tiết tháo mà thôi. Một khi đã mất lòng đoan chính đi, thì những điều khác không đáng xem xét tới nữa. Không thể nói rằng con trai mê gái thật là không có hại đâu nhé.

## CHƯƠNG IV

桑之落矣

31. Tang chi lạc hī.

其黃而隕

32. Kỳ hoàng nhi vân.

自我徂爾

33. Tự ngã tồ nhī

三歲食貧

34. Tam tuế thực bần.

淇水湯湯

35. Kỳ thuỷ thương thương,

漸車帷裳

36. Tiêm xa duy thường.

女也不爽

37. Nữ dā bất sàng,

士貳其行

38. Sī nhị kỳ hạnh.

士也罔極

39. Sī dā vōng cực.

二三其德

40. Nhị tam kỳ đức.

### *Dịch nghĩa*

31. Cây dâu đã rụng.

32. Lá đã vàng mà rơi xuống (như dung sắc của em đã tàn phai).

33. Từ khi em đến nhà anh,

34. Đã ba năm ăn uống nghèo khổ.

35. Nước sông Kỳ mênh mông.  
 36. (Bị phụ bỏ em lên xe trở về, đi ngang qua sông Kỳ) mà ướt cả màn che trên xe.  
 37. Gái này không có lỗi.  
 38. Trai kia đã hai lòng (hai hạnh nết).  
 39. Trai kia không còn biết đến thế nào nữa.  
 40. Đã có hai ba cách ăn ở với em.

### *Dịch thơ*

*Nay đã rụng, cây dâu tàn ta.  
 Đầu úa vàng những lá rời cành.  
 Từ khi về ở cùng anh.  
 Ba năm ăn khổ, nay đành bỏ nhau.  
 Dòng sông Kỳ, thuỷ trào bát ngát,  
 Tấm màn che sóng tat ướt đê  
 Gái này chẳng có tội gì.  
 Há lòng tráo trở chính vì chàng thôi.  
 Chàng còn biết đến nơi nào nữa  
 Hai ba lòng ăn ở bạc đen.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý. 隕 vân (đọc ván cho hợp vần) rơi rớt.徂 tồ, đi đến.湯湯 thương thương, dáng nước mênh mông.漸 tiêm, thấm ướt.帷裳 duy thường, đồ trang sức trên xe (cái màn che ở hai bên xe), cũng gọi là 童容 đồng dung, xe của phụ nữ thì có cái màn che ấy. 爽 sảng, sai. 極 cực, đến.

Nói lá dâu đã vàng rơi xuống để ví với dung sắc tàn tạ của mình. Bèn nói từ khi em về bên nhà chàng thì gặp sự nghèo khó của chàng, cho nên mới bị phụ bỏ. Em lại đi xe qua sông để trở về. Lại tự nói rằng cái lỗi ấy không ở đây (em), mà ở kia (chàng) vậy.

## CHƯƠNG V

- |      |                       |
|------|-----------------------|
| 三歲爲婦 | 41. Tam tuế ví phu.   |
| 靡室勞矣 | 42. Mý thát lao hī.   |
| 夙興夜寐 | 43. Túc hưng dạ my,   |
| 靡有朝矣 | 44. Mý hữu triều hī.  |
| 言既遂矣 | 45. Ngôn ký toại hī.  |
| 至于暴矣 | 46. Chí vu bạo hī.    |
| 兄弟不知 | 47. Huynh đệ bất tri. |
| 咥其笑矣 | 48. Hí kỳ tiếu hī.    |
| 靜言思之 | 49. Tĩnh ngôn tư chi, |
| 躬自悼矣 | 50. Cung tự điệu hī.  |

### *Dịch nghĩa*

41. Ba năm làm vợ,
42. Đã tận tâm gắng sức, em không lấy công việc nhà làm lao nhọc.
43. Sớm thì dậy, tối thì nằm.
44. Không có buổi sáng nào rảnh rang.
45. Lời giao ước cùng chàng lúc ban đầu với nhau, em đã vẹn vẽ xong xuôi.
46. Thì chàng đã vội cù xử với em đến mức tàn bạo.
47. Anh em của em không biết như thế,
48. Chỉ khúc khích mà cười.
49. Lúc yên tĩnh, nói đến mà nghĩ suy.
50. Em chỉ dành thương xót cho thân em mà thôi.

## Dịch thơ

Đã ba năm em về làm vợ,  
Việc trong nhà há sơ nhọc lao.  
Tôi thì ngủ, sáng dậy mau.  
Chẳng hề được buổi sớm nào rảnh ranh.  
Lời ước cũ cùng chàng hẹn giữ.  
Lại bao tàn đói xứ gáp chí?  
Anh em nào có biết gì.  
Vô tình nhéch miệng cười khi mà thôi.  
Nhớ nghī lại trong hồi yên lặng,  
Những xót xa cay đắng lấy thân.

### Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 魏 mī, chǎng. 夙 túc, sớm. 興 hưng, đứng dậy. 眇 hí, dáng cười.

Nói em trong ba năm làm vợ chàng, đã tận tâm kiệt lực, không lấy công việc trong nhà làm lao nhọc. Sáng thì dậy, tối thì nằm, không được rảnh ranh ở buổi sớm mai nào cả.

Lời giao hẹn cùng chàng lúc ban đầu với nhau, em đã vẹn vẹo xong xuôi, thì chàng đã vội đem lòng tàn bạo đồi dái với em.

Anh em của em thấy em bị phụ bỏ mà trở về không biết rằng như thế, chỉ khúc khích mà cười thôi. Vì rằng đã hết lòng đi theo chồng thì không được anh em kể đến nữa. Cho nên nàng bị phụ bỏ mà trở về, cũng chẳng được anh em thương xót. Lẽ phải hẳn đã như thế, lại còn đổ lỗi làm sao được ru! Chỉ đành đau đớn xót xa lấy mình mà thôi.

## CHƯƠNG VI

及爾偕老

51. Cập nhī giai lāo,

老使我怨  
淇則有岸  
隰則有泮  
總角之宴  
言笑晏晏  
信誓旦旦  
不思其反  
反是不思  
亦已焉哉

52. Lão sử ngā oán.  
53. Kỳ tắc hữu ngạn,  
54. Tháp tắc hữu ban.  
55. Tống giác chi yến,  
56. Ngôn tiếu án án,  
57. Tín thệ dán dán.  
58. Bất tư kỳ phản.  
59. Phản thị bất tư.  
60. Diệc dī yên tai!

### *Dịch nghĩa*

51. Cùng với anh, đã hẹn ước sống chung đến già.
  52. (Nhưng không ngờ) đến giờ thì bị chàng phụ bỏ, khiến em phải oán hận.
  53. Sông Kỳ còn có bờ để ngăn nước không cho tràn ra,
  54. Vũng ao chỗ thấp cũng có bờ để giữ nước không cho tràn ra. (Còn chàng thì cứ phóng túng, không câu thúc tính tình để đến hai lòng ăn ở bạc đen).
  55. Lúc yên vui thuở thơ ấu em còn để trái đào,
  56. Đã cùng nhau nói chuyện vui cười hoà dịu,
  57. Thì cùng tin lòng nhau mà thề ước rõ ràng.
  58. Em chưa từng nghĩ đến việc phản bội lời thề ước cũ, để đến như thế này.
  59. Việc phản bội đã không nghĩ đến,
  60. Thì cũng thôi vậy.

### *Dich tho*

### *Sóng đến già cùng nhau hẹn ước,*

Nhưng ngày già chỉ chuốc oan sầu,  
Sông Kỳ còn có bờ cao,  
Những nơi lõm thấp vũng ao có bờ.  
Thuở trái đào ấu thơ đùa nghịch,  
Đã cùng nhau khúc khích nói cười.  
Tin nhau đã trót thề bối,  
Chưa từng nghĩ đến phụ lời thề xưa.  
Việc phản bội vẫn chưa nghĩ xiết,  
Cũng đành thôi chẳng biết làm sao !

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú mà hứng. 及 爾, cùng với. 沛  
bạn (đọc phiên cho hợp vận), cái bờ để ngăn phần cao và thấp. 總  
角 tống giác, con gái chưa gả lấy chồng, thì chưa cài trâm, chỉ  
kết tóc làm hai trái đào để trang sức. 晏晏 án án (đọc yến  
yến cho hợp vận), dịu hoà. 旦旦 đán đán, sáng tỏ.

Nói rằng em với chàng vốn đã ước hẹn với nhau sống  
chung đến già, không ngờ đến già thì em bị chàng phụ bỏ  
như thế, chỉ khiến cho em oán giận.

Sông Kỳ còn có bờ, ao vũng thấp cũng có bờ. Mà khi em  
còn thơ ấu, tóc kết trái đào đã cùng chàng yên vui cười nói,  
và đã nêu lời thề hẹn tin cậy nhau, chưa từng nghĩ đến việc  
trái ngược để đến như thế này. Đây là khởi hứng. Đã không  
nghĩ đến việc trái ngược để đến thế này, thì cũng chẳng biết  
làm sao! Đã thế rồi thì thôi vậy.

Truyện nói rằng: Nghĩ đến phần chung cuộc, nghĩ đến  
phần trái lại, là nói nghĩ đến việc phản bội (mà để phòng).

*Thiên Manh có 6 chương, mỗi chương 10 câu.*

## BÀI THÚ 59

### CHƯƠNG I

竹 竿	Trúc can, (Vệ phong 5)
蒂 蒂 竹 竿	1. <b>Địch địch trúc can,</b>
以 鈎 于 漢	2. <b>Dī diếu vu Kỳ.</b>
豈 不 爾 思	3. <b>Khỉ bất nhĩ tư?</b>
遠 莫 致 之	4. <b>Viễn mạc trí chi.</b>

#### *Dịch nghĩa*

1. Cành tre dài von vót,
2. Để câu ở sông Kỳ.
3. Há lại không nhớ người (sông Kỳ) hay sao?
4. Vì xa xôi mà không đến nơi vây.

#### *Dịch thơ*

*Cần câu bằng trúc vót cao,  
Để ta cầm đến ngồi câu sông Kỳ.  
Há rằng ta chẳng nhớ my?  
Xa xôi chẳng thể nào đi tái cùng.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 蒂蒂 *dịch địch*, dài mà lắn lẵn nhỏ lại. 竹 *trúc*, cây trúc, cây tre, sản vật của nước Vệ. 漢 *Kỳ*, sông Kỳ.

Con gái nước Vệ gả cho chư hầu, muốn trở về thăm cha mẹ mà không thể được, cho nên làm bài thơ này. Nói muốn

lấy cành tre để câu cá ở sông Kỳ, nhưng xa không thể đến nơi được.

## CHƯƠNG II

- |           |                                  |
|-----------|----------------------------------|
| 泉 源 在 左   | 5. <b>TuyỀn nguyÊn</b> tại tả.   |
| 淇 水 在 左   | 6. <b>Kỳ thuỷ</b> tại hữu.       |
| 女 子 有 行   | 7. <b>Nữ tử</b> hữu hành,        |
| 遠 父 母 兄 弟 | 8. <b>Viên phụ</b> mâu huynh đệ. |

### *Dịch nghĩa*

5. Sông TuyỀn NguyÊn ở về phía tay trái,
6. Sông Kỳ ở về phía tay mặt.
7. Người con gái đi theo chồng.
8. Phải xa cha mẹ và anh em.

### *Dịch thơ*

*TuyỀn nguyÊn* ở *phía* *tả* *này*,  
*Sông* *Kỳ* *phía* *hữu* *chảy* *dài* *xa* *xôi*.  
*Theo* *chồng* *con* *gái* *đi* *rồi*,  
*Anh* *em* *cha* *mẹ* *chia* *phôi* *muôn* *trùng*.

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 泉源 *TuyỀn nguyÊn*, tức là sông Bách tuyỀn, ở phía tây bắc nước Vệ, hướng về phía đông nam mà chảy vào sông Kỳ, cho nên nói là ở nơi tay trái. 淇 *Kỳ*, sông Kỳ, ở phía tây nam nước Vệ, hướng về phía đông mà chảy hợp với sông Bách tuyỀn, cho nên nó là ở phía tay mặt.

Nhớ hai con sông ấy ở nước Vệ mà tự than thở cho mình không được như thế (được ở lại nước Vệ).

### CHƯƠNG III

淇水 在 右

9. Kỳ thuỷ tại hữu,

泉 源 在 左

10. Tuyên nguyên tại tả.

巧 笑 之 瑰

11. Xảo tiểu chi thả,

佩 王 之 璧

12. Bội ngọc chi nǎ.

#### *Dịch nghĩa*

9. Sông Kỳ ở về phía tay mặt,

10. Sông Tuyên Nguyên ở về phía tay trái,

11. (Giận mình không được) cười có duyên lộ răng trắng  
ở chốn ấy,

12. Và đeo ngọc khoan thai dạo chơi ở chốn ấy.

#### *Dịch thơ*

*Sông Kỳ phía hữu của ta.*

*Tuyên nguyên bên tả chảy xa một dòng.*

*Cười duyên răng lộ trắng trong.*

*Ngọc đeo đúng đinh dạo vùng quê xưa.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. *瑳 thả*, sắc trắng tinh, cười mà  
thấy răng trắng xoá, như nói *xǎn nhiên gai tiêu* (đều cười  
thấy răng trắng xoá). *璧 nǎ*, đì đứng có chừng mực pháp độ.

Tiếp theo chương trên, nói lại con sông ở nước Vệ mà  
hận lấy mình không được cười nói dạo đùa ở trong vùng ấy.

### CHƯƠNG IV

淇 水 悠 悠

13. Kỳ thuỷ du du,

檜 桡 松 舟  
駕 言 出 遊  
以 寫 我 憂

14. Cõi tiếp tùng chu.
15. Giá ngôn xuất du,
16. Dĩ tả ngã ưu.

### *Dịch nghĩa*

13. Nước sông Kỳ trôi chảy,
14. Chèo gỗ cõi, thuyền gỗ tùng.
15. Cõi thuyền đi ra dạo chơi,
16. Để tiêu trừ lòng ưu sầu của ta.

### *Dịch thơ*

*Cuộn cuộn trôi chảy sông Kỳ.  
Chèo bằng gỗ cõi, thuyền thi gỗ thông.  
Ngồi thuyền ra dao khắp vùng.  
Để cho khuây khoả nỗi lòng nhớ quê.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 游游 *du du*, dáng trôi chảy. 檜 cõi, tên cây, giống cây bách. 桡 tiép, cây chèo để chèo thuyền lướt tới.

Cùng đồng ý với chương cuối của thiên *Tuyền thuỷ*.  
*Thiên Trúc can có 4 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THÚ 60

### CHƯƠNG I

范 蘭  
范 蘭 之 支

Hoàn lan. (Vè phong 6)  
1. Hoàn lan chi chí,

- |      |                      |
|------|----------------------|
| 童子佩觿 | 2. Đồng tử bội huê.  |
| 雖則佩觿 | 3. Tuy tắc bội huê,  |
| 能不我知 | 4. Năng bất ngā tri. |
| 容兮遂兮 | 5. Dung hề toại hề!  |
| 垂帶悸兮 | 6. Thuỷ dáì quy hề!  |

*Dịch nghĩa*

1. Cành cây hoàn lan.
2. Đứa trẻ đeo cái huê (cho ra dáng người lớn).
3. Tuy là đeo cái huê,
4. Tài năng không đủ để hiểu biết hơn ta.
5. Dáng thư thả rộng rãi phóng túng đường hoàng.
6. Thắt lưng buông xuống thướt tha.

*Dịch thơ*

*Cây hoàn lan đơn lên những nhánh,  
Trẻ con mà có tánh đeo huê.  
Tuy là đeo lấy cho xuê,  
Tài năng hiểu biết chẳng hề bằng ta,  
Dáng phóng túng khoan hoà chậm rãi,  
Ở bên lưng thắt dáì buông thòng.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng. 范蘭 *hoàn lan*, một thứ cây cỏ, có một tên nữa là la ma, mọc lan ra, cắt ngang thì có mủ trắng, ăn được. 支 *chi*, đồng với 枝 *chi* là nhánh cây. 首 *huê*, cái dùi làm bằng xương voi để mở nút hay gài nút của người lớn đeo, không phải để trang sức cho trẻ con. 知 *tri* như 智

trí, trí thức, nói tài năng của đứa trẻ ấy chẳng đủ để biết hơn ta. 容遂 *dung toại*, dáng thư thả chậm rãi phóng túng. 悸 quy, dáng đeo thòng xuống.

## CHƯƠNG II

瓦 蘭 之 葉

7. Hoàn lan chi diệp,

童 子 佩 紋

8. Đồng tử hội thiếp.

雖 則 佩 紋

9. Tuy tắc bội thiếp,

能 不 我 甲

10. Năng bất ngã giáp.

容 兮 遂 兮

11. Dung hế toại hế!

垂 帶 悸 兮

12. Thuỷ đái quy hế!

### *Dịch nghĩa*

7. Lá cây hoàn lan.

8. Đứa trẻ đeo cái thiếp để bắn cung (cho ra dáng người lớn)

9. Tuy là đeo cái thiếp.

10. Nhưng mà tài năng không giỏi hơn ta.

11. Dáng thư thả chậm rãi phóng túng đường hoàng,

12. Thắt lưng buông xuống thưốt tha.

### *Dịch thơ*

Cây hoàn lan mọc đầy những lá,

Trẻ con mà thiếp đã thích đeo.

Tuy là tay cứ mang theo,

Tài năng hiểu biết giỏi nào hơn ta.

Dáng phóng túng khoan hoà chậm rãi,

Ở bên lưng thắt đái buông thòng.

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng thiếp, đồ để bắn tên, làm bằng xương voi, đeo ở ngón cái của tay mặt, để móc vào dây cung và mở ra mà bắn. Trịnh thị nói là cái đập, tức là nói cái *chu* *cực tam* dùng ở trong lễ đại xạ đó vậy. Nó làm bằng da đỏ, dùng để đeo hợp mây ngón tay lại (ngón trỏ, ngón giữa, ngón áp út của tay mặt). 甲 giáp, dài, giỏi, nói tài năng của đứa trẻ ấy không đủ để giỏi hơn ta.

### *Chú giải của Dịch giả*

*Mao thi*. Bài thơ này là của các quan đại phu châm biếm Huệ công còn thơ ấu mà lén ngồi, tự cho mình là có tài năng, kiêu ngạo với các quan đại thần, ăn mặc ra vẻ uy nghi như người lớn, mà không biết lấy lễ nghi thi hành việc chính trị.

Nói cây hoàn lan rất mềm mại yếu đuối hàng mọc lan ra ở mặt đất, hễ gặp vật gì nương tựa được thì quấn leo lên, để khởi hứng rằng đức của người quân tử phải nhu thuận ôn lương (như cây hoàn lan). Mà nay đức của vua còn bé sao không ôn nhu, lại hay kiêu ngạo khinh mạn, chỉ lo trang sức bề ngoài, đeo huề đeo thiếp, buông thắt đai thuột tha ra dáng người lớn. Còn đức hạnh tài năng bề trong lại không được xứng đáng như thế.

*Thiên Hoàn lan có 2 chương, mỗi chương 6 câu.*

Bài thơ này không biết nói gì, không dám giải thích gượng gạo.

## BÀI THÚ 61

### CHƯƠNG I

河 廣

Hà quảng, (Vệ phong 7).

誰謂河廣

1. Thuỷ vị Hà quảng?

一葦杭之

2. Nhất vī hàng chi.

誰謂宋遠

3. Thuỷ vị Tống viễn?

跂予望之

4. Xí dư vọng chi.

### *Dịch nghĩa*

1. Ai nói rằng sông Hoàng Hà là rộng?
2. Một bó lau sậy có thể ôm mà nỗi theo đê lội qua được.
3. Ai nói rằng nước Tống xa?
4. Nhón chân mà trông thì ta đã thấy được.

### *Dịch thơ*

*Hoàng Hà ai nói rộng nào?*

*Vượt qua, ôm một bó lau đủ rồi.*

*Ai rằng nước Tống xa xôi?*

*Nhón chân cung đủ cho tôi thấy mà.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 葦 vī, thuộc loài cây lau, cây sậy. 杭 hàng, đi qua sông. Nước Vệ ở phía bắc sông Hoàng Hà, nước Tống ở phía nam sông Hoàng Hà.

Con gái của bà Tuyên Khương được gả làm phu nhân của Tống Hoàn công, sanh ra Tương công, rồi trở về luôn ở nước Vệ. Tương công lên ngôi, phu nhân nhớ con, nhưng nghĩa lý không cho được về, vì vua nỗi ngôi (Tương công) thừa kế môi trọng của cha, làm thể chế với tổ tiên. Mẹ đã bỏ ra thì đã tuyệt với tông miếu, không thể lấy tình riêng, mà trở về được, cho nên làm bài thơ này.

Nói rằng: Ai nói sông Hoàng Hà là rộng? Chỉ thêm vào một bó sậy thì có thể ôm mà nói theo để lội qua sông? Ai nói nước Tống là xa? Chỉ nhón chân mà trông thì có thể thấy được. Rõ ràng là không phải nước Tống xa mà không thể đi đến, lại là nghĩa lý không thể được mà không đi về.

## CHƯƠNG II

誰謂河廣

5. Thuỷ vị Hà quang?

曾不容刀

6. Tăng bất dung dao.

誰謂宋遠

7. Thuỷ vị Tống viễn?

曾不崇朝

8. Tăng bất sùng triêu.

### *Dịch nghĩa*

5. Ai nói rằng sông Hoàng Hà là rộng?

6. Nó quá hẹp vì đã từng không để được chiếc thuyền nhỏ.

7. Ai nói rằng nước Tống là xa?

8. Nó rất gần, vì đã từng đi không hết buổi sáng thì tới rồi.

### *Dịch thơ*

*Ai cho rằng rộng Hoàng Hà?*

*Thuyền con nào lọt, gọi là rộng chăng?*

*Xa xôi nước Tống, ai rằng?*

*Không đầy buổi sáng đi băng tới rồi.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 刀 dao, chiếc thuyền nhỏ. 不容刀 bất dung dao, nói sông Hoàng hà nhỏ không thể để một chiếc

thuyên con. 壽 sùng, hết, trọn. Đì không hết buổi sáng thì đến là nói gân vậy.

*Thiên Hà quảng có 2 chương, mỗi chương 4 câu.*

Phạm thị nói rằng: Phu nhân không đến nước Tống áy là vì nghĩa. Trong thiên hạ há lại có người không mẹ ru? Bực vua có hàng ngàn cỗ xe mà không được phụng dưỡng mẹ, đó là cái bất hạnh của người.

Vì Tương công mà nói thì sẽ làm như thế nào? Cha mẹ còn sống thì mình phải hết đạo hiếu. Cha mẹ mất thì mình chỉ làm hết lễ nghi mà thôi.

Nước Vệ có thơ của phụ nữ, từ bà Khương đến mẹ của Tương công là sáu người, đều dừng lại trước lễ nghĩa mà không dám vượt qua. Ôi! chính trị và giáo dục của nước Vệ dâm loạn, phong tục bại hoại, mà phụ nữ lại có người biết lễ và sợ nghĩa như thế thì việc giáo hóa của tiên vương vẫn còn, là có áy vậy.

## BÀI THỨ 62

### CHƯƠNG I

伯 兮

Bá hè. (Vệ phong 8).

伯 兮 竭 兮

1. Bá hè khiết hè!

邦 之 桀 兮

2. Bang chi kiệt hè!

伯 也 執 兮

3. Bá dã chấp thù,

爲 王 前 驅

4. Vi vương tiền khu.

### *Dịch nghĩa*

1. Anh ơi, anh dũng mãnh quá!

2. Anh là người tài năng trội hơn hết trong nước!

3. Anh đang cầm cây côn,
4. Làm quân tiền khu xung phong cho nhà vua.

### *Dịch thơ*

*Chàng người uy vũ anh hùng,  
Tài năng trội nhất ở trong nước này,  
Cây thù cầm chắc trong tay,  
Tiền khu đột trận ra tài giúp vua.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 伯 bá, tiếng của vợ gọi chồng. 睦 khiết, dáng dũng vũ. 简 kiết, tài năng hơn người. 爭 thù, cây côn, dài một trượng hai, không có mũi nhọn.

Người vợ vì chồng theo việc chinh chiến đã lâu mà làm bài thơ này. Nói rằng chồng mình tài giỏi như thế, nay đương cầm cây côn làm quân tiền khu xung phong cho nhà vua.

## CHƯƠNG II

自 伯 之 東

5. Tự bá chi đông,

首 如 飛 鴻

6. Thủ như phi bồng.

豈 無 膚 沐

7. Khi vô cao mộc?

誰 適 為 容

8. Thuỷ đích vi dung?

### *Dịch nghĩa*

5. Từ khi anh đi sang đông.
6. Đầu em tóc rối như hoa bồng bay.
7. Há rằng em không có xoa dầu và gội tắm hay sao?
8. Vì vắng chàng, em trang sức làm duyên dáng cho ai?

## *Dịch thơ*

*Từ ngày chàng tách sang đông  
Đầu em rồi tựa hoa bông cuộn bay.  
Há không thoa sáp, gội cài?  
Vắng chàng, trang điểm cho ai ngắm nhìn?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 蓬 *bông*, tên cỏ bông, hoa như xơ liễu, kết lại mà bay như tóc rối. 脂 *cao*, dầu sáp để thoa cho lóng tóc. 沐 *mộc*, gội đầu cho sạch hết bụi đất. 適 *dích*, chủ về việc gì.

Nói tóc em rối như thế, chàng phải em không có thoa dầu sáp hay không có tăm gội để trang sức dung nhan. Sở dĩ em không như thế, vì chàng đã đi đánh giặc, thì không ai chủ trương thường thức dung sắc của em, chính là vì cớ ấy. *Mao thi truyện* nói rằng: Người con gái chỉ làm duyên dáng cho người yêu thích mình.

## CHƯƠNG III

- |         |                        |
|---------|------------------------|
| 其 雨 其 雨 | 9. Kỳ vũ kỳ vũ,        |
| 杲 杲 出 日 | 10. Cảo cảo xuất nhật. |
| 願 言 思 伯 | 11. Nguyệt ngôn tư伯,   |
| 甘 心 首 疾 | 12. Cam tâm thủ tật.   |

## *Dịch nghĩa*

9. Mong mỏi sẽ được mưa,
10. Mà mặt trời lộ ra sáng tỏ.
11. Em nguyện cứ tưởng nhớ đến chàng,
12. Mà cam lòng cho đầu đau nhức.

### *Dịch thơ*

*Mỗi lòng trông giọt mưa sa,  
Mặt trời chớp hiện, sáng loà khắp nơi.  
Nguyện lòng chỉ nhớ chàng thôi.  
Mặc cho đâu nhức liên hồi cung cam.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý. 其 kỲ, lời nói mong mỏi sẽ được như thế. Mong mỏi sẽ được mưa mà mặt trời lại lộ ra sáng sủa. Nói như thế để ví với việc nàng mong mỏi chàng về mà chàng chẳng về. Thế cho nên nàng không kham xiết nổi sâu khổ nhớ nhung, mà thà là cam lòng chịu chứng nhức đầu (quá nhớ trông mà phải nhức đầu).

## CHƯƠNG IV

- |         |                         |
|---------|-------------------------|
| 焉 得 謾 草 | 13. Yên đắc huyên thảo. |
| 言 樹 之 背 | 14. Ngôn thụ chi bội,   |
| 願 言 思 伯 | 15. Nguyệt ngôn tư伯,    |
| 使 我 心 瘟 | 16. Sử ngã tâm muội.    |

### *Dịch nghĩa*

13. Làm sao có được cây quên sầu?
14. Trồng ở ngôi nhà phía bắc.
15. Em nguyện cứ tưởng nhớ đến chàng.
16. Tuy đã khiến tim em phải đau phải bệnh.

*Làm sao được cỏ quên sâu?  
Bên nhà phía bắc trồng vào một nơi.  
Nguyệt lòng chỉ nhớ chàng thôi.  
Đau tim thế này, chàng ôi chàng từ!*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 蔷 huyên, quên, cây huyên thảo là cây hợp hoan ăn vào thì người ta quên được sâu. 背 bội, bên nhà về phía bắc. 痘 muội, bệnh.

Nói rằng làm sao có được cây quên sâu trồng vào phía bắc ngôi nhà để quên nỗi ưu sâu của em? Nhưng rốt lại không nhẫn quên chàng được. Thế cho nên thà là không tìm thứ cây quên sâu ấy mà chỉ muốn được nhớ tưởng đến chàng. Tuy đến tìm phải đau phải bệnh, em cũng không từ nữa. Tim mà đau thì bệnh ấy càng nặng, chàng phải chỉ riêng nhức đầu mà thôi.

*Thiên Bá hè có 4 chương, mỗi chương 4 câu.*

Phạm thị nói rằng: Ở với nhau mà phải xa cách nhau thì nhớ nhung, hẹn với nhau mà không đến thì ưu sâu. Đó là tâm tình của người ta. Việc sai khiến quân sĩ đi đóng đồn của Văn vương và việc uỷ lạo quân sĩ trở về của Chu công đều kể lại tình gia thất, lòng nhớ nhung giữa trai gái để xót xa. Cho nên dân vui thích mà quên sự tử vong. Bực thánh nhân cảm thông được ý chí của thiên hạ, cho nên có thể thành tựu được việc của thiên hạ. Việc binh đao là hại dân chúng vào đường tử vong đã làm mồi côi con của người và đơn goá vợ của người, thương tổn đến sự điều hoà của trời đất, đã gây đến việc thiên tai lụt hạn. Cho nên bực thánh vương thận trọng việc binh đao, như bất đắc dĩ phải dùng đến thì báo cho quân sĩ rõ ngày trở về, tưởng niệm đến nỗi

cần khổ gian lao, bi thương thê thảm không khác gì ở mình. Cho nên thơ của thời thịnh trị thì nói đến tình của vua thương xót dân. Còn thơ của thời loạn lạc thì chép nỗi khổ đau nhớ nhung của gia thất, vì là tâm tình của con người không ngoài việc đó.

## BÀI THỨ 63

### CHƯƠNG I

有 狐	Hữu hồ. (Vệ phong 9)
有 狐 紿 紿	1. Hữu hồ tuy tuy,
在 彼 淇 梁	2. Tại bì Kỳ lương,
心 之 憂 矣	3. Tâm chi ưu hī.
之 子 無 裳	4. Chi tử vô thường.

#### *Dịch nghĩa*

1. Có con chồn đi lang thang một mình.
2. Ở chỗ cái đập đá của sông Kỳ kia.
3. Lòng em lo sâu
4. Cho người ấy không có quần.

#### *Dịch thơ*

*Có con chồn bước lang thang,  
Ở trên đập đá đắp ngang sông Kỳ.  
Lòng em lo lắng những sâu bi.  
Nỗi chàng quần thiếu, ai thì may cho?*

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 狐 hổ, con chồn, loài thú yêu my  
綏綏 tuy tuy, dáng lang thang đi một mình để tìm đôi lứa. 梁  
lương đập đá chấn nước ngang sông. Ở trên đập đá thì có thể  
mặc quần (không sợ bị ướt).

Nước loạn, dân tan, mất cả đôi lứa, có người đàn bà goá  
thấy người đàn ông goá thì muốn lấy nhau, cho nên mới  
mượn lời nói có con chồn đi một mình, mà thương cho người  
ấy không có quần (ở goá không vợ, không có ai may quần cho  
mặc).

## CHƯƠNG II

- |         |                    |
|---------|--------------------|
| 有 狐 綏 綏 | 5. Hữu hổ tuy tuy, |
| 在 彼 淇 厝 | 6. Tại bì Kỳ lê.   |
| 心 之 憂 矣 | 7. Tâm chi ưu hī.  |
| 之 子 無 帶 | 8. Chi tử vô đái.  |

### Dịch nghĩa

5. Có con chồn đi lang thang một mình,
6. Ở chỗ nước sâu của sông Kỳ kia.
7. Lòng em lo sâu
8. Cho người ấy không có đai nịt (ở goá, không vợ, không ai may dây nịt cho).

### Dịch thơ

Lang thang chồn bước một mình.

Sông Kỳ đã thấy băng ghềnh chỗ sâu.

Lòng em lo lắng những bi sâu:

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý. 厲 lệ, chỗ nước sâu có thể đi ngang qua. 帶 dài (đọc để cho hợp vận), dây nịt để thắt áo ngang lưng.

Ở chỗ nước sâu đi ngang qua được thì có thể mang dây nịt (không sợ bị ướt).

CHƯƠNG III

- |         |                     |
|---------|---------------------|
| 有 狐 綏 綏 | 9. Hữu hổ tuy tuy,  |
| 在 彼 淇 側 | 10. Tại bì Kỳ trắc, |
| 心 之 憂 矣 | 11. Tâm chi ưu hī,  |
| 之 子 無 服 | 12. Chi tử vô phục. |

*Dịch nghĩa*

9. Có con chồn đi lang thang một mình,
10. Ở bên sông Kỳ kia.
11. Lòng em lo sâu
12. Cho người ấy không có quần áo.

*Dịch thơ*

*Có con chồn bước một mình,  
Lang thang đi dọc ở bên sông Kỳ.  
Lòng em lo ngại sâu bi:  
Áo quần chàng thiếu, ai thì may cho?*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý. Đi đò ngang qua sông thì có thể mặc quần áo.

*Thiên Hữu hò có 3 chương, mỗi chương có 4 câu.*

### BÀI THÚ 64

#### CHƯƠNG I

木 瓜	Mộc qua. (Vệ phong 10)
投 我 以 木 瓜	1. Đầu ngā dī mộc qua.
報 之 以 璞 瑞	2. Báo chi dī quỳnh cư,
匪 報 也	3. Phỉ báo dā,
永 以 爲 好 也	4. Vĩnh dī vi hảo dā.

#### *Dịch nghĩa*

1. Người quăng sang tặng cho ta trái mộc qua,
2. Thì ta đáp lại bằng món ngọc cư đẹp đẽ.
3. Chẳng phải là để báo đáp,
4. Mà là để giao hảo với nhau lâu dài vậy.

#### *Dịch thơ*

*Mộc qua người tặng ném sang,  
Quỳnh cư ngọc đẹp ta mang đáp người.  
Phải đâu báo đáp ai ơi,  
Để mà giao hảo đời đời cùng nhau.*

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 木瓜 mộc qua, dây mậu mộc, trái như trái dưa nhỏ, chua ăn được. 琥珀 quỳnh, sắc đẹp của ngọc. 琥珀 cù, tên một thứ ngọc để đeo.

Nói rằng người tặng mình một vật nhỏ mọn, mình phải báo đáp lại bằng một vật báu quý trọng, vậy mà chưa cho là đủ để báo đáp nữa, thì chỉ muốn giao hảo tốt đẹp và không quên nhau lâu dài mãi mãi.

Nghi đó cũng là lời trai gái tặng đáp nhau, như ở thiên Tinh nữ vậy.

## CHƯƠNG II

投我以木桃	5. Đầu ngă dī mộc đào.
報之以瓊瑤	6. Báp chi dī quỳnh dao.
匪報也	7. Phỉ báo dā,
永以爲好也	8. Vĩnh dī vi hảo dā.

### Dịch nghĩa

5. Người quăng sang tặng cho ta trái mộc đào (trái nhỏ hơn trái mộc qua, chua và chát).
6. Thì ta đáp lại bằng món ngọc dao đẹp đẽ.
7. Chẳng phải là để báo đáp,
8. Mà là để giao hảo với nhau lâu dài vậy.

### Dịch thơ

Mộc đào người tặng ném qua.

Quỳnh cù ngọc đẹp mang ra đáp người.

Phải đâu báo đáp vây thôi.

Để cùng tốt đẹp đời đời kết giao.

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý. 瑞 dao, ngọc đẹp.

### CHƯƠNG III

投我以木李	9. Đầu ngā dī mộc lý.
報之以瓊玖	10. Báo chi dī quỳnh cửu.
匪報也	11. Phỉ báo dā,
永以爲好也	12. Vĩnh dī vi hảo dā.

### *Dịch nghĩa*

9. Người quăng sang tặng cho ta trái mộc lý
10. Thì ta đáp lại bằng món ngọc cửu đẹp đẽ
11. Chẳng phải là để báo đáp
12. Mà là để giao hảo với nhau lâu dài vậy

### *Dịch thơ*

*Ném sang mộc lý tặng ta.*

*Ngọc lành quỳnh cửu đưa qua đáp người.*

*Phải đâu báo đáp ai ơi.*

*Để mà giao hảo đời đời cùng nhau.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý. 瑞 dao (đọc kỷ cho hợp vận), tên một thứ ngọc.

*Thiên Mộc qua có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

\*\*\*\*\*

*Thơ nước Vệ có 10 thiên, 34 chương, 203 câu.*

Trương tử nói rằng: Nước Vệ ở bên bờ sông to. Đất dai đơn bạc, cho nên huyết khí con người nồng nỗi; đất dai bằng và thấp, cho nên tính chất con người nhu nhược; đất dai phì nhiêu không phí công cầy cấy, cho nên tâm tình con người lười biếng. Con người mà tính tình như thế, thì giọng nói tiếng hát cũng dâm loạn xa xỉ. Cho nên nghe tiếng nhạc ấy, người ta trở nên lười biếng mà có tâm ý dâm tà. Thơ nước Trịnh cũng như thế.

## 6 - VƯƠNG PHONG.

Vương là nói nhà Chu đóng đô về phía đông ở Lạc Áp, trong vòng kinh kỳ của Vương thành, đất vuông 600 dặm, theo sách *Vũ cống*, nhằm khoảng núi Thái Họa và núi Ngoại Phương thuộc châu Dự, phía bắc thì được vùng Hà Dương, rồi lấn xuống phía nam của châu Ký.

Lúc khởi đầu nhà Chu, Văn vương ở đất Phong, Vũ vương ở đất Hạo, đến đời Thành vương, Chu công bắt đầu dựng Lạc Áp làm chốn hội họp chư hầu lúc bấy giờ, vì cớ đất ấy ở ngay chính giữa, bốn phương đến đấy thì dặm đường xa đồng nhau. Từ đấy gọi đất Phong, Hạo là Tây đô, còn Lạc Áp là Đông đô.

Đến khi U vương sủng ái nàng Bao Tự, sanh ra Bá Phục, phế Hoàng hậu người nước Thân và Thái tử Nghi Cửu. Nghi Cửu chạy sang nước Thân. Thân hầu nổi giận, cùng với rợ Khuyển Nhung đánh Tông Chu, giết U vương ở đất Hý.

Văn hầu nước Tân và Vũ công nước Trịnh rước Thái tử Nghi Cửu ở nước Thân và lập lên làm vua. Ấy là Bình vương. Bình vương dời về Đông đô, tức là Vương thành. Từ đấy nhà Chu lại hèn kém, không khác gì các nước chư hầu. Cho nên

thơ ca không được là nhâ, mà là phong, nhưng vương hiệu chưa bị bỏ, cho nên không gọi là nhà Chu mà gọi là Vương.

Đất Vương này nay ở phủ Hà nam và những châu Hoài, châu Mạnh đó vậy.

## BÀI THỨ 65

### CHƯƠNG I

黍離	Thứ ly. (Vương phong I)
彼黍離離	1. Bỉ thứ ly ly,
彼稷之苗	2. Bỉ tắc chi miêu,
行邁靡靡	3. Hành mại mỵ mỵ,
中心搖搖	4. Trung tâm dao dao.
知我者	5. Tri ngā giả,
謂我心憂	6. Vị ngā tâm ưu.
不知我者	7. Bất tri ngā giả,
謂我何求	8. Vị ngā hà câu.
悠悠蒼天	9. Du du thương thiên,
此何人哉	10. Thứ hà nhân tai?

### *Dịch nghĩa*

1. Kia nếp đā trūi đāu rủi ngọt,
2. Kia mạ lúa vừa lên.
3. Ta đi trên đường chậm chạp,
4. Trong lòng xao xuyến không yên.
5. Người hiểu ta

6. Thị nói lòng ta ưu sầu.
7. Người không hiểu ta.
8. Thị nói ta đang tìm kiếm vật gì.
9. Hồi trời xanh xa thăm kia.
10. Kẻ đã khiến xuôi ra như thế quả là người nào vậy thay?

### *Dịch thơ*

*Ruộng nếp thì quặt đâu ẻo lả.  
 Lúa kia vừa lên mạ khắp nơi.  
 Đi ngang chập bước khôn rời,  
 Trong lòng xao xuyến cảm đời đổi thay.  
 Hiểu lòng ta những ai đó hỡi!  
 Ất nói ta nghĩ ngợi sầu bi.  
 Còn người chẳng hiểu tí chi.  
 Nói ta đang kiếm vật gì thế thôi  
 Trời xanh thăm xa vời cao ngất.  
 Khiến thế này quả thật là ai?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú mà hưng. *黍* *thử*, *nếp*, tên một thứ lúa, mạ giống như cây lau, cao hơn một trượng, gié lúa màu đen, hột tròn và nặng. 離離 *ly ly*, dáng thòng rủ xuống. 稷 *tắc*, cũng là một thứ lúa, có một tên nữa là tế, giống như nếp mà nhỏ hơn, hoặc gọi là thóc. 邁 *mại*, đi. 靡靡 *mÿ mÿ*, chậm chập,搖搖 *dao dao*, xao xuyến không định. 悠悠 *du du*, xa xôi. 蒼天 *thương thiên* (đọc *thương thân* cho hợp vận), trời xanh, ở xa mà trông thì thấy trời xanh xanh.

Nhà Chu đã dời về phía đông, quan đại phu đi làm việc, bước đến đất Tông Chu (kinh đô nhà Chu thời Vũ vương),

ngang qua tông miếu và cung thát xưa đều là lúa nếp trồng lên, thương xót nhà Chu đã nghiêng đổ mà bàng hoàng không nỡ bước đi. Cho nên phô trần những điều đã trông thấy như nếp trầu dầu rủ xuống, mạ lúa mọc lên để khởi hứng, nói đi chậm chậm và lòng xao xuyến. Đã than trách người đương thời không biết tâm ý mình, lại đau xót cho những người đã khiến xuôi đến như thế, quả là người nào vậy thay? Nhớ lại mà oán trách sâu xa.

## CHƯƠNG II

彼黍離離

11. Bỉ thủ ly ly,

彼稷之穂

12. Bỉ tắc chi toại.

行邇糜糜

13. Hành mại mŷ mŷ.

中心如醉

14. Trung tâm như tuý.

知我者

15. Tri ngā giả,

謂我心憂

16. Vị ngā tâm ưu.

不知我者

17. Bất tri ngā giả,

謂我何求

18. Vị ngā hà cầu.

悠悠蒼天

19. Du du thương thiên,

此何人哉

20. Thủ hà nhân tai?

### *Dịch nghĩa*

11. Kìa nếp đã trầu dầu rủ ngọn,

12. Kìa lúa đã trổ bông rủ chùm xuống.

13. Ta đi trên đường chậm chậm.

14. Trong lòng như đang cơn say.

15. Người hiểu ta
16. Thì nói lòng ta ưu sầu.
17. Người không hiểu ta
18. Thì nói ta đang tìm kiếm vật gì.
19. Hồi trời xanh xa thăm kia,
20. Kẻ đã khiến xuôi ra như thế quả là người nào vậy  
thay?

*Dịch thơ*

*Cây nếp đã quặt đầu thông rủ.  
Lúa trổ bông đầy đủ khắp đồng.  
Ta đi chậm chậm nhìn trông.  
Bồi hồi xót cảm trong lòng như say.  
Tắc lòng ta những ai hiểu rõ  
Ất nói ta vò vĩnh sầu đau.  
Người mà chẳng hiểu vì sao  
Nói ta đang kiếm vật nào đấy thôi.  
Trời xanh thăm xa vời cao cả,  
Khiến thế này thật quả rằng ai?*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú mà hứng. 穩 toại, lúa trổ bông thành gié rủ thông xuống như lòng đang say cho nên mới khởi hứng.

**CHƯƠNG III**

彼黍離離

21. Bỉ thủ ly ly,

彼稷之實

22. Bỉ tắc chi thật.

- |         |                         |
|---------|-------------------------|
| 行 遇 糜 糜 | 23. Hành mại mỵ mỵ.     |
| 中 心 如 噎 | 24. Trung tâm như yết.  |
| 知 我 者   | 25. Tri ngã già,        |
| 謂 我 心 憂 | 26. Vị ngã tâm ưu.      |
| 不 知 我 者 | 27. Bất tri ngã già,    |
| 謂 我 何 求 | 28. Vị ngã hà cầu.      |
| 悠 悠 蒼 天 | 29. Du du thương thiên, |
| 此 何 人 哉 | 30. Thủ hà nhân tai!    |

*Dịch nghĩa*

21. Kìa nếp đã trùi đầu rủ ngọn,
22. Lúa kia đã kết hột.
23. Ta đi trên đường chậm chạp,
24. Trong lòng như nghẹn ngào.
25. Người hiểu ta
26. Thì nói lòng ta ưu sâu.
27. Người không hiểu ta,
28. Thì nói ta đang tìm kiếm vật gì.
29. Hồi trời xanh xa thẳm kia,
30. Kẻ đã khiến xuôi ra như thế quả là người nào vậy thay?

*Dịch thơ*

*Cây nếp đã quặt đầu tươi tốt,  
 Cây lúa đã kết hột khắp rồi.  
 Ta đi chậm bước bồi hồi.  
 Nghẹn ngào tác da cảm đời biến thay*

Tác lòng ta những ai hiểu biết,  
Ất nói ta chi xiết sâu bi!  
Còn người chẳng hiểu chút gì,  
Nói ta đang kiếm vật chi đây mà.  
Trời xanh thẳm cao xa vời.  
Khiến thế này thật hỏi là ai?

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú mà hứng. 噢 yết, quá ưu sầu mà nghẹn ngào không thể thở thông hơi, như ăn cơm mà bị nghẹn. Lúa kết hột như lòng nghẹn ngào, cho nên để dùng khởi hứng.

*Thiên Thủ ly có 3 chương, mỗi chương 10 câu.*

Lưu thị ở Nguyên thành nói rằng: Tâm tình của người thường, gặp việc buồn hay vui, lúc gặp lần đầu, thì lòng có biến động, gặp lần thứ nhì thì lòng biến động kém bớt, gặp lần thứ ba thì lòng như thường, không còn biến động nữa.

Còn đến tâm tình trung hậu của người quân tử thì không như thế.

Người đi làm qua lại chỗ ấy, hẳn là không phải chỉ thấy có một lần. Lúc đầu người thấy lúa lên mạ, lại thấy lúa trổ bông, rồi thấy lúa kết hột, mà lòng cảm động trước sau đều như một, không biến động ít đi mà lại càng sâu xa hơn nữa. Đây là tình ý của người làm thơ này.

## BÀI THÚ 66

### CHƯƠNG I

君子于役

Quân tử vu dịch. (Vương phong 2)

君子于役

1. Quân tử vu dịch,

不 知 其 期	2. Bất tri kỳ kỳ.
何 至 哉	3. Hạt chí tai?
雞 棲 于 墣	4. Kê thê vu thì,
日 之 夕 矣	5. Nhật chi tịch hī.
羊 牛 下 來	6. Dương ngưu hạ lai.
君 子 于 役	7. Quân tử vu dịch,
如 之 何 勿 思	8. Như chi hà vật tư?

### *Dịch nghĩa*

1. Chàng đi làm
2. Không biết hạn kỳ trở về.
3. (Hôm nay) chàng đi đến nơi nào vậy thay?
4. Gà đậu trên ổi,
5. Ngày đã tối rồi.
6. Dê và bò đã trở về.
6. Chàng đi làm,
8. Làm sao em chẳng trông nhớ được?

### *Dịch thơ*

*Bấy lâu chàng tách ra đi.  
Trở về chẳng rõ hạn kỳ nào hay.  
Bấy giờ chàng tới đâu đây?  
Gà vừa lên ổi cả bầy yên nơi.  
Ngày đã bẳng lảng tối rồi,  
Bò dê lần lượt nôi đuôi về chuồng.  
Bấy lâu chàng tách đi luôn.  
Làm sao em chẳng nhớ buồn vì ai?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. *君子* *quân tử*, tiếng của người vợ gọi chồng. *時* *thì*, ố gà, đực tường cho gà đẻ.

Ngày đã tối thì dê về chuồng trước, rồi bò tiếp theo sau. Quan đại phu đi làm đã lâu ở ngoài, vợ ở nhà tưởng nhớ mà bày tỏ rằng: Chàng đi làm không biết ngày nào trở về, và lại hôm nay đi đến nơi nào vậy thay?

Gà thì đã đẻ trên ố, ngày đã tối, bò dê đã về đến rồi, thế thì loài vật nuôi trong nhà đi và về có định kỳ sớm tối (sớm đi chiều về), còn chàng đi làm lại không có thì giờ nghỉ ngơi, khiến em thế nào mà chẳng trông nhớ vậy thay?

### *Chú giải của Dịch giả*

*牛* *ngưu* là con bò, còn *水牛* *thuỷ ngưu* là con trâu. Nhưng thương trâu cũng gọi là ngưu. Ở đây bò hay trâu cũng không quan hệ lắm.

## CHƯƠNG II

君子于役

9. *Quân tử vu dịch,*

不日不月

10. *Bất nhật bất nguyệt.*

曷其有括

11. *Hạt kỳ hữu quát?*

雞棲于桀

12. *Kê thê vu kiệt,*

日之夕矣

13. *Nhật chi tịch hī.*

羊牛下括

14. *Dương ngưu hạ quát.*

君子于役

15. *Quân tử vu dịch,*

笱無飢渴

16. *Cẩu vô cơ khát*

### *Dịch nghĩa*

9. Chàng đi làm
10. Quá lâu không tính được ngày tháng đã bao nhiêu.
11. Lúc nào mới trở về hội ngộ với em?
12. Gà đậu trên cây gác,
13. Ngày đã tối rồi,
14. Dê và bò đã về đến.
15. Chàng đi làm.
16. Vả lại em chỉ mong mỗi cho chàng khỏi đói khát mà thôi.

### *Dịch thơ*

*Đi làm chàng đã xa nhà  
Tháng ngày nào biết tính là được bao.  
Đoàn viên biết đến lúc nào?  
Yên nơi gà đã đậu vào khắp cây.  
Chiều hôm bảng lảng tối ngay.  
Bò dê lần lượt đã quay về rồi.  
Chàng làm ở chốn xa xôi.  
Miễn không đói khát, chàng ôi em nguyễn.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 括 quát (đọc huyệt cho hợp vận), hội ngộ 桀 kiệt, cây gác lên cho gà đậu. 括 quát (đọc quyết cho hợp vận) đến. 箕 cẩu, vả lại.

Chàng đi làm đã lâu, không thể lấy ngày tháng mà tính được, vả lại không biết chàng bao giờ mới có thể trở về hội ngộ đoàn viên với em. Em cũng chỉ mong cho chàng khỏi đói khát mà thôi. Đây là sâu lo sâu nặng mà trông nhớ thiết tha.

*Thiên Quân tử vu dịch có 2 chương, mỗi chương 8 câu.*

# BÀI THÚ 67

## CHƯƠNG I

君子 陽 陽

Quân tử dương dương  
(Vương phong 3)

君子 陽 陽

1. Quân tử dương dương,

左 执 簪

2. Tả chấp hoàng,

右 招 我 由 房

3. Hữu chiêu ngā do phòng.

其 樂 只 且

4. Kỳ lạc chỉ thư.

### *Dịch nghĩa*

1. Chàng xem dáng đặc ý lăm,
2. Tay trái cầm ống sáo,
3. Tay mặt vẫy em theo vào phòng (mà nghe thổi sáo).
4. Thú vui của chàng chỉ có thể thôi.

### *Dịch thơ*

*Chàng xem đặc ý dương dương.*

*Sáo cầm tay trái, đường đường thung dung.*

*Vẫy em tay mặt vào phòng,*

*Thú chàng vui thích chỉ vòng áy thôi!*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 陽陽 *dương dương*, dáng đặc chí. 簪 *hoàng*, cái lưỡi gà, miếng bằng kim thuộc mỏng đặt trong ống sanh ống vu (loại sáo để thổi) vì rằng ống sanh ống vu đều lấy ống trúc đặt ở trong cái bầu, thoát lỗ một bên ở đáy

ống trúc, lấy miếng kim thuộc mỏng che lại, thổi vào thì khua động mà phát ra tiếng. Đó là nói về cái hoàng, cái lưỡi gà. Cho nên ống sanh ống vu đều có cái lưỡi gà, đều được gọi là hoàng. Ống sanh có 13 hoặc 19 lưỡi gà. Ống vu có 16 lưỡi gà. 由 do, theo. 房 phòng, phòng phía đông. 只且 chỉ thư, tiếng ngữ trợ từ, tiếng đưa theo câu nói.

Bài thơ này nghi là cũng do người vợ ở thiên trên làm ra. Vì rằng chồng nàng đã trở về, không lấy việc đi làm là vất vả lao nhọc, mà yên phận nghèo hèn làm vui. Người nhà lại biết ý chí của chàng mà khen tặng đậm đà, thì đều có thể nói là người hiền vậy. Cho nên há chẳng phải là ơn trạch của tiên vương vậy thay?

Hoặc nói rằng giải thuyết của bài tự cũng thông lý. Lại càng phải hiểu rõ vậy.

## CHƯƠNG II

君子陶陶

5. Quân tử dao dao,

左執翫

6. Tả chấp dào,

右招我由敖

7. Hữu chiêu ngã do ngao.

其樂只且

8. Kỳ lạc chỉ thư.

### *Dịch nghĩa*

5. Chàng xem dáng hoà vui lẩm,
6. Tay trái cầm cây đào bằng lông đê múa,
7. Tay mặt vẫy em theo vào chỗ nhảy múa.
8. Thú vui của chàng chỉ có thể thôi.

### *Dịch thơ*

*Chàng xem vui thuận xiết bao!*

Bên tay trái nắm cái đao bằng lông,  
Vẩy em tay măt vào cùng,  
Thú chàng vui thích chỉ vòng ấy thôi!

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 陶陶 *dao dao*, dáng vui vẻ hoà thuận. 翩 *đào*, vật kết bằng lông để cầm khi nhảy múa. 敖 *ngao*, chồ nhảy múa.

*Thiên Quân tử dương dương có 2 chương, mỗi chương 4 câu*

## BÀI THÚ 68

### CHƯƠNG I

楊 之 水	Dương chi thuỷ. (Vương phong 4)
楊 之 水	1. Dương chi thuỷ,
不 流 東 薪	2. Bất lưu thúc tân.
彼 其 之 子	3. Bỉ ký chi tử,
不 與 我 戌 申	4. Bất dữ ngã thú Thân.
懷 哉 懷 哉	5. Hoài tai! Hoài tai!
曷 月 予 還 歸 哉	6. Hạt nguyệt dư hoàn quy tai?

### *Dịch nghĩa*

1. Dòng nước chảy lờ đờ,
2. Không cuộn trôi được bó củi.
3. Nàng kia ôi!
4. Không cùng với ta đóng đồn trấn giữ nước Thân?
5. Nhớ nhung thay! Nhớ nhung thay!

6. Tháng nào ta mới trở về được vậy thay?

### *Dịch thơ*

*Lòng đất nước chảy lặng xuôi,  
Còn nguyên bờ cát chảng trôi kia mà.  
Nàng ôi sao cứ ở nhà,  
Nước Thân chảng đến cùng ta thủ phòng.  
Nhớ nhung ơi hối nhớ nhung!  
Tháng nào ta được trùng phùng về quê?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hùng. 陽 dương, dâng nước chảy chậm chậm. 彼其之子 bì kí chi tử (kí là tiếng trợ ngữ từ, tiếng đệm vào câu nói, không có nghĩa), người kia ấy, tiếng người đi lính thú chỉ vợ ở nhà mà nói. 束 thúc, đồn binh lại mà trấn giữ. 申 Thân, nước Thân. Thân hâu họ Khương, nước của mẹ vua Bình vương nhà Chu, nay ở vùng quân (khu vực hành chánh) Tín Dương thuộc Đặng châu. 懷 hoài, nhớ. 昙 hat, sao?

Vua Bình vương cho là nước Thân ở gần nước Sở, bị nhiều lần xâm phạt cho nên mới khiến dân chúng ở trong kinh kỳ đi đông đến trấn giữ cho. Những người đi hành thú ấy than oán nhớ nhà mà làm bài thơ này. Khởi hùng mà chảng lấy hai chữ như theo lệ ở thiên Tiểu tinh.

## CHƯƠNG II

楊之水

不流束楚

彼其之子

7. Dương chi thuỷ,

8. Bất lưu thúc sở.

9. Bỉ kỳ chi tử,

不與我戍甫	10. Bất dữ ngã thú Phủ.
懷哉懷哉	11. Hoài tai! Hoài tai!
曷月予還歸哉	12. Hạt nguyệt dư hoàn quy tai!

### *Dịch nghĩa*

7. Dòng nước chảy lờ đờ,
8. Không cuộn trôi được bó cây sô.
9. Nàng kia ôi!
10. Không cùng ta đóng đồn trấn giữ nước Phủ.
11. Nhớ nhung thay! Nhớ nhung thay!
12. Tháng nào ta mới trở về được vậy thay?

### *Dịch thơ*

- Lờ đờ nước chảy lặng yên.*  
*Chẳng trôi bó sô còn nguyên bên dòng.*  
*Nàng ôi sao nỡ đành lòng?*  
*Chẳng sang nước Phủ trú phòng đủ đôi.*  
*Nhớ nhung nhung nhớ bồi hồi.*  
*Tháng nào ta mới được rời về quê?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng. 楚 sô, một thứ cây. 甫 Phủ, tức là nước Lữ. Lữ hầu cũng là họ Khương. Thư kinh nói là Lữ hình, sách Lê ký nói là Phủ hình, mà Khổng thị cho là Lữ hầu, rồi sau lại Phủ hầu là đáy.

Dương lúc ấy vì có nước Thân mà phải đồn thú luôn ở nước Phu, nay chưa biết nước này ở chốn nào, tính ra cũng không xa hơn nước Thân và nước Hứa.

### CHƯƠNG III

楊 之 水	13. Dương chi thuỷ,
不 流 束 蒲	14. Bất lưu thúc bồ,
彼 其 之 子	15. Bỉ ký chi tử,
不 與 我 束 許	16. Bất dữ ngã thú Hủ?
懷 哉 懷 哉	17. Hoài tai! Hoài tai!
曷 月 予 還 歸 哉	18. Hạt nguyệt dư hoàn quy tai!

#### *Dịch nghĩa*

13. Dòng nước chảy lờ đờ.
14. Không cuốn trôi được bó bồ liễu.
15. Nàng kia ôi!
16. Không cùng với ta đóng đồn trấn giữ nước Hủ (Húa).
17. Nhớ nhung thay! Nhớ nhung thay!
18. Tháng nào ta mới trở về được vậy thay?

#### *Dịch thơ*

*Kìa dòng nước chảy lờ đờ.  
Bó cây bồ liễu sờ sờ chẳng trôi.  
Ở nhà sao mãi nàng ôi?  
Chẳng sang nước Húa đủ đôi trú phòng?  
Nhớ thương, thương nhớ tắc lòng,  
Tháng nào ta được trùng phùng về quê?*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng. 蒲 bồ, cây bồ liễu. Truyện *Xuân thu* nói cây bồ liễu ở Đổng Trạch. Đỗ thị nói bồ là cây

dương liễu có thể làm tên để bắn là đây. 許 **Hứ** (Hứa), tê nước Hứ, Hứ hầu cũng họ Khương, nay ở huyện Hứa Xương thuộc phủ Dinh Xương là đây.

*Thiên Dương chi thuỷ có 3 chương, mỗi chương 6 câu.*

Thân hầu (vua nước Thân) cùng với rợ Khuyển nhung đánh Tông Chu và giết U vương. Theo luật vua, Thân hầu ắt phải bị tru di, vì là đứa giặc không thể tha thứ được, là kẻ thù không đội trời chung của Bình vương và của thần dân nhà Chu. Nay Bình vương chỉ biết có mẹ mà không biết có cha, biết việc lập mình làm vua là ân đức, mà không biết việc giết cha mình là thù oán, cho đến khiến quân đội dành để đi phục thù trái lại làm những nghĩa cử đền ơn. Thì Bình vương đã quên cha và trái lẽ, đắc tội với thiên hạ đã quá lầm rồi. Huống chi theo pháp chế của tiên vương, nếu chư hầu có biến cố, thì phuơng bá (chư hầu làm bực trưởng) phải liên hợp quân đội, đem quân đội của chư hầu đến trừ dẹp. Nếu vương thất nhà Chu có biến cố, thì phuơng bá phải liên hợp quân đội, đem quân đội của chư hầu đến giải cứu. Dân chúng trong nước của thiên tử chỉ lo nộp thuế vụ bảo vệ vương thất nhà Chu mà thôi.

Nay Bình vương không thể thi hành uy lệnh của mình ra thiên hạ, thì chớ vì cớ bảo bộc nhà họ mẹ mà làm khổ nhọc nhân dân trong nước, cho đi đồn thú chốn xa xôi ở nước chư hầu. Cho nên dân nước nhà Chu đi đồn thú ở nước Thân, lại cho đó không phải là nhiệm vụ của mình, mà than oán nhớ nhà. Thì việc suy bại yếu hèn của Bình vương và đắc tội với dân lại có thể thấy rõ. Than ôi! Việc nghiên cứu thi ca để biết việc chính trị xấu tốt, không còn nữa, thì về sau sách *Xuân thu* được làm ra, há chẳng phải vì cớ đó hay sao?

# BÀI THỨ 69

## CHƯƠNG I

中 谷 有 蕤	Trung cốc hữu thôi (Vương phong 5)
中 谷 有 蕤	1. Trung cốc hữu thôi.
嘆 其 乾 矣	2. Hân kỳ can hī!
有 女 仳 离	3. Hữu nữ phi ly,
慨 其 嘆 矣	4. Khải kỳ thán hī!
慨 其 嘆 矣	5. Khải kỳ thán hī!
遇 人 之 艱 矣	6. Ngộ nhân chi gian nan hī!

### *Dịch nghĩa*

1. Trong hang có cây thôi,
2. Đã héo khô rồi vậy.
3. Có người vợ bị chia lìa.
4. Uất hòn than thở.
5. Uất hòn than thở,
6. Vì đã gặp người chồng khốn cùng vậy!

### *Dịch thơ*

*Ở trong hang có cây thôi,  
Lá cành trơ trọi khô rồi thế kia.  
Có người vợ bị xa lìa,  
Thở than cho cảnh phân chia vợ chồng.  
Thở than uất ức tắc lòng,  
Gặp người phải bước khốn cùng gian nan.*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng. 蕤 thoi, cây chuy, lá giống lá chuy, cọng vuông, hoa trắng, hoa mọc ra ở chỗ cái mắt, tức nay là cây ích mẫu thảo. 嘆 hān, khô. 仳 phỉ, chia biệt.慨 khai, tiếng than. 艱難 gian nan, cùng ách, khốn cùng.

Năm mắt mùa mà dói kém, vợ chồng phụ bỏ nhau, người vợ thấy vật khô héo mà khởi hưng, tự thuật lại lời sâu than.

## CHƯƠNG II

中 谷 有 蕤	7. Trung cốc hữu thoi,
嘆 其 憔 矣	8. Hān kỳ tu hī.
有 女 仳 離	9. Hữu nữ phỉ ly.
條 其 歓 矣	10. Điều kỳ tiếu hī.
條 其 歓 矣	11. Điều kỳ tiếu hī.
遇 人 之 不 淑 矣	12. Ngộ nhân chi bất thực hī.

### *Dịch nghĩa*

7. Trong hang có cây thoi,
8. Đã héo khô rồi vậy.
9. Có người vợ bị xa lìa,
10. Chép miệng mà thở dài.
11. Chép miệng mà thở dài,
12. Vì gấp phải người chẳng hiền lành vậy.

### *Dịch thơ*

*Cỏ cây thoi ở trong hang,  
Lá cành trơ trọi khô tàn còn chi.*

*Có người vợ đã chia ly.*

*Thở dài chép miệng sâu bi một mình.*

*Thở dài chép miệng chỉ đành.*

*Gặp người chẳng phải hiền lành thuỷ chung.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hùng. 倏 tu (đọc *thúc* cho hợp vận), dài, hoặc là khô, như thịt cắt miếng dài mà phơi khô gọi là tu. 條 điêu, dáng chép miệng thở than. 痴 tiếu (đọc *túc* cho hợp vận), chép miệng mà thở dài. Quá sâu bi hận tủi, chẳng phải than thở mà thôi, lại còn chép miệng thở dài nữa. 淑 *thực*, lành. Ngày xưa gọi việc tử vong, tang tóc và đói kém đều là 不淑 *bát thực* (việc chẳng lành), vì rằng lấy việc tốt lành mừng vui làm 善事 *thiên sự* (việc lành), còn việc dữ, việc tai hoạ làm 不善事 *bát thiện sự* (việc chẳng lành). Ngôn ngữ người bây giờ cũng thế.

Tăng thị nói rằng: Gặp năm đói kém mất mùa mà vội phụ phàng bỗn nhau thì ân tình đã suy bại bạc bẽo lấm rỗi, mà nhà thơ lại nói vì gặp phải người khốn cùng, gặp phải người chẳng hiền lành, mà không có lời oán trách nặng nề, thì người vợ ấy rất là trung hậu.

## CHƯƠNG III

中 谷 有 蕤

嘆 其 濡 矣

有 女 仳 離

啜 其 泣 矣

啜 其 泣 矣

何嗟 及 矣

13. Trung cốc hữu thôii,

14. Hân kỳ thấp hī,

15. Hữu nữ phi ly,

16. Truyết kỳ khấp hī.

17. Truyết kỳ khấp hī.

18. Hà ta cập hī?

### *Dịch nghĩa*

13. Trong hang có cây thôii.
14. Mọc chõi ẩm ướt mà cõng khô.
15. Có người vợ bị chia lìa.
16. Rưng rưng khóc
17. Rưng rưng khóc.
18. Cuối cùng sẽ làm sao?

### *Dịch thơ*

*Trong hang có cây thôii.*

*Tuy trong chõi ướt, mà coi khô tàn.*

*Có người vợ bị lìa tan*

*Rưng rưng nước mắt, khôn ngăń khóc thầm.*

*Rưng rưng giọt lệ ướt đầm*

*Ôi thôii há biết sẽ làm ra sao?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng. 暝濕 *hān tháp*, nắng hạn rất  
gắt, cỏ mọc ở chõi ẩm ướt cõng chảng khỏi khô cháy. 瞬  
truyết, dáng khóc ra nước mắt. 何嗟及矣 *hà ta cập hĩ*, nói việc  
đã đến thế ấy thì không còn biết làm thế nào? Thật là cùng  
khốn!

*Thiên Trung cốc hưu thôii có 3 chương, mỗi chương 6  
câu.*

Phạm thị nói rằng: Đời bình trị thì gia đình bôc lấy  
nhau, ấy là được vua lo nuôi dưỡng. Đời loạn lạc thì gia đình  
lìa bỏ nhau, ấy là bị vua tàn hại. Việc vua sai khiến thi nhọc  
nhắn, thuế vua thâu góp thì nặng nề, bởi thế ân tình giữa vợ  
chồng ngày một suy giảm bạc bẽo, rồi đến năm mất mùa đói  
không khỏi lìa tan.

Y Doān nói rằng: Một kẻ thất phu hay một kẻ thất phụ nếu chẳng đem hết tâm lực phụng sự cho vua, thì vua chẳng lấy gì mà thành công (Không được sự tận tình hưởng ứng giúp sức của dân, vua chẳng thành công được gì cả).

Cho nên người đọc *Thi kinh*, hễ thấy một việc gì mất chỗ thích hợp của nó, thì biết chính trị của vua không hay; hễ thấy một người vợ bị đuổi bỏ thì biết nhân dân cùng khôn. Chính trị của nhà Chu thì hoang phế, dân chúng thì lìa tan, mà rồi sẽ không lấy gì làm một quốc gia nữa, chỉ ở đây cũng có thể nhận thấy rồi.

## BÀI THÚ 70

### CHƯƠNG I

兔 爰	Thô viên. (Vương phong 6)
有 兔 爰 爰	1. Hữu thô viên viên.
雉 離 于 羅	2. Trĩ lệ vu la.
我 生 之 初	3. Ngā sinh chi sơ,
尙 無 爲	4. Thượng vô vi.
我 生 之 後	5. Ngā sinh chi hậu,
逢 此 百 羅	6. Phùng thử bách ly.
尙 寢 無 叱	7. Thượng my vô ngoa.

### *Dịch nghĩa*

1. Có con thỏ (vì giảo quyết, được thoát khỏi lưới) thung dung thư thả.
2. Con chim trĩ (vì chính trực) mắc vào lưới.
3. Đầu đời của ta sống.

4. (Thiên hạ) còn vô sự.
5. Cuối cuộc đời của ta sống,
6. Thì gặp (lúc biến loạn) trăm mối lo âu.
7. (Ta chẳng làm sao được) chỉ mong ngủ yên không động dây.

### *Dịch thơ*

*Thỏ xảo quyết thung dung vừa thoát,  
Trĩ thảng ngay lại mắc lưới rồi.  
Ban đầu ta mới ra đời,  
Thì đều vô sự thành thời an nhàn.  
Sóng phản cuối đời tàn cho dứt,  
Gặp trăm điều khổ cực ưu lo.  
Mong sao một giấc ngủ khò.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý. 兔 *thỏ*, con thỏ. tính xảo quyết. 爰爰 *viên vien*, ý thung dung thư thả. 雉 *trĩ*, chim trĩ tính thảng thán. 罗 lê, phụ vào mắc vào. 尚 *thương* (ở câu 4), còn. 罗 ly (đọc *la* cho hợp vận), ưu lo. 尚 *thượng* (ở câu 7), ngô hâu, mong. 吻 *ngoa*, động.

Nhà Chu suy hèn, chư hầu bội phản, người quân tử không vui sống, mới làm bài thơ này. Nói rằng: Giăng lưới vốn là để bắt thỏ nay thỏ xảo quyết tinh ranh được thoát khỏi, còn chim trĩ vì tính thảng thán, trái lại bị mắc vào trong lưới, để ví rằng: Đứa tiểu nhân gây nên biến loạn, nhờ mưu kế xảo trá mà thoát khỏi. Con người quân tử không có tội gì, lại vì tính trung trực mà mắc tai hoạ.

Người làm bài thơ này vì đã thấy được sự cường thịnh của Tây Chu, cho nên nói rằng: Vừa đầu đời của ta sinh ra, thiên hạ còn vô sự, đến cuối đời của ta sống, thì gặp lúc

nhiều tai nạn như thế. Nhưng đã là không làm gì được, thì chỉ mong ngủ yên không động dậy để chết luôn đi thôi.

Hoặc nói chương này thuộc hứng, lấy việc con thỏ thư thả thung dung để khởi hứng đời vô sự an nhàn, lấy việc con trĩ bị mắc vào lưới để khởi hứng đời biến loạn lầm việc lo âu.

Chương sau cũng phỏng theo đây.

## CHƯƠNG II

有 兔 爰 爰

8. Hữu thỏ viên viên,

雉 離 于 署

9. Trĩ lệ vu phu.

我 生 之 初

10. Ngā sinh chi sơ,

尙 無 造

11. Thượng vô tạo.

我 生 之 後

12. Ngā sinh chi hậu,

逢 此 百 憂

13. Phùng thử bách ưu.

尙 眠 無 覺

14. Thượng my vô giác.

### *Dịch nghĩa*

8. Có con thỏ (xảo quyết, được thoát khỏi lưới) thung dung thư thả.

9. Con chim trĩ (vì chính trực) mắc vào lưới.

10. Đầu đời của ta sống.

11. Thì không có tạo nên biến loạn gì.

12. Cuối đời của ta sống,

13. Thì gặp (lúc biến loạn) trăm mối lo âu.

14. (Ta chẳng làm sao được) chỉ mong ngủ yên không thức dậy.

### *Dịch thơ*

*Thỏ thoát lưới thung dung xảo trá,  
Trī thǎng ngay lưới đã mǎc vào.  
Ta sinh ra lúc ban đầu  
Thuở không tạo biến chốn nào cung an.  
Sóng phần cuối đời tàn cho dứt.  
Gặp trăm điều khổ cực ưu buồn.  
Mong nằm chǎng dậy, ngủ luôn.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý. 罢 phu (đọc biếu cho hợp vận), cái lưới để úp xuống mà bắt thỏ. 造 tạo, cũng là làm. 覺 giác (đọc giếu cho hợp vận), thức.

## CHƯƠNG III

有兔爰爰	15. Hữu thố viên viên.
雉離于憧	16. Trī lệ vu xung.
我生之初	17. Ngā sinh chi sơ,
尚無庸	18. Thượng vô dung.
我生之後	19. Ngā sinh chi hậu,
逢此百凶	20. Phùng thử bách hung.
尚寐無聰	21. Thượng my vô thông.

### *Dịch nghĩa*

15. Có con thỏ (vì xảo quyết được thoát khỏi lưới) thung dung thư thả.
16. Con chim trī (vì chính trực) mắc vào lưới.

17. Đầu đời của ta sống.
18. Thì không dùng đến binh đao chinh phạt.
19. Cuối đời của ta sống.
20. Thì gặp (lúc biến loạn) trăm mối hung dữ.
21. (Ta chẳng làm sao được) chỉ mong ngủ yên không nghe gì hết.

### *Dịch thơ*

*Thỏ thoát lưới thung dung tinh quái,  
 Trí thẳng ngay mắc phải lưới rồi.  
 Ban đầu ta sống cuộc đời.  
 Không dùng chinh chiến, khắp nơi thanh bình.  
 Sóng đoạn cuối đời mình cho dùt.  
 Gặp trăm điều hung rất khắt khe.  
 Mong nằm ngủ mãi chẳng nghe.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý. 憊 xung, cái lưới, để úp xuống mà bắt thỏ, hoặc nói là giăng lưới ở trên xe để bắt. 謂 dung, dùng. 聽 thông, nghe. Không nghe gì nữa cả thì là chết đi thôi.

*Thiên Thổ viễn có 3 chương, mỗi chương 7 câu.*

## BÀI THÚ 71

### CHƯƠNG I

葛 蔷	Cát luỹ. (Vương phong 7)
綿 綿 葛 蔷	1. Miên miên cát luỹ,
在 河 之 潤	2. Tại Hà chi hử.

- |      |                         |
|------|-------------------------|
| 終遠兄弟 | 3. Chung viễn huynh đệ, |
| 謂他人父 | 4. Vị tha nhân phụ.     |
| 謂他人父 | 5. Vị tha nhân phụ.     |
| 亦莫我顧 | 6. Diệc mạc ngã cõ.     |

### *Dịch nghĩa*

1. Dây sắn mọc dài ra không dứt
2. Ở trên bờ sông Hoàng Hà.
3. Rót cùng phải xa anh em.
4. Gọi người ngoài là cha.
5. Tuy mình đã gọi người ấy là cha,
6. Nhưng người cũng chẳng đoái hoài gì đến mình cả.

### *Dịch thơ*

*Lan xa dây săn mọc dài.  
Hoàng Hà đã thấy khắp ngoài bờ sông.  
Anh em xa cách rót cùng.  
Gọi bằng cha thật một ông lạ nào.  
Gọi cha thành thật xiết bao!  
Mà người chẳng chịu đoái vào xót thương.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng.绵绵 *miên miên*, mọc dài ra mà không dứt.滌滌 *hồ*, trên bờ.

Đời lụn suy, dân ly tán, có kẻ bỏ làng quê gia tộc, mất chỗ nương náu, trôi nổi linh đình, mới làm bài thơ này để tự than thở.

Nói dây sắn mọc dài ra không dứt ở trên bờ sông Hoàng Hà. Nay rốt lại phải xa anh em, mà gọi người dưng người lạ

là cha mình. Tuy mình đã gọi người kia là cha, mà người kia cũng chẳng đoái hoài gì đến mình cả, thì đã quá cùng khốn.

## CHƯƠNG II

綿 綿 葛 蔴

在 河 之 淢

終 遠 兄 弟

謂 他 人 母

謂 他 人 母

亦 莫 我 有

7. Miên miên cát luỹ,

8. Tại hà chi sĩ.

9. Chung viễn huynh đệ,

10. Vị tha nhân mẫu.

11. Vị tha nhân mẫu.

12. Diệc mạc ngã hữu.

### *Dịch nghĩa*

7. Dây sắn mọc dài ra không dứt

8. Ở trên bờ sông Hoàng Hà.

9. Rót cùng phải xa anh em.

10. Gọi bà kia, kẻ lạ là mẹ mình.

11. Tuy mình gọi bà kia là mẹ.

12. Nhưng người cũng chẳng biết đến mình gì cả.

### *Dịch thơ*

*Liên miên dây sắn mọc dài.*

*Hoàng Hà bờ nọ lên đây khắp nơi.*

*Anh em rót đã chia phôi.*

*Gọi bằng mẹ thật một người lạ xa.*

*Gọi bằng mẹ thật đây mà,*

*Nhưng người chẳng biết đến ta chút gì.*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng. 淚 *sī* (thuỷ), bờ nước. 母 *mǔ* (đọc *mỹ* cho hợp vận). Hết gọi người lạ kia là cha, thì phải gọi vợ người ấy là mẹ. 有 *hữu* (đọc *hý* cho hợp vận), biết là có. Truyện *Xuân thu* nói: *Bất hữu quả quân* (không biết có nhà vua. Mình đến nước khác thì gọi vua nước mình là *quả quân*).

## CHƯƠNG III

綿 綿 葛 蔴

13. Miên miên cát luý,

在 河 之 滑

14. Tại hà chi thân.

終 遠 兄 弟

15. Chung viễn huynh đệ,

謂 他 人 昆

16. Vị tha nhân côn.

謂 他 人 昆

17. Vị tha nhân côn.

亦 莫 我 聞

18. Diệc mạc ngã văn.

### *Dịch nghĩa*

13. Dây săn mọc dài ra không dứt

14. Ở trên bờ sông Hoàng Hà.

15. Rốt cùng phải xa anh em.

16. Gọi người lạ kia bằng anh.

17. Tuy mình gọi người lạ kia bằng anh,

18. Nhưng người cũng chẳng chịu nghe theo mình.

### *Dịch thơ*

*Liên miên dây săn mọc lên.*

*Hoàng Hà bờ nọ đã chen rậm dây.*

*Anh em rót phải chia tay.*

*Kết thân lại gọi chàng này bằng anh.  
Bằng anh gọi thật chân thành,  
Nhưng người chẳng chịu nghe mình chút chi.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hùng 滑 thân, bờ nước, trên bờ lài lài và đổ trùt xuống, là nói như cái mồi, cái bờ, 昆 côn (đọc quân cho hợp vận), anh, 聞 văn (đọc vân cho hợp vận), nghe theo nhau.

*Thiên Cát luý có 3 chương, mỗi chương 6 câu.*

## BÀI THỨ 72

### CHƯƠNG I

- |         |                            |
|---------|----------------------------|
| 采 葛     | Thái cát. (Vương phong 8). |
| 彼 采 葛 兮 | 1. Bỉ thái cát hê.         |
| 一 日 不 見 | 2. Nhất nhật bất kiến,     |
| 如 三 月 兮 | 3. Như tam Nguyệt hê.      |

### *Dịch nghĩa*

1. Người kia đi hái dây sắn (dây đay),
2. Một ngày mà không thấy nhau,
3. Thì đằng đằng như ba tháng vậy.

### *Dịch thơ*

*Kìa người hái sắn hái đay.  
Trong nhau không thấy một ngày tương tư  
Lâu như ba tháng đợi chờ.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 采葛 *thái cát* (đọc *yết* cho hợp vận), hái dây sắn, dây đay để dệt vải thô vải mịn: Ấy là đứa dâm bôn nói thác như thế để ra đi, cho nên nhân thế chỉ người ấy mà nói tưởng nhớ quá sâu đậm, chưa lâu mà tưởng lâu vậy.

## CHƯƠNG II

- |      |                        |
|------|------------------------|
| 彼采蘋兮 | 4. Bỉ thái tiêu hề.    |
| 一日不見 | 5. Nhất nhật bất kiến, |
| 如三秋兮 | 6. Như tam thu hề!     |

### *Dịch nghĩa*

4. Người kia đi hái cỏ tiêu.
5. Một ngày mà không thấy nhau.
6. Thời đằng đằng như ba mùa vậy (9 tháng).

### *Dịch thơ*

*Cỏ tiêu đi hái kia ai.  
Xa nhau chẳng gặp một ngày đợi trông  
Bằng ba mùa đã chát chồng.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 蘋 *tiêu* (đọc *sưu* cho hợp vận), cỏ địch, loại cỏ lau, lá trắng, cọng thô và rỗng ở trong, có mùi thơm, khi cúng tế thì đốt lên cho không khí thơm tho, cho nên mới hái thứ ấy. 三秋 *tam thu*, ba thu, ba mùa thu, không chỉ là ba tháng mà thôi.

### CHƯƠNG III

- 彼采艾兮      7. Bỉ thái ngải hề.  
一日不見      8. Nhất nhật bất kiến,  
如三歲兮      9. Như tam tuế hề.

#### *Dịch nghĩa*

7. Người kia hái cây ngải.  
8. Một ngày mà không thấy nhau.  
9. Thì dằng dăng như ba năm vậy.

#### *Dịch thơ*

*Ra đi hái ngải kia người,  
Một ngày chẳng gặp nhau thời dài ghê.  
Như ba năm trọn nǎo nề.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 艾 *ngải*, loài cây phơi khô có thể đốt châm cứu, cho nên mới hái thứ ấy. 三歲 *tam tuế*, ba năm. Nói ba năm thì không chỉ là ba thu mà thôi.

*Thiên Thái cát có 3 chương, mỗi chương 3 câu.*

### BÀI THỨ 73

### CHƯƠNG I

- 大車      Đại xa. (Vương phong 9)  
大車檻檻      1. Đại xa hậm hậm.

毳 衣 如 簟

2. Xué y như thảm.

豈 不 爾 思

3. Khi bất nhī tư?

畏 子 不 敢

4. Uý tư bất cảm.

### *Dịch nghĩa*

1. Xe của quan đại phu chạy rầm rầm.
2. Áo của quan đại phu, phần thêu xanh giống như màu cọng lau non.
3. Em há lại không nhớ tưởng đến anh?
4. Nhưng vì sợ quan đại phu mà không dám đi theo anh.

### *Dịch thơ*

*Xe đại phu chạy rầm đường.*

*Áo thêu ngũ sắc xanh đường lau non.*

*Há không tưởng nhớ mỏi mòn?*

*Sợ quan, chẳng dám dâm bôn theo chàng.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 大車 *đại xa*, chiếc xe của quan đại phu. 檻檻 *hạm hạm*, tiếng xe chạy rầm rầm. 毳衣 *xué y*, áo của quan đại phu triều nhà Chu mặc. 簟 *thảm*, cây lau mới mọc. Về y phục quan đại phu của thiên tử nhà Chu thì áo thêu, quần cũng thêu năm màu đầy đủ, phần màu xanh thì giống như cây lau non. 爾 *nhī* người, anh, tiếng của những đứa dâm bôn bảo nhau. 子 *tử*, quan đại phu. 不敢 *bất cảm*, không dám đi theo trai.

Nhà Chu suy, nhưng quan đại phu còn có thể lấy binh pháp và chữa sửa trị chữa tư áp của mình. Cho nên đứa dâm bôn kinh sợ mà hát như thế. Nhưng đối với sự giáo hoá của

thơ Chu nam và Thục nam (Nhị nam) thì đã cách xa rồi. Do đây có thể xem xét thấy đời đã biến đổi.

## CHƯƠNG II

大車 哮 哮	5. Đại xa thòn thòn,
毳 衣 如 細	6. Xuế y như mòn.
豈 不 爾 思	7. Khi bất nhī tư?
畏 子 不 奔	8. Uý tử bất bôn.

### *Dịch nghĩa*

5. Xe của quan đại phu chạy nặng nề chậm chạp,
6. Áo của quan đại phu, phản thêu đỏ giống như màu ngọc đỏ.
7. Em há lại không nhớ tưởng đến anh?
8. Nhưng vì sợ quan đại phu mà không dám đi theo anh.

### *Dịch thơ*

*Nặng nề xe của đại phu.*

*Áo thêu sắc ngọc chói màu đỏ trong.*

*Há rằng em chẳng nhớ mong?*

*Sợ quan, chẳng dám nhẹ lòng theo anh.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 哮 哮 thòn thòn, dáng xe chạy chậm chạp nặng nề. 細 mòn, ngọc màu đỏ. Năm màu đầy đủ thì có màu đỏ.

### CHƯƠNG III

穀 則 異 室

死 則 同 穴

謂 予 不 信

有 如 瞠 日

9. Cốc tắc dị thất,

10. Tử tắc đồng huyệt.

11. Vị dư bất tín,

12. Hữu như hạo nhật.

#### *Dịch nghĩa*

9. Lúc sống thì ở khác nhà (không đặng lấy nhau mà ở chung).

10. (Thì mong) lúc chết chôn chung một huyệt.

11. (Nếu anh) nói rằng anh không tin như thế.

12. (Thì em xin thề rằng lòng em) rõ ràng trong trăng với anh như mặt trời vậy.

#### *Dịch thơ*

*Sóng thì chẳng đặng một nhà,*

*Thác mong một huyệt để mà gần nhau.*

*Anh rằng: Anh chẳng tin đâu!*

*Em thề: Trong trăng khác nào thái dương.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 穀 cốc, sống. 穴 huyệt (đọc huật cho hợp vận), mồ chôn 瞠 hao, trăng.

Dân chúng muốn đi theo nhau mà lấy nhau (chứ không có cưới gả) nhưng sợ quan đại phu mà chẳng dám, tự do là chung thân sẽ không được như chí nguyện của mình. Cho nên nói rằng: Lúc sống thì không được theo nhau mà lấy nhau ở chung một nhà, thì đến lúc chết, chỉ mong được chôn chung một huyệt mà thôi. 謂予不信, 有如臨日 Vị dư bất tín

*Hữu như hao nhât*, đây là lời thề ước với nhau. Nếu anh nói rằng: Anh không tin như thế. Thì em xin thề với anh: rằng: Lòng em rõ ràng không đen bạc như mặt trời tỏ rạng kia.

*Thiên Đại xa có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THÚ 74

### CHƯƠNG I

丘 中 有 麻

*Khâu trung hữu ma.*

*(Vương phong 10)*

丘 中 有 麻

**1. Khâu trung hữu ma,**

彼 留 子 噙

**2. Bỉ lưu Tử Ta.**

彼 留 子 噙

**3. Bỉ lưu Tử Ta,**

將 其 來 施 施

**4. Thương kỳ lai thi thi.**

### *Dịch nghĩa*

1. Ở trong gò có thú lúa ma,

2. Có lẽ nàng kia đã lưu giữ chàng Tử Ta lại đây rồi.

3. Nàng kia đã lưu giữ chàng Tử Ta lại đây rồi,

4. Nhưng em muốn chàng vui vẻ mà đến với em.

### *Dịch thơ*

*Trong gò có chỗ lúa ma,*

*Nàng kia lưu lại Tử Ta mất rồi.*

*Nàng đã lưu Tử Ta rồi.*

*Em mong chàng đến vui cười với em.*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 麻 ma, tên một thứ lúa gai, hột thì ăn được, vỏ thì đánh sợi dệt vải được. 子嗟 Tử Ta, tên tự của người con trai. 將 thương, nguyện muôn. 施施 xà xà, ý vui mừng.

Người phụ nữ này mong đợi chàng đã tư tình với nàng, nhưng chàng ấy không đến, cho nên nghĩ rằng ở trên gò chô có lúa ma này lại có một nàng khác đang tư tình với chàng mà lưu giữ chàng lại. Thì nay chàng làm sao vui vẻ được để đến với nàng?

## CHƯƠNG II

- |         |                         |
|---------|-------------------------|
| 丘 中 有 麥 | 5. Khâu trung hữu mạch, |
| 彼 留 子 國 | 6. Bỉ lưu Tử Quốc.      |
| 彼 留 子 國 | 7. Bỉ lưu Tử Quốc.      |
| 將 其 來 食 | 8. Thương kỳ lai thực.  |

### *Dịch nghĩa*

- Ở trong gò có lúa mạch,
- Có lẽ nàng kia đã lưu giữ chàng Tử Quốc lại đây rồi.
- Nàng kia đã lưu giữ chàng Tử Quốc lại đây rồi,
- Nhưng em muốn chàng đến với em mà ăn cơm.

### *Dịch thơ*

*Trong gò chô lúa mạch lên,  
Nàng lưu Tử Quốc hai bên tư tình.  
Lưu chàng lại ở bên mình  
Cùng em dùng bữa, định ninh em nguyên.*

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 子國 Tử Quốc, tên tự của người con trai. 來食 lai thực, đến với ta mà ăn cơm.

### CHƯƠNG III

- |         |                       |
|---------|-----------------------|
| 丘 中 有 李 | 9. Khâu trung hữu lý, |
| 彼 留 之 子 | 10. Bỉ lưu chi tử.    |
| 彼 留 之 子 | 11. Bỉ lưu chi tử,    |
| 貽 我 佩 玖 | 12. Di ngā bội cửu.   |

### Dịch nghĩa

9. Ở trong gò có cây lý,
10. Có lẽ nàng kia đã lưu giữ hai chàng lại đây rồi.
11. Nàng kia đã lưu giữ hai chàng lại đây rồi,
12. Nhưng em muốn hai chàng tặng cho em đá cửu quý báu để đeo.

### Dịch thơ

Trong gò có đám lý xanh,  
Nàng kia cầm giữ hai anh đây rồi.  
Giữ hai anh lại vui chơi,  
Tặng em đá cửu bóng ngồi em mong.

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 之子 chi tử (đọc tỳ cho hợp vận) chỉ hai chàng trai ở trên (Tử Ta và Tử Quốc). 賦我佩玖 di ngā bội cửu (đọc kỷ cho hợp vận), mong hai chàng có ngọc cửu để đeo mà tặng cho mình.

*Thiên Khâu trung hữu ma có 3 chương, mỗi chương 4 câu.  
Thơ Vương phong có 10 thiên, 28 chương, 162 câu.*

# THI KINH QUYỀN II

## 7. TRỊNH PHONG:

Trịnh là tên nước Trịnh, vốn ở đất Hàm Lâm trong kinh kỳ tại Tây Đô. Chu Tuyên vương lấy đất ấy phong cho em tên Hữu làm thái ấp (đất phong cho để thâu thuế má mà hưởng lộc). Về sau Hữu làm quan tư đồ cho U vương và chết trong nạn rợ Khuyển nhung đến đánh phá. Ấy là Trịnh Hoàn công. Con là Vũ công, tên Quật Đột, đem Bình vương nhà Chu dời về Đông đô, cũng làm quan tư đồ, lại được đất nước Quắc, nước Cối, bèn dời nước được phong về đất nước này và gọi bằng tên cũ là nước Tân Trịnh.

Đất Hàm Lâm nay ở Trịnh huyện tại Hoa châu. Nước Tân Trịnh tức nay là Trịnh châu đấy.

Núi sông lanh vực của nước Trịnh đã thấy rõ ở phần thơ Cối phong.

## BÀI THỨ 75

### CHƯƠNG I

縕衣

Tri y. (Trịnh phong 1)

縕衣之宜兮

1. Tri y chi nghi hế.

敝予又改爲兮

2. Tệ dư hựu cải vi hế.

適子之館兮

3. Thích tử chi quán hế.

還 予 授 子 之 糜 兮 4. Hoàn dư thụ tử chi xán hế.

*Dịch nghĩa*

1. Áo đen của ngài mặc rất thích hợp.
2. Hết rách thì chúng tôi lại đổi cho cái áo khác.
3. Ngài lại sắp đến quán xá.
4. Lúc ngài trở về, chúng tôi sẽ kính tặng một bữa cơm.

*Dịch thơ*

*Áo đen ngài mặc thích nghi.*

*Chúng tôi thay mới sau khi rách rồi.*

*Ngài sang quán xá đến nơi,*

*Bữa cơm trao tặng ngài xơi khi về.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 緇 tri y, màu đen. 緇衣 tri y, y phục màu đen của quan khanh đại phu mặc ở chỗ làm việc riêng của mình. (Khi chầu vua thì mặc chính phục, khi lui chầu trở về nha môn để làm việc thì mặc tri y, áo đen). 宜 nghi, xứng. 改 cài, thay đổi. 適 thích, đến. 館 quán, xá, nha. 糜 xán, cơm ăn. Hoặc nói xán là hột thóc đã giã rất trắng.

Thuyết xưa nói rằng Trịnh Hoàn công và Trịnh Vũ công nối nhau làm quan tư đồ cho nhà Chu, làm việc rất giỏi với chức vụ của mình. Nhân dân nhà Chu thương mến hai ngài mà làm bài thơ này.

Nói ngài mặc áo đen trông rất thích hợp, hết rách thì chúng tôi sẽ may áo khác mà đổi cho. Vả lại ngài sắp đi đến quán xá để làm việc. Khi ngài lui về, chúng tôi sẽ kính tặng một bữa cơm. Ý nói nhân dân nhà Chu ưa thích hai ngài mãi không thôi.

## CHƯƠNG II

- |         |                               |
|---------|-------------------------------|
| 緇衣之好兮   | 5. Tri y chi hảo hế,          |
| 敝予又改作兮  | 6. Tệ dư hựu cải tạo hế.      |
| 適子之館兮   | 7. Thích tử chi quán hế.      |
| 還予授子之粲兮 | 8. Hoàn dư thụ tử chi xán hế. |

### *Dịch nghĩa*

5. Áo đen của ngài mặc rất đẹp tốt.
6. Hết rách thì chúng tôi làm cái áo khác để đổi cho ngài.
7. Ngài lại sắp đến quán xá.
8. Lúc ngài trở về, chúng tôi xin tặng một bữa cơm.

### *Dịch thơ*

*Áo đen ngài mặc đẹp xinh,  
Rách thì thay mới tinh anh cho ngài.  
Ngài sang quán xá hôm nay,  
Khi về cơm đã đón bày kính dâng.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 好 *hảo*, tốt, ý như thích nghi, thích hợp vậy.

## CHƯƠNG III

- |        |                           |
|--------|---------------------------|
| 緇衣之席兮  | 9. Tri y chi tịch hế,     |
| 敝予又改作兮 | 10. Tệ dư hựu cải tác hế. |
| 適子之館兮  | 11. Thích tử chi quán hế. |

還予授子之粲兮 12. Hoàn dư thụ tử chi xán hê.

### *Dịch nghĩa*

9. Áo đen của ngài mặc rộng lớn rất thích nghi.

10. Hê rách thì chúng tôi làm cái áo khác để đổi cho ngài.

11. Ngài lại sắp đến quán xá.

12. Lúc ngài trở về, chúng tôi sẽ tặng một bữa cơm.

### *Dịch thơ*

*Áo đen mặc thật khoan thai,*

*Rách đi, áo mới đổi ngay tức thi.*

*Lần sang quán xá ngài đi.*

*Bữa cơm trao tặng chờ khi ngài về.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. *席 tịch* (đọc *lược* cho hợp vận), to lớn. Trình tử nói rằng: *Tịch* có nghĩa là thư thái, y phục xứng hợp với đức hạnh thì cảm thấy thư thái.

*Thiên Tri y có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

Sách Ký nói rằng: Lòng ưa thích người hiền thì như thiên Tri y này. Lại nói rằng: Ở thiên Tri y này có thể thấy được lòng ưa thích người hiền rất tột mực vậy.

## BÀI THÚ 76

### CHƯƠNG I

將 仲 子

Thương Trọng tử.  
(Trịnh phong 2)

將仲子兮	1. Thương Trọng tử hề,
無踰我里	2. Vô du ngā lý.
無折我樹杞	3. Vô chiết ngā thụ kỵ.
豈敢愛之	4. Khi cảm ái chi?
畏我父母	5. Uý ngā phụ māu.
仲可懷也	6. Trọng khả hoài dā.
父母之言	7. Phụ māu chi ngôn,
亦可畏也	8. Diệc khả uý dā.

*Dịch nghĩa*

1. Xin chàng Trọng tử.
2. Chớ vượt qua làng xóm của em ở.
3. Chớ bẻ gãy cây khỉ liễu của em.
4. Há rằng em dám thương yêu gì cây ấy đâu?
5. Chỉ vì em sợ cho mẹ em.
6. Chàng Trọng tử thì đáng cho em nhớ thương lắm.
7. Nhưng mà lời rầy la của cha mẹ,
8. Cũng đáng sợ lắm.

*Dịch thơ*

*Này Trọng tử, em xin chàng nhớ.*

*Xóm bên em xin chớ vượt sang.*

*Cây khỉ liễu chớ bẻ ngang.*

*Há đâu em lại dám thương yêu gì?*

*Nhưng mẹ cha chính vì em sợ.*

*Tuy là chàng đáng nhớ đáng yêu.*

*Mẹ cha rầy dạy lắm điều.*

Cũng là đáng sợ dám nào lảng quên.

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 將 *thương*, xin. 仲 *tử* *Trọng tử*, tên tự của người con trai. 我 *ngã*, tôi, tiếng của người con gái tự xưng. 里 *lý*, làng, có 25 gia đình.. 杞 *kǐ*, một thứ cây thuộc loại cây liễu, mọc ở bên bờ nước, thân cây giống như cây liễu, lá thô mà màu trắng, sớ gỗ hơi đỏ, ấy là thứ cây mọc bên rãnh bên hào trong làng.

## CHƯƠNG II

將 仲 子 兮  
無 跰 我 牆  
無 折 我 樹 桑  
豈 敢 愛 之  
畏 我 諸 兄  
仲 可 愛 也  
諸 兄 之 言  
亦 可 畏 也

9. Thương Trọng tử hế,
10. Vô du ngã tường,
11. Vô chiết ngã thụ tang,
12. Kì cảm ái chí?
13. Uý ngã chư huynh.
14. Trọng khả ái dā.
15. Chư huynh chí ngôn,
16. Diệc khả uý dā.

### *Dịch nghĩa*

9. Xin chàng Trọng tử,
10. Chớ vượt qua bức tường nhà em.
11. Chớ bẻ cây dâu của em.
12. Há rằng em dám thương yêu gì cây ấy đâu?
13. Chỉ vì em sợ những anh của em.
14. Chàng Trọng tử thì đáng cho em nhớ thương lắm.

15. Nhưng lời rầy la của những anh của em.
16. Cũng đáng sợ lắm.

### *Dịch thơ*

*Xin chàng nhớ, này chàng Trọng tử,  
Tường nhà em thì chờ vượt ngang.  
Cây dâu xin chờ bẻ quàng.  
Há rằng em lại quý thương dám nào?  
Những người anh xiết bao em sợ!  
Tuy chàng là đáng nhớ vô cùng.  
Các anh răn dạy giữ trông.  
Cũng là đáng sợ khó lòng xiết bao.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú.牆 *tường*, bức tường quanh nhà.  
Người xưa trồng cây dâu dưới chân tường.

## CHƯƠNG III

- |       |                           |
|-------|---------------------------|
| 將仲子兮  | 17. Thương Trọng tử hế,   |
| 無踰我園  | 18. Vô du ngã viên.       |
| 無折我樹檀 | 19. Vô chiết ngã thụ đàn. |
| 豈敢愛之  | 20. Khỉ cảm ái chi?       |
| 畏人之多言 | 21. Uý nhân chi đa ngôn,  |
| 仲可懷也  | 22. Trọng khả hoài dã.    |
| 人之多言  | 23. Nhân chi đa ngôn,     |

*Dịch nghĩa*

1. Xin chàng Trọng tử.
2. Chớ vượt qua rào vườn nhà em.
3. Chớ bẻ gãy cây đàn của em.
4. Há rằng em dám thương yêu gì cây ấy đâu?
5. Chỉ vì em sợ người ta nhiều lời phao đồn.
6. Chàng Trọng tử thì đáng cho em thương nhớ lắm.
7. Nhưng nhiều lời phao đồn của người ta.
8. Cũng đáng sợ lắm.

*Dịch thơ*

*Này Trọng Tử, em xin chàng māi.*

*Rào vườn em chớ nhảy vượt sang.*

*Cây đàn xin chớ bẻ ngang.*

*Há rằng em dám mến thương đó mà?*

*Người lắm lời thật là em sợ.*

*Tuy là chàng đáng nhớ đáng mong.*

*Nhiều lời đồn đài trong vùng*

*Cũng là đáng sợ dám lòng lảng quên.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 圈 vién, hàng rào chung quanh vườn để trồng cây ở phía trong. 檀 dàn (đọc điền cho hợp vận), cây đàn, vỏ xanh trơn mướt, gỗ cứng mà dai có thể dùng làm xe

*Thiên Thương Trọng tử có 3 chương, mỗi chương 8 câu.*

## BÀI THÚ 77

### CHƯƠNG I

叔于田

Thúc vu điền.(Trịnh phong 3).

叔于田

1. Thúc vu điền,

巷無居人

2. Hạng vô cư nhân.

豈無居人

3. Khi vô cư nhân?

不如叔也

4. Bất như Thúc dã,

洵美且仁

5. Tuân mỹ thả nhân.

#### *Dịch nghĩa*

1. Cung Thúc Đoạn đi săn,
2. Lôi ngô trong làng như không có người ở.
3. Há lại thật không có người ở?
4. (Có người ở) nhưng không bằng Cung Thúc Đoạn,
5. Là người thật đẹp và lại nhân từ.

#### *Dịch thơ*

*Đê săn Thúc Đoạn ra đi.*

*Như không người ở, ngô thì lặng trang.*

*Há không người ở xóm làng?*

*Người như Thúc Đoạn, há bằng mấy ai?*

*Thật người nhân đức đẹp thay!*

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 叔 thúc là Cung Thúc Đoạn (Thái Thúc), em của Trịnh Trang công, việc này thấy chép ở sách *Xuân thu*. 田 diền (dọc tràn cho hợp vận), đi săn. 巷 hàng, lối đi ở trong làng. 洵 tuân, thật. 美 mĩ, đẹp tốt. 仁 nhân, lòng thương người.

Cung Thúc Đoạn bất nghĩa mà được lòng dân, nên người trong nước thương mến mới làm bài thơ này.

Nói Cung Thúc Đoạn ra đi săn, thì những lối đi trong làng dường như không có người ở vậy. Nhưng chẳng phải thật là không có người ở. Tuy có người ở, nhưng không bằng Cung Thúc Đoạn đã đẹp tốt lại nhân đạo, cho nên như không có người vậy.

Hoặc nghi đây cũng là lời của con trai con gái trong dân gian yêu mến nhau.

## CHƯƠNG II

叔 于 狩

6. Thúc vu thú,

巷 無 飲 酒

7. Hạng vô ẩm tửu..

豈 無 飲 酒

8. Khi vô ẩm tửu?

不 如 叔 也

9. Bất như Thúc dā,

洵 美 且 好

10. Tuân mĩ thả hảo.

## Dịch nghĩa

6. Cung Thúc Đoạn đi săn trong mùa đông,

7. Lối ngõ trong làng như không có ai uống rượu yến tiệc (vì vắng Thái Thúc thì dân chúng không ai còn muốn vui say nữa).

8. Há phải thật là không có ai uống rượu?

9. (Có người uống rượu) nhưng không bằng Cung Thúc  
Đoạn

10. Là người thật đẹp lại tốt.

### *Dịch thơ*

*Thúc săn trong những ngày đông.*

*Ngõ làng uống rượu thì không ai nào.*

*Há không uống rượu hay sao?*

*Người như Thúc Đoạn dẽ đâu sánh cùng,*

*Thật người đẹp dẽ tốt lòng.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 狩 獵, đi săn trong mùa đông.

## CHƯƠNG III

叔 適 野

11. Thúc thích dã,

巷 無 服 馬

12. Hạng vô phục mã.

豈 無 服 馬

13. Khỉ vô phục mã?

不 如 叔 也

14. Bất như Thúc dã,

洵 美 且 武

15. Tuân mỹ thả vũ.

### *Dịch nghĩa*

11. Cung Thúc Đoạn đi ra ngoài đồng nội xa xa.

12. Lối ngõ trong làng như không có người cõi ngựa (vì  
vắng Thái Thúc thì không ai muốn đi chơi).

13. Há rằng thật không có người cõi ngựa?

14. Có người cõi ngựa nhưng không được bằng Cung  
Thúc Đoạn.

15. Là người thật đẹp đẽ lại có uy vũ.

### *Dịch thơ*

*Đồng xa Thúc Đoạn vui chân,  
Ngõ làng cõi ngựa xa gần chẳng ai.  
Há không người cõi thế này?  
Người như Thúc Đoạn nào ai sánh bì.  
Người xinh đẹp lại vũ uy.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 適 thích, đi. 野 dā (đọc thử cho hợp vận), ngoài đồng nội xa xôi (ngoài áp là giao, ngoài giao là dā). 服 phục, cõi.

*Thiên Thúc vu điền có 3 chương, mỗi chương 5 câu.*

## BÀI THÚ 78

### CHƯƠNG I

大 叔 于 田

Thái Thúc vu điền.

(Trịnh phong 4)

叔 于 田

1. Thúc vu điền,

乘 乘 馬

2. Thừa thặng mā.

執 繩 如 組

3. Chấp bí thư tố.

兩 緯 如 舞

4. Lưỡng sam như vũ.

叔 于 藝

5. Thúc tại tấu,

- |      |                         |
|------|-------------------------|
| 火烈具舉 | 6. Hoả liệt cụ cử,      |
| 袒裼暴虎 | 7. Đản tích bạo hổ.     |
| 獻于公所 | 8. Hiến vu công sở.     |
| 將叔無狃 | 9. Thương Thúc vô nữu.  |
| 戒其傷女 | 10. Giới kỳ thương nhữ. |

*Dịch nghĩa*

1. Thái Thúc (Cung Thúc Đoạn) đi săn,
2. Đì xe bốn ngựa.
3. Cầm dây cương nhẹ nhàng như cầm sợi dây vải.
4. Hai con ngựa thăng ở hai bên phía ngoài (chạy hoà hợp nhau đúng tiết điệu) như nhảy múa.
5. Thái Thúc đến nơi ao chàm (chỗ có nhiều thú để săn),
6. Thị khắp nơi đều đốt lửa hừng lên để đuổi thú.
7. (Thái Thúc) xăn tay áo lên, tay không mà bắt lấy con hổ.
8. Đem dây lên chỗ của Trịnh Trang công.
9. Vì mến chuộng Thái Thúc, dân chúng nước Trịnh xin Thái Thúc chờ tập quen việc nguy hiểm ấy,
10. Khuyên răn ngài, sợ ngài bị thương.

*Dịch thơ*

*Khi Thái Thúc ra đi săn bắn,  
Bốn ngựa đà lướt thăng trên đường.  
Nhẹ như dây vải cầm cương.  
Chạy bìa hai ngựa nhịp nhàng múa may!  
Đến ao chàm dừng ngay xe ngựa,  
Đều cháy lên ngọn lửa khắp cùng.*

Áo xanh bắt thỏ tay không.  
 Đem dâng trước chở Trang công tức thì.  
 Xin chở tập việc nguy đường ấy,  
 E có ngày mang láy tích thương.

### Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 叔 thúc, cũng là Cung Thúc Đoạn. 駿 sam, hai con ngựa thăng ở phía ngoài ở hai bên. 如舞 như vũ, nói hoà hợp trúng điệu với nhau, đều là nói đánh xe rất giỏi. 車 tẩu (đọc tẩu cho hợp vận), ao chầm. 火 hoả, đốt lửa thiêu cỏ ngoài đồng để săn bắn. 烈 liệt, dáng cháy hừng lên. 具 cụ, cùng đều nhau. 禮服 dǎn tích, xanh ống tay áo lên cho lộ hai cánh tay ra. 暴 bạo, tay không mà bắt thú. 公 công. Trang công, 犹 nêu, quen.

Người trong nước răn Cung Thúc Đoạn rằng: Xin ngài chở tập quen việc này, e có khi sẽ bị thương, vì Cung Thúc Đoạn nhiều tài, lại thích vũ đũng, khiến dân nước Trịnh thương yêu đến như thế.

## CHƯƠNG II

- |      |                              |
|------|------------------------------|
| 叔于田  | 11. Thúc vu diên,            |
| 乘乘黃  | 12. Thừa thặng hoàng.        |
| 兩服上襄 | 13. Lưỡng phục thượng tương. |
| 兩駿雁行 | 14. Lưỡng sam nhạn hàng.     |
| 叔在藪  | 15. Thúc tại tẩu,            |
| 火烈具揚 | 16. Hoả liệt cụ dương.       |
| 叔善射忌 | 17. Thúc thiện xạ ký,        |

又 良 御 忌

抑 磬 控 忌

抑 縱 送 忌

18. Hựu lương ngự ký,

19. Úc khánh khống ký,

20. Úc túng tống ký.

### *Dịch nghĩa*

11. Thái Thúc đi săn,
12. Đi xe thăng bốn ngựa màu vàng.
13. Hai con ngựa thăng ở hai bên phía trong là thứ ngựa rất tốt.
14. Hai con ngựa thăng ở hai bên ở phía ngoài (hơi lùi sau hai con ngựa thăng ở phía trong) như hình chim nhạn sắp hàng mà bay.
15. Thái Thúc đến nơi ao chàm (chỗ nhiều thú để săn),
16. Thì khắp nơi đều đốt lửa bừng lên để đuổi thú.
17. Thái Thúc bắn tên rất tài.
18. Thái Thúc lại giỏi đánh xe ngựa.
19. Thái Thúc đánh ngựa chạy đi, hay gò ngựa dừng lại (đều ý theo ý muốn của mình, nói Thái Thúc có tài điều khiển ngựa).
20. Thái Thúc nhắm rồi buông tên bắn (thì trúng ngay) và chạy theo con vật bị bắn hạ (mà luộm thì bao giờ cũng bắt được).

### *Dịch thơ*

*Khi Thái Thúc đi ra săn bắn.*

*Bốn ngựa vàng lướt thăng ruổi dong.*

*Tốt thay hai ngựa chạy trong.*

*In như hàng nhạn, nhìn chung hai ngoài.*

*Đến ao chàm thì ngài dừng ngựa.*

Đều cháy lên ngọn lửa khắp nơi.

Bắn cung Thái Thúc rất tài.

Còn nghè đánh ngựa thì hay vô ngần.

Khi vút chạy hoặc cắn dừng hẳn,

Lúc buông tên hoặc săn theo mồi.

### Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 乘黃 *thăng hoàng*, bốn con ngựa đều màu vàng. 服 *phục*, hai con ngựa thăng ở trong kẽ cây gọng giữa và dưới cây ách. 襲 *tương*, ngựa thăng vào xe. Ngựa thuộc thượng hạng thăng vào xe gọi là thượng giá (thượng tương), cũng như nói thượng tử vậy. 雁 *nhạn hàng*, chim nhạn sắp hàng bay thành hình chữ 人 *nhân*, nói hai con ngựa thăng hai bên ở ngoài hơi lùi sau hai con ngựa thăng hai bên ở trong, thì như hình chim nhạn sắp hàng mà bay vậy. 揚 *dương*, khởi lên. 忌 *ký*, 抑 *ức* đều là tiếng ngữ trợ từ, tiếng dặm theo câu nói. 磬 *khánh*, đánh ngựa chạy đi. 挾 *khống*, gò ngựa dừng lại. 縱 *tung*, nhảm rồi buông tên mà bắn. 送 *tóng*, chạy theo mà bắt con vật đã bắn.

## CHƯƠNG III

- |      |                        |
|------|------------------------|
| 叔于田  | 21. Thúc vu diền.      |
| 乘乘鶴  | 22. Thừa thặng bảo.    |
| 兩服齊首 | 23. Lưỡng phục tề thủ. |
| 兩驂如手 | 24. Lưỡng sam như thủ. |
| 叔在藪  | 25. Thúc tại tấu,      |
| 火烈具阜 | 26. Hoả liệt cụ phu.   |

- |         |                       |
|---------|-----------------------|
| 叔 馬 慢 忌 | 27. Thúc mā mạn ký.   |
| 叔 發 罢 忌 | 28. Thúc phát hān ký. |
| 抑 釋 棚 忌 | 29. Úc thích bǎng ký. |
| 抑 鬱 弓 忌 | 30. Úc sương cung ký. |

*Dịch nghĩa*

21. Thái Thúc đi săn,
22. Đi xe bốn ngựa màu đen lộn trǎng.
23. Hai con ngựa ở trong thì đầu ngang nhau,
24. Hai con ngựa ở ngoài thì lùi ra sau, trông như  
những ngón tay trong bàn tay của người ta.
25. Thái Thúc đến nơi ao chàm,
26. Thị khắp nơi đều đốt lửa bừng lên để đuổi thú.
27. Ngựa của Thái Thúc chạy chậm lại.
28. Thái Thúc bắn ít.
29. Thái Thúc mở nắp ống đựng tên,
30. Và mở túi đựng cung để cất cung vào.

*Dịch thơ*

*Khi Thái Thúc ra đi săn bắn,  
Bốn ngựa đều đen trǎng sắc lông.  
Ngang đầu hai ngựa chạy trong,  
Như bàn tay vây, nhìn chung hai ngoài,  
Đến ao chàm thì ngài dừng ngựa,  
Đều cháy lên ngọn lửa khắp nơi.  
Ngựa thì chạy chậm lại rồi.  
Bắn tên cung ít đến hồi nghỉ săn.  
Nắp ống tên mở phăng rồi đây.*

Túi đựng cung mở lấy cát vào.

### Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 鵠 bǎo, ngựa lông đen có lỗ lông trắng, nay gọi là ngựa ô thông. 齊首 tề thủ (hai đầu bằng nhau), 如首 như thủ (như mẩy ngón tay trong bàn tay), hai con ngựa thăng ở hai bên phía ngoài thì lùi ra sau như (như mẩy ngón tay ở) hai bàn tay của người ta. 服 phu, thịnh nhiều. 慢 man (đọc hoān), chậm. 發 phát, bắn tên. 罕 hān, ít. 釋 thích, mở ra. 棚 bǎng, nắp ống đựng tên. Truyện Xuân thu viết 冰 bǎng. 霽 sương, túi đựng cung, đồng với chữ 軸 sương.

Nói việc đi săn sắp dứt mà thung dung gọn gàng rảnh rang như thế, cũng là lời mừng cho Thái Thúc không bị thương tích.

*Thiên Thái Thúc vu điều có 3 chương, mỗi chương 10 câu.*

Lục thị nói rằng: Chương đầu ai mà chép là *Thái Thúc vu điều* là sai lầm.

Tô thị nói rằng: Hai bài thơ *Thúc vu điều* (77) và *Thái Thúc vu điều* (78) đều nói là *Thúc vu điều*, cho nên thêm chữ 大 thái để phân biệt. Kẻ không biết lại cho là Cung Thúc Đoạn có tên hiệu là Thái Thúc, mà đọc là *thái*, rồi lại thêm chữ 大 *thái* vào chương đầu của thiên này, quả là lầm.

## BÀI THÚ 79

### CHƯƠNG I

清人

Thanh nhân.(Trịnh phong 5)

清人在彭

1. *Thanh nhân tại Bành,*

- |           |                             |
|-----------|-----------------------------|
| 駟 介 旁 旁   | 2. Tứ giới bàng bàng        |
| 二 矛 重 英   | 3. Nhị mâu trùng anh        |
| 河 上 乎 飄 翔 | 4. Hà thượng hổ ngao tường. |

### *Dịch nghĩa*

1. Người áp Thanh ra trán ngự ở đất Bành trên sông Hoàng hà.
2. Xe bốn ngựa mặc giáp của chủ tướng (là Cao Khắc) cứ dong ruồi mài không dứt.
3. Những chùm lông đỏ kết trên hai loại mâu được dựng trên xe thấy trùng điệp rất nhiều.
4. Còn quân lính cứ mài ngao du rong chơi ở trên bờ sông Hoàng Hà.

### *Dịch thơ*

*Người Thanh ra đất Bành trán giữ.*

*Ngựa bốn con xe cứ ruồi mâu.*

*Trùng trùng lông đỏ đầu mâu.*

*Hoàng Hà, quân lính ngao du khắp bờ.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 清 *Thanh*, tên áp. 清人 *Thanh nhân*, người ở áp Thanh. 彭 *Bành* (đọc *Phong* cho hợp vận), tên vùng đất trên sông Hoàng Hà. 駟 介 *tứ giới*, bốn con ngựa mặc giáp. 旁 旁 *bàng bàng* (đọc *bương bương* cho hợp vận), dáng dong ruồi mài không thôi. 二 矛 *nhị mâu*, hai loại mâu, tù mâu và di mâu. 英 *anh* (đọc *ương* cho hợp vận), lấy lông nhuộm đỏ mà trang sức cây mâu. Cây tù mâu dài hai trượng, cây di mâu dài hai trượng bốn thước, đều để dựng ở trên xe,

thì những chùm lông dỗ thấy trùng điệp. 飄翔 *ngao* *tường*,  
dáng giốn chơi.

Trịnh Văn công ghét Cao Khắc, sai Cao Khắc đem binh  
ở áp Thanh phòng ngự rợ Địch ở trên bờ sông Hoàng Hà,  
phòng ngự ở đây đã lâu mà không được triêu hồi. Quân lính  
mới tản ra mà trở về, người nước Trịnh làm bài thơ này để  
phô bày việc ấy ra.

Nói quân đội đi ra phòng ngự ở đây đã lâu, không có  
việc gì mà không được trở về, chỉ đùa giốn với nhau như thế.  
Theo tình thế áy thì quân đội đó sẽ đến tan vỡ, rồi về sau mới  
thôi.

## CHƯƠNG II

清人在消

5. **Thanh nhân tại Tiêu,**

駟介庶庶

6. **Tứ giới tiêu tiêu,**

二矛重喬

7. **Nhị mâu trùng kiều,**

河上乎逍遙

8. **Hà thượng hồ tiêu diêu.**

### *Dịch nghĩa*

5. Người áp Thanh đến phòng ngự ở đất Tiêu,

6. Xe bốn ngựa mặc giáp chạy đi trông rất dũng vữ.

7. Chỉ còn lại những cái mấu ở mũi hai loại mâu dựng  
trên xe, thấy trùng điệp rất nhiều.

8. Quân lính thì rong chơi tiêu dao ở trên bờ sông Hoàng  
Hà.

### *Dịch thơ*

*Người Thanh ra đất Tiêu trấn thủ.*

*Bốn ngựa thì dũng vữ uy phong,*

*Máu còn trơ lại trập trùng,  
Hoàng Hà, quân lính mặc lòng tiêu dao.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 消 Tiêu, cũng là tên vùng đất ở trên sông Hoàng hà. 庶庶 tiêu tiêu, dáng dũng vū. 犹 kiều cái máu ở mũi cây mâu để treo chùm lông nhuộm đỏ. Nay chùm lông ấy đã tua mát hết chỉ còn lại cái máu ấy mà thôi.

## CHƯƠNG III

清人在軸

9. Thanh nhân tại Trục,

駟介陶陶

10. Tứ giới đào đào.

左旋右抽

11. Tả tuyên hữu trừu.

中軍作好

12. Trung quân tác hảo.

### *Dịch nghĩa*

9. Người áp Thanh đến phòng ngự ở đất Trục,

10. Xe bốn ngựa mặc giáp cứ chạy rong chơi thích chí.

11. (Trên xe) người đánh ngựa ngồi bên trái lo quay xe trở lại, (còn dũng sĩ) ngồi bên mặt lo rút lưỡi dao ra (chực đánh hay đâm).

12. Tướng quân (Cao Khắc) ngồi giữa thì dung sắc vui tươi.

### *Dịch thơ*

*Ra đất Trục, người Thanh trán thủ.*

*Ngựa bốn con thích thú ruỗi mau.*

*Tả quay ngựa, hữu rút dao,*

Vui tươi chủ tướng ngồi vào giữa xe.

### Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 軸 *Trục* (đọc *Trụ* cho hợp vận), cũng là tên đất ở trên sông Hoàng Hà. 陶 *dào* *dào* (đọc *đầu* *đầu*), dáng vui chơi thích chí. 左 *tả*, nói người đánh xe ngồi ở bên tả trên xe của chủ tướng, cầm cương đánh ngựa. 旋 *tuyễn*, quay trở lại. 右 *hữu*, nói người dung sĩ ngồi ở bên mặt trên xe của chủ tướng, cầm binh khí để đánh hay đâm. 抽 *trừu* (đọc *sửu* cho hợp vận), rút lưỡi dao ra. 中軍 *trung* *quân*, nói vị chủ tướng ngồi dưới cái trống lệnh, ở chính giữa xe, tức là Cao Khắc tướng quân. 好 *hảo*, nói dung sắc vui tươi.

Lữ thị ở Đông lai nói rằng: Nói quân đội phòng ngự đã lâu mà không được gọi về, không có việc gì làm để nương tựa, chỉ đùa giỡn làm vui, tất nhiên đây là tình thế phải tan vỡ. Không nói là đã tan vỡ mà nói là sắp tan vỡ, thì tình đã sâu mà lời lại cao vãy.

### *Thiên Thanh nhân có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

Việc này thấy ở truyện *Xuân thu*. Hồ thị nói rằng: Vua là người một mình nắm giữ những bực có danh tiếng được yêu chuộng trong một nước, cho sống hay giết đi, ban cho hay lấy lại chỉ có một mình định đoạt. Túng sử cái tội trái đạo làm tội của Cao Khắc đã tỏ rõ, thì cứ án theo đây mà giết đi cũng được lắm. Nếu tội phạm của hắn chưa rõ ràng, thì truất chức hắn mà đuổi về cũng được lắm. Còn như thương tiếc tài năng của hắn, thì lấy lẽ mà chế ngự hắn cũng được lắm. Sao lại trao binh quyền uỷ thác cho hắn ra đóng giữ ngoài biên cảnh, rồi ngồi để nhìn cảnh quân đội mình tan rã mà không đau xót hay sao?

Sách I nói rằng: Nước Trịnh bỏ rơi quân đội của mình.

Lời trách ấy sâu xa vậy.

# BÀI THỨ 80

## CHƯƠNG I

羔裘	Cao cầu. (Trịnh phong 6)
羔裘如濡	1. Cao cầu nhu nhu,
洵直且侯	2. Tuân trực thả hầu.
彼其之子	3. Bỉ ký chi tử,
舍命不渝	4. Xá mệnh bất du.

### *Dịch nghĩa*

- áo da dê của quan đại phu trơn mướt.
- Lông thật là xuôi mướt đẹp đẽ.
- Vị kia (quan đại phu mặc áo ấy)
- Ăn ở theo số mệnh của mình mà không cải biến tiết tháo, thay lòng đổi dạ.

### *Dịch thơ*

*Áo da dê mướt trơn đang mặc,  
Lông thẳng xuôi, rõ thật đẹp thay!  
Kia người mặc chiếc áo này,  
Ở theo số mệnh chẳng thay đổi lòng.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 羔裘 cao cầu, y phục của quan đại phu làm bằng da dê con. 如濡 nhu nhu (như thấm ướt),

trơn mướt 涣 *tuân*, tin thật. 直 *trực*, xuôi thẳng, 侯 *hầu*, đẹp.  
\*\*\* ký, tiếng ngữ trợ từ. 舍 *xá*, ở渝 *du*, biến.

Nói áo da trơn mướt, lông xuôi thuận mà đẹp. Vì kia mặc áo ấy, trong cảnh nguy hiểm sống chết biết đặt mình theo lẽ phải mà chịu đựng và không cải đoạt biến thay ý chí mình. Ấy là lời khen quan đại phu, nhưng không biết chỉ vào ai.

## CHƯƠNG II

- |      |                      |
|------|----------------------|
| 羔裘豹飾 | 5. Cao cầu bão sức,  |
| 孔武有力 | 6. Khổng vũ hữu lực. |
| 彼其之子 | 7. Bỉ ký chi tử,     |
| 邦之司直 | 8. Bang chi tư trực. |

### *Dịch nghĩa*

5. Áo da dê mà viền bằng da beo để trang sức.
6. Trông rất có uy vũ và sức mạnh.
7. Vị kia (quan đại phu mặc áo ấy).
8. Là người giữ đạo chính trực của quốc gia vậy.

### *Dịch thơ*

*Áo da dê viền tay da bão,  
Uy vũ và mạnh bao lăm thay!  
Kìa người mặc chiếc áo này,  
Nước nhà giữ mục thẳng ngay công bình.*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 師 sức (trang sức), viền theo ống tay áo để trang sức cho đẹp. Theo sách *Lê ký*, vua thì dùng nguyên một loại da làm áo, còn bầy tôi thì phải kém hơn, dùng nhiều loại da chen lộn làm áo, cho nên áo da dê của quan đại phu lại dùng da beo viền thêm để trang sức. 孔 khổng, rất. 獬豹, con beo rất uy vũ và mạnh tợn, cho nên kẻ mặc áo mà có viền da beo thì phải uy vũ mạnh tợn. 司徒, chủ về.

## CHƯƠNG III

- |      |                       |
|------|-----------------------|
| 羔裘晏兮 | 9. Cao cầu án hế.     |
| 三英粲兮 | 10. Tam anh xán hế.   |
| 彼其之子 | 11. Bỉ ký chi tử,     |
| 邦之彥兮 | 12. Bang chi ngạn hế. |

### *Dịch nghĩa*

9. Áo da dê tươi sáng rườm rà,
10. Ba miếng anh trang sức trên áo da sáng chói.
11. Vị kia (quan đại phu mặc áo ấy)
12. Phải là kẻ sĩ đẹp đẽ đáng kính của quốc gia vậy.

### *Dịch thơ*

*Áo da dê rườm rà tươi tắn.*

*Ba miếng anh trong hẵn sáng thay!*

*Kìa người mặc chiếc áo này,*

*Phải là kẻ sĩ anh tài quốc gia.*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 晏 án, tươi đẹp rướm rà. 三英 tam anh, ba miếng dẻ trang sức cái áo da, chưa rõ cách thức ra sao. 燕 xán, sáng chóp. 燕 ngạn, tiếng đẹp dẽ để gọi kẻ sĩ.

*Thiên Cao cầu có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THÚ 81

### CHƯƠNG I

遵大路	Tuân đại lộ. (Trịnh phong 7)
遵大路兮	1. Tuân đại lộ hế.
摻之子之祛兮	2. Sảm chấp tử chi khử (khư) hế.
無我惡兮	3. Vô ngã ô hế.
不憲故也	4. Bất tǎm cõ dā.

### *Dịch nghĩa*

1. Nói theo con đường cái mà đi,
2. Em nắm lấy vạt áo của chàng.
3. Chàng chớ ghét em,
4. Chàng chớ vội rời đi (mà đoạn tuyệt với em) vì tình xưa nghĩa cũ.

### *Dịch thơ*

*Đi theo anh, em noi đường cái,  
Quyết không buông, nắm lấy vạt anh.  
Chớ nên ghét bỏ em đành.  
Chớ rời đi gấp vì tình nghĩa xưa.*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 遵 *tuân*, đi theo, thuận theo. 摻 *sǎm*, nắm. 祛 *khưu* (đọc *khủ*), vạt áo. 奕 *tǎm*, gấp đi. 故 *cố*, xưa cũ.

Người đàn bà bị người ta ruồng bỏ. Cho nên lúc chồng bỏ ra đi, nàng liền nắm lấy vạt áo của chồng mà giữ lại, nói rằng: Chàng chớ ghét em mà chẳng lưu ở lại, vì tình cũ nghĩa xưa, chàng chớ nên vội bước ra đi để đoạn tuyệt với em.

Bài *Tống Ngọc phú* có câu: *Tuân đại lộ hế, lâm tử khu* (Đi theo con đường cái. Em nắm lấy vạt áo chàng) cũng là lời trai gái lưu luyến nhau.

## CHƯƠNG II

遵大路兮

5. *Tuân đại lộ hế.*

摻執子之手兮

6. *Sǎm chấp tử chi thủ hế.*

無我醜兮

7. *Vô ngã xú hế.*

不棄好兮

8. *Bất tǎm hảo hế.*

### *Dịch nghĩa*

5. Nói theo con đường cái mà đi,

6. Em nắm lấy tay của chàng.

7. Chàng chớ vì em xấu xa (hết sắc đẹp)

8. Mà chớ vội ra đi (đoạn tuyệt với em) vì tình ái tốt đẹp của đôi ta.

### *Dịch thơ*

*Noi đường cái, lần lần em bước.*

*Quyết nắm ghì cho được tay anh.*

*Chớ vì em xấu kém xinh,  
Tình ta tốt đẹp, chớ dành vội đi.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 醜 獸 hay xú đồng với chữ. 魁 xú là xấu. Muốn chàng chớ vì mình xấu xí, không đẹp mà phụ bỏ. 好 hǎo (đọc hǎu cho hợp vận), tình ái tốt đẹp.

*Thiên Tuân đại lộ có 2 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THÚ 82

### CHƯƠNG I

女 曰 雞 鳴      Nữ viết kê minh.  
(Trịnh phong 8).

- |         |                            |
|---------|----------------------------|
| 女 曰 雞 鳴 | 1. Nữ viết kê minh,        |
| 士 曰 昧 旦 | 2. Sĩ viết muội dán.       |
| 子 興 視 夜 | 3. Tử hưng thị dạ,         |
| 明 星 有 煥 | 4. Minh tinh hữu lạn.      |
| 將 翱 將 翱 | 5. Tương ngao tương tường. |
| 弋 尸 興 雁 | 6. Dực phù dữ nhạn.        |

### *Dịch nghĩa*

1. Nàng nói: Gà đã gáy.
2. Chàng nói: Trời gần sáng rồi.
3. Thị chàng hãy dậy để xem đêm như thế nào.
4. Sao mai đã mọc sáng lấp lánh.
5. Chàng phải ngao du,

## 6. Để bắn chim phù và chim nhạn

### *Dịch thơ*

*Nàng nói rằng: Trời vừa gà gáy.*

*Chàng thì: Gần sáng đây kia mà.*

*Thế chàng nên dậy xem qua,*

*Sao mai lấp lánh trời xa kia rồi.*

*Chàng ngao du khắp nơi săn bắn,*

*Tìm chim phù, chim nhạn đem về.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 眇 muội, tối. 旦 đán, sáng. 眇旦 muội đán, trời gần sáng, lúc trời còn tối mờ mờ chưa phân biệt được. 明星 minh tinh, sao khải minh, sao mai, gần sáng thì mọc ở phương đông. 爻 đực, chước xạ, lấy tơ sống cột vào tên mà bắn. 鹿 phù, loài chim nước, như con vịt màu xanh, trên lưng có rắn.

Đây là nhà thơ thuật lại lời của đôi vợ chồng hiền tài khuyên răn nhau. Nói rằng nàng bảo: Gà đã gáy, để đánh thức chồng dậy. Mà chàng thì bảo: Trời đã gần sáng, thì chàng những là lúc gà gáy mà thôi vậy. Vợ lại nói với chồng rằng: Nếu thế thì chàng có thể dậy được rồi để xem đêm như thế nào. Ý của nàng là sao mai đã mọc lên lấp lánh, thì chàng phải đi ngao du săn bắn lấy chim phù chim nhạn đem về.

Những lời khuyên răn nhau như thế, thì việc không dần dà lưu liên ở chỗ tình riêng với nhau có thể biết được vậy.

## CHƯƠNG II

弋言加之  
與子宜之  
宜言飲酒  
與子偕老  
琴瑟在御  
莫不靜好

7. Dực ngôn gia (ky) chi,
8. Dữ tử nga (nghi) chi.
9. Nghi ngôn ẩm tửu,
10. Dữ tử giai lồng (lāo).
11. Cầm sắt tại ngự.
12. Mặc bất tĩnh hầu (hảo).

### *Dịch nghĩa*

7. Chàng bắn tên rất trúng (vào chim phù chim nhạn mà đem về).
8. Thì em lo những món ăn ngon, thích nghi với nhau cho chàng dùng.
9. Phải cùng uống rượu.
10. Và hẹn cùng chàng sống với nhau đến già.
11. Đàn cầm đàn sắt đang hòa điệu để hầu tiệc của chúng ta,
12. Thì yên tĩnh và hoà hảo lắm.

### *Dịch thơ*

*Chàng bắn trúng chim phù chim nhạn,  
Món thích nghi em rán nấu ngay.  
Bữa ăn uống rượu cho say,  
Hẹn nhau chung sống đến ngày tóc sương.  
Hầu buổi tiệc du dương cầm sắt.  
Thì an vui tương đắc hợp hoà.*

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 加 *gia* (có thể đọc *ky*), trúng. Sách *Sử ký* nói rằng: Lấy cây cung yếu và cây tên có cột dây tơ, bắn nhẹ trúng vào thân mình chim phù chim nhạn, là đáy. 宜 *nghi* (có thể đọc *nga*), điều hoà những món thích nghi với nhau. Thiên *Nội tắc* trong *Kinh Lê* nói rằng: Món chim nhạn thích hợp với cơm thuộc loại lúa mạch, là đáy.

Săn bắn là việc của chàng, còn lo nấu ăn trong nhà là chức vụ của nàng. Cho nên vợ nói với chồng rằng: Đã bắn được chim phù chim nhạn đem về, thì em phải vì chàng lo điều hoà các món ăn ngon cho thích nghi với nhau, để cùng uống rượu vui vẻ và hoà sống chung với nhau đến già. Lại có đàn cầm đàn sắt đang hoà tiệc nữa, thì yên tĩnh và hoà hảo thay!

Niềm vui hoà hảo mà không dâm có thể thấy được.

## CHƯƠNG III

知子之來之	13. <i>Tri tử chí lai chi</i>
雜佩以贈之	14. <i>Tạp bội dī tặng chí</i>
知子之順之	15. <i>Tri tử chí thuận chí.</i>
雜佩以問之	16. <i>Tạp bội dī vấn chí.</i>
知子之好之	17. <i>Tri tử chí háo chí,</i>
雜佩以報之	18. <i>Tạp bội dī báo chí.</i>

### *Dịch nghĩa*

13. Nếu em biết được những ai mà đến với chàng.
14. Thì em cởi xâu ngọc mà tặng để đẹp lòng chàng.
15. Nếu em biết được những ai mà chàng thân mến.

16. Thì em cởi xâu ngọc mà tặng để đẹp lòng chàng.
17. Nếu em biết được những ai mà chàng ham thích.
18. Thì em cởi xâu ngọc mà báo đáp để đẹp lòng chàng.

### *Dịch thơ*

*Người kính chàng đến chơi, nếu biết.*

*Xâu ngọc đeo nào tiếc tặng ngay.*

*Biết chàng thương mến là ai,*

*Tặng xâu bội ngọc trao tay tức thời.*

*Chàng ưa thích, biết người nào đăng.*

*Để báo đến xin tặng ngọc đeo.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 来之 *lai chi* (đọc *lực chi*), làm cho người cảm mến mà đến, như nói lấy văn nhã và đạo đức tu thân khiến người kính mến mà đến với mình. 雜佩 *tạp bội*, ngọc đeo ở bên tả bên hữu. Viên ngọc ngang ở trên gọi ngọc *hành*, phía dưới cột ba sợi dây, lấy ngọc trai mà xâu vào, nửa đoạn của sợi dây ở giữa xâu vào một viên ngọc trai to, gọi là ngọc *vū*; ở cuối đầu sợi dây ấy treo một viên ngọc mà hai đầu đều nhọn, gọi là ngọc *xung nha*; nửa đoạn cả hai sợi dây ở hai bên, mỗi sợi có treo một viên ngọc dài rộng và vuông, gọi là ngọc *cư*; ở cuối đầu mỗi sợi ấy có treo một viên ngọc hình như nửa viên ngọc bích, nhưng hướng vào trong gọi là ngọc *hoàng*, lại lấy hai sợi chuỗi ngọc trai, trên thì cột vào hai đầu của viên ngọc hành, dưới thì xâu tréo vào ở viên ngọc *vū*, rồi dưới nữa thì cột vào hai viên ngọc *hoàng*, khi đi thì ngọc *xung nha* chạm vào ngọc *hoàng* mà kêu thành tiếng.

Lữ thị nói rằng: Chẳng phải chỉ có ngọc mà thôi (mới gọi là *tạp bội*), nút áo làm bằng xương voi, đồ đánh lửa, kim đẽ may, ống sáo, phàm những đồ vật có thể mang theo trên

mình đều gọi là tạp bội. 贈 *tặng*, đưa *tặng*. 順 *thuận*, thương yêu. 開 *vấn*, tặng biếu.

Vợ lại nói với chồng rằng: Nếu em biết được ai là người vì kính mến chàng mà đến với chàng, và ai là người mà chàng thân ái thì em cởi ngay xâu tạp bội mà đưa tặng để báo đáp. Vì rằng chẳng những chỉ lo tròn chức vụ trong nhà mà thôi, nàng còn muốn chồng nên thân cận người hiền tài, kết bạn với người thiện nữa. Nàng chỉ muốn kết chặt lòng hân hoan của chàng mà không có luyến tiếc gì những đồ trang sức của nàng.

*Thiên Nữ viết kê minh có 3 chương, mỗi chương 6 câu.*

## BÀI THỨ 83.

### CHƯƠNG I

有女同車

**Hữu nữ đồng xa.**

(Trịnh phong 9).

有女同車

**1. Hữu nữ đồng xa,**

顏如舜華

**2. Nhan như thuấn hoa.**

將翶將翔

**3. Tương ngao tương tường,**

佩玉瓊琚

**4. Bội ngọc quỳnh cư.**

彼美孟姜

**5. Bỉ mỹ Mạnh Khương,**

洵美且都

**6. Tuân mỹ thả đô.**

### *Dịch nghĩa*

1. Có người con gái ngồi chung xe với mình,
2. Dung nhan đẹp đẽ như hoa cây thuấn.
3. Sắp sửa đi ngao du,
4. Thì nàng đeo ngọc cư.

5. Nàng Mạnh Khương đẹp đẽ kia.
6. Thật là đẹp đẽ lại nhàn nhã.

### *Dịch thơ*

*Ngồi xe cô gái đi chung.*

*Như hoa cây thuần sắc dùng mìn màng.*

*Ngao du rảo bước dịu dàng,*

*Quỳnh cù xâu ngọc đā mang vào người.*

*Mạnh Khương đẹp đẽ kia ôi!*

*Lại thêm nhàn nhã đẹp tươi thật là.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 舜 *thuần*, cây mộc cẩn, thân cây như cây lý, hoa thì sớm nở chiêu tàn. 孟 *Mạnh*, tên tự. 姜 *Khương*, họ Khương. 淳 *tuân*, tin, thật. 都 *đô*, nhàn nhã.

Bài này. Nói người con gái ngồi chung một xe với mình đẹp đẽ như thế. Rồi lại khen mà than rằng: Nàng Mạnh Khương đẹp đẽ kia, quả thật đẹp đẽ và lại nhàn nhã nữa.

## CHƯƠNG II

有女同行

7. Hữu nữ đồng hành,

顏如舜英

8. Nhan như thuần anh.

將翹將翔

9. Tương ngao tương tường,

佩玉將將

10. Bội ngọc thương thương

彼美孟姜

11. Bỉ mỹ Mạnh Khương.

德音不忘

12. Đức âm bất vong.

### *Dịch nghĩa*

7. Có người con gái đi chung với mình
8. Dung nhan đẹp như hoa cây thuấn.
9. Sắp sửa di ngao du.
10. (Thì nàng đeo xâu ngọc) tiếng ngọc khua nhau nghe xoang xoảng.
11. Nàng Mạnh Khương đẹp đẽ kia.
12. Lời đức hạnh của nàng, mình không thể nào quên được.

### *Dịch thơ*

*Có cô con gái cùng đi.*

*Như hoa cây thuấn khác gì dung quang.*

*Ngao du rảo bước dịu dàng,*

*Ngọc khua xoang xoảng nhẹ nhàng nghe kêu.*

*Mạnh Khương đẹp đẽ xiết bao!*

*Lời nàng đức hạnh ta nào lại quên.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 英 anh, bông hoa. 將將 thương thương. tiếng ngọc khua nhau khi bước đi nghe thương thương. 德音 đức âm bất vong, lời nói của nàng rất có đức hạnh không thể quên được. Nói nàng là người hiền tài.

*Thiên Hữu nữ đồng xa có 2 chương, mỗi chương 6 câu.*

## BÀI THÚ 84

### CHƯƠNG I

山有扶蘇

Sơn hữu phù tô.

(Trịnh phong 10).

- |         |                           |
|---------|---------------------------|
| 山 有 扶 蘇 | 1. Sơn hữu phù tô,        |
| 隰 有 荷 花 | 2. Tháp hữu hà phô (hoa). |
| 不 見 子 都 | 3. Bất kiến tử đô         |
| 乃 見 狂 且 | 4. Nai kiến cuồng thư.    |

*Dịch nghĩa*

1. Trên núi có cây phù tô,
2. Dưới tháp có hoa sen.
3. Không thấy người đẹp trai tử tế,
4. Lại chỉ thấy anh khùng này.

*Dịch thơ*

*Phù tô mọc ở núi cao,  
Hoa sen dưới tháp dưới ao mọc cùng.  
Gặp người trai đẹp thì không.  
Nào ngờ gặp đứa cuồng ngông như chàng.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng. 扶蘇 *phù tô*, cây phù tô, thứ cây nhỏ. 荷華 *hà hoa* (đọc *phô* cho hợp vận), hoa cây phù cù, hoa sen. 子都 *tử đô*, người con trai đẹp đẽ tử tế. 狂 *cuồng*, người khùng. 且 *thư*, tiếng ngữ từ, tiếng đệm vào câu văn.

Người con gái nói giỡn với người của nàng đang tư tình rằng: Trên núi thì có cây phù tô, dưới tháp thì có hoa sen. Nay sao chẳng gặp người đẹp trai tử tế, mà chỉ thấy anh khùng này thôi!.

## CHƯƠNG II

- |         |                        |
|---------|------------------------|
| 山 有 橋 松 | 5. Sơn hữu kiều tùng,  |
| 隰 有 游 龍 | 6. Tháp hữu du long.   |
| 不 見 子 充 | 7. Bất kiến tử sung,   |
| 乃 見 狡 童 | 8. Nãi kiến giao đồng. |

### *Dịch nghĩa*

5. Trên núi có cây tùng trụi cành lá.
6. Dưới tháp có cỏ long mọc lan ra khắp nơi.
7. Không gặp người đẹp trai tử tế.
8. Lại chỉ thấy thằng con nít gian xảo này.

### *Dịch thơ*

*Núi cao có mọc cây tùng.*

*Những nơi dưới tháp cỏ long lan đầy.*

*Không hề gặp kẻ đẹp trai,*

*Gặp nhầm thằng bé giỏi tài xảo gian.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng. 橋 *kiều*, cây đứng thẳng lên mà không cành, cũng viết. 游 *du*, cành lá phóng túng mọc lan ra. 龍 *long*, thú cỏ đỏ, hồng thảo, có một tên là mǎ lục, lá to mà màu trắng, mọc trong ao đầm, cao hơn một trượng. 子充 *tử sung* như 子都 *tử đồ*, người con trai đẹp đẽ tử tế, 狡童 *giao đồng*, đứa con nít giảo hoạt xảo trá.

*Thiên Sơn hữu phù tô có 2 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THÚ 85

### CHƯƠNG I

萚 兮	Thác hế, (Trịnh phong II).
萚 兮 蕙 兮	1. Thác hế! Thác hế!
風 其 吹 女	2. Phong kỳ xuy nhữ.
叔 兮 伯 兮	3. Thúc hế! Bá hế!
倡 予 和 女	4. Xướng dư hoạ nhữ.

### *Dịch nghĩa*

1. Cây khô sắp rơi rụng ôi!
2. Gió sẽ thổi người (thì người sẽ rớt).
3. Chàng Thúc bá ôi!
4. Hết chàng khởi xướng với em, thì em sẽ đáp hoạ lại chàng.

### *Dịch thơ*

*Cây khô hỡi! Cây khô kia hỡi!*

*Gió tung luồng sẽ thổi vào người*

*Này chàng Thúc bá kia ôi!*

*Hết chàng khởi xướng, em thời họa theo.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng. **萚** *thác*, cây khô sắp rơi rụng xuống. **女** *nhữ* (ở câu 2), người, mày, chỉ cây khô sắp rơi rụng mà nói. **叔伯** *Thúc Bá*, tên tự của người con trai. **予** *dú*, tôi, tiếng người con gái tự xưng. **女** *nhữ* (ở câu 4), anh, chỉ chàng Thúc Bá ấy.

Đây là lời nói của người con gái đùa giỡn. Nói cây khô sắp rơi rụng kia ôi! Cây khô sắp rơi rụng kia ôi! Gió sẽ thổi người (thì người sẽ rớt). Chàng Thúc bá ôi! Hết chàng khởi xướng với em, thì em sẽ đáp lại chàng.

## CHƯƠNG II

- |         |                        |
|---------|------------------------|
| 薄 兮 薄 兮 | 5. Thác hế! Thác hế!   |
| 風 其 漂 女 | 6. Phong kỳ phiêu nhữ. |
| 叔 兮 伯 兮 | 7. Thúc hế! Bá hế!     |
| 倡 予 要 女 | 8. Xướng dư, yêu nhữ.  |

### *Dịch nghĩa*

5. Cây khô sắp rơi rụng kia ôi!
6. Gió sẽ thổi người (thì người sẽ rớt).
7. Chàng Thúc bá ôi!
8. Hết chàng khởi xướng với em, thì em tán thành với chàng.

### *Dịch thơ*

*Cây khô hởi! Cây khô sắp rụng  
Gió tung luồng thổi đúng vào người.  
Này chàng Thúc Bba kia ôi!  
Hết chàng khởi xướng, thì tôi tán thành.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng. 漂 phiêu, thổi. 要 yêu, thành.  
Thiên Thác hế có 2 chương, mỗi chương 4 câu.

## BÀI THÚ 86

### CHƯƠNG I

狡童	Giảo đồng. (Trịnh phong 12).
彼狡童兮	1. Bỉ giảo đồng hê!
不與我言兮	2. Bất dǔ ngā ngôn hê!
維子之故	3. Duy tử chi cố.
使我不能餐兮	4. Sứ ngā bát nǎng xuyēn (xan) hê!

#### *Dịch nghĩa*

1. Thằng bé gian xảo kia ôi!
2. Đã đoạn tuyệt với ta, chẳng thèm nói chuyện với ta.
3. Duyên cớ chàng đã bỏ rơi ta
4. Khiến ta buồn khổ mà không ăn cơm.

#### *Dịch thơ*

*Kìa chàng bé bỗng gian ngoa,  
Chẳng thèm trò chuyện cùng ta nữa rồi.  
Việc chàng đánh dạ bỏ rơi.  
Xui ta buồn khổ đứng ngồi biếng ăn*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. Đây cũng là lời người con gái nói giỡn với người tình rằng: Người ưa thích ta thì đồng lâm. Tuy chàng đoạn tuyệt với ta, nhưng chưa đến nỗi khiến ta buồn khổ mà không ăn cơm đâu.

## CHƯƠNG II

- |        |                            |
|--------|----------------------------|
| 彼狡童兮   | 5. Bỉ giảo đồng hế!        |
| 不與我食兮  | 6. Bất dữ ngā thực hế!     |
| 維子之故   | 7. Duy tử chi cõ,          |
| 使我不能息兮 | 8. Sứ ngā bất năng tức hế! |

### *Dịch nghĩa*

5. Thằng bé gian xảo kia ôi!
6. Đã đoạn tuyệt với ta, chẳng thèm ăn chung với ta.
7. Duyên cớ chàng đã bỏ rơi ta
8. Khiến ta buồn khổ mà không yên.

(Đây là lời đùa giỡn không có thật của nàng nói mỉa mai với người tình. Sự thật tuy bị bỏ rơi, nàng không hề buồn khổ mà không yên, vì nàng còn lầm chàng trai khác mê thích nàng).

### *Dịch thơ*

*Kìa chàng bé bỗng điêu gian  
Với ta lại chẳng cùng ăn nữa rồi.  
Việc chàng dành dạ bỏ rơi  
Khiến ta buồn khổ bồi hồi chẳng yên?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 息 tức, yên.  
Thiên Giáo đồng có 2 chương, mỗi chương 4 câu.

## BÀI THÚ 87

衛裳

子惠思我

褰裳涉溱

子不我思

豈無他人

狂童之狂也且

Khiên thường (Trịnh phong 13).

1. Tử huệ tư ngā,

2. Khiên thường thiệp Trǎn.

3. Tử bất ngā tư,

4. Khi vô tha nhân?

5. Cuồng đồng chi cuồng dã thư!

### *Dịch nghĩa*

1. Chàng mà thương yêu nghĩ nhớ đến em,
2. Thì em sẽ xắn quần lội qua sông Trǎn để theo chàng.
3. Chàng mà không nghĩ nhớ đến em,
4. Thì há lại chàng có người khác (để em đi theo hay sao)?
5. Chàng bé bỗng cuồng ngông này thật là điên khùng vậy (không biết lẽ ấy hay sao?).

### *Dịch thơ*

*Chàng còn thương đến em đây.*

*Sông Trǎn quần vén lội ngay theo cùng.*

*Nếu chàng chẳng nhớ chàng trông,*

*Em theo kẻ khác, há không còn người?*

*Chàng điên bé bỗng khùng đi!*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 惠 huệ, thương yêu. 溱 Trǎn, tên con sông ở nước Trịnh. 狂童 cuồng đồng, như cuồng thả giáo

đồng, dứa con nít ngông cuồng mà lại gian giảo. H. thư, tiếng ngũ từ.

Người con gái nói với người tình rằng: Chàng thương yêu mà nghĩ nhớ đến em, thì em sẽ xắn quần lội qua sông Trần để theo chàng. Nếu chàng không nghĩ nhớ đến em, thì há lại không có người khác để đi theo, mà chỉ hẳn là theo chàng mà thôi hay sao 狂童之也狂且 cuồng đồng chi cuồng dā thư, chàng bé bỗng cuồng ngông này thật là khùng điên vậy, cũng là lời của nàng đùa nghịch với người tình.

## CHƯƠNG II

子惠思我

6. Tử huệ tư ngā,

褰裳涉洧

7. Khiên thường thiệp Vī.

子不我思

8. Tử hất ngā tư,

豈無他士

9. Khi vô tha sī ?

狂童之狂也且

10. Cuồng đồng chi cuồng dā thư.

### *Dịch nghĩa*

6. Chàng mà thương yêu nghĩ nhớ đến em,

7. Thì em sẽ xắn quần lội qua sông Vī để đi theo chàng.

8. Chàng mà không nghĩ nhớ đến em,

9. Thì há lại chàng có người khác (để em đi theo hay sao)?

10. Chàng bé bỗng cuồng ngông này thật là điên khùng vậy.

### *Dịch thơ*

*Chàng còn tưởng nhớ đến ta,*

*Vén quần, sông Vī nguyện qua theo cùng.*

*Nếu chàng chẳng nhớ chàng trông.*

*Ta theo kẻ khác, há không còn người?*

*Chàng điên bé bỗng khùng ơi!*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú, 沢 Vĩ, cũng là tên một con sông ở nước Trịnh. 士 sỹ, tiếng gọi người con trai chưa có vợ.

*Thiên Khiên thường có 2 chương, mỗi chương 5 câu.*

## BÀI THÚ 88

### CHƯƠNG I

丰

**Phong. (Trịnh phong 14)**

子 之 丰 兮

**1. Tử chi phong hê!**

俟 我 乎 巷 兮

**2. Sī ngā hố hồng (hạng) hê!**

悔 予 不 送 兮

**3. Hối dư bất tống hê!**

### *Dịch nghĩa*

1. Chàng trai đầy đặn đẹp đẽ

2. Đến chờ em ở ngoài ngõ. (Nhưng lúc ấy em có tình ý với người khác, em chẳng chịu đi theo).

3. Cho nên bây giờ em hối hận đã chẳng đi theo đưa tiễn người ấy.

### *Dịch thơ*

*Chàng trai đẹp đẽ xinh xinh,*

*Đợi em ngoài ngõ một mình xốn xang.*

*Hận lòng em chẳng tiễn chàng.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 昌 phong, phong mān, đàn đặn  
đẹp tốt. 巷 hàng (đọc hồng cho hợp vận). ở phía ngoài cửa.

Người con trai được người đàn bà hẹn hò đã đến đợi ở  
ngoài cửa, mà người đàn bà lại có tình ý khác, chẳng chịu đi  
theo. Thế rồi nàng lại hối hận, mới làm bài thơ này.

## CHƯƠNG II

子 之 昌 兮

4. Tử chi xương hế!

俟 我 乎 堂 兮

5. Sī ngā hố đường hế!

悔 予 不 將 兮

6. Hối dư bất tương hế!

### *Dịch nghĩa*

4. Chàng trai đầy đặn cường tráng

5. Đến chờ em ở trên nhà. (Nhưng em lúc ấy có tình ý với  
người khác, chẳng chịu đi theo).

6. Cho nên bây giờ em hối hận đã chẳng đi theo đưa tiễn  
người ấy.

### *Dịch thơ*

*Một chàng cường tráng đẹp trai,*

*Chờ em nhà chính đợi hoài uổng công.*

*Chẳng đưa chàng, hối hận lòng.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này, thuộc phú. 昌 xương, dáng thịnh tráng  
mạnh mẽ đầy đặn. 將 tương, tổng đưa.

### CHƯƠNG III

衣 錦 裳 衣

7. Ý cầm khuýnh y,

裳 錦 裳 裳

8. Thường cầm khuýnh thường

叔 兮 伯 兮

9. Thúc hê bá hê!

駕 予 與 行

10. Giá dư dữ hành.

#### *Dịch nghĩa*

7. Em mặc áo gấm có lớp áo đơn (phủ ở ngoài).

8. Em mặc quần gấm có lớp quần đơn (phủ ở ngoài).

9. Chàng Thúc bá ôi!

10. (Đã phục sức đầy đủ như thế này, em mơ ước) chàng  
hãy thăng xe rước em đi.

#### *Dịch thơ*

*Áo thì áo gấm áo trơn,*

*Quần thì quần gấm quần đơn rờ ràng*

*Ước gì Thúc bá vội sang,*

*Thăng xe đến rước cùng chàng em đi.*

#### *Chú giải của Chy Hy*

Chương này thuộc phú. 裳 khuýnh, áo đơn. 叔伯 Thúc Bá, là tên tự của người.

Người đàn bà đã hối hận trước kia chẳng đi theo đưa tiễn mà mất chàng ấy, cho nên nói rằng: Em phục sức đã đầy đủ, há lại không có xe để rước em cùng đi hay sao?

## CHƯƠNG IV

- |         |                               |
|---------|-------------------------------|
| 裳 錦 裳   | 11. Thường cầm khuýnh thường. |
| 衣 錦 裳 衣 | 12. Ý cầm khuýnh y.           |
| 叔 兮 伯 兮 | 13. Thúc hề bá hề!            |
| 駕 予 與 歸 | 14. Giá dư dữ quy.            |

### *Dịch nghĩa*

11. Em mặc quần gấm có lớp quần đơn (phủ ở ngoài)
12. Em mặc áo gấm có lớp áo đơn (phủ ở ngoài).
13. Chàng Thúc bá ôi!
14. (Đã phục sức đầy đủ như thế này, em mơ ước) chàng hãy thăng xe rước em cùng về.

### *Dịch thơ*

*Quần thi quần gấm quần đơn,  
Áo thi áo gấm áo trơn dàng hoàng.  
Xe đâu Thúc bá đem sang.  
Rước em về ở cùng chàng từ đây.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 歸 quy, người phụ nữ đi lấy chồng gọi là quy.

*Thiên Phong* có 4 chương, 2 chương 3 câu và 2 chương 4 câu.

## BÀI THỨ 89

### CHƯƠNG I

東門之墮

Đông môn chi thiện.  
(Trịnh phong 15)

東門之墮

1. Đông môn chi thiện.

茹蘆在阪

2. Như lư tại phản.

其室則邇

3. Kỳ thất tắc nhī.

其人甚遠

4. Kỳ nhân thatem viēn.

#### *Dịch nghĩa*

1. Chỗ đất phẳng để cúng tế ở bên cửa đông
2. Có rau như lư ở trên bờ dốc.
3. Nhà của chàng thì gần,
4. Mà chàng thì xa xôi không thấy.

#### *Dịch thơ*

Cửa đông đất dọn phẳng phiu,

Cơ lư bờ dốc lên nhiều khắp nơi.

Nhà chàng gần đây kia rồi.

Người chàng bằng bắc xa vời mỏi trông.

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 東門 *đông môn*, cửa thành phía đông. 墮 *thiện*, chỗ đất dọn bằng phẳng để cúng tế. 茹蘆 *như*

lư, cỏ mao sưu, có một tên nữa là cỏ thiến, có thể dùng để nhuộm màu đỏ. 阮 phản (đọc phiến cho hợp vần), bờ dốc.

Bên cửa thành có miếng đất phẳng để cúng tế, phía ngoài miếng đất phẳng ấy có cái bờ dốc, trên bờ dốc có cỏ như lư, nàng nhớ chở ở cửa người thông gian với nàng ở đây. 室邇人遠 thất nhī nhân viễn, nhà thì gần mà người thì xa. Đó là lời của nàng trông nhớ chàng mà chưa được gặp.

## CHƯƠNG II

東門之栗

5. Đông môn chi lật,

有踐家室

6. Hữu tiên gia thất.

豈不爾思

7. Khi bất nhī tư?

子不我即

8. Tử bất ngā tức.

### *Dịch nghĩa*

5. Cửa đông có cây lật,
6. Có nhà thành hàng thành dây.
7. Em há lại không nhớ tưởng đến chàng?
8. Mà chàng chẳng đến với em.

### *Dịch thơ*

*Cửa đông cây lật rướm rà,*

*Dưới thì có những dây nhà chen nhau.*

*Há em chẳng nhớ chàng sao?*

*Mà chàng lại chẳng tạt vào sang em.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 践 tiên, đáng có hàng có dây.

Ở bên cửa thành có cây lật, dưới cây lật có nhà thành hàng thành dãy. Nàng cũng nhớ chỗ ở cửa chàng. 即 tức, đến.

*Thiên Đông môn chi thiện có 2 chương mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THỨ 90

### CHƯƠNG I

風雨 Phong vũ (Trịnh phong 16)

風雨淒淒 1. Phong vũ thê thê

雞鳴喈喈 2. Kê minh giê giê (giai giai).

既見君子 3. Ký kiến quân tử,

云胡不夷 4. Vân hồ bất di?

### *Dịch nghĩa*

1. Mưa gió tối tăm lạnh lẽo (thuận tiện cho những cuộc hẹn hò).

2. Gà gáy ó o.

3. Khi đã gặp chàng rồi,

4. Nói rằng làm sao mà chẳng an vui được?

### *Dịch thơ*

*Tối tăm lạnh lẽo gió mưa,*

*Ó o gà gáy tiếng vừa vọng sang.*

*Khi em đã gặp được chàng.*

*Rằng lòng sao chẳng nhẹ nhàng yên vui?*

Chương này thuộc phú.淒淒 *thê thê*, khi lạnh léo.喈喈 *giao giao* (đọc *giê giê* cho hợp vận), tiếng gà gáy.風雨 *phong vū*, gió mưa mù mịt tối tăm, vì đó là lúc dâm bôn.君子 *quân tử*, chỉ người con trai mà nàng hẹn ước.夷 *d i*, băng lặng yên vui.

Người con gái nói: Dương lúc mà gặp được người nàng hẹn ước thì lòng nàng vui lên.

## CHƯƠNG II

風雨瀟瀟

5. Phong vū tiêu tiêu.

雞鳴膠膠

6. Kê minh giao giao.

既見君子

7. Ký kiến quân tử,

云胡不瘳

8. Vân hô bất sưu?

### *Dịch nghĩa*

5. Gió mưa ào ào,
6. Gà gáy ó ó.
7. Khi đã gặp chàng rồi,
8. Nói rằng làm sao mà chẳng lành khỏi được (chứng bệnh tương tư)?

### *Dịch thơ*

*Gió mưa tối ào ào,*

*Ó ó gà gáy xôn xao rộn ràng.*

*Khi em đã gặp được chàng,*

*Sao không khỏi chứng mơ màng tương tư?*

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 潘潘 tiêu tiêu, tiếng gió mưa nghe ào ào. 喳喳 giao giao (đọc kiêu kiêu cho hợp vận), như giê giê là tiếng gà gáy ó o. 鬧 sưu (đọc liêu cho hợp vận), lành bình. Nói nhớ trông chồng chất mà thành bình, đến khi ấy gặp chàng thì khỏi ngay.

## CHƯƠNG III

風雨如晦

9. Phong vū như hí (hői),

雞鳴不已

10. Kê minh bất dī.

既見君子

11. Ký kiến quân tử,

云胡不喜

12. Vân hồ bất hỉ?

### Dịch nghĩa

9. Gió mưa tối tăm,

10. Gà gáy không thôi.

11. Khi đã gặp chàng rồi,

12. Nói rằng làm sao chẳng vui tươi được?

### Dịch thơ

Gió mưa mù mịt tối tăm.

Tiếng gà chẳng dứt gáy rầm nghe vang.

Khi em đã gặp được chàng,

Rằng sao mà chẳng rộn ràng vui tươi?

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 晦 hí (đọc hí cho hợp vận), tối tăm. 已 dī, dứt.

*Thiên Phong vū có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THÚ 91

### CHƯƠNG I

子 衿	Tử khâm. (Trịnh phong 17).
青 青 子 衿	1. Thanh thanh tử khâm,
悠 悠 我 心	2. Du du ngã tâm.
縱 我 不 往	3. Túng ngã bất vãng,
子 寧 不 畜 音	4. Tử ninh bất tự âm?

### *Dịch nghĩa*

1. Bâu áo của chàng thuần một màu xanh (nhớ chàng, em nhớ cả sắc phục của chàng).
2. Lòng em nhớ nghĩ xa xôi man mác.
3. Nếu em không đến với chàng.
4. Chàng sao lại không có lời viếng thăm em?

### *Dịch thơ*

*Ao chàng bâu vải xanh xanh,  
Nhớ chàng em lại nghĩ quanh xa vời,  
Vì băng em chẳng đến chơi,  
Sao chàng chẳng gởi vài lời viếng thăm?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 青青 thanh thanh, thuần một màu xanh. Khi còn đú cha mẹ thì mặc áo thuần một màu

xanh. 子 tử, nam tử, người con trai. 衮 khâm, cái cổ áo, cái bâu áo. 悠悠 du du, lo nghĩ xa xôi. 我 ngā, tôi, tiếng người con gái tự xưng. 嗣音 tự âm, tiếp tục lời hỏi thăm.

## CHƯƠNG II

青 青 子 佩

5. Thanh thanh tử bội.

悠 悠 我 心

6. Du du ngā tâm.

縱 我 不 往

7. Túng ngā bất vāng,

子 寧 不 來

8. Tử ninh bất lai?

### *Dịch nghĩa*

5. Dây đeo ngọc của chàng xanh xanh,
6. Lòng em nhớ nghĩ xa xôi man mác.
7. Nếu em không đến với chàng.
8. Chàng sao lại không đến với em?

### *Dịch thơ*

*Xanh xanh tua ngọc của chàng,  
Nhớ ai em nghĩ xốn xang xa vời.  
Vì bằng em chẳng đến chơi,  
Sao chàng lại chẳng đến nơi em chờ?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 青青 thanh thanh, màu xanh, dây tua xanh để đeo ngọc. 佩 bội (đọc bi cho hợp vận), ngọc đeo bên mình.

### CHƯƠNG III

挑兮達兮

9. Khiêu hề thoát hề.

在城闕兮

10. Tại thành khuyết hề.

一日不見

11. Nhất nhật bất kiến,

如三月兮

12. Như tam Nguyệt hề.

#### *Dịch nghĩa*

9. Em nhẹ nhàng và phóng túng nhảy lên
10. Lầu trên thành (để trông về phía chàng).
11. Một ngày mà không thấy chàng
12. Đằng đẵng như ba tháng vậy.

#### *Dịch thơ*

*Nhẹ nhàng em nhảy lên nhanh,*

*Đứng trông trên cửa lầu thành vót cao.*

*Một ngày mà chẳng thấy nhau,*

*Lâu như ba tháng, khác nào chàng ôi!*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 挑 khiêu, dáng nhảy nhẹ nhàng. 達 thoát (đọc *thuyết* cho hợp vận), phóng túng.

*Thiên Tử khâm có 3 chương mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THÚ 92

### CHƯƠNG I

揚 之 水	Dương chi thuỷ (Trịnh phong 18)
揚 之 水	1. Dương chi thuỷ,
不 流 束 楚	2. Bất lưu thúc sở.
終 鮮 兄 弟	3. Chung tiễn huynh đệ,
維 予 與 女	4. Duy dư dũ nhữ,
無 信 人 之 言	5. Vô tín nhân chi ngôn.
人 實 逛 女	6. Nhân thực cuống nhữ.

#### *Dịch nghĩa*

1. Dòng nước chảy lững lờ,
2. Không cuốn trôi bó gỗ.
3. Rốt cuộc anh em hai bên đều ít.
4. Chỉ có em và chàng.
5. Chàng đừng có tin lời người ta.
6. Người ta thật là dối gạt chàng đấy.

#### *Dịch thơ*

*Dòng sông nước chảy lững lờ,  
Vẫn còn bó gỗ sờ sờ chẳng trôi.  
Anh em hai phía ít oi.  
Em và chàng chịu lẻ loi chốn này.*

*Chàng đừng tin vội lời ai.*

*Người ta rõ thật chỉ hay gạt chàng.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 兄弟 *huynh đệ*, anh em, tiếng gọi hai bên chồng và vợ. Kinh *Lê* nói: *Bất đắc tự vi huynh đệ* (*Chu lê*, thiên *Đại tư đồ*) là đây.

予 *dư* 女 *nhữ*, em và chàng, tiếng con trai con gái gọi nhau. 人 *nhân*, người khác, người lạ. 遊 *cuồng*, nói gạt. Trai gái khuyên nhau rằng: Dòng nước chảy chậm chạp lững lờ (xem thiên *Dương chi thuỷ*), bài thứ 68, Vương phong 4) không cuốn trôi được bó gỗ. Rốt cuộc anh em hai bên đều ít, chỉ có em và chàng, há lại lấy lời ly gián của người khác mà nghi kỵ hay sao? Lời của người ấy chỉ riêng dối gạt anh mà thôi.

## CHƯƠNG II

揚之水

7. Dương chi thuỷ,

不流束薪

8. Bất lưu thúc tân.

終鮮兄弟

9. Chung tiễn huynh đệ.

維予二人

10. Duy dư nhị nhân.

無信人之言

11. Vô tin nhân chi ngôn.

人實不信

12. Nhân thực bất tín.

### *Dịch nghĩa*

7. Dòng nước chảy lững lờ,

8. Không cuốn trôi bó củi.

9. Rốt cuộc anh em hai bên đều ít.

10. Chỉ có hai chúng ta mà thôi.
11. Chàng chờ tin lời người ta.
12. Người ta thật là không đáng tin.

### *Dịch thơ*

*Lững lờ nước chảy đầy sông,  
Trơ trơ bó cùi bên dòng chẳng trôi.  
Anh em hai phía ít người.  
Bơ vơ hai đứa mà thôi đây mà.  
Chàng đừng tin vội người ta.  
Đời này người rõ thật là khó tin.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng.  
Thiên Dương chi thuỷ có 2 chương, mỗi chương 6 câu.

## BÀI THỨ 93

### CHƯƠNG I

出其東門

Xuất kỳ đông môn.

(Trịnh phong 19)

出其東門

1. Xuất kỳ đông môn,

有女如雲

2. Hữu nữ như vân.

雖則如雲

3. Tuy tắc như vân,

匪我思存

4. Phỉ ngã tư tồn.

縞衣綦巾

5. Cảo y kỳ cân.

*Dịch nghĩa*

1. Ra khỏi cửa đông,
2. Có những cô gái đẹp lại nhiều.
3. Tuy là đẹp lại nhiều,
4. Nhưng chẳng phải là tình ý của ta mơ tưởng đến.
5. (Người vợ nghèo khó của ta), tuy với áo trắng khăn xanh,
6. Nhưng cũng làm cho ta vui thích.

*Dịch thơ*

*Bước ra vừa khỏi cửa đông,*

*Lấm cô thiêu nữ sắc dung mặn mà.*

*Tuy nhiều đẹp đẽ thoát tha.*

*Chẳng hề lưu luyến lòng ta chút tình.*

*Vợ ta áo trắng khăn xanh.*

*Làm ta vui thích riêng mình yêu đương.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 如雲 *nư vân*, như mây, đẹp lại nhiều. 緺 *cǎo*, sắc trắng. 素 *kỳ*, màu xanh xanh trắng trắng. 緺衣素巾 *cǎo y kè càn*, y phục quê mùa của phụ nữ nghèo. Người này tự nhận xét vợ nhà. 員 *vân* đồng như. 云 *vân* là tiếng ngũ từ.

Người ta thấy những cô gái mà làm bài thơ này cho là những cô gái ấy tuy đẹp lại nhiều, nhưng mà tình ý của mình không có mơ tưởng gì đến, chẳng như vợ của mình ở

nhà tuy nghèo khó lại quê mùa nhưng cũng đủ để cho mình vui thích.

Lúc ấy trai gái vui đùa đᾶ lan tràn, nhưng trong khoảng đó lại có người như thế, cũng có thể gọi là biết giữ mình trong sạch mà không bị thói tục biến đổi. Coi đó thì câu nói: Lòng biết thẹn, biết xấu, ai cũng có, há lại không tin như thế hay sao?

## CHƯƠNG II

出其闔閨

7. Xuất kỳ ân đồ,

有女如荼

8. Hữu nữ như đồ.

雖則如荼

9. Tuy tắc như đồ,

匪我思且

10. Phi ngā tư thư.

縞衣如蘆

11. Cảo y như lư,

聊可與娛

12. Liên khả dữ ngu.

### *Dịch nghĩa*

7. Ra khỏi cửa dài trên thành cong,

8. Có những cô gái đẹp như hoa đồ (hoa tranh).

9. Tuy là đẹp như hoa đồ.

10. Nhưng chẳng phải là lòng ta mơ tưởng đến.

11. (Người vợ nghèo khó của ta, tuy với áo trắng áo đồ,

12. Nhưng vẫn có thể làm cho ta vui thích.

### *Dịch thơ*

*Cửa dài thành bước ra đi.*

*Cô có đẹp đẽ khác gì đồ hoa.*

*Tuy như đồ đẹp nôn na,*

*Chẳng hề lưu luyến làm ta động lòng.*

*Vợ ta áo trắng, áo hồng.*

*Vẫn làm ta mãi mặn nồng yêu đương.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 閣 ân, thành công. 閣 đồ, dài trên thành. 茶 đồ, hoa cỏ tranh, trắng phớt dẽ thương. 且 thư, tiếng ngũ trợ từ. 如蘆 như lư, rau như lư dùng để nhuộm màu đồ, cho nên dùng để gọi sắc áo đồ. 娱 ngu, vui thích.

*Thiên Xuất kỳ đông môn có 2 chương, mỗi chương 6 câu.*

## BÀI THỨ 94

### CHƯƠNG I

野有蔓草 Dã hữu man thảo (Trịnh phong 20)

野有蔓草 1. Dã hữu man thảo.

零露溥兮 2. Linh lộ thiến (đoàn) hế.

有美一兮 3. Hữu mỹ nhất nhan,

清揚婉兮 4. Thanh dương uyển hế.

邂逅相遇 5. Giải cấu tương ngộ,

適我願兮 6. Thích ngã nguyện hế.

### *Dịch nghĩa*

1. Ngoài đồng nội có cỏ mọc lan ra,

2. Sương lộ rơi xuống đậm dà.

3. Có một người con gái xinh tươi,

4. Mày đẹp mắt trong đẹp dẽ,

5. Không hẹn mà tình cờ gặp nhau.
6. Thật là thích hợp ý nguyện của ta.

### *Dịch thơ*

*Ngoài đồng cỏ mọc lan ra,  
Mịt mù sương lộ đậm đà rớt rơi.  
Đẹp thay bông có một người,  
Mắt trong mày đẹp xinh tươi dịu dàng.  
Tình cờ ta gặp được nàng.  
Thật là thích hợp mơ màng bấy lâu.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú mà hưng. 蔓 *man*, bò lan dài ra. 濡 *doàn* (đọc *thiễn* cho hợp vận), dáng sương lộ xuống nhiều. 清揚 *thanh dương*, khoảng con mắt và lông mày (mày đẹp mắt trong), 婉然 *uyển nhiên*, đẹp邂逅 *giải cầu*, không hẹn mà gặp nhau.

Trai gái gặp nhau ở ngoài đồng ruộng đầy cỏ sương, cho nên phô trần chõi ấy ra mà khởi hưng. Nói ngoài đồng nội có cỏ mọc lan ra, thì sương lộ rơi xuống đậm đà. Có một người đẹp, mày đẹp mắt trong, tình cờ không hẹn mà gặp nhau, rất thích hợp với ý nguyện của ta.

## CHƯƠNG II

野 有 蔓 草

零 露 漫 漫

有 美 一 人

7. Dã hữu man thảo,

8. Linh lộ nhương nhương.

9. Hữu mỹ nhất nhân,

婉如清揚

10. Uyển như thanh dương.

邂逅相遇

11. Giải cấu tương ngộ.

與子偕將

12. Dữ tử giao tương.

### *Dịch nghĩa*

7. Ngoài đồng nội có cỏ mọc lan ra,
8. Sương lộ rơi xuống đậm đà.
9. Có một người con gái xinh tươi,
10. Mày đẹp mắt trong đẹp đẽ.
11. Không hẹn mà tình cờ gặp nhau,
12. Ta cùng với nàng mọi người đều được vừa ý muốn của mình.

### *Dịch thơ*

*Lan ra cỏ mọc đầy đồng,*

*Mịt mù sương lộ một vùng rớt rơi.*

*Có cô con gái xinh tươi,*

*Mắt trong mày đẹp mắt người xinh thay*

*Tình cờ mà gặp nhau đây,*

*Thoả lòng ước nguyện cả hai đợi chờ.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú mà hứng. 濛濛 nhương nhương  
dáng sương lộ xuống nhiều. 將 tương, đẹp 與子偕將 dữ tử giao  
tương, nói một người đều được vừa ý muốn của mình.

*Thiên Dã hữu man thảo* có 2 chương, mỗi chương 6 câu.

## BÀI THÚ 95

### CHƯƠNG I

溱 洧

Trân Vī. (Trịnh phong 21).

溱 與 洧

1. Trân dữ Vī,

方 澳 澳 兮

2. Phương hoán hoán hé.

士 與 女

3. Sī dữ nǚ,

方 秉 簡 兮

4. Phương bình gian hé.

女 曰 觀 乎

5. Nữ viết: Quan hô

士 曰 既 且

6. Sī viết: Ký thư.

且 往 觀 乎

7. Thả vāng quan hô,

洧 之 外

8. Vī chí ngoại,

洵 許 且 樂

9. Tuân hu thả lạc.

維 士 與 女

10. Duy sī dữ nǚ,

伊 其 相 謨

11. Y kỳ tương huớc,

贈 之 以 勻 藥

12. Tặng chi dī thược dược.

### *Dịch nghĩa*

1. Sông Trân và sông Vī.
2. Nước vừa lai láng (vì vào mùa xuân, nước đá vừa tan).
3. Cậu trai và cô gái,
4. Vừa cầm nhánh hoa lan (mới hái).
5. Cô gái nói: Đi xem.
6. Cậu trai nói: Đã đi xem rồi.

7. Cô gái lại nói: Hãy đi xem.
8. Phía ngoài sông Vĩ,
9. Tin chắc là to rộng và vui vẻ.
10. Rồi cậu trai và cô gái,
11. Nhân đây mà nô đùa với nhau,
12. Rồi cậu trai tặng cho cô gái cành hoa thước được đẽ  
kết ân tình. (Trai gái tự do vui chơi trên bờ sông quyến luyến  
nhau, tặng nhau những nhánh hoa thơm.

### *Dịch thơ*

*Dòng sông Vĩ với sông Trân,  
Thuỷ triều vào khoảng mùa xuân đây đầy.  
Khắp vùng con gái con trai,  
Hoa lan mới bẻ cầm tay trao lời.  
Nàng rằng: Sao chẳng xem chơi?  
Chàng rằng: Vừa mới đến rồi xem qua.  
Nàng thêm: Hãy đến xem mà.  
Phía ngoài sông Vĩ đôi ta đến cùng.  
Chắc là vui thú mênh mông.  
Rủ nhau sánh bước đi chung hai người.  
Lại nhân dịp ấy vui cười.  
Tặng nàng thước được ghi lời ái ân.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú mà hứng 淚渙 hoán hoán (đọc *viên* viên cho hợp vận), dáng nước mùa xuân lai láng đầy đầy, vì là mùa nước đá mới tan tràn ra. 簡 gian (đọc kiên cho hợp vận). Cây hoa lan, cọng và lá giống cây trạch lan đốt dài

mà rộng, trong đốt màu đỏ, cao bốn năm thước. 且 *thư*, tiếng ngũ trợ từ. 洵 *tuân*, tin chắc. 許 *hu*, to 勻藥 *thuốc được*, cũng là cây có hương thơm, tháng ba nở hoa, hương và sắc dễ mến.

Theo phong tục nước Trịnh vào ngày ty trong thượng tuần tháng ba, người ta hái hoa lan ở trên bờ sông để trừ tai và cầu phúc. Cho nên cô gái hỏi cậu trai rằng: Sao lại không đi xem hái hoa? Cậu trai đáp: Tôi đã đi đến rồi. Cô gái lại yêu cầu rằng: Hãy đi xem, vì là ở ngoài sông Vī, đất to rộng có thể vui chơi ở đây. Cho nên cậu trai và cô gái (đều đi đến đây) cùng nô đùa với nhau, rồi lại lấy hoa thuốc được mà tặng để kết ân tình nồng hậu.

Bài thơ này là lời của đôi trai gái tự kể lại sự tình.

## CHƯƠNG II

溱與洧

13. Trân dữ Vī,

濁其清矣

14. Lưu kỳ thanh hī.

士與女

15. Sī dữ nữ,

殷其盈矣

16. Ân kỳ doanh hī.

女曰觀乎

17. Nữ viết: Quan hô.

士曰既且

18. Sī viết: Ký thư.

且往觀乎

19. Thả vāng quan hô.

洧之外

20. Vī chi ngoại

洵訏且樂

21. Tuân hu thả lạc.

維士與女

22. Duy sī dữ nữ,

伊其將譴

23. Y kỳ tương hước,

贈以勻藥

24. Tặng dī thuốc được.

## *Dịch nghĩa*

13. Sông Trân và sông Vĩ,
14. Nước sâu lại trong.
15. Các cậu trai và các cô gái,
16. Đông và đây cả mọi nơi.
17. Cô gái nói: Đi xem.
18. Cậu trai nói: Đã xem rồi
19. Cô gái lại thêm: Hãy đi xem,
20. Phía ngoài sông Vĩ
21. Tin chắc là to rộng, lại vui.
22. Rồi cậu trai và cô gái.
23. Nhân đây mà nô đùa với nhau.
24. Rồi cậu tặng cho cô cành hoa thược dược để kết ân tình.

## *Dịch thơ*

*Sông Trân sông Vĩ hai dòng*

*Thuỷ triều sâu thẳm lại trong chảy dài.*

*Trong vùng con gái con trai,*

*Kéo ra lũ lượt đông đây vui chơi.*

*Nàng kêu: Hãy cứ đi coi!*

*Chàng rắng: Vừa mới xem rồi lại đây.*

*Nàng thêm: Cùng đến xem ngay*

*Tới nơi sông Vĩ cõi ngoài phía xa.*

*Mênh mông vui thích hẳn là.*

*Gái trai sánh bước lân la đi cùng.*

*Dịp may đùa cợt vui chung.*

*Tặng nàng thược dược, trao lòng mến yêu.*

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú mà húng. *瀏 lưu*, dáng sâu. 殷 an, nhiều người. 將 *tương* dáng lý phải viết *tương* (là lắn nhau) vì làm lắn thanh âm.

*Thiên Trân Vĩ* có 2 chương, mỗi chương 12 câu.

*Thơ quốc phong nước Trịnh* có 21 thiên, 53 chương, 283 câu.

Âm nhạc của nước Trịnh và nước Vệ đều là tiếng hò hẹn nhau. Thơ nước Vệ có 39 thiên (kể cả thơ nước Bội, nước Dung), mà phần thơ dâm bôn chỉ có một phần tư. Còn thơ nước Trịnh có 21 thiên, mà phần thơ dâm bôn đã không những là năm phần bảy. Thơ dâm bôn của nước Vệ là lời của trai cắm gái. Còn thơ dâm bôn của nước Trịnh đều là lời của gái mê trai. Người nước Vệ phần nhiều còn có ý răn trừng. Còn người nước Trịnh thì cơ hồ như phóng đãng chẳng chút thẹn thùng ăn năn. Coi đó thì thói dâm bôn của lời thơ nước Trịnh đã nặng nề hơn của nước Vệ. Cho nên Khổng phu tử luận về các nước, chỉ lấy một mình thơ nước Trịnh để răn, mà không đề cập đến thơ nước Vệ, vì là lấy cái nặng hơn hết mà nói, cố nhiên tự nó đã có thứ tự rồi.

Kinh *Thi* có thể dùng để quan sát phong tục tốt hay xấu, há lại không tin lời đó hay sao?

## 8. TÊ PHONG.

Tê tên là nước Tê, vốn là đất của Sảng Cưu thị ở trong thời vua Thiếu Hạo, theo sách Vũ cống là khu vực Thanh châu. Chu Vũ vương lấy đất ấy phong cho Thái Công Vọng. Nước ấy phía đông tiếp đến biển, phía tây tiếp đến sông Hoàng Hà, phía nam tiếp đến Mục lăng, phía bắc tiếp đến Vô đệ. Thái Công Vọng họ Khương, vốn dòng dõi của Tứ Nhạc, khi đã được phong ở đất Tê, ngài lo việc công nghệ, việc buôn bán được khai thông, và mỗi lợi về cá muối được

thuận tiện, dân chúng quy phục càng đông, cho nên trở thành một nước lớn.

Nay những châu Thanh, Tề, Tri, Duy, Đức là khu vực nước Tề vậy.

## BÀI THÚ 96

### CHƯƠNG I

雞 鳴

Kê minh. (Tề phong I)

雞 既 鳴 矣

1. Kê ký minh hī.

朝 既 盈 矣

2. Triều ký doanh hī.

匪 雞 則 鳴

3. Phỉ kê tắc minh.

蒼 蟻 之 聲

4. Thương nhăng chi thanh.

#### *Dịch nghĩa*

1. Gà đã gáy rồi.
2. Triều thần đã đầy đủ rồi.
3. Nhưng sự thật chẳng phải gà gáy,
4. Mà là tiếng của ruồi xanh bay vo vo.

#### *Dịch thơ*

*Đã vọng sang tiếng gà gáy vội,*

*Quần thần đều tụ hội đầy trào.*

*Thật thì gà có gáy đâu*

*Tiếng ruồi xanh đã thi nhau bay cùng.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. Nói người hiền phi ngày xưa hầu ở bên vua, đến lúc gần sáng, liền tâu với vua rằng: Gà đã gáy

rồi, các bầy tôi trong triều đã dậy đủ. Vì muốn vua dậy sớm  
để ra triều. Nhưng thật chẳng phải gà gáy, lại là tiếng ruồi  
xanh bay. Vì là bà hiền phi dương lúc dậy sớm, lòng thường  
sợ trẻ, cho nên nghe tiếng giống nhau mà nhận là thật nghe  
tiếng ruồi xanh mà nhận là tiếng gà. Nếu chẳng phải lòng  
nàng lo sợ e dè để khỏi lâm vào con đường dật dục, thì làm  
sao lại được như thế? Cho nên nhà thơ kể lại sự tình ấy mà  
khen tặng.

## CHƯƠNG II

東方明矣

5. Đông phương minh hĩ.

朝既昌矣

6. Triệu ký xương hĩ.

匪東方則明

7. Phi đông phương tắc minh

月出之光

8. Nguyệt xuất chi quang

### *Dịch nghĩa*

5. Phương đông đã sáng rồi (mặt trời sắp mọc).
6. Triều đình đã nhiều đông quần thần rồi.
7. Nhưng sự thật thì chẳng phải phương đông sáng.
8. Mà là ánh sáng của mặt trăng lên.

### *Dịch thơ*

*Kìa phương đông chân trời sáng rực*

*Quần thần đang túc trực đây trào.*

*Trời đông chưa sáng tỏ đâu*

*Ánh trăng vừa mọc chiếu vào đó thôi.*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 東方明 *dōng phuāng minh*, phuāng dōng sáng là mặt trời sắp mọc. 昙 *xuāng*, thịnh, nhiều.

Đây là bà hiền phi tâu một lần nữa.

## CHƯƠNG III

蟲 飛 墓 墓

9. Trùng phi hoảng hoảng.

甘 與 子 同 夢

10. Cam dữ tử đồng mộng.

會 且 歸 矣

11. Hội thả quy hĩ.

無 庶 予 子 憎

12. Vô thứ dư tử tăng

### *Dịch nghĩa*

9. Côn trùng bay vo vo

10. Thần thiếp rất vui sướng được yên giấc mộng với vua.

11. Nhưng quần thần đã tụ hội ở triều đình rồi, nếu chờ mà không thấy vua ra, thì sẽ giải tán trở về.

12. Xin chờ vì thần thiếp mà vua phải bị ghét lây.

### *Dịch thơ*

*Côn trùng bay vo vo vang động.*

*Thiếp rất vui chung mộng với nhau.*

*Triều thần về hết thì sao?*

*Chờ vì thần thiếp, cả trào ghét lây.*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 蟲飛 trùng phi, côn trùng bay, đêm gần sáng thì muôn loài côn trùng dấy động bay lên. 千 cam, vui. 千 hội, triều hội.

Đây là bà hiền phi tâu lần thứ 3. Nói đương lúc ấy, thần thiếp há lại không muốn cùng yên giấc hay sao? Nhưng quần thần đã tụ hội ở triều đình rồi, nếu chờ lâu mà không thấy vua ra, thì sẽ giải tán trở về. Vậy chờ nên vì thần thiếp mà quần thần phải ghét lây đến vua.

*Thiên Kê minh có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

### BÀI THỨ 97

#### CHƯƠNG I

還	Tuyên (Tề phong 2)
子之還兮	1. Tử chi tuyên hê
遭我乎峱之間兮	2. Tảo ngā hô Nao chi gian hê
並驅從兩肩兮	3. Tịnh khu tùng lưỡng kiên hê.
揖我謂我儇兮	4. Ấp ngā vị ngā huyên hê

#### *Dịch nghĩa*

1. Ngài thật là lanh lẹ
2. Gặp ta ở khoảng núi Nao.
3. Cùng nhau rượt đuổi hai con thú ba tuổi.
4. Ngài chấp tay vái ta và nói ta lanh lẹ lắm.

#### *Dịch thơ*

*Ngài thì rõ thật lẹ nhanh.*

Núi Nao hoang áy vô tình gặp ta.

Đuổi chung hai thú lên ba.

Chấp tay khen tặng ta là lẹ nhanh.

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 還 *tuyên*, dáng lanh lẹ. 猛 Nao, tên núi (ở nước Tề). 從 *tùng*, đuổi theo. 爲 *kiên* con thú được ba tuổi. 優 *huyên*, lanh lẹ.

Những người đi săn qua lại gặp nhau ở trên đường, lại lấy việc lanh lẹ khen tặng nhau như thế, mà chẳng tự biết việc sai lầm của mình, thì phong tục không được đẹp đẽ có thể nhận thấy và biết rõ bởi đâu mà ra vậy.

### *Chú giải của Dịch giả.*

Mao thi: vua chúa và quan chức ham đi săn bắn mà bỏ phế việc chính trị, cho nên người trong nước làm bài thơ này để châm biếm.

## CHƯƠNG II

子之茂兮

5. Tử chi mậu hế

遭我乎猛之道兮

6. Tao ngā hổ Nao chi đạo hế.

並驅從兩牡兮

7. Tịnh khu tùng lưỡng mâu hế.

揖我謂我好兮

8. Áp ngā vị ngā hảo hế.

### *Dịch nghĩa*

5. Ngài thật là đẹp đẽ.

6. Gặp ta ở trên đường vùng núi Nao.

7. Cùng nhau rượt đuổi hai con thú đực.

8. Ngài chấp tay vái ta và nói ta là tốt lắm.

### *Dịch thơ*

*Ngài thì đẹp đẽ tươi xinh.  
Núi Nao đường áy vô tình gặp ta.  
Rượt hai thú đực, đuổi nà.  
Chắp tay khen tặng ta là tốt thay!*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 牡 mâu, đẹp.

## CHƯƠNG III

- |         |                                  |
|---------|----------------------------------|
| 子之昌兮    | 9. Tử chi xương hê.              |
| 遭我乎峱之陽兮 | 10. Tao ngā hổ Nao chi dương hê. |
| 並驅從兩狼兮  | 11. Tịnh khu tùng lưỡng lang hê. |
| 揖我謂我臧兮  | 12. Áp ngā vị ngā tương hê.      |

### *Dịch nghĩa*

9. Ngài thật là hùng tráng.
10. Gặp ta ở phía nam núi Nao.
11. Cùng nhau rượt đuổi hai con chó sói.
12. Ngài chắp tay vái ta và nói ta là tốt lành lắm.

### *Dịch thơ*

*Ngài trông cường tráng phuơng phi  
Phía nam quả núi Nao thì gặp ta.  
Đuối chung hai sói chạy qua.  
Chắp tay khen tặng ta là tốt thay!*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 昙 *xương*, thịnh cường tráng đẹp tốt. 陽 *dương*, phía nam trái núi. 狼 *lang*, chó sói giống như con chó. Đầu nhọn, má tráng, phía trước thì cao, phía sau thì rộng. 暾 *tương*, tốt lành.

*Thiên Tuyên* có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

### BÀI THỨ 98

#### CHƯƠNG I

著

Trứ. (Tê phong 3)

俟我於著乎而

1. Sī ngā ư trú hồ nhi.

充耳以素乎而

2. Sung nhī dī tő (tő) hồ nhi.

尙之以瓊華乎而

3. Thượng chi dī quỳnh  
hoa hồ nhi.

#### *Dịch nghĩa.*

1. Chàng đợi em ở trước cửa, khoảng từ cửa đến bình phong.

2. Em thấy chàng che tai bằng tơ trắng.

3. Lại có thêm đá ngọc quỳnh hoa để che tai nữa.

#### *Dịch thơ*

*Chàng đợi thiếp ngõ ngoài chực sǎn,*

*Thấy che tai tơ trắng nõn nà,*

*Lại thêm đá quý quỳnh hoa.*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 俟 *sī*, chờ đợi. 我 *ngā*, ta tiếng người con gái tự xưng. 著 *trǚ* (đọc *trư* cho hợp vận), khoảng từ cửa và bình phong. 充耳 *sung nhī*, lấy sợi dây tơ treo viên ngọc để che tai, tức là nói sợi dây māo để treo viên ngọc che tai ở hai bên. 尙 *thượng*, gia thêm. 瓊華 *quỳnh hoa* (đọc *phô* cho hợp vận), thứ đá đẹp giống như ngọc, tức là thứ đá để làm ngọc che tai.

Lã thị ở Đông lai nói rằng: Về hôn lễ, chàng rể đến nhà vợ để rước dâu, sau khi đã làm lễ điện nhạn (trao chìm nhạn) thì đánh xe mà trở về trước, đứng đợi ở ngoài cửa. Khi cô dâu đến, chàng rể chấp tay vái chào mà đưa vào.

Lúc ấy phong tục nước Tề không có rước dâu, cho nên cô dâu đến cửa mới thấy chàng rể đứng chờ mà thôi.

## CHƯƠNG II

俟我於庭乎而

4. Sī ngā ư đình hồ nhi.

充耳以青乎而

5. Sung nhī dī thanh hồ nhi.

尚之以瓊榮乎而

6. Thượng chi dī quỳnh

vinh hồ nhi.

### *Dịch nghĩa*

4. Chàng đợi em ở trong sân ngoài cửa phòng.

5. Em thấy chàng che tai bằng tơ xanh.

6. Lại có thêm đá quỳnh vinh để che tai nữa.

### *Dịch thơ*

*Trước sân nhà trông em, chàng đợi,*

*Thấy che tai mây sợi tơ xanh.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 庭 đình, sân, ở phía trong cửa to và ở ngoài cửa phòng. 瓊榮 quỳnh vinh, cũng là thứ đá đẹp giống như ngọc.

Lữ thị nói rằng: Đây là về hôn lễ gọi lúc chàng rể dẫn cô dâu đến cửa phòng, chấp tay má vái rồi đưa vào.

CHƯƠNG III

- |         |                                    |
|---------|------------------------------------|
| 俟我於堂乎而  | 7. Sī ngā ư đường hồ nhi.          |
| 充耳以黃乎而  | 8. Sung nhī dī hoàng hồ nhi.       |
| 尚之以瓊英乎而 | 9. Thượng chi dī quỳnh anh hồ nhi. |

*Dịch nghĩa*

- Chàng đợi em ở trên nhà chính.
- Em thấy chàng che tai bằng tơ vàng.
- Lại có thêm đá quỳnh anh để che tai nữa.

*Dịch thơ*

Trên nhà chính trông em, chàng đứng.

Thấy che tai vàng ửng tơ xinh.

Lại thêm đá quý quỳnh anh.

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 瓊英 quỳnh anh (đọc ương cho hợp vần), cũng là thứ đá đẹp giống như ngọc.

Lữ thị nói rằng: Bước lên bức thềm rồi mới đến nhà chính, đây là lúc hôn lễ gọi bước lên từ bức thềm phía tây.

Thiên Trữ có 3 chương, mỗi chương 3 câu.

## BÀI THỨ 99

### CHƯƠNG I

東方之日

Đông phương chi nhật.  
(Tề phong 4).

東方之日兮

1. Đông phương chi nhật hế.

彼姝者子

2. Bỉ xu giả tử,

在我室兮

3. Tại ngã thất hế.

在我室兮

4. Tại ngã thất hế.

履我即兮

5. Lý ngã tức hế.

### *Dịch nghĩa*

1. Mặt trời phương đông.
2. Cô nàng đẹp đẽ kia,
3. Vào nơi nhà ta.
4. Vào nơi nhà ta,
5. Cứ rón bước theo ta mà đi không rời.

### *Dịch thơ*

*Phương đông đã thấy mặt trời,*

*Có cô con gái xinh tươi mặn mà.*

*Bỗng đâu tới ở nhà ta.*

*Bỗng đâu tới ở vào nhà chung nơi,*

*Rón theo ta bước chẳng rời.*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng. 履 lý, rón bước theo. 即 tức, đến.  
Nói người con gái này rón bước theo dấu chân ta mà đi.

## CHƯƠNG II

- |       |                               |
|-------|-------------------------------|
| 東方之月兮 | 6. Đông phương chi nguyệt hê. |
| 彼姝者子  | 7. Bỉ xu giả tử.              |
| 在我闔兮  | 8. Tại ngā thất hê            |
| 在我闔兮  | 9. Tại ngā thất hê            |
| 履我發兮  | 10. Lý ngā phát hê.           |

### *Dịch nghĩa*

6. Mặt trăng đã thấy ở phương đông.
7. Cô nàng đẹp đẽ kia,
8. Vào nơi trong cửa của ta.
9. Vào nơi trong cửa của ta.
10. Cứ rón bước theo ta mà đi không rời.

### *Dịch thơ*

*Mặt trăng đã thấy phương đông.  
Có cô con gái sắc dung đậm đà  
Bỗng đâu bước đến cửa nhà.  
Bỗng đâu tới ở cùng ta cửa này  
Chẳng rời rón bước theo hoài.*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng, 閩 thát (đọc *thuyết* cho hợp vận, ở trong cửa. 發 phát (đọc *phiết* cho hợp vận), đi. Nói nàng rón rén bước theo ta mà đi.

*Thiên Đông phương chi nhật có 2 chương mỗi chương 5 câu.*

### BÀI THỨ 100

#### CHƯƠNG I

東方未明      **Đông phương vị minh.**  
(**Tề phong 5**)

東方未明      1. **Đông phương vị minh,**  
顛倒衣裳      2. **Điên đảo y thường.**  
顛之倒之      3. **Điên chi đảo chi,**  
自公召之      4. **Tự công triệu chi.**

#### *Dịch nghĩa*

1. Trời phương đông chưa sáng
2. Mà đã vội vã áo quần xốc xêch.
3. Áo quần xốc xêch chưa kịp sửa sang cho tề chỉnh để kịp đi chầu,
4. Lại có kẻ từ bên nhà vua sang gọi.

#### *Dịch thơ*

*Trời phương đông vẫn chưa sáng hẳn.*

*Áo quần chưa ngay ngắn chỉnh trang*

*Ngả nghiêng xốc xêch vội vàng,*

*Thì vua đã phái người sang triệu vời.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. *自* *tự*, từ nơi.

Việc đi chầu của quần thần, khi sáng rõ phân biệt được màu sắc mới nhập trào. Nhà thơ này châm biếm vua của mình ăn uống thức ngủ không có thời tiết, hiệu lệnh sai khiến không có giờ khác. Nói rằng phương đông chưa sáng mà đã vội vã áo quần xốc xech không kịp sửa sang cho tề chỉnh để đi chầu thì cho là đã sớm rồi. Nhưng lại có kẻ từ bên nhà vua sang triệu vời thì lại cho là còn trễ nữa.

Hoặc nói rằng: Sở dĩ đã như thế (áo quần điên đảo xốc xech) là vì từ bên công sở có kẻ đến vời, cho nên mới thế.

## CHƯƠNG II

東 方 未 啓

5. **Đông phương vị hy,**

顛 倒 裳 衣

6. **Điên đảo thường y.**

倒 之 顛 之

7. **Đảo chi điên chi,**

自 公 令 之

8. **Tự công lệnh chi.**

### *Dịch nghĩa*

5. Trời phương đông chưa bắt đầu sáng,

6. Mà đã vội vã quần áo xốc xech.

7. Quần áo xốc xech chưa kịp sửa sang cho chỉnh tề để kịp đi chầu.

8. Lại có hiệu lệnh từ bên nhà vua truyền sang.

### *Dịch thơ*

*Trời phương đông vẫn chưa sáng khắp.*

Áo quần đà háp tấp mặc vào.  
Ngả nghiêng xốc xêch trước sau,  
Thì vua đã có lệnh mau đến chầu.

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú, *hồi* hy, bắt đầu sáng. 令 *lịnh*, hiệu *lịnh*.

## CHƯƠNG III

折柳樊圃	9. Chiết liễu phan phô,
狂夫瞿瞿	10. Cuồng phu cụ cụ.
不能辰夜	11. Bất năng thời dạ,
不夙則莫	12. Bất túc tắc mộ.

### *Dịch nghĩa*

9. Chặt cây liễu để rào vườn rau
10. Những đứa điên rồ cũng kiêng sợ (tuy gỗ liễu mềm và giàn không đáng cậy trông), không dám vượt qua.
11. Nay thì thời khắc về ban đêm không thể biết rõ ràng được.
12. Nếu chẳng sai giờ buổi sớm, thì át sai giờ buổi chiều (ý nói chức vụ trông coi đồng hồ không được quan chuyên môn đảm nhiệm đứng đắn).

### *Dịch thơ*

Để rào vườn, liễu kia ta chặt.  
Đứa điên rồ thấy át sợ ngay.  
Giờ đêm rành rẽ nào hay,

*Chẳng làm buổi sớm, thì sai buổi chiều.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý. 柳 liễu, loài cây dương rủ, gỗ rất mềm và giòn. 樊 phan, hàng rào. 蒿 phố (đọc bồ), vườn rau 翠 蔷 cự cự, dáng nhìn lâm lét sợ hãi. 風 túc, sớm 折柳樊圃 chiết liễu phan phố, chặt cây liễu để rào vườn rau, tuy không đủ trông cậy (vì gỗ cây liễu mềm và giòn), nhưng những kẻ khùng trông thấy cũng kinh sợ mà không dám vượt qua, để so sánh với thời khắc về ban đêm có giới hạn rõ ràng ai ai cũng dễ biết, nhưng nay thì không thể biết được, nếu chẳng sai giờ buổi sớm, thì ắt sai giờ buổi chiều.

### *Chú giải của Dịch giả.*

Nói chức vụ trông coi đồng hồ không được quan chuyên môn thông thạo đảm nhiệm đứng đắn. Giờ khắc bị tính sai quá sớm khiến các quan phải vội vã áo quần xốc xêch không kịp chỉnh trang để vào chầu, thì đã có sứ giả của vua sang triệu hay truyền hiệu lệnh đến.

Chặt cây liễu rào vườn rau, tuy gỗ liễu mềm và giòn, nhưng đứa điên rõ cũng không dám vượt qua, cũng nhưng giờ khắc giới hạn ban đêm và ban ngày rất rõ ràng, ai ai cũng biết, nhưng nay thì bị tính sai quá sớm và mọi người từ vua đến quan đều phải tuân theo, đứa khùng cũng phải kiêng sợ không dám vi phạm, tuy biết rằng giờ khắc không sai buổi sớm thì cũng sai buổi chiều. Đây là ý nghĩa của thuộc tý vậy.

*Thiên Đông phương vị minh có 3 chương mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THỨ 101

### CHƯƠNG I

南 山	Nam Sơn (tê phong 6)
南山 崔 崔	1. Nam Sơn tồi tồi
雄 狐 綏 綏	2. Hùng hồ tuy tuy
魯 道 有 蕩	3. Lỗ đạo hữu dâng.
齊 子 由 歸	4. Tề tử do quy,
既 曰 歸 止	5. Ký viết quy chỉ,
曷 又 懷 止	6. Hạt hữu hoài chỉ?

#### *Dịch nghĩa*

1. Trên núi Nam (ở nước Tề) cao vòi voi
2. Có con chồn đực lang thang đi tìm đôi lứa (ví Tề Tương công đi tìm em gái để thông dâm).
3. Đường đi sang nước Lỗ bằng phẳng.
4. Do đó nàng Văn Khương nước Tề đi theo chồng.
5. Nàng đã được gả theo chồng rồi.
6. Sao (Tề Tương công) lại còn nhớ tướng đến nàng nữa?

#### *Dịch thơ*

*Núi Nam kia ngọn thì cao ngất.*

*Tìm lứa đôi chồn đực lang thang.*

*Đi về Lỗ phẳng một đường.*

*Do theo ngã áy Văn Khương theo chồng.*

*Nàng vu quy đã xong mọi việc,*

*Tương công sao nhớ tiếc chǎng buông?*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý. 南山 *Nam sơn*, núi Nam sơn của nước Tề. 崔崔 *t崔 t崔*, dáng cao lớn. 狐 *hồ*, con chồn loài thú tà my. 紫綏 *tuy tuy* dáng lang thang đi tìm đôi lứa. 魯道 *Lỗ đạo* đường đi sang nước Lỗ. 蕩 *dāng*, băng phẳng dễ dàng. 齊子 *Tề tử*, nàng Văn Khương, em gái của Tề Tương công. Là phu nhân của Lỗ Hoàn công bị, Tề Tương công là anh ruột thông gian. 由 *do*, từ đó, do đó. 歸 *quy*, con gái gả theo chồng. 懷 *hoài* (đọc *huì* cho hợp vận), nhớ tưởng. 乎 *chỉ* tiếng ngữ từ.

Nói núi Nam ở nước Tề có con chồn để so sánh với Tề Tương công làm vua ở ngôi cao nhưng vẫn theo nếp hạnh dâm tà. Vả lại nàng Văn Khương đã noi theo con đường ấy theo chồng sang nước Lỗ, thì Tương công sao lại còn nhớ tưởng đến nàng ư?

**CHƯƠNG II**

葛屨五兩

7. Cát cú ngũ lưỡng

冠綾雙止

8. Quan nhuỵ song chi.

魯道有蕩

9. Lỗ đạo hữu dāng,

齊子庸止

10. Tề tử dung chi.

既曰庸止

11. Ký viết dung chi.

曷又從止

12. Hạt hựu tùng chi?

*Dịch nghĩa*

7. Dép băng vải gai thì có 5 đôi.

8. Lèo mū thì có 2 chiếc (ngụ ý đều đủ đôi đủ cặp không lẫn lộn nhau).
9. Đường đi sang nước Lỗ bằng phẳng,
10. Do đó nàng Văn Khương nước Tề dùng để đi theo chồng sang nước Lỗ.
11. Nàng đã dùng đường ấy đi theo chồng rồi.
12. Sao (Tề Tương công) lại còn đi theo nữa.

### *Dịch thơ*

*Dép vải gai thì năm đôi chẵn.*

*Lèo mū thì chắc chắn đủ hai.*

*Đường sang nước Lỗ phẳng thay!*

*Văn Khương dùng đó để quay về chồng.*

*Nàng đã theo chồng dùng đường ấy,*

*Sao Tương công cứ mãi đi theo?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý. 兩 lưỡng, một đôi hai chiếc dép. 緾 nhuy, đồ trang sức trên māo. Dép thì luôn luôn có hai chiếc, đồ trang sức trên māo cũng có 2 cái (ở hai bên), các món vật ấy đều có đôi có cặp không thể lẫn lộn được. 痢 dung, dùng. Dùng con đường ấy để đi theo chồng sang nước Lỗ 從 tùng, đi theo.

### CHƯƠNG III

藝 麻 如 知 何

13. Nghệ ma như chi hà?

衡 從 其 故

14. Hoành tung kỳ mâu.

取 妻 如 之 何

15. Thú thê như chi hà?

必告父母  
既曰告之  
曷又鞠止

16. Tất cốc phụ mẫu.  
17. Ký viết cốc chỉ,  
18. Hạt hưu cúc chỉ?

### *Dịch nghĩa*

13. Trồng cây gai cây sắn thì như thế nào?
14. Phải cày ngang cày dọc mẫu ruộng của mình.
15. Cưới vợ thì như thế nào?
16. Phải thưa rõ với cha mẹ.
17. Nay Lỗ Hoàn công đã thưa rõ với cha mẹ rồi.
18. Sao còn để nàng được trọn tà dục (với người anh) như thế.

### *Dịch thơ*

*Muốn trồng gai nên làm sao呢?*

*Ruộng dọc ngang bùa kỵ cây sâu.*

*Vợ mà muốn cưới làm sao?*

*Bẩm thưa cha mẹ trước sau tốn tường.*

*Đã trình bẩm song đường nhất thiết,*

*Sao để nàng trọn việc loạn đâm?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 藝 nghệ, trồng cây 鞠 cúc, cùng, trọn.

Người muốn trồng cây gai cây sắn tất nhiên trước phải cày ngang cày dọc mẫu ruộng của mình. Người muốn cưới vợ tất nhiên phải thưa với cha mẹ. Nay Lỗ Hoàn công đã thưa với cha mẹ mà cưới nàng, thì sao lại khiến nàng được trọn tà dục với người anh đến như thế áy?

## CHƯƠNG IV

析薪如之何  
匪斧不克  
取妻如之何  
匪媒不得  
既曰得止  
何又極止

19. Tích tân như chi hè?
20. Phỉ phủ bất khắc.
21. Thú thê như chi hè?
22. Phỉ môi bất đắc.
23. Ký viết đắc chỉ,
24. Hạt hựu cực chỉ?

### *Dịch nghĩa*

19. Chè củi thì như thế nào?
20. Không có cây búa thì không nêu việc.
21. Cưới vợ thì như thế nào?
22. Không có môi mai thì không được vợ.
23. Lỗ Hoàn công đã cưới được nàng rồi.
24. Sao còn để nàng được trộn tà dục (với người anh) như thế?

### *Dịch thơ*

*Chè củi thì nên làm sao đặng*

*Không búa thì chè chẳng được đâu.*

*Vợ mà muốn cưới làm sao?*

*Không mai dấn dắt vợ đâu săn sàng.*

*Nay đã cưới được nàng rồi đây,*

*Sao để nàng trộn māi thói dâm?*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hùng 克 khắc, có thể, được. 極 cực, cùng, trọn.

*Thiên Nam sơn có 4 chương, mỗi chương 6 câu.*

Truyện Xuân thu năm Hoàn công thứ 18. Hoàn công và phu thân đến nước Tề, Hoàn công mất ở nước Tề. Truyện nói rằng: Hoàn công sắp sửa đi, bèn cùng Khương thị đến nước Tề.

Thân Nhu nói rằng: Gái có chồng, trai có vợ, mỗi người đều có gia thất riêng, không nên gần gũi nhau, gọi là có lẽ. Nếu đổi cái lẽ ấy đi (anh trai em gái cứ gần gũi nhau) thì dễ đến chõ bại hoại.

Lỗ Hoàn công hội với Tề hầu ở đất Lạc, bèn cùng nàng Văn Khương đến nước Tề, và Tề hầu thông dâm với nàng. Lỗ Hoàn công khiển trách nàng, nàng lại đem việc khiển trách ấy báo cho Tề Tương công biết.

Tháng tư mùa hạ, Tề hầu thuyết đài Hoàn công khiển công tử Bành Sinh đi xe với Hoàn công, và Lỗ Hoàn công bị chết ở trên xe.

Trong bài thơ này 2 chương đầu châm biếm Tề Tương công, 2 chương sau châm biếm Lỗ Hoàn công.

## BÀI THÚ 102

### CHƯƠNG I

甫 田

Phủ diền(Tề phong 7)

無 田 甫 田

1. Vô diền phủ diền,

維 莖 驕 驕

2. Duy dĩu kiêu kiêu.

無 惠 遠 人

3. Vô tư viễn nhân,

勞 心 忏 忱

4. Lao tâm đao đao

### *Dịch nghĩa*

1. Chớ làm ruộng miếng ruộng to.
2. Chỉ có cỏ dại mọc rậm rạp.
3. Chớ nhớ tưởng người ở xa,
4. Chỉ lao nhọc tâm tư.

### *Dịch thơ*

*Ruộng to cấy cày chớ toan,  
Sức làm không xuể, cỏ lan khắp đồng.  
Người xa, xin chớ đợi trông,  
Người mà chẳng đến, nhọc lòng khổ tâm!*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý 甫 diền (chữ thứ 2 câu 1), cày cấy làm ruộng. 甫 phủ, lớn. 秀 dậu, cỏ hại lúa. 騎 騎 kiêu kiêu (đọc cao cao cho hợp vận), thịnh vượng lên. 刃 刃 đao đao, sầu khổ, lao nhọc.

Nói đừng làm ruộng một miếng đất to. Làm ruộng một miếng đất to mà sức mình không kham nổi, thì cỏ sê mọc rậm rạp. Chớ nhớ tưởng người ở xa, người ở xa mà chẳng đến thì mình phải nhọc lòng, để răn người đương thời ghét việc nhỏ mà lo làm việc to, bỏ việc kề gân mà tính mưu việc xa, sẽ chỉ lao nhọc mà không ra công cán gì.

## CHƯƠNG II

無 田 甫 田  
維 秀 榮 榮  
無 愚 遠 人

5. Vô diền phủ diền,
6. Duy dậu kiệt kiệt.
7. Vô tư viễn nhân,

勞 心 恒 恒

## 8. Lao tâm dát dát.

### *Dịch nghĩa*

5. Chớ làm ruộng miếng ruộng to.
6. Chỉ có cỏ dại mọc rập rạp.
7. Chớ nhớ tưởng người ở xa,
8. Chỉ lao nhọc tâm tư.

### *Dịch thơ*

*Ruộng to chớ vội cây cày,*

*Sức làm không xuể, cỏ đầy khắp nơi.*

*Người xa, đừng nhớ ai ơi,*

*Người mà không đến, mỏi hơi trông chờ.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tỷ.桀桀 *kiệt kiệt* như 騙驕 *kiêu kiêu*,  
thịnh vượng lên.恒恒 *dát dát* (đọc *diết diết* cho hợp vận) như  
忉忉 *đao đao*, sâu khổ lao nhọc.

## CHƯƠNG III

婉 兮 戀 兮

9. Uyển hê! Luyến hê!

總 角 卯 兮

10. Tống giác quán hê!

未 幾 見 兮

11. Vị kỷ kiến hê!

突 而 弁 兮

12. Đột nhi biến hê!

### *Dịch nghĩa*

9. Bé thơ xinh xắn thay
10. Còn để hai chỏm tóc trái đào
11. Thì chưa bao lâu,
12. Nó chợt trưởng thành đội mũ rồi.

### *Dịch thơ*

*Ngày nào bé thơ xinh thay!*

*Tóc thì suôn sẻ chưa hai trái đào.*

*Đến nay chưa được bao lâu,*

*Chợt đã đội mũ lớn cao trưởng thành.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý. 婉 uyển 戀 luyễn, dáng trẻ xinh. 仰  
quán, dáng hai chỏm tóc kết trái đào trên đầu 未幾 vỉ kỷ  
chưa bao lâu. 突 突, hốt nhiên. Thành linh cao lớn lên. 并  
biên, tên cái mũ để đội.

Nói đứa trẻ còn để hai chỏm tóc kết trái đào, thấy nó  
chưa bao lâu, thì hốt nhiên nó đã đội mũ mà đi ra, chẳng  
phải vượt bậc mà gắng gượng được, vì là cứ tuân tự mà tiến,  
thì cuộc thế ắt sẽ đến. Như thế lại thấy rõ là bé có thể lần  
đến lớn, gần có thể lần đến xa. Cứ theo thứ tự mà lo liệu thì  
có thể chợt thành linh đến mức cùng tột được. Nếu vượt bậc  
mà muốn mau gấp, thì trái lại có khi không đạt thành.

*Thiên Phủ điền có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THỨ 103

### CHƯƠNG I

盧 令	Lô linh. (Tề phong 8)
盧 令 令	1. Lô linh linh,
其 人 美 且 仁	2. Kỳ nhân mỹ thả nhân!

#### *Dịch nghĩa*

1. Cái vòng ở cổ chó săn khua reng reng.
2. Người vừa đẹp lại vừa nhân hậu.

#### *Dịch thơ*

*Vòng khuyên cổ chó nghe khua,  
Người vừa đẹp đẽ lại vừa đức nhân.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 盧 lô,  chó săn. 令 令 linh linh,  
tiếng khua của vòng khuyên ở dưới cổ chó săn.

Đại ý bài thơ này giống bài Tuyền (bài thứ 97, Tề phong 8)

### CHƯƠNG II

盧 重 環	3. Lô trùng hoàn,
其 人 美 且 韶	4. Kỳ nhân mỹ thả quyền!

### *Dịch nghĩa*

3. Nhiều chiếc vòng đeo ở cổ chó săn (khua reng reng)
4. Người vừa đẹp lại tốt râu.

### *Dịch thơ*

*Máy vòng cổ chó khua vang.*

*Người vừa đẹp đẽ lại càng tốt râu.*

## CHƯƠNG III

盧 重 錄

5. Lô trùng mai,

其 人 美 且 傲

6. Kỳ nhân mỹ thả tai!

### *Dịch nghĩa*

5. Nhiều vòng khoen (khoen lớn khoen nhỏ) đeo ở cổ chó săn (khua reng reng).

6. Người vừa đẹp lại râu nhiều.

### *Dịch thơ*

*Nghe khua cổ chó máy vòng.*

*Người vừa đẹp đẽ lại trông râu nhiều.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú錄 mai, cái khoen to xâu qua hai khoen nhỏ. 傲 tai, dáng râu nhiều. Truyện Xuân thu gọi là vu tai tức là chữ áy, vì xưa vẫn thông dụng.

*Thiên Lô linh có 3 chương, mỗi chương 2 câu.*

## BÀI THÚ 104

### CHƯƠNG I

敝 荀	Tê câu. (Tê phong 9)
敝 荀 在 梁	1. Tê câu tại lương,
其 魚 鮪 鰐	2. Kỳ ngư phòng quan.
齊 子 歸 止	3. Tê tử qui chí,
其 從 如 雲	4. Kỳ tụng như vân.

#### *Dịch nghĩa*

1. Cái đó rách đặt nơi đập cá,
2. Thì cá to phòng quan không giữ lại được.
3. Người thiểu phụ nước Tê (Văn Khương) trở về nước Tê,
4. Kẻ đi theo đông như mây.

#### *Dịch thơ*

*Chiếc đó rách để nơi đập áy,  
Con cá to đã sẩy còn gì.  
Trở về Tê quốc nàng đi,  
Cùng theo lầm kẻ đông thì như mây.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý敝 tê, hư rách. 荀 câu, cái đó để bắt cá. 魚鰐 phòng quan (đọc quân cho hợp vận), cá to. 歸 quy, trở về nước Tê 如雲 như vân (như mây), ý nói rất nhiều.

Người nước Tề lấy việc cái đó rách không thể chế ngự được con cá to mà bắt đặng để so sánh với Lỗ Trang Công không ngăn ngừa được bà Văn Khương, cho nên bà Văn Khương trở về nước Tề, kẻ đi theo rất đông.

## CHƯƠNG II

敝笱在梁

5. Tê cầu tại lương.

其魚鲂鮄

6. Kỳ ngư phòng tự.

齊子歸止

7. Tê tử quy chỉ,

其從如雨

8. Kỳ tung như vũ.

### *Dịch nghĩa*

5. Cái đó rách đặt nơi đập bắt cá.

6. Thì cá phòng cá tự không giữ lại được.

7. Người thiếu phụ nước Tề (Văn Khương) trở về nước Tề.

8. Kẻ đi theo đông như mưa.

### *Dịch thơ*

*Để trong đập, đó thì hư nát,*

*Con cá to sẩy mất còn đâu.*

*Nàng về Tề quốc ruỗi mau.*

*Tháp tung đông đảo kẻ hầu như mưa.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý 鮋 tự, giống như cá phòng, mình dày mà đầu to, hoặc gọi là cá liên 如雨 như vũ (như mưa) cũng là đông.

### CHƯƠNG III

- 敝苟在梁  
其魚唯唯  
齊子歸止  
其從如水
9. Tè cầu tại lương,  
10. Kỳ ngư duỷ duỷ.  
11. Tè tử quy chỉ,  
12. Kỳ tụng như thuỷ.

#### *Dịch nghĩa*

9. Cái đó rách đặt nơi đậm bắt cá.  
10. Thì cá vô ra không giữ lại được.  
11. Người thiểu phụ nước Tề (Văn Khương) trở về nước  
Tề.  
12. Kẻ đi theo đông như nước.

#### *Dịch thơ*

*Chiếc đó rách để trong cái đậm,  
Bầy cá kia xuất nhập ngại chi.  
Trở về Tề quốc, nàng đi.  
Cùng theo đông đảo khác gì nước tuôn.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tỷ. 唯唯 duỷ duỷ, dáng đi vô ra. 如水  
như thuỷ (như nước), cũng là ý nhiều đông.

*Thiên Tè cầu có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

Theo truyện *Xuân thu*, Lỗ Trang công năm thứ 2, phu  
nhân họ Khương gặp Tề hầu ở đất Chước; năm thứ 4, phu  
nhân Văn Khương thết đãi Tề hầu ở Chúc khâu; năm thứ 5  
phu nhân họ Khương đến Tề sư; năm thứ 7, phu nhân họ  
Khương gặp Tề hầu ở đất Phòng và lại gặp Tề hầu ở đất Cốc.

## BÀI THÚ 105

### CHƯƠNG I

載 驅	Tái khu. (Tề phong 10)
載 驅 滂 滂	1. Tái khu phách phách,
簾 莓 茱 輅	2. Điện phát chu khuếch.
魯 道 有 蘩	3. Lỗ đạo hữu dāng.
齊 子 發 夕	4. Tề tử phát tịch.

#### *Dịch nghĩa*

- Đi xe dong ruồi chạy nhanh,
- (Ở cửa sau xe có) đóng đệm hoa và tấm da sơn đỏ.
- Đường nước Lỗ bằng phẳng.
- Nàng nước Tề (Văn Khương, em gái của Tề hầu) rời khỏi chỗ trú ẩn (mà đi gặp Tề hầu).

#### *Dịch thơ*

*Tiếng vun vút đánh xe lướt tối.*

*Có đệm hoa, rực chói da hồng.*

*Con đường nước Lỗ phẳng trông,*

*Văn Khương rời Lỗ, ruồi dong sang Tề.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 滂滂 phách phách, tiếng chạy nhanh. 簾 diệm, chiếu vuông có bông. 莓 phát, cửa ở sau xe. 茱 chu, sơn đỏ. 輅 khuếch, da thú đã sạch lông, ấy là da bọc xe.

bên chắc và sơn đỏ. 夕 tịch (đọc lược), trú lại. 發夕 phát tịch, nói rời khỏi nhà của mình ở.

Người nước Tề châm biếm Văn Khương đi chiếc xe ấy đến hội họp với Tề Tương công.

## CHƯƠNG II

- |       |                     |
|-------|---------------------|
| 四驥 濟濟 | 5. Tứ ly tể tể,     |
| 垂轡 潑澑 | 6. Thuỷ bí nê nê.   |
| 魯道 有蕩 | 7. Lỗ đạo hữu dâng, |
| 齊子 豈弟 | 8. Tề tử khải đẽ.   |

### *Dịch nghĩa*

5. Chiếc xe bốn ngựa trông rất đẹp đẽ,
6. Mây sợi dây cương rất mềm mại.
7. Trên con đường băng phẳng của nước Lỗ.
8. Nàng nước Tề (Văn Khương) rất vui thích (gặp anh để thông dâm) mà không có ý kiêng nể xấu hổ gì.

### *Dịch thơ*

*Xe ngựa ô bốn con đẹp thật,  
Mây dây cương trông rất dịu mềm  
Trên đường nước Lỗ phẳng êm,  
Văn Khương vui thích chẳng hiềm xấu xa.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 驥 ly, ngựa ô. 濟濟 tể tể, dáng đẹp đẽ. 潑澑 nê nê, dáng mềm dịu. 豈弟 khải đẽ vui vẻ dễ dàng, nói không có ý gì kiêng nể xấu hổ.

### CHƯƠNG III

- |         |                            |
|---------|----------------------------|
| 汶 水 湯 湯 | 9. Ván thuỷ thương thương, |
| 行 人 彭 彭 | 10. Hành nhân bang bang.   |
| 魯 道 有 蘩 | 11. Lỗ đạo hữu dăng.       |
| 齊 子 翱 翔 | 12. Tề tử ngao tường.      |

#### *Dịch nghĩa*

9. Nước sông Ván nhiều mênh mông,
10. Người đi đông đảo.
11. Trên đường nước Lỗ bằng phẳng,
12. Nàng nước Tề (Văn Khương) ngao du (để gặp anh mà thông dâm không chút sượng sùng xấu hổ).

#### *Dịch thơ*

*Con sông Ván mênh mông sóng nước,  
Khách bộ hành rảo bước dập dìu.  
Con đường nước Lỗ phẳng phiu,  
Văn Khương chẳng hổ cứ liều ngao du.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 汶 Ván, tên con sông ở phía nam nước Tề, phía bắc nước Lỗ, trên cảnh vực của hai nước tiếp giáp nhau. 湯湯 thương thương, dáng nước nhiều mênh mông. 彭彭 bang bang, dáng đông nhiều. Nói người đi rất đông, cũng là để thấy rõ sự không biết xấu hổ của nàng Văn Khương.

## CHƯƠNG IV

汶 水 滔 滔  
行 人 廾 廻  
魯 道 有 蘩  
齊 子 遊 敖

13. Vấn thuỷ thao thao,
14. Hành nhân bao bao.
15. Lỗ đạo hữu dāng,
16. Tề tử du ngao.

### *Dịch nghĩa*

13. Nước sông Vấn trôi chảy,
14. Người đi đông nhiều.
15. Trên đường băng phẳng của nước Lỗ,
16. Văn Khương, nàng nước Tề đi dạo chơi (để gặp anh mà thông dâm không chút sượng sùng xấu hổ).

### *Dịch thơ*

*Dòng sông Vấn nước trôi chảy gấp,  
Khách bộ hành tấp nập đông thay!  
Con đường nước Lỗ phẳng ngay,  
Văn Khương chẳng hổ miệt mài dạo chơi.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú.滔滔 thao thao, dáng trôi chảy.廻  
廻 bao bao, dáng đông nhiều.遊敖 du ngao như翔 ngao  
tường, đi dạo chơi.

*Thiên Tái khu có 4 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THÚ 106

### CHƯƠNG 1

猗嗟	Y ta. (Tề phong 11)
猗嗟昌兮	1. Y ta xương hế!
頃而長兮	2. Kỳ nhi trường hế.
抑若揚兮	3. Ước nhược dương hế.
美目揚兮	4. Mĩ mục dương hế.
巧趨踰兮	5. Xảo du thương hế.
射則臧兮	6. Xạ tắc tương hế.

#### *Dịch nghĩa*

1. Lỗ Trang công, xem ngài dồi dào thay!
2. Vẻ ngài cao lớn quắc thước.
3. Khi cúi xuống cũng như khi ngẩng lên,
4. Cặp mắt của ngài cử động trông rất đẹp.
5. Khi bước tới, dáng điệu ngài rất đẹp khéo.
6. Nghề bắn cung của ngài rất giỏi.

#### *Dịch thơ*

*Ôi người đẹp đẽ dồi dào!*  
*Dáng thời vạm vỡ lớn cao vóc hình*  
*Khi cúi xuống, lúc ngẩng nhìn,*  
*Long lanh cử động mắt xinh tuyệt vời.*  
*Bước đi đẹp đẽ khoan thai.*  
*Bắn cung nghề áy đại tài tuyệt luân.*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú.猗嗟 y ta, lời than.昌 xương, thịnh  
dồi dào 頤 kỲ, dáng cao lớn.抑而若揚 Úc nhi nhược dương, khi  
cúi xuống cũng như khi ngẩng lên đều đẹp đẽ đầy đủ.揚  
dương (ở câu 4), cử động con mắt.蹠 thương, như xua tối  
trước.臧 thương, hay giỏi.

Người nước Tề hết sức khen tặng Lỗ Trang công có uy nghi  
khéo léo và giỏi giang như để châm biếm ông không biết lấy lẽ  
ngăn ngừa mèo. Cũng như nói rằng tiếc cho ông chỉ thiếu sót  
một việc ấy thôi.

## CHƯƠNG II

猗嗟名兮

7. Y ta danh hế!

美目清兮

8. Mỹ mục thanh hế!

儀既成兮

9. Nghi ký thành hế!

終日射侯

10. Chung nhật xạ hâu,

不出正兮

11. Bất xuất chinh hế!

展我甥兮

12. Triển ngā sanh hế!

## *Dịch nghĩa*

7. Lỗ Trang công là người đáng khen thay!

8. Mắt của người trong sáng đẹp đẽ

9. Nghi lễ của người đã đầy đủ (không hề vi phạm).

10. Suốt ngày lo bắn bia.

11. Tên bắn rất trúng, không hề lệch ra ngoài trung  
tâm cái bia.

12. Thật đáng là con của em gái Tề hâu của nước ta.

Đáng khen ôi thật là người!  
Mắt long lanh thấy sáng người đẹp xinh.  
Lễ nghi thì đã tựu thành,  
Suốt ngày lo bắn tập tành từ lâu.  
Giữa bia chǎng trật ra nào.  
Thật con em gái Tề hầu nước ta.

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 名 danh, khen tặng. Nói uy nghi và tài năng của ngài thật đáng khen. 清 thanh, mắt trong sáng. 儀既成 Nghi ký thành, lễ nghi đã thành tựu. Nói khi xong việc rồi ngài không hề phạm lỗ nghi. 侯 hầu, cái bia miếng bối cảng lên để bắn tên. 正 chinh, làm cái đích ở trung tâm bối để nhảm bắn. Trong lễ đại xạ thì cảng tấm bia bằng da và làm cái trung tâm, cái đích ở giữa để nhảm bắn. Trong lễ tân xạ, thì cảng tấm bia bằng bối và làm cái đích ở trung tâm để nhảm bắn. 展 triển, thành thật. 邊 sinh (đọc tinh), con của chị hay em gái. Nói Lỗ Trang công là con của em gái Tề hầu, để thấy rõ là không phải của Tề hầu. Đây là lời nói kín đáo của nhà thơ.

Trong truyện Xuân thu, năm Lỗ Hoàn công thứ 3, phu nhân họ Khương từ nước Tề được gả sang nước Lỗ. Đến tháng 9 năm thứ 6 đứa con được sinh ra, tức là Lỗ Trang công. Đến năm thứ 18 Lỗ Hoàn công và phu nhân họ Khương cùng đến nước Tề, thì Lỗ Trang công thật là chẳng phải con của Tề hầu vậy.

### CHƯƠNG III

猗嗟讌兮	13. Y ta luyến hê!
清揚婉兮	14. Thanh dường uyển hê!
舞則選兮	15. Vũ tắc tuyển hê!
射則貫兮	16. Xa tắc quán hê!
四矢反兮	17. Tứ thí phản hê!
以禦亂兮	18. Dĩ ngự loạn hê!

#### *Dịch nghĩa*

13. Lỗ Trang công ngài đẹp đẽ thay!  
14. Với mắt trong mày đẹp,  
15. Ngài múa thì giỏi khéo khác hẳn mọi người.  
16. Ngài bắn thì trúng,  
17. Bốn mũi tên đều ghim vào chỗ cũ đúng chính giữa  
bia.  
18. Với tài bắn cung ấy, ngài có thể phòng ngừa loạn  
lạc.

#### *Dịch thơ*

*Ôi người trong thật đẹp thay!*

*Mắt trong lóng lánh, mày ngài xinh tươi,*

*Múa thì hẳn giỏi hơn người.*

*Bắn thì trúng đích chẳng lời phát nào,*

*Bốn tên ghim đúng như nhau.*

*Phòng ngừa biến loạn về sau tài này.*

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 變 *luyén*, dáng đẹp đẽ. 清 *thanh*, mắt trong đẹp đẽ. 揚 *dương*, lông mày đẹp. 婦 *uyển*, cũng là dáng đẹp đẽ. 選 *tuyến*, khác với mọi người, hoặc là nói đều đúng với điệu nhạc. 貫 *quán* (đọc *quyến* cho hợp vận) trúng vào, mũi tên xuyên qua tấm da. 四矢 *tứ thi*, theo lẽ xạ, mỗi lần bắn bốn mũi tên. 反 *phản* (đọc *phiến* cho hợp vận), lại trúng vào chỗ cũ ở trung tâm cái đích. Nói nghề bắn của Lỗ Trang công rất tinh, có thể phòng ngừa được loạn lạc, như lấy mũi tên kim bột cô bắn trúng Nam Cung Trường Vạn, có thể thấy đúng như thế.

*Thiên Y ta có 3 chương, mỗi chương 6 câu.*

Hoặc nói rằng: Con có thể chế ngự được mẹ hay không?

Triệu Tử nói rằng: Chồng mất thì theo con, lẽ ấy đã thông dụng suốt trong thiên hạ, huống hồ là bức làm vua. Vua là chúa của người và quỷ thần, là căn bản của phong tục và giáo hoá. Không chỉnh định gia đình, thì làm sao chỉnh định được quốc gia. Nếu Trang công đau xót nhớ đến cha, thành kính phụng sự cho mẹ, lấy uy quyền và hình pháp chế ngự kẻ dưới, ngựa xe và đầy tớ đi theo chầu chực, ai ai đều phải chờ đợi mệnh lệnh của mình, thì phu nhân (Văn Khương) làm sao đi ra được? Việc phu nhân đi ra được ấy là vì Trang công thương kính không được đúng mức, uy quyền và mệnh lệnh không được thi hành.

Lữ thị ở Đông lai nói rằng: Ý châm biếm chê cười trong ba chương của bài thơ này đều ngụ ở ngoài lời nói. Nhưng đã than thở đôi ba lần như thế thì việc thiếu sót của Lỗ Trang công (không ngăn được mẹ), không phải nói ra mà cũng thấy được vậy.

*Thơ quốc phong nước Tề có 11 thiên, 34 chương, 143 câu.*

## 9. NGUY PHONG

Nguy là tên nước Nguy, vốn là chốn kinh đô xưa của vua Thuấn vua Vũ. Theo sách *Vũ công*, nước Nguy ở phía bắc núi Lôi Thú, phía tây Tích thành thuộc Ký châu, phía nam gác lên Hà Khúc, phía bắc vượt qua sông Phân. Đất nước Nguy hẹp, dân nghèo, phong tục cần kiệm vì có phong hoá của thánh hiền còn lưu truyền lại.

Đầu nhà Chu lấy đất ấy phong cho người đồng họ, về sau nước ấy bị Tấn Hiến công tiêu diệt mà lấy đất.

Nay Giải châu ở phủ Hà Trung tức là đất ấy.

Tô thị nói rằng: Đất nước Nguy bị nhập vào nước Tấn đã lâu, thi tho của nước Nguy đều nghi là được làm ra vì nước Tấn cả, cho nên mới đặt trước thơ Đường phong, cũng như thơ nước Bội nước Dung đều đặt ở trước thơ nước Vệ vậy.

Nay án theo những chức công hành, công lộ, công tộc trong các thiên đều là chức quan của nước Tấn, thì nghi rằng những thơ Nguy phong này thật là thơ của nước Tấn. Lại e rằng nước Nguy cũng thường có những chức quan ấy, vì là không thể khảo rõ được.

### BÀI THỨ 107

#### CHƯƠNG I

葛屨

Cát cú. (Nguy phong 1)

糾糾葛屨

1. Cù cù cát lũ,

可以履霜

2. Khả dī lý sương.

摻摻女手

3. Tiêm tiêm nữ thủ,

可以縫裳

4. Khả dī phùng thường.

要之棘之

5. Yêu chi cúc chi,

*Dịch nghĩa*

1. Dép bằng vải gai lạnh lēo cong co.
2. Có thể mang đi giãm lên sương.
3. Tay của nàng thon nhỏ.
4. Có thể may quần.
5. Và sửa lưng quần, sửa cổ áo
6. Cho bực tôn trưởng mặc.

*Dịch thơ*

*Cong co lạnh lēo dép gai,  
Lại dành mang lấy giãm ngoài mù sương.  
Tay nàng thon nhỏ dẽ thương.  
May quần sao vội đảm đương việc nhà?  
Lưng quần cổ áo sửa qua,  
Cho người tôn trưởng dành tra mặc vào.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng糾糾 củ củ, cong co lạnh lēo. Mùa hạ thì mang dép bằng gai, mùa đông thì mang dép bằng da.摻摻 tiêm tiêm, thon nhỏ.女 nǚ, tiếng gọi người vợ chưa làm lễ yết kiến tổ tiên ở tông miếu. (Được cưới về nhà chồng nếu cha mẹ chồng đều mất, ba tháng sau người vợ phải làm lễ cúng tế ở tông miếu mà ra mắt tổ tiên). Người vợ được cưới về, ba tháng sau làm lễ yết kiến tổ tiên ở tông miếu, rồi sau mới làm việc theo bốn phận.要 yêu, lưng quần.襍 cúc, cổ áo.好人 hảo nhân như 大人 đại nhân, bực tôn trưởng.

Dất đai nước Nguy chật hẹp, phong tục cần kiệm hà tiện mà lại hẹp hòi nóng nẩy, cho nên mới lấy việc dùng dép bằng

gai để đi giãm lén sương mà khởi hứng, châm biếm việc sai  
khiến nàng dâu mới cưới chưa làm lễ yết kiến tông miếu,  
phải may quần và lại khiến nàng vá sửa lưng quần cổ áo để  
mặc vào ngay.

Bài thơ này nghi là người phụ nữ đã may quần ấy làm  
ra.

## CHƯƠNG II

好 人 提 提

7. Hảo nhân dê dê.

宛 然 左 辟

8. Uyển nhiên tả ty.

佩 其 象 捌

9. Bội kỳ tượng dê,

維 是 福 心

10. Duy thị biển tâm.

是 以 爲 刺

11. Thị di vi thích.

### *Dịch nghĩa*

7. Bực tôn trưởng an nhàn thong thả.
8. Lại tránh nhường nép sang bên trái.
9. Trên đầu có giắt cây trâm bằng ngà.
10. Nhưng chỉ có tâm tình hẹp hòi,
11. Là đáng để châm biếm.

### *Dịch thơ*

*Người tôn trưởng lại an nhàn.*

*Nép qua bên trái tránh đằng nhường nhau.*

*Trâm ngà thấy giắt trên đầu,*

*Chỉ riêng lòng dạ lại sao hẹp hòi.*

*Là điều châm biếm mà thôi.*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 提提 dề dề, ý yên ổn thư thái. 宛然 uyển nhiên, dáng nhường tránh. Nhường mà tránh một bên át là bước sang bên trái. 擦 dề, vật dụng để rẽ tóc làm bằng ngà voi, là vật để trang sức của người sang trọng.

Người ấy như thế, như không có điều gì để châm biếm được. Điều mà có thể châm biếm là tánh hẹp hòi nóng nảy như chương trên đã nói.

*Thiên Cát cú có 2 chương, 1 chương 6 câu và 1 chương 5 câu.*

Trương thị ở Quảng hán nói rằng: "Phu tử nói: Với việc xa xỉ thà rằng nên cần kiệm!" Thì cần kiệm tuy là trái đạo trung dung, nhưng vốn không phải là đức xấu. Duy cần kiệm thái quá, thì sẽ đến mức keo kiệt hẹp hòi. So do từng hào từng ly thì cái mưu lợi bắt đầu cấp bách. Ba bài thơ *Cát cú*, *Phần tử nhu* và *Viên hưu đào* đều nói lên cái ý cấp bách vụn vặt.

## BÀI THÚ 108

### CHƯƠNG I

汾沮汝

*Phần tử nhu. (Nguy phong 2)*

彼汾沮汝

1. Bỉ Phần tử nhu,

言采其莫

2. Ngôn thái kỳ mộ.

彼其之子

3. Bỉ ký chi tử,

美無度

4. Mỹ vô độ.

美無度

5. Mỹ vô độ.

殊異乎公路

6. Thủ dị hồ công lộ.

### *Dịch nghĩa*

1. Nơi đất có nước trũng thụt xuống ở sông Phân kia,
2. Nói là đi hái rau môt.
3. Người kia ấy,
4. Thật thì đẹp thật, không thể lấy thước tấc mà đo lường được.
5. Tuy đẹp mà không thể đo lường được,
6. Nhưng rất khác xa với bức sang trọng làm quan công lộ (vì thói hà tiện hẹp hòi và hốp tốp).

### *Dịch thơ*

*Sông Phân chỗ nước trũng sâu,*

*Nói là đi hái những rau môt này.*

*Người kia như thế ô hay!*

*Đẹp thì đẹp thật, chẳng tài nào đo.*

*Đẹp mà chẳng thể độ dò,*

*Với quan công lộ thật so khác nhiều.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 汾 Phân, tên con sông Phân chảy ra từ núi Tán Dương ở Thái Nguyên, hướng về phía tây nam mà nhập vào sông Hoàng Hà.沮汝 từ nhu, chỗ đất có nước trũng thấp xuống.莫 môt, một thứ rau giống như lá cây liễu, dày mà dài, có lông có gai, nấu canh ăn được.無度 vô độ, nói không thể lấy thước tấc mà đo lường được.公路 công lộ, chức quan giữ xe của công hầu đi, nước Tấn lấy con thứ (không phải đích) của quan khanh đại phu làm chức ấy.

Đây cũng là bài thơ châm biếm việc cần kiệm không trung lẽ.

Nói như người áy thì đẹp vậy, nhưng thói hà tiện hẹp hòi và vội vàng rất không giống như người sang trọng.

## CHƯƠNG II

彼汾一方	7. Bỉ Phân nhất phương,
言采其桑	8. Ngôn thái kỳ tang.
彼其之子	9. Bỉ ký chi tử,
美如英	10. Mỹ như anh.
美如英	11. Mỹ như anh,
殊異乎公行	12. Thủ dị hổ công hàng.

### *Dịch nghĩa*

- Ở một chỗ trên sông Phân kia,
- Nói là hái dâu.
- Người kia áy
- Đẹp đẽ như hoa.
- Tuy đẹp đẽ như hoa.
- Nhưng rất khác xa với bức sang trọng làm quan công hàng (vì thói hà tiện, hẹp hòi và nóng nẩy).

### *Dịch thơ*

*Một nơi ở chốn sông Phân,*

*Nói là đi đến để cắn hái dâu.*

*Người kia như thế, ôi chao!*

*Đẹp thì đẹp thật khác nào như hoa*

*Tuy như hoa đẹp thật là,*

*Nhưng so thì thật khác xa công hàng*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hùng. 一方 *nhất phương*, một chỗ kia. Như trong sách *Sử ký* có câu: *Biền Thước thị kiến viễn nhất phương nhân*. 英 anh (đọc ương cho hợp vận), bông hoa. 公行 *công hàng*, tức là công lộ, vì coi giữ hàng liệt của binh xa, cho nên gọi là công hàng

## CHƯƠNG III

彼汾一曲	13. Bì Phân nhất khúc,
言采其蕡	14. Ngôn thái kì tục.
彼其之子	15. Bì ký chi tử,
美如玉	16. Mỹ như ngọc.
美如玉	17. Mỹ như ngọc,
殊異乎公族	18. Thủ dị hồ công tộc.

### *Dịch nghĩa*

- Ở một khúc quanh của dòng sông Phân,
- Nói là hái rau tục.
- Người kia ấy,
- Đẹp đẽ như ngọc,
- Tuy là đẹp như ngọc,
- Nhưng rất khác xa với bức sang trọng làm quan công tộc (vì thói hà tiện, hẹp hòi và nóng nảy)

### *Dịch Thơ*

*Sông Phân nơi một khúc cong,  
Nói tìm rau tục hái dùng vậy thôi.*

*Người kia như thế, hỏi ơi!*

*Thật là như ngọc dáng người đẹp xinh,*

*Thật như ngọc quý rành rành,*

*Với quan công tộc, thì đành khác xa.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng. 一曲 *nhát khúc*, chõ nước chảy quanh. 薑 *tục*, rau thuỷ tích, lá như lá cỏ xa tiễn. 公族 *công tộc*, chức quan coi giữ việc trong tộc họ của công hầu, nước Tấn lấy con đích của quan khanh đại phu làm chức ấy.

*Thiên Phần tứ nhu có 3 chương, mỗi chương 6 câu.*

## BÀI THỨ 109

### CHƯƠNG I

園有桃

Viên hữu đào.(Nguy phong 3)

園有桃

1. Viên hữu đào,

其實之穀

2. Kỳ thực chi hào.

心之憂矣

3. Tâm chi ưu hĩ.

我歌且謳

4. Ngā ca thả dao.

不知我者

5. Bất tri ngā giả,

謂我士也驕

6. Vị ngā sī dā kiêu.

彼人是哉

7. Bỉ nhân thị tai!

子曰何其

8. Tử viết hà kỳ?

心之憂矣

9. Tâm chi ưu hĩ.

其誰知之

10. Kỳ thuỷ tri chí?

其誰知之

11. Kỳ thuỷ tri chí?

蓋亦弗思

12. Cái diệc phất tư.

### *Dịch nghĩa*

1. Trong vườn có cây đào,
2. Trái thì dùng để ăn.
3. Lòng ta ưu sầu.
4. Cho nên ta ca chung, rồi lại hát riêng.
5. Kẻ không hiểu biết ta,
6. Nói ta làm quan phụng sự cho vua mà kiêu ngạo ..
7. Và nói rằng: người ấy (vua) phải đáy chớ.
8. Mà ngài nói như thế là tại làm sao?
9. Cho nên lòng ta ưu sầu hơn nữa.
10. Ai là người hiểu rõ mối sầu lo ấy.
11. Ai là người hiểu rõ mối sầu lo ấy?
12. Họ chẳng hiểu rõ là vì họ cũng chẳng suy nghĩ đến kia mà.

### *Dịch thơ*

*Trong vườn lại có cây đào,*

*Trái thì dành để cùng nhau ăn quà.*

*Nỗi lòng sầu não xót xa,*

*Ta cùng chung hát, lại ca một mình.*

*Những ai chẳng hiểu thấu tình,*

*Nói ta phụng sự lại khinh ngạo đời.*

*Người kia đã phải lầm rồi!*

*Mà ngài bàn nói lôi thôi thế nào?*

*Lòng ta lại nặng buồn đau.*

*Ai người thấu hiểu nỗi sâu này cho?*

*Ai người biết nỗi sâu lo?*

*Là vì người chẳng dấn đo suy lường.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng. 骚 *hào*, ăn 歌 *ca*, cùng hợp nhau hát chung. 譬 *dao*, chỉ hát một mình. 其 *kỳ*, tiếng ngũ từ.

Nhà thơ lo cho nước nhỏ bé mà không có nền chính trị tốt mới làm bài thơ này. Nói trong vườn có cây đào, thì trái của nó có thể ăn được. Trong lòng có điêu ưu sâu, thì ta cùng hợp nhau hát chung, lại hát riêng một mình vậy. Nhưng những kẻ không hiểu biết lòng ta, thấy được bài hát ca ấy, thì trái lại cho đó là kiêu ngạo, lại nói rằng: Kẻ kia đã làm đúng đấy, mà người nói thế là tại làm sao? Vì rằng mọi người trong nước không ai nhận thấy hành động của vua là sai cả, mà người lại lấy đó làm lo, ấy là người kiêu ngạo đấy. Vì thế mà người lo âu lại càng than thở nữa, cho là việc đáng lo ấy vốn không phải là khó hiểu. Kẻ chê ta chỉ vì chưa suy nghĩ đến thôi. Nếu thành thật mà suy nghĩ đến thì sẽ không rảnh thời giờ để chê ta, và cũng sẽ tự mình sâu lo vậy.

## CHƯƠNG II

園有棘

13. Viên hữu cúc,

其實知食

14. Kỳ thực chi thực.

心之憂矣

15. Tâm chi ưu hĩ

聊以行國

16. Liêu dī hành quốc.

不知我者

17. Bất tri ngã giả

謂我士也罔極	18. Vị ngã sī dā vōng cực.
彼人是哉	19. Bỉ nhân thí tai!
子曰何其	20. Tử viết hà kỳ?
心之憂矣	21. Tâm chí ưu hĩ.
其誰知之	22. Kỳ thuỳ tri chí?
其誰知之	23. Kỳ thuỳ tri chí?
蓋亦勿思	24. Cái diệc vật tư.

### *Dịch nghĩa*

13. Trong vườn có cây táo nhỏ,
14. Trái thì dùng để ăn.
15. Lòng ta ưu sầu,
16. Ta hãy ra đi khắp trong nước.
17. Người không hiểu biết ta,
18. Nói ta làm quan phụng sự cho vua, mà lòng thì phóng tú không cùng.
19. Và nói rằng: người kia (vua) phải đầy chứ,
20. Mà ngài nói như thế là tại làm sao?
21. Cho nên lòng ta lại ưu sầu hơn nữa.
22. Ai là người hiểu rõ mõi lo âu ấy?
23. Ai là người hiểu rõ mõi lo âu ấy?
24. Họ chẳng hiểu rõ là vì họ cũng chẳng suy nghĩ đến kia mà.

### *Dịch thơ*

*Táo kia đã có trong vườn.*

*Trái thi dành để thường thường dùng ăn.*

*Lòng sầu nghĩ nội khó khăn,*

*Hãy nên khắp nước xa gần ruồi dong.  
Những ai chẳng hiểu nỗi lòng.  
Ta nói phóng tú vô cùng, ô hay!  
Người kia đã phải lầm thay!  
Mà ngài bàn nói thế này là sao?  
Lòng ta lại nặng buồn đau.  
Ai người thấu hiểu nỗi sâu cho ta.  
Lo này ai hiểu cho ra?  
Bởi vì người chẳng thiết tha suy lường.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng. 棘 *cực*, loại cây táo thứ nhỏ. 聊 *liêu*, hãy. Ca chung và hát riêng cũng chưa đủ thì đi ra khắp trong nước để diễn tả nỗi sâu lo. 極 *cực*, rất, cực, cùng tột. 固 *vô* *ong* *cực*, nói lòng phóng tú không cùng.

*Thiên Viên hưu đào có 2 chương, mỗi chương 12 câu.*

## BÀI THÚ 110

### CHƯƠNG I

陟岵	Trắc hộ. (Nguy phong 4)
陟彼岵兮	1. Trắc bỉ hộ hê!
瞻望父兮	2. Chiêm vọng phụ hê!
父曰嗟予子行役	3. Phụ viết: Ta dư tử hành dịch
夙夜無已	4. Túc dạ vô dī,

上慎旃哉

5. **Thượng thận chiên tai!**

猶來無止

6. **Do lai vô chi.**

### *Dịch nghĩa*

1. Ta nên núi hộ kia (núi không cỏ)
2. Để ngóng trông cha
3. Cha ta ắt nói rằng: Than ôi! đúá con của mình đi quân dịch.
4. Sớm tối không được dừng nghỉ.
5. Mong cho nó hãy cẩn thận.
6. Để còn trở về đây, dừng biệt ở đây mãi.

### *Dịch thơ*

*Ta hãy trèo lên trên non hộ,*

*Đứng trông về hướng đó nhớ cha.*

*Cha than: Quân dịch con ta,*

*Sớm hôm chẳng nghỉ, xót xa nỗi tình.*

*Cha mong con giữ mình cẩn thận,*

*Hòng trở về, chờ hẵn biệt tăm*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. *岵 hộ*, núi không cỏ. 上 *thượng* như, 尚 *thượng*, ngõ hầu. *旃 chiên*, tiếng trợ từ.

Đúá con có hiếu đi quân dịch ở xa, không quên cha mẹ, mới lên núi, ngóng trông về nơi cha đang ở, nhân đây tưởng tượng cha đang nhớ đến mình mà nói rằng: Than ôi, con của ta đi quân dịch sớm tối cần khổ lao nhọc, không được dừng nghỉ. Cha lại chúc cho mình rằng: mong nó hãy cẩn thận ngõ hầu nó còn sống trở về đây, dừng có ở biệt nơi ấy mà chẳng

về. Vì là nết còn sống thì tất nhiên nó về, còn chết thì nó ở biệt đây không về. Hoặc nói rằng: 止 chỉ là bắt. 無止 vô chỉ, là không bị người ta bắt.

## CHƯƠNG II

陟 彼 岐 兮	7. Trắc bỉ khỉ hê!
瞻 望 母 兮	8. Chiêm vọng mẫu hê!
母 曰 嘘 予 季 行 役	9. Mẫu viết: Ta dư quý hành dịch
夙 夜 無 眠	10. Túc dạ vô my,
上 慎 旂 哉	11. Thượng thận chiên tai
猶 來 無 棄	12. Do lai vô khí

### *Dịch nghĩa*

7. Ta lên trên núi khỉ (có cỏ cây) kia,
8. Để ngóng trông mẹ.
9. Mẹ ta ắt nói rằng: Than ôi! Đứa con út của mình đi quân dịch,
10. Cực khổ, sớm tối không ngủ được.
11. Mong cho nó hãy cẩn thận.
12. Để còn trở về, không bị chết bỏ thây.

### *Dịch thơ*

*Lên núi khỉ là nơi rậm cỏ,  
Nhớ mẹ nên đứng ngó lặng nhìn.  
Mẹ than: Quân dịch út mình.  
Sớm hôm chẳng ngủ, nỗi tình đáng thương.  
Mẹ mong con nhớ thường cẩn thận.*

*Hòng trở về, chờ hàn bỏ thây.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 鹿 kхи, núi có cây cổ. 季 quý, con út, nhỏ hơn hết. Thương xót đứa con út hơn hết ấy là tình thương của đàn bà. 無寐 vô my, không ngủ, cũng là nói rất lao khóc. 墓 kхи, bỏ, nói chết bỏ thây.

**CHƯƠNG III**

陟彼岡兮

13. Trắc bỉ cương hế!

瞻望兄兮

14. Chiêm vọng huynh hế!

兄曰嗟予弟行役

15. Huynh viết: ta dư dệ  
hành dịch.

夙夜必偕

16. Túc dạ tất giai,

上慎旃哉

17. Thượng thận chiên tai!

猶來無死

18. Do lai vô tử.

*Dịch nghĩa*

13. Ta lên trên sô<sup>ng</sup> núi kia,

14. Để trông ngóng anh.

15. Anh ta át nói rằng: Than ôi! Em ta đi quân dịch.

16. Sớm tối át sống chung trong bọn (làm cùng làm, nghỉ cùng nghỉ),

17. Mong em ta hãy cẩn thận,

18. Để còn trở về đây, đừng chết mất

### *Dịch thơ*

*Sóng núi kia, ta lên trên ấy.  
Tưởng nhớ anh, đứng đây trông xa  
Anh than: Quân địch em ta,  
Sớm hôm cùng bạn, xót xa nỗi tình.  
Mong em hãy giữ mình cẩn thận,  
Hòng trở về, chờ hẵn chết đi.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 岗 cương, sông núi. 必偕 *tất gai* (đọc kẩ cho hợp vận), nói nó với đồng bạn cùng làm và cùng nghỉ, không được tự do.

*Thiên Trắc hộ* có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

## BÀI THÚ 111

### CHƯƠNG I

十畝之間

**Thập mẫu chi gian.**  
**(Nguy phong 5)**

十畝之間兮

**1. Thập mẫu chi gian hế!**

桑者閑閑兮

**2. Tang giả nhàn nhàn hế!**

行與子還兮

**3. Hành dữ tử tuyễn hế!**

### *Dịch nghĩa*

- Trong khoảng mười mẫu ruộng vườn.
- Người đi hái dâu qua qua lại lại tự đắc.
- Ta sẽ cùng bạn trở về đây thôi.

### *Dịch thơ*

*Ruộng vườn mười mẫu một vùng,  
Kẻ qua người lại thoả lòng hái dâu.  
Lui về cùng bạn rủ nhau.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 十畝之間 *thập mẫu chi gian* (đọc *kiên* cho hợp vận), trong khoảng 10 mẫu, chỗ đất làm ruộng làm vườn ở phía ngoài xa. 閑閑 *nhàn nhàn* (đọc *hiên hiên* cho hợp vận), dáng qua lại tự đắc. 行 *hành*, sắp sửa. 還 *tuyên*, trở về.

Chính trị hỗn loạn, quốc gia khuynh nguy, người hiền tài không thích làm quan trong triều đình, mà lo cùng bè bạn trở về vườn ruộng, cho nên thốt ra những lời như thế.

## CHƯƠNG II

十畝之外兮	4. <b>Thập mẫu chi ngoại hế!</b>
桑者泄泄兮	5. <b>Tang giả dị dị hế!</b>
行與子逝兮	6. <b>Hành dũ tử thệ hế!</b>

### *Dịch nghĩa*

4. Ở phía ngoài khoảng mười mẫu.
5. Người hái dâu qua qua lại lại tự đắc.
6. Ta sẽ cùng bạn đi về đây thôi.

### *Dịch thơ*

*Ruộng vườn mười mẫu ngoài xa,*

*Hái dâu thích chí lại qua mọi người*

*Lui về nơi đây bạnơi!*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 十畝之 tháp mâu chi ngoại, ở phía ngoài khoảng 10 mẫu, tức là cái vườn lân cận. 泄泄 dì dì như 閑閑 nhàn nhàn, dáng qua lại tự đắc. 逝 thệ, đi.

*Thiên Thập mâu chi gian* có 2 chương. Mỗi chương 3 câu

## BÀI THÚ 112

### CHƯƠNG I

伐檀

Phạt dàn. (Nguy phong 6)

坎坎伐檀兮

1. Khảm khảm phạt dàn hế!

寘之河之干兮

2. Chí chí hà chí can hế!

河水清且漣漪

3. Hà thuỷ thanh thả liên y!

不稼不穡

4. Bất giá bất sắc,

何取禾三百廛兮

5. Hà thủ hoà tam bách  
triển hế?

不狩不獵

6. Bất thú bất liệp,

何瞻爾庭有縣貆兮

7. Hà chiêm nhĩ đình hữu  
huyền huyền hế?

彼君子兮

8. Bỉ quân tử hế!

不素餐兮

9. Bất tố xan hế!

1. Tiếng đốn cây đàn nghe khám khám,
2. Rồi đặt cây ấy ở bên bờ sông.
3. Nước sông trong và gió thổi gọn
4. Không cấy không gặt.
5. Sao lại lấy được lúa của ba trăm nhà?
6. Không đi săn đi bắn.
7. Sao lại thấy ở sân nhà anh có treo con chồn?
8. Người quân tử kia,
9. Không hề ngồi không mà ăn.

*Dịch thơ*

*Đốn cây đàn tiếng vang mạnh mẽ,*

*Lại để yên ở mé bờ sông.*

*Gió êm nước gọn vắt trong.*

*Nếu mà cấy gặt lại không chịu làm,*

*Sao lấy lúa ba trăm nhà đặng?*

*Nếu biếng lười, săn bắn lại không,*

*Sân sao chồn thấy treo thòng?*

*Người quân tử chẳng ngồi không ăn dành!*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 坎坎 *khám khám*, tiếng đeo mạnh. 檀 *dàn*, cây gỗ đàn dùng làm xe, 干 *can* (đọc *kiên* cho hợp vận), bờ sông 真漣 *liên*, gió thổi nước gọn. 漪 *y*, đồng như chư. 兮 *hè*, tiếng ngũ từ. Kinh thư có câu: *Đoán đoán y!* Sách *Đại học* thì dùng chữ 兮 *hè*. Trang tử cũng nói: *Nhi ngā do vi nhān y!* là thế đấy. 稔 *giá*, trồng lúa, cây lúa. 稽 *sắc*, thu gặt lúa. 胡 *hổ*, sao? 嘴 *triền*, khoảnh đất của một

người ở. 狩 thú, đi săn. 猶 *huyēn*, loài chồn. 素 *tố*, không làm gì cả. 餐 *than* (thường đọc là *xan*, ở đây đọc *thuyēn* cho hợp vận). ăn.

Nhà thơ nói: có người ở chốn này, dùng sức đốn (đắn) cây đàn sê dùng làm xe mà đi trên bộ. Nay lại để khúc cây đàn ấy ở trên bờ sông, thì nước sông trong và gọn sóng mà cây gỗ không có dùng về việc gì cả. Người ấy tuy muốn lấy sức mình làm để ăn mà không thể được vậy. Nhưng mà chí của người ấy thì tự cho là nếu không chịu cày cấy thì không thể có lúa. Không đi săn bắn thì không thể được thú. Thế nên cam lòng chịu cùng quẫn thiêu đói mà không hối hận gì.

Nhà thơ thuật lại việc ấy mà than khen. Cho là thật kẻ ấy đã không chịu ngồi mà ăn. Đời sau như bọn Từ Trĩ, không phải do nỗi súc của mình làm ra thì không ăn, đã phán khởi ý chí đến như thế

## CHƯƠNG II

坎坎伐辐兮

10. Khǎm khǎm phạt bức hē!

寘之河之側兮

11. Chí chí hà chi trắc hē!

河水清且直猗

12. Hà thuỷ thanh thả trực y!

不稼不穡

13. Bất giá bất sắc.

胡取禾三百億兮

14. Hồ thủ hoà tam bách ức hē!

不狩不獵

15. Bất thú bất liệt.

胡瞻爾庭有縣特兮

16. Hồ chiêm nhī đình hữu  
huyễn đặc hē!

彼君子兮

17. Bỉ quân tử hē!

不素食兮

18. Bất tố thực hē!

### *Dịch nghĩa*

10. Tiếng đốn cây để làm căm bánh xe nghe khám khám,
11. Rồi đặt cây ấy ở bên sông.
12. Nước sông trong và sóng gọn thẳng.
13. Không cấy không gặt,
14. Sao lại lấy được lúa ba trăm ức năm?
15. Không đi săn đi bắn,
16. Sao lại thấy ở sân nhà anh treo con thú tơ ba tuổi?
17. Người quân tử kia,
18. Không hề ngồi không mà ăn.

### *Dịch thơ*

*Đốn gỗ làm căm xe vang mạnh.*

*Lai để yên ở cạnh bờ sông.*

*Nước đùa thẳng lại vắt trong.*

*Không lo cấy gặt, ra công dài dầu,*

*Ba trăm ức lúa, sao lấy được?*

*Việc đi săn từ khước chẳng lo,*

*Sân sao treo được thú tơ?*

*Người quân tử chẳng ngồi trơ ăn đánh.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 幅 phúc (đọc bức cho hợp vận), cây căm bánh xe. 直 trực, ngay, sóng gọn ngay thẳng. 億 ức, mười vạn (100000), nói số năm lúa. 特 đặc, con thú tơ ba tuổi.

## CHƯƠNG III

- |          |  |
|----------|--|
| 坎坎伐輪兮    | 19. Khǎm khǎm phat luân hē!                |
| 寘之河之脣兮   | 20. Chí chí hà chí thắn hē!                |
| 河水清且淪猗   | 21. Hà thuỷ thanh thả luân y!              |
| 不稼不穡     | 22. Bát giá bát sắc,                       |
| 胡取禾三百囷兮  | 23. Hồ thủ hoà tam bách khuân hē?          |
| 不狩不獮     | 24. Bát thú bát liệt,                      |
| 胡瞻爾庭有縣涓兮 | 25. Hồ chiêm nhī đình hưu huyền thuần hē ? |
| 彼君子兮     | 26. Bỉ quân tử hē!                         |
| 不素飧兮     | 27. Bát tố xan hē!                         |

### *Dịch nghĩa*

19. Tiếng đồn cây để làm bánh xe nghe khám khám,
  20. Rồi đặt cây gỗ ấy ở bên bờ nước.
  21. Nước sông trong mà lại gọn xoáy.
  22. Không cây không gặt,
  23. Sao lại lấy được lúa ba trăm bồ?
  24. Không đi săn đi bắn,
  25. Sao lại thấy ở sân nhà anh có treo con chim cút?
  26. Người quân tử kia,
  27. Không hê ngồi không mà ăn!

### *Dich tho*

### *Đốn gỗ làm bánh xe vang dây,*

*Rồi đế yên ở tại bờ sông.  
Xoáy tròn nước gọn vắt trong,  
Nếu không cấy gặt đế lòng lo âu,  
Ba trăm bồ lúa đâu mà lây ?  
Chẳng đuôi săn cù mài rảnh rang.  
Sân sao treo cút săn sàng ?  
Người quân tử chẳng hề màng ăn không.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 輪 *luân*, bánh xe. Đốn cây để làm bánh xe. 淪 *luân*, gió nhẹ nước gọn xoay như bánh xe. 困 *khuân*, bồ lúa tròn. 鶡 *thuân*, chim cút, loài chim am. 養 *tôn*, ăn đồ chín.

*Thiên Phạt đản có 3 chương, mỗi chương 9 câu.*

## BÀI THÚ 113

### CHƯƠNG I

硕鼠	Thạc thủ. (Nguy phong 7)
硕鼠硕鼠	1. Thạc thủ! thạc thủ!
无食我黍	2. Vô thực ngã thủ.
三岁贯女	3. Tam tuế quán nhữ,
莫我肯顾	4. Mạc ngã khẳng cố.
逝将去女	5. Thệ tương khứ nhữ,
适彼乐土	6. Thích bỉ lạc thổ!

樂土 樂土

爰得我所

7. Lạc thô! Lạc thô!

8. Viên đắc ngā sở.

### *Dịch nghĩa*

1. Con chuột to! Con chuột to!
2. Chớ ăn nếp của ta.
3. Ba năm ta đã quen cái thói của mày rồi.
4. Mày chẳng hề chịu đoái tưởng đến ta.
5. Ta đi và sẽ bỏ mày,
6. Để đến một đất yên vui kia, một đất có đạo đức kia.
7. Một đất yên vui, một đất có đạo đức.
8. Ở đấy ta được nơi thích hợp.

### *Dịch thơ*

*Chuột to hỡi! Chuột to kia hỡi!*

*Nếp ta, đừng ăn tới nghe mày.*

*Ba năm biết thói lâu nay.*

*Xót thương chẳng chịu đoái hoài đến ta,*

*Nên đành phải đi xa mày đó,*

*Đến đất kia thật rõ yên vui.*

*Đất an lạc đất thánh thơ,*

*Chốn kia thích hợp được nơi an nhàn.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý. 碩 *thạc*, to lớn. 三歲 *tam tué*, ba năm, nói đã lâu rồi. 貫 *quán*, quen. 顧 *cố*, nhớ đến. 逝 *thệ*, đi. 樂土 *lac thô*, đất vui, nước thái bình có đạo đức. 爰 *viên*, ở.

Dân chúng đã khốn đốn vì chính trị tham tàn, cho nên  
nói thác rằng vì con chuột to đã làm hại mình mà bỏ đi chỗ  
khác.

## CHƯƠNG II

硕 鼠 硕 鼠

9. Thạc thủ! Thạc thủ!

無 食 我 麥

10. Vô thực ngā mạch.

三 歲 貫 女

11. Tam tuế quán nhữ,

莫 我 肯 德

12. Mạc ngā khắng đức.

逝 將 去 女

13. Thệ tương khứ nhữ,

逝 彼 樂 國

14. Thích bỉ lạc quốc.

樂 國 樂 國

15. Lạc quốc, lạc quốc,

爰 得 我 直

16. Viên dắc ngā trực.

### *Dịch nghĩa*

9. Con chuột to! Con chuột to!

10. Chớ ăn lúa mạch của ta.

11. Ba năm ta đã quen thói của mày

12. Mày chẳng hề chịu trả ơn cho ta(khi ta đã giúp mày  
bấy lâu).

13. Ta đi và sẽ bỏ mày.

14. Đến một nước yên vui kia.

15. Một nước yên vui, một nước có đạo đức,

16. Ở đây ta sẽ được thích nghi.

## Dịch thơ

*Con chuột bự, nầy con chuột bự!  
Lúa mạch của ta, mày chờ ăn nhầm.  
Thói mày, ta hiểu ba năm.  
Ơn ta thì chẳng để tâm báo đền  
Thế ta phải xa liền mày vây.  
Nước yên vui ở đây an thân.  
Nước yên nước có đức nhân  
Để ta được mọi phần thích nghi.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tỷ. 麥 mạch (đọc hực cho hợp vận). lúa mạch. 德 đức, trả ơn. 直 trực, thích nghi.

## CHƯƠNG III

- |       |                         |
|-------|-------------------------|
| 碩鼠 碩鼠 | 17. Thạc thủ! Thạc thủ! |
| 無食我苗  | 18. Vô thực ngā miêu.   |
| 三歲貫女  | 19. Tam tuế quán nhữ,   |
| 莫我肯勞  | 20. Mạc ngā khẳng lao.  |
| 逝將去女  | 21. Thệ tương khứ nhữ,  |
| 適彼樂郊  | 22. Thích bỉ lạc giao.  |
| 樂郊樂郊  | 23. Lạc giao! Lạc giao! |
| 誰之永號  | 24. Thuỳ chi vĩnh hào?  |

### *Dịch nghĩa*

17. Con chuột to! Con chuột to!
18. Chớ ăn mạ lúa của ta.
19. Ba năm ta đã quen cái thói của mày.
20. Mày chẳng hề biết đến nỗi khổ nhọc của ta,
- 21 Ta đi và sẽ bỏ mày,
22. Để đến một nơi vui kia.
23. Một nơi an vui! Một nơi an vui!
24. Lại phải vì ai mà gào than mãi?

### *Dịch thơ*

*Chuột to hỡi! Chuột to kia hỡi!*

*Mạ ta đừng ăn tới mày mày.*

*Ba năm ta biết thói mày.*

*Chẳng hề biết nỗi đoa đầy của ta.*

*Nên dành phải lánh xa mày hẵn.*

*Đến một nơi phảng lặng yên vui.*

*Nơi an lạc, chốn thanh thơi.*

*Vì ai ta sẽ ngâm ngùi gào than?*

*Thiên Thạc thủ có 3 chương, mỗi chương 8 câu.*

*Thơ quốc phong nước Ngụy có 7 thiên, 18 chương, 128 câu*

## **10. ĐƯỜNG PHONG.**

Đường là tên nước. Nước Đường vốn là nơi kinh đô cũ của vua Nghiêu, theo sách *Vũ Cống* thì thuộc khu vực Ký châu. Ở phía tây núi Hằng Sơn và núi Thái Hành, vùng đồng nội của Thái Nguyên và Thái Nhạc, được vua Thành vương

nhà Chu lấy phong cho em là Thúc Ngu làm Đường hầu. Phía nam nước Đường có sông Tấn thuỷ. Đến con là Tiệp (thường đọc là Nhiếp) lại đổi tên là nước Tấn, sau rời về Khúc ốc, rồi lại rời đến ở đất Giáng. Đất xấu không màu mỡ, dân nghèo, cần kiệm chất phác, lô tính sâu xa, có phong hoá của vua Nghiêu truyền lại.

Thơ nước ấy không gọi là thơ Tấn phong, mà gọi là thơ Đường phong, bởi vì y theo tên ngày trước khi mới được phong.

Chỗ Đường Thúc Ngu đóng đô nay ở phủ Thái nguyên. Đất Khúc ốc và đất Giáng nay đều ở tại Giáng châu.

## BÀI THÚ 114

### CHƯƠNG I

蟋蟀	Tất Suất (Đường phong 1)
蟋蟀在堂	1. Tất suất tại đường,
歲聿其莫	2. Tuế duật kỳ mộ.
今我不樂	3. Kim ngã bất lạc,
日月其除	4. Nhật nguyệt kỳ trừ.
無已大康	5. Vô dĩ thái khang,
職思其居	6. Chức tư kỳ cư.
好樂無荒	7. Háo lạc vô hoang,
良士瞿瞿	8. Lương sĩ cù cù.

### *Dịch nghĩa*

1. Con dế đã kêu ở trên nhà,
2. Năm lại sắp hết.

3. Nay nếu ta không vui chơi,
4. Ngày tháng sẽ trôi đi.
5. Chớ quá vui chơi,
6. Chủ yếu là phải nghỉ đến công việc mà mình nắm giữ.
7. Tuy là ham vui nhưng không được hoang phế.
8. Như kẻ sĩ đứng dấn kia cứ chăm chú đoái trộng vào công việc của mình.

### *Dịch thơ*

*Trên nhà tiếng đế kêu vang dãy,  
 Thi hốt nhiên năm ấy hết rồi.  
 Hôm nay ta chẳng vui chơi,  
 Tháng ngày thấm thoát lướt trôi chẳng dừng.  
 Cuộc vui chơi xin đừng thái quá,  
 Cốt nghỉ lo việc đã đâm đang.  
 Tuy ham vui chớ phế hoang,  
 Đoái trộng như bực, doan trang siêng cẩn.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 蟋蟀 *tất suất*, con đế, giống như con cào cào mà nhỏ hơn, màu thật đen, bóng loáng như dầu sơn, có râu, có cánh, hoặc gọi là con xúc chức, tháng chín thì nghe kêu ở trên nhà. 豉 *duật*, bèn. 莫 *mô*, muộn trễ tràng. 除 *trừ* (đọc *trì*): đi qua. 大康 *thái khang*, quá vui thích. 職 *chức*, chủ, cốt yếu. 翦瞿 *cụ cụ* (đọc *cú cú*) dáng nhìn lại, quay đầu nhìn lại.

Phong tục nước Đường cẩn kiêm, cho nên dân chúng lao khổ suốt năm, không dám nghỉ ngơi tí gì. Đến cuối năm, trong lúc nhàn rảnh việc làm mùa mới dám cùng nhau yến

ảm cho vui, mà nói rằng: Nay con dế đã kêu ở trên nhà, mà năm đã sắp hết. Dương lúc ấy nếu không vui chơi thì ngày tháng sẽ bỏ ta mà trôi đi. Nhưng vì cớ phải lo sâu và nghĩ xa, cho nên trong lúc yên ảm vui chơi lại vội răn nhau mà rằng: Nay tuy là không thể nào không vui chơi được, nhưng như thế chẳng đã là quá vui rồi hay sao? Sao lại chẳng cùng nên doái đến công việc chủ yếu của mình giữ, khiến cho mình tuy ham vui nhưng không hoang phế, như kẻ sĩ đứng đắn kia đã lo xa và cứ doái tưởng trông đến mai, thì có thể không đến nỗi phải nguy vong. Vì là phong tục của dân đã đôn hậu, và phong hoá còn sót lại của thánh nhân đời trước đã sâu xa như thế.

## CHƯƠNG II

蟋蟀在堂

9. Tất suất tại đường.

歲聿其逝

10. Tuế duật kỳ thệ,

今我不樂

11. Kim ngã bất lạc,

日月其邁

12. Nhật nguyệt kỳ mại.

無已大康

13. Vô dī thái khang,

職思其外

14. Chức tư kỳ ngoại.

好樂無荒

15. Háo lạc vô hoang,

良士蹶蹶

16. Lương sĩ quệ quệ.

### *Dịch nghĩa*

9. Con dế đã kêu ở trên nhà

10. Năm lại sắp hết.

11. Nay nếu ta không vui chơi,

12. Ngày tháng sẽ trôi đi.

13. Chớ quá vui chơi.
14. Chủ yếu là phải nghĩ đến những điều ngoài công việc của mình.
15. Tuy là ham vui nhưng không được hoang phế.
16. Như kẻ sĩ kia cứ hoạt động và cần mẫn.

### *Dịch thơ*

*Trên nhà tiếng dέ kêu vang khắp.  
 Thì hốt nhiên năm sǎp hét ngay,  
 Không vui chơi buổi hôm nay,  
 Chẳng đừng thám thoát tháng ngày lướt trôi.  
 Xin đừng có vui chơi mãi miết.  
 Cốt lo tròn ngoài việc đảm đang.  
 Ham vui chớ có bỏ hoang  
 Như người hoạt động đàng hoàng siêng năng!*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 逝 thệ, 邁 mại (đọc lệ cho hợp vận). đều là đi. 外 ngoại, dư thừa ra. Công việc của mình nắm giữ tất nhiên phải lo lắng đến, còn những điều ngoài công việc của mình nắm giữ, cũng không dám sơ suất, vì rằng những biến cố có khi phát sinh ra bởi những điều mà lúc bình thường mình không lo nghĩ đến kịp, cho nên phải lo quá hồn hruk mà phòng bị. 蹤躅 quệ quệ, hoạt động và cần mẫn vào công việc.

### CHƯƠNG III

蟋蟀在堂

17. Tất suất tại đường,

- |         |                          |
|---------|--------------------------|
| 役 車 其 休 | 18. Dịch xa kỳ ưu.       |
| 今 我 不 樂 | 19. Kim ngã bất lạc,     |
| 日 月 其 恬 | 20. Nhật nguyệt kỳ thao. |
| 無 已 大 康 | 21. Vô dī thái khang,    |
| 職 思 其 憂 | 22. Chức tư kỳ ưu.       |
| 好 樂 無 荒 | 23. Háo lạc vô hoang,    |
| 良 士 休 休 | 24. Lương sī hưu hưu.    |

*Dịch nghĩa*

17. Con dế dã kêu ở trên nhà.
18. Xe chở đồ dã nghỉ. (Xe chở đồ dã nghỉ thì công việc đã xong)
19. Nay nếu ta không vui chơi,
20. Ngày tháng sẽ trôi đi.
21. Chớ quá vui chơi,
22. Chủ yếu là nghĩ đến những việc đáng lo.
23. Tuy là ham vui, nhưng không được hoang phế,
24. Như kẻ sĩ đứng đắn kia được an nhàn vì có tiết độ.

*Dịch thơ*

*Trên nhà tiếng dế kêu ra rả,  
 Xe chở đồ bỗng dã nghỉ ngồi  
 Hôm nay ta chẳng vui chơi  
 Không dừng thầm thoát lướt trôi tháng ngày  
 Vui chơi chớ miệt mài quá độ  
 Việc đáng lo thì cố tính xong  
 Ham vui, hoang phế thì không*

*Như người tiết độ một lòng kiên trinh*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú dịch. 役車 *dịch xa*, xe chở đồ để đi làm việc. Người dân thì đi làm xa, năm sấp hết thì mọi công việc đều nghỉ. 息 *thao* (đọc *đầu*), đi qua. 休休 *hưu hưu*, dáng an nhàn vui chơi mà có tiết độ, không đến nỗi hoang dâm, cho nên được an nhàn.

*Thiên Tất suất có 3 chương, mỗi chương có 8 câu.*

BÀI THÚ 115

CHƯƠNG I

山有樞	Sơn hữu xu.(Đường phong).
山有樞	1. Sơn hữu xu.
隰有榆	2. Thấp hữu du.
子有衣裳	3. Tử hữu y thường ,
弗曳弗婁	4. Phát duệ phát lâu.
子有車馬	5. Tử hữu xa mă,
弗馳弗驅	6. Phát trì phát khu.
宛其死矣	7. Uyển kỳ tử hī,
他人是偷	8. Tha nhân thị du.

*Dịch nghĩa*

1. Trên núi có cây xu,
2. Dưới thấp có cây du.
3. Ngài có áo quần,

4. Mà không mặc.
5. Ngài có xe ngựa.
6. Mà không đi (không chạy, không đánh ngựa).
7. Rồi nhỡ ngài đơ ra mà chết,
8. Người khác sẽ chiếm lấy những vật ấy làm điều vui thích của mình.

### *Dịch thơ*

*Núi cao thì có cây xu,  
Còn noi dưới tháp cây du mọc đầy.*

*Áo quần ngài có nhiều thay!*

*Chẳng hề mặc đến cất hoài một nơi.*

*Ngựa xe ngài cũng có rồi,*

*Chẳng hề ruồi ngựa và ngồi đi đâu.*

*Nhỡ ra ngài chết hôm nào,*

*Người ta vui thích cùng nhau chiếm dùng.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng. 檻 xu, cây trệ (tên một thứ cây), nay là cây thích du. 榆 du, cây bạch phàn. 婆 lâu, cũng là曳 duệ (kéo), mặc vào. 馳 trì, chạy. 驅 khu, đánh ngựa chạy. 宛 uyển, dáng thấy ngồi. 愉 du, vui.

Bài thơ này có lẽ cũng là đáp lại ý của bài thơ trên (thiên Tuất suất) mà giải nỗi ưu lo ấy. Cho nên nói rằng trên núi thì có cây xu, dưới tháp thì có cây du, ngài có áo quần xe ngựa mà không mặc, không đi. Nhỡ một hôm ngài đơ ra mà chết, thì người khác sẽ lấy những việc đó làm vui thích của mình. Vì là nói không thể nào không vui chơi cho kịp thời,

thì mối lo âu ấy của mình càng sâu, mà tình ý lại càng cấp bách.

## CHƯƠNG II

山 有 桄	9. Sơn hữu khảo,
隰 有 桤	10. Tháp hữu nữu.
子 有 廷 內	11. Tử hữu đình nội.
弗 洒 弗 掃	12. Phát sai phát tảo.
子 有 鐘 鼓	13. Tử hữu chung cổ,
弗 鼓 弗 考	14. Phát cổ phát khảo,
宛 其 死 矣	15. Uyển kỳ tử hī,
他 人 是 保	16. Tha nhân thị bảo.

### *Dịch nghĩa*

9. Trên núi thì có cây khảo,
10. Dưới tháp thì có cây nữu.
11. Ngài có triều đình.
12. Mà không rưới nước, không quét sạch.
13. Ngài có chuông có trống,
14. Mà không động, không đánh.
15. Nhỡ ngài đơ ra mà chết,
16. Người khác sẽ giành lấy.

### *Dịch thơ*

*Núi kia cây khảo mọc lên,  
Tháp thì cây nữu lại chen mọc đầy.*

Triều đình kia cũng của ngài,  
 Mà không rưới nước cùng sai quét chùi.  
 Trống chuông ngài có kia rồi,  
 Không hề khua đánh, sắm thời uống công.  
 Nhờ khi ngài chết vừa xong.  
 Người ta sẽ đến chiếm dùng sương thay.

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng. 桕 *khảo* (đọc *khưu* cho hợp vận), cây sơn sú, giống như cây sú, màu hơi trắng, lá hẹp hơn. 桤 *nǚu*, cây ức, lá giống lá hạnh mà nhọn, màu trắng, da cây thì thật đỏ, sớ cây thì phần nhiều gút mắt ít khi suông sẻ, gỗ có thể làm cán cung. 考 *khảo* (đọc *khưu* cho hợp vận), đánh. 保 *bǎo*, chiếm lấy.

**CHƯƠNG III**

山 有 漆	17. Sơn hữu tất,
隰 有 栗	18. Thấp hữu lật.
子 有 酒 食	19. Tử hữu tửu thực,
何 不 日 鼓 瑟	20. Hà bất nhật cổ sắt?
且 以 喜 樂	21. Thả dī hỉ lạc.
且 以 永 日	22. Thả dī vĩnh nhật
宛 其 死 矣	23. Uyển kỳ tử hī,
他 人 入 室	24. Tha nhân nhập thất.

### *Dịch nghĩa*

17. Trên núi có cây sơn,
18. Dưới thấp có cây lật.
19. Ngài có rượu và đồ ăn,
20. Sao mỗi hôm ngài không gầy đàn sắt?
21. Để cho vui lên.
22. Cho ngày thêm dài,
23. Nhỡ một hôm ngài đờ ra mà chết.
24. Người khác sẽ vào nhà ngài mà chiếm ở.

### *Dịch thơ*

*Cây sơn thì ở núi cao,  
Lật thì thấy mọc nơi nào thấp thôi.  
Ngài đã có rượu thịt rồi,  
Suốt ngày sao chẳng thành thoi đánh đàn  
Để cho thích thú hân hoan,  
Để cho cảm thấy ngày càng dài xa  
Rủi khi ngài chết đờ ra.  
Thì người sẽ kéo vào nhà chiếm luôn.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng. Người quân tử không có việc gì  
đàn cầm đàn sắt không rời ở bên mình. *Không vĩnh*, dài. Người ta  
mà có nhiều việc ưu lo thì thấy ngày ngắn. Còn ăn uống  
đánh nhạc thì có thể làm cho ngày đó dài hơn lên.

*Thiên Sơn hưu xu có 3 chương, mỗi chương có 8 câu*

## BÀI THÚ 116

### CHƯƠNG I

揚 之 水	Dương chi thuỷ.(Đường phong 3).
揚 之 水	1. Dương chi thuỷ,
白 石 豔 豔	2. Bạch thạch tác tác.
素 之 朱 裸	3. Tố y chu bá,
從 子 于 沃	4. Tùng tử vu ốc.
既 見 君 子	5. Ký kiến quân tử,
云 何 不 樂	6. Vân hà bất lạc?

### *Dịch nghĩa*

1. Nước chảy lờ đờ,
2. Đá trắng thì cao vút lên.
3. Muốn đem chiếc áo trắng thêu cổ đỏ,
4. Để theo ngài ở Khúc ốc.
5. Khi đã gặp người quân tử ấy rồi.
6. Thì nói rằng: Sao lại không vui thích được?

### *Dịch thơ*

*Nước trôi chảy yếu lờ đờ,  
Đá thì sắc trắng đứng trơ chập chùng.  
Muốn đem áo trắng cổ hồng  
Đến nơi Khúc Ốc theo cùng ngài thôi.  
Gặp người quân tử ấy rồi,  
Rằng sao lại chẳng vui tươi tắc lòng.*

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 繢 繢 tác tác, dáng cao vút lên. 祢 bá, cái bâu, cái cổ áo. Y phục của chư hầu, ở cổ áo thì thêu toàn màu đỏ. 子 tử, chỉ Hoàn khúc. 沃 ốc (đọc ác cho hợp vận), đất Khúc Ốc.

Tấn Chiêu hầu phong cho người chú là Thành Sư ở đất Khúc Ốc, ấy là Hoàn thúc. Về sau nước Ốc cường thịnh, nước Tấn suy vi, người trong nước sê phản nước Tấn để theo nước Ốc, cho nên làm bài thơ này. Nói rằng: Nước chảy chậm chạp lờ dờ mà đá thì cao vút lên, để so sánh với việc nước Tấn thì suy, nước Ốc thì thịnh. Cho nên muốn lấy chiếc áo của bực chư hầu đi theo Hoàn thúc để dâng cho người ở nước Khúc Ốc, lại tự mừng thấy được người quân tử ấy (Hoàn thúc), thì không ai lại không vui thích.

## CHƯƠNG II

揚 之 水	7. Dương chi thuỷ,
白 石 眩 眩	8. Bạch thạch hào hào.
素 衣 朱 繡	9. Tố y chu tú,
從 子 于 鵠	10. Tùng tử vu hộc.
既 見 君 子	11. Ký kiến quân tử,
云 何 其 艱	12. Vân hà kỳ ưu ?

## Dịch nghĩa

7. Nước chảy lờ dờ,
8. Đá trắng sạch sê.
9. Muốn đem chiếc áo trắng cổ hồng.

- Để theo ngài ở đất Hộc (áp Khúc ốc).
- Khi đã gặp người quân tử ấy rồi,
- Thì nói rằng: Sao lại lo buồn được?

### *Dịch thơ*

*Lờ đờ nước cứ lặng trôi,  
Đá thì sạch sẽ trắng tươi chập chùng.  
Muốn đem áo trắng cổ hồng,  
Đến nơi đất Hộc theo cùng ngài đây.  
Gặp người quân tử hôm nay,  
Nói rằng: Đã gặp thì ai còn buồn?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý. 朱繡 *chu tú* (đọc *tiêu* cho hợp vận), áo cổ thêu đỏ. 鵠 *Hộc* (đọc *cao* cho hợp vận), áp Khúc Ốc.

## CHƯƠNG II

- |       |                          |
|-------|--------------------------|
| 揚之水   | 13. Dương chi thuỷ,      |
| 白石粼粼  | 14. Bạch thạch lân lân.  |
| 我聞有命  | 15. Ngā văn hữu mệnh.    |
| 不敢以告人 | 16. Bất cảm dī cáo nhân. |

### *Dịch nghĩa*

- Nước chảy lờ đờ,
- Đá trắng lộ hiện ra.
- Ta nghe được mệnh lệnh.

16. Nhưng không dám nói cho người ta biết(ý muốn che giấu để Hoàn thúc thành công).

### *Dịch thơ*

*Nước trôi lờ lững nhẹ nhàng,  
Đá thì sắc trắng rõ ràng hiện lên.  
Ta vừa nghe mệnh lệnh truyền,  
Nhưng ta chẳng dám nói liên ai hay.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý. 禽禽 lân lân, dáng đá hiện ra khi nước trong. Nghe mệnh lệnh của ngài mà không dám báo cho người ta biết, là ý muốn giấu che chở. Hoàn thúc sắp khuynh đảo nước Tân, được dân chúng dấu che cho ngài, vì muốn cho ngài thành công.

Lý thi nói rằng: Ngày xưa kẻ bê bối phản loạn, muốn thi hành ý chí của mình, thì tất nhiên sẽ có thi ân nhỏ mọn để thu nhân tâm, rồi sau dân mới hợp nhau mà theo. Việc Điền thi ở nước Tề cũng là như thế đấy. Cho nên khi gọi công tử Dương sinh ở bên nước Lỗ về, người trong nước ai ai cũng hay biết nhưng không nói ra. Đó là nói về hai câu: *Ngã vẫn hữu mệnh, Bất cảm dĩ cáo nhân.*

*Thiên Dương chi thuỷ có ba chương, 2 chương 6 câu và một chương 4 câu.*

## BÀI THÚ 117

### CHƯƠNG I

椒 聊

Tiêu liêu.(Đường phong 4)

椒 聊 之 實

1. Tiêu liêu chi thực,

蕃衍盈升	2. Phồn diễn doanh thăng.
彼其之子	3. Bì ký chi tử,
碩大無朋	4. Thạc đại vô bằng
椒聊且	5. Tiêu liêu thư!
遠條且	6. Viễn điêu thư!

### *Dịch nghĩa*

1. Trái cây tiêu,
2. Đơm rướm rà, hái đầy thăng.
3. Người kia ấy
4. Vĩ đại và không ai sánh bằng.
5. Cây tiêu ấy thay!
6. Cành dài thay!

### *Dịch thơ*

*Những chùm trái của cây tiêu,  
Rướm rà hái được thật nhiều đầy thăng.  
Vị kia to tát ai bằng?  
Cây tiêu tươi tốt, cành giăng ra dài.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng mà tỷ. 椒 *tiêu*, cây giống như cây thù du, có gai nhọn, trái có vị cay mà thơm mát. 聊 *liêu*, tiếng ngữ trợ từ. 朋 *bằng*, so sánh. 且 *thư*, tiếng than khen, 遠條 *viễn điêu*, cành dài.

Cây tiêu nảy nở lan ra rướm rà, thì hái trái đặng đầy thăng (đồ để đong lường).

Vì kia thì vĩ đại không ai sánh bằng nổi. 椒聊且, 遠條且  
tiêu liêu thư, viễn điêu thư, than thở khen tặng cành tiêu  
mọc ra dài, thì trái tiêu càng đặng nhiều. Đấy không biết trả  
vào ai. Bài tự ở sách Mao thi cũng cho là nước Óc (nước Óc  
của Hoàn thúc thì thịnh vượng còn nước Tấn thì suy vi).

## CHƯƠNG II

椒聊之實	7. Tiêu liêu chi thực,
蕃衍盈掬	8. Phồn diên doanh cúc.
彼其之子	9. Bỉ kí chi tử,
實大且篤	10. Thực đại thả dốc.
椒聊且	11. Tiêu liêu thư!
遠條且	12. Viễn điêu thư!

### *Dịch nghĩa*

7. Trái cây tiêu,
8. Đơm rướm rà hái đầy bùm.
9. Người kia ấy
10. Thật là vĩ đại và lại đôn hậu.
11. Cây tiêu áy thay!
12. Cành dài thay!

### *Dịch thơ*

*Trái tiêu đā tháy đơm ra,  
Hái thi đāy bùm, rướm rà khăp cây.  
Lớn lao đôn hậu là ngài.  
Cây tiêu tươi tốt, cành dài thong dong.*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng mà tỳ. 食 cúc, hai tay bùm lại. 篤 đốc, đôn hậu.

*Thiên Tiêu liêu có hai chương, mỗi chương 6 câu.*

### BÀI THÚ 118

#### CHƯƠNG I

綢 繆

Thù mâu (trù mậu).

(Đường phong 5)

綢 繆 束 薪

1. Trù mâu (trù mậu) thức tân,

三 星 在 天

2. Tam tinh tại thiêng.

今 夕 何 夕

3. Kim tịch hà tịch?

見 此 良 人

4. Kiến thử lương nhân,

子 兮 子 兮

5. Tử hê! Tử hê!

如 此 良 人 何

6. Như thử lương nhân hà?

#### *Dịch nghĩa*

1. Vừa cột bó củi xong,
2. Em thấy chòm ba ngôi sao ở trên trời (tức là vào tháng ba)
5. Đêm nay là đêm gì?
4. Em mới gặp được chàng ấy đó.
5. Em tự nói với mình: Chàng ơi! Chàng ơi!
6. Như thế chàng ấy sẽ ra sao?

## Dịch thơ

Những cùi kia em vừa mới bó,  
Ngẩng lên trông thấy rõ ba sao.  
Đêm nay là biết đêm nào?  
Mà em mừng rõ xiết bao gấp chàng  
Chàng ơi hỡi! Ngày chàng ơi hỡi!  
Như thế chàng sẽ lại ra sao?

### Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng 綢繆 trù mâu (đọc *thù mâu*) như triền miên quấn quít chằn chít không thể rời ra được. 三星 *tam tinh*, chòm sao tam. 在天 *tại thiên* (đọc *thân* cho hợp vận), mọc ở trên trời. Chòm sao tam tinh khi đêm tối mới hiện ra ở phương đông, tức là vào tháng ba (kiến dần là tháng giêng, kiến mão là tháng hai, kiến thìn là tháng ba) 良人 *lương nhân*, gọi chồng là lương nhân.

Nước loạn dân nghèo, nam nữ cưới gả trễ mùa rồi sau mới được thành hôn lễ. Nhà thơ kể lại lời của người vợ nói với chồng rằng: Vừa chàng chít cột cùi lại thành bó em ngẩng lên thấy chòm ba ngôi sao ở trên trời. Đêm nay không biết là đêm gì mà thỉnh lình em lại thấy chàng ở đây. Thế rồi nàng tự nhủ mình rằng: Chàng ơi! Chàng ơi! Nhưng rồi chàng ấy sẽ ra thế nào (tốt hay xấu, chung thuỷ hay bạc bẽo)? Đó là lời nói trong lúc quá mừng cho mình như thế.

## CHƯƠNG II

綢繆束芻

三星在隅

7. Trù mâu thúc sô,

8. Tam tinh tại ngẫu (ngu).

- |       |                          |
|-------|--------------------------|
| 今夕何夕  | 9. Kim tịch hà tịch?     |
| 見此邂遭  | 10. Kiến thử giải cầu.   |
| 子兮子兮  | 11. Tử hề! Tử hề!        |
| 如此邂遭何 | 12. Như thử giải cầu hà? |

*Dịch nghĩa*

7. Vừa cột bó cỏ;
8. Thì thấy chòm ba ngôi sao ở góc trời đông nam.
9. Đêm nay là đêm gì?
10. Đôi ta mới thấy cuộc gặp gỡ nhau đây.
11. Anh ôi! Anh ôi!
12. Gặp nhau như thế rồi sẽ ra sao?

*Dịch thơ*

*Mở cỏ này em vừa bó lại.  
Trời đông nam đã thấy ba sao.  
Đêm nay chẳng rõ đêm nào?  
Chúng mình mới gặp gỡ nhau đây mà.  
Anh ơi hỏi, hỏi là anh hỏi!  
Sẽ thế nào việc mới gặp nhau.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 隅 *ngưu* (đọc *ngâu* cho hợp vận) góc đông nam. Đêm tối mà sao hiện ra đến nơi ấy thì đêm đã khuya rồi. 邂遭 *giải cầu* (đọc *giới tấu*), ý gặp gỡ nhau.

Đây là lời của chồng vợ nói chuyện với nhau.

### CHƯƠNG III

- |           |                         |
|-----------|-------------------------|
| 綢 繆 束 楚   | 13. Trù mậu thúc sở,    |
| 三 星 在 戶   | 14. Tam tinh tại hộ.    |
| 今 夕 何 夕   | 15. Kim tịch hà tịch?   |
| 見 此 繁 者   | 16. Kiến thử xán chư?   |
| 子 兮 子 兮   | 17. Tử hề! Tử hề!       |
| 如 此 繁 者 何 | 18. Như thử xán chư hà? |

#### *Dịch nghĩa*

13. Vừa cột bó cây sở,
14. Thì thấy chòm ba ngôi sao ở cửa phía nam.
15. Đêm nay là đêm gì?
16. Mới thấy người đẹp này.
17. Em ôi! Em ôi!
18. Như thế người đẹp sẽ ra sao?

#### *Dịch thơ*

*Vừa mới bó những cây sở ấy,  
Cửa phía nam đã thấy ba sao.  
Đêm nay chẳng rõ đêm nào?  
Gặp ngay người đẹp bấy lâu mơ màng.  
Nàng ơi hỏi, này nàng ơi hỏi,  
Người đẹp xinh sẽ lại ra sao?*

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng. 彌 hộ, cửa nhà. Cửa nhà trổ về hướng nam, đêm tối sao hiện ra đến nơi ấy thì đã nửa đêm rồi. 祢 xán, đẹp.

Đấy là lời của chồng nói với vợ.

Hoặc nói rằng: Ba người phụ nữ gọi là xán, tức là quan đại phu có một vợ và hai thiếp.

*Thiên Thù mâu (trù mâu) có 3 chương, mỗi chương 6 câu.*

### BÀI THÚ 119

#### CHƯƠNG 1

杕 杜	Đệ đỗ. (Đường phong 6)
有杕之杜	1. Hữu đệ chi đỗ,
其葉湑湑	2. Kỳ diệp tử tử.
獨行踽踽	3. Độc hành củ củ.
豈無他人	4. Khi vô tha nhân?
不如我同父	5. Bất như ngã đồng phu,
嗟行之人	6. Ta hành chi nhân,
胡不比焉	7. Hồ bất ty yên?
人無兄弟	8. Nhân vô huynh đệ,
胡不佽焉	9. Hồ bất thứ yên?

#### *Dịch nghĩa*

1. Có cây đỗ lẻ loi một mình.

2. Lá đơn rướm rà.
3. Còn ta thì đi thui thui một mình.
4. Há lại không có người khác để cùng đi với ta hay sao?
5. Chỉ vì những người ấy không như anh em một cha với ta.
6. Than ôi! Những người đi đường,
7. Sao không phụ giúp ta?
8. Gặp người không có anh em,
9. Sao lại không đỡ đần?

### *Dịch thơ*

*Có cây đỗ nở lẻ loi,  
Lá chen đều thay xanh tươi rướm rà.  
Bước lùn thui thui mình ta,  
Há không người khác để mà đi chung?  
Vì người cha mẹ chẳng đồng.  
Đi đường người cứ thung dung vô tình.  
Sao không giúp đỡ ta đành?  
Gặp người cô độc thiếu anh em nầy.  
Sao không giúp đỡ mảy may?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng 杜, lẻ loi một mình. 杜, cây xích đường. 潘潘 tử tử, dáng rướm rà. 蹤蹊 củ củ, dáng lẻ loi không có ai gần gũi. 同父, đồng phụ, anh em cùng một cha. 比ty, phụ giúp. 佽, thứ, giúp đỡ.

Đây là lời của người không có anh em, tự xót thương cho mình cô độc mà cầu xin người giúp đỡ. Nói rằng: Cây đỗ lẻ loi một mình mà lá thì vẫn rướm rà. Còn người mà không có

anh em thì đi một mình lẻ loi, lại chǎng như cây dỗ vậy. Nhưng há lại không có người nào khác để cùng đi chung hay sao? Chỉ vì những người ấy không như anh em cùng một cha với ta, nên ta không khỏi phải đi lẻ loi một mình. Cho nên than thở người đi đường sao không thương xót đến ta phải đi một mình mà gần gũi với ta, tội nghiệp cho ta không có anh em mà giúp đỡ ta.

## CHƯƠNG II

有杕之杜	10. Hữu đệ chi dỗ,
其葉菁菁	11. Kỳ diệp tinh tinh.
獨行踽踽	12. Độc hành quỳnh quỳnh
豈無他人	13. Khi vô tha nhân?
不如我同姓	14. Bất như ngã đồng tính.
嗟行之人	15. Ta hành chi nhân,
胡不比焉	16. Hồ bất ty yên?
人無兄弟	17. Nhân vô huynh đệ
胡不佽焉	18. Hồ bất thứ yên?

### *Dịch nghĩa*

10. Có cây dỗ lẻ loi một mình.
11. Lá đơn rướm rà.
12. Còn ta thì thui thuí một mình.
13. Há lại không có người khác để cùng đi với ta hay sao?
14. Chỉ vì những người ấy không như bà con đồng một họ với ta.
15. Than ôi! Những người đi đường.

16. Sao không phụ giúp ta?
17. Gặp người không có anh em,
18. Sao lại không đỡ đần?

### *Dịch thơ*

*Có cây đỗ nở một mình,  
Lá thì vẫn thấy tươi xanh rướm rà.  
Bước lẩn thui thủi mình ta.  
Há không người khác để mà cùng đi?  
Với ta khác họ chỉ vì.  
Than ôi! Người cứ lầm lì bước qua.  
Sao không đoái tưởng giúp ta?  
Thấy người chẳng có ruột rà anh em?  
Cớ sao giúp đỡ chẳng thèm.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng. 莘莘 *tinh tinh*, cũng là dáng rướm rà. 囂囂 *quỳnh quỳnh*, thui thủi, dáng không có nơi nào để nhò dựa vào được.

*Thiên Đệ đỗ có 2 chương, mỗi chương 9 câu.*

## BÀI THÚ 120

### CHƯƠNG I

- |       |                          |
|-------|--------------------------|
| 羔裘    | Cao câu. (Đường phong 7) |
| 羔裘豹祛  | 1. Cao câu báo khư,      |
| 自我人居居 | 2. Tự ngã nhân cư cư.    |

豈無他人

3. Khi vô tha nhân?

維子之故

4. Duy tử chi cố.

### *Dịch nghĩa*

1. Áo bằng da dê, ống tay áo bằng da béo (y phục của quan khanh đại phu mặc).
2. Sai khiến dân chúng tôi với lòng giận ghét không mến ưa.
3. Há lại không có người khác (để chúng tôi phục tùng hay sao?)
4. Chỉ vì ân nghĩa xưa kia (mà chúng tôi chẳng nỡ bỏ đi).

### *Dịch thơ*

*Ao da de, ống tay da bao,  
Sai khiến mà dang mao chảng ua.  
Há khong vi khac phung thura?  
Chỉ vi nghia cu mà chưa bô ngai.*

### *Chú giải của Chu Eý*

Chương này thuộc phú.羔裘 *cao cầu*, áo da dê con. Áo của vua thì làm toàn một thứ da dê con, còn của quan đại phu thì lấy da béo trang sức.祛 *khu* (đọc *khu*), ống tay áo.居居 *cư cư*, chưa rõ là gì.

### *Chú giải của Dịch già*

Mao Thi:居居 *cư cư*, dáng không ưa, không chịu gần gũi.自 *tự*, dùng.

Thiên này là lời châm biếm quan đại phu nước Tấn không ưa dân, không chịu gần gũi dân.

## CHƯƠNG II

羔裘豹裘  
自我人究究  
豈無他人  
維子之好

5. Cao cầu báu tu.  
6. Tự ngã nhân cứu cứu.  
7. Khi vô tha nhân?  
8. Duy tử chi hảo.

### *Dịch nghĩa*

5. Áo bằng da dê con, ống tay áo bằng da beo.
6. Sai khiến dân chúng tôi với lòng giận ghét.
7. Há lại không có vị khác (để chúng tôi phục tùng hay sao)?
8. Chỉ vì ân nghĩa tốt đẹp của ngài khi trước (mà chúng tôi chẳng nỡ bỏ đi).

### *Dịch thơ*

*Áo da dê, da beo làm ống.  
Sai khiến dân với giọng ghét cay.  
Há rằng vị khác không ai?  
Tình xưa không nỡ bỏ ngài đó thôi!*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 裘 tu, ống tay áo. 究究 cứu cứu, chưa rõ là gì.

### *Chú giải của Dịch giả*

Mao thi: 究究 cứu cứu, như 居居 cư cư, đáng không ưa, không chịu gần gũi.

*Thiên Cao cầu có 2 chương, mỗi chương 4 câu.*

Bài thơ này không biết nói gì, không dám giảng giải  
gương gạo.

Cho nên chúng tôi xin tạm dịch lời giải ở sách *Mao thi* để  
bổ khuyết.

## BÀI THÚ 121

### CHƯƠNG I

鶡 羽

Bảo vū. (Đường phong 8)

肅 肅 鶡 羽

1. Túc túc bảo vū.

集 于 苞 恄

2. Tập vu bao hủ.

王 事 麋 鹽

3. Vương sự mỵ cổ,

不 能 簿 稷 穂

4. Bất năng nghệ tắc thử.

父 母 何 怨

5. Phụ mẫu hà hộ?

悠 悠 蒼 天

6. Du du thương thiên,

曷 其 有 所

7. Hạt kỳ hữu sở?

### *Dịch nghĩa*

1. Tiếng cánh chim bảo nghe xầm xập,
2. Đậu trên bụi cây hủ.
3. Việc vua sai không hề chẳng làm hoàn hảo tinh mẫn.
4. Cho nên quá mệt nhọc mà không thể trông lúa kê lúa nếp.
5. Thịt cha mẹ làm sao trông cậy vào để sống?
6. Trời xanh xa vời ôi!
7. Lúc nào mới khiến cho ta được nơi yên ổn (để nuôi dưỡng cha mẹ)?

## Dịch thơ

*Cánh chim bảo vỗ nghe xầm xập,  
Bụi hủ kia tụ tập đậu cùng.  
Việc vua tròn vẹn làm xong.  
Cho nên kê nếp chǎng tròng được chi.  
Ôi cha mẹ lấy gì trông cậy?  
Trời xanh kia chỉ thấy xa vời.  
Lúc nào ta đãng yên nơi?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý.蕭蕭 *túc túc*, tiếng cánh đậm.鵠 *bảo*, tên chim, giống chim nhạn mà to hơn, chân không có ngón ở phía sau.集 *tập*, đậu lại.苞 *bao*, mọc thành bụi.羽 *hủ*, cây tạc lịch trái gọi là tạo đậu, vỏ có thể dùng nhuộm màu đen.鹽 *cổ*, không, hoàn hảo tinh mịt.蔚 *nghệ*, trông cây.怙 *hộ*, cậy trông vào.

Dân chúng phải đi tùng chinh, không được nuôi dưỡng cha mẹ cho nên làm bài thơ này.

Nói tính chim bảo không hay đậu ở trên cây, mà nay lại bay đậu ở trên bụi cây hủ, như tính của nhân dân vốn không tiện ở việc lao khổ, nay lại đi đánh giặc đã lâu mà không được cày ruộng để tròn bốn phận làm con. Trời xanh xa vời kia lúc nào khiến cho ta được nơi yên ổn (để phụng dưỡng cha mẹ)?

## CHƯƠNG II

蕭蕭鵠翼  
集于苞棘

8. Túc túc bảo dục,  
9. Tập vu bao cức,

王事靡鹽	10. Vương sự mĩ cổ,
不能蓀黍棘	11. Bất nǎng nghệ thủ tắc.
父母何食	12. Phụ mẫu hà thực?
悠悠蒼天	13. Du du thương thiên.
曷其有極	14. Hạt kỳ hữu cực?

### *Dịch nghĩa*

8. Tiếng cánh chim bảo nghe xầm xập.
9. Đậu trên bụi cây gai.
10. Việc vua sai không hề chẳng làm hoàn hảo tinh mẫn.
11. Cho nên quá mệt nhọc mà không thể trông lúa nếp lúa kê.
12. Thịt cha mẹ ăn gì để sống?
13. Trời xanh xa vời ôi!
14. Lúc nào mới khiến ta dứt được hồi lao khổ ấy (để nuôi dưỡng cha mẹ)?

### *Dịch thơ*

*Nghe xầm xập bảo kia vỗ cánh,  
Rồi đậu liền trên nhánh bụi gai.*

*Lo tròn việc của vua sai.*

*Cho nên kê nếp chẳng ai cấy trông.*

*Lấy gì ăn bức song thân hởi!*

*Trời xanh kia diệu vời xa mờ.*

*Nhọc nhằn dứt được bao giờ?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc Tỷ.極 cực, xong, hết.

### CHƯƠNG III

蕭蕭鶴行  
集于芭桑  
王事靡鹽  
不能蓗稻梁  
父母何嘗  
悠悠蒼天  
曷其有常

15. Túc túc bảo hàng,
16. Tập vu bao tang.
17. Vương sự mỹ cổ.
18. Bất năng nghệ đạo lương.
19. Phụ mẫu hà thường?
20. Du du thương thiên,
21. Hạt kỳ hữu thường?

#### *Dịch nghĩa*

15. Chim bảo bay thành hàng nghe xầm xập.
19. Đậu trên bụi dâu.
17. Việc vua sai không hề chẳng làm hoàn hảo tinh mẫn.
18. Cho nên quá mệt nhọc mà không thể trồng lúa đé và lúa mạch.
19. Thịt cha mẹ ăn gì để sống?
20. Trời xanh xa vời ôi!
21. Lúc nào mới khiến cho ta sống trở lại bình thường (để phụng dưỡng cha mẹ)?

#### *Dịch thơ*

*Kết thành hàng nghe bay chim bảo,  
Trên bụi dâu cùng đậu lại đầy.  
Việc vua hoàn hảo lo ngay.  
Cây trồng đê mạch nào ai rảnh gi.  
Ôi cha mẹ lấy chi ăn hời?*

Trời xanh kia diệu vợi mờ cao.

Bình thường trở lại chừng nào?

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý. 行 hàng, hàng liệt. 稻 đạo tức là đạo mě (lá dé) của người phương nam ngày nay ăn, mọc ở trong nước và sắc trắng. 梁 lương, lúa mạch, một thứ thóc để ăn, có nhiều màu khác nhau. 常 thường, ăn. 常 thường, trở lại bình thường.

*Thiên Bảo vū có 3 chương, mỗi chương 7 câu.*

## BÀI THÚ 122

### CHƯƠNG I

無衣

Vô y. (Đường phong 9)

豈曰無衣七兮

1. Khỉ viết vô y thất hế?

不如子之衣

2. Bất như tử chi y.

安且吉兮

3. An thả cát hế!

### *Dịch nghĩa*

1. Ta (tiếng tự xưng khi nói với sứ giả nhà Chu) há lại không có bảy thứ y phục của chư hầu hay sao?

2. Nhưng không bằng của thiên tử nhà Chu ban cho.

3. Của thiên tử nhà Chu ban cho mặc vào thì yên ổn tốt lành.

### *Dịch thơ*

*Há nói áo ta không đủ bảy?*

*Chẳng sành bằng vua lấy tăng ban.*

*Tốt lành và lại bình an.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. Tước hầu bá thì thuộc về thất mệnh (vật gì cũng có bảy thứ), như xe, cờ và y phục đều hạn định ở bảy thứ. (Y phục có bảy thứ: 3 áo thêu là trĩ, hoả, tông di, 4 quần thêu là tảo, phấn mễ, phủ, phật). 子 tử, thiên tử.

Theo sách *Sử ký*, Vũ công là cháu của Hoàn thúc ở đất Khúc Ốc, đánh và tiêu diệt nước Tấn, lấy hết những đồ đạc quý báu của nước Tấn đem hối lộ cho thiên tử Ly vương nhà Chu. Ly vương cho Vũ công làm vua nước Tấn, liệt vào hàng chư hầu.

Bài thơ này thuật lại ý cầu xin mệnh lệnh nhà Chu. Nói rằng: ta không phải không có bảy thứ y phục của chư hầu, mà phải cầu xin như thế. Chỉ vì bảy thứ y phục (của nước Tấn trước để lại) không như của thiên tử ban cho. Y phục của thiên tử ban cho mặc vào thì yên ổn lại tốt lành. Vì đương lúc ấy nhà Chu tuy suy, nhưng phép tắc hình luật vẫn còn. Vũ công nước Tấn đã mang tội giết vua đoạt nước thì người ta có quyền đánh phạt kẻ có tội ấy. Như thế Vũ công không còn tự lập làm vua ở trong khoảng trời đất nữa, cho nên mới hối lộ vua nhà Chu để xin mệnh lệnh mà nói ra như thế. Nhưng Vũ công đã kiêu ngạo vô lễ cũng là quá lầm.

Thiên tử Ly vương nhà Chu tham những món quý báu ấy mà không nghĩ rằng lẽ trời và đạo thường của dân không thể nào phế bỏ được. Cho nên đã chẳng đánh giết để trừng phạt, mà lại còn ban cho chức tước và mệnh lệnh nữa. Thị mối giềng của nhà Chu đã không chấn chỉnh mà kỷ cương của nhân dân cơ hồ như đã dứt. Than ôi! Đau xót thay!

## CHƯƠNG II

- |        |                          |
|--------|--------------------------|
| 豈曰無衣六兮 | 4. Khi viết vô y lục hế? |
| 不如子之衣  | 5. Bất như tử chi y.     |
| 安且燠兮   | 6. An thả úc hế!         |

### *Dịch nghĩa*

4. Ta há lại không có sáu thứ y phục của quan khanh hay sao?
5. Nhưng không bằng của thiên tử nhà Chu ban cho.
6. Của thiên tử ban cho mặc vào thì yên ổn và ấm áp.

### *Dịch thơ*

*Há nói rằng áo không sáu thứ?  
Chẳng sánh bằng thiên tử ban trao.  
Ấm êm yên ổn xiết bao!*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. Quan khanh của thiên tử thuộc về lục mệnh (vật gì cũng có sáu thứ). Biến thất mệnh ra lục mệnh là ý tự khiêm, không dám đương với tước mệnh của hâu bá. Được y phục về lục mệnh để sánh vào hàng quan khanh của thiên tử cũng là may lăm rồi. 暖 úc, ấm áp. Ý nói có thể lâu dài được.

*Thiên Vô y có 2 chương, mỗi chương 3 câu.*

## BÀI THÚ 123

### CHƯƠNG I

有杕之杜

Hữu đệ chi đỗ.  
(Đường phong 10)

有杕之杜

1. Hữu đệ chi đỗ,

生于道左

2. Sinh vu đạo tả.

彼君子兮

3. Bỉ quân tử hê!

噬肯適我

4. Thê khắng thích ngã.

中心好之

5. Trung tâm háo chi,

曷飲食之

6. Hạt ám tự chi?

#### *Dịch nghĩa*

1. Có cây đỗ lẻ loi một mình,
2. Mọc ở phía bên trái con đường.
3. Những bực quân tử kia ôi!
4. Há lại chịu đến với ta?
5. Trong lòng ta cứ ưa thích những bực quân tử ấy.
6. Làm sao ta được nuôi dưỡng cho ăn cho uống những bực quân tử ấy (để họ hợp tác với ta)?

#### *Dịch thơ*

*Có cây đỗ một mình cô độc,*

*Phía trái đường đã mọc lên rồi.*

*Hỏi người quân tử kia ôi!*

*Với ta, tìm đến các người chịu không?*

*Nhưng ta cứ trong lòng mến chuông  
Làm sao cho ăn uống hâu tình?*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý. 左 tả, phía trên trái, phía đông. 噩 thệ, tiếng phát lời ở đầu câu. 昙 hat, sao?

Người này ưa thích bực hiền tài, nhưng e ngại cho mình không đủ để khiến bực hiền tài đến với mình, cho nên nói rằng: Cây đỗ lẻ loi một mình mọc ở phía tả con đường, bóng mát của cây đỗ ấy không đủ để cho người ta nghỉ ngơi, cũng như mình đây lẻ loi và yếu đuối không đủ cho người ta trông cậy vào, thì bực quân tử kia sao lại chịu đoái trông vào mà đến với ta vậy thay? Nhưng mà lòng ta ưa thích những bực quân tử ấy không thôi. Chỉ hiềm không biết làm thế nào để những bực quân tử ấy đến cho mình nuôi dưỡng, tức là hưởng lộc của mình vậy.

Ôi! Vì tấm lòng hảo hiền như thế, thì có lẽ nào bực hiền tài lại không đến, và việc lẻ loi yếu đuối ấy sao lại còn đáng lo ngại nữa?

**CHƯƠNG II**

有杕之杜

7. Hữu đệ chi đỗ,

生于道周

8. Sinh vu đạo chu.

彼君子兮

9. Bỉ quân tử hế!

噬肯來遊

10. Thệ khắng lai du?

中心好之

11. Trung tâm háo chi,

*Dịch nghĩa*

7. Có cây đỗ lẻ loi một mình,
8. Mọc ở khúc quanh của con đường.
9. Những bực quân tử kia ôi!
10. Há lại chịu đến dạo chơi?
11. Trong lòng ta cứ ưa thích những bực quân tử ấy.
12. Làm sao ta được nuôi dưỡng cho ăn uống những bực quân tử ấy?

*Dịch thơ*

*Có cây đỗ lẻ loi một gốc,  
Bên đường quanh đẽ mọc lên rồi  
Này trang quân tử những người,  
Ung chăng chịu đến dạo chơi chung cùng?  
Nhưng ta cứ một lòng yêu mãi,  
Cho uống ăn hậu đãi tận tình.*

*Chú giải của Chu Hý*

Chương này thuộc tý. 周 chu, khúc quanh.

*Thiên Hữu đệ chi đỗ* có 2 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THÚ 124

CHƯƠNG I

葛 生

Cát sinh. (Đường phong 11)

葛生蒙楚  
蔽蔓于野  
予美亡此  
誰與獨處

1. Cát sinh mông sờ,
2. Liêm man vu dā.
3. Dư mỹ vong thử.
4. Thuỷ dữ độc xứ?

### *Dịch nghĩa*

1. Dây săn kia phủ lên cây sờ,
2. Cỏ liêm mọc lan ra ở ngoài đồng.
3. Chồng của ta không có ở nơi đây.
4. Cùng ai mà ta phải ở cô độc chốn này?

### *Dịch thơ*

*Dây săn kia phủ lên cây sờ,  
Cỏ liêm thì lan ở ngoài đồng.  
Nơi đây đã vắng mặt chồng,  
Một mình thuỷ thủi ở cùng với ai?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng. *蔽 liêm*, tên một thứ cỏ giống như cỏ quát lâu, lá nhiều mà nhỏ. *蔓 man*, mọc dài ra. *予美 dư mỹ* (người đẹp của ta), tiếng người vợ chỉ người chồng mà nói.

Người vợ, vì chồng đi quân dịch đã lâu không về, cho nên nói dây săn mọc và phủ lên cây sờ, cỏ liêm mọc lan ra ngoài đồng. Mỗi loại cây đều có nơi nương tựa, còn chồng của ta riêng chẳng có ở đây, thì cùng ai mà ta ở một mình nơi chốn này?

## CHƯƠNG II

- |      |                       |
|------|-----------------------|
| 葛生蒙棘 | 5. Cát sinh mông cức, |
| 蔽蔓于域 | 6. Liêm man vu vực.   |
| 予美亡此 | 7. Dư mỹ vong thủ,    |
| 誰與獨息 | 8. Thuỷ dữ độc túc?   |

### *Dịch nghĩa*

5. Dây sắn mọc phủ lên cây gai.
6. Cỏ liêm mọc lan ra nơi phần mộ.
7. Chồng của ta không có ở nơi đây.
8. Thì cùng ai mà ta phải nghỉ ngơi một mình ở chốn này?

### *Dịch thơ*

*Bụi gai thì săn lên lấp phủ,*

*Cỏ liêm kia lan mộ khắp nơi.*

*Ở đây vắng mặt chồng rồi.*

*Cùng ai ta nghỉ lẻ loi chốn này?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng.域 vu vực, mộ phần.息 túc, dừng, nghỉ

## CHƯƠNG III

- |      |                      |
|------|----------------------|
| 角枕粲兮 | 9. Giác châm xán hê! |
| 錦衾爛兮 | 10. Cẩm khâm lạn hê! |

予 美 亡 此  
誰 與 獨 旦

11. Dư mỹ vong thử,  
12. Thuỷ dữ độc đán?

*Dịch nghĩa*

9. Cái gôi trang sức bằng sừng tươi sáng thay!  
10. Cái mèn bằng gốm rực rõ thay,  
11. Chồng của ta không có ở nơi đây,  
12. Thì cùng ai mà ta phải nằm một mình đến sáng ở nơi đây?

*Dịch thơ*

*Chiếc gôi sừng xinh xinh bóng loáng,  
Mèn gốm thì tươi sáng đẹp thay!  
Chồng ta chẳng có nơi đây,  
Nằm cho đến sáng cùng ai một mình?*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 繢 xán, 爛 lạn, dáng đẹp đẽ tươi sáng. 獨旦 độc đán, ở một mình cho đến sáng.

CHƯƠNG IV

夏 之 日  
冬 之 夜  
百 歲 之 後  
歸 于 其 居

13. Hạ chi nhật,  
14. Đông chi dạ.  
15. Bách tuế chi hậu,  
16. Quy vu kỳ cư.

### *Dịch nghĩa*

13. Ngày mùa hè,
14. Đêm mùa đông.
15. Sau cuộc sống trăm năm,
16. Em chết đi và sẽ về chung một phần mộ của chàng.

### *Dịch thơ*

*Ngày mùa hè nhớ trông đằng đằng,  
Sầu canh dài thêm nang đêm đông.  
Trăm năm trọn kiếp má hồng.  
Nguyễn chôn một huyệt cùng chồng mà thôi.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. Ngày mùa hè dài, đêm mùa đông cũng dài. 居 cù (đọc cự cho hợp vận), mộ phần.

Ngày mùa hè, đêm mùa đông, ở một mình mà sâu tư cho nên càng thấm thiết. Nhưng ngày trở về của chồng không kỳ hạn, mà cũng còn có thể gặp được nhau. Phải cho đến chết để cùng theo nhau.

Trịnh thị nói rằng: Nói được những lời ấy là người đàn bà chuyên nhất, tiết nghĩa rất tột mực, ân tình rất chung tận.

## CHƯƠNG V

- |      |                       |
|------|-----------------------|
| 冬之夜  | 17. Đông chi dạ,      |
| 夏之日  | 18. Hạ chi nhật.      |
| 百歲之後 | 19. Bách tuế chi hậu, |
| 歸于其室 | 20. Quy vu kỳ thất.   |

### *Dịch nghĩa*

17. Đêm mùa đông.
18. Ngày mùa hè.
19. Sau cuộc sống trăm năm.
20. Em chết đi sẽ về chung một phần mộ của chàng.

### *Dịch thơ*

*Đêm đông dài sâu tư thêm nặng,  
Ngày mùa hè đãng đãng nhớ trông,  
Trăm năm trọn kiếp thuỷ chung.  
Nguyên chôn một huyệt cùng chồng mà thôi.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 室 thất, mộ phần.  
Thiên Cát sinh có 5 chương, mỗi chương 4 câu.

## BÀI THỨ 125

### CHƯƠNG I

采 蒺	Thái linh. (Đường phong 12)
采 蒺 采 蒺	1. Thái linh, thái linh,
首 陽 之 巍	2. Thủ dương chi diên.
人 之 爲 言	3. Nhân chi vì ngôn.
苟 亦 無 信	4. Cầu diệc vô tín.
舍 旃 舍 旃	5. Xả chiên xả chiên,
苟 亦 無 然	6. Cầu diệc vô nhiên.

人之爲言

7. Nhân chi vi ngôn,

胡得焉

8. Hồ đắc yên?

*Dịch nghĩa*

1. Hái cây linh hái cây linh.
2. Thì lên trên đỉnh núi Thủ Dương mà hái
3. Người ta nói như thế.
4. Cũng chờ tin theo.
5. Hãy bỏ qua lời ấy, hãy bỏ qua lời ấy.
6. Cũng chờ cho là phải.
8. Thì người tạo ra lời nói ấy.
8. Làm sao được kết quả gì?

*Dịch thơ*

*Hái rau linh hởi những ai.*

*Ở trên đỉnh Thủ Dương này tìm ra*

*Có người nói thế đây mà.*

*Xin ai chờ vội nghe qua tin lời.*

*Xin ai gạt bỏ đi thôi.*

*Chờ cho là phải để rồi xét suy.*

*Người ta bịa nói thế thi.*

*Làm sao được kết quả gì, ai ơi?*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý 巍 diên (đọc đàiu cho hợp vần), đỉnh núi 旗 chiên, cái đó.

Đây là bài thơ châm biếm người ta ưa nghe lời gièm pha. Nói anh muốn hái cây linh ở đỉnh núi Thủ dương không?

Nhưng người ta lấy lời ấy mà nói với anh, anh chớ vội tin vậy. Anh chỉ bỏ qua chớ vội cho là phải, rồi thủng thảng xét xem nghe ngóng mà phán đoán việc ấy, thì kẻ bày lời chẳng được kết quả gì, tất nhiên việc gièm pha phải dứt ngay.

Hoặc nói là thuộc hưng. Chương sau cũng phỏng theo đây.

## CHƯƠNG II

采 苦 采 苦

9. **Thái khổ, thái khổ.**

首 陽 之 下

10. **Thủ dương chi hạ.**

人 之 爲 言

11. **Nhân chi vi ngôn,**

苟 亦 無 與

12. **Cẩu diệc vô dũ.**

舍 旃 舍 旃

13. **Xả chiên, xả chiên!**

苟 亦 無 然

14. **Cẩu diệc vô nhiên.**

人 之 爲 言

15. **Nhân chi vi ngôn,**

胡 得 焉

16. **Hô đặc yên?**

### *Dịch nghĩa*

9. Há rau đắng, há rau đắng.

10. Thì đến dưới núi Thủ Dương mà hái.

11. Người ta nói như thế.

12. Cũng chớ cho là được.

13. Hãy bỏ qua lời nói ấy, hãy bỏ qua lời nói ấy!

14. Cũng chớ cho là phải.

14. Thì người tạo ra lời nói ấy.

16. Làm sao được kết quả gì?

### *Dịch thơ*

*Hái tìm rau dǎng hởi người*

*Dưới chân núi Thủ Dương thời có ngay.*

*Có người dā nói thế này.*

*Chớ cho là được lǎng tai tin vào.*

*Chớ nghe hāy gạt bỏ mau.*

*Chớ cho là phải, chờ sau xét lời.*

*Phao đòn bìa đặt những người.*

*Tạo thành kết quả gì rồi được chǎng?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý. 苦 khổ, rau dǎng, mọc ở ruộng núi và trong ao đầm, được sương thì ngọt giòn và ngon. 與 dǔ, cho được.

### CHƯƠNG III

采葑采葑

**25. Thái phong, thái phong!**

首陽之東

**26. Thủ dương chi đông.**

人之爲言

**27. Nhân vi chi ngôn,**

苟亦無從

**28. Cẩu diệc vô tùng.**

舍旃舍旃

**29. Xả chiên, xả chiên!**

苟亦無然

**30. Cẩu diệc vô nhiên.**

人之爲言

**31. Nhân chi vi ngôn,**

*Dịch nghĩa*

25. Hái rau phong, hái rau phong!
26. Ở phía đông núi Thủ dương.
27. Người ta nói như thế,
28. Cũng chớ nghe theo.
29. Hãy bỏ qua lời ấy, hãy bỏ qua lời ấy!
30. Cũng chớ cho là phải!
31. Thì người tạo ra lời nói ấy.
32. Làm sao được kết quả gì?

*Dịch thơ*

*Hái rau phong, hái rau phong.  
Thủ dương mặt núi phía đông có mà.  
Thế kia người đã nói ra.  
Cũng đừng quá vội nghe qua tin lòng.  
Xin ai gạt bỏ cho xong  
Chớ cho là phải để phòng xét soi.  
Người ta bịa nói mấy lời,  
Được nên kết quả gì rồi ai ơi?*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý. 從 tùng, nghe theo.  
Thiên Thái linh có 3 chương, mỗi chương 8 câu.  
Thơ quốc phong nước Đường có 12 thiên, 33 chương, 203 câu.

## 11. TÂN PHONG.

Tân là tên nước Tân. Theo sách *Vũ cõng* nước Tân đất ở khu vực Ung châu, gần núi Điểu thủ sơn.

Xưa ông Bá Ích giúp vua Vũ có công trị nạn lụt, được cho họ là Doanh thị, ở đất Tây Nhụng để bảo vệ biên thuỳ phía tây.

Cháu sáu đời là Đại Lạc sinh ra Thành và Phi Tử. Phi Tử phụng sự vua Chu Hiếu vương nuôi ngựa ở khoảng sông Khiên sông Vị. Ngựa sinh sản rất nhiều, Phi Tử được Hiếu vương phong cho nước phụ dung (nước nhỏ phụ thuộc vào nước chư hầu) ở đất Tân.

Đến thời Chu Tuyên vương, rợ Khuyển Nhụng tiêu diệt dòng họ của Thành, Tuyên vương mới sai cháu ba đời của Phi Tử là Tân Trọng làm quan đại phu, đánh Tây Nhụng, đã không thắng lại bị giết.

Đến khi U vương bị rợ Tây Nhụng và Khuyển Nhụng giết, Bình vương nhà Chu dời về phương đông, cháu của Tân Trọng là Tương công đem binh bộ tống Bình vương, được Bình vương phong Tương công làm chư hầu. Bình vương nói rằng: Hễ đuổi được rợ Khuyển Nhụng thì sẽ được đất Kỳ đất Phong. Vì thế Tương công mới được cả kinh đô Tây Chu, ấy là đất kinh kỳ (kỳ nội) của thiển tử rộng 800 dặm.

Đến cháu bốn đời là Đức công lại dời về đất Ung.

Tần tức này là Tân châu. Ung nay là huyện Điện Bình, phủ Kinh Triệu.

### BÀI THÚ 126

#### CHƯƠNG I

車 鄭

Xa lân. (Tân phong 1)

有車鄰鄰  
有馬白顛  
未見君子  
寺人之令

1. Hữu xa lân lân,
2. Hữu mā bạch diên.
3. Vị kiến quân tử,
4. Tự nhân chi linh.

### *Dịch nghĩa*

1. Có nhiều xe chạy rầm rầm,
2. Có nhiều ngựa trán trắng.
3. Lúc chưa được gặp vua,
4. Thì khiến quan nội giám (hoạn quan) thông báo trước (sau sẽ được vua cho yết kiến).

### *Dịch thơ*

*Xe vua chạy rầm rầm vang dậy,  
Ngựa của vua trán thấy trắng lông.  
Khi chưa gặp được mặt rồng.  
Khiến quan nội giám vào thông báo giùm.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú.鄰鄰 *lân lân*, tiếng nhiều xe chạy rầm rầm.白顛 *bạch diên* (đọc *dân* cho hợp vận), trán có lông trắng, nay gọi là tảng (trán trắng).君子 *quân tử*, chỉ vua Tần.寺人 *tự nhân*, quan nhỏ trong cung.令 *linh*, sai khiến.

Lúc ấy vua Tần mới có xe ngựa và viên quan nhỏ ấy hầu hạ trong cung. Người nào muốn gặp vua Tần, thì trước tiên phải khiến vị quan nhỏ ấy thông báo. Cho nên người trong nước mới thấy lần đầu mà khoe khoang khen ngợi.

## CHƯƠNG II

阪 有 漆	5. Phản hữu tất,
隰 有 栗	6. Tháp hữu lật.
既 見 君 子	7. Ký kiến quân tử,
並 坐 鼓 瑟	8. Tịnh toạ cổ sắt.
今 者 不 樂	9. Kim giả bất lạc,
逝 者 其 璞	10. Thệ giả kỳ diệt.

### *Dịch nghĩa*

5. Bờ dốc núi có cây sơn.
6. Chỗ tháp có cây lật.
7. Đã gặp được vua.
8. Thì cùng ngồi chung mà đánh đòn sắt.
9. Nếu nay mà không vui lòng (không làm quan cho
- Tân)
10. Thì người bỏ đi (để tìm triều đình nước khác) sẽ già nua mà thôi (cũng chưa gặp triều đình mà vua tôi thân mật như thế).

### *Dịch thơ*

*Cây sơn đều lên nơi triền dốc,  
Dưới tháp thì lật mọc tốt tươi.  
Đến khi gặp được vua rồi,  
Du dương đòn sắt đều ngồi gẩy chung.  
Nếu nay chẳng vui lòng hợp tác,  
Đến già tìm triều khác để bằng?*

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng. *疊 diệt* (đọc đậm cho hợp vận), già 80 tuổi.

Ở dốc núi thì có cây sơn, ở dưới tháp thì có cây lật. Đã gặp vua rồi thì cùng ngồi với vua mà đánh đàn sắt. Nếu nay không vui lòng (không vui lòng làm quan cho nhà Tần) thì người cứ bỏ đi mãi cho đến tuổi già (cũng chưa gặp triều đình nào mà vua tôi thân mật với nhau như thế).

### CHƯƠNG III

阪 有 桑

11. Phản hữu tang,

隰 有 楊

12. Tháp hữu dương.

既 見 君 子

13. Ký kiến quân tử,

並 坐 鼓 簞

14. Tịnh toạ cổ hoàng.

今 者 不 樂

15. Kim giả bất lạc,

逝 者 其 亡

16. Thệ giả kỳ vong.

### Dịch nghĩa

11. Bờ dốc núi thì có cây dâu,

12. Chỗ tháp thì có cây dương.

13. Đã gặp được vua.

14. Thì cùng ngồi chung mà thổi sáo

15. Nếu nay mà không vui lòng (không làm quan cho nhà Tần).

16. Thì người bỏ đi mãi cho đến lúc chết (cũng chưa gặp triều đình mà vua tôi thân mật như thế).

*Nơi bờ núi dâu đà chen gốc,  
Dưới thấp thi dương mọc rướm rà.  
Đến khi gặp được vua ta  
Du dương tiếng sáo ngoài mà thổi chung.  
Nếu nay chẳng vui lòng ở lại.  
Đến chết mà đi mãi nào hơn.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng 簡 hoàng, miếng lưỡi gà trong ống sáo, thổi ống sáo thì miếng lưỡi gà ấy khua động mà phát ra tiếng.

*Thiên Xa lân có 3 chương, 1 chương 4 câu, 2 chương 6 câu.*

BÀI THỨ 127

CHƯƠNG I

駟 賴	Tứ thiết. (Tần phong 2)
駟 賴 孔 阜	1. Tứ thiết khổng phụ,
六 燭 在 手	2. Lục bí tại thủ.
公 之 媚 子	3. Công chi my tử,
從 公 于 狩	4. Tùng công vu thủ.

*Dịch nghĩa*

1. Bốn con ngựa đen rất mập mạp to lớn,

2. Sáu dây cương nắm ở trong tay.
3. Những người thân ái của vua,
4. Cùng theo vua mà đi săn.

### *Dịch thơ*

*Xe bốn ngựa mập to đen sậm,  
Sáu dây cương đã nắm trong tay.  
Hồi người thân mến những ai.  
Cùng theo săn bắn dịp này với vua.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 驥驥 tú thiết, bốn con ngựa đều đen như màu sắt. 孔 khổng, rất. 阜 phu, mập to. 六轡 lục bí, hai con ngựa thảng ở ngoài và hai con ngựa thảng ở trong, mỗi con đều có 2 sợi cương (tức là có 8 sợi cương tất cả), nhưng hai sợi cương của ngựa thảng ở trong đã mắc vào đồ để nắm dây cung mà bắn tên, rồi cho nên chỉ còn có 6 sợi cương ở tay mà thôi. 媚子 my tử, những người mà vua thân ái.

Đây cũng là ý của bài trước (*Xa Lân*, Tân phong 1)

## CHƯƠNG II

奉時辰牡  
辰牡孔碩  
公曰左之  
舍拔則獲

5. Phụng thì thời mẫu,
6. Thời mẫu khổng thạc
7. Công viết tả chi,
8. Xả bạt tắc hoạch.

## *Dịch nghĩa*

5. Hiến dâng loài thú đực của mùa ấy.
6. Loài thú đực của mùa ấy rất mập mạp to lớn.
7. Vua bảo đánh xe qua bên trái của con thú đang săn,
8. Vua buông chót tên để bắn thì trúng ngay.

## *Dịch thơ*

*Đuổi hiến vua những con thú đực,*

*Thú mập to đúng thức theo mùa.*

*Vua rằng sang trái đuổi lùa.*

*Buông tên nhắm bắn thì vừa trúng ngay.*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 時 thi, là 辰 thời, mùa, lúc 牡 mǎu, con thú đực 辰 牡 thời mǎu, những con thú đực tuỳ theo mùa, mùa đông thì hiến loài chó sói, mùa hạ thì hiến loài nai to, mùa xuân mùa thu thì hiến loài hươu, loài heo. 奉 phung, hiến dâng. Quan coi về săn bắn đuổi những loài thú theo mùa ấy để chờ vua bắn. 積 thạc (đọc thược), mập mạp to lớn. 公曰左之 công viết tả chi, vua bảo quan đánh xe cho chạy bên trái của loài thú, bởi vì có như thế thì bắn tất nhiên trúng phía tả con thú, mới là trúng cách thức giết thú theo lệ đi săn ngày xưa. Phép thứ 5 về đánh xe (1. Minh hoà loan. 2 Trục thuỷ khúc. 3. Quả quân biếu. 4. Vũ giao cù. 5. Trục cầm tả) gọi là trục cầm tả là cờ ấy. 拔 bat, chót cây tên. Vua bảo đánh xe qua bên trái con thú đang đuổi rồi giương cung buông chót tên thì không bao giờ không được con thú ấy. Ý nói thú để săn thì nhiều, đánh xe bắn tên thì giỏi.

### CHƯƠNG III

遊于北園

9. Du vu bắc viên,

四馬既閑

10. Tứ mã ký nhàn.

輶車鸞鑣

11. Dó xa loan tiêu,

載獫歇驕

12. Tải liệm yết hiêu.

#### *Dịch nghĩa*

9. Đi dạo ở vườn phía bắc.

10. Bốn ngựa đều đã tập quen.

11. Chiếc xe nhẹ để đuổi theo thú có mắc chuông ở hàm thiết ngựa.

12. Có chở chó săn, loại mỏ dài loại mỏ ngắn.

#### *Dịch thơ*

*Vườn phía bắc lại đi dạo khắp,*

*Bốn ngựa đều luyện tập đủ đầy.*

*Chuông đeo hàm ngựa vang đầy,*

*Chó săn mỏ ngắn mỏ dài chở chung.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. Việc đi săn đã dứt, cho nên mới đi dạo chơi ở khu vườn phía bắc. 閑 nhàn (đọc hiền cho hợp vận), tập quen. 輶 do, nhẹ. 鳳 loan, cái chuông, bắt chước theo tiếng kêu của chim loan. 鑣 tiêu, hàm thiết ngựa. Xe nhẹ để đuổi theo thú khi săn bắn thì chuông mắc vào hai bên hàm thiết ngựa. Còn xe để vua đi thì chuông loan mắc ở cây ách, chuông hoà mắc ở cây thức (cây ngang ở trước xe). 獫 liệm, 攷

驕 *yết hiêu* đều là tên loài chó săn, loài mỏ dài gọi liệm, mỏ ngắn gọi yết hiêu. Lấy xe chở chó săn là để cho chó được nghỉ dưỡng sức. Bài ký ở bức họa của Hàn Dū có nói người cõi ngựa ôm bồng con chó săn, cũng là giống việc này (Chở và bồng đều là ý dưỡng sức cho chó).

*Thiên Tứ thiết có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THÚ 128

### CHƯƠNG I

小 戎	Tiểu nhung. (Tân phong 3)
小 戎 僕 收	1. Tiểu nhung tiễn thu,
五 素 梁 朝	2. Ngũ mộc lương chu,
游 環 脅 驅	3. Du hoàn hiệp cúc.
陰 鞠 盍 繢	4. Âm dãm ốc tục,
文 茵 暢 穀	5. Văn nhàn sướng cốc,
駕 我 麒 犀	6. Giá ngā kỳ chúc.
言 念 君 子	7. Ngôn niệm quân tử,
溫 其 如 玉	8. Ôn kỳ như ngọc,
在 其 板 屋	9. Tại kỳ bản ốc,
亂 我 心 曲	10. Loạn ngā tâm khúc.

### *Dịch nghĩa*

1. Xe binh có cái thùng cạn thấp,
2. Cái càng xe ở giữa có năm chỗ bọc da để trang sức.

3. Có khoen lòn dây cương ở lưng ngựa, có dây ngăn giữa ngựa trong và ngựa bìa.
4. Dây kéo cột từ ván xe có khoen bạc để nối lại,
5. Nệm rắn bằng da cọp, còn đùm bánh xe thì dài.
6. Thắng vào ngựa màu xanh đen và ngựa chân trái trắng của ta.
7. Nói rằng em nhớ chàng.
8. Chàng ôn hòa như ngọc.
9. Chàng chinh phạt rợ phía tây đang ở trong nhà ván của rợ Tây nhung.
10. Khiến những nỗi ngoắt nghéo trong lòng em bối rối lên.

### *Dịch thơ*

*Xe binh thì cái thùng cạn nhỏ.  
Càng xe thêm năm chõ bọc da,  
Khoen lưng, dây cột ngăn ra,  
Có khoen bạc để dây da nối vào.  
Đùm thì dài, nệm bao da hổ,  
Thắng ngựa kỳ, ngựa chú của ta.  
Chàng ôi! Em nhớ thiết tha,  
Tinh chàng như ngọc ôn hòa dẽ thương,  
Ở nhà ván chàng đương tạm trú,  
Khiến lòng em sâu khổ rồi bời.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 小戎 tiếu nhung, xe binh 儒 tiển, cạn 收 thu, cây chắn, nói cây ngang ở trước và ở sau xe để chửa những vật chở trên xe. Phàm pháp chế làm xe, xe đều

rộng 6 thước 6 tấc, xe chạy trên đất bằng để chờ dỗ là xe to, thì cây chắn sâu 8 thước. Còn xe bình thì cây chắn sâu 4 thước 4 tấc, cho nên gọi tiểu nhung tiền thu. 我 ngã, nǎm chỗ bịt lại bằng da. 梁 mộc, dáng có van vê. Năm chỗ bịt da cho có vân vê trên cây còng xe. 梁朝 lương chu, cây còng xe (để mắc ngựa ở hai bên) từ miếng ngang phía trước xe thi hoi cong lên trên cây, và đến đòn ách thì chuí xuống mà móc vào đáy, cây đòn ách đặt ngang thấp hơn cây còng xe. Cây còng xe thì hình cong gỗ khum lên như cái rường nhà (cho nên gọi lương), lại lấy da bọc vào 5 chỗ (gọi mộc) trên còng xe ấy cho có vân vê. 游環 du hoàn, cái khoen ở trên dây nơi lưng ngựa. Lấy da làm khoen đặt trên lưng của hai con ngựa thăng ở trong. Cái khoen ấy dời đổi tới lui không chỗ nhất định, rồi đưa sợi cương phía ngoài của hai con ngựa thăng ở bìa xâu vào đáy mà cầm, để chế ngự hai con ngựa ở bìa, khiến chúng không thể tách ra ngoài được. Sách Tả truyện nói: *Như sam chi hữu cấn* (như ngựa thăng ở bìa có dây cấn) là đáy. 駕驅 hiếp khu, cũng lấy da làm dây ấy, ở phía trước thì cột vào cây đòn ách, ở phía sau thì cột vào hai đầu cây ngang xe. Dây hiếp khu giăng ở ngoài hông ngựa thăng ở trong, để cản ngựa thăng ở bìa không được lẩn vô trong. 險 âm miếng ván âm che miếng phạm. Phạm là miếng gỗ đặt ở trước cây thức (là cây đòn dựa ở trước mặt xe). Lấy ván đặt ngang ở trước và ở bên hông để che miếng phạm, vì bóng tối miếng ván ấy giội vào miếng phạm cho nên gọi là âm (âm là bóng tối). 鞍 dǎn, lấy hai miếng da, ở trước thì cột vào cổ ngựa bìa, ở sau thì cột vào phía trên miếng ván âm. 鑿續 ốc tục (khoen mạ bạc để nối dây dǎn), trên miếng ván âm có chỗ nối dây dǎn. Nấu bạc mạ lên cái khoen ấy để trang sức cho đẹp, vì cây đòn ách dài 6 thước 6 tấc chỉ vừa đủ cho hai con ngựa thăng ở trong, còn cổ của hai con ngựa thăng ở bìa thì không được mang vào cây đòn ách, cho nên mới lấy riêng hai sợi dây dǎn để cho kéo láy xe, dây dǎn cũng gọi là dây cấn. Sách Tả

truyện nói: *Lưỡng dây tương tuyệt* (hai sợi dây dẫn sắp đứt) là dây. 文茵 *văn nhán*, nệm bằng da cọp (có văn) để ngồi, lót trên xe. 暢 *sương*, dài. 穀 *cốc* (đọc *hưu*), cái đùm tròn ở giữa bánh xe, phía ngoài thì chịu những cây cǎm, phía trong thì chịu cây trục xâu vào. Cái đùm của xe to dài một thước rưỡi, còn cái đùm của xe binh thì dài 3 thước 2 tấc, cho nên xe binh gọi là sương cốc (xe đùm dài). 駒 *kỳ*, rắn ngựa kỳ màu xanh đen. 獄 *chú*, ngựa chân sau bên trái màu trắng. 君子 *quân tử*, tiếng vợ gọi chồng. 溫其如玉 *ôn kỳ như ngọc*, lời khen tặng chồng ôn hoà như ngọc. 板屋 *bản ốc*, tục của giống rợ Nhung ở phía tây lấy ván làm nhà (nhà bằng ván gỗ)... 心曲 *tâm khúc*, chỗ ngoắt nghéo trong lòng. 西戎 *Tây Nhung*: rợ phía tây, là kẻ thù không đội trời chung của tôi con nước Tần.

Tương công nước Tần, vâng mạng lệnh của thiên tử nhà Chu đốc suất người trong nước đi đánh rợ Tây Nhung. Cho nên người nhà của kẻ đi đánh giặc, trước thì khoe binh xa áo giáp nhiều như thế, sau thì kẻ nỗi tình riêng. Vì rằng vì nghĩa mà dâng binh, thì dẫu đàn bà con gái cũng biết mạnh dạn xông ra cự địch mà không hề oán than.

## CHƯƠNG II

四 牡 孔 阜

11. Tứ mẫu khổng phụ,

六 彎 在 手

12. Lục bí tại thủ,

麒 麟 是 中

13. Kỳ lưu thị trung.

驕 驕 是 驕

14. Qua ly thị sâm.

龍 盾 之 合

15. Long thuẫn chi hạp,

鑊 以 飾 軺

16. Ốc dĩ quyết nạp.

言念君子  
溫其在邑  
方何爲期  
胡然我念之

17. Ngôn niệm quân tử,
18. Ôn kỳ tạp ấp.
19. Phương hà vi kỳ?
20. Hồ nhiên ngã niệm chí?

### *Dịch nghĩa*

11. Bốn con ngựa đực rất to lớn mập mạp,
12. Sáu sợi dây cương nắm trong tay.
13. Ngựa xanh đen và ngựa đỗ bờm đen thì thắng ở trong.
14. Ngựa vàng mõm đen và ngựa ô thì thắng ở ngoài.
15. Những cái thuẫn có vẽ rồng hợp chung lại chở trên xe.
16. Khoen có cán đê gắn vào cùng mạ bạc đê xâu dây cương.
17. Em nhớ đến chàng.
18. Chàng ôn hoà đang ở nơi áp ngoài biên giới phía tây.
19. Sẽ là lúc nào chàng trở về?
20. Sao em nhớ chàng quá?

### *Dịch thơ*

*Bốn ngựa thì mập cao to lớn,  
Sáu dây cương nắm trọn uy nghi.  
Hai trong thắng ngựa lưu, kỳ.  
Hai ngoài thì ngựa qua, ly thắng vào.  
Cùng vẽ rồng hợp nhau hai thuẫn.  
Khoen bạc thì xâu những dây cương.  
Chàng ôi! Em nhớ em thương.*

Ở ngoài biên áp, tình chàng ôn nhu.

Sẽ ngày nào liệu trù trở lại?

Sao khiến em cứ mãi nhớ trong?

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 驕 *lulu*, ngựa đỏ, lông bờm đen.<sup>1/1</sup> 驕 *trung*, hai con ngựa thảng ở trong. 驕 *qua*, ngựa vàng mõm đen. 驕 *ly*, ngựa ô. 盾 *thuǎn*, cái mộc để che đỡ, có vẽ hình con rồng ở trên, hợp chung lại mà chở, để che đỡ phía trên xe, át chở hai cái là để dự bị có cái hư. 箓 *quyết*, cái khoen có cán (lưỡi để xiết vào xe). 纓 *nạp*, dây cương phía trong của ngựa bìa. Đặt cái khoen có cán ấy ở trước cây đòn dựa trước mặt xe để cột dây cương phía trong của ngựa bìa, cho nên gọi là quyết nạp, và cũng mạ bạc để trang sức. 置 *áp*, áp ở biên giới phía tây. 乃 *phương*, sê. Sẽ lúc nào chàng trở về vậy? Sao khiến lòng em quá nhớ tưởng?

## CHƯƠNG III

僕 駕 孔 群

21. Tiển tử khổng quân,

公 矛 盾 鍔

22. Cầu mâu ốc đội.

蒙 伐 有 菴

23. Mông phạt hữu uyển.

虎 軛 鏤 膚

24. Hổ sương lậu ưng.

交 軛 二 弓

25. Giao sương nhị cung

竹 閉 緺 膝

26. Trúc bế cốn đằng.

言 念 君 子

27. Ngôn niệm quân tử.

載 寢 載 興

28. Tái tâm tái hưng.

厭 厥 良 人

29. Yêm yêm lương nhân,

秩 秩 德 音

30. Trật trật đức âm.

### *Dịch nghĩa*

21. Bốn ngựa (kéo xe) mặc giáp mỏng rất điều hòa với nhau.

22. Cây mâu lưỡi ba góc có mạ bạc ở cạnh dưới.

23. Cái thuẫn có vẽ lông lộn xộn cho có vân vẻ.

24. Bao cung thì bằng da cọp, dây đai ở ức ngựa có mạ vàng.

25. Hai chiếc cung thì để chéo nhau trong bao.

26. Có đồ giữ cung bằng tre và có dây thừng buộc lại.

27. Em nhớ đến chàng,

28. Khi ngủ khi thức (cứ không yên).

29. Chàng thì tính tình yên tĩnh,

30. Chàng nói năng trật tự đàng hoàng.

### *Dịch thơ*

*Mặc giáp mỏng điều hòa bốn ngựa,*

*Mạ bạc trong sáng sủa lưỡi mâu.*

*Thuẫn thì lông vẽ nhiều màu.*

*Dây đai vàng chói, cung bao da hùm.*

*Trong một bao, hai cung chéo lại.*

*Kep bằng tre, dây mài buộc ràng.*

*Chàng ơi!. Em cứ nhớ chàng,*

*Những khi thức ngủ nào an dạ này.*

*Tính yên lặng thường ngày chàng giữ,*

*Chàng nói năng trật tự đàng hoàng.*

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 儒馴 *tiến tú*, bốn ngựa đều có giáp làm bằng sắt mỏng, là muốn cho ngựa được nhẹ nhàng và dễ luyện tập xoay trỏ. 孔 *khổng*, rất 群 *quần*, điều hoà. 亟 *cầu* mâu, cây mâu lưỡi ba góc. 鑾鍾 *ốc đội* (đọc *chuân* cho hợp vận), lấy bạc mạ lên cạnh bằng ở dưới của lưỡi mâu ba góc. 矧 *mông*, lộn xộn nhiều thứ. 伐 *phạt*, cây thuẫn, tên riêng của cây thuẫn. 簕 *uyển* (đọc *uân* cho hợp vận), dáng có văn vẻ. Về nhiều thứ lông lộn xộn trên cái thuẫn. 虎帳 *hổ sương*, lấy da cọp, làm cái bao đựng cung. 鎏膺 *lâu ưng*, lấy vàng mạ sợi dây đai ở ức con ngựa. 交帳 *giao sương*, để hai cây cung chéo nhau ở trong cái bao đựng cung. Nói đặt yên, cái ngã qua, cái ngã lại, át là có hai cây cung, để dự bị có cây nào hư thì thay. 闭 *bế*, đồ kẹp để giữ cung cho không hư. Sách Nghi lễ viết là 閔 *bí*. 索 *cồn*, sợi dây thừng. 槁 *đằng*, buộc. Lấy tre làm đồ kẹp để giữ cung, lấy dây thừng buộc lại với cây cung đã tháo dây. Cái đồ kẹp ấy sẽ khiến cây cung được ngay. 載寢載興 *tái tẩm tái hưng* (khi ngủ khi dậy), nói nhở chàng thâm thiết, khi ăn uống khi thức ngủ không yên. 慊厭 *yêm yém*, lặng lẽ, yên tĩnh. 秩秩 *trật trật*, trật tự, có thứ tự.

*Thiên Tiêu nhung* có 3 chương, mỗi chương 10 câu.

## BÀI THÚ 120.

### CHƯƠNG I

- |      |                            |
|------|----------------------------|
| 蒹葭   | Kiêm gia. (Tân phong 4).   |
| 蒹葭蒼蒼 | 1. Kiêm gia thương thương, |
| 白露爲霜 | 2. Bạch lộ vi sương.       |
| 所謂伊人 | 3. Sở vị y nhân,           |

在 水 一 方	4. Tại thuỷ nhất phương.
溯 涣 從 之	5. Tố hồi tùng chi,
道 阻 且 長	6. Đạo trở thả trường,
溯 游 從 之	7. Tố du tùng chi,
宛 在 水 中 央	8. Uyển tại thuỷ trung ương.

### *Dịch nghĩa*

1. Lau lách rướm rà xanh tốt,
2. Móc trăng làm sương,
3. Người mà mình nói đến
4. Thì ở về một phương nào của vùng nước mênh mông.
5. Đi ngược dòng mà theo cùng,
6. Đường đi hiểm trở lại xa dài.
7. Đi xuôi dòng mà theo cùng.
8. Thì thấy nghiêm nhiên ở giữa vùng nước mênh mông ấy (mà không thể đến gần được).

### *Dịch thơ*

*Lau lách xanh tươi và rậm rạp,*

*Móc làm sương phủ khắp mọi nơi.*

*Người mà đang nói hiện thời,*

*Ở vùng nước biếc cách vời một phương.*

*Vì ngược dòng tìm đường theo mai,*

*Đường càng thêm trở ngại xa xôi.*

*Thuận dòng theo đến tận nơi,*

*Giữa vùng nước biếc, thấy người ở trong.*

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. *蒹 kiêm*, giống cỏ hoàn (loài vị lô) mà nhỏ hơn, cao vài thước, cũng gọi là cỏ liêm. *葭 gia*, cỏ lau. Lau lách chưa rụi, mà mốc đã rơi xuống thành sương, mùa nước tiết thu đã đến, là mùa mọi con sông đều đổ vào Hoàng Hà. *伊人 y nhân*, như nói người kia. *溯洄 tó hồi*, ngược dòng mà đi lên. *溯游 tó du*, thuận dòng mà đi xuống. *宛然 uyển nhiên*, dáng thấy nghiêm nhiên ở đấy. *在水之中央 tại thuỷ chi trung ương* (ở chính giữa vùng nước), nói gần kề đấy mà không thể đến được. — *一方 nhất phương*, một phương nào kia.

Nói mà nước tiết thu vừa đây đấy, người mà đang nói đến kia lại ở về một phương nào của vùng nước mênh mông lai láng. Đi ngược lên hay đi xuôi xuống thì đều không gặp được. Nhưng không biết chỉ về ai mà nói thế.

## CHƯƠNG II

蒹葭淒淒  
白露未晞  
所謂伊人  
在水之湄  
溯洄從之  
道阻且躋  
溯游從之  
宛在水中坻

9. *Kiêm gia thê thê*,
10. *Bạch lô vị hy*,
11. *Sở vị y nhân*,
12. *Tại thuỷ chi my*.
13. *Tó hồi tùng chi*,
14. *Đạo trở thả tê*.
15. *Tó du tùng chi*,
16. *Uyển tại thủy trung trì*.

### Dịch nghĩa

9. Lau lách rướm rà xanh tót,

10. Móc trăng chưa khô.
11. Người mà mình nói đến.
12. Ở bên bờ nước (湄 my, bờ nước)
13. Đi ngược dòng mà theo cùng,
14. Đường đi hiểm trở lại dốc cao lên.
15. Đi xuôi dòng mà theo cùng,
16. Thì thấy nghiêm nhiên ở giữa cồn nhỏ trong vùng nước.

### *Dịch thơ*

*Lau lách vẫn rướm rà tươi tắn,  
 Móc chưa khô rợp trăng phủ dày,  
 Người mình đang thót lời đây,  
 Ở bên bờ nước chốn này đó thôi.  
 Ví ngược dòng mà noi theo mãi,  
 Đường dốc cao trở ngại vô cùng.  
 Tiến theo mà cứ thuận dòng,  
 Thấy nơi cồn nọ giữa vùng nước xanh.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú.淒淒 thê thê như 蒼蒼 thương thương, rướm rà xanh tốt.晞 hy, khô ráo.躋 tê, thăng lên, ý nói khó đến được.抵 tri, cái cồn nhỏ.

## CHƯƠNG III

蒹葭采采

17. Kiêm gia thái thái

白露未已

18. Bạch lộ vị dī.

所 謂 伊 人	19. Sở vị y nhân,
在 水 之 淢	20. Tại thuỷ chi sī,
溯 洄 從 之	21. Tố hồi tùng chi,
道 阻 且 右	22. Đạo trở thả hữu.
溯 游 從 之	23. Tố du tùng chi,
宛 在 水 中 洄	24. Uyển tại thuỷ trung chi.

### *Dịch nghĩa*

17. Lau lách rướm rà có thể cắt được,
18. Sương trắng chưa dứt.
19. Người mà mình nói đến
20. Thì ở bên bờ nước (涣 sī, bờ nước).
21. Đi ngược dòng mà theo cùng.
22. Đường đi hiểm trở lại rẽ sang tay mặt.
23. Đi xuôi dòng mà theo cùng,
24. Thì thấy nghiêm nhiên ở giữa cồn nhỏ.

### *Dịch thơ*

*Lau lách xanh tươi vừa đẽ cắt,  
Móc trắng thì chưa dứt còn rơi.  
Người mình đang thốt mấy lời,  
Ở bên bờ nước ắt nơi đấy mà.  
Ví ngược dòng tiến xa theo mãi.  
Đường rẽ sang mặt lại trở ngăn.  
Thuận dòng nếu cứ theo lân,  
Nghiêm nhiên thấy giữa cồn gân đó thôi.*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 采采 *thể thể*, nói lau lách rướm rà có thể cắt hái được. 已 *dī*, dứt, xong. 石 *hūu*, không chạy thẳng mà sẽ sang bên mặt. 汗 *chǐ*, cái cồn nhỏ.

*Thiên Kiêm gia* có 3 chương, mỗi chương 8 câu.

## BÀI THÚ 130

### CHƯƠNG I

終 南

*Chung nam. (Tân phong 5)*

終 南 何 有

1. Chung nam hà hữu?

有 條 有 梅

2. Hữu điêu hữu mai.

君 子 至 止

3. Quân tử chí chí,

錦 衣 狐 裘

4. Cẩm y hồ cầu.

顏 入 湿 丹

5. Nhan như ác đơn,

其 君 也 誠

6. Kỳ quân dã tai!

### *Dịch nghĩa*

1. Núi Chung nam có gì?
2. Có cây điêu có cây mai.
3. Vua đi đến dưới núi Chung nam
4. Mặc áo gấm (có xăn tay áo cho lô) áo da chồn.
5. Sắc mặt của vua hồng hào như dâm màu đỏ,
6. Xứng đáng là bức vua chúa vậy thay!

## *Dịch thơ*

*Núi Chung nam có gì nào?  
Có cây mai với cây điêu tốt tươi.  
Núi kia vua đến chân rồi,  
Áo cầu áo gấm chói ngời đẹp thay!  
Đầm son mặt đỏ hây hây.  
Bực làm vua chúa xứng thay thật mà!*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng 終南 *Chung nam*, tên núi, nay ở phía nam phủ Kinh Triệu 條 điêu, tên một thứ cây, tức là cây sơn thu, vỏ và lá màu trắng, sợi gỗ tốt đáng dùng làm ván xe. 君子 *quân tử*, chỉ vua Tần 至止 *chí chỉ*, đến dưới núi Chung nam. 錦衣狐裘 *cẩm y hồ cầu*, áo gấm và áo da chồn, y phục của chư hầu. Thiên Ngọc Tảo trong kinh Lễ nói rằng: Vua mặc áo trắng bằng da chồn, còn áo gấm (mặc ở ngoài) thì xanh ống tay áo (cho lộ áo da chồn ra thì trông rất đẹp). 湫 ác, ngâm, dầm trong nước 其君也哉 *kỳ quân dã tai* (dọc tê), nói dung mạo và y phục của vua rất xứng đáng với bực làm vua.

Đây nói lời của người nước Tần khen tặng vua của mình, cũng đồng một ý tú với thiên Xa lân, thiên Tứ thiết.

## CHƯƠNG II

終 南 何 有

7. Chung nam hà hữu?

有 紀 有 堂

8. Hữu kỷ hữu đường.

君 子 至 止

9. Quân tử chí chỉ,

黻 衣 繡 裳

10. Phát y tú thường.

佩 玉 將 將

11. Bội ngọc thương thương.

壽 考 不 忘

12. Thọ khảo bất vong.

### *Dịch nghĩa*

7. Núi Chung nam có những gì?

8. Có góc núi và có chỗ phẳng rộng.

9. Vua đi đến dưới núi Chung nam,

10. Áo phát (sọc xanh đen như hình chữ á) và quần  
thêu.

11. Tiếng dây ngọc đeo bên mình khua lên.

12. Mong vua được sống lâu dài.

### *Dịch thơ*

*Núi Chung nam có những gì?*

*Chỗ thi phẳng rộng, góc thi vút cao.*

*Đức vua chân núi tiến mau.*

*Quần thêu, áo phát mặc vào hiên ngang.*

*Ngọc đeo nghe tiếng khua vang,*

*Mong vui sống ở ngai vàng bền lâu.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 紀 kỷ, góc núi 堂 đường, chỗ phẳng rộng trên núi,黻 phát (sọc xanh đen thêu trên áo lê), hình trạng như chữ 亞 á, tức là hai chữ 己 kỷ đối nhau (Nguyễn Nguyên nói như hình hai chữ 丐 cung đối nhau).繡 tú, thêu. 將 將 thương thương, tiếng dây ngọc đeo bên mình

khua lén. 謹考不忘 *tho kháo bát vương*, sống lâu không dứt, muôn vua ở ngoài báu, mặc những y phục ấy. lâu dài sống mãi yên ổn.

*Thiên Chung nam* có 2 chương, mỗi chương 6 câu.

## BÀI THÚ 131

### CHƯƠNG I

黃 鳥	Hoàng điểu. (Tần phong 6)
交 交 黃 鳥	1. Giao giao hoàng điểu,
止 于 棘	2. Chỉ vu cúc.
誰 從 穆 公	3. Thuỳ tùng Mục công?
子 車 奄 息	4. Tử xa Yêm Túc.
維 此 奄 息	5. Duy thủ Yêm Túc,
百 夫 之 特	6. Bách phu chi đặc.
臨 其 穴	7. Lâm kỳ huyệt,
惴 慄 其 慄	8. Chuy chuy kỳ lật.
彼 蒼 者 天	9. Bỉ thương giả thiên,
殲 我 良 人	10. Tiêm ngā lương nhân.
如 可 賦 兮	11. Như khả thực hế!
人 百 其 身	12. Nhân bách kỳ thân

### *Dịch nghĩa*

1. Chim hoàng ly bay qua bay lại.
2. Đậu trên cây gai.

3. Ai chịu chết chôn sống theo Tân Mục công?
4. Có chàng Tử xa Yêm Tức.
5. Mà chàng Yêm Tức này.
6. (Là người hiền tài) trội hơn hết trong số trăm người.
7. Đến bên huyệt để bị chôn sống,
8. Chàng kinh hoảng sợ hãi.
9. Trời xanh kia ôi!
10. Đành giết bức hiền tài của ta!
11. Nếu có thể chuộc được chàng
12. (Người người đều nguyện) đem một trăm thân mình  
mà đổi một mạng chàng.

### *Dịch thơ*

*Chim hoàng ly bay qua bay lại,*

*Đậu cùng nhau trên mây cành gai.*

*Chết theo Tân Mục là ai?*

*Tử xa Yêm Tức, chàng trai nước Tân.*

*Yêm Tức này đem thân chôn sống.*

*Trong trăm người anh dũng trội cao,*

*Vừa kê bên huyệt bước vào.*

*Dáng người thiểu não ưu sầu hoảng kinh.*

*Vút tung cao trời xanh kia hời!*

*Nỡ giết người hiền giỏi nước ta.*

*Nếu cùng chuộc được chàng ra,*

*Trăm thân đổi mạng, ai mà tiếc đâu!*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hùng 交交 giao giao, dáng bay qua bay lại 從穆公 tung Mục công, chịu chết chôn sống theo Tân

Mục công. 子車 Tử xa, họ Tử xa. 奚 息 Yêm Túc, tên Yêm Túc. 特 *đặc*, tiếng gọi người trội hơn hết. 穴 huyệt (đọc *huật*), mồi 愚 儒 chuy chuy, dáng kinh sợ. 慄 lật, sợ hãi. 獄 tiêm, chết, giết. 良 lương, hiền tài. 贊 thục, chuộc.

Tần Mục công chết, ba người con họ Tử xa bị chôn sống theo đều là người hiền tài của nước Tần. Người nước Tần thương xót cho ba anh em họ Tử xa, mới làm bài thơ *Hoàng điểu* này để phô bày việc ấy. Việc này thấy ở truyện *Xuân thu*, tức đúng vào bài thơ này.

Nói rằng chim hoàng ly bay qua bay lại rồi đậu trên cây gai. Thế thì ai chịu chôn sống theo Tần Mục công? Thị có chàng Tử xa Yêm Túc. Nhân vì lấy điếu trông thấy mà khởi hứng. Đến bên huyệt mồ mà sợ hãi, là vì còn sống mà chịu bị chôn dưới mồ. Ba người con họ Tử xa đều là bực hiền tài của nước Tần mà một sớm phải bị giết. Nếu có thể lấy người khác thay, chuộc mạng được, thì người ta đều muốn lấy một trăm lần thân mình để đổi cho ba người họ Tử xa.

## CHƯƠNG II

交 交 黃 鳥

13. Giao giao hoàng điểu,

止 于 桑

14. Chỉ vu tang.

誰 從 穆 公

15. Thuỳ tùng Mục công?

子 車 仲 行

16. Tử xa Trọng Hàng.

維 此 仲 行

17. Duy thử Trọng Hàng,

百 夫 之 防

18. Bách phu chi phòng.

臨 其 穴

19. Lâm kỳ huyệt,

惴 慄 其 慄

20. Chuy chuy kỳ lật.

彼 蒼 者 天

21. Bỉ thương giả thiên!

- |      |                          |
|------|--------------------------|
| 殲我良人 | 22. Tiêm ngã lương nhân. |
| 如可贖兮 | 23. Như khả thục hế!     |
| 人百其身 | 24. Nhân bách kỳ thân.   |

### *Dịch nghĩa*

13. Chim hoàng ly bay qua bay lại.
14. Đậu trên cây dâu.
15. Ai chịu chết chôn sống theo Tân Mục công?
16. Có chàng Tử xa Trọng Hàng.
17. Mà chàng Trọng Hàng này.
18. (Là bực hiền tài) một mà có thể đương nổi trăm người.
19. Đến bên huyệt để bị chôn sống,
20. Chàng kinh hoàng sợ hãi.
21. Trời xanh kia ôi!
22. Đành giết bực hiền tài của nước ta!
23. Nếu có thể chuộc được chàng,
24. Người ta đều nguyện đem một trăm thân mình mà đổi mạng cho chàng.

### *Dịch thơ*

*Cứ lại qua hoàng ly bay mãi.*

*Rồi cùng nhau đậu lại cành dâu.*

*Chết theo Tân Mục ai nào?*

*Trọng Hàng họ Tử Xa sao chết đành?*

*Đây Trọng Hàng đem mình chôn sống,*

*Bực tài cao một chóng trăm người.*

*Huyệt mồ vừa bước đến nơi,*

Thời chàng phút đã rụng rời xiết bao!  
 Vút từng mây trời cao xanh ngắt  
 Nỡ giết người giỏi nhất nước này.  
 Nếu cùng chuộc được chàng ngay.  
 Trăm thân đổi mạng, ai rày tiếc chi.

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hùng phong, đương. Nói một người mà có thể đương nổi trăm người.

CHƯƠNG III

- |         |                           |
|---------|---------------------------|
| 交 交 黃 鳥 | 25. Giao giao hoàng điểu, |
| 止 于 楚   | 26. Chỉ vu sở.            |
| 誰 從 穆 公 | 27. Thuỳ tùng Mục công?   |
| 子 車 鍼 虎 | 28. Tử xa Kiêm Hổ.        |
| 維 此 鍼 虎 | 29. Duy thử Kiêm Hổ,      |
| 百 夫 之 离 | 30. Bách phu chi ngự.     |
| 臨 其 穴   | 31. Lâm kỳ huyệt,         |
| 惴 慄 其 慄 | 32. Chuy chuy kỳ lật,     |
| 彼 蒼 者 天 | 33. Bỉ thương giả thiên.  |
| 殲 我 良 人 | 34. Tiêm ngã lương nhân.  |
| 如 可 賦 兮 | 35. Như khả thực hế!      |
| 人 百 其 身 | 36. Nhân bách kỳ thân.    |

### *Dịch nghĩa*

25. Chim hoàng ly bay qua bay lại,
26. Đậu trên cây sở.
27. Ai chịu chết chôn sống theo Tần Mục công?
28. Có chàng Tử xa Kiêm Hổ,
29. Mà chàng Kiêm Hổ.
30. Là người hiền tài, một mình có thể đương nổi trăm người.
31. Đến bên huyệt để bị chôn sống.
32. Chàng kinh hoàng sợ hãi.
33. Trời xanh kia ơi!
34. Đành giết bực hiền tài của nước ta!
35. Nếu có thể chuộc được chàng,
36. Thì người ta nguyện đem một trăm lần thân mình mà đổi mạng cho chàng.

### *Dịch thơ*

*Chim hoàng ly lại qua bay lượt,*

*Bụi sở kia lần lượt đậu cùng,*

*Ai cam chết với Mục công?*

*Tử xa Kiêm Hổ người trong nước Tần.*

*Chàng Kiêm Hổ đem thân chôn sống,*

*Bực tài cao, một chống hằng trăm.*

*Bước đi lần đến huyệt hầm*

*Thì chàng phút đã kinh tâm hãi hùng.*

*Trời vút cao một vùng xanh biếc,*

*Người tài mà nỡ giết sao đang?*

*Nếu cùng chuộc được mạng chàng*

*Trăm thân xin đổi, còn mang tiếc chi.*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng.禦 ngự, như đương, chống.

*Thiên Hoàng điểu có 3 chương, mỗi chương 12 câu.*

Truyện *Xuân thu* chép: “Người quân tử nói rằng: Tân Mục công không làm minh chủ các chư hầu được, thì phải lâm thay! Khi chết lại giết dân (chôn sống theo)”.

Những bức vua đời trước, khi lìa trần còn để lại những phép tốt, huống hồ gì lại giết đến những người hiền tài hay sao? Nay đã không có phép tốt để truyền lại cho người kế vị, lại còn bắt những người tài giỏi đem giết theo, thì Tân Mục công khó mà lên đến ngôi cao được. Người quân tử nhân đầy mà biết rằng nước Tân không thể chinh phục miền đông được nữa.

Kẻ ngu này xét thấy Tân Mục công đối với việc ấy, tội lỗi không thể nào trốn tránh được.

Nhưng hoặc cho là Tân Mục công để lại mạng linh như thế, mà ba người con họ Tử xa phải tự sát để theo vua, thì ba người con họ Tử xa ấy cũng không phải là vô tội.

Nay quan sát những lời kinh hãi lúc đến mồ, thì hẳn là do Tân Khang công đã làm theo mạng linh của cha lúc hôn loạn, cưỡng bách ba người con họ Tử xa mà chôn xuống mồ, thì tội này đã có nơi đổ lỗi vậy.

Lại xét trong sách *Sử ký*, Tân Vũ công lúc chết, đầu tiên bắt chôn sống theo 66 người, đến Tân Mục công lại bắt 177 người chôn sống theo. Ba người con họ Tử xa cũng ở trong số ấy. Vì là thói ấy đầu tiên do phong tục của rợ Nhung Địch mà ra, và không được các bức minh vương hiền bá trừng trị tội ấy, cho nên cứ tập nhiễm theo thành lệ thường, thì dân Tân Mục công đã hiền đức cũng không tránh khỏi cái lệ ấy.

Kẻ bàn luận việc ấy cũng chỉ thương xót cho nỗi không may của ba người con họ Tử xa, mà than thở cho việc suy yếu của nước Tân.

Đến việc chính trị của thiên tử nhà Chu không giữ được  
giêng môi, các chư hầu thì tự chuyện, giết người mà không  
kiêng sợ gì, đến như thế cũng không ai biết đó là lầm lỗi vậy.  
Than ôi! Phong tục tệ hại ấy đã lâu rồi mà về sau, vào lúc  
chôn Tân Thuỷ hoàng, hậu cung đều bị chôn sống theo, các  
thợ khéo đều bị giam sống luôn trong mộ, thì còn lạ gì nữa  
vậy thay!

## BÀI THỨ 132

### CHƯƠNG I

晨 風	Thần phong, (Tân phong 7)
駟 彼 晨 風	1. Duật bỉ thần phong
鬱 彼 北 林	2. Uất bỉ bắc lâm.
未 見 君 子	3. Vị kiến quân tử,
憂 心 欽 欽	4. Ưu tâm khâm khâm.
如 何 如 何	5. Như hà? Như hà?
忘 我 實 多	6. Vong ngã thực đa?

### *Dịch nghĩa*

1. Chim cắt bay mau kia,
2. Bay về rừng phương bắc rậm rạp.
3. Chưa thấy đặng chàng.
4. Lòng ưu buồn không quên được.
5. Như thế nào? Như thế nào?
6. Chàng quên em thật quá nhiều vây?

## Dịch thơ

Vun vút bay kia con chim cắt,  
Bay về rừng phuong bắc rậm dày.  
Mặt chàng chẳng gặp những ngày,  
Lòng em bứt rút chàng khuây mạch sâu.  
Tại sao thê? Tại sao như thê?  
Nỡ quên em thật kẻ quá nhiều?

### Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng. 風 duật, dáng bay mau. 最風  
thần phong (đọc phâm cho hợp vận), chim cắt, loài diều loài ó  
(hay lượn theo gió bắt những giống chim nhỏ mà ăn). 風 uất,  
dáng rồm rà rậm rạp. 呵 jí quân tử, chỉ người chồng. 欽欽  
khâm khâm, dáng ưu tư mà không quên dứt được.

Người vợ vì chồng vắng mặt mà nói rằng: Loài diều loài ó  
bay mau kia, thì bay về rừng phuong bắc rậm rạp. Cho nên  
chưa thấy chàng, thì lòng buồn lo không thể nào quên  
dứt được. Chàng kia ôi! Làm sao mà chàng quên bỏ em quá  
thế chớ?

Bài này đồng một ý tứ với bài *Diêm di ca* (vợ xưa của  
Bách Lý Hề hát). Vì đó là phong tục của nước Tần.

## CHƯƠNG II

- |      |                      |
|------|----------------------|
| 山有苞櫟 | 7. Sơn hữu bao lịch, |
| 隰有六駟 | 8. Tháp hữu lục bác. |
| 未見君子 | 9. Vị kiến quân tử,  |

- |      |                       |
|------|-----------------------|
| 憂心靡樂 | 10. Ưu tâm mĩ lạc.    |
| 如何如何 | 11. Như hà? Như hà?   |
| 忘我實多 | 12. Vong ngā thực đa! |

### *Dịch nghĩa*

7. Trên núi có cây bao lịch,
8. Dưới tháp có sáu cây bá, c
9. Chưa thấyặng chàng
10. Lòng buồn chảng vui,
11. Như thế nào? Như thế nào?
12. Chàng quên em thật quá nhiều vậy?

### *Dịch thơ*

*Cây bao lịch núi kia thấy mọc,  
Chỗ tháp lên sáu gốc bác rồi.  
Mặt chàng chưa gặp những hồi.  
Lòng em đau khổ chảng vui được nào!  
Tại sao thế? Tại sao như thế?  
Nỡ quên em thật kể quá nhiều?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 駁 bá, cây tử du, da cây xanh trắng như ngựa nhiều sắc lông.

Trên núi thì có cây bao lịch (đọc *lạc* cho hợp vận), dưới tháp thì có sáu cây bá, chưa thấyặng chàng thì lòng em ưu sầu chảng vui. 靡樂 *mĩ lạc*, chảng vui, thì quá ưu sầu.

### CHƯƠNG III

山 有 苞 槟  
隰 有 樹 椹  
未 見 君 子  
憂 心 如 醉  
如 何 如 何  
忘 我 實 多

13. Sơn hữu bao đê,
14. Tháp hữu thụ toại.
15. Vị kiến quân tử,
16. Ưu tâm như tuý.
17. Như hà? Như hà?
18. Vong ngã thực đa!

#### *Dịch nghĩa*

13. Trên núi có cây bao đê,
14. Dưới tháp có cây toại,
15. Chưa thấy chàng chàng
16. Lòng ưu sầu như say.
17. Như thế nào? Như thế nào?
18. Chàng quên em thật quá nhiều vậy?

#### *Dịch thơ*

*Cây bao đê núi cao mọc khắp.*  
*Cây toại thì dưới tháp lên đầy.*  
*Mặt chàng chưa gặp những ngày,*  
*Lòng em bối rối như say vì sầu.*  
*Tại sao thế? Tại sao như thế?*  
*Nỡ quên em thật kể quá nhiều?*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 楊 đê cây đường đê 檻 toai cây xích là quả như quả lê mà nhỏ hơn, chưa ăn được. 如醉 như tuy, như say vì ưu sầu lại quá lầm.

*Thiên Thân phong có 3 chương, mỗi chương 6 câu.*

### BÀI THÚ 133

#### CHƯƠNG I

無 衣	Vô y. (Tân phong 9)
豈 曰 無 衣	1. Khi viết vô y?
與 子 同 袍	2. Dữ tử đồng bào!
王 于 興 師	3. Vương vu hưng sư,
脩 我 戈 矛	4. Tu ngã qua mâu.
與 子 同 仇	5. Dữ tử đồng cùu.

#### *Dịch nghĩa*

1. Há rằng anh không có áo quần
2. Thì cùng anh mặc chung áo bông gòn vậy
3. Vua sắp lấy mạng lịch của thiên tử mà dấy binh
4. Chúng ta cùng sửa soạn cây giáo và cây mâu
5. Để tôi cùng anh đi đánh kẻ thù chung

#### *Dịch thơ*

*Anh không quần áo hay sao  
Thì đây chiếc áo chia nhau bận mà*

Dây binh thiên tử truyền ra,  
Cây mâu cây giáo chúng ta lo cùng.  
Với anh đánh dẹp thù chung.

### Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 袍 bào (đọc bùu cho hợp vận), áo gòn áo bông. 戈 qua, cây giáo dài 6 thước 6 tấc. 矛 mâu, cây mâu dài 2 trượng. 王于興師 vương vu hưng sư, lấy mạng linh của thiên tử mà dây binh.

Phong tục nước Tần mạnh tật hung hăng, ưa việc chiến đấu. Cho nên người dân nước Tần lúc bình thường nói với nhau rằng: há rằng anh không có quần áo? thì cùng anh chung áo vậy. Vì rằng sắp dây binh theo lệnh của thiên tử, nên phải sửa soạn cây giáo cây mâu của chúng ta để cùng anh đi đánh thắng kẻ thù chung. Đó lòng vui thương nhau đã đủ khiến cho người ta cùng chết với nhau như thế.

Tô thị nói rằng: Nước Tần vốn là đất của nhà Chu, cho nên dân chúng ở đây còn nhớ đến thời thịnh vượng của nhà Chu mà khen đến những vua đời trước.

Hoặc nói chương này thuộc hứng, lấy ba chữ 與子同 dứ tử đồng làm nghĩa. Chương sau cũng phỏng theo đây.

## CHƯƠNG II

豈曰無衣

6. Khi viết vô y?

與子同澤

7. Dứ tử đồng trách!

王于興師

8. Vương vu hưng sư,

脩我矛戟

9. Tu ngā mâu kích.

*Dịch nghĩa*

6. Há rằng anh không có quần áo?
7. Thì cùng anh mặc chung chiếc áo nhỏ!
8. Vua sắp lấy mạng lệnh của thiên tử mà dây binh,
9. Chúng ta cùng sửa soạn cây mâu cây kích,
10. Để cùng anh đứng lên mà xông ra.

*Dịch thơ*

*Há anh quần áo lại không?*

*Thì dây áo nhỏ cùng chung mặc vào.*

*Dây binh thiên tử truyền rao.*

*Cùng lo sửa soạn kích mâu đàng hoàng.*

*Đứng lên xông tới ngang tàng.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 澤 *trạch* (đọc *đạc*), áo nhỏ ở trong để lót mồ hôi, vì mặc sát da kề mồ hôi và đất bẩn trong người, cho nên gọi trạch (*trạch*, hơi khí trong người). 戟 *kích*, cây kích dựng trên xe, dài một trượng 6 thước.

**CHƯƠNG III**

豈曰無衣

11. Khi viết vô y?

與子同裳

12. Dữ tử đồng thường!

王于興師

13. Vương vu hưng sư,

脩 我 甲 兵  
與 子 皆 行

14. Tu ngă giáp binh,  
15. Dữ tử giai hàng.

### *Dịch nghĩa*

11. Há rằng anh không có áo quần ?
12. Thì cùng anh mặc chung quần.
13. Vua sắp lấy mạng lính của thiên tử mà dây binh.
14. Chúng ta cùng sửa soạn áo giáp và binh khí,
15. Tôi với anh cùng đi chung với nhau

### *Dịch thơ*

*Há anh không áo quần sao?*  
*Thì quần xin để cùng nhau mặc liền.*  
*Dây binh vua đã vội truyền,*  
*Binh nhu áo giáp xin nguyên lo chung.*  
*Với anh hăng hái đi cùng,*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. *đi hành* (đọc *hàng* cho hợp vận),  
đi.

*Thiên vô y có 3 chương, mỗi chương có 5 câu.*

Phong tục của người nước Tân đại để là chuộng khí khái  
ngang tàng, lấy sức mạnh làm đầu, quên cái sống, nhẹ như  
chết, cho nên đã hiện lộ ra ở lời thơ như thế. Nhưng cẩn bắn  
vào lúc mới đầu mà bàn, đất Kỳ đất Phong được Văn vương  
dùng để hưng thịnh phong hoá của nước Chu nam và Thiệu  
nam, đã trung hậu như thế kia.

Còn người nước Tân dùng hai chữ ấy chưa được bao lâu mà đã biến đổi phong tục như thế đó, thì đã ngang nhiên có cái khí tượng muôn gọi cả tám châu, và bắt chư hầu đồng hạng phải triều cống mình như vậy.

Vì sao thế?

Bởi vì Ung châu, đất dãy sông sâu, dân chúng trọng hậu, chất phác, ngay thẳng, không có thói kiêu căng, biếng lười phù hoa xa xỉ của nước Trịnh, nước Vệ. Lấy điều thiện mà dẫn dắt thì dân chúng dễ hứng khởi lên mà dốc vào điều nhân nghĩa. Còn lấy việc mạnh bạo mà khu sủ dân chúng, thì cái tính chất cương nghị và quả cảm ấy cũng đủ làm cho binh sĩ hùng dũng, cho nông dân mạnh mẽ mà thành cơ nghiệp phú cường. Thì các nước vùng Sơn đông không thể nào theo kịp được.

Than ôi! Đời sau nén muôn ló toan cái kế sách dựng nước lập đỗ, thì thật không thể nào không lấy đó làm gương. Và phàm những ai cầm quyền trị nước, đối với việc lãnh đạo dân chúng càng không thể nào không xét kỹ đến bước đường sẽ đưa dân chúng đến sau này vậy.

## BÀI THÚ 134

### CHƯƠNG I

渭 陽

Vị dương. (Tân phong 9)

我 送 舅 氏

1. Ngā tống cữu thị,

曰 至 渭 陽

2. Viết chí Vị dương.

何 以 贈 之

3. Hà dī tặng chí?

路 車 乘 黃

4. Lộ xa thăng hoàng.

### *Dịch nghĩa*

1. Ta đưa tiên cậu ta.
2. Nói là đến phía bắc sông Vị.
3. Lấy gì mà tặng cho người?
4. Lấy xe của chư hầu và 4 con ngựa vàng (mà tặng).

### *Dịch thơ*

*Tiên đưa người cậu ruồi dong,  
Nói là đến phía bắc sông Vị này.  
Lấy gì mà tặng cậu đây?  
Lộ xa bốn ngựa vàng bày lê dâng.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 老氏 *cửu thị*, cậu của Tân Khang công, tức là Trùng Nhĩ, công tử nước Tân chạy trốn ở nước ngoài, được Tân Mục công gọi mà dung nạp ở trong nước Tân. Lúc ấy Khang công làm thái tử, đưa cậu là Trùng Nhĩ đến phía bắc sông Vị mà làm bài thơ này. 渭 Vị, tên sông Vị. Lúc ấy nước Tân đóng đô ở châu Ung, đến phía bắc sông Vị là phải đi sang hướng đông mà đưa tiên ở đất Hàm Dương. 路車 *lộ xa*, xe của chư hầu. 乘黃 *thăng hoàng*, bốn ngựa thăng vào xe đều màu vàng.

## CHƯƠNG II

- |      |                      |
|------|----------------------|
| 我送舅氏 | 5. Ngā tống cửu thị, |
| 悠悠我思 | 6. Du du ngā tư.     |
| 何以贈之 | 7. Hà dī tặng chi?   |

*Dịch nghĩa*

5. Ta đưa tiễn cậu ta.
6. Ta nhớ tưởng xa xôi.
7. Lấy gì mà tặng cho cậu ta?
8. Lấy xâu ngọc đeo có thứ đá quỳnh khôi mà tặng  
vậy.

*Dịch thơ*

*Tiễn đưa người cậu ra đi,  
Xa xôi nhớ tưởng lòng ta rạt rào.  
Lấy gì dùng để tặng trao?  
Quỳnh khôi ngọc quý một xâu tặng người.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 悠悠 *du du*, xa xôi. Bài tự ở sách *Mao thi* cho là lúc mẹ của Khang công, bà Mục C (vợ của Tân Mục công) đã chết. Cho nên Khang công đưa tiễn người cậu mà tưởng nhớ đến mẹ đã không còn. Hoặc nói rằng bà Mục C, mẹ của Khang công chết vào lúc nào không thể khảo cứu được, đây chỉ là tiễn biệt cậu mà nhớ tưởng vậy thôi. 瓊瑰 *quỳnh khôi* (đọc *quy*), thứ đá đẹp kém hơn ngọc.

*Thiên Vị đương có 2 chương, mỗi chương 4 câu*

Theo truyện *Xuân thu*, Tấn Hiến phạm thượng lấy người hầu của cha, nàng Tề Khương sinh ra người con gái là vợ của Tân Mục công và đứa con trai là thái tử Thân sinh, lại cưới nàng Hồ Cơ của rợ Khuyển Nhung, sinh ra con trai là Trung Nhĩ, cưới con gái rợ Tiểu Nhung, sinh ra con trai là Di Ngô, cưới nàng Ly Cơ, sinh ra con trai là Hề Tề, lấy em gái của

nàng Ly Cơ (đi theo chị lúc đưa dâu) sinh ra con trai là Trác tử. Nàng Ly Cơ gièm pha thái tử Thân Sinh, khiến Thân Sinh phải tự sát. Nàng Ly Cơ lại gièm pha hai vị công tử là Trùng Nhĩ và Di Ngô. Hai vị công tử này đều bỏ trốn ra nước ngoài. Tần Hiến công chết, Hề Tề và Trác Tử lần lượt lên nối ngôi, đều bị quan đại phu Lý Khắc giết. Tần Mục công dung lạp Di Ngô, ấy là Tần Huệ công. Tần Huệ công chết, con là Ngũ được lập làm vua, ấy là Tần Hoài công. Năm sau, Tần Mục công lại gọi Trùng Nhĩ mà dung lạp ấy là Tần Văn công.

Vương thị nói rằng: 至渭陽 chi Vi dương (đến phía bắc sông Vị) là đi ra xa mà đưa tiễn. 悠悠我思 du du ngã tư (ta tưởng nhớ man mác) là tư lụt xa xôi. 路車乘黃 lô xa thăng hoàng (xe của chư hầu và bốn ngựa vàng). 琪珮 quỳnh khôi ngọc bội (xâu ngọc để đeo có đá quý quỳnh khôi) đều là những tặng vật rất trọng hậu.

Thương thị ở Quảng Hán nói rằng: Khang công làm thái tử, đưa tiễn người cậu mà nhớ tưởng đến mẹ đã chẳng còn, thì hẳn là lòng tốt vậy nhưng cuối cùng cũng không thể tự thăng mình ở chiến dịch Lịnh Hồ (quân Tần bị thua to ở Lịnh Hồ) chỉ vì lòng oán hận và ham muốn đã làm hại lương tâm vậy. Nếu như Khang công biết noi theo lòng tốt ấy mà bồi dưỡng rồi làm cho nó được đầy đủ thêm ra, thì lòng oán hận và ham muốn kia có thể tiêu tan hết.

## BÀI THÚ 135

### CHƯƠNG I

權與  
於我乎  
夏屋渠渠

Quyền dư. (Tần phong 10)  
1. Ư ngã hồ,  
2. Hạ ốc cù cù.

今者每食無餘  
于嗟乎  
不承權與

3. Kim giả mỗi thực vô dư.
4. Hu ta hô!
5. Bất thừa quyền dư.

### *Dịch nghĩa*

1. Đối với bọn chúng ta
2. Nhà vua đã lấy nhà to tát và sâu rộng để tiếp đãi.
3. Nay thì mỗi bữa ăn của chúng ta không dặng còn dư,
4. Than ôi!
5. Không thể tiếp tục như lúc ban đầu được nữa!

### *Dịch thơ*

*Ban sơ tiếp đãi chúng ta  
Cửa nhà sâu rộng vừa là lớn lao.  
Bữa cơm nay chẳng dư nào,  
Không còn tiếp tục như đầu, hỡi ôi!*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 夏 ha, to lớn. 渠渠 cù cù, dáng sâu rộng. 承 thừa, nối tiếp, tiếp theo, 權與 quyền dư, lúc đầu.

Đây nói nhà vua lúc đầu thì lấy nhà to tát và sâu rộng để tiếp đãi bực hiền tài: Về sau lẽ ý lần lần suy kém, việc cung cấp lần lần khinh bạc, đến nối bữa ăn của bực hiền tài cũng không được còn dư. Vì thế mà than thở, nói là không thể tiếp tục như lúc ban đầu.

## CHƯƠNG II

於我乎

6. Ủ ngā hô,

每 食 四 篓	7. Mỗi thực tứ quỹ
今 也 每 食 不 飽	8. Kim dā mỗi thực bất bảo.
于 噫 乎	9. Hu ta hô!
不 承 權 與	10. Bất thừa quyền dư.

### *Dịch nghĩa*

- Đối với bọn chúng ta,
- Nhà vua đã hậu đãi, mỗi bữa được ăn bốn thố.
- Nay thì mỗi bữa ăn không đủ no.
- Than ôi!
- Không thể tiếp tục như buổi ban đầu được nữa.

### *Dịch thơ*

*Đại ta trong buổi ban đầu ,  
Bữa cơm bốn thố dồi dào thiếu chi.  
Bữa ăn nay chẳng no gì.  
Ôi! Không tiếp tục như xưa rồi!*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 篓 quỹ, cái thố bằng đất hầm, đựng một đấu hai thăng, thứ vuông gọi 篓 phủ, thứ tròn gọi quỹ. Cái phủ để đựng lúa hay lúa mì, cái quỹ để đựng nếp hay lúa tẻ, 四 篓 tứ quỹ, bốn thố thực phẩm hợp lẽ dồi dào để đại bực hiền tài.

*Thiên Quyền dư có 2 chương, mỗi chương có 5 câu.*

Sở Nguyên Vương đời Hán lấy lẽ kính đại ba vị Thân công, Bạch công và Mục sinh. Mục sinh không thích rượu

cay. Nguyên vương mỗi lần bày tiệc rượu, thường hay đem rượu ngọt cho Mục sinh.

Đến khi Vương Mậu lên ngôi cũng thường bày tiệc, nhưng về sau lại quên rượu ngọt. Mục sinh lui về nói rằng: Có thể bỏ đi rồi vậy! Rượu ngọt không bày ra nữa, ý của nhà vua đã sơ suất đổi với ta rồi, nếu không bỏ đi thì người nước Sở sẽ đem ta ra mà kẹp ở giữa chợ. Bèn thắc bình, Thân công và Bạch công cố nài ép mà rằng: Lê nào chẳng nghĩ đến ơn đức của vua thưa trước hay sao? Nay một sorm vua đương thời mới thất một lỗ mọn, sao đến nỗi đáng chi mà phải xử như thế? Mục Sinh nói rằng: Vua thưa trước sở dĩ lấy lỗ mà đãi ngộ bọn ba người chúng ta là đạo hays còn vậy. Nay vua bày giờ lại sơ suất, tức là quên cái đạo ấy rồi. Người mà đã quên đạo, thì sao có thể ở với nhau lâu dài được? Ta há lại khu khu vì lỗ mọn kia hay sao?

Mục sinh bèn thắc bình mà bỏ đi.

Cũng là ý của bài thơ này vậy.

oOo

*Thơ Quốc phong nước Tần có 10 thiên, 27 chương, 181 câu.*

## 12. TRẦN PHONG.

Trần là tên nước Trần. Nước Trần ở vùng đất của vua Thái Hạo, họ Phục Hy, theo sách *Vũ công* ở về phía đông của Dự châu, đất rộng và phẳng, không có sông to hay núi có tiếng, phía tây thì trông thấy núi Ngoại phương, phía đông thì chưa đến đầm Mạnh chư.

Con cháu của vua Thuấn là Hữu Ngu Ú phủ, làm chức quan đèo chính (làm đồ gốm như chén bát cho vua). Vũ vương nhờ vị quan này mà có đồ dùng và vì vị quan này là dòng dõi của bậc thần thánh (Ngu Thuấn), mới đem con gái

lâu là Thái Cơ gả cho Mân, con trai của Hữu Ngu ứ Phủ mà  
hồng ở nước Trần đóng đô ở một bên Uyển Khâu, cùng với  
lòng dối của vua Hoàng Đế và của Đế Nghiêu làm tam khắc  
ba dòng dõi đáng kính là: dòng dõi của Hoàng đế, của Đế  
Nghiêu và của Ngu Thuấn). Áy là Hồ công.

Thái Cơ (vợ của Hồ công) là người tôn quý (con của thiên ử nhà Chu) ham thích nhũng việc đồng bóng ca múa. Dân chúng nước Trần cũng bị nhiễm hoá theo.

Nay ch'âu Trần tức là nước Trần ngày xưa vây

## BÀI THÚ 136

## CHƯƠNG I

宛丘	Uyển khâu. (Trần phong 1)
子之蕩兮	1. Tử chi dăng hế!
宛丘之上兮	2. Uyển khâu chí thương hế!
洵有情兮	3. Tuân hữu tình hế!
而無望兮	4. Nhi vô vọng hế!

### *Dịch nghĩa*

1. Anh ấy chơi bời du đãng,
  2. Ở trên cái gò, cao bốn bên mà giữa thấp.
  3. Thật là anh có tình tứ mà vui chơi,
  4. Nhưng anh không có uy nghi để mọi người ngưỡng  
vọng.

### *Dich tho*

*Anh kia du đặng tiêu dao,*

*Trên gò, giữa tháp quanh ao chơi bời.*

*Tuy là tình tứ vui chơi.*

*Uy nghi chẳng có, không người ngưỡng trông*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. *子* *tử*, chỉ những kẻ du dăng. *蕩* *dăng*, du dăng, *宛丘* *uyễn khâu*, cái gò mà bốn bên cao lên, chính giữa tháp xuống. *宛* *tuân*, tin thật. *望* *vọng*, ngưỡng trông.

Người trong nước thấy kẻ này chơi bời hoang dăng ở trên cái gò bốn bên cao giữa tháp, cho nên kể lại việc ấy để châm biếm. Nói rằng tuy thật có tình tứ mà vui chơi, nhưng không có uy nghi để mọi người ngưỡng trông vậy.

## CHƯƠNG II

坎 其 擊 鼓

5. **Khảm kỳ kích cổ**,

宛 丘 之 下

6. **Uyên khâu chi hạ**.

無 冬 無 夏

7. **Vô đông vô hạ**,

值 其 鶩 羽

8. **Trị kỳ lộ vũ**.

### *Dịch nghĩa*

5. Tiếng trống đánh lên,

6. Ở dưới cái gò bốn bên cao giữa tháp.

7. Không kể mùa đông hay mùa hạ (lúc nào cũng thấy chơi bời hoang dăng)

8. Cầm cây lông cò tráng để chỉ huy múa hát.

### *Dịch thơ*

Trống thì nghe đánh xôn xao,  
Trên gò giữa tháp quanh cao suốt ngày.  
Không nề đông hạ miệt mài.  
Cầm lông cò trắng múa may hát đùa.

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 擊鼓 *khǎm*, tiếng trống đánh. 值 *ri*, cầm ở tay. 鶯 *lô*, con cò, con thung sừ, nay gọi là con lô tư, đẹp mà sạch sẽ, trắng tréo, trên đầu có lông dài chừng mười ống. 羽 *vũ* (lông) lấy lông cò làm đồ để che, người nhảy múa cầm để chỉ huy. Nói không có lúc nào là không đi ra chơi bời và đánh trống nhảy múa ở đây.

### CHƯƠNG III

坎 其 擊 缶  
宛 丘 之 道  
無 冬 無 夏  
值 其 鶯 翩

9. Khǎm kỳ kích phẩu,  
10. Uyển khâu chi đạo.  
11. Vô đông vô hạ,  
12. Trị kỳ lộ đạo.

### *Dịch nghĩa*

9. Tiếng chậu đánh lén
10. Trên đường ở cái gò bốn bên cao giữa tháp
11. Không kể mùa đông hay mùa hạ (lúc nào cũng chơi ở hoang dãng)
12. Cầm cây lông cò trắng mà chỉ huy múa há

## *Dịch thơ*

*Châu thi nghe đánh ồn ào,  
Nơi gò giữa thấp quanh cao trên đàng.  
Không nè đông hạ vui hoang,  
Cầm lồng cò trăng dịu dàng múa chơi.*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. *缶 phẩu*, cái hũ, cái chậu, dùng để đánh nhịp khi tấu nhạc. *翻 đao*, cây kết bằng lông cầm để chỉ huy múa hát.

*Thiên Uyển khâu có ba chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THÚ 137

### CHƯƠNG I

東門之粉

**Dōng môn chi phán.**  
(Trần phong 2)

東門之粉

**1. Đông môn chi phán.**

宛丘之栩

**2. Uyển khâu chi hủ,**

子仲之子

**3. Tử trọng chi tử,**

婆娑其下

**4. Bà thoa kỳ hạ.**

## *Dịch nghĩa*

1. Dưới bóng cây phán ở cửa đông,

2. Và dưới bóng cây hử chỗ cái gò bốn bên cao giữa tháp.
3. Con gái của quan đại phu Tử Trọng.
4. Múa hát vui chơi ở dưới ấy

*Dịch thơ*

*Chỗ cây phẫn ở cửa đông,  
Dưới tàng cây hử ở vùng Uyển khâu.  
Con quan Tử Trọng đại phu,  
Chỉ lo múa hát, cùng nhau vui đùa.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 粉 phàn (đọc vàng), cây bạch du, đầu tiên thì ra lá, rồi sau ra trái, da cây màu trắng. 予仲之子  
Tử Trọng chi tử, con gái của quan đại phu Tử Trọng. 婆婆 bà  
thoa, dáng múa hát.

Ở đây trai gái tụ hội lại ca múa mà phô bầy việc ấy ra để vui với nhau.

**CHƯƠNG II**

- |         |                           |
|---------|---------------------------|
| 穀 旦 于 差 | 5. Cốc dán vu tha,        |
| 南 方 之 原 | 6. Nam phương chi nguyên, |
| 不 繢 其 麻 | 7. Bất tích kỳ ma,        |
| 市 也 婆 婆 | 8. Thị dã bà thoa,        |

*Dịch nghĩa*

5. Lựa chọn buổi sáng tốt lành,

6. Đến tụ hội nơi cánh đồng bằng ở phương nam,
7. (Bỏ nghề nghiệp) không kéo sợi gai để dệt vải,
8. Để múa hát ở ngoài chợ.

### *Dịch thơ*

*Chọn tìm buổi sáng tốt lành,  
Phương nam đồng phẳng để dành hội nhau,  
Gai thì chẳng kéo dệt đâu,  
Hợp cùng múa hát ở đâu chợ thôi.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 穀 cốc, lành. 差 tha, chọn.

Đã lựa chọn buổi sáng tốt lành để tụ hội trai gái nơi cánh đồng bằng ở phía nam, cho nên phải bỏ nghề nghiệp (kéo gai dệt vải) để ca múa ở ngoài chợ mà đến tụ hội ở nơi ấy.

### CHƯƠNG III

- |         |                       |
|---------|-----------------------|
| 穀 且 于 逝 | 9. Cốc dán vu thệ,    |
| 越 以 犯 遇 | 10. Việt dī tông mại, |
| 視 爾 如 篋 | 11. Thị nhī như kiều, |
| 貽 我 握 椒 | 12. Di ngā ác tiêu.   |

### *Dịch nghĩa*

9. Lấy buổi sáng tốt lành mà đến,

- Cho nên vì nhiều người đi đến đông đảo (trai gái cùng gặp nhau để nói những lời ân ái)
- Thấy nắng như hoa kiều (hoa kinh quỳ)
- Nàng tặng ta một nấm tiêu (để giao kết tâm tình thân hảo)

### *Dịch thơ*

*Sáng lành lại rủ đến vùng,  
Cho nên trai gái đến chung đông nhiều,  
Thấy nàng đẹp tựa hoa kiều,  
Trao ta, nàng tặng nấm tiêu kết tình.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 逝 thệ, đi đến. 越 viet, cho nên. 騞 tông, đông người. 邂 mại (đọc lệ cho hợp vận) đi 篷 kiều, cây tý phù, cũng gọi là cây kinh quỳ, mâu tiá (cũng gọi là cây cẩm quỳ). 椒 tiêu, trái tiêu là vật thơm tho.

Nói rằng lại lấy buổi sáng tốt lành mà đi. Cho nên vì nhiều người đến đông đảo, trai gái nói với nhau những lời thương mến rằng: Thấy nàng nhan sắc đẹp đẽ như hoa kinh quỳ. Nàng mới tặng cho ta một nấm tiêu để kết giao tâm tình thân hảo.

*Thiên Đông môn chi phần có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THÚ 138

### CHƯƠNG I

衡 門

Hoành môn. (Trần phong 3)

- 衡門之下  
可以棲遲  
泌之洋洋  
可以樂飢
1. Hoành môn chi hạ,
  2. Khả dī thê trì.
  3. Bí chi dương dương,
  4. Khả dī lạc cơ.

*Dịch nghĩa*

1. Dưới cổng thô sơ bī lâu,
2. Có thể đi dạo chơi mà nghỉ ngơi.
3. Dòng suối nước cuồn đi,
4. Có thể vui chơi mà quên đói.

*Dịch thơ*

*Dưới cổng thô sơ và bī lâu,  
Để an nhàn đi dạo nghỉ ngơi,  
Suối kia dòng nước cuồn trôi,  
Cũng thành quên thói vui chơi tháng ngày*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 衡門 *hoành môn* lấy cây gỗ bắc ngang làm cổng thô sơ. Còn cổng rộng sâu thì có nhà nhỏ to. Đây chỉ bắc gỗ ngang làm cổng mà thôi. 棲遲 *thê trì*, đi dạo chơi mà nghỉ ngơi. 泌 *bí*, suối nước. 洋洋 *dương dương*, dáng nước chảy cuồn cuộn.

Đây là lời người ở ẩn tự vui thích mà không có câu điêu gi cả. Nói rằng cổng thô sơ bỉ lậu nhưng cũng có thể đi dạo chơi mà nghỉ ngơi. Nước suối tuy không thể uống mà no được, nhưng cũng có thể để vui chơi mà quên đói.

## CHƯƠNG II

- 豈其食魚      5. Khỉ kỳ thực ngư,  
必河之鮀      6. Tất hà chi phòng?  
豈其取妻      7. Khỉ kỳ thú thê  
必齊之姜      8. Tất Tề chi khuong?

### *Dịch nghĩa*

5. Há rằng ăn cá  
6. Phải là cá phòng ở dưới sông Hoàng Hà mới ăn được  
hay sao?  
7. Há rằng cưới vợ  
8. Phải là con gái họ Khuong của nước Tề mới cưới làm  
vợ được hay sao?

### *Dịch thơ*

*Ăn cá thì có đâu chỉ phải  
Thú cá phòng ở tại Hoàng Hà?  
Vợ thì cưới phải được là  
Gái bên Tề quốc, con nhà họ Khuong ?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 姜 Khuong, họ vua chư hầu  
nước Tề.

## CHƯƠNG III

- 豈其食魚      9. Khỉ kỳ thực ngư

- |         |                      |
|---------|----------------------|
| 必 河 之 鯉 | 10. Tất hà chi lý?   |
| 豈 其 取 妻 | 11. Khi kỳ thú thê   |
| 必 宋 之 子 | 12. Tất Tống chi Tử? |

*Dịch nghĩa*

9. Há răng ăn cá
10. Phải là cá gáy ở sông Hoàng Hà mới ăn được ?
11. Há răng cưới vợ
12. Phải là con gái họ Tử của nước Tống mới cưới làm vợ được ?

*Dịch thơ*

*Ăn cá thì há đâu lại phải  
Cá lý kia ở tại Hoàng Hà?  
Vợ thì cưới phải được là  
Cô nàng họ Tử, nước nhà Tống thôi?*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 子 Tử ( đọc Tỉ cho hợp vận), họ vua chư hầu nước Tống.

*Thiền Hoành môn có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

BÀI THÚ 139

CHƯƠNG 1

- |         |                                     |
|---------|-------------------------------------|
| 東 門 之 池 | Đông môn chi trì.<br>(Trần phong 4) |
|---------|-------------------------------------|

- |      |                      |
|------|----------------------|
| 東門之池 | 1. Đông môn chi trì, |
| 可以漚麻 | 2. Khả dī âu ma.     |
| 彼美淑姬 | 3. Bỉ mỹ thực cơ,    |
| 可以晤歌 | 4. Khả dī ngộ ca.    |

### *Dịch nghĩa*

1. Ao nước quanh thành ở cửa đông.
2. Có thể dùng ngâm gai để lấy chỉ.
3. Người con gái đẹp dẽ hiền thực kia.
4. Có thể cùng nàng ca hát, mà hiểu biết lòng nhau.

### *Dịch thơ*

*Ao quanh thành ở cửa đông.  
Để mà lấy sợi, thì dùng ngâm gai.  
Kia người thực nữ xinh thay!  
Cùng nàng ca hát hiểu ngay tâm tình.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng. 池 *trì*, ao nước quanh bức thành 漚 *âu*, ngâm lâu trong nước. Làm gai thì trước tiên phải lấy nước ngâm vỏ gai cho lâu. 暇 *ngô*, hiểu biết.

Đây là lời của trai gái lúc gặp nhau. Vì là nhân chô gặp nhau và nhân những vật đã trông thấy mà khởi hứng.

## CHƯƠNG II

- |      |                      |
|------|----------------------|
| 東門之池 | 5. Đông môn chi trì, |
|------|----------------------|

- |      |                           |
|------|---------------------------|
| 可以漚紵 | 6. <b>Khả dī âu trữ.</b>  |
| 彼美淑姬 | 7. <b>Bỉ mỹ thục cơ,</b>  |
| 可以晤語 | 8. <b>Khả dữ ngộ ngữ.</b> |

*Dịch nghĩa*

5. Ao nước quanh thành ở cửa đông.
6. Có thể ngâm gai để lấy chỉ dệt vải.
7. Người con gái đẹp để hiền thục kia.
8. Có thể cùng nàng nói truyện mà hiểu biết lòng nhau.

*Dịch thơ*

*Cửa đông ao nước quanh thành,  
Để mà lấy sợi thì dành ngâm gai.  
Kia người thục nữ đẹp tài!  
Cùng nàng nói chuyện hiểu ngay tác lòng.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hùng 紵 trữ, thuộc loài gai để dệt vải.

**CHƯƠNG III**

- |      |                             |
|------|-----------------------------|
| 東門之池 | 9. <b>Đông môn chi trì,</b> |
| 可以漚管 | 10. <b>Khả dī âu gian.</b>  |
| 彼美淑姬 | 11. <b>Bỉ mỹ thục cơ,</b>   |
| 可以晤言 | 12. <b>Khả dữ ngộ ngôn.</b> |

### *Dịch nghĩa*

9. Ao nước quanh thành ở cửa đông.
10. Có thể ngâm cây gian để đánh dây.
11. Người con gái đẹp đẽ hiền thục kia.
12. Có thể cùng nàng nói truyện mà hiểu lòng nhau.

### *Dịch thơ*

*Cửa đông thành ngoại mặt ao.*

*Để xe dây nhơ, ngâm vào cây gian.*

*Kia người thục nữ đoan trang,*

*Chuyện trò giây lát lòng nàng, hiểu ngay.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng 箭 gian (đọc kiên), thứ cây có lá như lá tranh, nhưng trơn bóng, cọng có phần trắng, mềm mà chắc được dùng làm dây.

*Thiên Đông môn chi trì có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THỨ 140

### CHƯƠNG I

東 門 之 楊

**Đông môn chi dương (Trần phong 5)**

東 門 之 楊

**1. Đông môn chi dương,**

其 葉 鮮 鮮

**2. Kỳ diệp tương tương.**

昏 以 爲 期

**3. Hôn dī vi kỳ,**

明 星 煌 煌

**4. Minh tinh hoàng hoàng.**

### *Dịch nghĩa*

1. Cây dương liễu ở cửa phía đông.
2. Lá của nó rướm rà.
3. Hẹn hò nhau lúc đêm tối,
4. Chỉ thấy sao Khải minh sáng rực.

### *Dịch thơ*

*Cửa đông dương liễu là đà,  
Lá thi chen rậm rướm rà xanh tươi.  
Hẹn nhau vào lúc tối trời.  
Sao Minh thấy chiếu sáng ngời từng cao.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 東門 đông môn (cửa đông), chỗ hẹn hò với nhau. 楊 dương, cây dương liễu mọc dương lên (chớ không rủ xuống). 樣样 tương tương dáng rướm rà. 明星 minh tinh, sao Khải minh (cũng là sao Kim tinh, sao Thái bạch). 煌煌 hoàng hoàng, dáng rất sáng.

Đây cũng là việc trai gái hẹn hò nhau mà có người quên lời ước hẹn không đến, cho nên nhân những điều đã trông thấy mà khởi hứng.

## CHƯƠNG II

東門之楊  
其葉肺肺  
昏以爲期  
明星晳晳

5. Đông môn chi dương,  
6. Kỳ diệp phế phế.  
7. Hôn dī vi kỳ,  
8. Minh tinh chẽ chẽ.

*Dịch thơ*

5. Cây dương liễu ở cửa phía đông.
6. Lá của nó rướm rà.
7. Hẹn hò nhau lúc đêm tối.
8. Chỉ thấy sao Khải minh sáng rực.

*Dịch thơ*

*Cửa đông dương liễu bên thành,  
Lá thì rậm rạp xanh xanh một màu.  
Tôi trời ước hẹn cùng nhau,  
Sao minh sáng rực từng cao bên trời.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hùng 肺肺 phế phế như 胸膛 *tương* *tương*, dáng rờm rà 哲哲 chẽ chẽ như 煌煌 hoàng hoàng, dáng rất sáng.

*Thiên Đông môn chi dương có 2 chương, mỗi chương 4 câu.*

BÀI THÚ 141

CHƯƠNG I

墓門	Mộ môn. (Trần phong 6)
墓門有棘	1. Mộ môn hữu cúc.
斧以斯之	2. Phú dī tư chí.
夫也不良	3. Phu chi bất lương,

- |      |                        |
|------|------------------------|
| 國人知之 | 4. Quốc nhân tri chi,  |
| 知而不已 | 5. Tri nhi bất dĩ.     |
| 誰昔然矣 | 6. Thuỷ tích nhiên hĩ. |

### *Dịch nghĩa*

1. Cửa mồ có cây gai.
2. Thì lấy búa mà chặt phá đi.
3. Kẻ ấy không lương thiện,
4. Người trong nước đều biết.
5. (Bị người trong nước đều biết) nhưng vẫn không thôi (không sửa đổi).
6. Vì đã quen từ ngày trước vậy.

### *Dịch thơ*

*Cửa mồ có mọc cây gai,  
Thì dùng chiếc búa chặt ngay cho rồi.  
Kẻ không lương thiện đương thời,  
Khắp vùng trong nước người người đều hay.  
Mà không chịu dứt, đổi thay,  
Vì đã quen thói từ ngày xưa kia.*

### *Chú giải của Chu Huy*

Chương này thuộc hưng 墓門 *mộ môn*, cửa mồ, chỗ hẻo lánh âm u đây mồ mả, có mọc nhiều cây gai. 斯 *tư*, chặt. 夫 *phu*, chỉ người bị châm biếm ở đây. 誰昔 *thuỷ tích*, ngày trước, ngày xưa, như nói 疇昔 *trù tích* (ngày trước).

Nói rằng ở cửa mộ có cây gai, thì lấy búa mà chặt phá đi. Kẻ này không lương thiện, người trong nước đều biết. Bị người trong nước đều biết mà không sửa đổi lấy mình, thì là do từ ngày trước đã như thế, chẳng phải mới chồng chất trong một ngày vậy. Kẻ mà bị gọi là bất lương ở đây cũng không biết chỉ vào người nào.

## CHƯƠNG II

墓 門 有 梅	7. Mộ môn hữu mai,
有 鴟 萃 止	8. Hữu hiêu tụy chỉ.
夫 也 不 良	9. Phu dã bất lương,
歌 以 訊 之	10. Ca dĩ tấn chi.
訊 予 不 顧	11. Tấn dư bất cố.
顛 倒 思 予	12. ĐIÊN ĐẢO TƯ DƯ.

### *Dịch nghĩa*

7. Cửa mộ có cây mai,
8. Có con vẹt đậu lên.
9. Kẻ ấy không lương thiện.
10. Thì ta ca lên mà cáo cho biết.
11. Ta cáo cho biết mà không chịu đoái nghĩ đến ta,
12. Đến khi khốn đốn, mới chịu nghĩ đến ta (thì sao kịp  
đặng?)

### *Dịch thơ*

*Cửa mộ mai đã mọc lên.*

*Có con chim vẹt đậu trên đáy rồi.*

*Kẻ không lương thiện đương thời.*

*Hát ca với bấy nhiêu lời cáo tri.*

*Cáo mà chẳng đoái tưởng chi.*

*Đảo điên nhớ đến ta thì kịp sao?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 鶴號 xi hiêu, con vẹt, loài chim kêu tiếng rất xấu xa đáng ghét. 鹤 tuy, tụ tập lại, 訊 tǎn, cáo cho biết 順倒 diên đảo, đáng khấp khểnh khốn đốn.

Cửa mộ có cây mai, thì có con vẹt đậu lên. Kẻ ấy không lương thiện, thì có bài ca kể những tội ác của kẻ ấy ra để cáo cho biết. Cáo cho biết mà không đoái gì đến ta, đến nỗi phải khấp khểnh khốn đốn, rồi sau mới chịu đoái nghĩ đến ta, thì há lại còn kịp hay sao?

Hoặc nói rằng: Chữ 訊 dư trong 訊 tǎn dư ngờ là y như chữ 而 nhi (trong tri nhi bất dĩ) ở chương trước.

*Thiên Mộ môn có 2 chương, mỗi chương 6 câu.*

## BÀI THÚ 142

### CHƯƠNG I

防 有 鵲 巢

Phòng hữu thước sào.

(Trần phong 7)

防 有 鵲 巢

1. Phòng hữu thước sào.

邛 有 旨 菴

2. Cùng hữu chỉ thiều.

誰 併 予 美

3. Thuỳ chu dư mỹ?

心 焉 忤 忤

4. Tâm yên dao dao.

## *Dịch nghĩa*

1. Trên bờ đê có ổ chim thước,
2. Trên cái gò có cây điêu đẹp đẽ.
3. Ai lại phỉnh gạt người đẹp của ta?
4. Khiến lòng ta ưu lo dùn dùn.

## *Dịch thơ*

*Tổ chim thước ở bờ đê,*

*Trên gò đê mọc xum xuê cây điêu.*

*Ai lừa người đẹp ta yêu?*

*Lòng ta ủ dột, trăm chiêu lo âu.*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 防 phòng, bờ đê, người ta xây lên để ngăn nước. 川 cùng, cái gò. 旨 chỉ, đẹp. 若 điêu (đọc đàò cho hợp vận), cây điêu nhiều, cộng như cây lao đậu mà nhỏ, lá giống như lá tật lê mà xanh, cộng và lá đều màu lục, có thể ăn sống được, như cây tiếu đậu, đậu hoắc. 似 chu, lừa dối, phỉnh gạt, như nói 遊 cuồng (là lừa dối) ở thơ quốc phong nước Trịnh (bài thứ 92, Trịnh phong 18). 予美 dư mỹ, người đẹp của ta, chỉ người mình yêu dấu tư thông. 恃怛 đao đao, dáng buồn lo.

Đây là lời của trai gái tư thông nhau, mà lo râu cho kẻ chen vào tách lìa đôi lứa, cho nên nói rằng: Trên bờ đê có ổ chim thước và trên gò có cây điêu đẹp đẽ. Nay kẻ ấy là ai mà lại phỉnh gạt người đẹp của ta ưa thích, khiến ta ưu lo đến nỗi dùn dùn như vậy?

## CHƯƠNG II

中 唐 有 璧  
邛 有 旨 鶡  
誰 併 予 美  
心 焉 惕 惕

5. Trung đường hữu tịch.
6. Cùng hữu chỉ nghịch.
7. Thuỳ chu dư mỹ?
8. Tâm yên thích thích.

### *Dịch nghĩa*

5. Phía trên lối đi trong triều đình có những tấm ngôi,
6. Trên gò có những cỏ nghịch đẹp đẽ.
7. Ai lại phỉnh gạt người đẹp của ta?
8. Khiến lòng ta ưu lo dài dài.

### *Dịch thơ*

*Lối đi lợp ngôi giữa triều.*

*Trên gò cỏ nghịch đóm nhiều đẹp xinh.*

*Ai lừa người đẹp của mình?*

*Lòng này lo lắng nỗi tình ngắn ngỡ.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 唐 đường, đường đi ở trong triều đình 璧 tịch, tấm ngôi lợp nhà 鶡 nghịch, một thứ cỏ nhỏ, nhiều màu lắn lộn như sợi dây tua đeo ngọc 惕惕 thích thích như 刃刃 đao đao đáng buồn lo.

Thiên Phong hữu thước sào có 2 chương, mỗi chương 4 câu.

# BÀI THÚ 143

## CHƯƠNG I

- |         |                             |
|---------|-----------------------------|
| 月 出     | Nguyệt xuất. (Trần phong 8) |
| 月 出 皎 兮 | 1. Nguyệt xuất hạo hế!      |
| 皎 人 潦 兮 | 2. Giảo nhân liêu hế!       |
| 舒 窃 紛 兮 | 3. Thứ yểu kiều hế!         |
| 勞 心 悄 兮 | 4. Lao tâm tiệu hế!         |

### *Dịch nghĩa*

1. Trăng lên sáng đẹp
2. Người đẹp yêu kiều
3. Làm sao (gặp được nàng đẽ) cởi mở nỗi tình sâu uất xa xôi
4. Cho nên phải nhọc lòng ưu sầu

### *Dịch thơ*

*Trăng lên sáng đẹp bâu trời.*

*Yêu kiều tha thoát dáng người đẹp xinh,*

*Làm sao giải nỗi u tình?*

*Nhọc nhằn tấc dạ riêng mình khổ đau,*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng.皎 hạo, ánh sáng trăng.皎人  
giảo nhân, người đẹp.潦 liêu dáng đẹp đẽ. 窃 yểu, xa mờ糾

kiểu sâu kết, sâu ấp ú. 俏 tiệu, ưu buồn.

Đây cũng là lời của trai gái ưa thích mà nhớ tưởng nhau. Nói rằng: Trắng lên sáng đẹp, người đẹp yêu kiều. Làm sao gặp được nàng để giải nỗi tâm tình sâu uất xa xôi. Vì thế phải nhọc lòng ưu sâu.

## CHƯƠNG II

- |      |                        |
|------|------------------------|
| 月出皎兮 | 5. Nguyệt xuất hào hê! |
| 佼人惄兮 | 6. Giảo nhân liêu hê!  |
| 舒憂受兮 | 7. Thư ảu thụ hê!      |
| 勞心惄兮 | 8. Lao tâm thảo hê!    |

### *Dịch nghĩa*

5. Trắng lên sáng đẹp.
6. Người đẹp yêu kiều.
7. Làm sao (gặp được nàng để) cởi mở nỗi sâu lo.
8. Cho nên phải nhọc lòng ưu sâu.

### *Dịch thơ*

*Trắng lên sáng đẹp nỗi nỗi.*

*Thướt tha kiều diêm dáng người xinh thay!*

*Nỗi sâu sao được giải bày?*

*Nhoc nhẫn đau khổ đoạ dày lòng ta.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 懒 liêu (đọc *lão* cho hợp vận), dáng đẹp đẽ. 慢受 ảu thụ (đọc *thảo* cho hợp vận), sâu lo 惮 thảo như 怨 tiệu, ưu buồn.

### CHƯƠNG III

- 月出照兮 9. Nguyệt xuất chiếu hê!  
佼人燎兮 10. Giảo nhân liệu hê!  
舒天紹兮 11. Thư yểu thiệu hê!  
勞心慘兮 12. Lao tâm thảm hê!

#### *Dịch nghĩa*

9. Trăng lên chiếu rạng.  
10. Người đẹp tươi sáng.  
11. Làm sao (gặp được nàng để) cởi mở nỗi sâu lo?  
12. Cho nên phải nhọc lòng ưu sầu.

#### *Dịch thơ*

*Trăng lên đã chiếu rạng ngời.*

*Đẹp xinh tươi sáng dáng người thanh tân.*

*Nỗi sâu sao được giải phân?*

*Cho nên tắc dạ nhọc nhằn buồn đau.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 燎 liệu, sáng sủa đẹp đẽ. 天紹 yểu thiệu, sâu kết, sâu áp ủ. 慘 thảm (đọc thiệu cho hợp vận) đáng là chữ 慘. 慘 thảo, ưu buồn.

*Thiên Nguyệt xuất có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

# BÀI THÚ 144

## CHƯƠNG I

株 林	Tru lâm. (Trần phong 9)
胡 爲 乎 株 林	1. Hồ vi hồ Tru lâm?
從 夏 南	2. Tùng Há nam.
匪 適 株 林	3. Phỉ thích Tru lâm.
從 夏 南	4. Tùng Há nam.

### *Dịch nghĩa*

1. Vua làm gì ở áp Tru lâm?
2. Đáp rằng: Đi theo chơi với cậu Há nam.
3. Chẳng phải ta muôn đến áp Tru lâm làm gì,
4. Chỉ vì ta muốn đi theo chơi với cậu Há nam.

### *Dịch thơ*

*Làm gì đến áp Tru lâm?*

*Theo chơi cùng cậu Há nam đây mà.*

*Tru lâm nào muôn lân la,*

*Há nam giao hảo, ý ta rõ ràng.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 株林 *Tru lâm*, áp của họ Há. 夏南 *Há nam* (đọc *nàm* cho hợp vận) tên tự của Há Trưng Thư (Há Trưng Thư là con của Há Ngự Thúc, đại phu nước Trần, và Há Cơ, con gái của nước Trịnh. Há Trưng Thư được phong

(ở ấp Tru lâm). Trần Linh công thông dâm với mẹ của Há Trưng Thư (là nàng Há Cơ), sớm tối đến áp của họ Há, cho nên dân chúng ở đấy nói với nhau rằng: Vua làm gì ở ấp Tru lâm vậy? Đáp rằng: Đi theo chơi với cậu Há nam (con của Há Cơ). Nhưng chẳng phải là đến áp Tru lâm, mà riêng là vì có đi theo chơi với cậu Há nam vậy. Vì thông dâm với nàng Há Cơ (mẹ của Há nam) không thể nói ra được, cho nên lấy việc đi chơi với con của nàng mà đáp. Lòng trung hậu của nhà thơ như thế ấy.

## CHƯƠNG II

駕 我 乘 馬	5. Giá ngă thặng mā
說 于 株 野	6. Thué vu Tru dā?
乘 我 乘 駒	7. Thùa ngă thặng cāu,
朝 食 于 株	8. Triêu thực vu Tru.

### *Dịch nghĩa*

5. Tại sao vua đi xe bốn ngựa của ta,
6. Rồi đến dừng nghỉ ở ngoài đồng nội áp Tru?
7. Tại sao vua đi xe bốn ngựa tơ của ta,
8. Đến ăn sáng ở áp Tru?

### *Dịch thơ*

*Ngựa xe ta cứ lay dung*

*Đến dừng ở khoảng ngoài đồng áp Tru?*

*Ngựa xe lai ruồi đi đâu?*

*Đến ăn bữa sáng áp Tru đó mà.*

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 說 thuế, dừng nghỉ. 駒 câu, ngựa cao 6 thước trở xuống, ngựa to.

*Thiên Tru lâm có 2 chương, mỗi chương 4 câu.*

Theo truyện *Xuân thu*, Há Cơ con gái của Trịnh Mục công, gả cho đại phu nước Trần và Há Ngự Thúc.

Linh công nước Trần và quan đại phu là Khổng Minh Nghi Hành Phủ thông dâm với nàng Há Cơ. Tiết Dã can gián, vua không nghe mà giết Tiết Dã.

Về sau, rốt cuộc Linh công bị con của nàng Há Cơ là Há Trung Thư giết, rồi Trung Thư lại bị Sở Trang công giết.

### BÀI THÚ 145

#### CHƯƠNG I

澤 陂

Trạch bi. (Trần phong 10)

彼 澤 之 陂

1. Bì trạch chí bi,

有 蒲 與 荷

2. Hữu bồ dữ hè.

有 美 一 人

3. Hữu mỹ nhất nhân,

傷 如 之 何

4. Thương như chí hè?

寤 寢 無 爲

5. Ngộ my vô vi.

涕 泗 滂 沱

6. Thết tứ phương đà.

#### *Dịch nghĩa*

1. Bên bờ đầm kia,
2. Có cây lác và cây sen.

3. Có một người đẹp.
4. (Mà ta không được gặp thì) ưu sầu đau đớn, biết làm thế nào?
5. Khi thức khi ngủ (mãi nhớ nàng mà) chẳng làm gì được.
6. (Chỉ dành khóc than) nước mắt nước mũi ràn rụa đầm đìa.

### *Dịch thơ*

*Đầm kia, ở chõ ven bờ*

*Có sen có lác sơn sơ mọc cung.*

*Có người đẹp dẽ thung dung*

*Vì không được gặp mà lòng thương bi.*

*Thức và ngủ chẳng làm gì.*

*Mũi tuôn lệ nhỏ lâm ly khóc thầm.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng.陂 bi (đọc ba cho hợp vận), bờ để ngăn nước mà giữ lại.蒲 bồ, cây lác, loại cây ở nước, có thể dùng đan chiếu.荷 hà, cây phù cù, cây sen.涕 the, nước từ trong mắt chảy ra.泗 tử, nước từ trong mũi chảy ra.

Ý bài thơ này giống như của bài *Nguyệt xuất* (bài thứ 143, Trần phong 8).

Nói rằng: Bờ của cái đầm kia có cây lác cây sen. Có một người đẹp mà không được gặp, thì tuy là buồn rầu đau đớn mà biết làm sao? Thức ngủ mãi nhớ nàng mà chẳng làm gì được, chỉ biết khóc than, nước mắt nước mũi ràn rụa mà thôi.

## CHƯƠNG II

- |      |                            |
|------|----------------------------|
| 彼澤之陂 | 7. Bì trạch chi bi,        |
| 有蒲與簡 | 8. Hữu bồ dũ gian.         |
| 有美一人 | 9. Hữu mỹ nhất nhân,       |
| 碩大且卷 | 10. Thạc đại thả quyên,    |
| 寤寐無爲 | 11. Ngộ my vô vi.          |
| 中心悄悄 | 12. Trung tâm quyên quyên. |

### *Dịch nghĩa*

7. Bên bờ đầm kia,
8. Có cây lác và cây lan.
9. Có một người đẹp.
10. Cao lớn lại có mái tóc đẹp.
11. Khi thức khi ngủ (mãi nhớ nàng mà) chẳng làm gì được.
12. Cho nên trong lòng cứ ưu sầu.

### *Dịch thơ*

*Bên bờ mặt nước đầm ao,  
Cây lan cây lác một màu xanh tươi.  
Có nàng đẹp đẽ tuyệt vời,  
Tóc đen xinh xắn, cao người phương phi.  
Thức và ngủ, chẳng làm gì.  
Tắc lòng cứ mãi sâu bi nhọc nhằn.*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng. 簡 *gian* (đọc *kiên* cho hợp vận),  
cây lan. 卷 *quyên*, mái tóc đẹp. 惶惶 *quyên quyên* như惶惶 *áp*  
*áp* là ưu sầu.

### CHƯƠNG III

彼澤之陂

13. Bên bờ đầm kia,

有蒲函萏

14. Có cây lác và hoa sen

有美一人

15. Có một người đẹp,

碩大且儼

16. Cao lớn lại nghiêm trang.

寤寐無爲

17. Ngộ my vô vi.

輾轉伏枕

18. Triển chuyển phục chầm.

### *Dịch nghĩa*

13. Bên bờ đầm kia.

14. Có cây lác và hoa sen

15. Có một người đẹp,

16. Cao lớn lại nghiêm trang.

17. Khi thức khi ngủ (mãi nhớ nàng mà) chẳng làm gì  
được.

18. Cứ gục đầu trên gối mà trăn trọc lăn qua trở lại.

### *Dịch thơ*

*Ven bờ mặt nước ao đầm*

*Hoa sen, cây lác cành đầm dịu dàng.*

*Thướt tha đẹp đẽ một nàng.*

Vóc người cao lớn, nghiêm trang khó bi.

Thức và ngủ, chẳng làm gì.

Gối đầu lăn trở sâu bi nhọc lòng.

### Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 肅蕊 hàm dâm (đọc *diễm* cho hợp vận), hoa sen. 儼 nghiêm, dáng trang trọng, nghiêm trang, 轾轉 triển chuyển phục châm (đọc *triển* cho hợp vận), nằm mà không ngủ, tưởng nhớ sâu xa mãi, lăn qua trở lại gục đầu trên gối.

*Thiên Trạch bi* có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

000

*Thơ quốc phong nước Trần* có 10 thiên, 26 chương, 114 câu.

Lã thị ở Đông lai nói rằng: Thơ biến phong dứt vào thời Trần Linh công. Trong khoảng ấy những thơ về vợ chồng và trai gái sao lại nhiều thế? Đáp rằng: Có trời đất, rồi sau mới có vạn vật. Có vạn vật, rồi sau mới có trai gái. Có trai gái, rồi sau mới có vợ chồng. Có vợ chồng, rồi sau mới có cha con. Có cha con, rồi sau mới có vua tôi. Có vua tôi, rồi sau mới có trên dưới. Có trên dưới, rồi sau lẽ nghĩa mới được đặt ra.

Bởi vì trai gái là cái gốc của tam cương (vua tôi, cha con, vợ chồng), là mői đầu của muôn việc.

Thơ chính phong sở dĩ được gọi là chính, vì đem việc chính để khuyên dạy. Thơ biến phong sở dĩ được gọi là biến, vì nêu việc bất chính ra để răn đòn.

Đạo lý khi thăng khi trầm, thời buổi có trị có loạn, phong tục có khi cao khi thấp, việc chết sống của nhân dân đều ngu

ở trong ấy cả. Cho nên phần sao chép thì phiền phức và tì mỉ, phần từng thiêng từng chương vẫn thấy trùng điệp, thì còn nghi ngờ gì nữa hay sao?

### 13. CỐI PHONG.

Cối là tên nước Cối. Nước Cối là vùng đất của ông Chúc Dung họ Cao Tân làm quan hỏa chinh, ở theo sách *Vũ cống* ở phía bắc núi Ngoại Phương thuộc Dự châu, ở phía nam có cái đầm Huỳnh Ba (Huỳnh Trạch), ở trong khoảng sông Trấn Sông Vĩ.

Vua nước Cối họ Văn là dòng dõi của Chúc Dung. Khi nhà Chu suy, bị Trịnh Hoàn công tiêu diệt; vua nước Cối phải dời nước đi.

Nay Trịnh châu tức là đất nước Cối.

Tô thị cho là thơ Cối phong đều do nước Trịnh làm ra cả, cũng như thơ nước Bội nước Dung đều do nước Vệ, chưa biết đúng hay không?

### BÀI THÚ 146

#### CHƯƠNG I

- |      |                        |
|------|------------------------|
| 羔裘   | Cao cầu, (Cối phong 1) |
| 羔裘逍遙 | 1. Cao cầu tiêu dao,   |
| 狐裘以朝 | 2. Hồ cầu dī triều.    |
| 豈不爾思 | 3. Khi bất nhī tư?     |
| 勞心忉忉 | 4. Lao tâm dao dao.    |

### *Dịch nghĩa*

1. Vua dùng áo da dê (để mặc lúc lâm triều) mà đi dạo chơi thong thả.
2. Vua dùng áo da chồn (để mặc đi chầu thiên tử) mà ngự triều cùng các bể tôi. (Vua chỉ lo sạch sẽ áo quần một cách trái lẽ mà bỏ phế việc chính trị).
3. (Bạn bể tôi đoán biết quốc gia sẽ nguy biến, cho nên đành bỏ mà đi) há lại không nghĩ nhớ đến vua hay sao?
4. (Nhớ đến vua chẳng lo việc chính trị) thì lòng đau đớn nhọc nhằn.

### *Dịch thơ*

*Áo da dê mặc tiêu dao,*

*Áo da chồn mặc ngự triều thung dung.*

*Vua mình, há chẳng nhớ nhung?*

*Nhớ càng thêm nỗi nhọc lòng đau thương.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 緇衣羔裘 *tri y cao cầu*, áo đen và áo da dê là y phục ngự triều của chư hầu. 錦衣狐裘 *cẩm y hổ cầu*, áo gấm và áo da chồn là y phục của chư hầu mặc đi chầu thiên tử.

Theo thuyết xưa ở sách *Mao thi*, vua nước Cối ưa thích áo quần sạch sẽ để đi dạo chơi và yên ấm mà không thể tự cường về chính trị, cho nên nhà thơ mới lo ngại.

## CHƯƠNG II

羔裘翱翔

5. Cao cầu ngao tường,

### *Dịch nghĩa*

1. Vua dùng áo da dê (để mặc lúc lâm triều) mà đi dạo chơi thong thả.
2. Vua dùng áo da chồn (để mặc đi chầu thiên tử) mà ngự triều cùng các bê tôi. (Vua chỉ lo sạch sẽ áo quần một cách trái lỗ mà bỏ phế việc chính trị).
3. (Bọn bê tôi đoán biết quốc gia sẽ nguy biến, cho nên đành bỏ mà đi) há lại không nghĩ nhớ đến vua hay sao?
4. (Nhớ đến vua chẳng lo việc chính trị) thì lòng đau đớn nhọc nhằn.

### *Dịch thơ*

*Áo da dê mặc tiêu dao,*

*Áo da chồn mặc ngự triều thung dung.*

*Vua mình, há chẳng nhớ nhung?*

*Nhớ càng thêm nỗi nhọc lòng đau thương.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 緇衣羔裘 *tri y cao cǎu*, áo đen và áo da dê là y phục ngự triều của chư hầu. 錦衣狐裘 *cǎm y hó cǎu*, áo gấm và áo da chồn là y phục của chư hầu mặc đi chầu thiên tử.

Theo thuyết xưa ở sách *Mao thi*, vua nước Cối ưa thích áo quần sạch sẽ để đi dạo chơi và yến ẩm mà không thể tự cường về chính trị, cho nên nhà thơ mới lo ngại.

## CHƯƠNG II

羔裘翱翔

5. Cao cǎu ngao tường,

狐裘在堂  
豈不爾思  
我心憂傷

6. Hồ câu tại đường.
7. Khi bất nhĩ tư.
8. Ngā tâm ưu thương.

### *Dịch nghĩa*

5. Vua dùng áo da dê mặc để dạo chơi thông thả.
6. Vua dùng áo da chồn mà đến chốn công đường.
7. (Bạn bè tôi đoán biết quốc gia sẽ nguy biến, cho nên dành bỏ vua mà đi), há lại không nghĩ nhớ đến vua hay sao?
8. (Nhớ đến vua chẳng lo việc chính trị) thì lòng ta đau đớn ưu sâu.

### *Dịch thơ*

*Áo da dê mặc rong chơi,  
Áo da chồn lại mặc nơi công đường.  
Vua mình, há chẳng nhớ thương?  
Nhớ càng tha thiết lòng thường xót đau.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 飄翔 *ngao* thường, như tiêu dao. 堂 *đường*, công đường.

## CHƯƠNG III

羔裘如膏  
日出有曜

9. Cao câu như cao,
10. Nhật xuất hữu diệu.

羔裘如膏  
日出有曜  
豈不爾思  
中心是悼

9. Cao cầu như cao,
10. Nhật xuất hữu diệu.
11. Khi bất nhĩ tư?
12. Trung tâm thị diệu.

### *Dịch nghĩa*

9. Áo da dê trơn như thoa dầu mỡ,
10. Mặt trời lên chiếu vào thì lấp lánh có ánh sáng.
11. Há lại không nghĩ nhớ đến vua hay sao?
12. Khi nhớ đến vua thì trong lòng thương xót.

### *Dịch thơ*

*Áo da dê tựa thoa dầu,*  
*Mặt trời, vừa mọc chiếu vào long lanh.*  
*Vua mình, há chẳng nhớ dành?*  
*Nhớ càng tha thiết lại sanh lòng sâu.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 膏 cao, thoa mỡ dầu cho trơn bóng 日出有曜 nhật xuất hữu diệu, mặt trời chiếu vào thì lấp lánh có ánh sáng.

*Thiên Cao cầu có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THÚ 147

### CHƯƠNG I

素 冠	Tố quan. (Cõi phong 2)
庶 見 素 冠 兮	1. Thứ kiến tố quan hế!
棘 人 樂 樂 兮	2. Cức nhân loan loan hế!
勞 心 傳 傳 兮	3. Lao tâm đoàn đoàn hế!

### *Dịch nghĩa*

1. Mong mỏi được thấy cái mū lụa trắng (của người mān tang đội)
2. Người có tang thì gầy ốm.
3. Lòng ta lao khổ ưu sâu (vì không thấy được tang phục ấy).

### *Dịch thơ*

*Mong thấy được mū tang lụa trắng.  
Người ốm gầy, hình dáng xanh xao,  
Mà lòng luống những sâu đau.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú.庶 thú, mong mỏi.縞冠素紱 cǎo quan tố bì, mū tang bằng cảo (lụa dệt bằng chỉ kinh đen, chỉ vī trắng) có viền bằng lụa trắng, để đội khi đã làm lễ mān tang.縞 cảo, lụa dệt bằng chỉ kinh đeo, chỉ vī trắng,紱 bì, viền ở biên.棘 cúc, gấp. Việc tang thì muốn được vội vàng. Đó là dáng bi ai vội vàng của người có tang.樂樂 loan loan, dáng gầy ốm.傳傳 đoàn đoàn, dáng ưu sâu lao nhọc.祥冠 tường quan, cái mū để đội khi làm lễ mān tang, khi đã làm lễ mān tang rồi thì bỏ không đội nữa.

Người bấy giờ đều không để tang ba năm, thì làm sao  
được thấy những tang phục ấy. Người hiền đương thời mong  
mỗi được trông thấy những tang phục ấy, mà đến nỗi phải  
nhọc lòng lo nghĩ.

## CHƯƠNG II

庶見素衣兮

4. Thứ kiến tố y hế!

我心傷悲兮

5. Ngã tâm thương bi hế!

聊與子同歸兮

6. Liêu dử tử đồng quy hế!

### *Dịch nghĩa*

4. Mong mỏi được thấy áo lụa trắng (của người để tang  
mặc).

5. Mà lòng ta bi thương.

6. (Và lại nếu được thấy người mặc áo tang như thế) thì  
nguyễn xin đi với người ấy mà đưa về nhà.

### *Dịch thơ*

*Áo tang trắng mong sao được thấy,*

*Mà lòng ta cú mai ưu sầu.*

*Nguyễn cùng về để đưa nhau.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 素冠 tố quan (mũ bằng lụa trắng) cũng  
như 素衣 tố y (áo trắng) đều may bằng lụa trắng khi để

tang. 與子同歸 *dǔ tử đồng quy*, muốn đi với người mặc đồ tang ấy để đưa về nhà. Đó là lời thương mến.

### CHƯƠNG III

庶見素韞兮

7. Thứ kiến tố tất hestate!

我心蘊結兮

8. Ngā tâm uẩn kết hestate!

聊與子如一兮

9. Liêu dữ tử như nhất hestate!

#### *Dịch nghĩa*

7. Mong mỏi được thấy tất tráng che gối (trong bộ đồ tang).

8. (Mà nay không được thấy cho nên) lòng ta ấp út không giải bày ra được.

9. (Vả lại thấy người mặc đồ tang như thế) thì nguyện xin ở chung với người ấy một nơi để tỏ lòng thương mến cực độ.

#### *Dịch thơ*

*Miếng tất bạch mong sao thấy đăng*

*Mà lòng uất kết chẳng tỏ lời.*

*Cùng người nguyện sống một nơi.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hùng韞 *tất*, miếng che đầu gối, làm bằng da khi mặc với miện phục lúc cúng tế thì gọi là 軺 *phất*, ngoài ra khi mặc với lễ phục khác thì gọi là tất. Miếng tất thì làm theo màu sắc của quân, đồ tang áo trắng, quân trắng thì tấm tất phải trắng vậy. 蘊結 *uẩn kết* (đọc *cát* cho

thương mến người ấy còn đậm đà hơn là cùng đi với người ấy mà đưa về nhà nữa.

*Thiên Tố quan có 3 chương, mỗi chương 3 câu.*

Xét theo Tang lễ, để tang cho cha, cho vua thì mặc áo vải thô và sổ gáu (không may biên) trong ba năm.

Xưa Tề Dư muôn thâu ngắn thời gian để tang (cho ba năm là dài), thì Khổng Phu tử nói rằng: Con cái sinh được ba năm, rồi sau mới khỏi cha mẹ bồng ẵm ôm ấp trong lòng. Tề Dư, người chẳng được cha mẹ yêu thương trong ba năm bồng ẵm hay chẳng? Để tang ba năm, đó là phép thông thường trong thiên hạ. *Mao thi* giảng rằng: Thầy Tử Hạ để tang ba năm xong rồi, đến gặp Khổng tử, cầm cây đàn khẩy vui vẻ thích thú rồi đứng lên thưa rằng: Các đấng tiên vương đã chế ra lễ, nên không dám chẳng theo cho kịp. Khổng tử nói rằng: Quân tử đấy. Mân Tử Khiên xong ba năm để tang, đến gặp Khổng tử, cầm cây đàn khẩy tha thiết ưu sầu, rồi đứng lên thưa rằng: Những đấng tiên vương đã chế ra lễ, nên không theo quá hơn. Khổng tử nói rằng: Quân tử đấy. Tử Lộ hỏi: Dám thưa tại sao thế? Khổng tử đáp: Tử Hạ ưu sầu đã dứt, mà có thể gắng đưa mình đến mức lễ, cho nên gọi là quân tử vậy. Còn Mân Tử Khiên ưu sầu chưa dứt, mà có thể ngăn mình ở mức lễ, cho nên gọi là quân tử vậy! Ôi! để tang ba năm là việc nhẹ nhàng của bực hiền lại là việc cố gắng của kẻ bất tiếu đó.

## BÀI THÚ 148

### CHƯƠNG I

隰有蘋楚

Thấp hữu trường sở  
(Cối phong 3)

- |       |                        |
|-------|------------------------|
| 隰有蘋楚  | 1. Tháp hữu trường sở, |
| 猗儼其枝  | 2. Y na kỵ chi.        |
| 夭之沃沃  | 3. Yêu chi ốc ốc,      |
| 樂子之無知 | 4. Lạc tử chi vô tri.  |

### *Dịch nghĩa*

1. Chỗ tháp thì có cây trường sở,
2. Cành mềm mại dịu dàng.
3. Non tơ đẹp đẽ và trơn bóng.
4. Vui thích thay cho cây trường sở không tri giác (cho nên không có ưu lo vì chính trị phiền phức, thuế má nặng nề).

### *Dịch thơ*

*Tháp thì trường sở mọc cao.*

*Dịu mềm cành lá sắc màu xinh tươi,*

*Non tơ đẹp đẽ bóng người.*

*Vui thay người sống cuộc đời vô tri!*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 蘋楚 *trường sở*, cây đào đực, nay là cây dương đào, trái như trái tiểu mạch, cũng giống trái đào. 猗儼 *y na*, nhu thuận, mềm mại thuận theo. 夭 *yêu*, dáng non tơ đẹp đẽ. 沃沃 *ốc ốc*, dáng láng bóng. 子 *tử*, chỉ cây trường sở, cây dương đào.

Chính trị phiền phúc, thuế má nặng nề, nhân dân không thể kham nổi khổ cực, than thở rằng không bằng như loài cây cỏ vô tri để khỏi phải ưu phiền.

## CHƯƠNG II

- |       |                        |
|-------|------------------------|
| 隰有葢楚  | 5. Tháp hữu trường sở, |
| 猗儺其華  | 6. Y na kỳ hoa,        |
| 夭之沃沃  | 7. Yêu chi ốc ốc,      |
| 樂子之無家 | 8. Lạc tử chi vô gia.  |

### *Dịch nghĩa*

5. Dưới tháp thì có cây trường sở,
6. Hoa mềm mại dịu dàng.
7. Non tơ đẹp dẽ và trơn bóng.
8. Vui thích thay cho cây trường sở không có nhà cửa phiền luy!

### *Dịch thơ*

*Tháp thì trường sở mọc đầy.*

*Dịu dàng mềm mại trổ bày muôn hoa.*

*Đẹp xinh trơn bóng nôn nà.*

*Vui thay chẳng có cửa nhà phiền luy!*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 無家 vô gia, không có nhà, là nó không có phiền luy.

### CHƯƠNG III

隰 有 蔺 楚

9. Tháp hữu trường sở.

猗 儼 其 實

10. Y na kỳ thực.

夭 之 沃 沃

11. Yêu chi ốc ốc.

樂 子 之 無 室

12. Lạc tử chi vô thất.

#### *Dịch nghĩa*

9. Dưới tháp thì có cây trường sở,

10. Trái mềm mại dịu dàng,

11. Non tơ đẹp đẽ và trơn bóng.

12. Vui thích thay cho cây trường sở không có nhà cửa  
phiền luy.

#### *Dịch thơ*

*Tháp thì trường sở mọc lên.*

*Xinh xinh mềm mại quả chen rướm rà.*

*Non tơ trơn bóng nõn nà.*

*Vui thay chẳng có thất gia luy phiền!*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 無室 *vô gia*, không có nhà, là nói  
không có phiền luy.

*Thiên tháp hữu trường sở có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THÚ 149

### CHƯƠNG I

匪 風	Phỉ phong . (Côi phong 4)
匪 風 發 兮	1. Phỉ phong phát hê !
匪 車 倭 兮	2. Phỉ xa kiệt hê !
顧 瞻 周 道	3. Cố chiêm Chu đạo,
中 心 恒 兮	4. Trung tâm đát hê!

#### *Dịch nghĩa*

1. Chẳng phải gió thổi cất lên.
2. Chẳng phải xe chạy vút đi.
3. Mà riêng nhìn ngoài lại con đường đi về nhà Chu (Châu),
4. Trong lòng bi thương (khi nhớ đến nhà Chu suy đồi tàn tạ).

#### *Dịch thơ*

*Chẳng phải gió ào ào thổi dây,*

*Chẳng phải xe vút chạy lướt mau,*

*Ngoài nhìn đường dẫn sang Châu.*

*Trong lòng luồng những sâu đau ngùi ngùi.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 發 phát (đọc phiết cho hợp vận),  
dáng thổi cất lên. 倭 kiệt, dáng chạy nhanh. 周道 Chu đạo,

con đường đi về nước Chu 怨 *đát* (đọc *diết* cho hợp vận), bi thương.

Nhà Chu suy vi, người hiền tài buồn than mà làm bài thơ này.

Nói rằng: Thường thường gió dậy, xe chạy vút đi thì trong lòng bi thương. Nay chẳng có gió thổi dậy, chẳng có xe chạy vút đi, mà riêng nhìn ngoài lại con đường đi về nước nhà Chu để nhớ lại nhà Chu suy đồi, cho nên trong lòng vì thế mà bi thương.

## CHƯƠNG II

匪 風 飄 兮

5. Phỉ phong phiêu hê!

匪 車 哞 兮

6. Phỉ xa phiêu hê!

顧 瞻 周 道

7. Cố chiêm Chu đạo,

中 心 吊 兮

8. Trung tâm diếu hê!

### *Dịch nghĩa*

5. Chẳng phải gió thổi cuốn vòng.

6. Chẳng phải xe chạy rung động.

7. Mà riêng nhìn ngoài lại con đường đi về nhà Chu.

8. Lòng ta bi thương khi nhớ đến nhà Chu suy đồi tàn tạ.

### *Dịch thơ*

*Chẳng phải gió cuộn tròn vút thổi.*

*Chẳng phải xe lướt tới chuyền rung,*

*Đường sang Châu chót ngoài trông,*

*Ngùi ngùi luống những động lòng bi thương,*

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú, 飄 phiêu (đọc phiêu cho hợp vận), gió thổi cuốn vòng. 嘈 phiêu (đọc phiêu cho hợp vận), dáng lay động không yên. 弔 điếu cũng là bi thương.

## CHƯƠNG III

誰能烹魚

9. Thuỷ năng phanh ngư?

溉之釜

10. Cái chi phủ tầm.

誰將西歸

11. Thuỷ tương tây quy?

懷之好音

12. Hoài chi hảo âm.

### Dịch nghĩa

9. Ai có thể nấu cá được?

10. Nếu có người nấu cá được, thì tôi xin rửa cái nồi cho người ấy nấu.

11. Ai sẽ đi về phía tây đến nhà Chu?

12. (Nếu có người đi về phía tây đến nhà Chu) tôi nguyện an ủi người ấy bằng những tin tức tốt lành.

### Dịch thơ

Nấu cá, hỏi rằng ai nấu đãng?

Thì cái nồi, tôi hẳn rửa ngay.

Ai về Châu, bước sang tây,

Tôi xin an ủi tin may cho người.

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng. 清 cái, rửa sạch. tẩm, cái phủ, cái nồi để nấu. 西歸 tây quy, đi về nhà Chu (vì nước Cối ở về phía đông nhà Chu).

Ai có thể nấu cá được? Nếu có người nấu cá được thì tôi nguyện rửa sạch cái nồi cho người ấy nấu. Ai đi về phía tây đến nhà Chu? Nếu có người đi về phía tây, thì tôi nguyện an ủi người ấy bằng những tin tức tốt lành, để thấy rằng lòng tưởng nhớ nhà Chu rất thâm thiết. Khi có người đi về phía tây đến nhà Chu, ta liền nghĩ đến việc hậu đãi người ấy.

*Thiên Phỉ phong có 3 chương, mỗi chương 4 câu.*

*Thơ Quốc phong nước Cối có 4 thiên, 12 chương, 45 câu.*

### **14. TÀO PHONG.**

Tào là tên nước Tào. Theo sách Vũ công, đất nước Tào ở phía bắc Đào Khâu thuộc Viễn châu, vùng đồng nội khoảng hai cái đầm Lôi Hạ và Hà Trạch.

Vua Vũ vương nhà Chu lấy đất ấy phong cho em là Chân Đạo.

Tào châu bấy giờ tức là đất nước Tào vậy.

### BÀI THÚ 150

#### CHƯƠNG I

蜉蝣

Phù du. (Tào phong 1)

蜉蝣之羽

1. Phù du chi vū,

衣裳楚楚

2. Y thường sở sở.

心 之 憂 矣  
於 我 歸 處

3. Tâm chi ưu hĩ,  
4. Ư ngã quy xứ.

### *Dịch nghĩa*

1. Cánh con phù du (thiêu thân)
2. Như áo quần tươi sáng (của mình trang sức xa hoa không được lâu dài, như con phù du sớm sinh tối mất).
3. Cho nên lòng ta ưu sầu cho việc không lâu dài ấy.
4. Đôi với ta, ta muốn trở về ở yên thôii (đừng ham những việc ngắn ngủi không lâu dài ấy).

### *Dịch thơ*

*Cánh phù du sớm sinh tối mất.*

*Như áo quần màu sắc sáng tươi.*

*Ưu sầu đã nhuộm lòng rồi,*

*Muốn quay về sống cuộc đời lặng yên.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tỳ.蜉蝣 *phù du*, con vờ, thiêu thân, giống như con khương lang (bọ hung), thân mình hép mà có xúc giác dài màu vàng đen, sớm sinh, chiều mất.楚楚 梢梢, dáng tươi sáng.

Bài thơ này có lẽ lấy việc người đương thời ham mê những cuộc vui chơi nhỏ mọn mà quên lo xa, cho nên lấy con thiêu thân so sánh để châm biếm. Nói cánh con thiêu thân như quần áo tươi sáng dễ ưa, nhưng mà nó sáng sinh, tối mất không thể tồn tại lâu dài, cho nên lòng ta ưu sầu mà muốn quay về ở yên thôii.

Bài tự ở sách *Mao Thi* cho là châm biếm vua chư hầu nước Tào có lẽ đúng như thế mà chưa có khảo xét được.

## CHƯƠNG II

蜉蝣之翼	5. Phù du chi dục,
采采衣服	6. Thái thái y phục.
心之憂矣	7. Tâm chi ưu hĩ!
於我歸息	8. Ư ngã quy túc.

### *Dịch nghĩa*

5. Cánh con thiêu thân.
6. Như áo quần trang sức đẹp đẽ (không được lâu dài như con phù du sớm sinh tối mất).
7. Cho nên lòng ta ưu sầu.
8. Đôi với ta, ta muốn quay về nghỉ ngơi (không ham những việc ngắn ngủi ấy).

### *Dịch thơ*

*Cánh phù du sớm sinh tối khuất,  
Như áo quần trông rất xa hoa.  
Đau sầu thăm nhiễm lòng ta.  
Muốn quay về phút đê mà nghỉ ngơi.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tỷ 采采 thái thái, trang sức đẹp đẽ. 息 túc, dừng nghỉ, nghỉ ngơi.

### CHƯƠNG III

- |      |                       |
|------|-----------------------|
| 蜉蝣掘閱 | 9. Phù du quật duyệt, |
| 麻衣如雪 | 10. Ma y như tuyết.   |
| 心之憂矣 | 11. Tâm chi ưu hĩ!    |
| 於我歸說 | 12. Ưngā quy thuế.    |

#### *Dịch nghĩa*

9. Con thiêu thân xoi đất mà bay ra xinh tươi,
10. Như chiếc áo gai trắng màu tuyết.
11. Cho nên lòng ta ưu sầu.
12. Đôi với ta, ta muốn quay về mà nghỉ ngơi thôi (không ham điều ngắn ngủi ấy).

#### *Dịch thơ*

*Con phù du nhô lên tươi tắn,  
Như áo gai tuyết trắng một màu.  
Cho nên lòng luống sầu đau.  
Muốn quay về phút mà hầu nghỉ yên.*

#### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý.掘閱 *quật duyệt* (chưa rõ là gì).說 *thuế* (đọc *thuyết* cho hợp vận), nghỉ ngơi.

#### *Chú giải của Dịch giả*

掘閱 *quật duyệt*, nói con phù du xoi đất mà bay ra, hình dáng xinh tươi. (Theo *Tử nguyên*, *Tử hải* và *Mao thi Thập tam kinh chú số*).

## BÀI THỨ 151

### CHƯƠNG I

侯 人	Hậu nhân. (Tào phong 2)
彼 侯 人 兮	1. Bỉ hậu nhân hê!
何 戈 與 祀	2. Há qua dữ đoái.
彼 其 之 子	3. Bỉ ký chi tử,
三 百 赤 蒂	4. Tam bách xích phất.

### *Dịch nghĩa*

1. Những người kia làm chức mọn đưa rước tân khách (trên đường lộ)
2. Phải vác giáo vác đòn.
3. Còn những đứa (tiểu nhân) kia.
4. Đến ba trăm người đều mặc phất đỏ (theo lễ phục của quan to)

### *Dịch thơ*

*Người quân tử đón đưa tân khách,  
Giáo, đòn thì mang xách trên đàng.  
Tiểu nhân lại được vinh quang,  
Mặc toàn phất đỏ, số hàng ba trăm.*

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng. 侯人 *hậu nhân*, chức quan nhỏ trên đường lộ để đón đưa tân khách. 何 *há*, vác trên vai. 祀 *đoái*, đuất, cây thù (cây đòn dài một trượng hai thước, không có mũi nhọn để làm binh khí). 之子 *chi tử*, chỉ những đứa tiểu nhân. 菁 *phát*, tấm che đầu gối mặc chung với đồ lễ phục khi cúng tế. Quan nhất mệnh (một lần được sắc mệnh) thì mặc tấm phát màu đỏ vàng, đeo ngọc màu hơi xanh đen. Quan tái mệnh (hai lần được sắc mệnh thì mặc tấm phát đỏ, đeo ngọc màu hơi xanh đen. Quan tam mệnh (ba lần được sắc mệnh) thì mặc tấm phát đỏ, đeo ngọc màu xanh. Quan đại phu trở lên thì mặc tấm phát màu đỏ và đi xe hiên (xe của quan khanh đại phu).

Đây là lời châm biếm vua nước Tào xa bực quan tử mà gán kẻ tiểu nhân. Nói rằng: Chức quan mọn để đưa rước tân khách ở trên đường kia vác giáo vác đòn, thì đáng vậy. Còn những kẻ tiểu nhân kia đến ba trăm người đều mặc tấm phát đỏ theo lễ phục, thì tại làm sao vậy thay?

Vua Văn công nước Tấn tiến quân vào nước Tào, trách vua nước Tào đã không dùng người quân tử Hy Phu Ky, mà kẻ tiểu nhân đi xe hiên của bực khanh đại phu đến ba trăm người là nói về việc này chăng?

## CHƯƠNG II

維 鶉 在 梁

1. Duy để tại lương,

不 濡 其 翼

2. Bất nhu kỳ dực?

彼 其 之 子

3. Bỉ ký chi tử,

不 稱 其 服

4. Bất xứng kỳ phục.

### *Dịch nghĩa*

5. Chim bồ nông đậu trên đập,
6. Có thể nào không ướt cánh được chǎng?
7. Còn những kẻ (tiểu nhân) kia,
8. Không xứng đáng với lễ phục quan to của chúng.

### *Dịch thơ*

*Trên đập chim bồ nông đậu lại,  
Cánh thế nào khỏi phải ướt cùng?  
Tiểu nhân kia hởi các ông!  
Áo quần đại lễ thật không xứng gì!*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng 鶴 鶴, giống chim nước ở những nơi đầm dơ, tục gọi là chim đào hà, tức là chim bồ nông, chim thẳng bè.

## CHƯƠNG III

- |         |                      |
|---------|----------------------|
| 維 鶴 在 梁 | 9. Duy đê tại lương, |
| 不 濡 其 味 | 10. Bất nhu kỳ trú?  |
| 彼 其 之 子 | 11. Bỉ ký chi tử,    |
| 不 遂 其 婢 | 12. Bất toại kỳ cẩu. |

### *Dịch nghĩa*

9. Chim bồ nông đậu trên đập,
10. Có thể nào không ướt mỏ được chǎng?

11. Còn những kẻ (tiểu nhân) kia,
12. Không xứng đáng với những vinh hạnh được vua yêu mến.

### *Dịch thơ*

*Chim bồ nông đậu trên đập nước,  
Mỏ thế nào khỏi ướt được chăng?  
Kia là những đứa tiểu nhân,  
Bao nhiêu sủng hạnh vinh thân xứng gì?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng. 味 trú, cái mỏ. 遂 toai, xứng với. 嬌 câu, yêu mến vinh hạnh. Chữ 遂 toai có nghĩa là “xứng với” như người ngày nay với toai ý là xứng ý vậy.

## CHƯƠNG IV

- |         |                       |
|---------|-----------------------|
| 薈 兮 蔚 兮 | 13. Uế hê uý hê!      |
| 南 山 朝 隘 | 14. Nam sơn triều tê, |
| 婉 兮 簪 兮 | 15. Uyển hê luyến hê! |
| 季 女 斯 姬 | 16. Quý nữ tư cơ.     |

### *Dịch nghĩa*

13. (Bọn tiểu nhân) đông nhiều như cỏ cây rậm rạp.
14. Như khí mây bóc lên khắp núi nam (khí thế rất mạnh).
15. Dáng trẻ trung đẹp đẽ.

16. Người con gái nhỏ phải chịu đói khát khổn cùng (vì đã giữ gìn trinh tiết cũng như người quân tử giữ mình theo chánh đạo, thì trái lại bị nghèo hèn).

### *Dịch thơ*

*Tiểu nhân như cỏ cây rậm rạp,  
Như khi mây che khắp năm san.  
Trẻ thơ đẹp đẽ dung nhan.  
Nàng cam đói khát bảo toàn tiết trinh.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý. 薈蔚 uế uy, dáng cây cỏ rậm rạp. 朝  
隣 triều tế, khí mây bốc thăng lên. 婉 uyển, dáng tơ non. 離  
luyến, dáng đẹp tốt. 薈蔚朝隣 uế uy triều tế, nói bọn tiểu nhân  
đông nhiều, mà khí thế rất thịnh.

Đứa con gái nhỏ non thơ giữ gìn lấy mình, không dại dột  
theo người, mà trái lại phải chịu đói khát khổn cùng. Ý nói  
người giữ theo chính đạo, mà trái lại phải chịu nghèo nàn  
hèn hạ.

*Thiên Hậu nhân có 4 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THÚ 152

雎鳩

Thi cưu. (Tào phong 3)

雎鳩在桑

1. Thi cưu tại tang,

其子七兮

2. Kỳ tử thất hê!

淑人君子

3. Thục nhân quân tử,

其儀一兮

4. Kỳ nghi nhất hê!

其 儀 一 兮  
心 如 結 兮

5. Kỳ nghi nhất hế!  
6. Tâm như kết hế!

### *Dịch nghĩa*

1. Chim thi cưu ở trên cây dâu,
2. Chim con thì có bảy.
3. Bực hiền nhân quân tử.
4. Chỉ có một uy nghi mà thôi,
5. Chỉ có một uy nghi mà thôi,
6. Cho nên tấm lòng như kết chặt không hề biến đổi.

### *Dịch thơ*

*Trên cây dâu, thi cưu ở đây  
Chim con thì có bảy mà thôi.  
Hiền nhân quân tử ở đời,  
Uy nghi chỉ một, lòng thời vô tư,  
Uy nghi đã khu khu duy nhất,  
Nên tâm lòng bền chặt chẳng dời,*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hùng 雉鳩 thi cưu, chim kiết cúc, cũng gọi là chim đái hắng, nay là chim bố cốc, nuôi con thì buỗi sáng từ trên bay xuống, buỗi chiều từ dưới bay lên, đều dều như một. 如結 như kết (đọc cất cho hợp vận), như những vật cố kết chặt chẽ không rã rời.

Nhà thơ khen tặng người quân tử dụng tâm công bình đều nhau như một, cho nên nói rằng chim thi cưu ở trên cây

dâu, có bảy chim con. Còn bực hiền nhân quân tử thì uy nghi chỉ có một mà thôi. Uy nghi chỉ có một, thì tấm lòng chặt chẽ không cải biến. Nhưng không biết chỉ vào ai mà nói ở đây.

Trần thị nói: Người quân tử thay đổi sắc thái dung mạo là để lánh xa việc hung bạo, việc khinh mạn giữ dung sắc cho chính đáng là để gần với sự tin thật thốt lời ra là để xa việc thô tục trái lẽ, những điều ấy hiện rõ ở những cử động uy nghi, đều có phép độ thông thường. Há lại cố ý khu khu làm ra thế ấy hay sao? Vì rằng tính hoà thuận chất chứa ở trong, thì vẻ tinh hoa phát lộ ra ngoài. Cho nên hễ uy nghi một khi đã lộ ra ngoài, thì tấm lòng như kết chặt ở trong, do đó mà có thể biết vậy.

## CHƯƠNG II

雎鳩在桑

7. **Thi cưu tại tang,**

其子在梅

8. **Kỳ tử tại mai.**

淑人君子

9. **Thục nhân quân tử,**

其帶伊絲

10. **Kỳ đái y ty.**

其帶伊絲

11. **Kỳ đái y ty,**

其弁伊期

12. **Kỳ biền y kỳ.**

### *Dịch nghĩa*

7. Chim thi cưu ở trên cây dâu,

8. Mấy chim con thì ở trên cây mai.

9. Bực hiền nhân quân tử.

10. Thị dây đai bằng tơ.

11. Hễ dây đai bằng tơ,

12. Thị cái mũ da màu xanh đen.

Trên cây dâu thi cưu ở mai.  
Chim con thì đậu mấy cành mai.  
Hiền nhân quân tử xưa nay,  
Thắt lưng bằng lụa, chẳng thay đổi nào.  
Dùng thắt lụa buộc vào trang sức,  
Mū da thì màu sắc xanh đen.

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng. Chim thi cưu mẹ thì thường nói là ở trên cây dâu, còn chim con thì mỗi chương lại đều đổi cây. Chim con thì tự bay đi (cây này sang cây nọ), còn chim mẹ thì thường không đổi đời (vẫn đậu một chỗ). 帶 dai, dây nịt to làm bằng tơ trắng có nhiều màu lộn xộn trang sức cho đẹp. 幷 biến, cái mū bằng da. 其 kỳ ngựa màu xanh đen. Màu của mū da cũng như màu ngựa xanh đen ấy. *Kinh Thư* có nói: *Tứ nhân kỳ biến* (Bốn người đội mū da màu xanh đen). Nay viết 繢 kỳ.

Nói rằng: Chim thi cưu ở trên cây dâu, còn mấy chim con thì ở trên cây mai. Bực hiền nhân quân tử thì dây nịt bằng tơ. Hễ dây nịt bằng tơ, thì cái mū da màu xanh đen. Ý nói có pháp độ hằng thường không biến thay đổi vậy.

CHƯƠNG III

雎鳩在桑

13. Thi cưu tại tang.

其子在棘

14. Kỳ tử tại cúc.

淑人君子

15. Thục nhân quân tử,

其儀不忒

16. Kỳ nghi bất thắc.

其儀不忒

17. Kỳ nghi bất thắc,

正是四國

18. Chính thị tứ quốc

### *Dịch nghĩa*

13. Chim thi cưu ở trên cây dâu,
14. Mấy chim con thi đậu ở trên cây gai.
15. Bực hiền nhân quân tử,
16. Thì uy nghi đứng đắn không sai.
17. Hết uy nghi đứng đắn không sai.
18. Thì có thể sửa trị (cho đúng đắn) các nước chư hầu khắp trong bốn phương.

### *Dịch thơ*

*Chim thi cưu đậu cây dâu nọ.*

*Đậu cây gai chim nhỏ chung nời*

*Hiền nhân quân tử những người*

*Uy nghi đứng đắn đời đời chẳng sai.*

*Uy nghi đã thắng ngay đứng đắn.*

*Trị bốn phương thi hẳn đủ tài.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hưng. Có pháp độ hằng thường, thì tâm lòng chuyên nhất. Cho nên uy nghi đứng đắn. Uy nghi đứng đắn thì đủ để sửa trị các nước chư hầu trong khắp bốn phương. Truyền ở sách *Đại học* nói rằng: Bực quân tử làm

cha, làm con, làm em phận sự nào cũng đúng nghi pháp, về sau dân chúng mới bắt chước theo.

## CHƯƠNG IV

雎鳩在桑	19. <i>Thi cưu tại tang,</i>
其人在榛	20. <i>Kỳ tử tại trăn.</i>
淑人君子	21. <i>Thục nhân quân tử,</i>
正是國人	22. <i>Chính thị quốc nhân.</i>
正是國人	23. <i>Chính thị quốc nhân.</i>
胡不萬年	24. <i>Hồ bất vạn niên?</i>

### *Dịch nghĩa*

19. Chim thi cưu ở trên cây dâu,
20. Mấy chim con thì đậu ở trên cây trăn.
21. Bực hiền nhân quân tử,
22. Sứa trị được người trong nước.
23. Đã sứa trị được người trong nước.
24. Thi sao lại không sống lâu muôn tuổi?

### *Dịch thơ*

*Chim thi cưu đậu cây dâu mãi.*

*Chim con thì đậu tại cây trăn.*

*Hẽ là quân tử hiền nhân,*

*Thì năng sứa trị quốc dân đàng hoàng.*

*Năng sứa trị dân gian trong nước.*

*Sao lại không sống được muôn năm?*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng. Uy nghi đứng đắn, cho nên có thể sửa trị người trong nước được đứng đắn theo. 胡不萬年 胡  
bất vạn niên (đọc nân cho hợp vận), sao lại không trường  
thọ sống muôn năm? là lời ước nguyện cho người được sống  
lâu.

*Thiên Thi cưu có 4 chương, mỗi chương 6 câu.*

### BÀI THÚ 153

#### CHƯƠNG I

下 泉	1. Hạ tuyỀn. (Tào phong 4)
冽 彼 下 泉	1. Liệt bỉ hạ tuyỀn,
浸 彼 苞 粮	2. Tẩm bỉ bao lang.
愾 我 窶 嘆	3. Khải ngā ngô than.
念 彼 周 京	4. Niệm bỉ Chu kinh

#### *Dịch nghĩa*

1. Nước suối lạnh chảy xuống kia.
2. Thấm ngập những bụi cỏ lang kia (cỏ lang vì ủng nước mà chết rụi).
3. Ta thao thức không ngủ mà thở than.
4. Nhớ đến kinh đô nhà Chu kia.

#### *Dịch thơ*

*Cứ chảy xuống lạnh tê nước suối,  
Ngập úng ngay những bụi cỏ lang.*

*Thở than thao thức bàng hoàng,  
Chu triều đô cũ mơ màng nhớ trông.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tỳ mà hưng. *冽 liệt*, lạnh. 下泉 *hạ* *tuyền*, dòng suối chảy xuống. 苞 *bao*, cỏ mọc thành bụi rườm rà. 粮 *lang*, cỏ đồng lương, thuộc loài cỏ hại lúa ở trong ruộng. 憬 *khải*, tiếng thở than 周京 *Chu kinh* (đọc *cương* cho hợp vận), kinh đô chỗ thiên tử nhà Chu ở.

Nhà Chu suy đồi, các nước nhỏ khốn đốn đồi tệ, cho nên lấy dòng suối lạnh chảy xuống mà cỏ lang mọc thành bụi um tùm phải bị tổn thương để ví. Rồi khởi hưng than thở để nhớ tưởng đến kinh đô nhà Chu trong thời thịnh trị.

## CHƯƠNG II

冽 彼 下 泉

**5. Liệt bỉ hạ tuyỀn.**

浸 彼 苞 蕭

**6. Tẩm bỉ bao tiêu.**

愬 我 痞 嘆

**7. Khải ngā ngộ thán.**

念 彼 京 周

**8. Niệm bỉ kinh Chu.**

### *Dịch nghĩa*

5. Nước suối lạnh chảy xuống kia.
6. Thâm ngập những bụi cỏ tiêu kia (vì ủng nước cỏ bị chết rụi)
7. Ta thao thức không ngủ mà thở than.
8. Nhớ đến kinh đô nhà Chu kia.

### *Dịch thơ*

*Dòng suối nở lạnh tê chảy mãi,  
Ngập cỏ tiêu đều phải tốn thương.  
Thở than trần trọc đêm trường,  
Chu triều đô cũ, ta thường hoài mong,*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý mà hưng.蕭 tiêu (đọc sưu cho hợp vận), cỏ tiêu.京周 kinh Chu, như Chu kinh, kinh đô nhà Chu.

## CHƯƠNG III

- |         |                               |
|---------|-------------------------------|
| 冽 彼 下 泉 | <b>9. Liệt bỉ hạ tuyỀn,</b>   |
| 浸 彼 苞 薔 | <b>10. Tẩm bỉ bao thi.</b>    |
| 愾 我 窶 嘆 | <b>11. Khải ngā ngộ thán.</b> |
| 念 彼 京 師 | <b>12. Niệm bỉ kinh sư.</b>   |

### *Dịch nghĩa*

9. Nước suối lạnh chảy xuống kia,
10. Thẩm ngập những bụi cỏ thi kia.
11. Ta thao thức không ngủ mà thở than.
12. Nhớ đến kinh đô nhà Chu kia.

### *Dịch thơ*

*Suối lạnh kia chảy dài xuống thấp,  
Cỏ thi kia đã ngập ủng rồi.*

*Thở than trần trọc bồi hồi,  
Chu triều đô cũ lòng thời nhớ luôn.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý mà hưng 蕤 thi, cổ thi dùng để bối. 京師 kinh sư (đọc si cho hợp vận) như kinh Chu, kinh đô nhà Chu. Hãy xem rõ ở thiên Công Lưu, phần Đại Nhã.

## CHƯƠNG IV

- |         |                         |
|---------|-------------------------|
| 芃 芮 苗   | 13. Bồng bồng thủ miêu, |
| 陰 雨 膏 之 | 14. Âm vũ cáo chi.      |
| 四 國 有 王 | 15. Tứ quốc hữu vương,  |
| 郇 伯 勞 之 | 16. Tuân bá lạo chi.    |

### *Dịch nghĩa*

13. Mạ nếp đã lên đẹp đẽ.
14. Lại có mưa tối tăm làm cho mạ nếp tươi tốt trơn nhuần.
15. Các nước chư hầu trong bốn phương đều có lòng thờ nhà Chu.
16. Lại được Tuân Bá uỷ lạo. (Còn nay thì không như thế nữa).

### *Dịch thơ*

*Mạ nếp đã tốt tươi lá lướt,  
Mưa rồi càng trơn mướt dồi dào.  
Thờ Chu bốn phía chư hầu,  
Có Tuân bá vẫn uỷ lao vỗ vè.*

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý mà hưng. 茫茫 bồng bồng, dáng đẹp đẽ. 郁伯 Tuân bá, chư hầu ở nước Tuân, dòng dõi của Vũ vương, thường gọi là Châu bá, có công trị chư hầu.

Nói rằng mạ đã lên đẹp đẽ, lại có mưa tối tăm làm cho mạ nếp trơn nhuần tươi tốt. Các nước chư hầu trong bốn phương đều có lòng tôn thờ nhà Chu, lại được Tuân bá uý lạo vỗ về. Thương xót cho ngày nay thì không như thế nữa.

*Thiên Hạ tuyên có 4 chương, mỗi chương 4 câu.*

Trình tử nói: Quẻ bắc # là một quẻ mà các hào dương tiêu tan hết, chỉ có một hào thượng cửu là còn mà thôi, như trái cây to chưa bị hái mà ăn mất, sẽ còn cái lý phục sinh (sống trở lại). Rồi hào thượng cửu sẽ biến mất, còn toàn lại là hào âm thuộc quẻ, quẻ khôn. # Nhưng dương thì không có cái lý sẽ dứt hẳn, mất ở phía trên, thì sinh ra ở phía dưới (để thành ra quẻ phục #). Những giai đoạn ấy cứ liên tiếp không có kẽ hở nào để cho nó dừng lại được. Lúc âm đạo (đạo tà của kẻ ác) đang hồi rất mạnh, thì những loạn lạc của thời ấy chúng ta có thể biết được. Lúc quá loạn thì phải nghĩ đến việc trị yên, cho nên lòng mọi người đều muốn tôn trọng bực quân tử đứng ra dẹp loạn. Vì thế mà người quân tử được dân quy phục. Thơ *Phỉ phong* và thơ *Hạ tuyên* vì thế mà được sắp cuối phần thơ biến phong.

Trần thị nói: Thời loạn đã cùng mà không trở lại thời trị, cuộc biến đã cùng mà không trở lại cuộc chính, thì lẽ trời đã mất rồi, và đạo người cũng dứt rồi! Bực thánh nhân ở đoạn cùng cực của thơ biến phong lại tiếp theo bài thơ nghĩ đến việc trị yên để bày rõ ra cái lẽ tuân hoà, và để nói rằng: Loạn cũng có thể trị, biến có thể chính được cả.

*Thơ quốc phong nước Tào có 4 thiên, 15 chương, 68 câu.*

## 15. MÂN PHONG

Mân là tên nước. Theo sách *Vũ công* nước Mân ở tại cánh đồng Nguyên thấp, phía bắc núi Kỳ Sơn. Trong thời nhà Ngu sang nhà Hạ, ông Khí làm chức Hậu tắc mà được phong ở nước Thai. Đến khi nhà Hạ suy, nghề nông bị bỏ và không chuyên nữa, cho nên con ông Khí là Bất Truất mất chức, phải lánh ở trong vùng rợ Nhung rợ Dịch. Rồi Bất Truất sinh ra Cúc Đào. Cúc Đào sinh ra Công Lưu và khôi phục được nghiệp nhà nông của Hậu Tắc, nhân dân vì thế mà được giàu có, lại xem lê thích nghi của đất đai mà dựng nước ở cái hang đất Mân.

Cháu 10 đời là Thái vương dời ra ở phía nam núi Kỳ Sơn.

Cháu 11 đời là Văn vương mới bắt đầu nhận mạng trời.

Cháu 12 đời là Vũ vương mới làm thiên tử nhà Chu.

Vũ vương băng, Thành vương lên nối ngôi. Vì tuổi trẻ Thành vương không thể trọng nom được chính sự, Chu công Đán lấy địa vị chức trung tể thay vua coi việc chính trị mới thuật lại việc phong hoá của Hậu Tắc và Công Lưu, làm một thiên (*Thất nguyệt*) trong kinh *Thi* để răn Thành vương, gọi đó là thơ Mân phong, mà người thời sau lại cho là của Chu công làm. Và phàm là những thơ vì Chu công mà làm ra đều được phụ theo đấy cả.

Nước Mân ở huyện Tam Thuỷ châu Mân bây giờ.

Nước Thai ở huyện Vũ Công phủ Kinh Triệu bây giờ.

### BÀI THÚ 154

#### CHƯƠNG I

七月

Thất nguyệt. (Mân phong 1)

- |       |                                   |
|-------|-----------------------------------|
| 七月流火  | 1. <b>Thát nguyệt lưu Hoả.</b>    |
| 七月授衣  | 2. <b>Cửu nguyệt thụ ý.</b>       |
| 一之日戲發 | 3. <b>Nhất chi nhật tất phát,</b> |
| 二之日栗烈 | 4. <b>Nhị chi nhật lật liệt.</b>  |
| 無衣無褐  | 5. <b>Vô y vô hạt</b>             |
| 何以歲卒  | 6. <b>Hà dī tốt tuế?</b>          |
| 三之日于耜 | 7. <b>Tam chi nhật vu trĩ</b>     |
| 四之日舉趾 | 8. <b>Tứ chi nhật cử chỉ,</b>     |
| 同我婦子  | 9. <b>Đồng ngā phụ tử.</b>        |
| 饁彼南畝  | 10. <b>Diệp bỉ nam mâu.</b>       |
| 田畝至喜  | 11. <b>Diền tuấn chi hỉ.</b>      |

### *Dịch nghĩa*

1. Tháng 7 thì sao Đại hỏa hạ thấp (đã hết mùa hè, khi nóng đã dứt).
2. Tháng 9 thì trao áo ấm cho mặc (để chống khí lạnh).
3. Những ngày trong tháng 12 thì khí lạnh căm căm.
5. Nếu không có áo tốt áo thô.
6. Thị lấy gì để sống đến cuối năm?
7. Những ngày trong tháng giêng thì lo sửa soạn khí cụ làm ruộng.
8. Những ngày trong tháng 2 thì nháu chân cát bước đi cày.
9. Dàn bà và con trẻ thì cùng với ta (người già trưởng tự xưng).

10. Đem cơm cho những người cày cấy ở mâu ruộng phía nam ăn.

11. Quan khuyên nông dân, thấy thế thì vui mừng.

### *Dịch thơ*

*Tháng bảy mọc thấp sao Đại hỏa,*

*Tháng chín thì áo đã trao xong,*

*Tháng mười một gió rét đông.*

*Tháng mười hai kii lạnh lùng cắt da.*

*Nếu chẳng áo thô và áo tốt.*

*Đến cuối năm sống sót được sao?*

*Tháng giêng nông cụ sửa mau,*

*Tháng hai cất bước cày sâu ngoài đồng.*

*Với ta đàn bà cùng con trẻ*

*Đến ruộng nam, cơm té đưa ăn.*

*Khuyến nông bước tới hân hoan.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 七月 *thất nguyệt*, tháng 7 là tháng mà chuôi sao bắc đầu xoay về thân, tháng 7 của lịch nhà Hạ. Về sau phàm nói 月 *nguyệt* là tháng đều phỏng theo đây, tức là lấy theo lịch nhà Hạ. 流 *lưu*, đi xuống. 火 *hỏa*, sao Đại hỏa, sao tâm, vào đêm đầu tháng 6 thì thấy ở phương nam trên chân trời, đến đầu tháng 7 thì thấy thấp xuống về phía tây. 九月 *cửu nguyệt*, tháng 9 thì sương xuống bắt đầu lạnh, việc nuôi tằm kéo sợi cũng xong rồi, cho nên trao áo cho người ta mặc để chống khí lạnh. 之日 *nhất chi nhật*

(những ngày của tháng có một hào dương), nói tháng có 1 hào dương là tháng 11 (thuộc quẻ *phục*)

*phục*), chuôi sao bắc đầu chuyển về tý. 二之曰 *nhi chi nhật* (những ngày của tháng có 2 hào dương), nói tháng có 2 hào dương là tháng chạp (thuộc quẻ *lâm*), chuôi sao bắc đầu đã chuyển về sứu. Biến chữ 月 *nguyệt* mà nói ra chữ 曰 *nhật* (trong *nhất chi nhật*, *nhi chi nhật*) là ý nói những ngày của tháng ấy (những ngày của tháng có 1 hào dương thuộc tháng 11, hoặc những ngày của tháng có 2 hào dương thuộc tháng chạp). Về sau phàm nói 曰 *nhật* là ngày đều phỏng theo đây, bởi vì những chư hầu đời trước của nhà Chu đã dùng như thế để ghi thời tiết. Cho nên khi gồm thâu được thiên hạ, nhà Chu lấy đó làm ngày chinh sóc của triều đại mình (chính sóc là ngày đầu năm nhà Chu lấy ngày mùng 1 tháng 11 làm ngày đầu năm ăn tết). 戲發 *tát phát* (đọc *phế* cho hợp vận), gió lạnh. 粟烈 *lật liệt*, khí lạnh. 褐 *hat* (đọc *hế* cho hợp vận), áo vải gai thô. 歲 *tuế*, năm theo lịch nhà Hạ, lấy tháng dân, tháng giêng làm ngày đầu năm. 于 *vu*, đi. 稚 *tự* (đọc *dī* cho hợp vận), cái lưỡi cày, khí cụ để làm ruộng. 于 *vu* *tự*, nói đi sửa soạn khí cụ để làm ruộng. 舉趾 *cử chỉ*, nhắc chân cất bước để đi cày. 我 *ngã*, ta, người gia trưởng tự xưng. 餧 *diệp*, đem cơm cho người đang làm ruộng ăn. 田畯 *diên tuấn*, quan đại phu coi việc ruộng nương, chức quan coi việc khuyến nông.

Chu công, vì Thành vương chưa biết nỗi cực khổ về cấy gặt của việc làm ruộng, khiến những chức quan mù sờm tối ca vịnh bài thơ này để dạy Thành vương.

Chương này đầu tiên nói vào tháng 7, khí nóng đã lui, khí lạnh sẽ đến, cho nên sang tháng 9 thì đưa cho áo ấm mặc để chống khí lạnh, vì từ tháng 11 trở về sau, gió và khí trời đều lạnh buốt, nếu không có áo ấm như thế thì không thể nào sống đến cuối năm. Tháng giêng thì lo đi sửa soạn khí cụ làm ruộng. Tháng 2 thì nhắc chân cất bước đi cày, người trai

trẻ đã đều ra ngoài đồng làm ruộng, người già cả lo đốc suất đàn bà con trẻ đưa cơm cho người làm ruộng ăn. Làm ruộng thì lo cho sớm, mà ra sức thì đều nhau, ai ai cũng phải làm cả. Cho nên quan khuyến nông đến thì vui vẻ.

Chương này đoạn đầu khởi sự nói lo mặc đoạn sau nói khởi sự lo ăn.

Chương 2 đến chương 5 thì nói hết ý tứ của đoạn đầu (của chương I), còn chương 6 đến chương 8 thì nói hết ý tứ của đoạn sau (của chương 1).

## CHƯƠNG II

- |        |                               |
|--------|-------------------------------|
| 七月流火   | 12. Thất nguyệt lưu Hoả,      |
| 九月授衣   | 13. Cửu nguyệt thụ ý.         |
| 春日載陽   | 14. Xuân nhật tái dương,      |
| 有鳴倉庚   | 15. Hữu minh thương canh.     |
| 女執懿筐   | 16. Nữ chấp ý khuông.         |
| 遵彼微行   | 17. Tuân bỉ vi hành.          |
| 爰求柔桑   | 18. Viên cầu nhu tang.        |
| 春日遲遲   | 19. Xuân nhật trì trì.        |
| 采蘋祁祁   | 20. Thái phiền kỳ kỳ.         |
| 女心傷悲   | 21. Nữ tâm thương bi.         |
| 殆及公子同歸 | 22. Đãi cập công tử đồng quy. |

### *Dịch nghĩa*

12. Tháng 7, sao Đại hoả hạ thấp xuống.
13. Tháng 9 thì trao áo ấm mặc để chống lại khí lạnh.
14. Ngày mùa xuân bắt đầu ôn hoà ấm áp,
15. Có chim thương canh (hoàng ly) kêu lên.
16. Người con gái xách giỏ vừa sâu vừa đẹp.
17. Đi theo con đường tắt nhỏ hẹp,
18. Để kiếm lá dâu non,
19. Ngày mùa xuân dăng dẵng ấm áp.
20. Lắm người con gái đi hái rau phiền để nuôi tằm (lứa nở không đều nhau).
21. Lòng người con gái nuôi tằm áy xót xa bi sầu,
22. Khi nghỉ đến lúc theo công tử (nước Bân) để cùng về nhà bên chồng, phải xa lìa cha mẹ.

### *Dịch thơ*

*Tháng bảy mọc thấp sao Đại hoả,*

*Tháng chín thì áo đã trao rồi.*

*Ngày xuân ấm áp vui tươi.*

*Thương canh cát tiêng khắp nơi hót chào.*

*Cô gái mang giỏ sâu và đẹp,*

*Lại noi theo lối hẹp tiến chân,*

*Dâu non tìm hái xa gần.*

*Khi xuân ấm áp, ngày xuân trì trì.*

*Mớ rau phiền, bước đi tìm hái.*

*Trong lòng người con gái xót xa:*

*Bước theo công tử lìa nhà.*

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 載 tái, bắt đầu. 陽 dương, ôn hoà. 倉庚 thương canh (đọc cang cho hợp vận), chim hoàng ly. 諺 ý, đẹp và sâu. 遵 tuân. đi theo. 微行 vi hành (đọc hàng cho hợp vận), đường tắt nhỏ hẹp. 柔桑 nhu tang, cây dâu nhỏ. 遲遲 trì trì, ngày dài mà ám áp. 繁 phiền, rau bạch hao để nuôi tằm. Người bấy giờ cũng còn dùng như thế, vì tằm sinh ra chưa đều nhau, chưa có thể cho ăn lá dâu, cho nên lấy rau phiền cho ăn. 祀祀 kỳ kỳ, đông nhiều, hoặc nói là từ từ chậm chậm. 公子 công tử, con của Bân công (con vua chư hầu nước Bân).

Nói lại một lần nữa việc sao Đại hoả hạ tháp xuống và việc trao áo ấm mặc phòng khí lạnh. Sắp nói công việc của phụ nữ bắt đầu, có ý là lấy việc ấy làm gốc, bèn nói ngày xuân bắt đầu hoà dịu, có lúc đã nghe tiếng chim thương canh kêu, thì tằm bắt đầu sinh nở. Người con gái xách cái giỏ vừa đẹp vừa sâu để tìm lá dâu non. Lại còn có thứ tằm nở sinh ra chưa đều, thì lầm người con gái phải đi hái rau phiền, rau bạch hao. Người con gái nuôi tằm này, cảm vì thời tiết biến thay mà sầu bi. Vì lúc ấy, công tử con vua chư hầu nước Bân đang lo cưới người trong nước làm vợ. Gia tộc sang giàu to tát làm suối với vua, cũng vẫn nỗ lực vào việc hái dâu nuôi tằm. Cho nên người con gái được hứa gả ấy lo sê theo công tử để cùng về nhà bên chồng, phải xa lìa cha mẹ mà sầu bi.

Phong tục đôn hậu, tâm tình của người trên kẻ dưới đã cùng trung thành thương yêu nhau như thế.

Chương sau, phàm nói công tử đều phỏng theo đây.

## CHƯƠNG III

七月流火

23. Thất nguyệt lưu Hoả,

- |         |                                    |
|---------|------------------------------------|
| 八月 崔 葦  | <b>24. Bát nguyệt hoàn vi</b>      |
| 蠶月 條 桑  | <b>25. Tàm nguyệt thiều tang.</b>  |
| 取彼斧 斧   | <b>26. Thủ bỉ phủ thương,</b>      |
| 以 伐 遠 揚 | <b>27. Dī phạt viễn dương.</b>     |
| 猗 彼 女 桑 | <b>28. Y bỉ nữ tang,</b>           |
| 七月 鳴 鳩  | <b>29. Thát nguyệt minh quyết.</b> |
| 八月 載 繢  | <b>30. Bát nguyệt tái tích.</b>    |
| 載 玄 輽 黃 | <b>31. Tái huyền tái hoàng.</b>    |
| 我 朱 孔 陽 | <b>32. Ngã chu khổng dương.</b>    |
| 爲 公 子 裳 | <b>33. Vì công tử thường.</b>      |

*Dịch nghĩa*

23. Tháng 7, sao Đại hoả hạ xuống,
24. Tháng 8 cỏ lau đã già (thì cắt làm nong làm sàng)
25. Đến tháng nuôi tằm năm sau, thì chặt nhánh dâu xuống mà hái lá.
26. Lấy cái búa lỗ hình thuẫn và cái búa lỗ hình vuông.
27. Chặt những cành xa mọc cất lên cao.
28. Cây dâu nhỏ thì hái lá chừa cành.
29. Tháng 7 thì chim quyết kêu.
30. Tháng 8 thì bắt đầu kéo gai thành sợi.
31. Và bắt đầu nhuộm màu huyền, màu vàng.
32. Phần nhuộm đỏ của ta thì rất là tươi sáng
33. Để may quần cho công tử (con của Bân hầu.).

Đại hoả mọc thấp vào tháng bảy  
Tháng tám thì lau sậy già rồi.  
Chặt nhành dâu, hái lá tươi.  
Có hai thứ búa đồng thời lấy ra,  
Để chặt láy cành xa cao ngất.  
Dâu nhỏ thì lá lặt, nhánh chừa.  
Quyết kêu tháng bảy nhặt thưa.  
Bắt đầu tháng tám thì vừa kéo gai.  
Huyền và vàng nhuộm ngay tức khắc.  
Nhuộm đỏ thì trông rất tươi xinh,  
May quần công tử nước mình.

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 崔翬 *hoàn vĩ*, tức là cỏ lau. 麥月  
*tâm nguyệt*, tháng nuôi tằm. 條桑 *thiều lang*, chặt nhánh dâu  
cho rót xuống mà hái lá. 斧 phủ, cái búa mà lỗ tra cán hình  
thuẫn. 斧 thương, cái búa mà lỗ tra cán hình vuông. 遠揚 *viễn  
dương*, nhánh xa mọc cất lên cao. 猶 y, hái lá mà chừa lại  
cành. 女桑 *nữ tang*, cây dâu nhỏ. Cây dâu nhỏ thì không thể  
chặt láy cành, cho nên hái lá mà chừa cành lại cho rườm rà.  
獻 quyết, chim bá lao. 繢 tích, kéo gai thành sợi. 玄 *huyền*,  
màu đen có ứng đỏ. 朱 *chu* màu đỏ. 陽 *dương*, sáng.

Nói rằng đến tháng 7 thì khí nóng bớt đi và khí lạnh sắp  
đến. Việc dự bị chống lại khí lạnh mùa đông ấy cũng mong  
đã xong xuôi rồi. Lại đang lo tính những vật cần dùng về việc  
nuôi tằm trong năm tới. Cho nên đến tháng 8 lúc cỏ lau đã

già thì cắt để dành làm nong làm sàng, để tới tháng nuôi tằm trong năm tới dùng hái dâu đựng cho tằm ăn. Cái nhỏ cái lớn đều lấy mà dùng hết, thấy tằm đã đông nhiều, người ta phải đem hết sức ra làm việc.

Việc nuôi tằm đã dự bị xong thì sau khi chim quyết kêu lên gai đã già lại là lúc kéo sợi, thì lấy gai ấy kéo thành sợi để dệt vải. Rồi tất cả những vải lụa đã dệt xong đều phải nhuộm, hoặc màu đen ửng đỏ, hoặc màu vàng. Phần nhuộm đỏ thì tươi sáng hơn hết đều để dựng lên vua mà may quần cho công tử.

Nói là lao nhọc về công việc kéo dệt lụa vải mà không để riêng mình dùng, lại dựng cho vua, là vì do ý rất chân thành thương mến. Vua lấy đó mà thi ân, dân lấy đó mà báo đáp.

Hai chương đầu chuyên nói về việc tằm và sợi, để dứt cái ý không có áo mặc mùa đông của đoạn đầu ở chương I.

## CHƯƠNG IV

四月秀蘿

34. Tứ nguyệt tú yêu,

五月鳴蜩

35. Ngũ nguyệt minh điêu.

八月其獲

36. Bát nguyệt kỳ hoạch.

十月隕蕡

37. Thập nguyệt vân thác.

一之日于貉

38. Nhất chi nhật vu hạc.

取彼狐狸

39. Thủ bỉ hồ ly,

爲公子裘

40. Vi công tử cầu.

二之日其同

41. Nhị chi nhật kỳ đồng.

載續武功

42. Tại toàn vũ công.

言私其猶  
獻猶于公

43. Ngôn tư kỳ tông,  
44. Hiến kiêm vu công.

### *Dịch nghĩa*

34. Tháng 4 thì cỏ yêu kết hột.
35. Tháng 5 thì con ve kêu.
36. Tháng 8 thì gặt lúa.
37. Tháng 10 thì cây cỏ đều rụng lá.
38. Những ngày trong tháng 11 thì đi bắt chồn.
39. Bắt con chồn kia.
40. Lấy da làm áo cho công tử.
41. Những ngày trong tháng chạp thì đồng nhau tận lực đi săn.
42. Bắt đầu tập luyện női theo những vũ công hiển hách.
43. Những con heo nhỏ một tuổi thì nói là của riêng mình dùng.
44. Những con heo lớn ba tuổi thì dâng lên vua.

### *Dịch thơ*

Tháng tư thì cỏ yêu kết hột.

Tháng năm sang ve chợt kêu lên:

Lúa thì tháng tám gặt liền.

Tháng mười cành lá khắp miền rụng bay.

Tháng mười một săn loài chồn dữ

Bắt sạch cho hết thú cáo nầy.

áo da công tử vội may.

Bước qua tháng chạp thì bày săn chung.

*Để tập luyện vũ công thành thục.*

*Được heo con thì thuộc của riêng.*

*Heo to thì mới dâng lên.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 秀 tú, cây cỏ không trổ hoa mà kết trái. 獲 hoạch, lúa sóm mà mình thu gặt được. 隕 vẫn, rơi xuống, 摧 thác, rơi xuống. Nói cây cỏ rơi rụng. 賂 hac, con hổ ly, loài chồn. cáo. 于貉 vu hac (như vu tự, đi sửa soạn khí cụ làm ruộng), nói đi bắt chồn. 同 đồng, đem hết sức ra mà đi săn. 繢 toản, tập luyện mà nô nghiệp theo. 獵 tông, heo được 1 tuổi. 犬 kiên, heo được 3 tuổi.

Nói rằng tháng tư, tháng nóng nhất (thuộc quẻ kiên), có 6 hào đều dương. Rồi trải qua tháng 5 có 1 hào âm (thuộc quẻ # cẩu), tháng 6 có 2 hào âm (thuộc quẻ độn), tháng 7 có 3 hào âm (thuộc quẻ bì), tháng 8 có 4 hào âm (thuộc quẻ quan), tháng 9 có 5 hào âm (thuộc quẻ bắc), tháng 10 có 6 hào âm (thuộc quẻ khôn) thì mùa lạnh nhất sắp đến. Tuy công việc nuôi tằm hái dâu không có việc gì là không dự bị, mà còn sợ rằng không đủ để chống với khí lạnh. Cho nên đi tìm bắt con chồn lấy da để làm áo cho công tử con của Bân hâu.

Những heo nhỏ thì giữ làm của mình dùng, những heo to thì dâng lên vua, cũng là lòng thương mến vua mãi.

Chương này chuyên nói về đi săn để dứt cái ý không có áo vải thô ở đoạn trên của chương đầu.

## CHƯƠNG V

五月斯螽動股

45. Ngũ nguyệt tư chung động cỗ.

六月莎雞振羽	46. Lục nguyệt sa kê chấn vũ.
七月在野	47. Thát nguyệt tại dã.
八月在寧	48. Bát nguyệt tại vữ.
九月在戶	49. Cửu nguyệt tại hộ.
十月蟋蟀入我床下	50. Thập nguyệt tất suất nhập ngā sàng hạ,
穹窒熏風	51. Khung trát huân thủ.
塞向墐戶	52. Tắc hướng cận hộ.
嗟我婦子	53. Ta ngā phụ tử
曰爲改歲	54. Viết vi cải tué.
入此室處	55. Nhập thử thát xứ.

### *Dịch nghĩa*

45. Tháng 5 con dế búng chân nhảy.
46. Tháng 6 con dế bay khua cánh vù vù.
47. Tháng 7 còn nóng nực thì con dế ở ngoài đồng nội.
48. Tháng 8 hơi lạnh thì con dế vào ở dưới thềm nhà.
49. Tháng 9 lạnh hơn thì con dế vào trong nhà.
50. Tháng 10 rất lạnh thì con dế vào ở dưới sàng của ta.
52. Bít cửa sổ hướng bắc lại để cản gió bắc
51. Phải bít lỗ trống lại để xông chuột.
53. Ta dặn vợ con ta.
54. Rằng: Tháng 10 đến để đổi sang năm mới.
55. Hãy vào trong nhà ấy mà ở vì mọi việc đã lo xong.

Tháng năm dế búng chân nhảy mạnh.  
Tháng sáu thì khua cánh bay cùng.  
Dế mùa tháng bảy ngoài đồng.  
Dế qua tháng tám vào trong bức thềm.  
Tháng chín lạnh, tiến thêm vào cửa,  
Dế tháng mười chung giữa gầm sàng.  
Để xông khói chuột, bít hang.  
Bít song hương bắc để ngăn gió vào.  
Dẫn vợ con ta mau ghi nhớ.  
Rằng: Tháng mười sẽ trở tân niên.  
Hãy vào nhà ấy ở liền.

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 斯螽 *tư chung*, 莎雞 *sa kê*, 蟋蟀 *tát suất* đều là con dế, một con vật tuỳ theo thời tiết biến hoá mà khác tên. 動股 *động cổ*, bắt đầu nhảy thì búng chân kêu ra tiếng. 振羽 *chấn vũ*, có thể bay mà khua cánh. 宇 *vũ*, dưới thềm. Trời nóng thì dế ở ngoài đồng nội, lạnh thì dế tựa vào nhà người. 穩 *khung*, lỗ trống. 窭 *trát*, lấp. 向 *hương*, cửa sổ trổ ra phía bắc. 琪 *cận*, trét bùn, đất sét lên. Thường dân ở nhà bằng phên, mùa đông phải lấy bùn đất sét trét bít kín kẽ hở.

Lã thị ở Đông lai nói: Tháng 10 gọi là 改歲 *cải tuế* (tháng cuối cùng để trở sang năm mới, vì nhà Chu lấy tháng 11 làm tháng đầu năm). Tam chính (nhà Hạ lấy kiến dần, tháng giêng làm tháng đầu năm, nhà Ân lấy kiến sủ tháng

chạp làm tháng đầu năm, nhà Chu lấy kiến ký tháng 11 làm tháng đầu năm) đã thông dụng trong phong tục của dân rồi. Nhà Chu chỉ riêng chọn ra một trong tam chính ấy để lân lân mà dùng vậy thôi.

Nói rằng: Hễ thấy con dế đã tựa vào nhà người thì biết là mùa lạnh sắp đến. Vì thế những lỗ trống ở trong nhà phải bít lại, xông khói vào hang khiến chuột không thể ở trong hang ấy được. Bít cửa sổ ở phía bắc để chống với gió bắc. Lấy bùn, đất sét trét vào phen để ngăn lạnh, rồi nói với vợ con rằng: Đến tháng 10 lạnh lẽo sắp sang năm (theo nhà Chu lấy tháng 11 làm tháng đầu năm). Trời đã lạnh mà mọi việc cũng đã xong, thì có thể vào nhà ấy mà ở.

Ở đây thấy được lòng thương của người già cả đã lo chu đáo trước khi sang mùa đông.

Chương này cũng là để dứt cái ý chống lại khí lạnh của đoạn trên ở chương đầu.

## CHƯƠNG VI

- |        |  |
|--------|--|
| 六月食鬱及薁 | 56. Lục nguyệt thực uất cập úc.        |
| 七月亨葵及菽 | 57. Thất nguyệt phanh quỳ<br>cập thúc. |
| 八月剥棗   | 58. Bát nguyệt bác tấu.                |
| 十月穫稻   | 59. Thập nguyệt hoạch đạo.             |
| 爲此春酒   | 60. Vi thử xuân tửu,                   |
| 以介眉壽   | 61. Dī giới my thọ.                    |
| 七月食瓜   | 62. Thất nguyệt thực qua.              |
| 八月斷壺   | 63. Bát nguyệt đoạn hồ.                |

九月叔苴  
采荼薪樗  
食我農夫

64. Cửu nguyệt thúc thư.  
65. Thái đồ tân sư.  
66. Tự ngā nōng phu.

### *Dịch nghĩa*

56. Tháng 6 thì ăn trái uất trái úc.
57. Tháng 7 thì nấu rau quỳ và đậu.
58. Tháng 8 thì đập cây táo cho rụng để lượm mà ăn.
59. Tháng 10 thì thu gặt nếp.
60. Làm rượu uống trong ngày xuân.
61. Để giúp tuổi già được sống lâu.
62. Tháng 7 thì ăn dưa.
63. Tháng 8 thì cắt bầu.
64. Tháng 9 thì lặt lấy trái gai.
65. Hái rau đỗ, chặt cây sú làm củi.
66. Và đem thực phẩm cho người làm ruộng ăn.

### *Dịch thơ*

*Trái uất trái úc ăn tháng sáu.  
Tháng bảy sang quỳ đậu nấu xôi.  
Táo qua tháng tám thọc rơi.  
Nếp thì thu gặt tháng mười cho xong.  
Đem gầy rượu uống trong xuân mới,  
Để giúp cho số tuổi thêm dài.  
Ăn dưa tháng bảy ngon thay!  
Cắt bầu tháng tám ở ngoài vườn rau.*

*Tháng chín trái gai mau đi lặt.*

*Hái rau đồ cùng chặt củi sú.*

*Và đem thực phẩm nồng phu.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 罷 uất, thuộc cây dệ. 奥 úc, cây anh túc, loại cây nho. 票 quỳ tên rau quỳ. 菘 thúc, cây đậu. 剝 bá, đánh đập. 積稻 hoạch đao, thu gặt lúa nếp để gầy rượu 介 giới, giúp. 介眉壽 giới my tho (đọc thư cho hợp vận), lời chúc tụng giúp tuổi già sống được lâu (my tho, người già thì lông mày có nhiều sợi ra dài). 壺 hồ, cái bầu. 食瓜斷壺 thực qua đoạn hồ (ăn dưa và cắt bầu), cũng là ý lần lần bỏ vườn ra để làm chỗ chứa thực phẩm (phô là vườn rau trường là chỗ chứa hàng hoá thực phẩm). 叔 thúc, lặt láy. 直 thư, hột gai. 茶 đồ, rau đắng. 橘 sú, cây sú loại cây xấu để làm củi.

Từ đây đến chương cuối, đều nói việc làm ruộng làm vườn, việc ăn uống, việc cúng tế, việc yến tiệc vui chơi để dứt cái ý trong đoạn sau của chương đầu.

Trong chương này, trái cây, rượu, nếp để cung cấp cho người già cả, người đau yếu, để dai dẳng tân khách và để cúng tế. Còn dưa, bầu, hột gai, rau đắng thì để làm món ăn thường. Đây là cái nghĩa của kẻ nhỏ, người lớn, cái tiết độ khi xài to, khi cần kiệm là thế.

## CHƯƠNG VII

九月築場圃

67 Cửu nguyệt trúc trường phô.

十月納禾稼

68. Thập nguyệt nạp hoà giá,

黍稷重穆

69. Thủ tắc trùng lục.

禾 麻 荼 麥	70. Hoà ma thúc mạch.
嗟 我 農 夫	71. Ta ngā nông phu.
我 稼 既 同	72. Ngā giá ký đồng.
上 入 執 宮 功	73. Thượng nhập chấp cung công.
畫 爾 于 茅	74. Trú nhī vu mao,
宵 爾 索 緺	75. Tiêu nhī tác đào.
亟 其 乘 屋	76. Cức kỳ thừa ốc,
其 始 播 百 穀	77. Kỳ thuỷ bá bách cốc.

### *Dịch nghĩa*

67. Tháng 9 thì cát lên cái kho ngay chỗ vườn rau.
68. Tháng 10 thì đưa lúa vào đay.
69. Nào là nếp, gạo, lúa trồng trước mà chín sau, lúa trồng sau mà chín trước.
70. Và lúa, gai, đậu, mạch.
71. Ôi! Những nông phu của ta.
72. Lúa của chúng ta đã gom chứa vào đay rồi.
73. Có thể vào đỗ áp làm những công việc trong cung thất.
74. Ban ngày thì người đi lấy tranh,
75. Ban đêm thì người xe dây.
76. Và gấp lên trên nóc mà sửa chữa ngôi nhà vườn.
77. Để năm sau sẽ bắt đầu gieo mạ làm mùa nữa.

### *Dịch thơ*

*Tháng chín dựng kho nơi vườn cũ.*

*Tháng mười thì đem trữ lúa vào.  
Nếp, gạo chín trước chín sau,  
Lúa gai đậu mạch dồi dào đầy kho.  
Ôi! Những kẻ nông phu ta ấy,  
Lúa đã gom vào đầy vừa xong.  
Vào thành làm việc trong cung.  
Lấy tranh người phải ra công ban ngày.  
Đêm đến người xe dây cực nhọc.  
Đến nhà vườn lên nóc sửa sang.  
Năm sau gieo mạ săn sàng.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 場 trường (cái kho) và 圃 phô (vườn rau) đều ở một chỗ, mùa trồng rau thì cày cuốc làm vườn trồng rau trồng bông, mùa cây trái đã già thì xay cát làm kho để chứa lúa, vì là những hoa lợi thâu gặt được ở ngoài đồng đều chứa chất ở kho ấy. 禾 hoà, tiếng chung gọi cây lúa vừa hột vừa cộng. 稼 giá, lúa trổ bông kết hột còn ở ngoài đồng. 重 trùng, lúa trổ trước mà chín sau, 穢 lực (đọc lực cho hợp vận), lúa trổ sau mà chín trước. 禾 hoà (được nhắc lại ở câu 70) là tất cả những thứ hột như nếp, gạo, kê. 同 đồng, tụ chung lại. 宮 cung, nhà cửa ở trong ấp. Ngày xưa mỗi người dân nhận được 5 mẫu để làm nhà ở, chia ra làm hai, 2 mẫu rưỡi thì làm nhà ở trong ruộng để ở về mùa xuân và 2 mẫu rưỡi nữa, thì làm nhà ở trong ấp để ở trong mùa thu và mùa đông. 功 công, việc lợp nhà. Hoặc nói là công việc trong công sở, trong quan phủ. Đời xưa dùng sức

dân làm xâu, mỗi năm không quá ba ngày là đây. 素 tac, đánh dây, xe thành dây. 緺 dao, sợi dây. 乘 thua, thăng lên.

Nói đem nộp vào kho những hoa lợi thu gặt được, không món nào là không đầy đủ. Khi lúa của ta ở ngoài đồng đã gom chứa lại rồi, ta có thể vào đó áp làm những công việc trong cung thất vậy. Cho nên ban ngày thì đi lấy tranh, ban đêm thì đi đánh dây, rồi gấp leo lên trên nóc nhà lo sửa lợp, vì là để năm sau lại sẽ phải bắt đầu gieo mạ trở lại, không còn rảnh lo việc ấy nữa, là do có ấy. Không đợi phai xét xem quả trách, mà tự rắn phòng lấy nhau, không dám nghỉ ngơi như thế.

Lã thị nói rằng: Chương này nói trọn từ đầu đến cuối công việc nhà nông để bày hết cái ý lo lắng siêng cần khổ nhọc ra.

## CHƯƠNG VIII

- |         |  |
|---------|--|
| 二之日鑿冰沖沖 | 78. Nhị chi nhật tạc băng trùng trùng. |
| 三之日納于凌陰 | 79. Tam chi nhập nạp vu lăng âm.       |
| 四之日其蚤   | 80. Tứ chi nhật kỳ tao.                |
| 獻羔祭圭    | 81. Hiến cao tế cửu.                   |
| 九月肅霜    | 82. Cửu nguyệt túc sương.              |
| 十月滌場    | 83. Thập nguyệt địch trường.           |
| 朋酒斯饗    | 84. Băng tửu tư hương (hưởng).         |

曰殺羔羊  
躋彼公堂  
稱彼兕觥  
萬壽無疆

85. Viết sát cao dương.  
86. Tê bỉ công đường.  
87. Xưng bỉ tự quang.  
88. Vạn thọ vô cương.

### *Dịch nghĩa*

78. Những ngày trong tháng chạp thì lo đục nước đá mà lấy.

79. Những ngày trong tháng giêng thì lo đem giấu chúa vào hầm trữ nước đá.

80. Những ngày trong tháng 2, trong buổi chiều sớm.

81. Vua dâng dê con và rau cửu lêu cúng tế.

82. Tháng 9 thì sương lạnh tái tê.

83. Tháng 10 thì quét sạch nông trường.

84. Bày hai chén rượu ra để cùng nhau uống.

85. Nói với nhau: Nên giết con dê con,

86. Rồi đem lên công đường kia của vua,

87. Và dâng chén rượu sùng tự lên.

88. Chúc vua sống được muôn tuổi không giới hạn,

### *Dịch thơ*

*Tháng chạp đục lấy nhiều nước đá.*

*Tháng giêng đem giấu cả hầm sâu,*

*Tháng hai trong buổi sớm chiều,*

*Tê dâng dê nhỏ và rau cửu này.*

*Tháng chín thì sương đầy lạnh buốt.*

*Tháng mười sang quét tước nông trang.*

*Bày hai chén rượu tương hoan.*

*Dê con làm thịt luận bàn bảo nhau .*

*Công đường kia dâng mau lê áy.*

*Chén tự này rượu hãy dâng luôn,*

*Chúc vua vạn thọ vô cương.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 豐冰 tac băng, đục nước đá ở trên núi mà lấy. 沖冲 trùng trùng, ý đục nước đá. Theo sách *Chu lê*, tháng giêng và tháng chạp thì ra lệnh cho đi chặt nước đá, là đáy vây. 納 nạp, giấu cát. Giấu cát nước đá vào trong nhà chứa để dự phòng mùa nóng bức, 凌陰 lành âm, nhà chứa nước đá. Đất nước Bân lạnh nhiều, gió đông tháng giêng chưa thổi tan nước đá, cho nên nước đá còn có thể giấu trữ lại. 離 tảo, buổi chầu sáng sớm. 非 cửu, tên rau cửu. Dâng dê con và rau cửu mà cúng tế rồi sau mới mở nhà chứa nước đá ra. Theo thiên *Nguyệt lịch* ở *Kinh Lễ*, tháng trọng xuân (tháng 2) dâng cúng dê con và lấy nước đá ra. Trước hết phải đem nước đá ấy dâng cúng ở miếu đường là đáy vây.

Tô thị nói: Đời xưa giấu trữ nước đá và lấy nước đá ra để tiết chế khí dương đang hồi mạnh mẽ. Ôi! Khi dương ở trong trời đất, tỷ như lửa đốt cháy vạn chất, cho nên thường thường phải giải trừ bớt. Tháng chạp, khí dương áp ủ tiêm tàng còn giam giấu chưa bộc phát ra, đang mạnh mẽ nhen nhúm ở dưới đất, thì lấy nước đá giấu trữ ở dưới đất để chế ngự khí dương ấy. Đến tháng 2 (thuộc quẻ *Đại tráng*) có 4 hào dương, những loài côn trùng trú ẩn trong đất đều tinh dậy, khi khí

dương bắt đầu thi hành, thì cũng bắt đầu lấy nước đá ra dâng cúng ở miếu đường. Đến tháng 4 (thuộc quẻ *Kiền*), thì

dương đạt đến mức cùng tột (6 hào đều dương), khí âm sắp tiêu mất hết, thì lấy nước đá ra dùng rất nhiều. Những quan hưởng lộc triều đình được chia phần thịt sau cuộc cúng tế, những vị quan về hưu vì già hay vì bệnh, những xác chết sau khi được tắm rửa rồi đều được chia phần nước đá mà dùng. Cho nên mùa đông không có khí nóng trái mùa, mùa hạ không có khí lạnh trái lẽ, mùa xuân không có gió lạnh, mùa thu không có mưa tai hại, sấm vang nhưng không chấn động, không thiên tai về sương hay mưa đá, khí độc không có phát sinh, nhân dân không bị ngặt nghèo và chết yếu.

Hồ thị nói: Giấu chứa nước đá hay lấy nước đá ra dùng cũng chỉ là một việc giúp sức vào công cuộc điều hoà của bực thánh nhân mà thôi, không chuyên dựa vào đấy để bình trị thiên hạ.

肅霜 *túc sương*, khí lạnh tái tê mà sương rơi xuống.涤場 *dịch trường*, việc làm ruộng đã xong thì quét sạch nồng trường. 朋 *bằng*, hai chén rượu. Lễ uống rượu với nhau ở trong làng thì bày hai cái chén và hồ rượu trong phòng, là đấy.躋 *tê*, thăng lên, bước lên.公堂 *công đường*, triều đường của vua.稱 *xưng*, dâng lên.疆 *cương*, bờ cõi.

Trương tử nói: Ở chương này thấy dân chúng trung thành, thương mến vua hết sức, đã khuyên nhau xua vào công việc giấu trữ nước đá, lại răn nhau mau làm xong công việc làm ruộng, rồi giết dê dâng lên vua và dâng chén rượu chúc vua tuổi thọ.

*Thiên Thất nguyệt có 8 chương, mỗi chương 11 câu.*

Theo *Chu lê*, chức quan được chương, buổi sáng trọng xuân (tháng 2) đánh trống đất, thổi sáo, hát thơ quốc phong nước Bân để đón khí nóng; buổi đêm trọng thu (tháng 8) cũng làm như thế để đón khí lạnh, tức là nói về bài thơ *Thất nguyệt* này.

Vương thị nói: Người lên quan sát sự biến đổi của tinh tú, mặt trời và sao lật, cúi xuống xem xét sự biến hoá của côn trùng và cây cỏ mà biết thời tiết của trời đất để giao phó công việc cho dân. Đàn bà con gái phục sự ở trong, đàn ông con trai phục sự ở ngoài. Bề trên chân thật thương yêu kẻ dưới, kẻ dưới lấy lòng trung thành làm lợi cho bề trên. Cha đáng phận cha, con đáng phận con, chồng đáng phận chồng, vợ đáng phận vợ. Phụng dưỡng người già cả, thương yêu trẻ con, sống với sức lực của mình làm mà giúp đỡ kẻ yếu đuối. Cúng tế thì đúng lúc, ăn uống vui chơi thì hợp thời, đây là ý nghĩa của bài thơ *Thất Nguyệt* này.

## BÀI THÚ 155

### CHƯƠNG I

鶡 鴂

Xi hiêu. (Bản phong 2)

鶡 鴂 鶡 鴂

1. Xi hiêu, xi hiêu!

既 取 我 子

2. Ký thủ ngā tử,

無 壞 我 室

3. Vô hoại ngā thất.

恩 斯 勤 斯

4. Ân tư cần tư,

鬻 子 之 閔 斯

5. Dục tử chi mẫn tư.

### *Dịch nghĩa*

1. Cú vợ, cú vợ!
2. Mày đã bắt chim con của ta rồi,
3. Thì chớ phá cái ổ của ta.
4. Với lòng thương yêu và ý ân cần dày dặn.
5. Ta đã nuôi đứa con ấy, thật đáng tội nghiệp!

Cú vẹo ơi! Cú vẹo ơi!  
Con ta mây đã bắt rồi còn chi.  
Ở ta, chớ phá đi mây hỡi!  
Bao tình thương mến với ân cần,  
Dưỡng nuôi tội nghiệp bao ngần!

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý. Làm ra lời của chim nói để ví với mình. 鶲鶲 xi hiêu, chim hưu lưu, cú vẹo, loài chim dữ, hay bắt chim con khác mà ăn. 室 thất (nhà), chim gọi cái ổ của mình. 恩 ân, tình ái thương yêu. 勤 cần, dốc chí dầy dặn. 閣 duc, dưỡng nuôi. 閣 mân (đọc mân cho hợp vận binh), ưu lo.

Vũ vương nhà Chu thắng nhà Thương, khiến người em là Quản Thúc Tiên và Thái Thúc Độ coi chừng nước của Vũ Canh, con vua Trụ. Khi Vũ vương băng, Thành vương lên nối ngôi. Chu công làm tướng cho Thành vương, hai vị Quản Thúc và Thái Thúc lấy danh nghĩa của Vũ Canh làm phản, lại phao lời nói xấu khắp trong nước rằng: Chu công sê hại âu chúa. Cho nên Chu công phải đi chinh phạt ở phía đông trong hai năm, mới bắt được Quản Thúc và Vũ Canh giết đi, mà Thành vương vẫn chưa biết ý của Chu công. Chu công mới làm bài thơ này gửi cho Thành vương, mượn việc con chim thương cái ổ của nó, rồi gọi con cú vẹo mà nói rằng: Cú vẹo, Cú vẹo! Mây đã bắt chim con của ta, thì chớ phá cái ổ của ta. Với lòng thương yêu và ý đôn hậu của ta đã nuôi dưỡng đứa con ấy, thành thật là đáng thương xót tội nghiệp. Nay mây đã bắt nó rồi, thật quá ác độc, huống lại còn phá cái ổ của ta nữa hay sao? Nói như thế là để ví với Vũ Canh đã làm

hư Quản Thúc Tiên và Thái Thúc Độ rồi, thì không thể nào  
lại còn phá nhà Chu của ta nữa vậy.

## CHƯƠNG II

迨天之未陰雨

6. Đãi thiên chi vị âm vū,

徹彼桑土

7. Triệt bỉ tang dō.

綢繆牖戶

8. Trù mâu dữ hộ.

今女下民

9. Kim nhữ hạ dân

或敢侮予

10. Hoặc cảm vū dư,

### *Dịch nghĩa*

6. Kịp khi trời chưa đổ mưa u ám,
7. Ta đã bay đến lấy vỏ ở gốc cây dâu,
8. Để rịt lại những lô trống, những kẽ hở.
9. Nay lớp hạ sĩ ngu dân.
10. Hoặc có kẻ dám khinh dể ta sao?

### *Dịch thơ*

*Trước khi mưa xuống âm u,  
Ta tha lấy vỏ gốc dâu bay vè,  
Đừng kẽ hở bốn bề cho kỹ.  
Lớp ngu dân hạ sĩ kẻ nào.  
Dám còn khinh dể ta sao?*

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 迨 *dāi*, kíp, 徹 *triệt*, lấy. 桀土 *tang dō*, gốc cây dâu. 網繆 *trù mâu*, vân quanh rịt lại. 脣 *dū* (cửa sổ), lỗ thông hơi trong cái ổ. 炉 *hò*, cửa ra vào.

Cũng là lời của chim nói: Kịp khi trời chưa đổ mưa u ám, ta bay đến lấy vỏ ở gốc cây dâu để rịt lại những lỗ trống những kẽ hở trên cái ổ, cho ổ được vững chắc mà phòng bị những tai hoạn khi mưa gió ám u. Thì lớp hạ sĩ ngu dân này, ai lại dám có điều khinh dể ta? Nói như thế cũng là để ví với mình đã thương mến sâu đậm nhà Chu, mà phòng những hoạn nạn. Cho nên Khổng tử khen mà nói rằng: Người làm bài thơ này, biết đạo lý chăng? Người có thể trị nước nhà thì ai dám khinh dể?

## CHƯƠNG III

予 手 拈 据

41. Dư thủ cát cư,

予 所 拈 茶

12. Dư sở loát đồ.

予 所 蕃 租

13. Dư sở súc tô,

予 口 卒 痞

14. Dư khẩu tốt đồ.

曰 予 未 有 室 家

15. Viết dư vị hữu thất gia.

### *Dịch nghĩa*

11. Ta đã làm cả tay và miệng

12. Cỏ lau mà ta đã lấy

13. Và đã chửa gom lại dùng để lót ổ.

14. Miệng ta đau trọn vì ngậm tha cỏ lau quá nhọc nhằn.

15. Vì rằng ta chưa có cái tổ.

Ta làm cả mỗ lẩn tay,  
 Đem về cực khổ lau này riêng ta.  
 Gom tụ lại để mà lót ổ.  
 Miệng đau vì ngậm cổ chảng rời.  
 Chỉ vì chưa có ổ thôi.

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý. 据据 *cát cù*, dáng tay và miệng  
 cùng làm. 拈 *loát*, lấy. 茶 *đồ*, cổ hoàn điêu, cổ lau, có thể lót ổ  
 được. 蕃 *súc*, chúa. 租 *tô*, tụ lại. 卒 *tốt*, hết. 痞 *đồ*, bệnh. 室家 *thất*  
 gia (đọc *cô* cho hợp vận), cái ổ.

Cũng là lời của chim nói: Khi bắt đầu làm ổ, thì phải  
 làm việc cả tay và miệng để lấy cổ lau chúa gom lại, lao khổ  
 cho đến nỗi phải đau hết cả vì cái ổ làm chưa xong. Nói như  
 thế để ví với mình trong những ngày trước đã phải khổ nhọc  
 như thế vì có nhà Chu mới tạo lập chưa thành.

CHƯƠNG IV

予 羽 謙 謙

16. Dư vū tiêu tiêu,

予 尾 尾 儒

17. Dư vī tiêu tiêu,

予 室 翹 翹

18. Dư thất kiêu kiêu.

風 雨 所 漂 搖

19. Phong vū sở phiêu diêu.

予 維 音 嘵 嘕

20. Dư duy âm hiêu hiêu.

### *Dịch nghĩa*

16. Lông của ta tàn tệ.
17. Đuôi của ta hư hại,
18. Ổ của ta lại lâm nguy,
19. Vì gió mưa lắt lay dao động.
20. Cho nên ta phải gấp rút kêu lên những tiếng thê thảm.

### *Dịch thơ*

*Xác xơ tàn tệ bộ lông,*

*Đuôi ta hư hại đã không còn gì,*

*Ổ ta lại lâm nguy từng chập,*

*Vì mưa lay gió dập tai bời.*

*Ta kêu thê thảm liên hồi.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý. 譙謙 tiều tiều, tàn tệ. 悶惱 tiều tiều, hư. 翹翹 kiều kiều, nguy. 嘘嘯 hiêu hiêu, gấp rút. .

Cũng là lời của chim nói: Lông thì tàn tệ, đuôi thì hư hại để làm thành cái ổ mà chưa xong thì mưa gió xua tới làm cho ổ phải lắt lay dao động, thì ta kêu lên thê thảm, sao lại chẳng gấp rút cho được chớ? Nói như thế để ví với mình đã tiều tuy vì lao nhọc. Nhà Chu lại chưa yên, lại lâm hoạn nạn cứ thừa cơ hội mà xảy ra, thì người làm bài thơ này để bảo cho Thành vương rõ cũng không thể nào không gấp rút được.

*Thiên Xí hiêu có 4 chương, mỗi chương 5 câu.*

Việc này thấy ở thiên *Kim đằng* trong kinh *Thư*.

## BÀI THÚ 156

### CHƯƠNG I

東山	Đông sơn. (Bàn phong 3)
我徂東山	1. Ngā tồ Đông Sơn,
慆慆不歸	2. Thao thao bất quy.
我來自東	3. Ngā lai tự đông,
零雨其濛	4. Linh vū kỳ mông.
我東曰歸	5. Ngā mông viết quy
我心西悲	6. Ngā tâm tây bi.
制彼裳衣	7. Chế bỉ thường y,
勿士行枚	8. Vật sī hàng mai.
蜎蜎者蠋	9. Quyên quyên giả thục,
烝在桑野	10. Chưng tại tang dã.
敦彼獨宿	11. Đôi bỉ độc túc,
亦在東下	12. Diệt tại xa hạ.

### *Dịch nghĩa*

1. Ta đi đánh giặc ở Đông Sơn.
2. Lâu rồi mà không trở về.
3. Ta từ phía đông mà đến.
4. Mưa rơi lác đác.
5. Nhắc lại khi ta còn ở phía đông, kể lại rằng lúc đi về.
6. Lòng ta vẫn hướng về phía tây mà bi thương.

7. Cho nên ta may những quần áo mặc lúc bình thường kia.
8. Và cho rằng từ nay có thể không còn lo việc ngậm tăm đánh trận nữa.
9. Những con sâu nhung nhúc cử động
10. Cứ ở mãi trong đám ruộng dâu kia.
11. Còn những kẻ mải quanh hiu ở một mình này
12. Thì vẫn nằm nghỉ ở dưới cỗ xe binh mà thôi vậy.

### *Dịch thơ*

*Đến Đông Sơn ta đi đẹp giặc,  
 Mà không về rõ thật lâu rồi,  
 Từ đông trở lại đến nơi,  
 Đường về lác đác mưa rơi nhọc nhằn.  
 Từ phương đông lần lần trở lại,  
 Trông về tây lòng mải xót thương.  
 Ta may quần áo bình thường.  
 Ngậm tăm chẳng bận, chiến trường hết lo.  
 Những sâu kia chen bò lộm ngộm,  
 Cứ ở trong những cụm dâu xanh.  
 Kẻ này hiu quanh một mình,  
 Vẫn nằm dưới cỗ xe binh nhọc nhằn.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 東山 Đông Sơn, vùng đất đã đi chinh phạt. 惺惺 thao thao, đã lâu 零 linh, rơi 濛 mông, dáng mưa rơi 裳 thường. 衣 y, quần áo mặc lúc bình thường. 勿士行

枚 *vật* *sī hàng mai* (đọc *my* cho hợp vận), chưa rõ nghĩa là gì. Trịnh thị nói rằng: 士 *sī*, phụng sự, 行 *hàng*, trận, 枚 *mai*, cây tăm, như cây đũa để ngâm vào miệng, hai đầu có cột dây để buộc vào giữa cổ để không cho nói chuyện được. 蝉 *quyên* *quyên* nhung nhúc cử động. 蟋 *thục*, con sâu ăn lá dâu, giống như con tằm. 燕 *chưng*, tiếng đầu câu khi phát ra lời nói. 敦 *đôi*, dáng ở một mình không dời đổi. Đây thì thuộc hứng.

Thành vương nhà Chu đã được bài thơ “*Xi hiêu*”, lại cảm động vì sự biến hoá của sấm gió, mới bắt đầu tinh ngộ mà đón Chu công, lúc ấy Chu công đi đánh giặc ở phía đông đã ba năm rồi. Chu công đã về, nhân đấy làm bài thơ này để uỷ lạo quân sĩ.

Vì ba quân, Chu công thuật lại ý chí của mình mà nói rằng: Ta đi đánh giặc ở phương đông đã lâu rồi, mà trên đường về lại gặp mưa cực khổ. Nhân nhác lại lúc còn ở phía đông mà kể lại lúc trở về, lòng vẫn hướng về phía tây mà bi thương. Cho nên may những quần áo mặc lúc bình thường và cho rằng từ nay có thể không làm những việc ngâm tăm đánh trận nữa. Đến khi đang đi, lại thấy cảnh vật mà khởi hứng, mới tự than rằng: Những con sâu nhung nhúc cử động nọ thì ở trong đám ruộng dâu kia, còn những kẻ ở quạnh hiu một mình này vẫn nằm nghỉ ở dưới cỗ xe mà thôi, thật là khổ nhọc!

## CHƯƠNG II

我徂東山

13. Ngā tồ Đông sơn,

慆慆不歸

14. Thao thao bất quy.

我來自東

15. Ngā lai tự đông,

零雨其濛

16. Linh vũ kỳ mông.

果 廪 之 實	17. Quả loā chi thực,
亦 施 于 宇	18. Diệc dị vu vū.
伊 威 在 室	19. Y uy tại thất.
蠭 蛟 在 戶	20. Tiêu tiêu tại hộ.
町 隅 鹿 場	21. Đinh thoản lộc trường.
燐 燐 宵 行	22. Dực diệu tiêu hàng.
亦 可 畏 也	23. Diệc khả uỷ dā
伊 可 懷 也	24. Y khả hoài dā.

### *Dịch nghĩa*

13. Ta đi đánh giặc ở Đông sơn,
14. Lâu rồi mà không trở về.
15. Ta từ phía đông mà đến,
16. Mưa rơi lác đác.
17. Trái dây dưa quả loā
18. Cũng thấy kết lan ra ở dưới đất bên nhà.
19. Con bọ đất thì thấy khắp trong nhà.
20. Con nhện thì giăng lưới ngang cửa.
21. Hẻm bên nhà thì hươu nai dùng làm lối đi.
22. Con giời thì bò sáng lấp loè.
23. Đi xa lâu ngày, nhà cửa hoang tàn như thế thật đáng sợ thay!
24. Ta cũng chỉ có thể tưởng nhớ mà thôi.

### *Dịch thơ*

*Giặc Đông sơn ta đi đến đánh*

*Mà không về chợt tinh lâu thay  
Từ đông trở bước lại đây,  
Đường về lác đác mưa bay lạnh lùng.  
Dưa quả loã két thòng những trái.  
Đất bên nhà đã thấy mọc dày.  
Khắp nhà bọ đất nhủi dày.  
Nhện thì giăng lưới ở ngay cửa vào.  
Hèm thì hươu báy lâu làm lôi,  
~ Sáng lập loè trong tối những giờ.  
Hoang tàn như thế kinh người,  
Thì dành tướng nhớ để rồi về thăm.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 果贏 *quả loã*, cây quát lâu (một loại dây bò có trái như trái dưa, có hột dùng ép lấy dầu, gốc cây có thể chế làm phấn trắng như tuyết). 施 *dị*, mọc lan ra. Dây quả loã mọc lan ra ở dưới bên nhà. 伊威 *y uy*, con thủ phụ, con bọ đất (ưa nhủi trong đất ẩm thấp dưới gốc tường). Trong nhà không quét sạch thì có con ấy. 蟻蜎 *tiêu tiêu*, thứ nhện nhỏ, trong nhà không có người vào ra thì nó giăng lưới khắp nơi. 町畠 *dình thoản*, khoảng đất ven bên nhà, không có người ở thì hươu nai lấy đó làm sân để đi qua lại. 煙燿 *dực diệu*, sáng lập lè, 行 *tiêu hàng*, con giờ, giống như con tằm, bò đi trong ban đêm, dưới cổ có ánh sáng như đom đóm.

Bốn câu ở đầu chương nói về việc đi và về khó nhọc. Đi đánh giặc ở ngoài đã lâu cho nên ở mỗi chương đều có nhắc lại, để thấy lòng cảm nhớ thâm thiết của người.

Bèn nói rằng: Ta bận đi đánh giặc ở phía đông mà nhà cửa hoang phế đến nỗi như thế, cũng đáng sợ thay! Nhưng há lại đáng sợ mà không trở về hay sao? Ta cũng chỉ có thể tưởng nhớ mà thôi. Đây là thuật lại lòng nhớ nhà khi trở về mà chưa đến.

### CHƯƠNG III

- |      |                         |
|------|-------------------------|
| 我徂東山 | 25. Ngã tổ Đông sơn,    |
| 慆慆不歸 | 26. Thao thao bất quy.  |
| 我來自東 | 27. Ngã lai tự đông,    |
| 零雨其濛 | 28. Linh vū kỳ mông.    |
| 鸞鳴于堦 | 29. Quán minh vu diệt   |
| 婦嘆于室 | 30. Phụ thán vu thất.   |
| 酒埽穹窒 | 31. Sái tảo khung trát. |
| 我征聿至 | 32. Ngã chinh duật chí, |
| 有敦瓜苦 | 33. Hữu đôi qua khổ,    |
| 烝在栗薪 | 34. Chung tại lật lân   |
| 自我不見 | 35. Tự ngã bất kiến,    |
| 于今三年 | 36. Vũ kim tam niên.    |

#### *Dịch nghĩa*

25. Ta đi đánh giặc ở Đông Sơn,
26. Lâu rồi mà không trở về.
27. Ta từ phía đông mà đến.
28. Mưa rơi lác đác,

29. Chim sếu kêu gò kiến.
30. Người vợ nhớ chồng than thở ở trong nhà.
31. Nàng rươi nước quét dọn và lắp những hang lỗ trong nhà.
32. Thì chồng nàng đi đánh giặc ở xa hốt nhiên về đến.
33. Vẫn thấy có dây khổ qua.
34. Thông xuống ở trên cây lật,
35. Thì nói rằng: Từ khi anh vắng mặt ở đây.
36. Đến nay đã ba năm.

### *Dịch thơ*

*Giặc Đông Sơn ta đi trừ dứt,  
 Không trở về rõ thực đã lâu.  
 Từ phương đông trở lại mau.  
 Đi về lác đác dãi dầu mưa rơi.  
 Chim sếu kêu đậu nơi gò kiến.  
 Vợ nhớ chồng buông tiếng thở than.  
 Rươi và quét, lắp lỗ hang.  
 Hốt nhiên đã thấy bóng chàng đến nơi.  
 Khóm khổ qua nay thời trông lại,  
 Vẫn trên hành lật ấy nhẹ buông.  
 Từ khi vắng mặt tha hương.  
 Đến nay thầm thoát đã dường ba năm.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 鶲 quán, chim sếu, loài chim nước, giống như con hạc. 殤 diệt (đọc đậm cho hợp vận), cái gò

kiến dùn, gò đất nhỏ. 穹窒 *khung trát*, lấp hang trống lại (xem ở thiên *Thất nguyệt*). Trời sắp đổ mưa tối tăm, những loài vật sống ở hang sâu biết trước. Cho nên con kiến bò lên gò, con sâu bay đến mồ ăn và kêu ở trên gò ấy.

Vợ của kẻ đi đánh giặc cũng nhớ đến nỗi khổ nhọc của chồng mà than thở ở nhà. Nàng rưới nước quét dọn lấp bịt hang lỗ lại cho sạch sẽ để chờ chồng về. Thì chồng đi xa hốt nhiên về đến, nhận thấy trái khổ qua (mướp đắng) thòng xuống ở trên cây lật liền nói rằng: Từ khi anh vắng chỗ này, cũng đã ba năm rồi.

栗 *Lật*, cây lật, thứ cây rất thích hợp với đất nhà Chu, cùng dây khổ qua đều là những vật nhỏ mọn; người đi xa thấy lại cây lật và dây khổ qua mà mỉm lên thì có thể biết là người đi xa đã lâu và lòng người cảm động thấm thía.

## CHƯƠNG IV

我徂東山

37. Ngã tồ Đông Sơn,

愬愬不歸

38. Thao thao bất quy.

我來自東

39. Ngã lai tự đông,

零雨其濛

40. Linh vū kỳ mōng.

倉庚于飛

41. Thương canh vu phi,

熠燿其羽

42. Dực diệu kỳ vū.

之子于歸

43. Chi tử vu quy,

皇駁其馬

44. Hoàng bác kỳ mā.

親結其綺

45. Thân kết kỳ ly.

九十其儀

46. Cửu thập kỳ nghi.

其 新 孔 嘉

47. Kỳ tân khổng gia.

其 舊 如 之 何

48. Kỳ cựu như chi hè?

*Dịch nghĩa*

37. Ta đi đánh giặc ở Đông Sơn,

38. Lâu rồi mà không trở về.

39. Ta từ phía đông đến đây,

40. Mưa rơi lác đác.

41. Chim thương canh (hoàng ly) bay.

42. Sắc lông tươi sáng.

43. Nàng đi lấy chồng.

44. Xe rước dâu thì thăng ngựa vàng đốm trăng và ngựa đốm trăng.

45. Bà mẹ thì giặt thắt lưng cho nàng.

46. Nghi lễ nhiều đến chín mươi thứ.

47. Những quân sĩ trở về mới lập gia đình thì rất vui thích.

48. Còn những quân sĩ trước đây có gia đình rồi, nay vợ chồng cũ gặp nhau thì vui thích biết là dường nào?

*Dịch thơ*

*Đến Đông Sơn ta đi chinh phạt,*

*Không trở về lâu thật đây mà.*

*Từ phương đông vội tách xa.*

*Đi về lác đác mưa sa dặm dài.*

*Chim thương canh lướt bay thấp thoáng.*

*Đẹp xinh và tươi sáng sắc lông.*

*Có người con gái lấy chồng.*

*Rước dâu hai thứ ngựa bông đỏ vàng.*

*Mẹ thì giắt cho nàng lưng dời.*

*Nghi lễ nhiều đã tới chín mươi.*

*Vui thay mới cưới những người!*

*Vợ chồng cũ gặp mừng thời xiết bao?*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú mà hứng. Chim thương canh (hoàng ly) bay là mùa cưới gái. 煙燭 情意 diệu, tươi sáng. 皇 hoàng, ngựa sắc lông vàng trắng lộn nhau. 駮 bắc, ngựa sắc đỏ có lộn đốm trắng. 纔 ly (có thể đọc la), sợi dây để thắt lưng. Mẹ sửa soạn cho con gái, lấy áo mặc cho và lấy khăn giắt vào thắt lưng. 九十其儀 cửu thập kỳ nghi (có thể đọc nga), chín mươi nghi lễ, ý nói nhiều nghi lễ.

Phô bày những vật được thấy theo thời tiết để khởi hứng mà nói rằng: Những quân sĩ đi đánh giặc phía đông trở về, kẻ chưa lập gia đình lo việc cưới hỏi cho kịp thời, thì rất là vui đẹp. Còn kẻ đã có gia đình rồi, thì khi vợ chồng gặp lại nhau, mừng vui biết là dường nào?

*Thiên Đông Sơn có 4 chương, mỗi chương 12 câu.*

Bài tự ở sách *Mao thi* nói rằng: Chương I nói quân đội trở về được hoàn toàn không người chết, chương II nói quân sĩ trở về chưa đến nhà mà đã trông nhớ chương III nói gia đình trông đợi anh trở về, chương IV thì vui mừng cho trai gái thành vợ chồng được kịp thời.

Người quân tử đã sai khiến được dân, vì biết đến tình ý của dân mà thương xót nỗi nhọc nhằn lao khổ của dân, cho nên dân được vui.

Khiến cho dân vui lòng để sai khiến, dân quên việc chết  
chóc ngoài chiến trận mà nghe theo, thì chỉ có bài thơ Đông  
Sơn này là khiến dân được việc ấy hay sao? Kẻ ngu này nói  
hoàn toàn (về chương I) là ý quân đội được toàn vẹn trở về,  
không có nỗi khổ tâm kẻ chết người bị thương, nói trông nhớ  
(về chương II) là ý về chưa đến nhà nên mới trông nhớ, có  
lòng sâu hận, nói gia đình chờ anh, trai gái thành vợ chồng  
kịp thời, thì toàn là những điều mà trong lòng mong ước  
chẳng dám nói ra. Ấy là người bực trên thừa lúc trước khi  
chưa phát ra mà ca vịnh để an ủi những nỗi nhọc nhằn khổ  
sở của dân, thì lòng hân hoan cảm kích của dân sẽ thầm thía  
biết là dường nào? Vì rằng những bài thơ an ủi ngày xưa đều  
là như thế, giữa người trên kẻ dưới, tâm tình và ý chí tin  
tưởng lẫn nhau. Tuy giữa cha con trong nhà nói chuyện với  
nhau cũng không ngoài lẽ ấy. Bởi vậy mới duy trì cống cố  
được hàng ngàn năm cũng không có một sờm nào đổ vỡ vậy.

## BÀI THỨ 157

### CHƯƠNG I

破斧

Phá phủ. (Bân phong 4)

既破我斧

1. Ký phá ngã phủ,

又缺我斨

2. Hựu khuyết ngã thương.

周公東征

3. Chu công đông chinh.

四國是皇

4. Tứ quốc thị hoàng.

哀我人斯

5. Ai ngã nhân tư,

亦孔之將

6. Diệc khổng chi tướng.

### *Dịch nghĩa*

1. Đã hư cây búa lỗ hình thuẫn của ta,
2. Lại mẻ cây búa lỗ hình vuông của ta.
3. Chu công đi chinh phạt ở phía đông.
4. Khiến các nước trong bốn phương đều sửa mình đứng đắn.
5. Thì lòng Chu công đã thương xót bọn quân sĩ chúng ta (vì phải khôi di sửa trị nhiều nơi.)
6. Cũng là rất to tát vậy.

### *Dịch thơ*

*Búa lỗ tròn nay thì hư cả,  
Búa lỗ vuông cũng đã mẻ sâu.  
Chu công đông phạt bấy lâu,  
Để mà chấn chỉnh chư hầu bốn phương.  
Lòng Chu công xót thương ta thật.  
Cũng rất là to tát vô cùng!*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú.斧 phủ, cây búa mà lỗ tra cán hình thuẫn.斤 thương, cây búa mà lỗ tra cán hình vuông. Hai thứ búa đều là những khí giới dùng để đi chinh phạt.四國 tứ quốc, những nước trong bốn phương.皇 hoàng, sửa cho đúng.. 將 tương, to tát.

Những chiến sĩ tùng quân, vì ở thiên trước đã được Chu công an ủi ân cần, mới nói như thế này để đáp lại ý của Chu công. Nói rằng: Việc đi chinh phạt phía đông đã khiến cây búa lỗ hình thuẫn của ta hư, cây búa lỗ hình vuông của ta

mě, thật là khổ nhọc vậy. Nhưng mà Chu công đã làm việc ấy, là để khiến các nước trong bốn phương không một ai dám đi ra ngoài chính đạo, rồi sau mới thôi. Đó lòng Chu công thương xót chúng ta há lại chẳng to tát hay sao? Như thế chúng ta đã khổ nhọc đến nỗi hư mě các búa mà theo chính nghĩa thì không thể nào từ nan được vậy.

Còn như Quản Thúc Tiên và Thái Thúc Độ đã phao lời phỉ báng Chu công, Chu công phải đem sáu cánh quân đông đảo đi sửa trị, khiến lòng Chu công đã phải một lần hành động theo tình riêng không theo nghĩa chung vì thiên hạ, thì dẫu được vỗ về ân cần và an ủi tha thiết đến mấy, quân sĩ tung chinh ấy há lại không oán trách hay sao?

Nay xem bài thơ này, thì hẳn đã đủ thấy rõ lòng của Chu công rất công bằng ngay thẳng. Cả thiên hạ đều tin là Chu công không có mảy may gì về riêng tay tự ái. Hoặc giả lại để thấy rằng trong thời ấy tuy là những quân sĩ mặc áo giáp dày, cầm binh khí nhọn lại đều có thể lấy bụng của Chu công làm bụng của mình, mà không còn ai tính đến phương kế riêng của bản thân hay của gia đình mình. Bởi vì nhân dân lúc bấy giờ chẳng ai lại không phải là môn đồ của thánh nhân vậy.

Vậy học giả nên ngâm nghī lē ấy cho nhuần thực sē nhận định được. Thì lòng chính đại của Chu công và chân tình của trời đất sē nhận thấy được vậy.

## CHƯƠNG II

既破我斧

7. Ký phá ngā phủ.

又缺我鑄

8. Hựu khuyết ngā kỵ,

周公東征

9. Chu công đông chinh.

四 國 是 吠

10. Tứ quốc thị ngoa.

哀 我 人 斯

11. Ai ngã nhân tư

亦 孔 之 嘉

12. Diệc không chi gia.

### *Dịch nghĩa*

7. Đã hứ cái búa lỗ hình thuẫn của ta,
8. Lại mẻ cây đục của ta,
9. Chu công đì chinh phạt ở phía đông,
10. Khiến các nước trong bốn phương đều cải hoá theo.
11. Thị lòng Chu công đã thương xót bọn quân sĩ chúng ta.
12. Cũng là rất tốt vậy.

### *Dịch thơ*

*Búa lỗ tròn nay thì đã hỏng,*

*Cây đục ta lại cũng mẻ rồi.*

*Chu công đông phạt bao hồi.*

*Thầy đều cải hoá khắp nơi chư hầu.*

*Lòng Chu công đơn đau thương xót*

*Đến chúng ta rất tốt đẹp thay!*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 既 kỳ (đọc cá cho hợp vận), cây đục 吠 ngoa, cải hoá theo. 嘉 gia, tốt lành.

### CHƯƠNG III

- 既 破 我 斧      13. Ký phá ngā phủ,  
又 缺 我 錄      14. Hựu khuyết ngā cầu,  
周 公 東 征      15. Chu công đông chinh,  
四 國 是 遙      16. Tứ quốc thị tù.  
哀 我 人 斯      17. Ai ngā nhân tư,  
亦 孔 之 休      18. Diệc khổng chi hưu.

#### *Dịch nghĩa*

13. Đã hư cây búa lõi hình thuẫn của ta,  
14. Lại mẻ cây đục của ta.  
15. Chu công đi chinh phạt ở phương đông.  
16. Khiến các nước trong bốn phương đều cố kết chặt chẽ  
để tôn thờ nhà Chu.  
17. Thị lòng của Chu công đã thương xót bọn quân sĩ  
chúng ta.  
18. Cũng là rất đẹp đẽ vậy.

#### *Dịch thơ*

*Búa lõi tròn nay đã huỷ hoại.*

*Cây đục ta thì lại mẻ cùng.*

*Đông chinh ngàn dặm, Chu công.*

*Bốn phương đoàn kết phục tùng nhà Châu.*

*Lòng Chu công xót đau ta thật,*

*Cũng rõ ràng là rất đẹp thay!*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. 錄 câu, cây đục để đục gỗ. 適 tú, đoàn kết củng cố lại. 休 hưu, đẹp.

*Thiên Phá phủ có 3 chương, mỗi chương 6 câu.*

Phạm thị nói: Ông Tượng (em một cha khác mẹ của ông Thuấn) hằng ngày chỉ tìm cách giết ông Thuấn. Ông Thuấn làm thiên tử thì lấy đất đai và chức tước phong cho ông Tượng.

Còn Quản Thúc Tiên và Thái thúc Độ (em của Chu công) mở đường cho Vũ Khang con của vua Trụ nhà Thương làm phản. Chu công làm tướng quốc thì giết Quản Thúc Tiên và Thái thúc Độ.

Cách cư xử của vua Thuấn và của Chu công tuy là không đồng nhau, mà đạo lý thì chỉ có một mà thôi. Vì rằng tai họa của ông Tượng gây ra chỉ hại đến một mình ông Thuấn mà thôi, cho nên vua Thuấn phong cho ông Tượng.

Còn Quản và Thái phao lời phỉ báng sẽ nguy hại cho Chu công mà còn ly gián cả nhà Chu nữa, có tội đối với cả nước, cho nên Chu công phải giết Quản và Thái đi. Đây là chẳng phải riêng Chu công giết hai người ấy mà là cả nước phải giết hai người ấy, thì Chu công há lại có thể vì tình mà riêng tay hay sao?

## BÀI THỨ 158

### CHƯƠNG I

伐 柯

Phạt kha. (Bân phong 5)

伐 柯 如 何

1. Phạt kha như hà?

匪 斧 不 克

2. Phỉ phủ bất khắc.

- 取妻如何  
匪媒不得
3. Thủ thê như hà?  
4. Phỉ môi bất đắc.

*Dịch nghĩa*

1. Đẽo cán búa phải làm sao?
2. Nếu không có cây búa thì chǎng xong việc.
3. Cưới vợ phải như thế nào?
4. Nếu không có bà mai thì không được,

*Dịch thơ*

*Đẽo cán búa phải làm sao thế?  
Không búa thì chǎng dẽ nên công.  
Vợ mà muốn cưới cho xong,  
Thiếu người mai mối, chǎng hòng nên duyên.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý, 柯 *kha*, cán búa, 克 *khắc*, có thể xong việc, 媒 *môi*, bà mai, đem lời của hai họ, nhà trai nhà gái cho thông hiểu nhau.

Lúc Chu công ở phương diện người phương đông nói lên những lời này để ví việc muốn gặp Chu công rất khó trong những ngày thường.

**CHƯƠNG II**

- 伐柯伐柯  
其則不遠
5. Phạt kha, phạt kha!  
6. Kỳ tặc bất viễn.

我 邊 之 子

邊 豆 有 践

7. Ngā câu chi tử,

8. Biên đậu hữu tiễn.

### *Dịch nghĩa*

5. Đēo cán búa, đēo cán búa!

6. Thị cách thức đâu có xa (cán búa cũ thế nào thì đēo y theo thế ấy).

7. Nàng mà ta gặp để cưới,

8. (Ở buổi lễ vợ chồng ăn uống chung mâm với nhau) có những đĩa đựng lễ vật bày thành hàng thành dây. (Cũng như hôm nay ta đã gặp Chu công rất dễ dàng khi ta biết cậy người giới thiệu và biết giữ lễ nghi đến xin bái yết).

### *Dịch thơ*

*Đēo cán búa thì ta lo đēo.*

*Cách thức làm cho khéo xa nào!*

*Gặp nàng trong lễ sơ giao,*

*Đĩa bày lễ vật kề nhau thành hàng.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc tý, 則 tǎc, phép tắc, 我 ngā, ta, tiếng của người ở phía đông tự xưng, 之子 chi tử, nàng ấy, chỉ người vợ ấy mà nói, 邊 biên, cái biên như cái đĩa, cái mâm có chân làm bằng tre đan để đựng lễ vật cúng tế, 豆 đậu, cái bát, tiện bằng gỗ (trên có nắp, dưới có chân, ngoài sơn đen, trong sơn đỏ để đựng lễ vật cúng tế), 践 tiễn, dáng bày ra có hàng có dây.

Nói rằng đeo cán búa thì phải có cây búa, chẳng qua là đo cái cán của cây búa cũ mà rập theo thì được cách thức của cán búa mới.

Và cưới vợ thì phải có người mai, cũng chẳng qua do người mai ấy mà mình thấy được vợ để thành lễ vợ chồng ăn uống chung mâm với nhau.

Người ở phía đông nói những lời này để ví với việc hôm nay được gặp Chu công rất dễ.

Đây là lời của dân chúng ở phía đông mến thích Chu công rất sâu xa.

*Thiên Phat kha có 2 chương, mỗi chương 4 câu.*

## BÀI THÚ 159

### CHƯƠNG I

九 翳	Cửu vực. (Bản phong 6)
九 翳 之 魚	1. Cửu vực chi ngư.
鱣 鮎	2. Tôn phòng.
我 邊 之 子	3. Ngā cầu chi tử,
袞 衣 繡 裳	4. Cổn y tú thường.

### *Dịch nghĩa*

1. Những con cá mắc vào cái lưới có chín túi
2. Là cá tôn, cá phòng.
3. Chu công người mà ta được gặp
4. Mặc áo cổn và quần thêu.

## Dịch thơ

Cá măc vào lưới nầy chín túi,  
Có cá tôn lại với cá phòng.  
Ta vừa gặp được Chu công,  
Thấy người áo cỗn măc cùng quần thêu.

### Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng 九 署 cửu vực, lưới có chín túi để cá măc vào, 鱈 tôn, như cá hồn mà vảy nhỏ, mắt đỏ, 鮎 phòng, cá phòng, đã biết qua trong những bài trước. Cá tôn và cá phòng đều là những loại cá ngon. 我 ngā, ta, người ở phía đông tự xưng, 之子 chi tử, ông ấy, chỉ Chu công, 衣裳 cỗn y thường, áo quần lễ phục có 9 thứ 5 (5 thứ áo và 4 thứ quần) 1-Long, 2-Sơn, 3-hoa trùng, tức chim trī, 4-hoả, 5-tông di, tức hổ duy, đều là thêu ở áo, 6-toả, 7-phấn mῆ, 8-phủ, 9-phất, đều là thêu ở quần. Áo cỗn của thiên tử thì có thêu vẽ hai con rồng. 1 con thăng lên, 1 con giáng xuống. Áo cỗn của Thượng công Đán (Chu công) thì có thêu 1 con rồng giáng xuống. Vì hình đầu con rồng uốn khúc, cho nên gọi cỗn 衣裳, đồng âm với 卷 cỗn, quyển là uốn khúc).

Đây cũng là lúc Chu công ở phía đông, người phía đông mừng được gặp ngài, mà nói rằng: cái lưới có chín túi thì có cá tôn, cá phòng. Ta đã gặp được Chu công thì đã thấy áo cỗn và quần thêu của ngài.

## CHƯƠNG II

鴻 飛 遼 渚

公 歸 無 所

5. Hồng phi tuân chử,

6. Công quy vô sở?

*Dịch nghĩa*

5. Chim hồng bay noi theo cồn nhỏ.
6. Chu công trở về, há lại không có chốn nơi hay sao?
7. Nay ngài còn ở đây, chỉ là ở thêm một đêm nữa với mây mà thôi vậy.

*Dịch thơ*

*Chim hồng bay noi theo cồn nhỏ.*

*Công về há chẳng có chốn nơi?*

*Ở thêm đêm với mây thôi.*

*Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hứng, 遵 tuân, noi theo, 處 chử, cái cồn nhỏ 女 nhữ, mây, người phía đông gọi mây tao với nhau, 信 tín, trú ngụ thêm một đêm nữa.

Người ở phía đông nghe Thành vương sắp rước Chu công, lại bảo nhau rằng: Chim hồng bay thì noi theo cồn nhỏ. Chu công trở về há lại không có chốn nơi hay sao? Nay ngài chỉ ở thêm một tối nữa với chúng mây mà thôi vậy.

**CHƯƠNG III**

鴻飛遼陸

8. Hồng phi tuân lục.

公歸不復

9. Công quy bất phục.

於女信宿

10. Ư nhữ tín túc.

### *Dịch nghĩa*

8. Chim hồng bay noi theo chỗ đất cao mà bằng.
- 9 Chu công về thì không trở lại phía đông nữa.
10. Nay ngài còn ở đây, chỉ là trọ thêm một đêm nữa với mây mà thôi vậy.

### *Dịch thơ*

*Chim hồng bay noi theo gò phẳng.*

*Chu công về thì chẳng trở qua.*

*Trọ thêm đêm với mây mà.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú 陸 lục, đất cao mà bằng, 不復 bát phục, nói sẽ làm tướng quốc cho nhà Chu mà không trở sang đông nữa.

## CHƯƠNG IV

是以有袞衣兮

11. Thị dī hữu cỗn y hế!

無衣我公歸兮

12. Vô dī ngā công quy hế!

無使我心悲兮

13. Vô sử ngā tâm bi hế!

### *Dịch nghĩa*

11. Vì thế mà phía đông có được Chu công mặc áo cỗn.
12. Người của Thành vương chớ đem Chu công của chúng tôi về
13. Chớ làm cho lòng chúng tôi phải sầu thảm (vì Chu công đi về thì không trở lại nữa).

## *Dịch thơ*

*Thế phương đông có người mặc cổn!  
Vậy xin ai chờ đón công vê.  
Chờ làm ta phải não nè.*

## *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc phú. Tiếp theo hai chương trên, nói Chu công đã ở lại đây một đêm nữa, đã trợ lại đây một đêm nữa, ấy là phía đông đã hân hạnh có được người ấy mặc áo cổn. Dân chúng phía đông lại ước mong Chu công hãy ở lại đây, người của Thành vương chờ vội rước Chu công về. Chu công về thì sẽ không trở lại nữa, sẽ khiến lòng chúng tôi sầu thảm.

*Thiên Cửu vực có 4 chương, 1 chương 4 câu và 3 chương 3 câu.*

## BÀI THÚ 160

### CHƯƠNG I

狼跋	Lang bạt. (Bản phong 7)
狼跋其胡	1. Lang bạt kỳ hồ,
載疐其尾	2. Tái trí kỳ vĩ.
公孫碩膚	3. Công tốn thạc phu,
赤舄几几	4. Xích tích kỷ kỷ.

## *Dịch nghĩa*

1. Chó sói bước tới thì đạp nhầm miếng da thòng ở cổ.
2. Thoái lui thì đạp nhầm cái đuôi.

- Chu công từ tốn những vinh quang to tát và đẹp đẽ.
- Ngài mang đôi giày đỏ một cách rất tự nhiên trang trọng.

### *Dịch thơ*

*Da thòng cổ, tới đạp lên,  
Sói lui thì vấp, đạp trên đuôi dài.  
Công tử danh dự đẹp này.  
Mang đôi giày đỏ dáng ngài đoan trang.*

### *Chú giải của Chu Hy*

Chương này thuộc hùng 跋, đạp lên, 胡 hồ, miếng da thòng ở trước cổ chó sói, 载 tái, thì 蹤 trí, vấp vấp. Chó sói già thì có miếng da thòng ở dưới cổ, hễ tiến tới thì đạp nhầm miếng da thòng ở cổ ấy, thoái lui thì đạp nhầm cái đuôi, 公 công, Chu công, 孫 tốn, khiêm nhường, từ tốn, 碩 thạc, to lớn, 膚 phu, đẹp. 赤舄 xích tích, giày đỏ khi mặc lẽ phục và đội mào 几几 kỷ kỷ, dáng yên ổn trọng hậu.

Chu công dẫu bị lời phi báng nghi ngờ, nhưng cách xử trí của ngài không mất độ thường, cho nên mới được nhà thơ khen ngợi. Nói rằng: Chó sói bước tới thì đạp nhầm miếng da thòng ở cổ, thoái lui thì đạp nhầm cái đuôi (ý nói tiến thoái đều khó khăn). Còn Chu công gấp phải biến cố vì lời phao truyền phi báng, mà cách ăn ở đi đứng vẫn an nhiên, tự đắc như thế, bởi vì với đạo cao đức cả ngài vẫn được yên vui, đức hạnh ấy không thể nào nói xiết được. Cho nên tuy gấp đại biến, ngài vẫn không mất độ thường.

Ôi! Chu công bị phi báng vì lời phao truyền của Quản Thúc Tiên và Thái Thúc Độ, mà nhà thơ cho đó không phải do những người ở bốn phương trong nước làm ra, nhưng

chính vì Chu công tự ý từ tốn những cái to tát đẹp đẽ kia, không nhận về phần mình là để khiếu cho những miệng gièm pha không được gá tiếng xấu vào lòng trung thành sáng suốt của Chu công. Do đó ta có thể thấy tấm lòng của nhà thơ yêu mến Chu công rất sâu xa, kính trọng Chu công rất cùng cực. Mà phần lập ngôn của người trong bài thơ này cũng có phép tắc lắm.

### CHƯƠNG III

- |         |                       |
|---------|-----------------------|
| 狼 売 其 尾 | 5. Lang trí kỳ vī,    |
| 載 跋 其 狐 | 6. Tại bạt kỳ hô.     |
| 公 孫 碩 膚 | 7. Công tốn thạc phu, |
| 德 音 不 瑕 | 8. Đức âm bất hà,     |

#### *Dịch nghĩa*

5. Chó sói thối lui thì đạp nhầm cái đuôi,
6. Bước tới thì đạp nhầm miếng da thòng ở cổ.
7. Chu công từ tốn những vinh dự to tát và tốt đẹp.
8. Cho nên danh dự tốt đẹp của ngài không bị tỳ vết nào cả.

#### *Dịch thơ*

*Lui thì sói vấp đuôi dài,  
Miếng da thòng cổ tiến thời đạp qua.  
Công từ danh dự vinh hoa  
Tiếng tăm chẳng bị tỳ hè tốn thương.*

## Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng 德音 đức âm, danh dự tốt, 瑕 hà (đọc hò cho hợp vận), vết xấu.

Trình tử nói: chu công xét xử lấy mình thì lúc nào cũng nơm nớp giữ lòng kính cẩn lo sợ. Chu công giữ lòng chân thành thì lồng lộng thản nhiên không có ý lo nghĩ trở lại. Cho nên ngài không mất đức độ của bực thánh nhân, mà danh dự tốt của ngài cũng không có tỳ vết gì cả.

*Thiên Lang bạt có 2 chương, mỗi chương 4 câu.*

Phạm thị nói: Con rồng thần khi trầm dưới vực, khi bay lên trời, có thể to lớn lên, có thể bé nhỏ lại, biến hoá không thể nào lường được. Nhưng sở dĩ người ta bắt được nó để nuôi như chó như dê vì cớ nó có lòng ham muốn. Và nếu người ta nuôi nó được, thì người ta cũng có thể xẻ thịt nó mà ăn được. Phàm những loại ham muốn thì không loài nào là không có thể bị người ta chế ngự.

Duy bực thánh nhân là không có lòng ham muốn, cho nên vạn vật trong khoảng trời đất không thể dời đổi lòng dạ của người được. Giàu sang, nghèo hèn, chết sống cũng như lạnh nóng, như ngày đêm cứ thay đổi nhau ở trước mắt, ta há vì thế mà có hai lòng hay sao?

Ta cũng chỉ thuận theo mà nhận lấy thôi vậy.

Vua Thuấn nhân lấy thiên hạ của vua Nghiêu nhường cho, mà không cho đó là quá đáng.

Khổng tử bị khốn ở nước Trần nước Thái mà không lấy đó làm lo buồn.

Chu công, ở xa thì bị những nước trong bốn phương phao truyền tiếng xấu, ở gần thì bị Thành vương không hiểu biết lòng dạ của ngài, nhưng ngài vẫn ung dung mang đôi giày đỗ

đi đứng một cách tự nhiên trang trọng. Tiếng tốt của ngài không bị tỳ ố, vì ngài đã đến chỗ nhất trí vậy.

*Thơ quốc phong nước Bân có 7 thiên, 27 chương, 203 câu.*

Trình Nguyên hỏi Văn Trung tử: Dám xin hỏi thơ phong nước Bân thuộc loại phong nào? Đáp: thuộc loại biến phong. Trình Nguyên lại hỏi: Ngay giữa cảnh giới của Chu công mà cũng có biến phong hay sao? Đáp: Những lời vua tôi trách nhau mà có thể là thơ chính phong được hay sao? Bởi vì Thành vương vẫn nghi ngờ Chu công, thì thơ phong đã biến rồi vậy. Nếu chẳng phải là Chu công rất mực chân thành, thì ai có thể cuối cùng khiến trở thành chính phong được?

Trình Nguyên lại hỏi: Thơ Bân phong bị sắp à cuối phần thơ biến phong là tại làm sao? Đáp: Từ thời Di vương trở về sau, thơ biến phong không trở thành chính phong được, vì thế mà Khổng tử lấy làm thương tâm. Cho nên mới kết thúc phần biến phong bằng thơ Bân phong, là ý nói thơ biến phong này có thể trở thành chính phong, mà chỉ có Chu công mới có thể làm được việc ấy. Cho nên cho liên hệ vào thơ chính phong, là ý nói tuy biến đầy mà có thể trở thành chính, dẫu nguy đầy mà có thể vững được, thuỷ chung không mất cản bắn, chỉ có một mình Chu công vậy thôi!

Thơ Bân phong được liên hệ vào chính phong, quả có ý nghĩa sâu xa thay!

Quan dược chương thổi sáo, hát thơ Bân phong để rước khí nóng hay đón khí lạnh thì đã thấy ở thiên *Thất nguyệt* (Bân phong 1, bài 154)

Lại nói rằng: Cầu đảo với Thần nông cho năm được mùa, thì thổi sáo hát bài *Bân nhã* (tức thiên *Thất nguyệt*) để làm vui cho thần đồng ruộng. Cúng tế lễ tất niên thì cũng thổi sáo hát bài *Bân tụng* (tức thiên *Thất nguyệt*) để người già cả ăn uống nghỉ ngơi, thì nay khảo xét trong kinh *Thi* cũng

chưa thấy ở thiên nào hay ở chương nào. Cho nên Trịnh Thị phân thiên *Thất nguyệt* làm ba phần để ứng vào việc ấy.

Bài *Thất nguyệt* nói về tình tứ, thì nó thuộc về thơ phong, chính đính những lẽ tiết trong năm, thì nó thuộc về thơ nhã, vui mừng việc thành công, thì nó thuộc về thơ tụng.

Nhưng mà một thiên thơ, đầu và cuối ứng hợp nhau, lại cắt riêng ra một đoạn mà dùng, thì e rằng không có cái lẽ ấy. Cho nên Vương thị không nhận, mà chỉ nói là vốn đã có bài thơ ấy mà nay đã mất rồi. Thuyết ấy cũng gần đúng vậy.

Hoặc giả lại nghi là chỉ nên lấy toàn thiên *Thất nguyệt*, tuỳ theo sự thể mà biến đổi âm tiết, hoặc cho là thơ phong, hoặc là thơ nhã, hoặc là thơ tụng, thì đổi với nghĩa lý cũng thông, và việc cũng có thể thi hành được.

Nếu không như thế, thì trong phần thơ nhã, thơ tụng, phàm là những thơ nói về việc canh nông đều có thể lấy dấu hiệu là *Bản thi* ở đầu bài. Thuyết này gồm những thiên *Đại điền* và *Lương tự*.

Đọc giả hãy lựa chọn những thuyết kể trên thì sẽ rõ vậy.

# SÁCH THAM KHẢO.

1. *Thi kinh Thập tam kinh chú sớ* (*Mao thi chú sớ*) 詩經十三經注疏毛詩注疏
2. *Thi kinh thích nghĩa* của Khuất Vạn Lý. 屈萬里 《詩經》釋義, nhà xuất bản Trung hoa văn hóa xuất bản sự nghiệp uỷ viên hội, Đài bắc 1955.
3. *Thi kinh, ngôn văn đối chiếu, ngữ văn chú giải*, của Hứa Gia Thành 許家成. 《詩經》言文對照,語文註解 nhà xuất bản Thực học thư điểm, Hương cảng, 1959,
4. *Thi kinh bạch thoại dịch chú*, của Lưu Quang Vũ 鄭光宇, 《詩經》白話釋註 nhà xuất bản Hương cảng, Thương hải án thư quán, Hương cảng 1959.
5. *Thi Kinh* 《詩經》 của Nguyễn Khắc Hiếu, Nghiêm Thượng Văn, Đặng Đức Tô cùng dịch, *Nghiêm hàm án quán* 58 phố Hàng Bông, Hà nội, 1924, in lần thứ nhất. Chỉ dịch được 63 thiên, 153 chương thơ Chu nam, Thiệu nam, Bôi phong, Dung phong, và Vệ phong mà thôi (độ 1/5 của toàn thể bộ Thi kinh).
6. *Thượng thư* (*Lục kinh thuật văn*), của Trương Nguyên Phu. 張元夫, 尚書六經述聞, nhà xuất bản Trung hoa tùng thư uỷ viên hội, Đài bắc, 1958.
7. *Thượng thư thích nghĩa* 尚書釋義 của Khuất Vạn Lý 屈萬里, nhà xuất bản Trung hoa văn hóa xuất bản sự nghiệp uỷ viên hội, Đài bắc, 1956.
8. *Lễ ký tập thuyết*, *Ngũ kinh độc bốn* 禮記集說, 五經讀本 nhà xuất bản Tuý Pháp các, Hương cảng 1956.
9. *Chu lễ, thập tam kinh chú sớ*, 周禮十三經注疏

10. *Chu Dich, tháp tam kinh chú sớ* 周易, 十三經注疏
11. **Cronique de la Principauté de Lou** (Xuân thu Tả truyện). de. S. Couvreur. Societes d'Editions Les Belles Lettres 95 Boulevard Raspail, Paris VIe, 1951.
12. **Ceremonial (Nghi lễ)** de S. Couvreur. Societe d'Editions Les Beiles Lettres. 95. Boulevard Raspail, Paris Vie. 1951
13. **Les annales de la Chine (Thư kinh)** de S. Coupreur, Société d'Editions Les Belles Lettres, 95 Boulevard Raspail, Paris VIe, 1950.
14. **Mémoires sur Les Bienséances et les Crémonies (Lễ ký)** De S. Couvreur. société d'Editious les Belles Lettres, 96 Boulevard Raspail, Paris Vle, 1950.

KHÔNG TỦ  
**Kinh Thi**  
(*Kinh Thi tập truyện - Trọn bộ 3 tập*)  
**TẬP I**  
Dịch giả: TẠ QUANG PHÁT

\*

\* \* \*

**Chịu trách nhiệm xuất bản**

Giám đốc VŨ VĂN ĐÁNG

Tổng biên tập: NGUYỄN ĐỨC HÙNG

Biên tập

NGÔ ĐÌNH KHÁNH

Bìa

TRẦN ĐẠI THẮNG

Sửa bản in

THÀNH LÂM

---

In 500 cuốn khổ 14,5 x 20,5 cm. Tại Công ty in LĐ - XH

Số đăng ký KHXB 1644/XB - QLXB. Quyết định xuất bản  
số 177/QĐXB do NXB Đà Nẵng ký ngày 21/3/2003. In xong và  
nộp lưu chiểu quý III - 2003.

KHỔNG TỬ  
**KINH  
THI**  
(TRỌN BỘ)

1

GIÁ TRỌN BỘ : 185.000Đ